sử địa

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ-TRƯƠNG

Đặc khảo về

HOÀNG SA
và TRƯỜNG SA

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ BẢO-TRỢ

29

http://hoangsa.org/tailieu

Sử địa

TẬP SAN•SƯU TẦM•KHẢO CỨU•GIÁO KHOA

BAN CHỦ BIÊN:

NGUYỄN THẾ ANH-BỬU CẦM-LÂM THANH LIÊM-PHẠM VĂN SƠN-THÁI VIỆT ĐIỂU-PHẠM CAO DƯƠNG-PHÙ LANG-NHẤT THANH-ĐẶNG PHƯƠNG NGHI--QUÁCH THANH TÂM-TRẦN ĐĂNG -PHẠM ĐÌNH TIẾU-NGUYỄN KHẮC NGỮ-NGUYỄN HUY-TRẦN QUANG HUY-TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG-PHẠM LONG ĐIỀN-TRẦN ANH TUẤN-TRẦN QUỐC GIÁM-NGUYỄN SAO MAI-MAI CHƯỞNG ĐỨC-TRẦN THẾ ĐỨC-THÁI CÔNG TỤNG

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA :

HOÀNG XUÂN HÃN-CHEN CHING HO- THÍCH THIỆN ÂN - LÊ VĂN HẢO-NGUYỄN VĂN HẦU-TẠ TRỌNG HIỆP-NGUYỄN TRẦN HUÂN-NGUYỄN NGỌC CƯ-PHẠM VĂN DIÊU-BỬU KẾ-NGUYỄN KHẮC KHAM-TRƯƠNG BỬU LÂM-LÊ HỮU MỤC-NGUYỄN PHƯƠNG-HỒ HỮU TƯỜNG-LÊ THỌ XUÂN-ƯNG TRÌNH-NGHIÊM THẨM-TÔ NAM-BÙI QUANG TRUNG.

BAN TRỊ SỰ:

Nguyễn nhã * nguyễn nhựt tấn * phạm thị hồng liên * nguyễn ngọc trác * trần đình thọ * nguyễn hữu phước * phạm thị kim cúc * trần ngọc ban *phạm văn quảng * phạm đức liên * lâm vĩnh thế.

Liên lạc: thư từ, bài vở, ngân chi phiếu, xin đề: NGUYỄN NHÃ

Trình bày: NGUYỄN NHỰT TẤN và NGUYỄN ĐỒNG

Trương mục: TẬP SAN SỬ ĐỊA Sai-gòn TM/2763

Chánh Trung Khu Chi Phiếu - Sài-gòn

Tòa soạn: 221, Cộng Hòa, Sài Gòn, B.P : 380 Đ.T. : 45.464

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Kính dâng các vị anh hùng dân tộc:

Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ…

Với lời cầu nguyện chân thành quê hương yêu dấu sớm được thanh bình, người Việt thương yêu nhau và thật sáng suốt trong công cuộc bảo vệ quyền lợi tối thượng muôn đời của dân tộc Việt Nam.

http://hoangsa.org

" một gương sáng lịch sử là mỗi khi thế nước suy hèn vì chia rẻ và nội loạn thì mỗi khi lân bang lấn cõi: Hồ chịu mất đất cổ lâu (thuộc Lạng-Sơn 1405), Mạc dâng đất La-Phù (Quảng-Ninh 1540), Trịnh mất đất nhiều động ở biên giới Tây-Bắc và triều Nguyễn khi bị quân Pháp đặc chế độ bảo hộ, ta đã mất nhiều đất, nhất là mỏ đồng Tụ-long.

Ngày nay vụ quần đảo Hoàng-sa bị chiếm là triệu chứng cụ thể của những thiệt hại gây nên bởi sự bất hòa của dân ta. Hoàng-sa là đất Việt Nam, là đất của nước Việt Nam thống nhất. Khi nước Việt Nam còn chia đôi thì khó lòng điều đình để Hoàng-sa trở lại đất ta, tuy rằng nhiều chứng xưa nay, trong ngoài bảo rằng đó là đất Việt."

(trích trong bài "ĐÚNG BA TRĂM NĂM TRƯỚC " của Hoàng Xuân Hãn, *Sử Địa*, số 27 và 28, 1974, tr 215

THỬ ĐẶT VẤN ĐỀ HOÀNG SA…

Cách đây vừa đúng một năm, vấn đề Hoàng Sa trở nên sôi động nhưng rồi có vẻ như bị chìm dần.

Nhưng thật ra, biến cố " Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc " cưỡng chiếm Hoàng Sa đã, đang gieo vào lòng người Việt Nam những khắc khoải, uất hận về thân phận nhược tiểu trong ki anh em trong nhà thiếu đoàn kết. Dân tộc Việt Nam vốn là một dân tộc anh hùng, nỗi tiếng bất khuất, quyết liệt chống lại mọi hình thức xâm lăng bất cứ từ đâu tới. Trong quá trình lịch sử, người Việt Nam có thể bị thất bại, nhưng cũng chỉ tạm thời trong hàng chục năm, hàng trăm năm và có thể tới hàng ngàn năm, nhưng rồi thời cơ tới, người Việt Nam vẫn còn dẻo dai quật khởi và cuối cùng kẻ thù nào cũng bị đánh bại để việt nam tồn tại.

Người Trung Hoa đang cố gắng tạo hỏa mù về Hoàng Sa để dư luận thế giới lầm tưởng rằng quần đảo Hoàng Sa chưa rõ ràng thuộc về nước nào, nên các quốc gia đã tranh chấp nhau, để rồi kẻ mạnh đã dùng sức mạnh để thắng.

Thật ra, việc Việt Nam hành sử chủ quyền tại Hoàng Sa đã quá lâu và tiếp tục qua nhiều thế kỷ trước khi người Pháp đến đô hộ Việt Nam

Mọi người Việt Nam đều biết như vậy và các sử liệu chữ Hán, Việt, Anh, Pháp mà trong số báo này đã phần nào đăng tải, đã chứng minh việc hành sử chủ quyền của Việt Nam không thể chối cãi và không còn tranh nghị nữa.

Chính người Trung Hoa đã lợi dụng tình trạng Việt Nam bị Pháp đô hộ, chính quyền Pháp đã lơ là việc bảo vệ, chủ quyền Việt Nam tại Hoàng Sa cũng như tình trạng người Việt bất hòa để mà dần dần lấn chiếm. Chính các nhà báo pháp như Henri Cucherousset, Alexix Elie Lacombe…vào những năm thập niên 30 của thế kỉ XX này đã vạch ra những sai lầm, âm mưu mờ ám của toàn quyền Đông Dương dung túng những xâm phạm chủ quyền của người Trung Hoa ở Hoàng Sa. Chính tạp chí ' Eveil Eeconomique de l' Indochine " trong nhiều số liên tiếp đề cập đến Hoàng Sa, nhứt là số 741 (12-6-1932) đã đăng tải bức thư của Toàn Quyền Đông Dương Pierre Pasquier gửi cho Tổng Trưởng Thuộc Địa ở chính quốc. Bức thư này đã tiết lộ sự thực trắng trợn chính quyền Pháp ở Đông Dương khi ấy đã cố ý lặng thinh, không phản ứng trước vụ các tàu của Trung Hoa vào năm 1909 đã đổ bộ, bắn đại bác, xâm phạm lãnh thổ mà họ biết chắc rõ đã thuộc về Việt Nam từ lâu qua sử sách hay thực tế. Chính quyền Pháp khi ấy đã nói rằng họ muốn chờ một lúc khác thuận tiện cho người Pháp hơn để lên tiếng và hơn nữa " Hoàng Sa có thể được

dùng làm món hàng trao đổi trong các vụ thương lượng về nhượng địa với Trung Hoa ". Chính việc tiết lộ bức thư này mà tòa soạn báo " Evil Economique de l'Indochine " đã bị dự thẩm Bartet ra lệnh khám xét ban đêm để tịch thu tài liệu về Hoàng Sa đã vạch những sai lầm, mờ ám của chính quyền Pháp khi ấy. Cũng trong báo " Eveil Economique l'Indochine ", số 738 (22-5-1932), tr 5-6, ông Alexix Elie Lacombe đã khen mỉa mai rằng Toàn Quyền Đông Dương đã khéo ru ngủ được Bộ Thuộc Địa Pháp hầu dẹp qua một bên vụ Hoàng Sa khi Tổng Đốc Quảng Châu đã lên tiếng dành chủ quyền Hoàng Sa năm 1907 và đến năm 1909, khi tàu Trung Hoa đã hai lần đến Hoàng Sa vào tháng 4 và tháng 6, trong lần thứ 2 đã cắm cờ Trung Hoa, bắn 21 phát súng, vị lãnh sự Pháp ở Quảng Châu có thư về Pháp báo cáo, nêu sự kiện xâm phạm chủ quyền nhưng chính quyền Pháp khi ấy lờ đi.

Thấy người Pháp làm ngơ, người Trung Hoa đã làm tới, ngày 30-4-1921, chính quyền địa phương tỉnh Quảng Đông đã kí văn thư 831 đặt quần đảo Hoàng Sa trực thuộc hành chánh vào chính quyền Yahien, Hải Nam. Triều đình Việt Nam hồi ấy dù chỉ còn hư vị, nhưng binh bộ trọng thư Thân Trọng Huề đã lên tiếng phản đối năm 1925…

Chính những dư luận báo chí tố cáo trên, đã khiến chính quyền Pháp phải hành động và do đó mới có sự việc Pháp tổ chức chiếm hữu Trường Sa (Spratly) vào năm 1933 và thiết lập các cơ sở hải đăng, đài khí tượng, các trại lính, để lính Việt Nam Và Pháp bảo vê Hoàng Sa.

Sự việc rành rành như thế mà rồi người Trung Hoa lại lên tiếng phản đối rồi cứ tiếp tục tranh chấp đên mức dùng võ lực cưỡng chiếm.

Torng số báo đặc khảo này, với đường lối nghiên cứu khoa học khách quan, những dữ liệu, sự thực đã rõ ràng, xác nhận việc hành sử chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa :

I. Ông Hoàng Xuân Hãn đã nghiên cứu các khảo cứu các sử liệu Việt Nam cũng như Tây Phương, đặt biệt sưu tầm trong Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Chính Biên quyển 10 rồi xác định chính quyền nhà Thanh (Trung Hoa) đã đối xử tử tế đối với đội Hoàng Sa vào năm 1754 bị bão, trôi dạt vào Quỳnh Châu (Hải Nam) mà không phản đối gì việc hành sử chủ quyền này tại Hoàng Sa, Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ I kỉ quyển 50 cho biết vua Gia Long sai Phạm Quang Ảnh trong đội Hoàng Sa ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển (1815). Hoàng tiên sinh cũng đưa ra tài liệu của viết bài " Geography of the Cochinchinese Empique " đăng trong tập san Journal of Geographical Society of London, năm 1849 tại London đã xác định tọa độ địa dư của Hoàng Sa và cho biết " chính phủ ANNAM thấy những lợi có thể mang lại nếu một ngạch thuế đã đặt ra, bèn lập ra những trưng thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này [Hoàng Sa] để thu thuế mà mọi người tới đây đều phải trả và để bảo trợ người đánh cá bản quốc, và đồng thời cũng cho biết qua tình trạng Hoàng Sa: " cây cối cằn cỗi, thiếu nước ngọt, thủy thủ nào quên mang nước trữ, bị khốn

đốn". Ngoài ra Hoàng tiên sinh còn sưu tầm bản đồ xưa từ đời Lê Thánh Tông (thế kỉ 15), hay ít ra trước thời Nguyễn Hoàng có ghi rõ Hoàng Sa, được tiến sĩ Nguyễn Thông vẽ trong Giao Châu Chí

2. Ông Hãn Nguyên đã sưu tập tất cả những đoạn văn chữ Hán minh chứng chủ quyền Hoàng Sa, do nhiều người phiên âm dịch (có đăng cả nguyên văn chữ Hán). Tất cả gồm 11 tài liệu như Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư (giữa thế kỉ 17), Phủ Biên Tạp Lục (1776), Dư Địa Chí (1821), Hoàng Việt Địa Dư Chí (1833), Đại Nam Thực Lục Tiền Biên (1844), Đại Nam Thực Lực Chính Biên, Đệ Nhị Kỷ, Quyển 50, 52, Đệ Nhị Kỷ, quyển 104, 154, 165 (1848), Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ, quyển 207 (1851), Việt Sử Cương Giám Khảo Lược (1876), Đại Nam Nhất Thống Chí Quyển 6 (1910), Quốc Triều Chính Biên Tất Yếu, quyển 3 (1925), và một tài liệu Trung Hoa Hải Quốc Văn Kiến Lục (1744). Các tài liệu trên cho biết chứng cứ hiển nhiên về việc hành sử liên tục chủ quyền Việt Nam qua nhiều thế kỷ ít ra từ thế kỷ 15 qua: a) việc lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải kiểm soát thường xuyên Hoàng-Sa và Trường-Sa. Đội Hoàng-Sa thành lập từ đầu thế kỷ 17, hoạt động hàng năm 6 tháng và kéo dài đến cuối đời Tự Đức mới bị ngưng trệ vì người pháp xâm lược. Hoạt động của đội Hoàng Sa thường xuyên nhiều thế kỷ được chính quyền Trung-Hoa tôn trọng. b) Triều đình Việt-Nam sai lập miếu thờ dựng bia chủ quyền, trồng cây cối tại Hòang-Sa như năm Ất Mùi, Minh Mạng 16 (1835), và trước đó cũng đã làm. c) Triều đình Việt Nam từng sai người ra Hoàng Sa điều tra, do đạc thủy trình (Phạm Quang ảnh 1815), sai thủy quân và đội Hoàng Sa năm 1816, vẽ bản đồ (Phạm Hữu Nhật,1836). d) ngư dân Quãng Ngãi, Bình Định rất quen thuộc thủy trình Hoàng Sa, từng làm hướng dẫn viên cho cả thủy quân Việt Nam…

3. Ông Lãng Hồ khảo cứu công phu những tài liệu về Hoàng Sa của các nhà biên khảo Trung Hoa nhất là luận cứ của ông Tề Tân. Người Trung Hoa đã dẫn cứ các tài liệu rất mơ hồ, rồi cố gắng gán ghép vào việc chủ quyền của người Trung Hoa , dù cũng đã liệt kê tài liệu nhiều đời như đời Đông Hán (cuốn Dị Vật Chú của Dương Phu), đời Nam Bắc Triều (Vu Thành Phú, của Bảo Chiêu), đời Đường (Chư Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát), đời Tống (Tống Sử Kí Sự Bản Mạt, quyển 188, chương I, nhan đề Nhị Vương Chi Lập), đời Nguyên (Nguyên Sử) quyển 162, Truyện Sử Bật), đời Minh (Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghì), Đời Thanh (Hải Quốc Văn Kiến Lục và Lý Chuẩn Tuần Hải Ký) đồng thời người Trung Hoa cũng dẫn chứng về ngôn ngữ học. Tất cả những tài liệu trên rất mơ hồ, không hề minh chứng chủ quyền thuộc về Trung Hoa sau khi học giả Lãng Hồ phân tích những sai lầm và dẫn chúng các sử liệu Việt Nam và trong phần kết luận, ông đã thành tâm cầu nguyện cho đoàn kết sớm trở lại với dân tộc Việt Nam

4.ông Quốc Tuấn đã phân tích qua những đoạn trích nguyên văn tất cả những lời tuyên ngôn luận cứ của chính quyền Trung-Cộng cũng như Trung Hoa quốc gia cùng một số tài liệu tư nhân từ năm 1951 đến nay.

Bài khảo cứu rất công phu và đưa ra những sai lầm của tất cả các luận cứ Trung Hoa công quyền hay tư nhân

5. Ông Lam Giang đã trình bày những giống dân miền Trường Sơn là những dân tộc đầu tiên biết rõ Đông Hải, chứng tích cổ sử cho biết người Hán không phải là người đầu tiên đã sông ở vùng phía nam Trung Hoa cũng như Đông Hải, mà các dân bản địa trong đó có dân Bách Việt sống ở đó trước. Có di tích Chàm ở Hoàng Sa và người Việt là thừa kế khi nước Chiêm sát nhập vào Việt Nam.

6. Ông Thái Văn Kiểm nghiên cứu các sử liệu tây phương, dẫn chứng các vụ đắm tàu thời chúa Nguyễn Thúc Nguyên (1634), Nguyễn Phúc Lan (1636), Người Hòa Lan đã được các chúa giúp đỡ, nhưng tài liệu của Chaigneau, Taberd xác định năm 1816, vua Gia Long long trọng cắm cờ và chiếm hữu Hoàng Sa. Hội nghị San Francisco 1951 công nhận chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa đồng thời cũng trình bày các tài liệu về sự hành xử chủ quyền tại Hoàng Sa từ thời Pháp thuộc đến nay.

7. Ông bà Trần Đăng Đại đã trích đăng nguyên văn các văn kiện xác định chủ quyền Việt Nam tại Hoàng Sa từ thời Pháp thuộc đến nay, đồng thời trưng ra một bản đồ của Taberd " An Nam Đại Quốc Họa Đồ" in năm 1838 đã xác định rõ paracel- các vàng nằm trong lãnh thổ Việt Nam

8.Ông Nguyễn Huy đã phỏng vấn L. M. H. Fontaine, người Pháp nghiên cứu về thảo mộc tại Hoàng Sa là di tích của người Việt xưa tại Hoàng Sa.

9. Ông Sơn hồng Đức cùng ông Trần Hữu Châu đã tường thuật những cuộc khảo sát của các phái đoàn chuyên viên điều nghiên bình địa hỗn hợp Việt Mỹ hay phái đoàn chuyên viên Việt Nhật tại Hoàng Sa cùng với phúc trình khảo sát tại chỗ của ông Trịnh tuấn Anh tại Trường Sa trước ngày biến cố Hoàng Sa năm 1974

10. Ông Trần thế Đức thuật theo các nhân chứng người Việt Nam sống lâu tại Hoàng Sa, gồm có nhân viên khí tượng, các binh lính giữ nhiệm vụ trấn giữ Hoàng Sa cho đến ngày xảy ra biến cố Trung Cộng chiếm Hoàng Sa. Nhân chứng kể lại cuộc hải chiến Việt-Hoa.

10. Ông Nguyễn Nhã trình bày các tài liệu văn khố (chưa công bố) của Hội Truyền Giáo Ba Lê liên quan đến vụ đám tàu của người Hòa Lan tại Hoàng Sa năm 1914, người Hòa Lan đã theo các ngư dân Việt Nam từ Hoàng Sa vào cửa biển Việt Nam (Nha Trang) và được đối xử tử tế.

Đây chỉ là một nỗ lực sơ khởi của một nhóm tư nhân, eo hẹp về phương tiện, nhưng chỉ có một tấm lòng, một lương tri, tôn trọng sự

(xem tiếp trang 351)

http://hoangsa.org/tailieu

QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

☆HOÀNG XUÂN HÃN

Quần đảo Hoàng Sa là đất của Việt Nam, hoặc nói cho hợp hơn, là đất của Đại-Việt từ khi dân Việt định cư ở phủ tư Nghĩa, tức là đất Quảng Ngãi ngày nay.

Bút chứng cũ nhất và đầy đủ nhất thấy trong sách *Phủ Biên Tạp Lục*, Lê Quý Đôn soạn vào năm 1776, với những tư liệu của các Chúa Nguyễn. Sau đó, các sử gia, địa gia đời vua Nguyễn đều dựa theo đó và thêm thắt việc mới vào. Về đồ vẽ, các "bản đồ" và "lộ đồ" đời Lê cũng có ghi một cách sơ sài cái "bãi cát vàng" hoặc "bãi Trường sa" ấy.

Sau đây tôi sẽ trích văn dịch từ bản của Viện sử học Hà Nội xuất bản năm 1964 (Hoàng Lộc dịch, nhà xuất bản Khoa học phát hành). Muốn cho văn dịch rõ nghĩa, tôi có sửa chấm câu và có thêm một vài chữ để trong hai dấu ngoặc.

Trích văn gồm hai đoạn, một ngắn, một dài.

Đoạn đầu, trang 119:

"*Phủ Quảng Ngãi, ở ngoài cửa biển xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, có núi gọi là Cù lao ré, rộng hơn 30 dặm. Trước có phường Tứ chinh, dân cư trồng đậu. Ra biển bốn canh thì đến.*

"Phía ngoài nữa lại có đảo Đại-tràng-sa. Trước kia có nhiều hải vật và những hóa vật của tàu (bị đắm), (đã) lập đội Hoàng Sa để lấy. Đi ba ngày đêm thì mới đến. (Ấy) là chỗ gần xứ (không đúng ý) Bắc Hải."

Đoạn sau, trang 123:

"Phủ Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn có xã An Vĩnh ở gần biển. Ngoài biển về phía Đông Bắc có nhiều cù lao, các núi linh tinh hơn 130 ngọn, cách nhau bằng biển, từ hòn này sang hòn kia hoặc đi một ngày, hoặc vài canh thì đến. Trên núi có chỗ có suối nước ngọt.

"Trong đảo có bãi cát vàng dài ước hơn 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Bên đảo có vô số yến sào. Các thứ chim có hàng nghìn hàng vạn, thấy người thì đậu vòng quanh không tránh. Bên bãi vật lạ rất nhiều. Ốc vân thì có ốc tai voi, to như chiếc chiếu, bụng có hạt to

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

bằng đầu ngón tay, sắc đục, không như ngọc trai, các vỏ có thể đẽo làm tấm bài được, lại có thể nung vôi xây nhà. Có ốc xà cừ, để khảm đồ dùng. Lại có ốc hương. Các thứ ốc đều có thể muối và nấu ăn được.

"Đồi mồi thì rất lớn. Có con hải ba, tục gọi là trắng bông (hình) giống đồi mồi mà nhỏ, vỏ mỏng có thể khảm đồ dùng. Trứng bằng đầu ngón tay cái, có thể muối ăn được. Có hải sâm tục gọi là con đột đột, bơi lội ở bên bãi. Lấy về, dùng vôi xát qua, bỏ ruột, phơi khô. Lúc ăn thì ngâm nước cua đồng, cạo sạch đi; nấu với tôm và thịt lợn càng tốt.

"Các thuyền ngoại phiên bị bão thường đậu ở đảo này. Trước, họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào. Cắt phiên, mỗi năm cứ tháng 2, nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng. Đi bằng năm chiếc thguyền câu nhỏ, ra biển ba ngày ba đêm thì đến đảo ấy. Ở đấy, tha hồ bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hóa vật của tàu (đắm), như gươm ngựa, hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên, cùng là kiếm lượm vỏ. Đồi mồi, vỏ hải ba, hải sâm, hạt ốc vân rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về, vào Cửa Eo đến thành Phú Xuân nộp. Cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng, trở về. Lượm được nhiều ít không nhất định. Cũng có khi về người không.

"Tôi đã xem sổ của một cai đội cũ là Thuyên Đức Hầu, biên rằng: "Năm Nhâm Ngọ (1762) lượm được 30 hốt bạc (12 ki-lô); Năm Giáp Thân (1764) được 5100 cân thiếc (3 tấn, 24); năm Ất Dậu được 126 hốt bạc; từ năm Kỉ Sửu đến năm Quí tỵ (1769-1773) năm năm ấy, mỗi năm chỉ được mấy tấm đồi mồi, hải ba. Cũng có năm được khối thiếc, bát sứ và hai khẩu súng đồng mà thôi"

"Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ chinh ở Bình Thuận (trên kia có phường Tứ chinh ở Cù lao Ré) hoặc người xã Cảnh Dương (ở Quảng Bình?) ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần, đò. Cho đi thuyền câu nhỏ ra xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của tàu (đắm) và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm. Cũng sai cai đội Hoàng Sa cai quản. Chẳng qua là lấy các thứ hải vật, còn vàng bạc, của quí, ít khi lấy được.

"Hoàng Sa chính gần phủ Liêm châu đảo hải Nam. Người đi thuyền có lúc gặp thuyền đánh cá Bắc Quốc, hỏi nhau ở trong biển.Tôi đã thấy một đạo công văn của quan chánh đường huyện Văn xương (thuộc) Quỳnh châu gửi cho Thguận Hóa nói rằng "Năm Kiên-long thứ 18 (1753), có 10 tên quân nhân xã An Vĩnh, đội Cát liềm, huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Ngãi, nước An Nam, ngày tháng 7 đến Vạn lý Tràng sa tìm

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

kiếm cát thứ. Có 8 tên lên bờ tìm kiếm, chỉ 2 tên giữ thuyền, bị gió đứt dây thuyền, giạt vào Thanh-lan cảng. Quan ở đây xét thật, đưa trả về nguyên quán. Nguyễn Phúc Chu sai cai bạ Thuận Hóa là Thức-lượng hầu làm thư trả lời"" (Hết lời Lê Quý Đôn)

Về vụ cuối này, sách Đại Nam Thực Lục Tiền Biên quyển 10, trang 24 bản khắc của Quốc sử quán, soạn vào đời Minh Mạng có chép sơ lược hơn. Chính văn-dịch như sau:

"Năm Giáp Tuất (1754 chứ không phải 1753) mùa thu tháng 7, dân đội Hoàng Sa thuộc Quảng Ngãi cưỡi thuyền đi quần đảo Hoàng Sa, gặp gió to, giạt vào hải phận Quỳnh Châu thuộc nước Thanh. Quan tổng đốc nước Thanh cấp cho hậu và sai đưa về. Chúa sai viết thư gửi trả lời"

So với lời Lê Quý Đôn , thì cái thời điểm tháng 7 năm Giáp Tuất là lúc trả lời, một năm sau khi thuyền đội Hoàng Sa bị nạn. Trong sách *Thất-Lục* có thêm chú thích về quần đảo và đội Hoàng Sa. Lời gần như trích ở sách Phủ biên nhưng rút ngắn. Có thêm rằng "*tên tục là bãi Vạn lý Tràng-sa*".

Sách *Hoàng Việt địa dư chí* bản khắc năm 1833, tức là phần *Dư địa chí* của tập *Lịch Triều Hiến Chương loại chí* tác giả là Phan Huy Chú, cũng đã lược văn của Lê Quí Đôn mà viết hai mục *Bãi Hoàng sa* và *Đội Hoàng sa* trong phần viết về phủ Tư Nghĩa (quyển 1 trang 10b).

Các bản đo vẽ đất ta thời Lê (xem phụ trương) tuy rất sơ sài và bất xác, nhưng đã muốn ghi rõ đất Hoàng sa. Những bản đồ ấy chắc cũng có một gốc trước khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa, có lẽ từ đời Lê Thánh tông. Nhưng những bản còn lại ngày nay đều có thêm những sự thay đổi sau khi Trịnh-Nguyễn phân tranh, nhất là những dinh lũy của hai họ xây dựng trên đất Nam Nghệ An và Bắc Quảng Bình. Các bản đồ ấy đều vẽ trên bể trước đất Quảng Ngãi một dải đất dài có đề tên hoặc *Đại Tràng Sa* hoặc ibãi cát vàng. (Xem các bản đồ phụ trương). Theo những bản vẽ thì nó ở áp gần các cửa sông *Tam kì*, sông Trà Khúc, sông Vệ, hình như một bãi cát lớn. Nhưng sự thực thì, như thấy rõ trong các bản đồ ngày nay, trong khoảng bờ bể Việt Nam này không có bãi cát dài như những bãi Tiểu-Tràng-sa và Đại-Tràng-sa dọc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, và Thừa Thiên. Henri Maspéro có để lại một sách Toản tập Thiên nam lộ đồ (các bản khác có thêm hai chữ Tứ chí nghĩa là đi bốn phương) vẽ năm Cảnh hưng thứ 2, 1741. Trong sách này, bãi cát ấy mang tên Tràng sa và trên hình nó có thêm ba chữ Quá nhất-nhật, nghĩa là đi đến đó phải hơn một ngày. Hình đảo ở xa ngoaì bể. Giữa khoảng bể từ cửa Sa-kì (cửa sông Tam kì) đến bãi Tràng sa có vẽ hình một đảo có núi đề tên Du-tràng sơn (viết lầm ra

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chữ Tràng là dài, chính phải viết chữ Trường là xưởng, là nhà…). G.Dumontier đã vẽ lại trong sách *Étude sur un Portulan Annamite du XV siècle* một bản đồ tuy cùng gốc với sách nói trên, nhưng có nhiều chi tiết hơn Bức XIX có vẽ bãi cát đề tên *Bãi Cát vàng*, và đảo *Du trường* nhưng chữ Trường lại lầm ra chữ Ái vì tự-dạng (trong sách này còn có khá nhiều chữ lầm như vậy: trong bức này, huyện Mộ hoa đã lầm ra Qui hoa vì tự dạng). Đảo Du-trường này chắc là Cù lao Ré ngày nay, thuộc phường An Vĩnh phụ trách việc đội Hoàng Sa, mà tên nôm là *cát vàng* (theo Tabert thì gọi là *Cồn vàng*. Bản *Giao Châu chí*, cũng của H.Maspero để lại, là do tay tiến sĩ Nguyễn Tông vẽ, có bức đồ *Quảng Nam xứ* (đời Lê) với hình *Bãi cát vàng* ở xa ngoài khơi (trang 19b).

Xét các bức đồ ấy, thì ta chắc rằng trong ý địa-đồ-gia xưa, *Đại-Tràng-sa* hay là *Bãi Cát vàng* đều trỏ quần đảo Tràng Sa hoặc Hoàng Sa hoặc vạn lý Tràng Sa mà người Âu gọi là *parcel* hay *Paracel*. Và trong các địa đồ của Âu châu đang thời khi vẽ vẽ Paracel cũng vẽ như một bãi cát rất dài chắn trước hải phận phần giữa nước ta.

Sách *Hồng Đức bản đồ* xuất bản ở Sài Gòn năm 1963 cũng chỉ là một toản tập những địa đồ nước ta đến cuối đời Lê. Nhân tiện, xin mách một sự lầm trong sách ấy về tên vị đốc suất *Đoan quận-công* sai vẽ bản *Giáp ngọ niên Bình Nam đồ*. Đó không phải là Nguyễn Hoàng như chú thích ở trang 139 đã ghi. Ấy là *Bùi Thế Đạt,* làm đốc suất coi trấn Nghệ An năm Giáp Ngọ 1774 (*Đại Việt Sử kí tục biên*). Vậy những bản đồ này vẽ năm ấy. Tuy ở trang 149 có vẽ bãi, trên đề: *Đại Tràng sa dĩ hạ,* nhưng hình như chỉ muốn nói bờ bể từ cửa sông Thu bồn đến cửa sông Tam kì mà thôi.

Lại có sách *Thậun Hóa Quảng Nam địa đồ Nhật trình* nối sau bản *Giao Châu chỉ*. Về bãi Tràng sa, vẽ ở ngoài xã *Du Trường* (Cù lao Ré), có đề: "Bãi Tràng sa hành nhị nhật. Tam tổng cư thử, đa điền sản", nghĩa là: đây là bãi Tràng sa, đi hai ngày; ba tổng ở đó, có nhiều vật ở ruộng sinh ra. Hoặc giả phải đọc *hải sản* thay Điền sản chăng? Còn nói đến *ba tổng* thì ý ra sao. Hoặc có tổ chức Hoàng sa chia ra làm ba tổng chăng?

Kết luận về các bản đồ trước đời Gia long cho biết rằng "Bãi" Tràng sa, hoặc Cát vàng được coi là phần quan trọng của đất Việt.

Đời Gia long, tháng giêng năm Ất Hợi 1815, *sai đội Hoàng Sa là bọn Phạm Quang Ảnh ra đảo hoàng Sa thăm dò đường bể (Đại Nam Thực lụcChính biên* đệ nhất kỉ, quyển 50). Ý chừng bấy giờ, thấy các người Tây-dương chiếm các đất chung quanh bể Đông, cho nên triều Nguyễn

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

đã sai đội Hoàng Sa ra đó để biểu thị bản quyền về Việt Nam.

Trong tờ báo của *Á-châu hội* của người Anh tại xứ Bengale, linh mục itabert *đã có viết bài dài về Việt Nam trong hai số báo, số 6 và số 7. Về Hoàng Sa, nguyên văn bằng Anh ngữ như sau:*

Pracel or Paracels (Cồn vàng)

Although this kind of archipetago presents nothing but rocks and great depths which promises more inconveniences than advantages, the king Gia Long thought he had increased his dominions by this sorry addition. In 1816, he went with solennity to plant his flag and take formal possession of these rocks, which it is not likely anybody will dispute with him.

(Note on the geography of Cochinchina by the Right Rev, Jean Louis, Bishop of Isauropolis. Vic. Apost. Of Cochin China – *The Journal of the Asiatic Society of Bengal*, Vol. VI, page 745)

Dịch nghĩa: Pracel hoặc Paracels (Cồn Vàng). Tuy rằng cái thứ quần đảo này không có gì ngoài đá tảng và những cồn lớn nó hứa hẹn nhiều bất tiện hơn lợi, vua gia Long đã nghĩ tăng lãnh thổ bằng cách chiếm thêm cái đất buồn bã này. Năm 1816, ông đã tới long trọng cắm cờ ông và chính thức giữ chủ quyền các hòn đá này, mà hình như không một ai tranh giành với ông.

Trong bài *Geography of the Cochinchinese empire* đăng trong tập san Journal of the Geographical Society of London, Gutzlaff có` chép khá dài về Hoàng Sa. Nguyên văn như sau:

"*We should not mention here the* Paracels *(Katvang) which approach 15-20 leagues to the coast of Annam, and extend between 15-17 N. lat. and 111-113 E. longitude, if the king of Cochinchina did not claim these as his property, and many isles and reefs, so dangerous to navigators. Whether the coral animals or other causes contribute to the growth of these rocks we shall not determine; but merely state that the islets rise every year higher and higher, and some of them are now permanently inhabited, through which the waves, only a few years ago, broke with force. They would be no value if the fisheries were not very productive, and did not remunerate all the perils of the adventurer. From time immemorial, junks in large number from Haenan, have annually visitted all these shoals, and proceeded in their excursions as far as the coast of Borneo. Though more than ten percent are annually wrecked, the quantity of fish taken is so freat as to ensure all loss, and still leave a very good profit. The Annam government, perveiving the advantages which it might derive if a toll were raised, keeps revenue cutters and a small garrison on the spot to collect*

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

the duty on all visitors, and to ensure protection to its own fishermen. A considerable intercourse has thus gradually been established, and promises to grow in importance on account of the abundance of fish which come to these banks to spawn. Some isles bear a stunted vegetation, but fresh water is wanting; and those sailors who neglect to take with them a good supply are often put to great straits.

(vol. the 19th – 1849 – page 93)

Dịch nghĩa:

Đây chúng tôi đáng lẽ không kể đến quần đảo Cát vàng nó ở gần bờ be An-nam 15 đến 20 dặm và lan giữa các vĩ tuyến 15 và 17 độ Bắc, và các kinh tuyến 111 và 113 độ Đông, nếu vua xứ Cochin-China đã không đòi quần đảo ấy là của mình, với nhiều đảo và ghềnh rất nguy hiểm cho người hàng hải. Không biết vì san hô hay vì lẽ khác mà các ghềnh đá ấy lớn dần; nhưng rõ ràng nhận thấy rằng các đảo ấy càng năm càng cao, và một vài cái bây giờ đã có người ở vĩnh viễn, thế mà chỉ mấy năm trước sóng đã vỗ mạnh đập qua. Những đảo ấy đáng lẽ không giá trị nếu nghề chài ở đó không phồn thịnh và không bù hết mọi nguy nan cho kẻ phiêu lưu. Từ lâu đời, những thuyền phần lớn từ Hải Nam tới, đã hằng năm đến thăm các bãi nổi này và tiến hành cuộc viễn du xa xa đến tận bờ đảo Borneo. Tuy rằng hằng năm hơn phần mười bị đắm, nhưng cá đánh được rất nhiều, đến nỗi không những bù hết mọi thiệt thòi, mà còn để lại món lợi rất to. Chính phủ An nam thấy những lợi có thể mang lại nếu một ngạch thuế đã đặt ra, bèn lập ra những trưng thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này mà mọi người ngoài tới đây đều phải trả, và để bảo trợ người đánh cá bản quốc. Vậy nên, một cuộc giao dịch lớn được dần dà gây nên và có cơ bành trướng nhờ sự có rất nhiều cá tới trên các bãi này đẻ trứng. Một vài đảo có cây cối cằn cỗi, nhưng thiếu nước ngọt; và những thủy thủ nào quên mang theo nước trữ đầy đủ, thường bị lâm vào cơn khốn đốn lớn.

(Trích tập san Á châu hội tại London năm 1849)

J. B. Chaigneau (nguyễn Văn Thắng) đã ghi lại chuyện vua Gia Long khẳng định bản quyền trên quần đảo Hoàng sa, Nguyên văn bằng tiếng Pháp ngữ như sau:

La Cochinchine don't le sourverain prote aujourd'hui le titre d'empereur, comprend la Cochinchine proprement dite, le Tonquin, une portion du Royanme de Cambode, quelques isles habitées peu éloignées de la cote et l'archipel de Paracel, composé d'ilots d'écueils et de rochers inhabités.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

C'est senlement en 1816, que l'empereur actuel a pris possession de cet archipel."

(Le mémoire sur la Cochinchine par J. B. Chaigneau)
Bulletin des Amis du Vieux Hué, No 2, 1923, page 257

Lời dịch: Nước Cochinchine mà vua bây giờ lấy hiệu Hoàng đế gồm xứ Cochinchine thật hiệu, xứ Đông kinh, một phần xứ Cao miên, một vài đảo có dân cư không xa bờ bể và quần đảo paracel hợp thành bởi những tiểu đảo, ghềnh, đá không dân cư. Chỉ đến năm 1816, mà Hoàng đế bấy giờ mới lấy chủ quyền trên quần đảo ấy.

Đời minh Mạng, triều đình chú tâm đến Hoàng Sa về phương diện che chở thuyền mành và thủy thủ trong hải phận quần đảo ấy. Thủy thủ tất cả mọi nước khi qua Đông Hải đều rất sợ quần đảo Hoàng Sa. Nhiều tàu bể bị cạn hoặc bị đắm trong vùng ấy. Eugène Chaigneau, cháu điệt Nguyễn Văn Thắng (Jean Baptiste chưởng cơ quản tàu Phi long đời Gia Long) khi sang làm phó lãnh sự ở nước ta năm 1830 đi tàu Saint Michel bị đắm ở đó. Lời y kể (trích từ Le Consulat de France à hué par H. Cordier, trang 127): "Khốn nỗi, tàu này đã đắm ngày mồng 9 tháng 8 năm 1830 trên ghềnh đá thuộc Paracels cách Tourane chừng 80 hải lý (450 km)…"

Tháng 8 năm Quí-tị 1833:

"Vua (Minh Mạng) bảo bộ Công rằng: "Trong hải phận Quảng Ngãi, có một dải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu, không pâh nbiệt được nông sâu. Gần đây, thuyền buôn thường (mắc cạn) bị hại. Nay nên dự bị thuyền mành, đến sang năm sẽ phái người tới đó dựng miếu lập bia, và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người ta dễ nhận biết, ngõ hầu tránh khỏi được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời"

(Đ.N.T.L. Chính biên Đệ nhị kỷ quyển 104,
Theo bản dịch nhà xuất bản Khoa học Hà Nội 1965
Tập 13, trang 53)

Tháng ba năm sau 1834:

"Sai giám thành đội trưởng *Trương Phúc Sĩ* cùng thủy quân hơn 20 người đi thuyền đến đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi vẽ bản đồ. Khi trở về, vua hỏi về những thứ sản vật ở đấy. Sĩ tâu: "Nơi này là bãi cát giữa bể, man mác không bờ, chỉ có người nhà Thanh đi lại đánh cá bắt chim mà thôi". Nhân đem dâng vua những thứ chim cá, ba ba, ốc, sò, ngao, đã bắt được ở nơi đó, đều là những vật lạ ít thấy.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

"Vua vời thị thần đến xem và thưởng những những người đi về, tiền bạc, có khác nhau"

(Sách trên, quyển 122, bản dịch quyển 14, trang 189)

Ý vua Minh-mệnh muốn xây miếu thờ thần bể ở Hoàng Sa phải đợi đến năm sau mới thi hành được. Một sự-ngạc-nhiên là phát giác rằng trước đã có miếu, có bia rồi. Sách ĐNTL chép: về tháng 6 năm Ất Mùi:

"Dựng đền thờ thần 9ở đảo) Hoàng Sa thuộc Quảng Ngãi. Hoàng Sa ở hải phận Quảng Ngãi, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh um. Giữa cồn cát có giếng, phía tây nam có miếu cổ, có tấm bài khắc bốn chữ VẠN LÍ BA BÌNH

"*Chú thích:* Cồn Cát trắng chu vi 1070 trượng (5 cây số), tên cũ là núi *Phật tự*. Bờ đông , tây, nam, đều đá san hô, thoai thoải uốn quanh mặt nước. Phía bắc giáp với một cồn toàn đá san hô sừng sững nổi lên, chu vi 910 trượng (1 cây số rưỡi), cao một trượng ba thước (6,11 mét), nagng với Cồn Cát. Tên gọi là *Bàn-than thạch*

*"*Năm ngoái, vua toan dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, bỗng vì sóng gió không làm được. Đến đây, mới sai cai đội thủy quân là Phạm Văn Nguyên đem lính thợ giám-thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình định chuyên chở vật liệu đến dựng miếu, cách toà Miếu cổ 7 trượng (33 mét). Bên tả Miếu, dựng bia đá, phía trước miếu xây bình phong. Mười ngày làm xong, rồi về"

(Sách trên quyển 154, bản dịch quyển 16, trang 309)

Sách *Đại Nam Nhất thống chí* quyển Tỉnh Quảng-nghĩa chép khá dài về đảo Hoàng Sa, đại để lặp lại những chi tiết đã thấy trong *Hoàng Việt địa dư chí* và *Đại Nam Thật lục* nhưng cũng cho biết thêm một vài điểm: một là Hoàng sa cũng gọi là Hoành-sa, nghĩa là bãi bể chắn ngang; hai là: "Năm Minh mệnh thứ 16 (tức là 1835, xem trên), sai thuyền công chở gạch đá đến đây xây đền, dựng bia đá ở phía tả đền để ghi dấu và tra hột các thứ cây ở ba mặt tả, hữu và sau. Binh phu đắp nền miếu đào được lá đồng và gang sắt có đến hơn hai nghìn cân (1,3 tấn)"

(bản dịch Viện Sử học Hà Nội 1970, quyển 2, trang 370)

Về những biến cố liên quan đến quần đảo Hoàng Sa về thời Pháp thuộc và sau vụ đại chiến trang 1939-1945, giáo sư Nguyễn Khắc Kham đã trình khá tường trong bài *Lịch sử hai quần đảo Trường sa và Hoàng sa.*

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Cuối cùng tôi xin mách một bút ký cảm tưởng sợ hãi của thủy thủ Việt đối với Hoàng sa trong khi vượt bể.

Năm 1832, một sai nhân Việt đi tàu sang phi Luật Tân, suýt bị cạn ở Hoàng Sa. Ấy là Lí Văn Phức, một văn nhân rất có tiếng đời Minh Mệnh. Ông đã ghi cảm tưởng kinh khủng khi thấy bóng bãi cát ấy trong bài tựa và bài thơ đề: *"Vọng kiến Vạn lí tràng sa tác*. Bài tựa rằng:

"Vạn lí Tràng sa là một dải cát trắng từ bể nổi lên, phía tây tiếp dương phận trấn Quảng Ngãi, phía giáp đông dương phận nước Lữ Tống (Lưu xông), phía bắc tiếp dương-phận các tỉnh Quảng đông và Phúc Kiến. Giằng-dặc kéo ngang, không thể lu72ng đo được. Ấy là chỗ rất hiểm đệ nhất có tiếng từ xưa đến nay. Tàu thuyền qua đó, thường thường kiêng dè sự không thấy nó. Ấy vì chân bãi cát ra rất xa. Một khi lầm (đi đụng phải) thì không thể trở lại.

"Ngày 14 tháng 5 năm Nhâm Thìn (1832), thuyền (Định tường) rời khỏi cõi Quảng Ngãi, đã vào hải-phận trấn Bình Định. Trù tính là không lầm, một đường thẳng vo, lấy hướng kim Mão-ất (đông, hơi xế nam) mà tiến. Không dè gió trái, nước xiết, con thuyền không tiến. Thình lình trưa hôm sau, ngóng trông thấy *nó*. Sắc cát lờ mờ, khắp chân trời đều trắng. Tất cả người trên thuyền, trong lòng bừng bừng, nước mắt rưng rưng. Trên thuyền, ngoảnh hỏi đà-công (người cầm lái). Y là một tay lão luyện *Tây dương*. Nó nói rằng: lấy thước Đạc thiên (lục phân, sextant) mà đo thì may thuyền chưa phạm vào chân bãi cát, còn chuyển buồm kịp".

"Bèn lấy hướng kim Dậu (Tây), nhằm Quảng Ngãi mà lùi. May nhờ phúc lớn của triều đình, về đến cửa bể Thái-cần mà tạm đỗ. Cuối cùng không việc gì."

(Sách *Đông hành thi thuyết thảo* của Lí Văn Phức)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

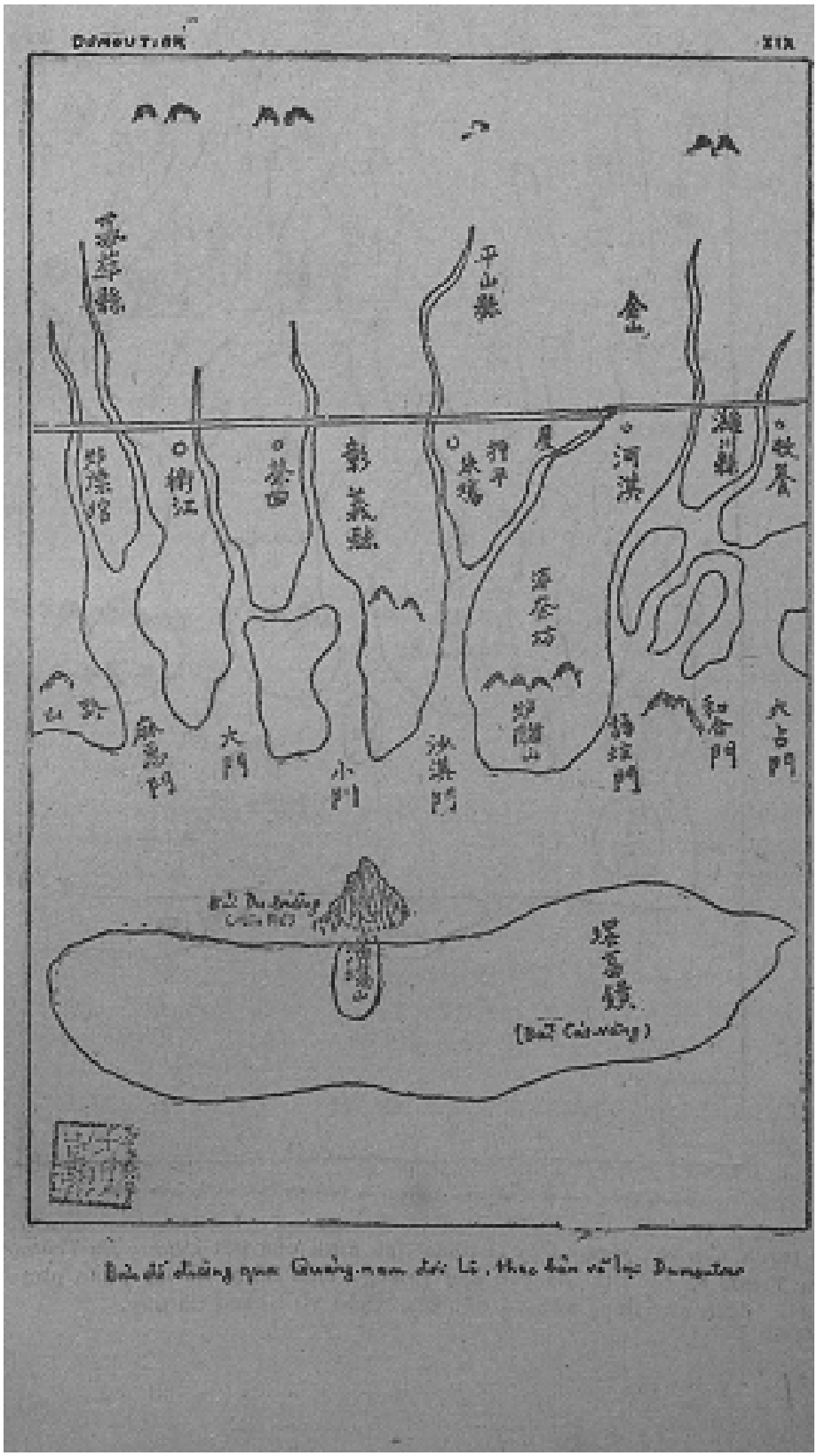

Bản đồ đường qua Quảng-nam đời Lê, theo bản vẽ lại Dumoutier

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

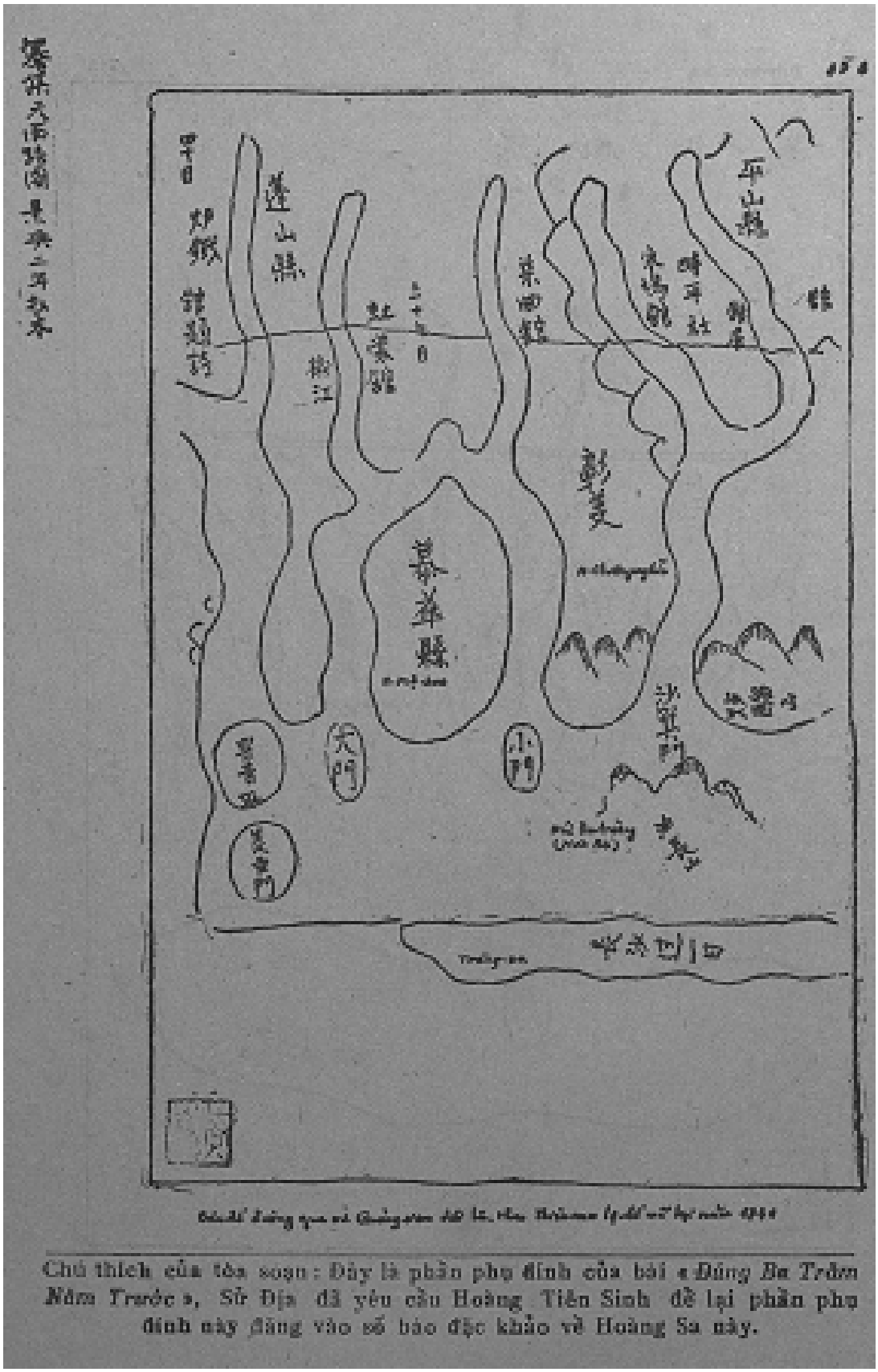

Chú thích của tòa soạn: Đây là phần phụ đính của bài « *Đông Ba Trận Năm Trước* », Sử Địa đã yêu cầu Hoàng Tiên Sinh để lại phần phụ đính này đăng vào số báo đặc khảo về Hoàng Sa này.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

PHÚC TRÌNH VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHỐT PHÁT CUỐI CÙNG TẠI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA CỦA PHÁI ĐOÀN NHẬT-VIỆT VÀO MÙA THU NĂM 1973

● Kỹ-sư TRẦN-HỮU-CHÂU

LTS: Khoảng năm tháng trước khi biến cố Trung Cộng chiếm Hoàng Sa (ngày 20-1-1974), một nhóm chuyên viên nghiên cứu Việt Nhật, trong đó có tác giả là người được chỉ định đứng ra tổ chức và hướng dẫn công cuộc khảo sát này. Đây không phải là cuộc khảo sát duy nhất, mà trước đây đã biết bao đoàn chuyên viên nghiên cứu khác, nhưng đặc biệt đây là một phái đoàn nghiên cứu quốc tế do chính quyền miền Nam đứng ra tổ chức, và có lẽ cho đến khi xảy ra trên đảo Hoàng Sa, đây là phái đoàn cuối cùng nghiên cứu phốt phát tại Hoàng Sa. Tác giả hay những phái đoàn nghiên cứu trên là những nhân chứng cho việc hành sử liên tục chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa cho đến khi bị Trung Cộng cưỡng chiếm.

I.ĐẠI-CƯƠNG

Nhằm mục-đích phát-triển tài-nguyên thiên-nhiên của nước nhà, Bộ Kế-Hoạch và Phát-Triển Quốc-Gia đã tổ-chức một cuộc khảo-sát, tại chỗ số lượng phốt-phát dưới dạng " Guano" dự-trữ tại quần đảo Hoàng-Sa từ 11.08.1973 đến 23.08.1973 với sự trợ giúp kỹ-thuật của Marubeni Corporation (Japan).

Thành phần phái đoàn tham-dự công cuộc khảo-sát gồm:

ÔÔ. Trần-Hữu-Châu	Kỹ-Sư Hóa-Học, Việt-Nam Kỹ-Nghệ Phân Bón CôngTy (Bộ Kế-Hoạch và Phát-Triển Quốc-Gia).
A. Miura	Kỹ-Sư hầm mỏ, Marubeni Corp, Tokyo, Japan
K.Okamoto	Kỹ-Sư hầm mỏ, Marubeni Corp,Tokyo, Japan
A.Shirane	Kỹ-Sư hầm mỏ, chuyên-viên về chuyển-vận Marubeni Corp, Tokyo, Japan
Nguyễn-Quốc-Hải	Thông dịch viên , Marubeni Corp,Saigon Việt Nam

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Kỹ Sư Trần-Hữu-Châu được chỉ-định tổ-chức và hướng-dẫn công cuộc khảo-sát này.

Phái đoàn rời Sàigon ngày 11.08.1973 ra Đà-Nẵng bằng đường hàng không, lên Tuần Dương Hạm Trần-Quang-Khải HQ2 tại Đà-Nẵng ngày 12.8.1973 và rời Tuần Dương-Hạm tại Đà-Nẵng ngày 22.8.1973.

Theo chương-trình dự-trù phái đoàn sẽ khảo-sát hết quần đảo Hoàng-Sa gồm:Nhóm Croissant (Nguyệt Thiền) , Nhóm Anphitrite (Tuyên Đức) , và hai đảo biệt lập là đảo Linh Côn (Lincoln) và Vĩnh Lạc (Quang Ảnh). Tuy nhiên vì nhóm Anphitrite và đảo Linh-Côn đã bị Trung Cộng chiếm đóng, nên phái đoàn chỉ có thể thực-hiện công-tác khảo-sát nhóm Croissant (Nguyệt Thiền) và đảo Vĩnh Lạc(Quang Ảnh) gồm các đảo:

	Lịch-trình khảo-sát
1- Đảo Cam-Tuyền (Hữu-Nhật) (Robert)	*14-8 và 15-08-1973*
2- Đảo Quang-Hà-Đông (Duncan)	*16-08-1973*
3- Đảo Quang-Hà-Tây (Palm Island)	*17-08-1973*
4- Đảo Duy-Mộng (Drummond)	*18 và 19-08-1973*
5- Đảo Hoàng-Sa (Pattle)	*19-08 và 20-08-1973*
6- Đảo Vĩnh-Lạc (Quang Ảnh) (Money)	*21-08-1973*

II.--ĐỊA THẾ VÀ TÌNH-TRẠNG CƯ-TRÚ TẠI CÁC ĐẢO:

Chỉ riêng đảo Vĩnh-Lạc (Quang Ảnh), nằm hẳn ra phía ngoài, cách hẳn Hoàng-Sa (pattle) về phía Nam Tây Nam vào khoảng 12 cây số, năm đảo còn lại và những vòng đai san-hô bao quanh họp thành gần một vòng tròn đường kính 18 cây số.

Mỗi đảo đều có một vòng đai san-hô riêng biệt bao quanh . Vòng đai này đứt quãng nên các loại xà lan có tầm sâu vào khoảng 1m đến 1,5m có thể vào sát ngay bãi cát bao phủ xung-quanh đảo . Hai đảo Quang-Hòa-Đông và Tây chỉ cách nhau một rạch nước khoảng 800m khi nước lên ; khoảng cách này chỉ còn vào khoảng 500m khi nước ròng.

2.1— Địa-thế và tình-trạng cư-trú tại từng đảo.

2.1.1 Đảo Cam- Tuyền (Hữu Nhật).

Đảo gần hình tròn, chu-vi 2000m diện-tích khoảng 0,32 cây số vuông (32/ha).Một vòng đai san-hô bao quanh đảo, vòng đai này ở nhiều chỗ lấn hẳn vào bãi cát của đảo . Qua bãi cát là vòng đai cây “phosphorite” và cây nhàu nhàu dầy khoảng 30m, cao từ 2m đến 3m .

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chính giữa đảo là những lớp cát hoặc đá, nơi đây không có cây lớn, đôi chỗ có vài cây họp thành bụi nhỏ. Hiện còn một số chim biển cư ngụ tại phần chính giữa này Đảo Can-Tuyền (Hữu Nhật) hiện không có người cư ngụ.

2.1.2 Đảo Quang-Hòa-Đông (Duncan).

Đảo nằm theo hướng Đông tây, chu-vi 2700m,diện- tích khoảng 0,48 cây số vuông (4,8 ha). Phía Tây bao phủ bởi rừng cây nhau và cây "phosphorite" , nhiều cây cao tới 4m . Phía đông là những mảnh vụn san hô với đá rồi tới một khu đất chỉ có dây leo bò sát mặt đất. Hiện còn khá nhiều chim biển cư ngụ phía Đông của Đảo . Đảo Quang-Hà-Đông hiện không có người cư ngụ.

2.1.3 Đảo Quang-Hà-Tây (Palm Island).

Đảo gần hình tròn, chu-vi 1000m, diện-tích khoảng 0,09 cây số vuông (9ha) . Đảo gồm toàn cây "phosphorite" và một số ít cây nhàu, chiều cao vào khoảng 3m . Xung quanh đảo là những bãi cát và những lớp đá. Đảo hiện không có người cư ngụ.

2.1.4 Đảo Duy-Mộng (Drummond).

Đảo hình bầu dục gần tròn, chu-vi 2300m, diện-tích khoảng 0,41 cây số vuông (41 ha). Phần lớn đảo bao phủ bởi cây "phosphorite", và một số ít cây nhàu. Sâu một chút vào trong đảo, về hướng Nam Tây Nam là một khu đất trống, tại đây chỉ có cỏ ngắn mọc, điểm thêm lác đác vài bụi cây. Trên đảo chúng tôi tìm thấy năm ngôi mộ gồm: 2 ngôi của Thủy Quân Lục Chiến Việt-Nam dựng lên từ nam 1963 với 3 ngôi mộ với bia đề chữ Trung-Hoa.Chung quanh đảo có nhiều đá ăn lấn từ vòng đai san-hô vào lớp cát. Trên đảo hiện không có người cư-ngụ. Trong thời-gian khảo-sát chúng tôi thấy rất ít chim biển.

2.1.5 Đảo Hoàng-Sa (Pattle).

Đảo gần có hình dạng của một hình chữ nhật, chu vi khoang 2100m, diện-tích khoảng 0,3 cây số vuông (30ha). Chúng ta thấy một cầu tau bằng đá và xi măng và một kinh đào dẫn vào tàu, cách cầu tàu khoảng 3m. Tuy nhiên vì không có tu bổ từ năm 1964 nên cầu tàu đã bị sóng gió cắt đứt thành nhiều màng ngắn, kinh đào cũng bị cát và đá phụ lấp.

Trên đảo Hoàng-Sa từ năm 1931 đến nay thường xuyên có một trung-đội do Tiểu-Khu Quảng-Nam điều-động trấn đóng và 5 nhân viên thuộc Ty Khí-Tượng Hoàng-Sa.

2.1.6 Đảo Vĩnh-Lạc (Quang Ảnh, Money).

Đảo có hình dạng của một hình bầu dục hơi tròn, chu-vi 2500m, diện-tích khoảng 0,5 cây số vuông (50ha). Phần lớn bao phủ bởi cây

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

"phosphorite" và một loại cây khác rất giống cây mít nhưng không có trái. Đặc biệt là đảo Vĩnh Lạc (Quang Ảnh) này chúng tôi gặp rất nhiều cây lớn, cao tới gần 500m ở gần trung tâm đảo. Trung tâm đảo là một bãi cỏ dại khá lớn, bải cỏ này được che bởi một vòng đai cây gai cao khoảng 1,5m, dầy khoang 30m.Hiện đảo có rất nhiều chim biển tới cư ngụ. Chúng tôi không gặp một dấu vết gì chứng tỏ đã có người cư ngụ ngoại trư một chòi nhỏ bằng cây, có lẽ đó là chỗ nghĩ chân của dân chài tới đảo để lấy trứng chim.

2.2 Công tác đổ bộ tại đảo

Vấn đề cho cập bến tại các đảo đều giống nhau, vòng đai san ho chung quanh đảo có những độ sâu rất bất thường.Trong tất cả những lần công tác tại mỗi đảo,phái đoàn rời Tuần Dương Hạm ở một khoảng cách tới trung tâm đảo từ 1500 đến 2000m,đi xuồng nhỏ vào cách tới bãi cát khoảng tư 100 đến 200m rồi lội bộ vào. Tại khoảng cách này còn có nhiều chổ có độ sâu khoảng 2m. Vì thế theo chúng tôi thị những xà lan có tầm sâu từ 1m đến 1,5m có thể tìm vào sát đảo những lúc nước lên và mực nước ròng tại quần đảo Hoàng Sa ghi nhận tối đa là 2,40m.Nước chỉ lên và ròng thông thường mỗi ngày một lần.

III—SỐ LƯỢNG PHỐT PHÁT DỰ TRỮ TẠI CÁC ĐẢO

3.1—Số lượng các phốt phát theo ý kiến của các chuyên gia Nhật Bản

3.1.1 Đảo Cam-Tuyền (Hữu Nhật, Robert)

Đảo này trước đây vào khoảng từ 1924 đến 1926 đã được người Nhật khai thác. Theo Ông Shirane vào khoảng 50.000 tấn phốt phát đã chở về Nhật Bản.

Phái đoàn đã đào thử tất cả 9 hố thực nghiệm . Lớp cát trên mặt chứa chất phốt phát tại nhiều nơi đã khai thác hết, chỉ còn lại một số ít và những lớp đá khó đào. Chiều sâu của lớp cát chứa phốt phát thay đổi từ 0-30 cm. Theo sự ước lượng của các chuyên viên Nhật Bản, số lượng phốt phát còn dự trữ tại đảo Cam Tuyền ước độ 5000 m3.

3.1.2 Đảo Quang Hòa Đông (Duncan)

Trong phần đảo bao phủ bởi cây phosphorite, 4 hố thực nghiệm đã được đào thử, lớp cát có chất phốt phát chứa trên mặt tới một chiều sâu trung bình khoảng 20cm.Số lượng phốt phát dự trữ tại phần này của đảo khoảng 15.000m^3.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Tại phần bao phủ bởi các cây leo nhỏ , 3 hố thực nghiệm đã được đào . Lớp cát có chứa chất phốt phát tìm thấy trên mặt tới một chiều sâu trung bình khỏang 30 cm .Số lượng phốt phát dự trữ khỏang 10.000 m3.

3.1.3 Đảo Quang Hòa Tây (Palm Island)

3 hố thực nghiệm đã được đào thử, lớp cát chứa phốt phát ở trên mặt đất tới một chiều sâu trung bình khoảng 15cm . Số lượng phốt phát dự trữ khoảng 5000m3.

3.1.4 Đảo Duy Mộng (Drummond)

Phần lớn đảo bao phủ bởi cây "phosphorite" . Phần đất này, theo chuyên viên Nhật Bản, có cùng cấu tạo như các đảo đã khảo sát . Do đó phái đoàn chỉ đào 3 hố thực nghiệm . Lớp cát có chất phốt phát tìm thấy ở trên mặt chỉ đạt tới một độ sâu trung bình khoảng 20cm . Số lượng phốt phát dự trữ tại quần đảo này khoảng 25.000m3.

Trong phần đảo còn lại, 4 hố thực nghiệm đã được đào . lớp cát trên mặt chứa chất phốt phát đạt tới một chiều sâu trung bình khoảng 40cm . Số lượng phốt phát dự trữ khoảng 15.000m3.

3 .1.5 Đảo Hoàng Sa (Pattle)

Đảo Hoàng Sa trước đây đã được Công Ty Phân Bón Việt Nam do Ông Bùi Kiến Thành khai thác trong khoảng thời gian từ năm 1956 đến năm 1964, Công Ty này đã chở vào đất liền một số lượng vào khoảng 100.000 tấn . Hiện trên đảo còn một số lượng nữa, khoảng 4000 tấn đã được Công Ty chất đống dọc theo đường tư cầu tàu vào trung tâm đảo nhưng chưa kịp chở vào đất liền.

Phái đoàn đã đào 6 hố thực nghiệm để khảo sát số lượng phốt phát còn dự trữ tại đảo Hoàng Sa này . Lớp cát trên mặt chứa chất phốt phát chỉ đạt tới một chiều sâu trung bình khoảng 15cm . Số lượng phốt phát dự trữ khoảng 10.000m3.

3.1.6 Đảo Vĩnh Lạc (Quang Ảnh, Money)

Trong phần đảo bao phủ bởi cây "phosphorite" và cây nhàu; 4 hố thực nghiệm đã được đào . Lớp cát trên mặt chứa chất phốt phát chỉ đạt tới một chiều sâu trung bình khoảng 30cm . Số lượng phốt phát dự trữ tại phần đất này của đảo ước lượng khoảng 25.000m3.

Tại trung tâm đảo có một khu chỉ bao phủ bởi một loại cỏ thấp mà thôi , không có cây lớn . Tuy nhiên phái đoàn chúng tôi đã không thể vào tận khu này để khảo sát tại chỗ vì hai trở ngại dưới đây:

a) Trở ngại về địa thế: khu đất trung tâm đảo Vĩnh Lạc (Quang Ảnh) được che chở bởi vòng đai cây gai cao khoảng từ 1m . Lớp cây gai này đầy khoảng 30m. Khi phái đoàn hoàn tất công tác khảo sát phần

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

đất bao phủ bởi cây "phosphorite" và duy chuyển tới vòng đai cây gai lúc đó đã 15.00 giờ .Việc phá vòng đai cây gai để di chuyển vào trung tâm đảo chắc chắn chỉ thực hiện được trong ngày hôm sau .

b)Trở ngại về thời tiết : phái đoàn dự trù hoàn tất công tác đo đạc trong ngày để hôm sau sẽ khảo sát tại khu đất trung tâm đảo . Tuy nhiên để tránh ảnh hưởng trận bão Joan thổi từ Phi Luật Tân vào Trung Cộng phái đoàn bắt buộc phải hoàn tất sớm hơn dự trù một ngày để vào Đà Nẵng.

Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của 3 nhân viên Nhật Bản đã từng đi khảo sát nhiều nơi và kinh nghiệm tại đảo Duy Mông, số lượng phốt phát dự trù tại phần đất này của đảo Vĩnh Lạc khoảng 20.000m3 .

Tổng kết về số lượng cát chứa phốt phát tại 6 đảo đã khảo sát theo các chuyên viên Nhật Bản là 130.000m3.Tuy nhiên khi khai thác khoảng 50% số lượng này sẽ bị thất thoát vì những lý do kỹ thuật. Do đó số lượng cát chứa phốt phát khai thác chỉ vào khoảng 65.000m3 hay 80.000 tấn.

(Trong khối lượng riêng của lớp cát chứa chất phốt phát này theo Ông Shirane là 1,2 tấn/m3).

3.3 Số lượng phốt phát trong các lớp đá và san hô

Dựa trên kinh nghiệm các hố thực nghiệm tại đảo Cam Tuyền (Hữu Nhật) và những cuộc khảo cứu trước đây của người Pháp, chúng tôi nhận thấy lớp đá chứa chất phốt phát nằm dưới lớp cát ở chiều sâu từ 0,5m đến 2,0m. Tại đảo Hoàng Sa(Pattle) nhiều lớp đá nằm sâu dưới 3m. Trong khi đó tại nhiều nơi trên đảo Cam Tuyền (Hữu Nhật, Robert)và Vĩnh Lạc (Quang Ảnh,Money) lớp đá nằm ngay trên mặt đất.Tuy nhiên chúng tôi chỉ có thể ước lượng được lớp đá chứa phốt phát dầy trung bình khoảng 1,5m ngoại trừ tại đảo Quang Hòa Tây (palm Island) chiều dầy của lớp đá chỉ vào khoảng 1,0m (thay vì 1,5m) vì lớp cát trên mặt đảo quá dầy.

Ngoài lớp đá ở ngay dưới đảo còn có những lớp đá thuộc vòng đai san hô.Những lớp đá này ăn lấn vào các đảo, và chạy dài ra biển, tại nhiều nơi đạt tới một chiều dai khoang 100m . Những lớp đá này, chắc chắn cũng chứa một số lượng phốt phát đáng kể . Chiều dầy lớp đá chứa phốt phát tại vòng đai san hô chỉ vào khoảng 1,0m vì tại đây chỉ khi nước biển xuống những lớp đá này mới hiện ra, phần lớn bị bao phủ khi nước thủy triều lên.

Diện tích của vòng đai san hô ước định bằng x/3 diện tích của đảo với lý do vòng đai tuy lớn nhưng có nhiều chỗ bị cát phủ lên.Tuy thế sự đóng góp về sô lượng phốt phát của các vòng đai san hô này cũng rất đáng kể.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Lượng phốt phát trong lớp đá và san hô được ước tính như sau:

3.2.1 Đảo Cam Tuyền (Hữu Nhật,Robert)

Lớp đá trên đảo :

30 x 10.000 x 1,5 = 450.000m3

Vòng đai san hô :

10 x 10.000 X 1,0 = 100.000m3

3.2.2 Đảo Quang Hòa Đông (Duncan)

Lớp đá trên đảo :

48 x 10.000 x 1,5 = 720.000m3

Vòng đai san hô :

16 x 10.000 X 1,0 = 160.000m3

3.2.3 Đảo Quang Hòa Tây (palm Island)

Lớp đá trên đảo :

9 x 10.000 x 1,0 = 90.000m3

Vòng đai san hô :

3 x 10.000 X 1,0 = 30.000m3

3.2.4 Đảo Duy Mộng (Drummond)

Lớp đá trên đảo :

41 x 10.000 x 1,5 = 615.000m3

Vòng đai san hô :

41 x 10.000 X 1,0 = 410.000m3

3.2.5 Đảo Hoàng Sa (Pattle)

Lớp đá trên đảo :

20x 10.000 x 1,5 = 300.000m3

Vòng đai san hô :

7 x 10.000 X 1,0 = 70.000m3

Tại đảo Hoàng Sa, một số lượng phốt phát đã được Công Ty Phân Bón Việt Nam khai thác .

3.2.6 Đảo Vĩnh Lạc (Quang Ảnh,Money)

Lớp đá trên đảo :

50 x 10.000 x 1,5 = 750.000m3

Vòng đai san hô :

17 x 10.000 X 1,0 = 170.000m3

Tổng cộng toàn thể 6 đảo = 3.595.000m3

Nếu trong tổng số phốt phát ước lượng chúng ta chỉ có thể khai thác được một nữa, thì số lượng đá phốt phát chúng ta có thể khai thác được tại quần đảo Hoàng Sa (chỉ kể đến nhóm Croissant va đảo Vĩnh Lạc) vào khoảng 1.800.000m3 . Số lượng này tương đương với một trọng lượng 2.700.000 tấn (trọng khối riêng, theo các chuyên viên Nhật Bản,là 1,5 tấn/m^3).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

3.3 Nhận xét :

Trong cuộc khảo sát này, phái đoàn chỉ đem theo các dụng cụ bằng tay như: xà beng, quốc chim, xẻng nên chỉ có thể đào những hố thực nghiệm trong những lớp cát,san hô hay đá vụn. Phần lớn những hố này chỉ được đào sâu khoang0,70cm. Riêng tại đảo Quang Tuyền (Hữu Nhật) chúng tôi đã tự ý thực hiện một hố thực nghiệm đạt tới chiều sâu 1,50m; công tác này đã đòi hỏi suốt 4 giờ làm việc cua 4 nhân viên được cung cấp từ Tuần Dương Hạm Trần Quang Khải.

Vì thế số lượng phốt phát ước lượng trong lớp cát tương đối chính xác hơn số lượng phốt phát trong lớp đá và san hô . Tuy vậy số lượng sau này lại đáng kể hơn. Theo Ông Trịnh Quang Nghiêm, Trưởng Ty Khí Tượng Hoàng Sa, người đã được hân hạnh quan sát công tác khai thác phốt phát của Công Ty Ông Bùi Kiến Thành thì những bao phốt phát mà Công Ty phân phối tại thị trường nội địa không phải lấy từ lớp cát mặt mà lấy từ lớp đá ở vòng đai san hô chung quanh đảo và ngay tại đảo ở bên dưới lớp cát . Những tảng đá này sau đó được nghiền nhỏ, vô bao tại đảo Hoàng Sa và di chuyển về đất liền.

IV – KẾT LUẬN

Tổng cộng số lượng phốt phát ước tính tại các đảo là :

-- trong lớp cát	:	80.000 tấn
---trong lớp đá và san hô	:	2.700.000 tấn
		2.780.000 tấn

Việc có nên khai thác số lượng này hay không, còn tùy thuộc vào độ bách phân P2.5 chứa trong các mẫu đất và đá (được các chuyên viên Nhật đem về thử), giá thành khai thác và kinh phí đầu tư. Một phúc trình khả thị chi tiết về vấn đề này sẽ do các chuyên viên Nhật soạn thảo và đệ trình Bộ Kế Hoạch.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

PHÚC TRÌNH CUỘC THÁM SÁT HÒN NAM YÍT THUỘC QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA VÀO MÙA THU NĂM 1973

☆ TRỊNH-TUẤN-ANH

L.T.S. Đây là cuộc khảo sát chuyên môn về đất đai của sở Địa Học, của Viện Khảo Cứu Nông Nghiệp và Điền Địa tổ chức vào tháng 8-1973. Tác giả là một chuyên viên thổ nhưỡng học đã tham gia cuộc thám sát này, công trình đặc biệt nhất của Phái Đoàn là đã phân chất về lý hóa tính của đất đai Trường Sa.

Viện Khảo-Cứu Nông-Nghiệp đã gởi toán khảo sát đất đai ra nghiên cứu tại chỗ về tính chất đất đai và khả năng canh tác trên hòn Nam Yít thuộc quần đảo Trường Sa vào đầu mùa thu năm 1973.

Toán khảo sát đã tháp tùng Tuần dương hạm Trần Quốc Toản HQ-06 vào trưa ngày 10-7-1973, sau hai ngày và hai đêm di chuyển, chúng tôi đã đổ bộ bằng xuồng cao su lên hòn lúc 12 giờ 30 ngày 12-7-1973 và đã ở lại một đêm trên đó.

I.-MÔ TẢ

A.Vị trí:

Hòn Nam Yít nằm ở kinh tuyến 114o25’ đông và vĩ tuyến 10o10’ bắc và đây là một hòn đảo nhỏ thuộc về Quần Đảo Trường Sa. Quần đảo này gồm có 9 hải đảo nằm rải rác giữa Việt Nam, Sarawak và Phi Luật Tân trong đó đảo Trường Sa (Sparley) là lớn nhất.

Về diện tích hòn có bề dài khoảng 700m và bề ngang độ 250m, nơi cao nhất là 2m70, chung quanh hòn có vòng đai san hô bao bọc. Ở đây nước biển rất trong và có màu xanh nhạt khác biệt hẳn với màu xanh thẫm của đại dương, nhờ đó giới hạn của vòng đai san hô hiện ra thật rõ rệt.

Vì kích thước quá nhỏ nên nhìn từ xa hòn trông giống như một dải đất mỏng màu trắng bạc nổi lúp xúp giữa đại dương mênh mông.

B.Nguồn gốc:

Đây là một trong những ám tiêu san hô tiêu biểu trong vùng Thái Bình Dương. Trong quá trình địa chất hò Nam Yít được thành lập do sự nguội đặc của dung nham huyền vũ phún xuất ngầm dưới mặt nước,

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

về sau san hô bám vào đó và tăng trưởng mau lẹ nhờ vào các điều kiện thích hợp cho môi trường sinh sống của chúng như chiều sâu của mực nước biển, nhiệt độ, lượng oxi…

San hô nhờ có vỏ vôi nên khi chết vỏ sẽ hóa cứng và thành lập nên đá vôi san hô có nguồn gốc sinh học.

II- KHÍ HẬU

Hiện nay các dữ kiện chính xác về khí hậu trên hòn Nam Yít hãy còn thiếu sót, tuy nhiên theo lời của các vị Sĩ Quan Hải Quân cho biết là Quần Đảo Trường Sa còn được các nhà hàng hải đặt tên là Quần Đão Bão Tố vì ở đây thường là trung tâm phát sinh bão. Vào mùa khô trời rất nóng bức do đó rất dễ bị say nắng ; có hai mùa gió rõ rệt đó là gió tây Nam thổi với tốc độ khoảng 30 gút/giờ vaf gió Đông Bắc có vận tốc khoảng 80 gút/giờ.

Ngoài ra vì là Trung tâm phát sinh bão tố nên thời tiết thường thay đổi một cách nhanh chóng và bất thường, trong một đêm mà chúng tôi ở lại trên đó giữa lúc trời đang sáng trăng bỗng chừng 15 phút sau một cơn lốc kéo đến khiến trời tối sầm lại và mưa rơi như trút nước.

III.-SINH VẬT

A.Động vật:

Ở về phía tây của hòn là nơi trú ẩn của các giống chim biển nhất là chim Hải Âu, đặc biệt trứng to hơn quả trứng gà một chút, vỏ mỏng màu trắng lẫn một số đốm đen. Phân chim tuy không nhiều lắm nhưng đã góp phần quan trọng trong việc gia tăng độ phì nhiêu của đất đai.

Vì là một đảo san hô tiêu biểu nên vó đủ loại san hô với nhiều màu sắc sặc sỡ r ất hữu ích cho công cuộc khảo cứu về san hô của các nhà động vật học trong tương lai.

Với đại dương bao quanh, tiềm năng về ngư nghiệp ở đây quả thật lớn lao, nhưng vì xa đất liền nên không có thị trường tiêu thụ.

Trên hòn còn có muỗi và chuột kích thước to độ chuột cống, về đêm có nhiều con Vít thật to bò lên đụn cát đẻ trứng.

B.Thực vật:

Cây cối ở đây chỉ gồm một số ít loại có trái hoặc hạt từ các vùng duyên hải Việt Nam, Sarawak và các đảo lân cận trôi tấp vào đó mọc lên.

Sinh cảnh thực vật chính ở trên hòn gồm có Dừa và một loại cây thích hợp với môi trường biển mọc chung quanh:

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Tournefortia argentea	L	Boraginaceae
Cocos nucifera	L	Palmae

Ngoài ra còn có một số ít cây khác với dây leo và cỏ, mọc rất tươi tốt gồm có:

- Bàng	Fagraea crenulata	Maingay Loganiaceae
- Nhàu	Morinda angustifolia	Roxb Rubiaceae
- Mù u	Calophyllum Inonphyllum	Lin Guttlfrae
- Rau sam	Portulaca Oleracea	L. Portulacaceae
-	Thuarea involuta	R. Br Gramineae

V- ĐẤT ĐAI

A. Tính chất đất:

Đất đai thuộc nhóm Regosol trắng ở ven bìa hòn là các đụn cát thấp nằm che phủ lớp đá vôi san hô bên dưới. Trắc diện đất có chiều sâu thay đổi từ 40cm đến 120cm.

Vì hòn Nam Yít là một ám tiêu san hô đơn độc giữa đại dương, nên tính chất của đất đai trên hòn có nhiều điểm khác biệt hẳn với loại đất Regosol tương tự xuất hiện dọc theo miền duyên hải.

Trong bảng phân chất lý hóa tính được đính kèm theo đây cho thấy là trắc diện SI vì được mô tả ở đụn cát ven bìa hòn nên có nhiều tính chất khác biệt hẳn với các trắc diện còn lại lấy ở bên trong.

Thực vậy, trắc diện này có sa cấu cát pha thịt nên độ thoát thủy mạnh và khả năng giữ nước kém, hơn nữa vì ở ven bìa nên dễ bị nước mặn thấm nhập, do đó độ dẫn điện trong dung dịch đất khá cao. Ngoài ra vì trong cát có lẫn thât nhiều mảnh vỏ sò, ốc, san hô bằng CO_3Ca bị nát vụn nên lượng Ca trao đổi được chiếm tỉ lệ thật cao.

Trong khi các trắc diện còn lại S II, S III và S IV vì được lấy ở giữa hòn, nơi các chỗ trũng có cây cối mọc tươi tốt nên trong đất có lượng chất hữu cơ rất giàu do thực vật bị hủy hoại cung cấp, độ dẫn điện, lượng Ca và Na giảm đi một cách rõ rệt, đồng thời chất lân và Mg đồng hóa cao hơn so với trắc diện S I. Nơi đây sa cấu của đất tương đối ít cát, giàu thịt và đất sét hơn, do đó đất tương đối chậm thoát thủy hơn.

Các nhận xét trên cho thấy là đất đai ở giữa hòn thích hợp cho việc canh tác hơn so với ở ven bìa nhờ khá giàu chất hữu cơ, lân,chậm thoát thủy và nhất là ít bị mặn.

Do đó chúng tôi đề nghị trong trường hợp thiết lập đồn trại các nhà Quân Sự nên lưu ý đến nhận xét trên vì diện tích của hòn quá nhỏ nên cần phải dành phần đất phì nhiêu cho việc canh tác.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

BẢNG PHÂN CHẤT LÝ HÓA TÍNH

Các kết quả được biểu thị thành % gam của đất phơi trong mát

TRẮC DIỆN	Chiều sâu	SA CẤU			pH	pC Microm-hos	C	N	C/N	P	Cathion trao đổi (mé)			
		Cát	Thịt	Sét							Ca	Mg	K	Na
–S I – – Đụn cát ở ven bìa Hòn Nam Yít	0-40cm 40-100cm 100cm+	84.80 86.80 86.80	8.00 6.00 8.00	7.20 7.20 7.20	7.4 8.0 8.2	1.500 2.400 3.100	0.64 0.88 0.96	0.04 0.05 0.05	16 17 19	0.0005 0.0009 0.0009	48.6 48.6 48.6	12.0 3.0 5.0	0.08 0.13 0.17	4.97 4.63 4.54
–S II– – Đất có dừa, Nhào Dây leo mọc tươi tốt.	0-20cm 20-50cm 50-80cm 80cm+	82.80 82.80 62.80 80.80	10.00 6.00 20.00 8.00	7.20 11.20 17.20 11.20	8.0 8.1 7.9 8.2	720 1.100 1.900 830	5.00 5.04 5.28 3.20	0.49 0.62 0.57 0.26	10 8 9 12	0.0149 0.0219 0.0247 0.0117	14.9 19.2 21.3 16.2	18.7 10.4 13.5 21.1	0.06 0.04 0.10 0.04	1.36 1.36 3.40 1.57
–S III– –Đất có màu hơi đen vì giàu chất hữu cơ.	0-20cm 20-50cm	82.80 64.80	10.00 20.00	7.20 15.20	7.8 8.3	2.000 170	12.20 5.60	0.99 0.58	12 9	0.0243 0.0250	22.6 19.6	9.0 12.8	0.13 0.04	3.61 0.67
–S IV– – Đất có nhiều cỏ, san hô ở dưới sâu.	0-20cm 20-50cm	72.80 76.8	16.00 8.00	11.20 15.20	7.8 8.00	2.100 720	8.00 12.20	0.80 1.00	10 12	0.0250 0.0141	7.8 24.3	25.3 22.1	0.08 0.04	2.65 1.15

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

B.Khả năng canh tác:

Các kết quả phân chất đất và nhận xét tại chỗ cho thấy là đất đai trên hòn có khả năng canh tác giới hạn vì diện tích đất canh tác được quá nhỏ, khả năng giữ nước kém, độ mặn trong đất khá cao nhất là thiếu nước ngọt ; đây là một cưỡng chế quan trọng đối với việc canh tác nhất là vào mùa khô. Để có nước dùng chúng ta chỉ có thể xây hồ hứng nước mưa nhờ vào hệ thống máng xối chảy từ các mái nhà, ở đây phương pháp đào giếng không có kết quả vì lớp cát trên mặt đất và lớp đá vôi san hô không có khả năng giữ nước, sau mỗi trận mưa, nước sẽ ngấm dần ra biển.

C.Hoa màu canh tác:

Ngoài các loại cây có ích lợi hiện đang phát triển như Dừa, Nhào,Bàng, Mù u. Đất đai ở đây có thể thích hợp với các loại cây ăn trái như Nhãn, Mãng Cầu, một số hoa màu phụ như khoai mì, đậu phụng và rau cải. Nhưng các loại rau hoa chỉ nên canh tác trong mùa mưa.

Sở dĩ như vậy vì đất có độ mặn cao nên phải tưới thật nhiều nước để làm cho chất muối bị trôi bớt đi khỏi trắc diện đất và chỉ nên trồng các loại hoa màu kháng mặn.

Nhu cầu về nước ở đây rất lớn lao, nếu tính trung bình mỗi Quân Nhân đồn trú mỗi ngày xài 80 lít nước ngọt để ăn uống, tắm rửa (tiêu chuẩn Quân Đội) và nếu có cả thảy chừng 30 người thì số nước gia dụng hàng ngày là 2,4 thước khối mà nguồn cung cấp nước duy nhất là do trời mưa, diều này làm chúng tôi lo ngại về nguồn nước tưới cho hoa màu và rau cải trong mùa nắng.

Ngoài ra để gây thêm bóng mát và cản bớt sức gió thổi, chúng ta nên trồng Dương nơi ven bìa hòn để tạo thành rào cản thiên nhiên.

VI- NHẬN XÉT:

Kết quả của cuộc thám sát tại chỗ cho thấy là đất đai trên hòn không đủ khả năng nuôi sống vài chục người nếu chỉ tự túc canh tác. Tuy nhiên ngoài các thực phẩm khó được tiếp liệu có định kì, các quân nhân đồnn trú có thể trồng trọt thêm một số cây ăn trái và hoa màu đề nghị ở trên để có thêm sinh tố. Đồng thời kiếm thêm một số thực phẩm tươi tại chỗ bằng cách câu cá, bắt vít và chim để dùng với một mức độ vừa phải để duy trì sự quân bình trong thiên nhiên, vì sự khai thác quá độ sẽ làm các loài chim biển sang di trú ở một hoang đảo khác, như thế làm mất đi một phầnthuc75 phẩm tươi quý giá.

Để kết luận chúng tôi nhận thấy đời sống của các quân nhân đồn trú trên hòn Nam-Yít đòi hỏi nơi họ ý thức tự lực cánh sinh mạnh mẽ như Lỗ Bình Sơn hơn là chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn thực phẩm tiếp tế từ đất liền.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

NHỮNG SỬ LIỆU TÂY PHƯƠNG MINH CHỨNG CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM VÀ QUẦN ĐẢO HOÀNG SA-TRƯỜNG SA TỪ THỜI PHÁP THUỘC ĐẾN NAY

THÁI VĂN KIỂM

I-MINH CHỨNG CỦA NGƯỜI NGOẠI QUỐC

Ngoài những tài liệu sử địa của Việt Nam, chúng ta còn có thể dẫn chứng nhiều tài liệu khác của người ngoại quốc, xác nhận chủ quyền củ ta trên quần đảo Hoàng Sa, chẳng hạn như:

1-Tài liệu của người Hòa Lan.

Căn cứ vào ký sự Batavia (Journal de Batavia) của Công ty Hòa Lan Đông Ấn (Conpagnie hollandaise des Indes orientales), ấn hành trong những năm 1631-1634-1636, chúng ta được biết một sự kiện liên hệ tới quần đảo Hoàng Sa và Xứ Đàng Trong như sau:

Ngày 20-7-1634, dưới thời Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên (1613-1635), ba chiếc tàu Hòa Lan tên Veehuizen, Schagen và Grootebroek , từ Batavia (Nam Dương) đến Touron cùng nhổ neo đi Formose (Đài Loan).

Ngày 21 thì gặp bão ngoài khơi, nên lạc nhau. Chiếc tầu Veen-huizen tới Formose ngày 2 tháng 8, chiếc Schagen ngày 10 cùng tháng. Riêng chiếc Grootebroek bị đắm gần quần đảo Paracels, ngang với bắc vĩ tuyến 17. Trong số hàng hóa trị giá 153.690 florins, thủy thủ chỉ cứu được một số trị giá 82.995 florins, kỳ dư bị chìm đắm kể cả chiếc tầu và 9 người bị mất tích.

Số hàng hóa cứu được, họ cất dấu nơi an toàn tại đảo Paracels. Thuyền trưởng Huijich Jansen và 12 thủy thủ đi bằng thuyền nhỏ vào duyên hải xứ Đàng Trong. Họ hy vọng sẽ tìm được một thuyền lớn để ra cứu 50 thủy thủ còn ở lại trên đảo. Thuyền trưởng đem theo 5 thùng bạc và 3.570 réaux đựng trong 17 bao. Khi họ vào tới đất liền, họ không được đối đãi như ý muốn. Tất cả bạc và tiền bị tịch thâu bởi viên chức đặc trách hải môn và thương thuyền, mà người Hòa Lan gọi là Ongangmij.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Sau đó, họ được phép trở lại Paracels trên một chiếc tầu Nhật Bản tên Kiko, mà họ mua đứt, để đón 50 thủy thủ còn nơi đảo và lấy 4 thùng bạc còn lại. Tất cả đều được 3 chiếc tàu khác tên là Bommel, Goa và Zeeburg (cũng bị bão mà vào núp miền duyên hải xứ Đàng Trong) chở về Batavia. Tại đây viên thuyền trưởng Jansen làm báo trình về việc thuyền Grootebroek bị đắm tại Paracels và sự tịch thâu 23.580 réaux bởi nhà chức trách xứ Đàng Trong.

Hai năm sau, dưới thời Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan (1635-1648), ngày 6 tháng 3 năm 1636, hai chiếc tầu Hòa Lan khác tới Tou-ron. Thương gia Abraham Duijeker tiến về Faifo để gặp quan Trấn thủ ; sau đó ông ta đi Thuận hóa (Senoa) yết kiến Chúa Thượng, để xin giao thương, đặt thương điếm vá đòi số tiền 23.580 réaux đã bị tịch thâu năm kia.

Còn Thượng Vương tiếp đón Duijeker rất trọng hậu ; nhưng Ngài truyền rằng : "Những việc khiếu nại đó đã xảy ra dưới thời Vua cha, nay Chúa không hề hay biết ; vả lại viên chức thuế quan Ongangmij (?) đã bị cách chức, tịch thu gia sản (vì tội đã ăn hối lộ tới 340.000 lượng bạc trong thời kỳ tại chức), đã bị xử trảm và phanh thây rồi ". Chúa Thượng xét rằng Ngài đã xử sự công minh lắm ; nay chớ nhắc lại làm chi. Ngài cũng cam đoan từ nay pháp luật rất nghiêm minh và sẽ không bao giờ xảy ra những việc đáng tiếc như vậy nữa.

Để bù vào sự thiệt thòi đó, Chúa Thượng chấp thuận cho người Hòa Lan được tự do giao thương với xứ Đàng Trong, và miễn cho họ sắc thuế neo bến và các tặng phẩm, (II accordait aux Hollandais le droit de libre échange dans le pays, les exemptait pour l'avenir des droit d'ancrage et des présent usuels).

Vì lẽ đó mà từ năm 1636, một thương điếm (comptoir commer-cial) của người Hòa Lan đã được thiết lập tại Hội-an (Faifo) do Abraham Duijeker làm Trưởng điếm.

(Trích trong biên khảo "La Compagnie des Indes Néerlandaises et l'Indochine" bởi W.J.M Buch, đăng trong bulletin de l'Ecole FranCaise d'Extrême Orient, tome XXXVI, année 1936, trang 134.)

2. Jean Badiste Chaigneau (1769-1825) đã viết trong quyển "Mé-moire sur la Cochinchine" như sau:

"Topographie : Division physique.- La Cochinchine don't le sou-verain porte aujourd'hui le titre d'Empereur, comprend la Cochinchi-ne proprement dite, le Tonquin…, quelques iles habitées peu éloignées de la côte et l'archipel de Paracels, composé d'ilôts, d'écueils et de ro-

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chers inhabités. C'est seulement en 1816, que l'Empereur actuel a pris possession de de cet archipel".
(Le Mémoire sur la Cochinchine de Jean Eaptiste Chagneau, pu-blié et annoté par A. Salles, Inspecteur des Colonies en retraite, in Bulletin des Amis du Vieux Hue No2, Avrit-Juin 1923).
Có nghĩa là :
Địa thế : Xứ Cochinchine, mà Quốc Vương ngày nay đã xưng đế hiệu, gồm có xứ Đàng Trong, Bắc Hà (Tonquin)… vài đảo gần bờ biển, có dân cư, và quần đảo Paracels, gồm có nhiều đảo và mỏm đá thiếu dân. Vào năm 1816 vị Hoàng đế đương kim đã tiếp nhận quần đảo này.
3. Đức Giám mục Taberd đã trong quyển Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions,moeures et coutumes, xuất bản năm 1833, những dòng sau đây :
"Nous n'entrerons pas dans l'énumération des principales iles dépendantes de la Cochinchine ; nous ferons seulement observer que depuis de 34 ans l'archipel des Paracels nommé par les Annami-tes Cát Vàng ou Hoàng Sa (sable jaune) véritable labyrinthe de petits ilôts de rocs et de bancs de sable justment redoutés des navigateurs a été occupé pas les Cochinchinois.
"Nous ignorons s'ils y ont fondé un établissement, mais il est certain que l'empereur Gia Long a tenu à ajouter ce singulier fleuron à couronne, car il jugea à propos d'en aller prendre possession en personne, et ce fut en l'année 1816 qu'il y arbore solenellement le drapeau cochinchinois".
Tạm dịch như sau:
"Chúng tôi không đi vào việc kê khai những hòn đảo chính yếu của xứ Cochinchine. Chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng từ hơn 34 năm nay, quần đảo Paracels - mà người Việt gọi là Cát Vàng (Hoàng Sa), gồm rất nhiều hòn dảo chằng chịt với nhau, lởm chởm những đá nhô lên giữa những bãi cát, làm cho những người đi biển rất e ngại – đã được chiếm cứ bởi người Việt xứ Đàng Trong.
" Chúng tôi không rõ họ có thiết lập một cơ sở nào tại đó không; nhưng có điều chúng tôi biết chắc là Hoàng đế Gia Long đã chủ tâm thêm cái đóa hoa kì lạ đó vào vương miện của Ngài, vì vậy mà Ngài xét thấy đúng lúc phải thân chinh vượt biển để tiếp thâu quần đảo Hoàng Sa, và chính là vào năm 1816, mà Ngài đã long trọng treo tại đó lá cờ của xứ Đàng Trong."

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Những tài liệu quốc sử và ngoại sử trên kia chứng minh một cách hùng hồn và bất khả kháng chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

4.Hoàng Sa và Trường Sa tại Hội nghị San Francisco.

Theo Hiệp ước đình chỉ kí kết tại San Francisco, vào tháng 9 năm 1951, khoản 2, nước Nhật Bản phải rút lui khỏi các nơi mà họ đã dùng vũ lực để chiếm đóng trong thời đệ nhị chiến, lẽ tất nhiên là trong đó có hai quần đảo Paracels và Spratley.

Tại Hội nghị San Francisco, ngày 7-9-1951, Thủ Tướng Chính Phủ, Trưởng Phái đoàn Việt Nam, đã long trọng tuyên bố như sau :

"Et comme il faut franchement profiter de toutes occasion pour étouffer les germes de discorde, nous afirmons nos droits sur les iles Spratley et Paracels qui, de tout temps, ont fait partie du Viet Nam".

Xintam5 dịch là :" Và vì chưng phải lợi dụng tất cả mọi trường hợp để chặn đứng những mầm xung đột, chúng tôi xác nhận chủ quyền của chúng tôi trên các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, đã luôn luôn từ xưa thuộc lãnh thổ Việt Nam".

Lời tuyên bố đó đã được Hội nghị San Francisco long trọng ghi vào biên bản và trong tất cả 51 phái đoàn phó hội, không có một phái đoàn nào phản đối gì cả.

II.- HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA QUA THỜI PHÁP THUỘC ĐẾN NAY

1.Danh từ Paracels xuất hiện từ bao giờ.

Danh từ Paracels xuất hiện lần đầu tiên trên một bản đồ Bán Đảo Đông Dương (Carte de la Peninsule Indochinoise) do Frères Van Lan-gren, người Hòa Lan, ấn hành năm 1595.

Bản đồ này phác họa nhờ những tài liệu của người Bồ Đào Nha, nối gót nhà hàng hải Vasco de Gama, đã tiên phong đông du tìm kiếm xứ Ấn Độ bằng đường biển (route maritime de Indes) bằng cách đi vòng mũi Hảo Vọng (Cap de Bonne Espérance) năm 1497. Nhiều tàu thủy Bồ Đào Nha đã tới Malacca từ năm 1509, Xiêm La từ năm 1511, vào năm 1516 thì Fernando Perez d'Andrade đến cửa biển sông Mekong.

Theo giáo sư Pierre Yves Manguin, danh từ Ilhas do Parcel (Paracels) do người Bồ Đào Nha đặt ra. Trong từ ngữ của họ, danh từ Parcel có nghĩa là "đá ngầm" (récif), cao tảng (haut-fond). (Xem biên-

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

khảo "Les Portugais sur les côtes du Vietnam et du Campa) đăng trong Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême Orient, année 1972, page 74).
Nhưng theo giáo sư A. Brébion, Paracels do tên một chiếc tàu của công ty Hòa Lan Đông Ấn, tên Paracelsse, bị chìm đắm tại quần đảo này hồi thế kỷ XVI.(Xem Dictionnaire de bio-bibliographie générale, ancienne et moderne, de l'Indochine Francaise, 1935, Société d'**Edrons** Géographieques, maritimes et Coloniales, 17 Rue Jacob, Paris **Vle**)
Riêng về danh từ Trường Sa, chúng ta đã thấy trong Hồng Đức Bản Đồ phác họa từ thời Lê Thánh Tôn (1470-1498), vào ngày mồng 6 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 21 (25 avril 1490); bản đồ có ghi nơi đất liền "Trường Sa nhất nhật trình", tất nhiên đây không phải là quần đảo, mà là bờ biển chạy dài từ cửa Nhật Lệ (Quảng Bình) cho tới Phá Tam Giang (Thừa Thiên) qua các cửa Tùng Luật và Việt Yên (Quảng Trị). Bờ biển đầy cát trắng mênh mông, phải đi mất một ngày (nhất nhật trình). Trong bộ Đại Nam Nhất Thống Chí, những quyển nói về Quảng BÌnh, Quảng Trị và Thừa Thiên đều có nói về dãy Trường Sa này, cũng có tên là Động Trường Sa, Động Bạch Sa (xưa gọi là Đại Trường Sa). Sách Ô Châu Cận Lục của Dương Văn An (1555) cũng có nhắc tới Trường Sa đã chỉ định dải cát trắng dài dằng dặc chạy suốt duyên hải Bình Trị Thiên.
2.Hoàng Sa dưới thời Pháp.
Dưới thời Pháp, quần đảo Paracels luôn luôn được nhà cầm quyền lưu ý tới. Từ năm 1920, Nha Thương chánh (Douanes) đã tổ chức những cuộc tuần du chung quanh đảo Hoàng Sa, để ngăn ngừa buôn lậu. Năm 1925, Hải học viện Nha Trang có gửi một phái đoàn bác học, đi trên tàu De Lanessan, ra Hoàng Sa để nghiên cứu tường tận tại chỗ. Phái đoàn nhận thấy quần đảo này chứa đựng rất nhiều phốt phát.Phái đoàn cũng khảo sát nhiều bằng chứng rằng quần đảo Paracels nằm trên một cao nguyên chìm dưới biển và dính liền với lục địa Việt Nam.
Nhiều công ty Nhật Bản đã xin phép chính quyền Pháp tại Đông Dương, để khia thác phốt phát và họ đã xây một con đê bằng đá phốt phát (jetée en blocs denphosphate) và chiếc cầu sắt dài 300 thước nơi đảo Robert, để tiện việc chuyên chở phốt phát lên tàu thủy.
Vì có sự giao thiệp với ngoai nhân nơi đảo này, nên chi nhà cầm quyền hồi đó đã kí một nghị định ngày 15 juin 1932, thiết lập quần đảo Hoàng Sa thành một đại lý hành chánh (délégation administrative), gọi là Délégation administrative des Paracels, sáp nhập với tỉnh Thừa Thiên. Đến năm 1939, mới chia làm hai, lấy tên là "Délégation du

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Croissant et dépendances" và "Délégation de l'Amphitrite et dépen-dances".
Cũng vào năm đó, khi trận đệ nhị thế chiến bùng nổ, quân đội Thiên Hoàng Nhật Bản ngang nhiên chiếm đóng quần đảo, lập tại đây một căn cứ quân sự, cho đến khi họ đầu hàng Đồng Minh.

3.Trường Sa dưới thời Pháp thuộc.

Người Trung Hoa gọi quần đảo này là Nam Sa (Nansha), đại khái chỉ định một cách mập mờ tất cả những hòn đảo rải rác phía dưới quần đảo Hoàng Sa.
Năm 1927, chiếc tàu De Lanessan đã tới tận nơi để khảo sát, sau khi đã khảo sát tại Paracels. Sau đó, năm 1930, chính quyền Pháp tại Đông Dương đã chính thức cử một phái đoàn ra cắm cờ tại quần đảo Spratley. Phái đoàn đi trên chiếc tàu "La Malicieuse". Đến năm 1933, họ lại cử ba chiếc tàu khác là : Alerte, Astrobale và De Lanessan, ra tận nơi để cắm cờ trên những hòn đảo khác, rải rác chung quanh đảo chính Spratley.
Công việc thâu nhận từng hòn đảo bắt đầu từ ngày 13 tháng 4 năm 1930, với đảo Spratley; tiếp theo là đảo Caye d'amboine thâu nhận ngày 10.4.1933, nhóm Hải Đảo (Groupe des deux iles) thâu nhận ngày 10.4.1933 ; đảo Loaita thâu nhận ngày 11-4-1933; đảo Thi Tu thâu nhận ngày 12-4-1933.
Công việc thâu nhận từng hòn đảo (prise de possession) này bao gồm tất cả những hòn đảo con con rải rác chung quanh những hòn đảo chính đã kể trên kia. Một bản thông báo chính thức đã được đăng tải trong Công báo Đông Dương (Journal Officiel de l'Indochine ngày 25 septembre 1933, trang 7784).
Quần đảo Trường Sa đã được sáp nhập vào tỉnh Bà Rịa (Nam Việt) do nghị định của Toàn Quyền Đọng Dương, ký ngày 21 juillet 1933.
Chúng ta cũng nên ghi thêm rằng từ năm 1920, có nhiều công ty Nhật Bản đến đây khai thác phốt phát. Thỉnh thoảng cũng có một số ngư phủ Trung Hoa chèo ghe từ Hải Nam, Quảng Đông tới đây để đánh cá, làm ăn trong mấy tháng rồi trở về quê quán.
Sau hết, chúng ta cũng nên ghi rằng năm 1938, Nha Khí tượng Đông Dương (Service Météorologique de l'Indochine) có thiết lập tại đảo Itu Aba, một cơ sở khí tượng bao trùm tất cả miền duyên hải Đông Dương.
Trước ngày khai chiến, chính phủ Nhật Bản đã tuyên bố ngáy 30 mars 1939 rằng quần đảo Spratley từ nay sẽ đặt dưới quyền kiểm soát

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

của Nhật Bản.Viên Đại sứ Pháp tại Đông Kinh liền gửi thư phản kháng ngày 21 Avril 1939, và tuyên bố phủ nhận quyết định đơn phương của chính phủ Thiên Hoàng. Rồi chúng ta phải đợi tới ngày đình chiến, để chứng kiến việc quân đội Nhật rút khỏi Trường Sa, cũng như do Hiệp ước đình chiến San Francisco, chính phủ Nhật Bản đã long trọng từ bỏ chủ quyền của họ trên hải đảo Paracels và Spratley (1951).

Sau đó, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã nhiều lần xác nhận long trọng chủ quyền của mình trên hai quần đảo nói trên.

4.Công cuộc thực hiện chủ quyền của Việt Nam trong thời cận đại

a) Thời tiền chiến.

Các công tác thực hiện chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa gồm có:

- Năm 1920, Quan thuế Pháp gửi quan thuyền đến tuần tiễu thường xuyên quần đảo Hoàng Sa.
- Từ năm 1926 đến 1933, chính phủ Pháp đã cử chiến hạm và phái đoàn thám sát hai quần đảo này.
- Từ 1931 đến 1939, Pháp gửi binh sĩ tới trú đóng tại Hoàng Sa.

Năm 1947, Pháp thiết lập đài vô tuyến tại đảo Pattle để đảm bảo an ninh thủy vận cho vùng Nam Hải.

Về phương diện hành chánh, trong thời kỳ đó nhà cầm quyền Pháp và Việt đã có những quyết định như sau:

- Nghị định số 156-SC ngày 15-6-1932 của Toàn Quyền Đông Dương đặt quần đảo Hoàng Sa đăng trong Công báo của chính phủ Pháp số 173 ngày 26-7-1933 trang 7839.
- Nghị định số 4762 ngày 21-12-1933 của Thống đốc Nam Kỳ sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.
- Dụ số 10 ngày 30-3-1933 năm Bảo Đại thứ 13 đặt quần đảo Hoàng Sa trực thuộc tỉnh Thừa Thiên.
- Nghị định số 3282 ngày 5-5-1939 của Toàn Quyền Đông Dương sửa đổi nghị định trên và chia địa hạt trên ra làm hai nhóm : Nhóm Nguyệt Thiềm (Délégation du Croissant et dépendances) và Nhóm Tuyên Đức (Délégation de l'Amphitrite et dépendances). Trụ sở của hai vị đại diện Pháp được đặt tại đảo San Hồ (Pattle) và đảo Phú Lâm (Ile boisée).

b) Thời Cộng Hòa.

Dưới thời đệ nhất (1956-1963) và đệ nhị Cộng Hòa (từ 1964…),

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã có nhiều công tác và quyết định hành chánh liên hệ tới Hoàng Sa và Trường Sa:

- Từ 1956, Hải quân VNCH thường xuyên thám sát quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- Từ đó một trung đội Địa Phương Quân tỉnh Quảng Nam, gồm 40 người, do 1 sĩ quan cấp úy chỉ huy trú đóng tại đảo Hoàng Sa.

Các văn kiện hành chánh căn bản gồm có:

- Sắc lệnh số 143/NV ngày 22.10.1956, Nghị định số 76/BNV/HC/ND ngày 20.3.1958 và Sắc Lệnh số 34/NV ngày 29.1.1959 sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa).
- Sắc lệnh số 174/NV ngày 13.7.1961 của Tổng Thống VNCH đặt quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam (thay vì thuộc tỉnh Thừa Thiên) và thành lập quần đảo này thành xã Định Hải, thuộc quận Hòa Vang.
- Do sắc lệnh số 709/BNV/HC ngày 21.10.1969 của thủ tướng Chính Phủ VNCH, xã Định Hải được xác nhập với xã Hòa Long, cùng thuộc quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam.

KẾT LUẬN

Căn cứ vào các dữ kiện lịch sử và hành chánh thượng dẫn, ta có thể khẳng định chủ quyền bất khả xâm của Viêt Nam Cộng Hòa, trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa , trong cả bốn phương diện:lịch sử, địa lý, pháp lý và thực tế.

Các Chúa và Vua nhà Nguyễn đã thiết lập với các hải đảo những liên lạc thường xuyên có tính cách hành chánh, quân sự và quan thuế, chưa kể việc xây dựng quân trại,miếu vũ, mộ bia, v.v…đã trở thành những di tích lịch sử.

Nhìn lại quá trình lịch sử, chúng ta thấy một số sự kiện lịch sử và địa lý quan trọng đáng ghi nhớ là:

- Năm 1634, một chiếc tàu Hòa lan bị chìm đắm tại Hoàng Sa(Paracels),viên thuyền trưởng và đoàn thủy thủ lâm nạn đã được quan chức Quảng Nam, dưới thời Chúa Sãi, giúp đỡ cho trở về xứ Batavia.
- Năm 1702, dưới thời Chúa Minh Nguyễn Phước Chu, và từ đó về sau, sử sách đã nói tới Đội Hoàng Sa có nhiệm vụ tuần tiễu hải phận xứ Đàng Trong, kiểm soát các thương thuyền và đặc biệt thâu lượm được nhiều hàng hóa và kim khí, vật dụng tại quần đảo Hoàng Sa, đem về nộp cho Phủ Chúa tại Phú Xuân.
- Năm 1802 (đầu niên hiệu Gia Long), "cũng phỏng theo chế độ cũ, đặt Đội Hoàng Sa" (theo Đại Nam Nhất Thống Chí".

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

- Năm 1816, Vua Gia Long thân chinh tiếp nhận quần đảo Hoàng Sa và thượng quốc kỳ trên đảo (theo Jean Baptiste Chaigneau và Giám mục Tabert).
- Năm 1820 (đầu niên hiệu Minh Mạng) "thường sai thuyền công đến nơi dò xét hải trình…" (theo Đại Nam Nhất Thống Chí)
- Năm 1835, Vua Minh Mạng truyền lập miếu Hoàng Sa dựng bia đá và tấm bình phong.
- Năm 1951, tại Hội nghị San Francisco, Thủ tướng Chính Phủ, Trưởng Phái đoàn, đã công khia vả long trọng tuyên bố chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mà chẳng có một nước nào (trong số 51 nước tham dự hội nghị) phản đối cả.

Như vậy là chúng ta đã hội đủ những bằng chứng cụ thể tỏ rõ rằng các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của mình (animus) và mình đang khai thác (corpus) các hải sản, hải sâm, phân chim, ốc, xà cừ, phốt phát, đồi mồi, cát trắng, cát vàng,v.v… chứ không phải là hoang đảo (res derelicta) mặc cho ai muốn chiếm thì chiếm.

Trải mấy ngàn năm lịch sử, tổ tiên chúng ta đã tranh giành từng tấc đất ngọn rau trong cuộc bành trướng lãnh thổ khắp ba mặt : Nam tiến, Tây tiến, và Đông tiến, lấy Trường Sơn, sông Cửu Long và Nam Hải làm địa bàn sinh hoạt, như muốn thi gan đấu sức với núi cao bể cả, nói lên ý chí quật cường của một dạn tộc chưa bao giờ chịu lùi bước trước nguy nan.

Ngày nay, đương đầu với những thử thách lớn lao, chúng ta chỉ có một con đường là trường kỳ chiến đấu trên mọi mặt : quân sự, chính trị, ngoại giao, để bảo vệ chủ quyền và sự vẹn toàn lãnh thổ, lãnh hải quốc gia Việt Nam.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA GIỮA ĐÔNG HẢI

☆LAM GIANG

I.- NHỮNG DÂN TỘC ĐẦU TIÊN BIẾT RÕ ĐÔNG HẢI

Đông Hải nằm giữa Phi Luật Tân ở bờ phía Đông, Việt Nam, Xiêm La, bán đảo Mã Lai ở bờ Tây, quần đảo Nam Dương ở bờ phía Nam, bán đảo Đài Loan ở bờ phía Bắc, mà được gọi là Mer de Chine (Biển Trung Hoa) hay Mer de Chine méridionale (Biển Hoa – Nam) thì thực là một sự bất thông sử sách của các nhà địa lý học Âu Mỹ. Ngay cả người Trung Hoa vốn có cái mặc cảm tự tôn Thiên Quốc, Thiên Triều, trong sử sách quá khứ họ cũng chưa bao giờ dám độc chiếm danh nghĩa rằng biển này thuộc riêng về họ cả[1].

Truyền thuyết dân Khadé (Anak Aé Adié, con dân của Trời) kể rằng sau thời kỳ đất run với trời (làn mbliư hông adrê), đất tách làm nhiều mảnh, có mảnh bị chìm, họ có nhiều bà con bơ vơ trên các mảnh đất giữa trùng dương (plao k'si). Những người Đê ở Trường Sơn kết bè bằng tre nứa, thả xuống biển, theo dòng nước trôi đi, tìm thân bằng quyến thuộc. Có những người theo hải lưu trở về. Có những người thích ở hải đảo.

Trong sách "Vào xứ dị đoan và nghi lễ" (Au pays des rites et des superstitions), học giả Pháp là Baudesson khẳng định rằng những người dân thượng ở Trường Sơn Việt Nam biết sự hiện hữu của các dòng hải lưu Đông Hải – (Les primitifs connaissent l'existence des courants marins).

Tài liệu sống, bằng chứng sống là sắc dân Dayak ở Bornéo, Igorote, Ifugao ở Phi Luật Tân có huyết thống gần gũi với người Thượng ở Trường Sơn nước Việt. Một tài liệu sống khác là trong khoảng thời gian Mỹ tham chiến mạnh mẽ ở Việt Nam (1965 – 1970), một số người Phi đến công tác ở Phan Rang, nghe người Chiêm, người Thượng ở đây nói chuyện, bỗng dưng hiểu được rồi họ trực tiếp đối thoại với

[1] Chú thích của Toà soạn: Đông hải trước thường được gọi là Nam Hải. Sách *hải Quốc Kiến Văn Lục* của người Trung Hoa đời nhà Thanh gọi biển này là Việt Hải hay Việt Dương.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nhau, báo hại mấy anh chàng thông ngôn "Mỹ ngữ cấp tốc" đứng chầu rìa ngơ ngẩn. Một sự việc lạ lùng khác là những người Pháp khảo cứu ngôn ngữ Rhadé nhận thấy rằng sắc dân này có những từ ngữ chuyên môn về hàng hải mà ngày nay họ không còn biết dùng vào việc gì.

Những sự việc này, chúng ta có thể khảo nghiệm lại tận chỗ, Phan Rang và darlac đâu phải là diệu vợi xa xôi. Còn như chuyện đất run với trời rồi nứt ra làm nhiều mảnh, tách rời hải đảo và Trường Sơn thì khoa địa chất học đã chứng minh rằng đầu Đệ Tứ Nguyên Đại, sông Khung vẫn còn chảy ở Java. Sau đó có một cuộc địa chấn kịch liệt rồi sông Khung mới chảy vào Biển Hồ Tonlé Sap. (Tế Lan Hải, Đạm Dương)…

Theo thuyết của Heine Geldern, văn minh Đông Sơn (105°6'53'' Đông Kinh, 19°50'56" Bắc Vỹ) đã thành hình vào khoảng thế kỷ 8 trước T.L. Có thể nó đã thành hình vào lúc nhà Tây Chu dựng nước cũng nên. Và phạm vi truyền bá rất rộng. Trong cách Kiến trúc và triết ngữ của văn minh Maya, Inca ở Trung – Nam Mỹ có nhiều dấu tích Đông Sơn. Lục-lạc ở Trần Ninh giống như lục-lạc của Colombie…

Điều chắc chắn nhất, không một nhà khảo cổ nào nghi ngờ gì nữa là nghệ thuật đúc thanh đồng (bronze) của Đông Sơn đã dẫn đầu Đông Nam Á. Trống đồng đẹp nhất của quần đảo Nam Dương đặt tên là vầng nguyệt Bali (lune de Bali) là trống đồng đúc theo kiểu Đông Sơn.

Nghệ thuật luyện đồ sắt ở Phi Luật Tân có lẽ cũng đã do văn minh Đông Sơn du nhập vào quần đảo này nhiều thế kỷ trước T.L. Trong sách "Sử Phi Luật Tân" (histoire des Philippines) tác giả là Gaston Willoquet đã dẫn thuêýt của Jansé Olov, người đã khảo sát văn minh Đông Sơn tại chỗ trong những năm 1934-1939 mà khẳng định như thế.

Đến đầu đời Tây Hán, 3 nước Việt được thành lập ở Tây Ngạn Nam Hải là Đông Việt, Mân Việt, Nam Việt. Người sáng lập ra nước Nam Việt là Triệu Đà, vốn là tướng của nhà Tần, đã phải tự mình đồng hóa với dân Việt, lãnh đạo dân Việt đối lập với nhà Hán để giữ vững triều đại của mình ở phía Nam Ngũ Lĩnh. Trên hải phận Mân – Quảng (Phúc Kiến – Quảng Đông) đâu có bóng binh thuyền của nhà Hán lai vãng.

Bằng chứng cổ sử (những cuộc khai quật đồ đồng, đồ đá) và lịch sữ có chữ viết đều đi một sự thực là các sắc dân Indonésien

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

(trong đó có Việt Đông Sơn) và Bách Việt đã có những sinh hoạt hải dương và truyền bá văn hóa trên các quần đảo duyên biên Đông hải.

Gần trăm năm sau ngày dựng nước, mãi đến đời Vũ Đế, nhân việc 3 nước Việt xích mích với nhau, ở Nam Việt lại có Cù Thị tư thông với sứ nhà Hán, tình nguyện làm nội ứng…, vua nhà Hán mới lo đến việc mở rộng đất về phương Nam. Trong việc Nam xâm, nhà Hán có mượn binh nước Dạ Lang đánh úp phía sau lưng nước nam Việt. Năm 111 trước T.L. quân Hán vào thành Phiên Ngung (Quảng Châu). Năm sau quân Hán đánh nước Đông Việt của Dư Thiện. Nhà Hán đặt ra các chức Phục Ba tướng quân, Hoành Hải tướng quân, danh hiệu nghe oai hùng như vậy, song sự thực, các chiến thuyền của nhà Tây Hán chưa xuống quá Quảng Châu. Dầu có chia đất Nam Việt làm 9 quận để cai trị nhưng ảnh hưởng nhà Tây Hán không xuống quá Hoành Sơn.

Ở Nam Phần Đông Sơn, lịch sử diễn tiến thuận tiện cho các ngành dân Indonesien, Autronesien hơn[1]. Vào thế kỷ thứ III trước T.L. chúng ta đã thấy có sự thành lập nước Kouk Thlokcủa người Chiêm ở vùng biển Hồ. Những nước Chiêm Thành khác ở Champassak (Hạ Lào) và ở Cochinchine (Cổ Chiêm Thành) hạ lưu sông Khung. Ở miền Kauthara (Khánh Hòa) có sự quy tụ của người Mã Lai, Indonesien thuần chủng. Theo Hendrik Kern, miền Kauthara phải được coi là chiếc nôi chủng tộc của người Mã Lai, người Polynésien. Họ sinh trưởng ở đây, đến khi tổ chức thành những bộ tộc đông đảo rồi mới di cư ra các đảo ngoài biển. Vì thế người Mã Lai còn có danh hiệu là Oran Lot (Người biển) nữa.

Năm 289 trước T.L. (khoảng đời Hùng Duệ Vương ở nước Văn Lang), người Chiêm ở Kouk Thlok bị vua Préas Thong khu trục, nước Phù Nam bắt đầu có cơ sở đầu tiên.

Ở châu Tân Đồng Long (Panduranga, châu trái độn sau này giữa hai nước Chiêm Thành và Phù Nam) bộ tộc Cây Cau (Kramukavamca) của Nam Chiêm phối hợp với Phù Nam lập chợ buôn và dựng thượng cảng Virapura (Phan Rang).

Tuy đã chiếm được 3 nước Việt, song từ lúc chiếm được cho đến khi bị mất ngôi, nhà Tây Hán không có một chút thế lực gì trên mặt biển ở khaỏng dưới 20 Bắc Vỹ cả. Quan lại nhà Hán không trấn phục nổi thổ dân của hai quận Chu Nhai, Đạm Nhĩ trong đảo Hải

[1] Austronésien, Austro là phương Nam, có thể bao gồm Úc Châu nhưng không thể dịch là người Úc được

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Nam. Dân Ly () cũng gọi là dân Lê nổi dậy chống đối luôn luôn. Quan quân nhà Hán lại bất phục thủy thổ, đau ốm bệnh tật liên miên. Đặt binh ít thì không đủ đàn áp, đặt binh nhiều thì tốn phí nặng nề, Già Quyên Chi bèn khuyên vua Nguyên Đế nên bỏ phức đảo này cho yên. Dân ấy mọi rợ, uống bằng mũi (ty ẩm), căng tai (đạm nhĩ), lấy sắc đen làm đẹp (Sở từ gọi hải Nam là Huyền Quốc), trai gái tắm chung một dòng sông, không biết lễ nghĩa là gì, đâu có đáng cho Thánh Triều giáo hóa!

Như vậy, tính đến đầu Tây Lịch kỷ nguyên, lúc nhà Tây Hán mất ngôi, ảnh hưởng và thế lực của người Hán trong Đông Hải chỉ có ở vùng Phúc Kiến – Quảng Châu còn ở Hải Nam thì họ đã phải triệt thoái để bảo toàn thể diện.

II. – DÂN CHIÊM BA TRƯỚC ĐÔNG HẢI

500 NĂM KIẾN TẠO CHỦ QUYỀN ĐẠI VIỆT

Năm 43 sau T.L. là năm đại nạn của dân Việt Đông Sơn. Sau khi đánh thắng Hai Bà Trưng ở Gò Lãng Bạc (Bắc Ninh), Mã Viện đã không truy kích tàn quân Trưng Vương ở Kim Khê mà lại đào Tạc Giang, thông đường vận lương, tiến quân vào huyện Vô Biên (Đông Sơn), hỏa công trung tâm văn hóa này rồi đi suốt phần đất vào đến Linh Sơn (Núi Đá Bia ở Phú Yên) dựng trụ đồng bên bờ biển để minh định biên giới. Để dẹp tan mầm chống đối của dân địa phương; Mã Viện đã dời hơn 360 cử súy (tù trưởng, lãnh tụ) dân Việt về Linh Lăng (Hồ Nam).

Một số người Việt chạy trốn sang Sầm Nứa, Trấn Ninh, Phong Saly. Một số khác theo đường rừng trốn vào Lâm Ấp. Tuy quận Nhật Nam của nhà Đông Hán trên giấy tờ thì gồm đến 5 huyện, nhưng huyện Tượng Lâm ở phương Nam thì người Hán sớm mất uy quyền…

Năm 192, người Lâm Ấp là Thích Lợi Ma La (Cri Mara) quật khởi. Lúc này nhà Đông Hán suy mạt, cuộc tranh hùng Tam Quốc đã khai diễn. Dòng họ Sĩ Nhiếp tuy khéo giữ đất song uy thế người Hán không xuống quá Hoàng Sơn.

Kinh đô đầu tiên của Lâm Ấp là Sri Banoeuny ở khoảng 17°30” Bắc Vỹ. Sau dời về Bal Hangov (Thành phố Cây Tùng), thành Khu Túc trong tỉnh Thừa Thiên). Khoảng năm 1000 lại dời về Bal Angoué, châu Vijaya (thành Đồ Bàn, tỉnh Bình Định).

Trong suốt khoảng thời gian hơn 7 thế kỷ (nhà Đường mất vào năm 907) người Việt ở Giao Châu đã nhiều lần quật khởi, người

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chiêm Thành , người Đồ Bà (Mã Lai) cũng nhiều lần vào cướp phá An Nam Đô Hộ Phủ của nhà Đường. Lúc nhà Đường hưng thịnh, các vua Chiêm Thành triều cống rất cung thuận như năm 630. Kandharpadharma (Phạm Đầu Lê), cống vua Thái Tông nhà Đường đủ thứ kỳ trân dị bảo, có cả két ngũ sắc, két trắng biết nói nữa ! Nhưng đến khi nhà Đường suy yếu sau cuộc loạn An – Sử thì các vua Satyavarman, Indravarman lại cướp phá An Nam Đô Hộ Phủ, có lần chiếm giữ luôn châu Ái, châu Hoan (Thanh, Nghệ) nữa.

Trước khi nhà Đường diệt vong, Khúc Hạo đã chiếm giữ châu quận, tự xưng Tiết Độ Sứ mà vua Ai Tông phải thừa nhận, gia phong thêm quan tước ! Chẳng những người Việt ở An Nam Đô Hộ Phủ nổi dậy mà người Việt ở Lưỡng Quảng và Phúc Kiến cũng quật khởi. Các nước Mân, Ngô – Việt, Nam Hán đều có ước vọng thu hồi độc lập như buổi Hán sơ… Nhưng chỉ có một mình Giao Châu toại nguyện. Nhà Tống sau 2 lần dụng võ thất bại (Hầu Nhân Bảo, Quách Qui) đành theo chính sách "trọng võ ái nhân" (cẩn thận việc võ, thương tiếc mạng người), thừa nhận nước Đại Việt độc lập.

Triệu Nhữ Quát, người trong hoàng tộc nhà Tống làm sách *Chư Phiên chí* (ghi chép về các nước Phiên), đoạn nói về Giao Châu, có câu:

"Giao Chỉ cổ Giao Châu, Đông Nam bạc hải, tiếp Chiêm Thành, Tây thông Bạch Y Man, Bắc để Khâm Châu, Lịch đại trí thủ bất tuyệt. Phú nhập chí bạc, thủ ngự thậm lao ! Hoàng Triều trọng võ ái nhân, bất dục túc binh chướng lệ chi khu, dĩ thủ vô dụng chi thổ, nhân kỳ hiến khoản, tùnh nhi cơ my chi"

Nghĩa là: Giao Chỉ xưa là Giao Châu, phía Đông Nam giáp biển, tiếp với Chiêm Thành, phía Tây thông với xứ Mán Áo Trắng, phía Bắc giáp Khâm Châu. Các triều trước đặt binh trấn thủ chẳng dứt. Thuế vào rất ít, phòng giữ rất mệt, Hoàng Triều (nhà Tống ta) cẩn thận việc võ, thương tiếc mạng người, không muốn phơi binh ở khu lam chướng, nhân nước ấy nạp cống xưng thần, bèn theo đó mà ràng buộc vậy.(nhận lễ cống, ràng buộc về danh nghĩa, không phái binh đi giữ đất như thuở Hán Đường).

Đề kiềm chế nước Đại Việt, nhà Tống triệt để kết ân nghĩa với nước Chiêm Thành, cho phép vua Chiêm mua lừa ngựa ở Quảng Châu để tổ chức kỵ binh. Dân Chiêm Thành tị nạn chiến tranh Chiêm – Việt hay bị bão tố, dạt vào bờ biển Quảng Châu đều được cứu trợ, và tùy tiện ở Quảng Châu hay đảo Hải Nam để mưu sinh. Như hồi Lê Hoàn đánh Chiêm Thành, tù trưởng dân Chiêm là Phủ La Yết chạy sang đất Tống, được phép ở cảng Thanh Viễn (Hải Nam).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Nhà Tống vì phải cống hiến vàng lụa cho hai nước Liêu, Tây Hạ để mua hòa bình nên mở các cửa biển Quảng Châu, Minh Châu, hàng Châu (gần Hàng Châu là Tuyền Châu) cho người các nước Côn Lôn vào buôn bán. (Tất cả các thứ dân ở Đông Hải đều là Côn Lôn ! Chiêm Thành là Côn Lôn, Chân Lạp, Qua Oa gọi là Côn Lôn được hết).

Người do đường biển đến cũng có khi được gọi là Hải Lào. Như Bồ Thọ Canh, người Chiêm Thành, buôn bán ở Phiên Ngung (Quảng Châu) giàu lớn, nhà cửa tráng lệ, tôi tớ rất nhiều. Bồ Thọ Canh giúp nhà Tống đánh bình giặc cướp biển, được phong làm Đề Cử Thị Bạc, coi việc thu thuế thuyền buôn cho nhà Tống hơn 30 năm. Sau vua Đoan Tông nhà Tống lại phong Bồ Thọ Canh đến chức Phúc Kiến, Quảng Đông Chiêu Phủ Sứ. Nghĩa là mọi việc đánh dẹp, buôn bán ở hải phận Phúc Kiến và Quảng Đông đều do một tay Bồ Thọ Canh quán xuyến hết. Nhưng Bồ Thọ Canh bất bình vì vua Tống trưng dụng thuyền buôn của mình, bèn về hàng nhà Nguyên lại được đến chức Mân Quảng Đại Đô Đốc, Chiêu Thảo Sứ. Danh hiệu tuy có thay đổi chút đỉnh, nhưng quyền hạn và lãnh vực hoạt động thì y nguyên.

Nước Chiêm Thành cũng là nguồn hy vọng cuối cùng của bọn trung thần nhà Tống. Lúc bị nhà Nguyên tấn công nguy cấp, nhà Tống đã sai Trần Nghi Trung đến Chiêm Thành cầu viện. Thẩm Kính Chi chạy đến Chiêm Thành mưu việc khôi phục cho nhà Tống nữa. Xem vậy đủ thấy đã có một thời uy thế nước Chiêm Thành lừng lẫy ở Đông Hải.

Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 1075 thì nhà Lý thực hiện bước Nam Tiến đầu tiên vào châu Ulik. Phần đất còn lại của châu này, vua Chiêm là Simhavarman III dâng luôn cho vua Trần Anh Tông để làm lễ cưới Huyền Trân, để có được sự hòa hoãn vĩnh viễn ở biên thùy phương Bắc mà mở cuộc tranh hùng quyết liệt với Chân Lạp ở Thượng Nguyên Châu, để trấn định luôn xứ Tân Dông Long (châu Panduranga gồm Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy).

Từ Mũi Ròn ở Hoành Sơn hay từ cửa Eo ở Thuận Hóa đi ra phương Đông, non 300 cây số là gặp Thất Châu Dương (vùng biển Hoàng Sa). Từ Cam Ranh trong châu Tân Đồng Long đi về hướng Đông Nam độ 520 cây số là gặp quần đảo Trường Sa. Người Chiêm Thành mất châu Ulik, cố nhiên là không còn đoái nhìn gì đến Thất Châu Dương. Nhưng họ đã trấn định được châu Tân Đồng Long, giao thiệp mật thiết với Qua Oa (Java) thì vùng Côn Lôn Dương (từ Côn Lôn, đảo bầu bí đến Trường Sa) thế tất họ phải chiếu

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

cố giữ gìn để làm trạm dừng thuyền vậy. Vợ trước của Simhavarman III là Công chúa Tapasi nước Qua Oa. Sau này Chế Năng, con của Chế Mân (Simhavarman III) tị nạn chính trị, chạy về quê hương của mẹ Tapasi…

Một điều nữa ta nên ghi nhớ là ở đảo Hải Nam có dân Lê (hay Ly) thì ở Thanh Hóa cũng có dân Ly. Năm Kiến Vũ thứ 12 (36 sau tây lịch) vua Quang Vũ nhà Đông Hán phong Trương Du làm Quy Hán Ly Quân. Giữa hai thứ dân Ly chắc có sự giao thân bất tuyệt. Năm 1905, E. Brerault khảo sát về đảo Hải Nam thấy có người Việt ở bờ biển phía Nam. Đây là người Ly ở duyên hải vậy !

Tóm lại, từ trấn Vân Đồn đến Hải Vân Sơn, từ đảo Hải Nam đến Thất Châu Dương, các sinh hoạt hải dương của người Việt, người Ly đều được hoàn toàn tự do, nhà Tống, nhà Nguyên không hề ngăn trở gì hết. Mà dù có muốn ngăn trở cũng không nổi. Nhà Tống đóng bốn quân trấn Quỳnh Châu, Xương Hóa, Cát Dương, Vạn An chỉ cốt để chiêu dụ, chiêu an, mong người Ly đừng cướp phá các đoàn thuyền buôn của họ là đủ. Hết đời Đại Hãn Hốt Tất Liệt, đối với Đông Hải, nhà Nguyên cũng theo chính sách hòa bình như nhà Tống.

III.- HAI TRIỀU MINH, THANH TRƯỚC ĐÔNG HẢI NAM HÀ PHÁT TRIỂN LÃNH HẢI TRƯỚC THAM VỌNG TÂY PHƯƠNG

Đầu thế kỷ XV, năm 1405, vua Thành Tổ nhà Minh (niên hiệu là Vĩnh Lạc) bày ra một chính sách thổ địa và hải dương rất tích cực.

Năm 1405, vua sai Trịnh Hòa đem 20.000 binh sĩ, 180 nhà bác học, văn sĩ đi trên 48 tàu lớn và rất nhiều ghe nhỏ đi sứ các nước Tây Dương. Chuyến đầu tiên đi đến Calicut trên bờ biển Ấn Độ. Chuyến thứ hai đi đến TíchLan. Chuyến thứ bảy, năm 1430 – 33 (lúc này đã sang đời Tuyên Tông, niên hiệu Tuyên Đức) đi đến Mecca ở nước Thiên Phương (Ả Rập). Số binh sĩ về sau tăng lên đến 27.000 người, số tàu lớn lên đến 62 chiếc. Trịnh Hòa can thiệp vào nội chính các nước Tam Phật Tề (Palembang) bắt vua nước này là Trần Tô Nghĩa, lập Thi Tiến Khanh lên làm vua, Trịnh Hòa bắt vua nước này là A Lị Khổ Nại Nhi (Aligakhonara).

Trong thời gian Trịnh Hòa xuất sứ Tây Dương thì bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh đánh bắt vua nhà Hồ nước Đại Việt và lập nền đô

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

hộ cho đến năm 1427. Chính sách rất tích cực của nhà Minh ở hải ngoại bắt đầu bị chiết tỏa vì sự phục hưng của nước Đại Việt dưới cờ lãnh đạo của Lê Lợi, vị anh hùng áo vải đất Lam Sơn.

Qua thế kỷ thứ XVI, chính trị nhà Minh suy đồi vì nạn tham nhũng của bọn hoạn quan, bọn học sĩ cố vấn chính trị của các vua lười biếng. Như vua Thế Tông (niên hiệu Gia Tĩnh) hơn 20 năm không thị triều, mọi việc lớn nhỏ đều giao phó cho Nghiêm Tung. Con Nghiêm Tung là Nghiêm Thế Phiên tích trữ của hối lộ trên 10 triệu lượng vàng. Giặc cướp biển hoành hành ở bờ biển Triết Giang, Phúc Kiến. Có cả giặc cướp biển xuất phát từ Nhật Bản, người Minh gọi là Nụy Khẩu (Giặc Lùn). Từ Hải mà đạp đổ nổi năm huyện ở vùng Mân - Triết là do có Nụy Khẩu giúp chiến công vậy.

Thế lực nhà Minh ngày càng suy yếu, Mạc Phủ Nhật Bản là Phong Thần Tư Cát hưng binh đánh Triểu Tiên, chư hầu của nhà Minh. Nhà Minh phải đem quân cứu viện, ứng chiến gần đuối sức. Năm 1596, Trịnh Tùng dâng biểu lên vua Minh, yêu cầu được đem thủy quân giúp Thiên Triều đánh Nhật Bản. Vua nhà Minh sợ một cái nạn Mạc Phủ Nhật Bản xâm lăng mà mình đối phó chưa xong lại lòi thêm một cái nạn Mạc Phủ An Nam nữa thì nguy lắm nên vội vàng từ khước – (Sách Nam Quốc Ký của Trúc Việt Dữ Tam Lang có ghi sự việc này. Năm 1915, Nhật Bản triển lãm tài liệu ở Thượng Dã Công Viên Bác Lãm Hội tại Đông Kinh).

Cũng trong năm 1596 này ở Nam Hà, trong vũng Trà Sơn Đà Nẵng, Nguyễn Phúc Nguyên đánh thắng thủy quân của Tây Ban Nha do Gallinato chỉ huy. Tàn quân Tây Ban Nha chạy một mạch về Manille hơn 260 năm mới có dịp liên binh với Pháp để rửa nhục.

Sang thế kỷ thứ XVII, vận mệnh nhà Minh càng suy nhược, tự cứu không xong, cơ đồ sắp mất đến nơi, còn nói gì đến chính sách viễn dương nữa. Năm 1616, Nỗ Nhĩ Cáp Xích (Nurhachi) thành lập Hậu Kim Hãn Quốc (sau này là Đại Thanh), nhà Minh phải lo đương đầu với kẻ tử thù và tuy có súng đại bác của Bồ Đào Nha giúp sức, nhà Minh vẫn cứ thua trận vì cái nạn lính kiểng lính ma (Xem phúc trình của tướng nhà Minh là Hùng Đình Bật).

Năm 1623 người Hòa Lan chiếm mất quần đảo Bành Hồ rồi chiếm luôn Đài Loan. Nhà Minh bận đối phó với quân Hậu Kim, không còn đủ sức chiếu cố mặt biển. Sinh hoạt thương mại ở Nam Hải nhộn hịp và rắc rối hẳn lên vì sự xuất hiện của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hòa Lan, Nhật Bản.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Người Tây Ban Nha chiếm đảo Lữ Tống. Năm 1603, mở cuộc tàn sát Hoa kiều 18 ngày liên tiếp, máu chảy thành sông. Chống cự với tham vọng Tây Ban Nha, Hòa Lan, không phải là binh lực của nhà Minh mà là thủy quân của các tướng cướp biển Lâm Phượng, Trịnh Chi Long. Lâm Phượng (sử Tây ghi là li Ma Hong) đánh thắng quân Tây Ban Nha nhiều trận oanh liệt, danh tiếng vang lừng, được người Tây phương khen là tướng cướp có thiên tài (pirate the génie).

Nối gót người Tây Ban Nha để mưu việc độc chiếm quyền lợi thương mãi ở Đông – Dương (Nam Hà và Bắc Hà) là người Hòa Lan. Từ năm 1607, Đô đốc Matelieff đã đến châu Panduranga, gạ vua Chiêm là po Nit thuê đầm Man Rang, lập phố buôn bán. Năm 1608, Hòa Lan đạ đặt được chức Tổng trấn ở Batavia trên đảo Java. Năm 1640, Paulus Traudenius làm Giám đốc Thương phụ ở Đài Loan. Hòa Lan liên binh với Thanh Đô Vương Trịnh Tráng đánh chúa Nguyễn.

Ngày 10-12-1643, thủy quân Hòa Lan bị Dũng Lễ hầu Nguyễn Phúc Tần đánh tan ở ngoài khơi Hội An – Đà Nẵng (Nhật ký của thủy thủ Jean Gobyn nói soái hạm Hòa Lan trúng đạn, không chạy được, phải tự đốt mà chết. Một chiếc khác va chạm đá ngầm, chìm. Chỉ một chiếc trốn thoát chạy lên hướng đảo Chu mà người Tây gọi là Ile des Perles). Người Hòa Lan hận lắm. Tháng 8 năm 1644, Phủ toàn quyền Batavia ra lệnh cho thuyền trưởng Flatvoet không được làm gì mất lòng vua Chiêm Po Ro Mé nhưng từ quần đảo Côn lôn đến đảo Champello (Cù Lao chàm, phía ngoài Hội An – Đà Nẵng, phải cố phá phách được nhiều chừng nào hay chừng nấy ! Nhưng mà không hay chút nào cả. Thuyền trưởng Flatvoet lại bị Dũng Lễ hầu Nguyễn Phúc Tần đánh cho thua chạy ở Cửa Nộn (Cửa Eo, Thuận An)… Từ đó người Hòa Lan kiêng nể Nam Hà một phép !

Nhưng Hòa Lan cũng chưa hết gặp rủi ro. Số là năm 1644 quân Thanh vào Bắc Kinh, các tôn thất nhà Minh chạy về Nam Kinh lo việc kháng chiến. Trịnh chi Long, tướng cướp biển đã quy hàng nhà Minh. Con là *Trịnh Diên Bình* (tên Nhật là *koxinga* vì mẹ là người Nhật) dốc lòng trung nghĩa với nhà Minh thấy nhà Minh mất hết đất ở Giang Nam (còn một chút đất vân Nam cũng bị phản thần ngô tam Quế chiếm luôn) nên *năm 1661, dồn hết binh lực đánh đuổi người Hòa Lan, chiếm đất Đài Loan làm căn cứ kháng chiến*. Từ đó, người Hòa Lan cam lòng kinh doanh ở nam Dương quần đảo, không mơ màng gì đến Bắc Phần Đông Hải nữa…

Về hoạt động của người Nhật thì từ năm 1601 trở đi, hằng năm có thuyền buôn định kỳ đi về liên lạc Trường Kỳ và Hội An. Năm

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1606, Thụy Quốc công Nguyễn Phúc Nguyên nuôi Di Thất Lang người Nhật làm con nuôi, gởi thơ báo tin cho Bản Đa Thượng Dã Giới Chính Thuần, tặng lụa và kỳ nam (kỳ lam) xin phép cho Di Thất Lang năm sau lại đem 3 thuêỳn đến Hội An buôn bán. Lúc gởi thơ là niên hiệu Hoằng Định năm thứ saú nhà Lê, niên hiệu Nhật là Trường Khánh năm thứ mười. Ngoài bì niêm đề chữ An Nam quốc, Đại Đô thống, Thụy Quốc Công cần phong..

Năm 1619, Nguyễn Phúc Nguyên lại nuôi Ariki Sôtarô (Mộc Thôn Tông Thái Lang) làm con nuôi, cho tên là Nguyễn Đại Lương, biệt danh là Hiển Hùng. Lại gả con gái nuôi cho nữa. Lập giấy làm bằng hẳn hoi. Trong giấy có câu:

Phi duy thì cung đình chi quang hiển, ức diệc kiên Nam Bắc chi lợi thông ! (không phải riêng cung đình được chói lọi mà thêm bến Nam Bắc lợi thông thương).

Với giấy tờ rõ ràng như vậy, hiển nhiên là Ariki Sôtaro có nhiệm vụ và quyền hạn một giám đốc Thương mãi Việt – Nhật rồi. Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã chú trọng đến mối lợi ngoại thương và hoạt động hải dương đúng mức.

Thế kỷ thứ XVII là thế kỷ giao tranh giữa nhà Minh và nhà Thanh ở trung Hoa. Thanh Thái Tổ khởi binh từ năm 1616, mãi đến năm 1683 mới chiếm được Đài Loan. Lúc này Trịnh Diên Bình Koxinga đã chết rồi. Nhưng đến năm 1721, vua Khang hy lại phải lo đánh Chu Nhất Quí, người tự xưng là con cháu nhà Minh ở Đài Loan một lần nữa. Nhưng chưa phải thế là yên.

Việc nhà Thanh vào làm chủ Trung Quốc có ảnh hưởng tốt cho Nam Hà nước Đại Việt. Các chúa Nguyễn khai khẩn đất Đồng Nai được sự giúp đỡ của người Minh Hương rất nhiều. Những người này xưng là Minh Hương để ghi nhớ tông tích, biểu lộ ý chí bất khuất đối với một thứ chính quyền mà họ coi là Di Địch. Cũng nhờ sức di thần nhà Minh mà năm 1715, Nam hà có được thêm Cảng Khẩu Quốc tức là biên trấn Hà Tiên gồm 7 ấp từ Cà Mau (Tuk Khmau: nước đen) đến Hương úc (Kompong Som: Vũng thơm) kể cả đảo Phú Quốc, Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ đáng kể là Đệ nhất Công thần của các chúa Nguyễn ở Nam Hà vậy.

Nhà Thanh không có chính sách hải dương gì hay nếu có thì chính sách ấy cũng không đi xa quá Đài Loan và Hải Nam là hai đảo lớn. Năm 1786 – 1788, vua Cao Tông (niên hiệu Càn Long) lại phải sai tướng đánh dẹp bọn Sinh Phiên tức là những thổ dân không chịu thuận phục chính quyền. Còn như ở đảo Hải Nam thì người Lê, người

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Miêu luôn tỏ ra bất phục. Mãi đến năm 1881 – 1884, Lê, dân Miêu vẫn còn đánh nhau kịch liệt với quân đội Thanh Triều. Năm 1898, Pháp thuê được đất Quảng Châu Loan, tha hồ buôn lậu. Có lợi quá nhiều rồi lại sinh lòng tham và hối hận sao không thừa cơ hội dân Lê quật khởi mà chiếm luôn Hải Nam làm bình phong bảo vệ Đông Dương thì có phải tiện hơn không?

KẾT LUẬN

Vào năm 202 trước T.L, khi Lưu Bang sáng lập ra nhà Tây Hán thì từ Phúc Kiến ra Di Châu (Đài Loan) đến Hải Nam, xuống đến Hoành Sơn, Việt Tộc còn hiện diện đông đảo ở Tây ngạn Nam Hải. Hán, Đường chiếm đất, mở cuộc giao thương với các nước Côn Lôn (Kamrun, chỉ khái quát nhiều dân tộc da màu thổ chu hay hơi đen ở Nam Hải).

Năm 785 – 805, đời Đường, Giã Đam làm sách *Tứ Di lộ trình* ghi đường biển từ Quảng Châu đến Một Lai (Malabar), không thấy nói gì đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hết. Giã Đam ghi hết những núi, đảo dễ nhận cho khỏi lạc đường như:

--- Đồn Môn Sơn tức là Mũi Bắc Hương Cảng.

--- Cửu Chân Thạch là Mũi Đông Bắc Hải Nam.

--- Tượng Thạch là Đảo Tinhosa ở phía Nam đảo Hải Nam.

--- Lăng Sơn là núi ở vùng Sa Huỳnh.

--- Môn Độc là núi ở Qui Nhơn.

--- Quân Đột Lộng (tiếng A Rập là Kundurang).

--- Kha Lăng là Qua Oa (Java), v.v…

Hoàng Sa & Trường Sa là những đảo san hô tròn (atoll), có lẽ thời đó vẫn còn nằm ngầm dưới mặt nước…

Đến thế kỷ XII, Triệu Nhữ Quát làm sách *Chư Phiên chí* dùng những chữ *thiên lý trường sa, vạn lý thạch sàng* để chỉ hai quần đảo trên. Đến đầu thế kỷ XV nhân việc Trịnh Hòa đi sứ các nước Tây Dương, Phí Tín và Mã Hoan tháp tùng, Phí Tín làm sách *Tinh tra thắng lãm*, Mã Hoan làm sách *Doanh nhai thắng lãm*, câu cách ngôn hàng hải "Thượng pha Thất Châu, hạ phạ Côn Lôn" mới được phổ biến thật rộng rãi.

Toàn câu như sau:

Thượng phạ Thất Châu,

Hạ phạ Côn Lôn.

Châm mê đà thất,

Nhân thuyền mạc tồn.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

dịch

Trên thì sợ vũng Thất Châu,

Xuống đàng dưới nữa lại sầu Côn Lôn.

La bàn kim lạc, lái mòn,

Thuyền chìm, người mất, có còn gì đâu?

Phí Tín, Mã Hoan đến đâu thì ghi chép đến đấy. Vũng biển Hoàng Sa gọi là Thất Châu Dương vì có 7 hòn đảo nổi trên mặt nước. Vũng biển Côn Lôn _ Trường Sa gọi là Côn Lôn Dương, phải 7 ngày đêm mới qua được hết. Về Côn Lôn Sơn (Poulo Condore) Phí Tín ghi như sau:

"Kỳ sơn tuyết nhiên doanh hải chi trung, dữ Chiêm Thành cập Đông, Tây Trúc đỉnh trỉ tương vọng. Sơn cao nhi phương, căn bàn quảng viễn, Hải nhân danh viết Côn Lôn Dương. Phàm vãng Tây Phương thương phiến chi bạc, tất đãi thuận phong, *thất trú dạ khả quá* ".

dịch

Núi đứng sừng sững giữa vùng biển rộng, cùng với Chiêm Thành và các đảo Đông, Tây Trúc nhìn nhau như thế chân vạc. Núi cao mà vuông, gốc lan xa rộng. Người biển gọi là biển Côn Lôn. Phàm các thuyền đến Tây Dương buôn bán, phải đợi gió thuận, *bảy ngày đêm mới qua khỏi*.

Hiển nhiên là không phải chỉ đi qua một vũng biển bao quanh đảo Poulo Condore (đảo bầu bí, theo tiếng người biển Orang Lot Mã Lai) mà phải đi hết vũng biển "vạn lý thạch sàng" (giường đá vạn dặm) đã nói trong Chư Phiên chí.

Đọc kỹ sách của Mã Hoan, sách của Phí Tín, không thấy có một câu nào, một chữ nào nói đến việc Trịnh Hòa dùng tên mình để đặt cho vũng san hô mà người Tây Phương gọi là Tizard cả.

Xem chỉ thị của Phủ toàn quyền Batavia cho thuyền trưởng Ftat-voet năm 1644 thì lúc đó quần đảo Côn Lôn đã thuộc về Nam Hà rồi.

Lại cứ xem thơ của các giáo sĩ đi trên tàu Amphitrite năm 1701 thì quần đảo Hoàng sa đã thuộc về Nam Hà từ lâu rồi. Thư viết rằng:

On appareilla avec un très bon vent et en peu de temps on s' éleva à la hauteur du Paracel. Le Paracel est un archipel qui dépend de l'Empire d'Annam. C'est un effroyable rocher de plus de cent lieues de'crie' par les naufrages qu' on y a fait de tous temps, il s 'étend le long des côtes de la Cochinchine. L'Amphitrite à son premier voyage de la Chine pensa y périr[1].

[1] Xem bài Mystère des atolls, Journal de voyage aux Paracels đăng J.Y.C đăng trong số 3.7, 10.7, 17.7 năm 1941, tuần báo Indochine

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

dịch

Chúng tôi giong buồm đi với gió tốt thuận và chẳng bao lâu lên đến ngang tầm Hoàng Sa. Hoàng sa là một quần đảo tùy thuộc Đế quốc An Nam. Đó là một khối đá dễ sợ dài hơn trăm dặm mang tiếng xấu vì những vụ đắm tàu ở đó từ trước đến nay, nó trải dài dọc theo bờ biển Nam Hà. Tàu Amphitrite trong chuyến đi lần đầu sang nước Tàu tưởng đã mất mạng ở đó.

Thư đó là do các *giáo sĩ Pháp đương thời viết ra* mà ký giả J.Y.C trích dẫn trong bài Bí mật của các đảo san hô, bút ký về một cuộc hành trình đến Hoàng Sa.

Năm 1701 mà người Pháp biết rằng đảo ấy đã thuộc về Nam Hà thì việc chiếm lĩnh quần đảo này đã phải thực hiện từ mấy mươi năm hay có khi cả trăm năm về trước. Việc chiếm lĩnh có thể đã làm vào lúc Ariki Sôtaro (nguyễn Đại Lương) coi việc ngoại thương cho chúa Nguyễn Phúc Nguyên chiếm lĩnh để lấy các thứ hải sản, kể cả yến sào và vớt các hàng hóa mà các tàu buôn qua lại Nam Hải bị bão trôi giạt vào đó. (Sau này, năm 1776, lúc quân Trịnh đã chiếm Phú Xuân, Lê Quí Đôn tra cứu tài liệu để viết Phủ biên tạp lục thì thấy trong sổ thu của các chúa Nguyễn hằng năm có số bạc, đồng, sắt tìm được ở bãi Hoàng Sa).

Việc chiếm lĩnh có lẽ đã được làm sớm hơn cũng nên. Trong số gia tướng thân tín của Nguyễn Kim dự vào việc phục hưng nhà Lê có Vũ Thì An, Vũ Thì Trung đều là người Chiêm Thành. Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa, đem hết gia thuộc theo vào. Vũ Thì An, Vũ Thì Trung và con cháu cũng đi theo chủ tướng. Vậy những người này đã giúp cho Chúa Tiên (Nguyễn Hoàng) hoặc Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) chiếm lĩnh Hoàng Sa.

Thêm nữa, Quảng Nam, Quảng Nghĩa, vốn là châu Amaravati nước Chiêm Thành. Di dân Chiêm Thành vẫn còn nhiều ở vùng Thuận – Quảng. Tại Hoàng Sa, bờ phía Bắc đảo Pattle còn có tượng Chàm thời Pháp thuộc, người Pháp tính đưa về Viện Bảo Tàng Tourane, sau đó lại để y tại đảo.

Còn như đợi đến đời Tây Sơn năm 1793, phái bộ John Barrow đến Đà Nẵng, khen những thuyền công tác Hoàng Sa của Tây Sơn đóng theo kiểu Mã Lai rất chắc chắn hay đợi đến năm 1816, vua Gia long đem cờ vàng ra cắm trên đảo Hoàng Sa… thì những sự việc này đã hiển nhiên, tài liệu rõ ràng quá rồi, không cần phải bàn luận nữa.

Tóm lại, theo luận cứ của chúng tôi, những quần đảo Hoàng Sa, Côn Lôn (có cả Trường Sa) nguyên là địa bàn ngư nghiệp của người Chiêm mà người Việt là kẻ thừa kế hay thừa hưởng đương nhiên khi lãnh thổ nước Chiêm sáp nhập vào dư đồ nước Việt.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA, LÃNH THỔ VIỆT NAM

●LÃNG HỒ

Sau khi xâm chiếm đảo Phú Lâm trong nhóm Tuyên Đức ngay từ năm 1950, ngày 20 tháng giêng 1974, Trung Cộng lại huy động Hải Lục Không quân đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa được họ mệnh danh là Tây Sa quần đảo.

Cũng như lần trước cách đây 24 năm, thực hiện xong mưu đồ bằng vũ lực, Trung Cộng mới bắt đầu lên tiếng thanh minh, hầu đem lại đôi chút chính nghĩa cho cái hành động xâm lược của mình . Những luận cứ đã được đưa ra hoặc một cách trực tiếp bằng lời tuyên bố vắn tắt của Bộ Ngoại Giao Trung Cộng, hoặc một cách gián tiếp qua những bài chi tiết hơn đăng tải trong các tờ báo mà thái độ vô tư rất đáng ngờ gồm có đủ loại từ lời vu khống vô căn cứ cho đến những chứng cứ được gọi là chứng cứ lịch sử.

Bài tham luận này viết riêng cho độc giả Tập San Sử Địa sẽ không đề cập tới những khía cạnh khác như kinh tế, chính trị, công pháp, quốc tế, v.v… mà chỉ chú trọng đặc biệt đến bối cảnh lịch sử của hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa vốn là những lãnh thổ lâu đời của dân tộc Việt Nam mà thôi.

Những chứng cứ đã được mệnh danh là chứng cứ lịch sử đã từng được viện ra hòng biện minh cho chủ quyền của Trung Cộng trên hai quần đảo nói trên của Việt Nam đã thấy đăng tải trong những tờ báo như Nhân Dân Nhật báo [ ] (5-6-1956, Quang Minh Nhật báo[ ] 7-6-1956, Học Thời sự [ ] của Văn Hối báo [ ] biên soạn và ấn hành số 2 năm 1974 [ ], Thất thập niên đại Nguyệt San [ ] những số tháng 3 và tháng 4-1974, v.v…Đại để nội dung của các bài liên quan không có khác nhau mấy nhưng chi tiết hơn cả là bài của ông Tề Tân[ ] nhan đề[ ] " Nam Hải chi đảo đích chủ quyền dữ Tây Sa quần đảo chi chiến". Thấy đăng tải trong Thất thập niên Đại Nguyệt san số ra tháng 3-1974. Do lẽ đó bài này sẽ trích dẫn bài trên nhiều nhất trong khi lập luận về bối cảnh lịch sử của hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Theo ông Tề Tân sớm về đời Đông Hán đã thấy chép như sau trong cuốn Dị Vật Chí[ ] của Dương Phu[ ] :" Ở vùng hiểm nguy đảo Hải Nam nước biển không sâu mà có nhiều từ thạch khiến những chiếc thuyền lớn của người ngoại quốc có đóng chốt sắt, tới nơi đó vì có chất từ thạch nên không qua được".[ ] ( ). Theo ông Tề Tân đó là chỉ vào quần đảo Tây Sa của Trung Quốc.

Vẫn theo ông này,thì vào đời Nam Bắc triều trong bài Vu thành Phủ [ ] của Bảo Chiếu [ ] có câu: [ ] "Nam kì Thương Ngô Trướng Hải, Bắc Tẩu Tử Tải Nhạn Môn". Ý nói rằng từ phía cực Nam đến phía cực Bắc nước Tàu. Lại nữa danh từ Trướng Hải bao quát biển Nam Hải lẫn các đảo ở đó.

Ngoài mấy chứng cứ trên, ông Tề Tân lại viện dẫn những chứng cứ sau đây lấy trong sử sách Tàu chép về những đời Đường, Tống , Nguyên, Minh và Thanh.

Trong cuốn Chi Phiên Chi [ ] của Triệu Nhữ Quát [ ] có chép rằng về đời Đường, niên hiệu Trinh Nguyên [ ] năm thứ năm (Công Nguyên 789)Trung Quốc đặt Đốc Phủ ở Quỳnh Sơn và ở phía Đông Hải Nam có Thiên Lý Trường Sa [ ] và Vạn Lý Thạch Sàn [ ] (có lẽ là thạch đường [ ]) và khỏi đó là biển cả mênh mông, trời biển một màu, tàu bè qua lại phải dùng kim chỉ nam và ngày đêm phải giũ gìn cẩn thận nếu không lỡ ra có thể nguy hại cho tính mạng. Theo ông Tề Tân , Thiên Lý Trường Sa và Vạn Lý Thạch Sàng nói đến trong câu trên là những quần đảo trên biển Nam Hải của Trung Quốc.

Trong cuốn : Tống Sử Kỷ Sự Bản Mạt [ ] quyển 188 chương I nhan đề Nhị Vương Chi Lập [ ] có chép như sau:"Nguyên tướng Lưu Sâm [ ] tấn công nhà vua ở Vịnh Thiền (Thiền Loan) [ ] Trương Thế Kiệt [ ] đánh không lại, phò tá nhà vua chạy đi núi Tú (Tú Sơn)[ ] đến vụng tỉnh (Tỉnh Áo), nhà vua chạy ra eo biển Tạ Nữ (Tạ Nũ Hiệp) [ ] rồi ra biển đến Thất Lý Dương [ ] có ý muốn qua Chiêm Thành, nhưng không xong".[ ]Theo ông Tề Tân, Thất Lý Dương tức là Tây Sa quần đảo.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Trong nguyên sử [ ] quyển 162 có Truyện Sử Bật [ ] trong đó có chép rằng về đời Nguyên niên hiệu Cai Nguyên [ ].Năm 29 (Công Nguyên 1292) tháng chạp,Sủ Bật cùng với 5000 người họp quân xuất phát đi Tuyền Châu [ ] (lúc đó gió to sóng mạnh thuyền bè tròng trành , sĩ tốt mấy ngày không an uống được, qua khỏi Thất Châu Dương, Vạn Lý Thạch Đường tới địa giới của Giao Chỉ và Chiêm Thành) . [ ].Thất Châu Dương, Vạn Lý Thạch Đường theo ông Tề Tân là chỉ Tây Sa và Nam Sa quần đảo.

Về đời Minh, có Mao Nguyên Nghi [ ] soạn sách Vũ Bị Chí [ ] trong đó có chép rằng đời Minh từ năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Lạc,[ ] đến năm thứ năm niên hiệu Tuyên Đức [ ] (Công Nguyên 1405 đến 1433) Trịnh Hòa [ ] bẩy lần xuống Tây Dương đã từng qua Vạn Lý Thạch đường.Vạn Lý Thạch đường tức là Nam Sa quần đảo, trên quần đảo này nơi cao nhất đã đào bới được thứ tiền đồng niên hiệu Vĩnh Lạc. Theo ông Tề Tân , điều này chứng tỏ cách đây hơn năm trăm năm, đã có người Trung Quốc trú cư ở đó rồi. Lại nữa, cho tới ngày nay, trong Tây Sa quần đảo và Nam Sa quần đảo vẫn còn giữ lại những danh xưng Tuyên Đức quần đảo và Vĩnh Lạc quần đảo.

Đời Thanh Niên hiệu Quang Tự năm 28 (Công Nguyên 1904) tháng tư, Chính Phủ nhà Thanh có phái Thủy sư Đề Đốc là Lý Chuẩn [ ] điều khiển ba chiếc quân ham Phục Ba tới các đảo trên biển Nam Hải điều tra tình hình và thượng cờ Hoàng Long trên đó và cả bia nữa .

Những sự kiện này cũng có thấy có chép trong những cuốn Hải Quốc Kiến Văn Lục [ ] và Lý Chuẩn Tuần Hải Ký [ ] .Đến Niên hiệu Tuyên Thống năm thứ ba(1911) ở tỉnh Quảng Đông có xuất bản một cuốn địa đồ trong đó có nêu rõ các đảo trên biển Nam Hải là một bộ phận tỉnh Quảng Đông Trung Quốc .

Ông Tề Tân lại dẫn chứng đảo Y- Tu A-Ba mà nay Trung Cộng đặt tên cho là Thái Bình đảolà phiên âm của Thổ ngữ dân Quỳnh Nhai thuộc Hải Nam .

Sau hết ông Tề Tân đã trích dẫn câu sau trong bản Tục Hiệp Nghị Trung Pháp Việt Nam điều tra về việc phân định địa giới như sau :
[……]

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

"Quảng Đông giới vụ kinh lưỡng quốc khảm giới đại thần khảm định biên giới chỉ ngoại. Mang Nhai Dĩ Đông cập Đông Bắc Nhất Đới sỡ hữu vị định chi xứ quân qui Trung Quốc quản hạt ".

Theo ông Tề Tân căn cứ vào hiệp nghị đó thì các đảo trên biển Nam Hải (hay Đông Hải), gồm cả Tây Sa lẫn Nam Sa quần đảo đều thuộc về Trung Quốc vì lẽ các quần đảo đó đều ở xa về phía Đông giới tuyến như được quy định bên trên .

Dựa vào những dữ kiện trên, mà tác giả coi là những chứng cứ lịch sử, tác giả kết luận rằng những quần đảo Tây Sa và Nam Sa cổ lai vẫn thuộc về Trung Quốc như đã được ghi chép một cách không dứt từ mãi đời Hán đến đời Thanh .

Kế tới tác giả lại tóm lược như sau những luận cứ mà tác giả cho là của Việt Nam Cộng Hòa đã đưa ra để chứng minh cho chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Tây Sa và Nam Sa:

1)Vào đầu thế kỷ thứ 19 vua An Nam (sic) phái Hải Quân tới khai phát quần đảo Parcels (sic).

2)Sau đó khoảng những năm 1920-1930 nước Pháp đã phái những phái đoàn khoa học tới đó, đồng thời xác nhận địa phương đó thuộc Pháp .

3) Từ năm 1932 đến nay vẫn có quân đội Nam Việt đồn trú ở đó và thiết lập đài khí tượng .

4) Lại nữa về năm 1951, tại hội nghị Cựu Kim Sơn, đại biểu Nam Việt (sic) đã xác nhận chủ quyền đối với các đảo dư bị tranh chấp đó mà không có sự dị nghị gì cả đối với lời xác nhận trên .

Theo tác giả những luận cứ trên không sao đứng vững được, là vì những lý do sau :

a) Mãi tới đầu thế kỷ thư 19 vua An Nam(sic) mới phái Hải Quân tới quần đảo Tây Sa nhưng Trung Quốc từ trước thế kỷ thứ 14 đã từng có ngư dân sinh sống ở đó .

b) Hồi trước đệ nhị Thế giới Đại chiến, một số đảo dư thuộc quần đảo Tây Sa đã tưng bị Pháp xâm chiếm, sau đó lại bị Nhật Bản chiếm cứ, nhưng sau khi đệ nhị Thế giới Đại chiến kết thúc, quần đảo Tây Sa cùng các đảo khác trên biển Nam Hải đã được Chinh Phủ Trung Quốc đương thời tiếp thu rồi .

c) Nhà đương cục Nam Việt viện lẽ rằng năm 1952 đã có quân đội Nam Việt hoạt động tại đó, nhưng điều đó không thể có được, vì vào lúc đó chưa có Nam Việt .

d) Tại hội nghị Cựu Kim Sơn, sở dĩ Trung Cộng không đưa ra lời dị nghị nào là vì Trung Cộng không tham dự hội nghị đó. Tuy

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nhiên , ngày rằm tháng tám 1951, Chu an Lai lúc đó làm Ngoại Trưởng của Trung Cộng đã có lên tiếng thanh minh về bản thảo án Hòa ước của Mỹ-Anh đối với Nhật Bản, và cả về hội nghị Cựu Kim Sơn nữa, đồng thời lại nhấn mạnh rằng quần đảo Tây Sa và đảo Nam Uy [ ], cũng như quần đảo Nam Sa, Đông Sa đều thuộc về lãnh thổ Trung Quốc.Vậy hiển nhiên là vào thời đó Trung Cộng đã có lên tiếng khang nghị. Còn như việc Pháp đã từng xâm chiếm những đảo dư trên và việc Nhật Bản hồi Đệ nhị Thế chiến đã chiếm cứ những đảo dư đó, đều là những hành vi phi pháp cả. Vả lại chính phủ Trung Quốc thời đó đã tức thời đưa ra lời kháng nghị Pháp.Việc nước Pháp xâm chiếm trong một thời gian ngắn chưa đầy mười năm, không phải là một lý do chính đáng để cho Nam Việt kế thừa Pháp, nhất là những đảo dư trên đã bị Nhật chiếm cứ một thời gían đã được Trung Quốc tiếp thu sau khi Đệ nhị Thế giới Đại chiến kết thúc .

Sau hết tác giả bài về chủ quyền những đảo trên biên Nam Hải và trận giao chiến ở quần đảo Tây Sa lại dẫn ra bằng chứng chủ quyền Trung Quốc đối với quần đảo Tây Sa và Nam Sa , một số bản đồ của Anh, Mỹ, Nga, và Ý đã phát hành vào những năm 1953 đến 1973.

Bên trên là những chứng cứ lịch sử đã được dẫn ra để biện minh cho chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà chúng tôi đã trình bày hết sức chi tiết và xác thực. Dưới đây chúng tôi cũng sẽ chỉ giới hạn trong phạm vi lịch sử để hết sức khách quan và vô tư xem xét những chứng cứ đó, mặc dầu hai quần đảo Hoàng sa và Trường Sa từ lâu đời vẫn và sẽ mãi thuộc về lãnh thổ Việt Nam, bất chấp cuộc xâm lăng mới đây của Trung Cộng.

Ông Tề Tân đã trích dẫn một câu có liên quan đến quần đảo Tây sa của Trung quốc, theo ông đã thấy trong cuốn Dị Vật Chí của Dương Phu sớm về đời Đông Hán. Đành rằng câu đó có nói tới quần đảo người Việt Nam thường gọi là quần đảo Hoàng Sa mà người Tàu gọi là Tây Sa quần đảo nhưng không có chi tiết nào ở đó xác nhận là của Trung Quốc cả .Trái lại có vài điểm đủ chứng tỏ quần đảo đó thuộc lãnh thổ cố hữu của Việt Nam . Trước hết cuốn Dị Vật Chí của Dương Phu không phải là một tác phẩm đời Đông Hán . Theo Đường Thư Nghệ văn chí, cuốn đó có nhan đề đầy đủ là Giao Châu Di Vật Chí và là một tác phẩm đời Đường. Do hai chữ Giao Châu và do ý nghĩa của nhan đề (Dị Vật Chí), quần đảo được miêu tả với đặc tính là có nhiều từ thạch chính là quần đảo Hoàng sa của Giao Châu, tức là của Việt Nam đời đường vậy? Những người Ngoại quốc

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Cưỡi thuyền lớn có đóng chốt sắt được nói tới trong câu trích dẫn, tất nhiên không phải là người Giao Châu, nhưng phải là những thương nhân ngoại quốc, người Ả Rập, người Ấn Độ hay người Trung Quốc.

Dù cho có sách nào khác sớm chép từ đời Đông Hán về những sự việc đã dẫn trên, thì quần đảo Hoàng Sa vẫn được coi là thuộc chủ quyền cố hữu của dân tộc Việt Nam .Thực thế, ngay từ lâu, trước thời Đông Hán, vùng Quảng Đông gồm cả đảo Hải Nam đã thuộc bờ cõi Việt Nam rồi. Theo sử sách Việt Nam cũng như sử sách Trung quốc, năm 214 trước Công Nguyên, Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đem quân sang đánh lấy Bách Việt, rồi chia đất Bách Việt và đất Âu Lạc ra làm ba quận Nam Hải,Quế Lâm và Tượng Quận.Người bản xứ ở nước Bách Việt không chịu được người Tàu cai trị, đã trốn vào rừng, ở đó ít lâu rồi nổi lên giết được Đồ Thư . Năm 208,Triệu Đà đem quân đánh lấy Âu Lạc, sáp nhập nước này vào quận Nam Hải để thành lập thành nước Nam Việt; đóng đô ở Phiên Ngung, gần thành Quảng Châu bây giờ. Năm III trước Công Nguyên, vua Vũ Đế nhà Hán sai Lộ Bác Đức sang đánh lấy nước Nam Việt, rồi cải ra là Giao Chỉ bộ trong đó có hai quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam bây giờ),xem vậy Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam về địa lý cũng như về nhân chủng không hề thuộc Trung quốc trước đời Tần .

Đến cả câu phú của Bảo Chiếu của đời Nam Bắc triều cũng không có gì ám chỉ tới chủ quyền của Trung quốc đối với các hòn đảo trên biển Nam Hải kể cả quần đảo Hoàng sa và Trường sa . Danh từ Trường Hải là biệt xưng của biển Nam Hải nhưng cũng có nghĩa là phần biển Nam Hải ở vào năm mươi hải lý phía nam Hải phong huyện tức là Kim Huyện về thời cận đại thuộc Quàng Đông; lại nữa phần biển Nam Hải ở gần đó mà Chu Khứ Phi đời Tống cũng gọi là Giao Chỉ Dương (20 độ Băc vĩ tuyến đến 15 độ bắc vĩ tuyến).

Ông Tề Tân lại viện thêm chứng cứ trong cuốn Chư Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát đời Tống, mà ông đã dẫn sai là Triệu Nhữ Thích.Chứng cứ đó là câu sau :" Về đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ năm, nhà Đường đặt Đốc phủ ở Quỳnh Sơn". Trước câu đó có đoạn tiền văn như sau, rất tiếc đã không được ông Tề Tân trích dẫn.

[……..

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

…….].

Hải Nam tức là Chu Nhai, Đạm.Nhĩ đời Hán vậy . Vua Vũ Đế bình xong Nam Việt, sai sứ xuất phát ỏ Từ Văn (nay là Lôi Châu Từ văn huyện), vượt biển sang chiếm cứ đất của đich quân, đặt ra hai quận Chu Nhai, Đạm Nhĩ. Chiêu Đế (86-73 trước Công Nguyên) phế bỏ Đạm Nhĩ sáp nhập vào quận Chu Nhai.Nguyên Đế, chiểu theo lời tấu nghị của Giả Quyên Chi bãi bỏ Chu Nhai mãi tới đời Lương (502-527 sau Công Nguyên) và đời Tùy (589-618) mới đặt lại. Đời Đường, Trinh Quan nguyên niên, lại chia ra làm ba châu Nhai Đạm và Chấn thuộc đạo Linh Nam. Đến năm thứ năm (631) Quỳnh Sơn ở Châu Nhai được đặt thành quân khu, và Vạn An huyện được đặt thành châu, nay là quân khu Vạn An, còn Đạm và Chấn, thời đó cũng như nay trở thành quân khu Cát dương và quân khu Xương Hóa, Năm thứ năm, niên hiệu Trinh Nguyên 789, Quỳnh Sơn được đặt làm Đốc phủ cho tới nay ".Theo đoạn trích dẫn có những điểm đáng chú ý nhưng đã bị bỏ quên.

1) Hải Nam không phải là lãnh thổ cố hữu của Trung quốc, nhưng của Nam Việt đã bị Trung quốc chiếm đoạt

2) Nhân dân Hải Nam giống người Lê [ ] luôn luôn nổi lên chống đối ách thống trị của Hán Tộc, mãi tới đời Đường trở đi, sau khi đặt ra quân khu mới tạm yên

3) Trong Chư Phiên Chí, tuy có nói tới Thiên Lý Trường Sa (thuộc quần đảo Hoàng Sa chứ không phải là Trường Sa của Việt Nam, mà người Tàu nay gọi là Nam Sa) và Vạn Lý Thạch Sàng, nhưng không thấy có chi tiết nào nói rõ những đảo dư đó thuộc quản hạt của Hải Nam. Cả đến Thất Lý Dương thấy có chép tới trong Tống Sử Kỷ Sự Bản Mạt, quyển 188, chương I , do ông Tề Tân dẫn ra,tuy là một biệt xưng của quần đảo Hoàng Sa về đời Tống, nhưng trong sử liệu trên cũng không có chỗ nào chép rằng Thất Lý Dương thuộc lãnh thổ Trung Quốc đời Tống .

Trong truyện Sử Bật đời Nguyên, có chép đến Thất Châu Dương và Vạn Lý Thạch Đường, và ông Tề Tân đã xin vào đó để chủ trương Thất Châu Dương và Vạn Lý Thạch Đường là Tây Sa và Nam Sa quần đảo. Nhưng theo Groeneveldt dịch Truyện Sử Bật ra tiếng Anh , thời Thất Châu Dương là quần đảo Paracels, tức là quần đảo mà Trung Cộng mệnh danh la Tây Sa quần đảo và Vạn Lý Thạch Đường tức là

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Macclesfied Bank, tức là những đảo dư thuộc Trung Cộng mệnh danh là Trung Sa quần đảo .
Về tích Trịnh Hòa bẩy lần "Hạ Tây Dương",theo ông Tề Tân lại đã từng qua Vạn Lý Thạch Đường, thiết tưởng cần thêm vài chi tiết như sau, ngõ hầu làm sáng tỏ hơn vấn đề này.
Từ năm 1405 đến 1421, vua Minh Thành Tổ đã phái Trịnh Hòa xuống Tây Dương tới tận vùng Nam Dương, Ấn Độ và Ba Tư để " tuyên dương uy đức" của nhà Minh. Năm 424 vua Nhân Tôn nhà Minh hạ lệnh ngưng cuộc thám hiểm Nam Hải và trao cho Trịnh Hòa Sứ mạng bảo vệ Nam Kinh ; đến 1430, vua Tuyên Tông nhà Minh mới lại phái họ Trịnh xuống Tây Dương lần thứ bảy tức lần chót. Bên trên đã nói mục đích những cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa là để tuyên dương uy đức nhà Minh, nhưng về thực tế uy đã thắng đức. Thực tế, mỗi lần xuống Tây Dương, họ Trịnh thống suất mấy vạn quân và hơn trăm chiếc hải thuyền, lần quan trọng nhất thấy có đến hơn ba trăm chiếc thuyền và ngót ba vạn quân . Vua chúa các tiểu quốc nào ở Á Châu từ chối không triều cống nhà Minh, tất bị đe dọa, khủng bố, lại có khi bị giải về triều đình Trung quốc để chịu tội, tỷ như một ông vua ở Tích Lan cũng đã lâm vào cảnh đó. Đi đến đâu hải quân của họ Trịnh cũng dựng bia kỷ niệm hành động xâm lược của họ, tỷ dụ ở Tích Lan hiện còn một tấm bia khắc bàng ba thứ chữ Hán, Ta Mun và Ba Tư; nằm mục đích nắm quyền kiểm soat Nam Hải và Ấn Độ Dương, quân Minh lại theo đuổi mục đích nữa là để giao dịch buôn bán với các nước Đông Nam Á . Dĩ nhiên là "công đức" đó của họ Trịnh đã được Hoa Kiều các nước liên hệ ca tụng ghi nhớ, bởi vậy ở nhiều nơi đã thấy có dựng đền thờ Trịnh Hòa, như ở Thái Lan và bến Samarang thuộc Java.Ở Malacca còn có cái giếng được đặt tên cho là giếng Tam Bảo Công [ ] , Tam Bảo Công tức là chức Tam Bảo Thái giám [ ] vua nhà Minh đã ban cho Trịnh Hòa năm 1431, và ở Đài Loan còn có một thứ gừng được mệnh danh là gừng Trịnh Hòa. Ngoài ra, ở Trung quốc lại còn có những cuốn tiểu thuyết và những bản kịch đã được soạn ra để đề cao công đức họ Trịnh . Tuy nhiên, theo sự phán xét của nhiều sử gia, trong đó có J.V.G Mills, dịch giả tiếng Anh cuốn Danh Nhai Thắng Lãm [ ] của Mã Hoan ,[ ] đã phải nhìn nhận là ngay ở Trung Quốc, sau đời Trịnh Hòa không còn mấy người nhớ tới những cuộc viễn chinh nói trên nữa, và chính những cuộc viễn chinh đó cũng không hề được dân chúng Trung Quốc coi là những đóng góp đáng kể vào những vinh quang thuở xưa của Trung Quốc. Điều này kể ra cũng dễ hiểu, vì bẩy lần xuống Tây Dương của họ Trịnh chẳng qua chỉ là những cuộc

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

xâm lăng trá hình của nhà Minh mà thôi . Lại cần thêm rằng chủ nghĩa bành trướng của nhà Minh chỉ giới hạn dưới triều Vĩnh Lạc, và hết đời vua Thành Tổ cũng chấm dứt thời kỳ oanh liệt của nhà Minh . Quân Minh mất dần nhuệ khí và bắt đầu thấy chớm nở trong dân gian Trung Quốc những tư tưởng chán ghét và phản đối chính sách quân phiệt cùng chủ nghĩa bành trướng của nhà Minh . Chính do lẽ đó và do nhiều sự thất bại liên tiếp, vua Nhân Tôn nhà Minh đã phải tạm ngưng các cuộc viễn chinh ở Hải ngoại. Ngay ở Việt Nam thời đó lực lượng quân sự của nhà Minh cũng rất khốn đốn trước sự phản công anh dũng của nhân dân V, Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Lê Lợi, thậm chí trong năm 1425,quân ta đã đánh cướp được 300 chiếc thuyền lương của quân Minh từ đường biển tới, và sau đó với nhiều trận đại thắng của quân ta, quân Minh đành phải triệt thoái khỏi nước ta vào năm 1427 là năm Bình Định Vương Lê Lợi dẹp xong giặc Minh, đem lại giang sơn cho nước nhà .

Với những trường hợp lịch sử đó, chẳng biết đội quân viễn chinh của Trịnh Hòa có đến Việt Nam đương thời không, hay chỉ đến địa hạt của Chiêm Thành thôi. Riêng về vùng biển Nam Hải tương đương với vị trí địa lý của quần đảo Hoàng Sa ngày nay vốn nằm trên Hải đạo Hương Cảng- Tân Gia Ba, tất nhiên là nơi đội quân viễn chinh đó không thể qua đó được, nhất là vì đã có tới Chiêm Thành. Tuy nhiên vẫn còn vài nghi vấn liên quan đến những điều mà ông Tề Tân đã thấy chép trong cuốn Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi .

Theo như ông Tề Tân đã cho biết, thời trong cuốn sách trên, có chép về việc Trịnh Hòa bảy lần xuống Tây Dương và đã từng qua Vạn Lý Thạch Đường, mà ông đã cho là Nam Sa quần đảo, tức là quần đảo Trường Sa ngày nay của Việt Nam . Mao nguyên nghi quả có soạn ra cuốn Vũ Bị Chí, gồm có tất cả 64 quyển , tuy có đề tựa vào năm 1621, nhưng mãi tới năm 1628 mới được dâng lên vua nhà Minh, và sau đó mới được khắc in để lưu hành. Hiện nay chỉ còn giữ được một cuốn duy nhất có bản đồ Á Châu hồi thế kỷ thứ 15, hiện được tàng trữ ở Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ (Library of Congress) tại Hoa Thịnh Đốn, bản đồ này thấy được in trên 40 trang (Folios 2V-Folios 22).Ngoài bản đồ này, mà chỉ thấy có trong cuốn Vũ Bị Chí ở Hoa Kỳ, nghe đâu còn có một bản đồ nữa, so với bản đồ trên, nội dung có khác và giá trị kém xa, nhưng chữ Hán ở đó đọc rõ hơn nhiều. Đó là bản đồ thấy có trong cuốn Vũ Bị Bí Thư [ ] (1800) của Thi Vĩnh Đồ [ ] cũng là tác giả cuồn Hải Vận Yến Lược [ ] (1840), theo kiến giải của J.V.G. Mills vạ.J.L. Duyvendak, tác giả cuốn Ma

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Huan reexamined (1933), thì có thể Mao Nguyên Nghi đã căn cứ vào một bản đồ của ông nội mình là Mao Khôn [ ] (1511-1601) vốn là người đã cùng soạn cuốn Trù Hải Đồ Biên [ ] (1562) với Trịnh Nhược Tăng [ ], và lại đã đề tựa cho cuốn sách đó.Bản đồ của Mao Khôn tuy đã được vẽ ra hơn 100 năm sau cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa, nhưng hình như đã căn cứ vào những tài liệu đã được thâu nhập trong cuộc viễn chinh của họ Trịnh.Trên bản đồ đó duy chỉ thấy nhưng danh xưng Thạch Đường [ ], Vạn Sinh Thạch Đường Dư [ ], và Thạch Tinh Thạch Đường [ ] . Theo sự giải thích đáng tin cậy của Mills, thời Thạch Đường tức là ám tiêu quần đảo Paracels(Paracels Reefs) Vạn Sinh Thạch Đường Dư tức là quần đảo Paracels (Paracels Island) còn Thạch Tinh Thạch Đường tức là danh xưng của Macclessfilef Bank trên bản đồ của Mao Khôn . Như vậy trong bản đồ trên, không thấy có danh xưng Vạn Lý Thạch Đường, mà ông Tề Tân đã cho là tương đương với Nam Sa quần đảo.

Ngoài cuốn Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi ra, còn có một tài liệ nữa có liên quan đến những cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa. Đó là cuốn Doanh Nhai Thắng Lãm [ ] của Mã Hoan [ ]. Mã Hoan vốn có đôi chút kiến thức về những tiếng Ả Rập, Ba Tư, đã làm thông dịch viên cho Trịnh Hòa những lần viễn chinh thứ tư (1413-1415), thứ sáu (1421-1422), và thứ bảy (1431-1433). Trong cuốn Doanh Nhai Thắng Lãm, về lần viễn chinh thứ bảy,thấy có chép rằng trong chuyến đi Hormuz, (Ba Tư), đội quân viễn chinh của Trịnh Hòa đã đến Chiêm Thành (địa hạt Quy Nhơn ngày nay) vào ngày 27-1-1432, chuyến trở về Bắc Kinh ngày 28-5-1433, đã đến Côn Lôn Dương [ ] (vùng biển Nam Hải xung quanh Poulo Condor) ngày 10-6-1433,đã đến Ch'ih K'an(Kega),ngày 13-6-1433 lại đến Chiêm Thành (Qiu Nhơn) nghỉ ở đó cho tới ngày 17-6-1433, lại lên đường và đến ngày 19-6-1433 đã đến Wai Lo Shan (Ngoại La Sơn) [ ] , tức Cù Lao Ré). Ngoại giả không thấy nói tới Vạn Lý Thach Đường gì cả.Vả lại,Vạn Lý Thạch Đường đâu có phải là Nam Sa quần đảo như ông Tề Tân đã nhận định.Như bên trên đã nói, theo Groeneveldt, Vạn Lý Thạch Đường tức là một biệt xưng của Bãi cồn Macclesfiled (Macclesfiled Bank) và kiến giải này cũng đã được những nhà khảo cứu có uy tín như Friedrich Hirth và W.W. Rockhill đã xác nhận. Trong bai tựa cuốn Chỉ Nam Chính Pháp [ ] vào cuối đời Khang Hi cũng có thấy chép về Vạn Lý Thạch Đường và cả về Vạn Lý Trường Sa nữa như sau [ ]

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

"Nhược quá Thất Châu, tham đông thất canh, tắc kiến Vạn Lý Trường Sa…sử nhất nhật Kiến Ngoại La đối khai.Đông thất canh tiện thị Vạn Lý Thạch Đường…"

Theo như được chú thích trong cuốn Lưỡng Chủng Hải Đạo Châm Kinh [ ] của Trung Hoa Thư Cục ấn hành năm 1961 tại Bắc Kinh, trong đó được giới thiệu cuốn Thương Phong Tương Tống[ ] và cuốn Chỉ Nam Chinh Pháp, thời Vạn Lý Thạch Đường và Vạn Lý Trường Sa được coi là Nam bộ và Bắc bộ của Tây Sa quần đảo (tức là của quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam), lời chú thích nguyên văn như sau; [……]

"Vạn Lý Thạch Đường:tự An-Nam, Tân Châu cảng ngoại hiệu bôi dư bắc thất canh hoặc tòng Ngoại La tham đông, câu khả Chí Vạn Lý Thạch Đường,tức tại Kim Việt nam Bình định đông bắc.Phả nghi thử tức Kim Tây sa quân đảo chi nam bộ (từ hải cảng Tân Châu của An Nam ra ngoài khơi cách hiệu bôi dư 7 canh về phía Bắc, hoặc từ Ngoại La đi về phía đông, đều có thể đến được Vạn Lý Thạch Đường tức là ở đông bắc Bình Định Việt Nam ngày nay. Rất ngờ đó là nam bộ Tây Sa quần đảo ngày nay).

[….]

Vạn Lý Trường Sa :" tại đảo Hải Nam đảo đông nam Đại Châu Đầu nam chỉ thất canh thử đương thị Tây Sa quần đảo chi bắc bợ". (Ở đông nam đảo Hải Nam chỉ cách phía Nam Đại Châu đầu có 7 canh,đó phải là bắc bộ Tây Sa quần đảo).

Ngoài ra lại thấy chú thích về Tân Châu cảng và Ngoại La như sau: [ ]

Tân Châu cảng: Chiêm Thành quốc đô cảng khẩu tức Việt Nam chi Qui Nhơn, thuộc Bình Định tỉnh(cảng Tân Châu là cửa biển nước Chiêm Thành tức Qui Nhơn Việt Nam ngày nay thuộc tỉnh Bình Định).

[…….]

Ngoại La : tại Việt Nam Tân Châu cảng ngoại, nhập Tân Châu cảng dĩ thử vi vọng sơn; Kim địa vô khảo (ở phía ngoài cảng Tân Châu Việt Nam, vào cảng Tân Châu lấy đó làm vọng sơn , ngày nay thuộc nơi nào thì không khảo cứu được,) Xem đó, Vạn Lý Thạch Đường và Vạn

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Lý Trường Sa mà ông Tề Tân đã đề cập tới không phải là địa điểm tương đương với quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Lại có điểm đáng lưu ý là có nhiều sự dè dặt trong những lời chú thích của soạn giả cuốn Lưỡng Chủng Hải Đảo Châm Kinh về những địa điểm có liên quan tới vùng quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam cũng như vùng duyên hải Việt Nam và Chiêm Thành, như đã chứng tỏ những danh tù" phả nghi" (rất ngờ), " vô khảo"(không khảo cứu được), v.v…Vậy thiết tưởng ta có thể ta có quyền nghĩ rằng đó là những lời thiếu đích xác của những ngoại nhân bàn xuông tới những địa điểm không thuộc về lãnh thổ của nước họ.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận một trong những nguyên nhân chính yếu, khiến Trung Quốc có thái độ sỗ sàng như vậy đối với lãnh thổ Việt Nam, là vài điều bất hạnh lịch sử đã xảy ra cho dân tộc Việt Nam thuở xưa.Dân tộc Việt Nam đã từng bị người Tàu đô hộ trong hơn 1000 năm, và chịu ảnh hưởng của họ rất sâu xa về nhiều phương diện. Riêng rề đường văn tự chữ Hán, ngay cả sau khi dân tộc Việt Nam đã lấy lại được nền tự chủ về chính trị, vẫn được coi làm thứ chữ của Chính phủ dùng lại được dùng để biên soạn sách vở, đặc biệt là những sách về lịch sử địa lý Việt Nam . Một kết quả là hầu hết thảy nhân danh , địa danh Việt Nam, là những danh từ chữ Hán . Thứ tới một số sách lịch sử địa lý Việt Nam đầu tiên đã bị thất truyền.

Năm 1075, vua Lý Nhân Tông [ ] có sai Lý Thường Kiệt [ ] vẽ hình thế sông núi của ba châu Ma linh, Địa Lý và Bố Chính mà Chế Củ, vua Chiêm Thành đã dâng cho vua Lý Thánh Tông [ ] năm 1069 để chuộc mạng.Lại đến những năm 1172-1173, nhân một cuộc đi tuần để quan sát núi sông đường sá, cùng đời sống của nhân dân, vua Lý Anh Tông [ ] có ra lệnh cho các quan soạn bản địa đồ của nước ta. Nhưng chẳng may những tài liệu trên nay không tìm thấy đâu nữa. Về đời Trần ngoài cuốn an Nam Chí Lược [ ]của Lê Tắc [ ] trong đó còn có một phần dành cho địa lý chắc còn có những cuốn địa chí, hoặc những cuốn Việt Sử chép về địa lý Việt Nam, như Việt Sử Cương Mục [ ], Đại Việt Sử Ký [ ], nhưng những cuốn này cũng như nhiều cuốn khác hồi thế kỷ 15 đã bị quân Minh thu lấy cả,đem vê Kim Lăng mất rồi .

Mãi tới đời Lê, chúng ta mới thấy có quyển sách địa lý đầu tiên của người Việt Nam , là cuốn Dư Địa Chí hay An Nam Vũ Cống của Nguyễn Trãi. Kế đến, theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, vua Lê Thánh Tông có ra lệnh cho các quan trấn thủ các Thừa tuyên, thân hành khám

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

xét sông núi hiểm trở thuộc địa phương của mỗi người để vẽ thành bản đồ và hai lần nhà vua đã giao cho Bộ Hộ quy định những chi tiết do các quan địa phương tiến dâng để lập thành những địa đồ của toàn vẹn lãnh thổ Đại Việt.

Những tài liệu này lại cũng bị thất truyền, nhưng rất may còn thấy được một cuốn Thiên Nam Chí Lộ Đồ Thư của Đỗ Bá [ ], tuy đã được soạn nên vào cuối thế kỷ thứ17,nhưng phần nhiều đã căn cứ vào những chi tiết thâu lượm được hồi cuối thế kỷ thứ 15, khi vua Lê Thánh Tông thân chinh Chiêm Thành . Ngoài cuốn địa lý này ra,lại phải kể tới vài cuốn khác dưới thời Lê Trung Hưng, và đời Nguyễn. Dưới đời Lê Trung Hưng, Lê Quý Đôn [ ] (1726-1784) có soạn ra cuốn Phủ Biên Tập Lục [ ], gồm 6 quyển,tựa viết năm 1776,sách này được ông soan ra khi làm Hiệp đồng kinh lý quân sự ở hai đạo Thuận Hóa, Quảng Nam .Nhưng phải đợi tới triều Nguyễn, sau khi thống nhất được lãnh thổ Việt Nam, mới có được những sách địa lý tương đối đầy đủ hơn, như Nhất Thống Địa Dư Chí của Lê Quang Định (1760-1813), Gia Định Thông Chí của Trịnh Hoài Đức (1765-1825), và nhất là bộ Đại Nam Nhất Thống Chí (1865-1882), và quyển Hoàng Việt Địa Dư Chí (1834) trích trong bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú(1782-1840).

Nhờ có mấy cuốn Đia lý Việt Nam còn sót lại đó, chúng ta hi vọng có thể khôi phục được phần nào sự thực về nhiều địa điểm thuộc lãnh thổ Việt Nam, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa .

Trước hết để lập luận bên dưới được dễ hiểu hơn, thiết tưởng cần phải nhắc nhở lại ở đây những chặng đường kế tiếp trong cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam, dọc theo duyên hải từ Băc chí Nam .Sau trận đại thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, dân Việt đã thoát ly khỏi ách đô hộ của người Tàu. Tuy nhiên vẫn ở vào một vị thế cực kỳ khó khăn để khởi hành trong cuộc tranh sống. Từ phương Bắc quân Tàu luôn luôn gây hấn, lăm le thôn tính nước ta lần nữa, trong khi ở phương Nam dân tộc Chiêm Thành lập quốc từ thế kỷ thứ hai trên suốt dọc miền duyên hải Trung bộ Việt Nam ngày nay cũng luôn luôn đánh lên để bành trướng lãnh thổ.Dân Việt bị kẹt giữa hai khối thù nghịch đó đã phải chiến đấu bền bỉ và anh dũng để tự vệ và sinh tồn. Họ chiếm Quảng Bình,Quảng Trị hồi thế kỷ II, Thuận Hóa hồi thế kỷ thứ 14, Quảng Nam,Quảng Ngãi, Bình Định hồi cuối thế kỷ 15, Phan Rang, Phan Thiết hồi thế kỷ 17 và trong đầu thế

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

kỷ 18 đã làm chủ toàn bộ đất đai Thủy Chân Lạp tức là Nam Việt hiện tại. Trong bốn thế kỷ đó, họ đã lần lần Việt hóa được suốt giải bờ biển Trung bộ và đông bằng Nam bộ, cũng như thuở xưa dân Trung quốc đã đồng hóa được Quảng Đông, Quảng Tây. Đó là nói về phương diện lãnh thổ Việt Nam có liên quan tới cuộc Nam tiến của dân tộc. Về phương diện lãnh hải,cũng còn thấy vài di tích lịch sử đáng kể.

Như đã nói qua ở bên trên, biển từ đảo Hải Nam trở xuống phía Nam đã sớm được người Tàu mệnh danh là biển Nam Hải. cũng có khi được biệt xưng là Trướng Hải. Kế đến biển Nam Hải được người Tàu chia ra làm 2 hải vực mệnh danh la Tây Dương và Đông Dương . Tục truyền đường phân giới khởi điểm ở đảo Ta-Tan (đông kinh tuyến 118 độ 09) gâng hải cảng Hạ Môn và một điểm phân giới nữa ở vào một nơi mệnh danh la Wen-Lai [ ] (đông kinh tuyến 114 độ 56) , trên Tây hải ngạn Bornéo. Đường phân giới chạy qua phía đông Pai-Hua (Pajajaran) ở Tây bộ Java(vào khoảng đông kinh tuyến 106 độ 58) . Tây Dương cũng được mệnh danh là Tây Nam Dương và bao quát những nước xưa như Giao Chỉ, Cao Miên, Xiêm, Mã Lai, Qua-Oa và cả Ấn Độ, Ba-Tư, Ả- Rập, còn Đông Dương thời gồm có Nhật Bản, Phi Luật Tân,Đài Loan, bờ biển phía tây bornéo và Java bây giờ. Lấn lên cà Tây Dương lẫn Đông Đương là phần biển Nam Hải được mệnh danh là Nam Dương đi từ lãnh hải Chiêm Thành cho tới Java về phía Nam . Sự phân chia hải vực của biển Nam Hải vốn đã được người Tàu bắt đầu thực hiện từ cuối đời Nguyên, nhưng đến đời Minh mới thực sự phổ thông như đã chứng tỏ sự tích Trịnh Hòa 7 lần hạ Tây Dương .Đến năm 1617 Trương Nhiếp [ ] có soạn một cuốn sách nhan đề là Đông Tây Dương Khảo [ ], trong đó sự phân biệt giữa Đông Dương và Tây Dương càng rõ rệt hơn . theo sách đó thì sự giao thông giữa Trung quốc và Đông Nam Á phải theo hai con đường gọi là Đông Dương Châm Lộ [ ]. Những địa điểm mà Đông Dương Châm Lộ đi qua là Molucca, Bỏnéo, quần đảo Phi Luật Tân và Đài Loan bây giờ, còn Tây Dương Châm Lộ thì đi tới duyên hải Ấn Độ Chỉ na, quần đảo Mã-Lai, Sumatra và Java. Kế đến đời Thanh, Trần luân Quýnh,[ ] có soạn ra cuốn Hải quốc văn kiến lục [ ] (chứ không phải Hải Quốc Kiến Văn Lục như ông Tề Tân đã chép sai). Trong cuốn này có 2 danh xưng mới xuất hiện là Nam dương và Đông nam dương. Riêng nước ta thời xưa đã từng được mệnh danh là nước Giao Chỉ đã bất chấp sự phân chia hải vực độc đoán

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

đó của người Tàu, chứng cớ là phần biển Nam Hải thuộc lãnh hải phía bắc Việt Nam bây giờ từ bắc vĩ tuyến 20 đến bắc vĩ tuyến 15, đã được mệnh danh là Giao Chỉ Dương [ ] , danh xưng này cũng đã thấy được ghi trên bản đồ của Mao Khôn noid trên. Một chứng cớ nữa là dân chúng Việt Nam thường gọi biển Nam Hải là biển Đông, vì là biển ở phía Đông Việt Nam. Bởi vậy đã có những câu ca dao như:

" Dã tràng xe cát bể Đông,
Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì".

Chính trên biển Đông đó từ lâu đời đã thấy tọa lạc quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa .Danh xưng của hai quần đảo này chẳng phải là xa lạ gì đối với nhân dân Việt Nam, nhất la đối với cư dân vùng duyên hải Việt Nam. Thực thế, theo sử sách dân Việt những vùng Quảng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An đã từng nổi tiếng là những dân chài lành nghề và táo bạo. Theo như đã chép trong cuốn lịch sử bang giao giữa Trung quốc và Việt Nam, từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19 (Histoire des relations de la Chine avec'l An-Nam – Việt Namdu 16è au 19è siècle) của G.Deveria (1880), thị những người dân đó đã từng vượt biển đi về phía bắc để tìm kiếm hải sản , một số người đó lại làm nghề hải khấu, uy danh lừng lẫy đến cả vùng duyên hải trung quốc như Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tô. Thừa kế truyền thống của những dân chài Quảng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An, những dân chài Việt Nam từ Quảng Nam đến Hà Tiên cũng thường vượt biển trên ghe bầu tơi những hải đảo xa gần để bắt hải sâm, bào ngư, trai ngọc và yến sào.

Trong Phủ Biên Tapl Lục của Lê Quý Đôn, thấy có chép như sau:

"Ở ngoài cửa biển lớn về địa phận xã Yên Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa có một hòn núi mang tên là Cù Lao Trẻ.

Ở ngoài núi Cù Lao Trẻ có đảo Đại Trường Sa. Ngày trước, nơi đây thường sản xuất nhiều hải vật chở đi bán các nơi, nên nhà nước có thiết lập một đội Hoàng Sa để thu nhận các hải vật. Người ta phải đi ba ngày đêm mới đến được đảo Đại Hoàng Sa ấy, như thế là đảo Đại Hoàng Sa đã gần đến xứ Bắc Hải.

Các cửa biển Tân quan, Thời phú, Nước Trầm, Nước Man thuộc phủ Qui Nhơn có nhiều hòn sơn đảo, trong đó có nhiều tổ chim yến, nên nhà nước thiết lập một đội Thanh Châu để đi lấy yến sào (tổ chim yến).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Ở ngoài biên Dinh thuộc phủ Bình Thuận, có hòn núi được gọi là Cù Lao Phú Quí, chiều rộng chừng vài ba dặm, cũng có nhiều yến sào.

Ra phía ngoài Cù Lao Phú Quí, có một hòn núi tên là Cù lao Phương . Ngày trước có nhiều hóa vật ở cửa biển ấy nên nhà nước lập ra đội Hải Môn để đi lấy các hóa vật ấy".

Cũng ở quyển II , Phu Biên Tạp lục, lại thấy có hai đoạn như sau: " Xã Yên Vĩnh, thuộc huyện Bình Sơn, phủ Quãng Nghĩa ở gần bãi biển, về hướng Đông Bắc có nhiều đảo và có nhiều núi linh tinh, hơn 130 đỉnh. Từ trên khoảng núi ra đến biển cách nhau có chỗ, hoặc một ngày đường, hoặc mấy trống canh. Trên các ngọn núi, thỉnh thoảng có suối nước ngọt. Ở trong các hòn đảo có bến cát vàng, chiều dài ước chừng hơn 30 dặm,bằng phẳng và rộng lớn, nước trong veo nhìn suốt đáy. Ở bên các hòn đảo có vô số tổ yến (yến sào), còn các thứ chim thì kể có hàng nghìn,hàng vạn con,hễ thấy người chúng vẫn cứ đậu chung quanh người, chứ không hề tránh né".

"Bãi biển Hoàng Sa ở gần địa phận phủ Liên Châu, thuộc tỉnh Hải Nam bên Tàu. Những người nước ta đi thuyền đôi khi có gặp những thuyền đánh cá của người Bắc quốc(tức Trung quốc) ở ngoài biển.

Giữa biển cả,người hai nước hoi han nhau, người ta thường thấy chính viên đường quan huyện Vạn Xương, thuộc Quỳnh Châu tra xét những người Thuận Hóa đi biển, và trong công văn viên quan ấy đề: "Năm thứ 18, niên hiệu Càn Lon 10 tên quân nhân ở xã Yên Bình, trong đội Cát Liêm thuộc huyện Chương Nghĩa phủ Quảng Nghĩa , nước Yên Nam ngày 7 đi ra " Vạn Lý Trường Sa" lượm nhặt các hải vật.8 tên trong bọn ấy lên bờ biển tìm lượm các hải vật, còn 2 tên ở lại coi giữ thuyền. Vì một trận cuồng phong thổi mạnh làm đứt neo thuyền, nên 2 tên ấy bị trôi dạt vào cảng Thanh Lan (bên Tàu) , Viên quan tra xet đích thực, nên cho áp tống 2 tên này trở về nguyên quán".

Trong 3 đoạn vừa trích dẫn ra bên trên, có mấy điểm sau đáng được lưu ý:

1) Lê Quý Đôn cho ta biết thời ông đã lâu họ Nguyễn có thiết lập những đội Hoàng Sa, Thanh Châu, Hải Môn, gồm có những dân chài lành nghề, thuộc các phủ Quảng Nghĩa , Bình Thuận để thu nhận các hải vật.

2) Những danh xưng như Trường Sa [ ], Đại Trường Sa [ ], Hoàng Sa [ ] và Vạn Lý Trường Sa [ ] đã thấy được dùng ở đó.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Riêng 2 danh xưng Trường Sa[ ] và hoàng Sa[ ] lại đã thấy có trong một sử liệu xua hơn cả Phủ Biên Tạp Lục, và thay vì hình thức chữ Hán Hoàng Sa đã thấy ở đó cung danh xưng dưới hình thức chữ Nôm bãi cát vàng. Dưới đây là đoạn trích từ sử liệu đó.

[…….]

"Hải trung hữu nhất Trường Sa,danh Bãi cát vàng ước trường tứ bách lý,khoát nhị thập lý,trác lập hải trung. Tự Đại chiêm hải môn,chí sa vinh môn, mỗi tây nam phong , tắc chư quốc thương bạc nội hành phiêu bạc tại thử; đông bắc phong,ngoại hành diệc phiêu bạt tại thử, tịnh giai cơ tử. Hóa vật các trí kỳ xứ. Nguyễn thị mối niên quý đông nguyệt trì thuyền thập bát chích, lại thử thủ hóa, đa đắc kim ngân tiền tệ súng đạn đẳng vật. Tự Đại chiêm môn việt hải chí thử nhất nhật bán.Tự Sa kỳ môn chí thử bán nhật.

Kỳ trường sa xứ diệc hữu đại nội".

Nghĩa là :

…"Giữa biển có một dãi cat dài, gọi là Bãi cát vàng, dài độ 400 dặm, rộng 20 dăm; đứng dựng giữa biển.Từ cửa biển Đại chiêm đến cửa Sa Vinh, mỗi lần có gió Tây Nam thì thương thuyền chạy ở ngoài cũng trôi dạt ở đấy,gió đông bắc thì thương thuyền chạy ở ngoài cũng trôi dạt ở đấy, đều cùng chết đói hết cả. Hàng hóa thì đều để nơi đó. Họ Nguyễn mỗi năm vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến đấy lấy hàng hóa, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ súng đạn.Từ cửa Đại Chiêm vượt biển đến đây thì phải một ngày rưỡi .Từ cửa Sa Kỳ đến đây thì phải nửa ngày.

Chỗ bãi cát dài ấy cũng có đồi mồi." (Hồng Đức bản đồ, Tủ sách Viện Khảo cổ số III,Sàigòn 1962).

Còn về danh xưng Vạn Lý Trường Sa,tuy không thấy có trong Hồng Đức bản đồ,nhưng chắc chắn là danh xưng đó phải có vào thời đó rồi .Chứng cớ là đã thấy có trong Phủ Biên Tạp Lục. Kế đến trong Đại Nam Nhất Thống Chí quyển 6 về tỉnh Quảng Ngãi, cũng có chép như sau về Vạn Lý Trường Sa : " Ở phía đông Cù Lao Ré. Từ biển Sa Kỳ chạy ghe ra khơi, thuận gió thì 3,4 ngày đến. Trên đảo có các núi la liệt trên 130 hòn, cách nhau 1 ngày đường, hoặc trong vài canh. Trong bãi có đảo Hoàng Sa (cát vàng) kéo dài không biết mấy

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

ngàn dặm, tục danh là Vạn Lý Trường Sa (xin lưu ý tới 2 chữ tục danh)".

Mấy dữ kiện trên cho phép ta kết luận như sau về thực tại lịch sử của hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

a) Trễ nhất từ thế kỷ 15 đến thế kỷ thứ 17, ở Việt Nam đã thấy nói tới I bãi cát vàng, nhất danh là bãi cát dài muôn dặm (Vạn Lý Trường Sa). Có điểm đáng lưu ý là trong cuốn Chỉ Nam Chính Pháp vào đầu thế kỷ thứ 18 cũng có nói tới danh xưng Vạn Lý Trường Sa. Mặt khác rất có thể Thiên Lý Trường Sa được nói tới trong Chư Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát đời Tống cũng là một với Vạn Lý Trường Sa, và đó lại là một chứng cứ nữa để có thể suy luận rằng, từ lâu trước thế kỷ thứ 15, quần đảo Hoàng Sa đã thuộc lãnh hải Việt Nam rồi.

b) Tuy trong Hồng Đức bản đồ, không thấy xác định vị trí địa lý của quần đảo Trường Sa, nhưng danh xưng Trường Sa đã thấy được dùng ở đó để chỉ những bãi cát trên đất liền vùng duyên hải Trung Việt cũng như những bãi cát ngoài khơi biển Đông thuộc lãnh hải của Chiêm Thành trước.

c) Như trên đã nói tới, Hồng Đức bản đồ vốn căn cứ vào những tài liệu địa lý đã thâu nhập được trong cuộc thân chinh Chiêm Thành của Lê Thánh Tông. Bởi vậy chắc chắn là danh xưng Trường Sa đã được Lê Thánh Tông đặt ra hoặc sử dụng vào cuối thế kỷ thứ 15, sau khi hạ lệnh cho thổ tù Nguyễn Võ phác họa bản đồ về núi sông nước Chiêm Thành để dâng lên ngài duyệt lãm (Phủ Biên Tạp lục quyển I). Danh xưng chữ Nôm bãi cát vàng lại cho phép ta nghĩ rằng đồng thời với danh xưng Trường Sa, cũng đã có danh xưng chữ Nôm bãi cát dài, mà theo lối phát âm tiếng Việt trong cuốn An Nam Di Dịch Ngữ hồi thế kỷ 15 phải đọc là Bãi Cát Yài.

d) Trước khi thuộc về lãnh hải Việt Naml tất nhiên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã phải mang một tên Chàm như có thể chứng tỏ những địa danh Chàm A maravati,Kâuthara,Pânduranga, tương đương với những địa danh Việt Nam Quảng Nam, Nha Trang và Phan Rang đã thay thế cho những địa danh Chàm trên. Danh xưng Chàm đến trước danh xưng bãi cát dài , Trường Sa của Việt Nam là danh xưng Chàm Pulau, danh xưng này cũng đã được Việt hóa thanh danh xưng Cù Lao mà ta còn thấy đươc dùng trong đảo danh Cù Lao Chàm theo Đại Nam Nhất Thống Chí quyển 5 về tỉnh Quảng Nam lại có đại danh vắn tắt là Cù Lao, cùng các đảo danh khác như Cù Lao Bo Bai, Cù Lao Ré, Cù Lao Poula Gambir, Cù Lao Cecir de Terre,Cù Lao Hon (Poulo), Cecir de Mẻ,v.v… Vậy ngay tưg thế kỷ 15, Trường Sa đã

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

có những danh xưng Trường Sa, Bãi cát dau\i(Yài), Cù Lao cát dài được tùy tiện dùng lẫn cho nhau nơi cửa miệng dân chúng duyên hải Trung Việt.

Sự thể đã rành rành như thế mà ông Tề Tân lại cứ khăng khăng cho rằng Trường Sa thuộc về lãnh thổ Trung quốc từ lâu đời. Trước ông Tê Tân, trong bài nhan đề:

[…….]

Ngã quốc Nam Sa quần đảo đích chủ quyền bất dung xâm phạm của Thiệu Tuấn Chinh[] [đăng tải trong Nhân Dân Nhật Báo [ ] số ngày 5-6-1956, cũng đã thấy có chủ trương tương tự như vậy. Theo ký giả đó,Nam Sa vẫn được mệnh danh trong sử tịch Trung Quốc từ trước tới nay dươi danh xưng Đoàn Sa quần tiêu [ ] và đã từng có ngư dân Trung quốc theo định kỳ tới đó bắt cá, cùng thâu lượm hải sản, lại có người đến cư trú ở đó nữa. Nguyên văn đoạn trên như sau: [……..]

Rất tiếc là không có lời chú dẫn nên không rõ chủ trương trên đã căn cứ vào sự tích nào của Trung Quốc, nhưng có một sự kiện không ai phủ định được là quần đảo Trường Sa ngày nay tọa lạc ở một vị trí gân vơi Phi Luật Tân và Việt Nam hơn là vơi Trung Quốc.

Vả lại, dù cho là Trường Sa và cà Hoàng Sa không thể hoàn toàn thuộc về lãnh hải của Chiêm Thành đi nữa, thì vẫn còn một sự kiện không sao phủ nhận được đó là những mối liên hệ lịch sử của 2 quân đảo trên đối với Chiêm Thành.Thực thế Chiêm Thành vốn là một nước nghèo nàn nhưng có vị trí địa lý ở vào ngã ba những hải lộ trọng yếu của Viễn Đông, và là một dân tộc thích biển và giỏi nghề đi biển nên đã từng làm giàu được bằng hải thương và cả bằng hải khấu nữa. Đặc biệt từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ X, dân này đã kiểm soát được không những nghề buôn bán hương liệu giữa Nam Dương và Trung Quốc, lại cả nghề buôn bán tơ lụa, cũng bằng đường biển, giữa Trung Quốc đời Đường và Vương quốc Ả-Rập Abbasides trị vì ở Bagdad từ năm 762 đến mãi năm 1258. Ngoài ra, họ đã từng xuất cảng sang Tàu và nhiều nước Ả-Rập những thổ sản của

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nước họ như ngà voi và gỗ trầm hương . Trong những chuyến đi buôn trên đường biển, tất nhiên họ sẽ không thể không qua vùng Hoàng Sa và Trường Sa được. Vậy hai quần đảo này, đã là hai cứ địa kinh tế của dân Chàm trước khi thuộc về chủ quyền của Việt Nam.

e) Riêng về Trường Sa,sau khi được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam trễ nhất từ thế kỷ thứ 15 như vừa nói tới bên trên,đã được đặt tên chữ là Trường Sa,trong khi tên Nôm là Cù Lao cát dài(yài) vẫn được thông dụng ở cửa miệng dân chài vùng duyên hải Trung Việt.

Kế đến, dưới triều Nguyễn, , để tránh khỏi có sự lẫn lộn giưa danh xưng Vạn Lý Trường Sa vốn đã được áp dụng từ lâu về trước cho quần đảo Hoàng Sa, danh xưng Hoàng Sa nhất danh là bãi cát vàng đã được dành riêng cho quần đảo Hoàng Sa, còn danh xưng Vạn Lý Trường Sa chỉ được dùng riêng cho những hòn đảo ở xa về phía Nam quần đảo Hoàng Sa, tức là quần đảo Trường Sa ngày nay. Vị trí Nam Bắc đối nhau đó của 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lại đã được ghi rõ trên Đại Nam Nhất Thống toàn đồ Riêng về quần đảo Hoàng Sa, lại đã được thương nhân Bồ Đào Nha mệnh danh cho là quần đảo Ilhas do Paracel (Paracel).Paracel có nghĩa là đá ngầm(ám tiêu) và danh xưng này đả thấy xuất hiện lần đầu tiên trên một bản đồ Bán đảo Đông Dương do anh em Van Langen,ngươi Hòa Lan ấn hành năm 1959 và đã được vẽ nên nhờ ở những tài liệu của người Bồ Đào Nha nối gót nhà hàng hải trứ danh Vasco do Gana, là người Âu tiên phong thám hiểm được đường biển đi Ấn-Độ (1498).

Kế đén,người Pháp lại dùng danh xưng Paracel phiên âm từ tiếng Bồ Đào Nha ra để chỉ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam . Trong cuốn Mémoire sur la Cochinchine dont le Souverain porte aujourd'hui le titre d'Empereur comprend la Cochinchine proprement dite, le Tonkin….. quelques iles habitées peu éloignées de la côte et l'archipel des Paracels, nghĩa là "xứ Giao Chỉ China mà Quốc vương nay đã xưng Đế hiệu gồm có chính xứ Giao Chỉ Chi Na; Bắc Hà;… vài hòn đảo dân cư thưa thớt cách bờ biển không xa cho lắm và quần đảo Paracels".

Trong cuốn Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutumes (1833). Giám Mục Taberd cũng đã có ghi rõ như sau : Nous n'entrerons pas dans l'enumération des principales iles dépendantes de la Cochinchine. Nous ferons seulement observer que depuis de 34 ans l'archipel des Paracels *nommé par les Annamies Cát Vàng* ou Hoàng Sa (Sable jaune) véritable labyrinthe

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

de petis ilots de rocs et de bancs *de sable justement redout é s des navigateur* a é té occup é pả les Conchinchinois, nghĩa là: "Chúng tôi không đi vào việc liệt kê những hòn đảo chính yếu của xứ Giao Chỉ Chi Na. Chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng tù hơn 34 năm nay, quần đảo Paracels mà người Việt gọi là *Cát Vàng* (Hoàng Sa) gồm rất nhiều hòn, đảo chằng chịt với nhau, lởm chởm những đá nhô lên giữa những bãi cát đã được người Việt xứ Đàng Trong chiếm cứ, đã khiến những kẻ đi biển phải kinh sợ.

Trong hai đoạn văn Pháp trích dẫn bên trên, có vài điểm đáng chú ý.

a) Một là danh xưng Bồ Đào Nha *Parcel (Pracel)* và danh xưng Pháp *Paracels* đồng nghĩa với danh xưng người Tàu như *Thạch Đường* nghĩa là *bức đê, bức tường, bờ cao* bằng đá. Do nghĩa đó, có thể suy ra rằng thương nhân người ngoại quốc thưở xưa gồm có người Tàu, người Bồ đào Nha, người Hòa Lan, người pháp,.v.v.. đã từng có những kinh nghiệm đầy lo ngại đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Tàu bè của họ vốn là những chuyến thuyền lớn hoặc tàu lớn có chốt sắt nên họ rất sợ phải qua vùng Hoàng Sa là nơi tục truyền có nhiều chất thạch lại là nơi có nhiều đá ngầm mọc dưới mặt biển thuyền tàu lở va phải là vỡ. Bởi vậy người tàu mới có câu tiếng Hoa "Thượng phạ Thất châu hạ phạ Côn Lôn", nghĩa là trên thì sợ Thất Châu dưới thì sợ Côn Lôn hoặc Tiếng Hoa "Khứ phạ Thất Châu, hồi phạ Côn Lôn" nghĩa là đi thì sợ Thất Châu về thì sợ Côn Lôn. Trái lại, dân Việt Nam miền duyên hải Trung Việt như đã nói trên thường vượt biển trên những chiếc ghe bầu nên không hề sợ hãi đối với *Hoàng Sa* và *Trường Sa* như đã chứng tỏ danh xưng lâu đời của quần đảo này mà họ chỉ coi là những bãi cát vàng và cát dài.

b) Điểm nữa đáng chú ý là những sự kiện có liên quan đến người Bồ đào Nha, Hòa Lan và Pháp từ thế kỷ 16 đã chứng tỏ là cổ lai người Tàu không hề có nắm được độc quyền hàng hải trên biển họ mệnh danh là biển Nam Hải. Đành rằng từ thế kỷ 12 nghề hàng hải của họ đã tiến bộ nhiều nhờ về họ bắt đầu biết ứng dụng Kim Chỉ nam vào việc hàng hải nhưng theo nhiều sử gia có uy tín thời người Ả Rập đã thực hiện được sự ứng dụng đó từ lâu trước người Tàu. Thực thế tuy người Tàu đã biết chế ra xe chỉ nam từ đời nhà Chu nhưng theo sự khảo cứu của J. Chalmers trong Trung Quốc tạp chí (China Review, XIX, 52-54) thời sự phát minh thứ xe đó đã không tất nhiên dẫn đến

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

sự đồng thời phát minh la bàn hàng hải. Mặt khác, sử liệu đầu tiên có nói tới người Tàu vượt biển Nam Hải là cuốn tiếng Hoa Phật quốc Ký chép truyện Pháp Hiển tiếng Hoa hồi đầu thế kỷ thứ 5 chu du trong 15 năm qua nhiều xứ trung Á để sưu tầm tài liệu về Phật Giáo. Lúc ra đi, vị cao tăng này đã đi đường bộ nhưng khi ở Ấn Độ trở về Trung Quốc đã đi đường biển trên một chiếc thuyền lớn không phải của người Tàu. Sở dĩ như vậy là vì nghề hải thương trên biển Nam Hỉa đã sớm trở nên độc quyền của người Ả Rập. Hồi Giáo đã thấy được du nhập vào địa hạt Quảng Đông trong khoảng từ năm 618 đến năm 626 và đồng thời cũng thấy có nhiều cư dân Ả Rập và Ba Tư trong đám kiều dân ngoại quốc tại đó. Hoạt động mậu dịch trên biển Đông Hải (Nam Hải) đó của người Ả Rập cũng đã được xác nhận trong những tập du ký đầu tiên của người Ả Rập hồi thế kỷ thứ 9 như tập ký sự chư biên nhan đề Ả Rập là *Salsalat altewarykh* và cả trong nhiều cuốn địa chí Tàu đời Tống như cuốn Lãnh Ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi và cuốn Chư Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát. Riêng trong cuốn trên, có chép rằng nghề buôn đương thời trên biển Nam Hải hoàn toàn ở trong tay thương nhân người Ả Rập cùng nhiều người xứ khác mà họ Chu mệnh danh là Phiên Thương tiếng Hoa và Ngoại Di tiếng Hoa.

Trong những người "Ngoại Di" này, có người Ấn Độ đáng được chúng ta đặc biệt chú ý tới, vì lẽ họ đã từng có quan hệ mật thiết với lịch sử cổ đại Việt Nam. Bên trên có đề cập tới việc *Pháp Hiển* đáp thuyền ở Ấn Độ để trở về Trung Quốc. Nhưng *Pháp Hiển* chỉ là người Trung Quốc đầu tiên, chứ không phải là người đầu tiên vượt biển Đông Hải từ Ấn Độ sang Tàu. Trước Pháp Hiển đã có khá nhiều tăng sĩ Phật Giáo từ Ấn Độ tới Giao Chỉ hoằng dương đạo Phật. Dưới đây chúng tôi xin dẫn ra vài chứng cớ.

Theo tiếng Hoa *La Hương Lâm*, soạn giả cuốn tiếng Hoa Đường đại Quảng Châu Quang Hiếu tự dữ Trung Ấn giao thông chi quan hệ (1960) thời trong thời gian ngót một nghìn năm từ đầu đời Hán tới cuối đời Đường. Phật Giáo Ấn Độ và nghệ thuật Ấn Độ đã từng được du nhập vào Trung Quốc qua bốn con đường chính là con đường Đôn Hoàng tiếng Hoa , con đường Vĩnh Xương tiếng Hoa, con đường Giao Quảng tiếng Hoa và con đường Thanh Châu tiếng Hoa. Sớm từ đời Tây Hán vùng Giao Quảng và Ấn Độ đã từng có sự giao thông với nhau bằng thương thuyền Ấn Độ và như thấy chép trong sách Hán Thư của Ban Cố, những thương thuyền này thường được cập bến ở biên giới Nhật Nam và ở Từ Văn thuộc châu Hợp phố là hai địa điểm để tới Giao Châu.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đến đời *Hán Linh Đế*, Phật Giáo đã rất thịnh hành ở Giao Châu không những về phương diện lễ bái nhưng cả về phương diện phiên dịch kinh điển Phật Giáo. Kế tới đời *Tam Quốc*, nhà Ngô chia *Giao Châu* nhất danh là *Nam Giao* ra làm đôi, Giao Châu với trị sở ở *Long Biên* và Quảng Châu với trị sở ở *Phiên Ngung*. Con đường Giao-Quảng có tên từ đó.

Đồng thời vị trí của Quảng Đông đã trở nên trọng yếu hơn xưa nhờ về sự tăng gia hoạt động hải thương ở đó và cũng vì *Thương Ngô* và *Quảng Tín* không còn là những trung tâm chính trị như trước nữa. Một kết quả là *Phiên Ngung* đã dần dần biến thành trung tâm truyền bá Phật Giáo chủ yếu. Chứng cớ là chùa *Vương Viên tự* tiếng Hoa (nay là Quang Hiếu tự tiếng Hoa) đã được chính thức thành lập dưới đời *Đông Tấn*.

Những sự kiện lịch sử liên quan đến sự giao thông bằng đường biển giữa Trung Quốc và Ấn Độ như vừa dẫn ra bên trên lại thấy có chép trong cuốn tiếng Hoa *Trung Ấn Phật Giáo giao thông sử* của tiếng Hoa *Tiêu Sơn, Thích Đông Sơ* (1968).

Từ đầu Công Nguyên, mọi sự giao vãng giữa Trung Quốc và hải ngoại đều lấy Giao Chỉ làm chung điểm rồi từ đó chuyển tới *Giao châu* (huyện *Thương Ngô*, tỉnh *Quảng Tây* ngày nay). Sau khi vua Vũ Đế nhà Hán bình xong Nam Việt, đặt ra chín quận *Nam Hải, Thương Ngô, Hợp Phố, Uất Lâm, Chu Nhai, Đạm Nhĩ, Giao Chỉ, Cửu Chân* và *Nhật Nam, Giao Chỉ*, đã trở nên vô cùng trọng yếu. Nhưng đến thế kỷ thứ bảy, Giao Châu bị Quảng Châu đoạt mất ưu thế, và đến thế kỷ thứ chín người Đại-thực tức là người Ả Rập ngày nay cũng đến cập bến ở Quảng Châu. Từ năm 968 trở đi sau khi Việt Nam giành lại được nền độc lập, Quảng Châu thay thế Giao Chỉ làm chung điểm cho sự giao vãng Trung Ấn. *Hợp phố* đã làm môn hộ cho sự giao thông Trung Ngoại bằng đường biển trong thời kỳ Hán-Đường nhưng từ Đường-Tống trở đi thương nhân ngoại quốc đều lấy Quảng phủ làm môn hộ. Riêng thương nhân Ả Rập lại tôn xưng Quảng phủ là *Tân Khải Lan* (tiếng Hoa Sirkalan) ngụ ý đó là đất của Đại Trung Quốc.

Tiếp theo 2 tài liệu trên của hai học giả Trung Quốc, thiết tưởng cũng nên trích dẫn ra đây mấy giai đoạn sau trích ở một cuốn sách khảo cứu về lịch sử Phật Giáo Việt Nam của người nước mình, cuốn Việt Nam Phật Giáo ở Trung Hoa đời Hán còn có một trung tâm Phật Giáo rất quan trọng khác ở Giao Chỉ tức Việt Nam bây giờ, đó là

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

trung tâm *Luy Lâu* ; Luy Lâu là trị sở của Giao Chỉ thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

"Trung tâm Luy Lâu được hình thành do sự viếng thăm của những tăng sĩ Ấn-Độ. Các vị tăng sĩ này đến Việt Nam bằng đường biển, theo các thuyền buôn người Ấn. Nhưng trước khi các vị tăng sĩ Ấn Độ tới Việt Nam các thương gia Ấn Độ cũng đã tới Việt Nam rồi và cũng mang theo sinh hoạt Phật Giáo tới xứ ta. Hồi bấy giờ (đầu kỉ nguyên) Ấn Độ đã có liên hệ trực tiếp với Trung Đông và gián tiếp với các nước vùng Địa Trung Hải. Đế Quốc La Mã tiêu thụ rất nhiều vàng, lụa, hương liệu, trầm, quế, tiêu, ngà voi, châu ngọc. Để có đủ hàng hóa cung cấp cho thị trường ấy, các thương gia Ấn Độ đã dong thuyền đi mãi về Viễn Đông. Những thương thuyền này theo gió mùa Tây Nam đi về Đông Nam Á tới bờ biển Mã Lai; Phù Nam và Giao Chỉ. Thương gia Ấn Độ phải ở lại đây cho đến năm tới, chờ gió mùa Đông Bắc để trở về Ấn Độ…… …… ……

Trong các chuyến đi xa hằng năm với nhiều tháng lênh đênh trên biển cả như thế, các thương gia Ấn Độ cũng thờ cúng và cầu nguyện các đức Phật và các vị Bồ Tát hộ trì cho trời yên biển lặng và mọi sự yrm lành. Các thương thuyền này nhờ đức Quan Âm (Avalokitesvara) và đức Nhiên Đăng (Dipankara) được nổi tiếng là những vị che chở cho cho thủy thủ được an lành ngoài biển khơi. Cũng như trong mục đích cầu nguyện và cúng dường tam bảo, họ thỉnh theo thương thuyền một vị tăng sĩ. Chính những tăng sĩ đi theo thương thuyền này sẽ lập nên một trung tâm Phật Giáo Luy Lâu tại Giao Chỉ.(Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo sử luận*. Lá Bối, Salgon, 1974, trang 15-16).

Xem đó, từ đầu Công Nguyên cho tới khoảng thế kỉ thứ 12, sự giao thông trên biển Đông Hải đã do người Ả Rập, Ba Tư và Ấn Độ chia nhau thao túng. Người Tàu chỉ có một kiến thức mơ hồ về những thứ thổ sản được chuyên chở bằng đường biển tới Trung Quốc để bán ở đó, thậm chí trong sử sách của họ từ cuối thế kỉ thứ tư cho tới đầu thế kỉ thứ bảy như *Tống Thư, Ngụy Thư* và *Tùy Thư*, thường thấy có nhiều điều chép sai. Tỉ dụ những thổ sản các xứ Ấn Độ Chi Na, Ấn Độ, Ả Rập và cả Đông hải ngạn Phi Châu lại bị chép lẫn là những thổ sản của Ba Tư. Sỡ dĩ như vậy có lẽ là vì đại đa số thương nhân ngoại quốc đương thời đem các thổ sản tới, tới buôn ở Trung Quốc là người nước này. Tóm lại người Ba Tư, Ả Rập, Ấn Độ và đến cả

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

người Hy Lạp và La Mã đã sớm biết về nước Tàu hơn là người Tàu đã biết về xứ sở của những người ấy. Đến đời Minh và đời Thanh mới thấy xuất hiện nhiều sách hàng hải Tây Dương Phiên Quốc Chí tiếng Hoa của Củng Trân tiếng Hoa (1434) như những cuốn Doanh Nhai Thắng Lãm của Mã Hoan (1436), Tinh Sai Thắng Lãm tiếng Hoa của Phí Tín tiếng Hoa (1436), Tây Dương Triều Cống Điển Lục tiếng Hoa của Hoàng Tỉnh Tăng tiếng Hoa (1520), Trù Hải Đô Biên của Trịnh Nhược Tăng (1562), Đông Tây Dương Khảo của Chương Nhiếp (1618), Chỉ Nam Chính Pháp, Vô Danh (cuối đời Khang Hi), Thuận Phong Tương Tống, Vô Danh (1620), Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi (1621), Hải Quốc Văn Kiến Lục của Trần Luân Quýnh (1744), Vũ Bị Bí của Thi Vĩnh Đồ (1800), Hải Vận Yếu Lược cũng của Thi Vĩnh Đồ,.v..

Phần nhiều những sách địa chỉ và hàng hải trên đã được soạn ra theo phương pháp của soạn giả cuốn Đông Tây Dương Khảo, nghĩa là được soạn ra với những điều hỏi những khách viễn dương gặp được ở bến tàu mà biết được. Bởi vậy, trong đó thấy có khá nhiều sai lầm, mặt khác, người Tàu vốn có cái sinh đặt tên Tàu cho địa điểm các xứ khác sao cho tên đó có một ý nghĩa đối với họ. Tỉ dụ trên bản đồ của Mao Khôn Kuala Lumpur đã được mệnh danh tiếng Hoa Ket Lung Po nghĩa là Bến Cát Long, Cù Lao Ré, đã được gọi là Wai lo Shan (Ngoại La Sơn), Đảo Hòn Lớn (12 độ 10`, Bắc vĩ tuyến) ngoài khơi Trung Việt đã được đã được đặt tên là Lo Han hsu (tiếng Hoa La Hán Dư), Singapore. Một tỉ dụ điển hình về sự lạm dụng tên Tàu để chỉ địa điểm ngoại quốc là Panrang (nay là Phan Rang) một xứ Chàm xưa đã được người Tàu đạt cho ít nhất là chín tên Tàu trong đó thông dụng nhất là Pin t`ung lung tiếng Hoa đã thấy trong cuốn Chú Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát.

Hai nhận xét đã đưa ra bên trên cùng mấy tỉ dụ vừa viện dẫn khiến người ta phải hoài nghi về cái danh xưng của đảo Y-tu-A-ba mà ông Tề Tân cho là phiên âm ở thổ ngữ dân Quỳnh Nhai ra. Dù sao, Y-tu-A-ba chắc chắn là tên phiên âm ở một thứ tiếng không phải là tiếng Tàu, nên đã không được Trung Cộng giữ lại.

Mặt khác đảo danh Y-tu-A-ba cùng mọi đảo danh khác như Thạch Đường, Vạn Lý Thạch Đường, Đoàn Sa Quần Tiêu,..v.v..người Tàu đã tự ý đặt tên cho Bãi Cát Vàng và Bãi Cát dài muôn dặm của Việt Nam chỉ là những tên do họ đã đặt ra để tiện nhận định vị trí những đảo đó trên bản đồ hàng hải của họ, những khi phải qua những nơi đó mà

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

thôi chứ đâu phải là những yếu tố quyết định khả dĩ biện minh được cho chủ quyền của Trung Quốc. Về cái tệ tập Tàu-hóa địa danh cũng như đảo danh của Việt Nam, thiết tưởng cũng nên dẫn thêm ra đây một tang chứng cụ thể nữa như sau : Cửa Bạn cũng gọi là cửa Bảng là cửa một cái lạch biển ở làng Du Xuyên, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Đứng ở chỗ cửa Bạn này nhìn ra, thấy có nhiều hòn núi xanh xanh, vòi-vọi mọc ở ngoài khơi trong số đó có hai hòn lớn hơn cả là hòn Biện và hòn Bảng. Hòn Biện ở gần cửa biển hơn, còn hòn Bảng thì xa đất liền, sở dĩ có tên như vậy là vì hình thể vuông dài như một cái bảng. Chung quanh hòn Bảng có rất nhiều núi nhỏ la-liệt tục gọi là hòn Đọi, hòn Nến, hòn Bung, v.v… Theo trong sách chép thì những hòn núi chung quanh hòn Bảng, hòn thì tựa như hình người, hòn thì như người cắp tráp, hòn thì như người cắp sách, hòn thì như hình cây đèn, người bản thổ gọi là chỗ học-trò họp lại mà học.

nhà Minh đã kể hòn Bảng là một trong số 21 ngọn danh sơn của nước Nam sai người vẽ đồ bản đem về. Nhà Thanh thì gọi một nhóm những hòn đảo ấy là Thập bát mã. Mặc dầu bị đặt tên Tàu như vậy, những hòn đảo chung quanh hòn Bảng không vì thế mà không thuộc lãnh thổ Việt Nam nữa. Trái lại, dân chúng Việt Nam không hề để ý tới tên ngoại lai Thập bát mã của nhà Thanh đã tự ý đặt ra nữa mà chỉ thường biết đến những danh xưng Việt Nam hòn Bảng, hòn Trò cũng như họ chỉ thường biết đến những danh xưng nôm Bãi Cát Vàng, Bãi Cát Dài của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Có lẽ vì đã nhận thấy luận cứ "lấy tên tàu đạt cho đất Việt" quá yếu kém nên ông Chu Kiệt tiếng Hoa tác giả bài tiếng Hoa. Nam Sa quần đảo hòa Đông, Tây, Trung Sa quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc đích lãnh thổ, đăng tải trong Quang Minh Nhật báo số ra ngày 7-6-1956 đã cố đưa ra một luận cứ khác cứ thoạt nghe có vẻ là chứng cứ lịch sử hơn. Trước hết, ký giả này đã dẫn ra một đoạn như sau ở cuốn Tây Dương triều cống điển lục. tiếng Hoa nghĩa là ở Nam Áo lại đi 40 canh nữa (nguyên chú 60 dặm là 1 canh) thời đến Độc Trư Sơn, lại đi 10 canh nữa thời thấy Thông Thảo Dư, đi tới được Ngoại La Sơn, lại đi 7 canh nữa thời đến Thu Dương dư, đi trăm dặm về phía Đông- băc xứ đí là cửa biển lớn gọi là Tân châu cảng. Đi bộ một trăm dặm về phía Tây Nam hải cảng này thời

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

là đô thành của nhà Vua, gọi là Chiêm thành, đá chồng chất làm nên, bốn phương có cổng, cổng lại có phòng vệ.” Kế đến, họ Chu chú thích như sau: Nam Áo là Đảo Nam Áo ở vào nơi giao giới hải ngạn hai tỉnh Phúc-Kiến và Quảng-Đông; đi khỏi đó hai nghìn bốn trăm dặm về phía Tây Nam thời tới Độc Trư Sơn. Ước chừng hơn sáu trăm dặm tất cả thời đúng là vị trí đảo Vũ Đức thuộc Tây-Sa quần đảo. Lại đi về phía Nam sáu trăm dặm thời thấy Thông thảo dư. Ước chừng một trăm tám mươi dặm tất cả, thời là một hòn đảo nhỏ ở ngoài hải ngạn Trung Bộ Việt Nam ngày nay. Hòn đảo đó gọi là Ngoại la Sơn tức là Cù Lao Ré của Việt Nam hiện tại. Lại đi bốn trăm hai mươi dặm về phía Tây Nam, thời đến Thu dương dư. Ước chừng một trăm mười dặm nữa , theo sự khảo chứng của các nhà Sử địa học Trung Quốc và ngoại quốc, thời đúng đảo Pulo Gambier của Việt Nam ngày nay. Còn nơi gọi là Tân châu Cảng tức là Qui Nhơn của Việt nam hồi thế kỉ 15 vốn là quốc đô Chiêm thành và nay Bình Định của Việt Nam. Năm xưa, Trịnh Hòa bảy lần xuống Tây dương, đới lãnh hai vạn bảy nghìn sĩ tốt thuyền lớn sáu mươi hai cỗ, xuất phát từ Trung Quốc, đến Chiêm thành là quốc gia được cập bến đầu tiên và trước đó, thế tất phải qua Tây Sa và Trung Sa quần đảo. Xem đó đủ biết nước ta (tức là Trung Quốc) ngay từ sơ kì thế kỉ 15 đã sớm chiếm lãnh Tây Sa và Trung Sa quần đảo rồi. Còn về Nam Sa quần đảo, thời muốn tới Tô lộc Quốc (nay là đảo Tô lộc của Phi-luật-Tân) và Bộc-nê-quốc (nay tức là Gia-lý-ma-đinh của Anh-đô-nê-xi-a), tất nhiên phải qua đó như đã ghi chép trên bản đồ hàng hải của Trịnh-Hòa. Lại nữa người nước ta (tức Trung Quốc) di dân đến Nam dương tất nhiên phải lấy Nam Sa quần đảo làm một trạm trung gian và trên thực tế đã sớm chiếm-hữu và khai-phá”. Nguyên văn đoạn trên như sau: tiếng Hoa Cù Lao Ré Tiếng Hoa Pulo Gambier tiếng Hoa

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đoạn trích lục ở Tây Dương Triều Cống Điển Lục cùng lời chú thích, hay nói cho đúng sự thực hơn, lời giải thích chủ quan về đoạn đó, trái hẳn dụng ý của ông Chu Kiệt, đã không chứng minh được chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Thực tế, mấy câu trong sách trên do ký giả họ Chu dẫn ra đâu có đề cập đến những đảo-dư mà ngày nay Trung Quốc đặt tên cho Tây Sa và Nam Sa quần đảo. Còn những chi tiết về vị trí địa lí của đảo Vũ Đức, đảo Pulo Gambir và của Nam Sa quần đảo chẳng qua là do ông ta phỏng đoán ra mà thêm thắt vào đó mà thôi.

Vả lại, cuốn Tây Dương Triều Cống Điển Lục của Hoàng Tinh Tăng phần nhiều đã phỏng đoán theo cuốn Doanh Nhai Thắng Lãm của Mã Hoan mà riêng những điều ghi chép về Chiêm thành, Mã Hoan đã tỏ ra không được đích xác bằng Phí Tín soạn giả cuốn Tinh Sai Thắng Lãm. Mặt khác, có lẽ vì quá tôn sùng uy tín của Mã Hoan người đã ba lần được theo Trịnh Hòa xuống Tây Dương, nên quên phứt mình là ký giả một nước tự xưng là xã-hội chủ nghĩa, ông Chu Kiệt đã hăng say nhắc nhở tới thủ đoạn xâm lược của Thái Giám họ Trịnh của nhà Minh đối với Chiêm Thành, lại quả quyết cho là nhờ cái thủ đoạn đó mà Trung Quốc đã sớm chiếm lĩnh được Tây Sa và Trung Sa quần đảo ngay từ sơ kì thế kỉ 15 rồi.

Chẳng biết ông ta căn cứ vào sử tịch nào mà dám dựng đứng lên câu chuyện như vậy. Theo như ông ta cho biết, thời Trịnh Hòa nhân bảy lần xuống Tây Dương đã chiếm lãnh Tây Sa và Trung Sa quần đảo của Chiêm Thành, nhưng ông không nói rõ là lần nào trong bảy lần đó. Cũng may là ông đã cho vài chi tiết khác khả dĩ giúp ta suy luận ra điểm đó được. Những chi tiết ấy là số sĩ tốt và số tàu bè do Trịnh Hòa đới lãnh lần nào đó, gồm có hai vạn bảy nghìn sĩ tốt và sáu mươi hai chiếc tàu lớn. Nhờ về công trình khảo cứu của các sử gia có uy tín như Rockhill, Duyvendak và Pelliot, ngày nay ta có thể biết được số sĩ tốt và số tàu bè được Trịnh Hòa huy động mỗi lần trong bảy lần xuống Tây Dương như sau: lần thứ nhất (1405-7) có 27.870 người, 311 chiếc tàu và 62 bảo thuyền tức là thuyền dùng riêng để chuyên chở châu báu; lần thứ hai (1407-9) có 240 chiếc tàu nhưng không rõ bao nhiêu sĩ tốt; lần thứ ba (1409-11)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

có 30.000 sĩ tốt và 48 chiếc tàu; lần thứ tư (1413-15) có 28.560 sĩ tốt và 63 chiếc tàu; lần thứ năm (1417-19) không rõ có bao nhiêu sĩ tốt và tàu; lần thứ sáu (1421-2) có 41 tàu và không rõ có bao nhiêu sĩ tốt; lần thứ bảy (1931-3) có 27.550 và hơn 100 chiếc tàu. Nay nếu so sánh số sĩ tốt và số tàu của ông Chu Kiệt dẫn ra với số sĩ tốt và số tàu của mỗi lần Trịnh Hòa xuống Tây Dương như vừa kể ra, thời có thể phỏng đoán được rằng ông Chu Kiệt đã muốn nói tới lần thứ tư Trịnh Hòa xuống Tây Dương, vì những con số ông đã cho biết gần bằng với số sĩ tốt và số tàu lần này. Đồng thời, lại có thể phỏng đoán ra được rằng sự chiếm lĩnh Tây Sa và Trung Sa quần đảo, nếu quả có sự chiếm lĩnh đó, đã xảy ra vào năm 1413. Nhưng đọc lại sử ta và sử Chàm không hề thấy có sự kiên như thế vào năm đó cả. Thực tế, từ năm 1368 là năm nhà Minh lên ngôi, vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga kết liên với triều đình nhà Minh rất thân, thường vu cáo với triều Minh là nước ta cứ tấn công mãi đất Chiêm. Sự thực thì chính là Chế Bồng Nga, ngay từ năm tức vị (1360), đã bắt đầu gây hấn với ta. Năm 1361, quân Chàm đổ lên bến Đà Lí (Bố Trạch) cướp phá châu thành tàn sát dân chúng ở đó. Năm 1365, giữa ngày Tết, quân Chàm tấn công Bà dương (Hóa Châu), cướp đàn bà con gái nước ta đem đi. Năm 1366, quân Chàm lại tấn công nhưng bị quân ta phản công phải chạy tán loạn. Năm 1371, Chế Bồng Nga chỉ huy một đội chiến thuyền lọt vào cửa Đại An rồi từ đó tiến lên thủ đô Thăng Long. Năm 1376, quân Chàm lại đánh phá Hóa Châu , Vua Trần Duệ Tôn bèn quyết định thân chinh đi tiễu phạt Chiêm Thành. Đầu năm 1377, quuan ta tiến đánh cửa Thị Nại (Qui Nhơn) lấy được mấy đồn rồi kéo đến thủ đô của Chiêm Thành, nhưng vua Duệ Tôn khinh suất hạ lệnh tiến quân mà chẳng cho thám thính địa thế trước, nên đại quân ta sa cơ chết trận khá nhiều và bị tan vỡ. Duệ Tôn cũng bị tử trận. Quân Chiêm thừa thắng, tấn công ra Bắc, đi vào cửa Thần Phù (thuộc huyện Yên Mô, Ninh Bình), tới thủ đô cướp phá trong một ngày rồi theo đường sông lên cướp phá Thăng Long lần nữa. Năm 1380 quân Chiêm Thành lại mộ quân ở Thuận Hóa, từ Nghệ An đánh lên Thanh Hóa, định tiến thẳng lên Thăng Long. Năm 1382, Chế Bồng Nga lại tấn công miền Thanh Hóa, nhưng bị quân ta đánh đuổi tới tận Nghệ An. Năm 1383, Chế Bồng Nga không vượt qua trận tuyến của ta ở Thanh Hóa, bèn tấn công lên phía Bắc Thăng Long (miền Sơn Tây) đến mãi đầu năm 1384 mới rút đi. Năm 1389, Chế Bồng Nga lại tấn công Thanh Hóa. Quân ta đại bại , quân Chàm tiến lên, Kinh Thành sắp bị tàn phá thì may sao Chế Bồng Nga bị trúng đạn tử trận. Thường-tướng của Chế Bồng Nga là

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

La-Khải rút quân về nước và cướp lấy ngôi. Ở nước ta, Lê Quý-Ly mưu thoán-đoạt nhà Trần, lên ngôi vua rồi chỉnh đốn binh bị để đánh Chiêm Thành. Năm 1402 Quý Ly chiếm được của Chiêm Thành một ít đất nữa ở Quảng Nam, Quảng-Nghĩa nhưng chưa kịp tổ chức cho chắc chắn tìh bị nhà Minh lấy cớ là muốn khôi phục nhà Trần, dốc toàn lực xuống đánh, chiếm đoạt hết nước ta (1413). Quân Chiêm Thành lại thừa cơ tiến lên sát biên cảnh Hóa-Châu.

Vậy trong lịch sử Chiêm Thành cũng như trong lịch sử Việt Nam vào cuối thế kỉ thứ 14 và đầu thế kỉ thứ 15 không hề thấy ở đâu có chép đến việc nhà Minh chiếm cứ Tây Sa và Nam Sa quần đảo. Dù có sự chiếm lãnh đó vào sơ kì thế kỉ 15 như ông Chu Kiệt đã xác nhận bên trên, đồng thời không thể phủ nhận được sự kiện lịch sử đã xảy ra vào năm 1470 là năm Lê Thánh Tôn đã bình định được Chiêm Thành. Sau khi phái sứ giả sang Tàu báo tin cho triều Minh rằng quân ta sắp tấn công Chiêm Thành để chấm dứt các vụ cướp phá của quân Chiêm, ngày 9-11-1470, vua Lê Thánh Tông hạ một bài chiếu dài cho dân Chiêm, trong đó kết tội Chiêm-Thành đã vu cáo cho Đại-Việt với nhà Minh đã tiếp sứ thần Đại-Việt không được châu đáo, đã giết vua cũ để lập vua mới, lại kết tội quân Chiêm đã quá tàn ác với dân chúng Đại-Việt. Sau đó lệnh tiến quân đã được ban ra và đến ngày 29 tháng chạp, quân Đại Việt đã tới được tận Đồ Bàn, bắt được vua Chàm là Trà Toàn cùng gia quyến 50 người. Biên thùy Đại Việt từ miền Thuận Hóa chuyển được thêm 700 cây số xuống phía Nam tới rặng núi Phú-Yên và Khánh-Hòa ngày nay, tức là tới Đèo Cả (Pháp gọi là Varella). Để ghi dấu biên thùy mới đó, một cây cột đá được dựng lên trên núi. Bởi vậy rặng núi đó đã được mệnh danh là Thạch Bi Sơn. Về võ công này của vua Lê Thánh Tôn, sách Dư Địa Chí của Nguyễn Trãi có chép như sau: Lê Thánh Tôn đánh Chiêm Thành, mở đất đến Thạch Bi Sơn bốn phủ ở Phan Định trở về Nam vẫn là địa giới của Chiêm. Theo Đại Nam Nhất Thống Chí quyển II về tỉnh Khánh Hòa thời Minh sử cũng có chép "Sứ thần của vua Chiêm nói" cổ lai, đất đai của nước ấy có 27 xứ, 4 phủ, 7 châu, 22 huyện mà vua An-Nam lấy đi chỉ còn có 5 xứ từ Bang-Đô-Lang đến Châu-Lạp mà thôi".

Tiếng Hoa.

Vậy trễ nhất vào đầu phần tư thế kỉ thứ 15, Hoàng Sa và Trường Sa quần đảo đã thuộc về lãnh hải của Đại Việt tức là Việt Nam đương thời.

Có một điểm đáng được chú ý trong lối lập luận của ký giả

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Quang Minh Nhật Báo là ký giả này đã sử dụng hai danh xưng hiện đại Tây Sa và Nam Sa để nói về hai quần đảo trên của Chiêm Thành về thế kỷ thứ 15. Thực là chuyện lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia.

Kể ông họ Chu cũng khá bối rối vì chính ông đã phải thú nhận là danh xưng Tàu hóa của hai quần đảo liên hệ thay đổi với mỗi triều đại khiến ông không còn hiểu tại sao nữa. Đây là lời thú nhận đó của ông: tiếng Hoa

Nghĩa là: " Đã lâu về trước đời Đường, đời Tống, người nước ta di dân ra hải ngoại đã qua những hải dư đó, và những đảo dư này đã được nhiều tư nhân ghi chép. Song, danh xưng đã được ghi chép một cách bất nhất, chẳng rõ vì lẽ gì, thật khó mà chứng minh cho xác thực được. Kế đến sơ kì thế kỷ 15 tức là khoảng triều Vĩnh Lạc cho tới triều Tuyên Đức nhà Minh (1405-1433) Trịnh Hòa nhân bảy lần xuống Tây dương có vẻ được đại đồ hàng hải (Có in trong cuốn Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi triều Minh), và đem những đảo dư của Trung Quốc thâu nhập cả vào trong địa đồ đó". Địa đồ hàng hải được nói tới trong đoạn trích lục trên tức là bản đồ của Mao Khôn như đã đề cập tới ở bên trên. Nhưng trong bản đồ của Mao Khôn không hề thấy có hai đảo danh Vĩnh Lạc và Tuyên Đức mà chỉ thấy những đảo danh như Thạch Đường, Thạch Sinh, Thạch Sinh Thạch Đường Dư và Vạn Tinh Thạch Đường mà thôi. Vậy sao ông Chu Kiệt không xài mấy danh xưng này lại đi xài hai danh xưng Tây Sa và Nam Sa. Có lẽ vì đó chỉ là những danh xưng do tư nhân đặt ra chứ không phải tên những tên chính thức như Tây Sa và Nam Sa do chính phủ Trung Quốc đã tự ý đặt ra cho hai quần đảo vốn thuộc chủ quyền sở hữu của Chiêm Thành xưa và Việt Nam ngày nay. Học thời sự do Văn hối Báo biên soạn và ấn hành số ra ngày hai mươi tháng giêng 1974 thời lại căn cứ vào danh xưng của hai đảo quần Tuyên Đức và Vĩnh Lạc để cố chứng minh rằng quần đảo Hoàng Sa mà Trung Quốc nay mệnh danh cho Tây Sa quần đảo thuộc chủ quyền của Trung Quốc từ đời Minh.

Học Thời Sự lập luận như sau: "Tây Sa quần đảo có hai đảo- quần một là thuộc nhóm đảo Tuyên Đức hai là nhóm đảo Vĩnh Lạc. Đó là để kỷ niệm Trịnh Hòa mà đặt nên tên như vậy. Trịnh Hòa vốn là một nhà hàng hải vĩ đại của nước ta, bảy lần xuống Tây Dương (1404-1433)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

đã nhiều phen qua lại Đông Hải và đã từng đi khắp các đảo trên Đông Hải. Trong bảy lần Trịnh Hòa xuống Tây Dương , có sáu lần dưới triều Vĩnh Lạc và một lần dưới triều Tuyên Đức, đời Minh. Bởi vậy Tây Sa quần đảo đã lấy hai niên hiệu Tuyên Đức, Vĩnh Lạc đặt tên cho hai quần đảo đó". Nguyên văn như sau: tiếng Hoa.

Trong Nguyệt-san Thất Thập Niên Đại số tháng ba năm 1974, ông Tề Tân cũng lặp lại luận cứ này, khi ông viết như sau: tiếng Hoa

Nghĩa là: "Ở thượng tầng những quần đảo này đã phát quật được tiền đồng khoảng đời Vĩnh-Lạc,điều đó đủ chứng minh cho sự thực là hơn 500 năm về trước, đã có người Trung-Quốc cư-trú trên những đảo đó rồi. Lại nữa, cho tới ngày nay trong Tây-sa quần đảo và Nam sa (sic) quần đảo vẫn còn bảo-tồn những danh xưng Tuyên-Đức và Vĩnh-Lạc quần đảo ".

Về danh xưng Tuyên-Đức và Vĩnh Lạc, rất có thể những danh cưng đó được Trung Quốc đặt ra để kỹ niệm những cuộc viễn chinh của họ Trịnh. Vả lại những danh xưng đó và vài danh xưng khác đã được đặt trùng với những đảo danh ở Việt Nam, mặc dầu ý nghĩa có khác nhau. Tỉ dụ vài đảo danh Việt Nam cũng mới được đặt ra gần đây thôi như Tuyên Đức và vĩnh lạc không có cái ý nghĩa kỹ niệm nhũng cuộc viễn chinh của Viên Thái Giám nhà Minh nhưng chỉ có nghõa nhu những địa danh Tuyên Đức tên một tỉnh ở Trung phần VIệt Nam ngày nay và Vĩnh Lạc, tên một thành đắp bằng đất (bảo) ở nam phần Việt Nam dưới Triều Nguyễn mà thôi.[1]

[1] Riêng đảo Vĩnh Lạc còn được dân địa phương tỉnh Quảng Ngãi gọi là Quang Ảnh, kỷ niệm Phạm- Quang- Ảnh viên chỉ huy đội Hoàng Sa vào năm 1815 được lệnh triều đình cử ra tuần phòng. Cf. Sơn Hồng Đức, Quần Đảo Hoàng Sa (chú thích của tòa soạn)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Mặt khác, Hoàng Sa và Trường Sa vốn nằm trên hải đảo Trung quốc Nam-Dương, như đã nói tới bên trên, tất nhiên đã từng được dùng làm những trạm trung gian không những cho dân Tàu trên đường đi Nam- Dương nhưng cho cả thương nhân và các nhà mạo hiểm Ả Rập, Ba Tư, Ấn Độ và Tây phương đến Hoa Nam nữa. Tiền đồng niên hiệu Vĩnh Lạc đã tìm thấy trên vài hòn đảo thuộc Trường Sa và Hoàng Sa không thể viện dẫn ra làm chứng cứ cho chủ quyền của Trung quốc trên những đảo đó được. Trước hết, theo sự khảo cứu của học giả Jung Pang Lo, soạn giả cuốn The Decline of The Early Ming Navy (Sự suy sụp của chiến thuyền triều Minh sơ), thời nhân dịp viễn chinh Tây Dương quân Minh và Hoa Kiều ở Đông Nam Á đã lợi dụng địa vị nước họ là một thượng quốc ép uổng thương nhân các nước nhỏ không những phải bán hang giá rẻ cho họ, mà phải chịu để họ trả tiền mua hàng bằng tiền nhà Minh. Do lẽ đó, những đồng tiền thời Vĩnh Lạc đào bới được trên đảo Đông Hải có thể thuộc về người Tàu cũng như người Việt và người nước khác giao dịch với người Tàu dưới triều Minh. Ngoài tiền Tàu ra lại thấy có nhiều đồ vật khác trên những đảo nói trên. Trong Phủ Biển Tạp Lục, Lê Quí Đôn cũng có chép như sau về quần đảo Hoàng Sa "Những thuyền lớn đi biển thường gặp gió đều đến nương hậu ở đảo. Ngày trước họ Nguyễn có thiết lập đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người ở xã Yên Vĩnh bổ sung. Mỗi năm họ luân phiên nhau đi biển lấy tháng giêng ra nhận lãnh chỉ thị làm sai dịch. Đội Hoàng Sa này được cấp phát mỗi người sáu tháng lương. Họ chèo năm chiếc thuyền câu nhỏ ra ngoài biển cả ba ngày ba đêm mới đến đảo. Họ tha hồ lượm lặt, tự ý bắt chim, bắt cá làm đồ ăn. Họ được những đồ hải vật như gươm và ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, sáp ong vàng, đồ chiến gia, đồ sứ…Họ còn lượm lặt những vỏ đồi mồi,những con hải sâm, những hạt con ốc rằn thật là nhiều". (Phủ Biển Tạp Lục, quyển hai).

Lê Quí Đôn lại cho biết cả chi tiết về những thứ đã lượm được như sau: "Năm Nhâm ngọ (1702) đội Hoàng Sa lượm được bạc 30 thoi. Năm Giáp thân (1704) lượm được thiết 5.100 cân. Năm Ất Dậu (1705) lượm được bạc 126 thoi. Còn từ năm Kỷ Sửu (1709) đến năm Quí Tị (1713) tức là trong khoảng 5 năm, thỉnh thoảng họ cũng lượm được mấy cân đồi mồi và hải sâm. Cũng có lần họ chỉ lượm được mấy khối thiếc, mấy cái bát và hai khẩu sung đồng". (Phủ Biên Tạp Lục, quyển hai).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Có điểm đáng chú ý là những người trong đội Bắc Hải do họ Nguyễn đã thiết lập thêm thừa lệnh quân trên chèo thuyền tư và thuyền nhỏ câu cá ra cù lao Côn lôn ở giữa Bắc Hải hoặc đi đến xứ Côn tự thuộc vùng Hà tiên tìm kiếm hải vật, chỉ lấy được đồi mồi, hải ba, đồn ngư, lực quí ngư và hải sâm thôi mà ít khi lượm được vàng bạc và các của cải quí báu khác như thấy có trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Xem đó đủ biết xưa nay của hai quần đảo này vẫn có một vai trò trọng yếu là nhường nào đối với sự giao thương quốc tế trên biển Đông Hải.

Những cuộc đi kiếm tìm hải vật trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa cũng như trên nhiều đảo khác ở ngoài các cửa biển Việt Nam không hề có tính cách cướp bóc của bọn giặc biển trên đảo- dư của nước khác nhưng chỉ là những hoạt động trong khuôn khổ hành sử chủ quyền của một quốc gia trên những đảo đó. Tỉ như đội Hoàng Sa do họ Nguyễn thiết lập ra cứ hàng năm cắt người luân phiên nhau đi biển, lấy tháng giêng ra đi nhận lãnh chỉ thị làm sai dịch, họ được cấp phát mỗi người sáu tháng lương để ra ngoài biển cả tìm kiếm hải vật trên các đảo dư. Đến kỳ tháng tám họ mới trở về rồi tới thành Phú Xuân trình nạp các vật họ đã lượm nhặt được. Người ta cân, khám nghiệm và định xong đẳng- hạng các sản vật rồi mới cho đội này bán riêng những con ốc rằn, hải ba, hải sâm; bấy giờ đội ấy được nhận lãnh bằng cấp trở về nhà. Đội Bắc Hải cũng được tổ chức một cách tương tự như đội Hoàng Sa ngoại trừ một điểm là không định trước bao nhiêu suất. Những người tình nguyện bổ sung vào đội này đều được miễn nạp tiền sưu cùng các thứ tiền lặt vặt như tiền đi qua đồn- tuần, qua đò. Ngoài những đội tìm kiếm hải vật mà ta có thể coi là một hình thức hành sử chủ quyền Việt Nam trên các đảo- dư của ta hồi thế kỷ 17, lại còn một hình thức thực thi chủ quyền Việt Nam đương thời nữa là phép đánh thuế khóa của họ Nguyễn đối với các tàu bè ngoại quốc lui tới ở các cửa biển nước ta. Lê Quí Đôn có chép về điều này như sau:

“ Xứ Thuận Hóa, đường thủy và các đường lục giao- thông với tỉnh Quảng- Nam. Về phía hữu, tỉnh Quảng- Nam thông với các phiên quốc. Còn đường biển thì xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam chỉ cách tỉnh Mân và tỉnh Quảng (Quảng Đông) Trung quốc có ba, bốn ngày đường nên các tàu buôn của Trung quốc từ xưa đến nay thường thường tụ tập ở hải phận Thuận Hóa và Quảng Nam. Vào thời niên hiệu Vĩnh Lạc nhà Đại- Minh, có các thuyền buôn của Trung quốc trôi vào bến chợ Thuận Hóa. Tại đây, lúc bấy giờ, nhà nước đã thiết lập ty Đề- Cử lại có trường Sưu tiền.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đến thời nhà Nguyễn cắt giữ đất Thuận Hóa và Quảng Nam, thâu được những khoảng thuế tàu thuyền các nước đến đậu ở đấy rất nhiều. Cai quản các bến có một viên Cai- tàu, một viên Tri- tàu, hai viên Cai- bạ, hai viên Cai phủ, hai viên Ký- lục, hai viên Phủ- tàu, sáu người Cai- phòng, 30 người Lệnh sử, cùng với nhuệ- binh 50 danh, 4 đội lính cộng 60 danh, với 6 danh Thông sự.

Tại các làng Minh- hương ở Hội- An, Cù- lao Chiêm, Cẩm Phố, Làng Câu thì có chức quan " Sai- ty thái- báo". Hễ tàu nước ngoài đến xứ Quảng Nam vào cửa biển Đại Chiêm đến phố Hội An, hay vào cửa biển Đà- nẵng, đến xứ Lưu- Lâm mà buôn bán, thì phải nạp các hang thổ- vật (sản vật địa phương), và phải nạp thuế nhập xuất theo lệ định phân biệt đẳng- bậc khác nhau. Cùng năm, thông tính thâu được những khoản tiền thuế cảng. Còn 4 phần 10, các quan lại quân dân cứ chiếu theo số người nhiều ít mà chia phần đồng- đều như nhau. Nếu có những tàu bị gió bão trôi giạt đến, không có hang hóa gì đáng chịu thuế lệ, thì sau khi viên Tàu- trưởng làm giấy khai- trình, tức thì quan hữu- trách truyền cho tuần- nha giữa cửa biển cùng với viên Đồn- thủ đến tàu khám xét qua. Rồi cho phép người trong tàuđược đi mua củi, gạo, và họ chỉ được lưu lại 2, 3 ngày, rồi bị đuổi ra biển cả (đại- dương). Không cho tàu họ vào cảng để khỏi sinh những việc lôi thôi. Nhưng cũng có trường- hợp họ cố ý tạo ra cảnh bị gió trôi- giạt đến, để được tạm trú, và ngầm đem lén hàng hóa lên phố, rồi sau mới trình xin chịu một số ít thuế. Những cách gian- lận ngoài pháp luật như thế vốn không thể nào đề- phòng cho hết được. Nay tra xét lại việc ngày trước, khi quan Lệnh- sử coi về các tàu là ông Võ- Trực kê khai những thuế lệ như sau:

Tàu từ Thượng- Hải đến, phải nạp tiền thuế: 3.000 quan.

Tàu từ Quảng- Đông đến, phải ạnp tiền thuế: 3.000 quan. Còn thuế lệ lúc tàu trở lui: 300 quan.

Tàu từ Phước- Kiến đến, phải nạp tiền thuế: 2.000 quan. Còn lúc tàu trở về, lại phải nạp thuế: 200 quan.

Tàu từ Hải- Nam đến, phải nạp tiền thuế: 4.000. Khi tàu trở về lại phải nạp tiền thuế: 400 quan.

Tàu từ nước Nhật Bản đến, và khi tàu trở về, lệ thuế đều như tàu từ Mã- Cao đến, và lúc trở về.

Tàu từ nước Xiêm- La đến, phải nạp thuế: 2.000 quan, và lúc tàu ấy trở về, lại phải nạp tiền thuế: 500 quan.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Tàu từ Lữ- Tống đến, phải nạp tiền thuế: 2.000 quan, và lúc tàu trở về, lại phải nạp tiền thuế: 200 quan.
Tàu từ xứ Cựu- Cảng đến, phải nạp tiền thuế: 500 quan, và lúc tàu trở về, lại phải nạp 50 quan tiền thuế.
Tàu từ Hà- Tiên đến, phải nạp tiền thuế: 300 quan, và lúc tàu trở về, lại phải nạp tiền thuế: 30 quan.
Tàu khách từ Sơn- Đô đến, phải nạp tiền thuế: 300 quan, và đến khi tàu trở về, lại phải nạp thuế: 30 quan.
Ở Thượng- Hải, có thuyền từ tỉnh Triết- Giang đôi khi chở sứ- quán của Thiên- triều [tức triều- đình nước Trung- Hoa] đến mua hàng- hóa. Ở Hải-Nam, có thuyền Quỳnh- Châu đến mua hàng- hóa. Ở Mã- Cao, có thuyền nước Hòa- Lan đến mua hàng- hóa.
Năm Nhâm- thìn [tức năm 1772 là năm thứ 33 niên- hiệu Lê Cảnh- Hưng] và năm Quý- tị [tức năm 1773], có lệnh giảm cả tiền thuế các tàu ngoại-quốc đến, và tiền thuế lúc các tàu ấy trở về, mỗi tàu chỉ nạp 2.100 quan.

Năm Tân-mão [tức năm 1771 là năm thứ 32 niên-hiệu Lê Cảnh-Hưng], những tàu thuyền buôn từ các xứ đến bến Hội-An cộng 16 chiếc, tiền thuế tất cả cộng 38.000 quan tiền.

Năm Nhâm-thìn, thuyền buôn từ các xứ đến bến Hội-An cộng 12 chiếc, tiền thuế tất cả cộng 14.300 quan.

Năm Quý-tị [1773], thuyền buôn từ các xứ đến bến Hội-An cộng 8 chiếc, tiền thuế cộng 3.200 quan.

32b Thể lệ về tào-vụ [coi về tàu thuyền] của nhà Nguyễn như sau:

Cứ thường năm, đến tháng giêng, các viên Cai-bạ, viên Tri-bạ, viên Lệnh-sử, viên Ký-lục thuộc Tàu-ty đều phải vào phố Hội-An. Họ phân-công, sai-phái thuộc quân của mình có người nào thông-hiểu tiếng ngoại-quốc, thì cho ra đóng giữ ở cửa biển Cù-lao Chiêm hoặc cửa biển Đà-nẵng. Khi nào có thuyền, tàu buôn các nước ngoài đến đây, người ấy phải xét hỏi kỹ-lưỡng từng thuyền một. Nếu xét quả thuyền, tàu ra vào buôn-bán, người ấy mới dẫn viên thuyền-trưởng hoặc viên phó thuyền-trưởng vào phố Hội-An trình với quan Cai-bạ tra xét để làm giấy tờ trình lên cấp trên. Đoạn người ta báo cho quan Cai-tàu, cùng thuyền lệnh đến ty Tuần-áp để sai người hộ-tống thuyền, tàu ấy vào cửa biển, đến sở Bạc-tuần. Rồi quan Lệnh-sử cùng các nha đến xét giấy-tờ của viên thuyền-trưởng. Viên tài-phó tàu phải kê-khai số hóa-vật. Quan Lệnh-sử chiếu từng mục hóa-vật xét xong mới cho họ qua sở Tuần, rồi lên bến phố trú-ngụ. Viên thuyền-trưởng phải sửa-soạn

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Lễ vật "báo tín" đệ lên ông Nguyễn-Lệnh [Lệnh sử họ Nguyễn] 4 cân trà, các quan Tứ-trụ văn-ban cùng quan Thái-giám thủ-tài-vụ, quan Cai-bạ mỗi người 1 cân trà,các viên Tri-bạ, Cai-phủ, Ký lục mooi64 người nữa cân trà. Đơn khai lễ vật được đệ nạp tại chính-dinh quan Nguyễn-Lệnh xem xét rồi chiếu theo bản kê-khai lễ-vật ấy mà phân-phát cho các quan.

33[a] Viên thuyền-trưởng lại phải sửa-soạn đầy-đủ lễ tiến [tiến lên chúa Nguyễn chăng?] hoặc giấm, đoạn, lụa mỏng có hoa, sa, đồ chơi cùng các hạng trái cây, và phải kê trình trước với quan Cai-bạ. Rồi sang nầy sai lính đệ đến quan Cai-tàu. Bấy giờ thuyền-trưởng mới dân nạp lễ-vật cho ông Nguyễn-Lệnh. Lễ vật ấy vốn không có hạn định, nhưng đại-khái lễ-vật cũng đáng 500 quan tiền. Nhưng cũng có khi viên thuyền-trưởng dâng một vài món quà mà được quan thích ý thì có thể quan truyền tha đánh thuế cũng nên. Tiến lễ-vật xong, viên thuyền-trưởng phải kê-khai các hàng hóa trong tàu, cứ mỗi hạng hóa-vật phải kê ra một tấm thiếp riêng-biệt. Nếu viên thuyền-trưởng cố tình giấu-giếm hóa-vật, thì khi mà người ta xét ra, cá hóa-vật trong tàu sẽ bị tịch-thâu sùng công hết, và còn cio1 thể chiếu pháp-luật nhà-nước mà trị tội nữa. Như ông Nguyễn-Lệnh muốn mua một món hàng-hóa nào, thì cứ truyền cho viên Cai-quan chiếu theo tấm thiếp kê hàng đệ nạp vào công-khố thau-trữ. Viên thuyền-trưởng và viên tài-phó đều phải theo vào kho xem cân được bao nhiêu. Dầu có vật-hạng nào không mua, cũng cho phép viên thuyền-trưởng và viên tài-phó đem đi bán hay đổi-chác. Nếu họ có kêu quan mua giảm giá quá đáng, thì cũng có thể được trả thêm tiền mua hàng ít nhiều.

Cả đến các người khách đi tàu, trong hành-lý có những món đồ chơi nào, cũng đều phải kê-khai nhứt thể đệ lên quan xem. Quan có mua những hàng gì, được bao nhiêu, thì cho họ trừ vào thuế nhập cảng. Còn thiếu thuế nhập-cảng bao nhiêu nữa, thì cho họ đem đi bán nơi khác được sẽ nạp sau.

Về lễ trình diện, quan Cai-tàu xem lễ dâng lên Thượng-quan là bao nhiêu rồi giảm đi một nữa. Lễ nạp cho các quan Cai-bạ và các nha-thuộc đều khác nhau.

33[b] Các tàu từ Thượng-hải, Quảng-đông, Phước-kiến và Mã-cao đến, đều có đâng lễ tiến lên Thượng-quan. Còn tàu từ Hải-nam đến, không có lễ tiến, chỉ đến ngày tàu nhổ neo ra về, mới dâng lễ tiến. Tùy theo lễ hậu hay bạc để các quan đáp lễ lại, hoặc tặn ghọ 5 thoi bạc, 5 cây quyến, 50 quan tiền, và 5 bao gạo; hoặc tặng 3 thoi bạc, 3 cây

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

quyến, 30 quan tiền và 3 bao gạo ; hoặc 2 thoi bạc, quyến 2 cây, tiền 20 quan và gạo 2 bao, không có tiêu chuẩn nhứt định.

Còn như Thượng-quốc [tức nước Trung-Hoa] có sai tàu nhà-nước trao-trả số dân bị sóng gió trôi giạt vì đắm tàu cho ta, theo lệ định ta tặng sai-quan và thuyền của họ 50 quan tiền, và cho dân-đinh và thủy-thủ mỗi người một quan tiền. Nếu họ sai thuyền buôn trao-trả cho ta những người dân bị đắm tàu trôi giạt vào nước họ, nhân đó thuyền buôn nọ vào buôn-bán đổi-trác hàng-hóa, thì thuyền buôn ấy được tha, khỏi phải đóng thuế nhập-cảng. Còn những tàu buôn nào chuyên-chở hàng-hóa của nước họ đến nước ta, đều phải có đơn trình quan Cai-bạ để quan nầy sai-phái người đến phán xét. Rồi mới sai quan lính áp điệu tới thuyền, chứ không được thiện-tiện chở riêng đi bán.

Nếu có chiếc tàu nào chở khách hay hàng-hóa đầy quá, viên thuyền-trưởng phải có đơn trình, quan chiếu theo số khách khi tàu mới đến nơi, cho người đến tận thuyền đếm lại phân-minh, rồi sai lính thuộc quyền cùng với tuần-ty cho dân phụ-lũy [dân khuôn vác] [34[a]] hộ-tống thuyền ra ngoài cảng.

Còn như những người buôn-bán ở nước khác mà bị sóng gió trôi giạt đến hải-phận nước ta, nếu họ xin tạm-thời đậu lại để sửa-chữa thuyền, thì thuyền họ được đậu ở cửa Hàn và xứ Cù-lao. Khi đã sửa-chữa thuyền xong, quân lính giữ cửa biển và dân tiếp-cận phải xua-đuổi họ ra biển cả. Nếu họ còn muốn vào hải-phận nước ta để mua bán, thì quan Cai-bạ cùng với quân lính thuộc quyền các Tàu-ty phải đến nơi khám-nghiệm hàng-hóa của họ còn nhiều ít như thế nào, rồi chuyển trình lên cấp trên. Nếu thuyền của họ còn nhiều hàng-hóa, thì họ được miễn thuế một phần ba ; nếu còn ít hàng-hóa thì họ được miễn thuế một nữa ; nếu không còn hàng-hóa gì, thì được miễn các thứ thuế.

Nếu họ muốn chở hàng-hóa của các khách buôn, họ phải làm đơn trình nói rõ những người khách ấy là người ở xứ-sở nào ? Thuyền lớn hay nhỏ ? Chở hành khách nhiều hay ít ? đẻ định lệ đánh thuế, rồi mới cho họ chở mướn. Cũng có khi người ta chẵn căn-cứ một lệ củ nào cả. Khi nào những thuyền chở khách bị sóng gió phá hoại, thì sau khi tra xét số hành khách, quan Cai-bạ giao-phó cho hội-quán giữ họ lại, và cấp-phát cho họ mỗi người 5 quan tiền. Đợi đến lúc thuận gió thì cho họ sang thuyền khác trở về Trung-quốc. Nếu họ là người ở xứ khác, thì tùy theo quan sở-tại cấp-phát giấy-tờ để họ được trở về nguyên quán. “ Phủ biên tạp lục, quyển bốn” (bản dịch của Lê Xuân Giáo, Saigon, 1973).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đoạn khá dài vừa trích-dẫn ở Phủ biên tạp lục đủ chừng tỏa rằng ngay từ lâu nước ta tào-vụ và quan thuế trên mặt biển đã đuo5c thiết bị khá đầy đủ và nghiêm nhặt khả dĩ bảo vệ được một cách hiệu-nghiệm quyền-lợi kinh-tế cũng như chủ-quyền quốc gia đối với các nước đương-thời có quan-hệ hải-thương với mình kể cả Trung-quốc, mặc dầu hồi bấy giờ nước này vẫn được ta biệt-đãi như một thượng-quốc.

Chính soạn-giả cuốn Phủ biên tạp lục cũng đã dẫn ra vài tỉ-dụ cụ-thể về lề-lối đối-xử với các tàu buôn của người tàu từ Quảng đông, Phước-kiến, Hải-nam, v.v… đến cặp bến tại các cửa biển Việt-Nam dưới triều họ Nguyễn, lại có nói cả tới vụ các thuyền buôn Trung quốc vào thời niên-hiệu Vĩnh-Lạc nhà Minh bị trôi vào bến chợ Thuận hóa cũng phải chịu sự kiểm-soát của thuế quan Đại Việt.

Thêm vào mấy tỉ-dụ trên của Lê Quí Đôn, thiết trưởng cũng nên chứng dẫn ra dưới đây vài đoạn lấy trong bộ hải ngoại kỷ sự của Thích Đại Sán, một vị lao-tăng đời Khang-hy đã đến đất Thuận hóa dưới triều Nguyễn Phúc Châu ngày 29 tháng giêng năm Ất-hợi (13/3/1695) và rời chùa Thiền Lâm để vào Hội-an về Quảng đông ngày 28 tháng 6 cùng năm đó,(7/8/1695). Trước hết là đoạn Thích Đại Sán thuật lại lúc tàu mình vào Thuận-hóa " Nước Đại Việt kiên-thiết đô ấp trên hình vòng câu. . . . . Ăn cơm sớm xong, ta hỏi : nay gió vào Hội-an thuận hoặc vào Thuận-hóa thuận chăng ? Đều trả lời vào Thuận-hóa thuận. Ta cười bảo nếu bảo vậy cứ vào Thuận-hóa. Người coi lái biết không thể cãi, nhìn nhau rồi quyết định. Buôn gió một chặp rồi vào đến vòng núi, ấy là đảo Tiêm-Bích-La (Cù lao Chàm) dần dần thấy gò cao rừng rậm, dần dần thấy nội phẳng đồng bằng, khi so le mấy góc nhà gianh, nọ phơi phất mấy cây cổ-thụ, bãi cát trắng xóa, bởi nước biển dội sạch, xa trong một vòng bạc sáng ngời, giống như bờ đê khước-nguyệt. Nổ mấy phát pháo lớn, ra hiệu cho trong bờ biết có tàu đến nơi. Cửa biển vẫn chưa trông thấy, chỉ thấy trên mặt biển có một làn sóng dợn xa xa. Bỗng chốc, một lá buồm hình lưỡi rìu từ phía mặt trời lặn chạy lại ; lúc đến nơi, trời đất nhá nhem tối, nhìn thấy một người trần truồng mang khố đầu bối tóc có gắn lông nhím, răng đen, nói líu lo. Người ấy vì không phải phụng-mạng mà lại, nên không dám lên tàu. Trên tàu có người muốn xuống thuyền xem chơi, người ấy cũng không chịu. Hai Phiêng-tăng nguyên người nhà Vua sai sang Quảng-đông ra hỏi chuyện, người ấy bèn thi lễ. Lấy giây giồng Phiên-tang xuống thuyền để chạy đi thông báo với

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Quốc vương. Kế đó một chiếc thuyền lại, có một viên quan cũng bối tóc đi chân không, chong đèn ngồi canh giữ không. Suốt đêm ồn-ào, ngủ không yên giấc. Rạng sáng thuyền tứ phía chèo đến đông như kiến cỏ. Người bản xứ chen lấn giành mua các thứ giày, mão, bít tất, quạt,v.v… rất thích mua thứ dù che mưa. Qua giờ thìn, có hai chiến hạm của nhà Vua sai Quốc Cậu đem ra đón, hai phiên-tăng cũng trở lại, thi lễ xong, lập-tức giục xuống thuyền nói có Quốc Cậu đương kính chờ bên thuyền. Vài mươi thủy-quân võng ta xuống, nổi trống đồng họ hát trèo đi. Thuyền sơn son láng bóng soi mặt được, tả hữu đều 25 chèo, thủy quân rất mạnh-mẽ, cửa khoang thuyền chạm long vân, sơn đỏ che đệm có đẳng-văn, dưới trãi chiếu lát mịn màu xanh lục, lò đốt kì-nam hương, hộp vàng bày cau trầu, có đủ các thứ gối tựu, ống giỏ.

Đến công-đường ở bờ biển, công đường tức nhà thâu thuế chỉ có một gian lợp bằng cỏ gianh " (Hải kinh kỷ sự, quyển 1). Trong đoạn văn trên có vài điểm đáng chú ý là cửa biển Thuận-hóa và chắc chắn cả các cửa biển khác của Đại Việt nữa đã được canh-phòng rất nghiêm mật và thuế-vụ cũng được tổ-chức chu đáo mặc dầu rất giản-tiện.

Đoạn khác trích-dẫn bên dưới đủ chứng tỏ một cách hùng-hồn rằng Hoàng sa, Trường sa quả là một vùng nguy hiểm, đồng thời cũng cho ta biết được những chiếc thuyền câu của Đại Việt quả là lợi hại. Đây là doạn văn đó : " Qua ngày 30, đánh thanh-la nhổ neo. Mấy mươi chiếc điến cô (thuyền đánh cá) cột dậy thuyền ra cửa. . . . . Gió nam thổi dịu dần, thuyền chạy vát tới vát lui, chẳng tiến được bao nhiêu, bỗng chốc mưa lớn, gió bấc thổi mạnh, thế không chạy tới được, cả thuyền đều lo ngại vì quãng đường Trường sa (bãi dài). Ta khoác y vào niệm chú. Hồi lâu, phía đông nam, một trận gió bão nỗi lên, đêm tối mây mù, ngữa bàn tay chẳn thấy. Mọi người đều sảng hồn,mường tượng trông thấy rồng bay múa hai bên thuyền. Ước chừng một canh, rồng bay đi. Khoang đường gió bắc thổi đi nãy giờ, trông giây phút đã thấy thuyền trở lại chỗ cũ. Sau cơn mưa màu trời sắc biển suốt gần xa, đến đây lòng về đã nguội lạnh hết vậy. Sáng ngày, mây tạnh trời quang, xa xa trông thấy ngấn núi, cách chừng vài mươi dặm, vẫn thấy đảo Tiêm Bích La. Theo gió xuôi vào son cảng, người trong thuyền đánh trống tạ thần, đều giơ tay lên trán nói rằng : " Thực là sống sót " (Hải kinh kỷ sự, quyển 4).
Sống sót quyết nhiên chẳng phải là nhờ ở mấy câu niệm chú của

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Lão-tăng Trung quốc nhưng nhờ ở gan dạ và tài lái thuyền của dân chài Đại Việt mà chính soạn giả Hải Ngoại Kỷ Sử đã từng được mục kích. Đoạn văn trích dẫn dưới đây là một bằng chứng rõ ràng:

" Đầu thuyền ngồi một vị quan, dưới thuyền đứng một người cầm lái giữa thuyền sáu mươi bốn quân nhân đứng chèo, giữa khoang thuyền có bốn cọc nạng sơn son, trên bắc ngang một cây mõ gỗ, một người lính ngồi gõ mõ làm nhịp cho những người đứng chèo; thuyền cây qua tả là qua tả, bát qua hữu là qua hữu, miệng hò lơ, chân dậm ván, đều răm rắp theo nhịp mõ chẳng phút đơn sai, mới nghe qua thực chẳng hiểu dịp gì lạ vậy. Thuyền dài mà hẹp, như hình long chu, mũi cất cao, đuôi thuyền sơn đỏ, giữa không thấy để bếp nấu thầm nghĩ bao nhiêu người sẽ ăn uống vào đâu?"

(Hải Ngoại Kỷ Sử, Quyển ba).

Qua mấy đoạn văn vừa trích-dẫn ở *Hải Ngoại Kỷ Sử*, ta có thể nhận thấy rằng trong khoảng từ thế-kỷ 15 đến thế-kỷ 17, chủ quyền Việt-Nam trên hai quần đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa đã được hành-sử dưới nhiều hình thức như đánh thuế xuất nhập tàu-bè ngoại quốc, thiết lập những đội chuyên thâu-lượm hải-vật, kinh-nghiệm bản-thân của các dân chài, bản-xứ đối với hai quần đảo đó, v.v…

Kế đến, dưới triều Nguyễn, chủ quyền Việt-Nam vẫn thấy được hành-sử một cách liên-tục và thiết-thực.

Một chứng-cứ là cuốn sách của Đức Giám Mục Taberd mà chúng ta dẫn ra ở một đoạn trên đã ghi nhận rằng người Việt xứ Đàng Trong đã chiếm cứ quần đảo Hoàng-Sa từ lâu. Tác-giả viết về việc đó như sau: "Nous ferons seulement observer que depuis plus de 34 ans l'archipel des Paracels nommé par les Annamites Cát Vàng ou Hoàng-Sa (sable jaune) véritable labyrinthe de petits ilots de rocs et de bancs de sable justement rudoutés des navigateurs a été occupé par les Co-chinchinois. Nous ignorons s'ils ont fondé un établissement mais il est certain que l'Empereur Gia Long a tenu à ajouter ce singulier fleuron à sa couronne, car il jugea à propos d'en eller prendre possession en personne et ce fut en l'année1816 qu'ily y arbore solennellement le dra-peau Cochinchinois."

Nghĩa là: "Chúng tôi chỉ xin lưu-ý rằng từ hơn 34 năm nay quần đảo Paracels mà người An nam gọi là Cát Vàng (Hoàng-Sa) gồm có rất nhiều hòn đảo chằng chịt với nhau lởm-chởm những đá nhô lên giữa những bãi cát khiến cho kẻ đi biển rất e-ngại đã được người Việt xứ Đàng-Trong chiếm-cứ. Chúng tôi không rõ họ có thiếp-lập một cơ-sở nào tại đó không nhưng có điều chắc-chắn là Hoàng-Đế Gia-Long đã quan-tâm muốn trang-sức thêm Vương-miện của Ngài bằng bông hoa đó, nên chi Ngài đã xét cần phải đích-thân đi chiếm-hữu quần-đảo trên và vào năm 1816, Ngài đã long-trọng cho thượng quốc-kỷ xứ Đàng-Trong ở đó."

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Trước Taberd ít lâu, J.B. Chaigneau cũng đã có ghi-chép trong Cuốn *Mémoire sur la Cochinchine* rằng đương-kim Hoàng-Đế tức là vua Gia-Long đã chính-thức chiếm-hữu quần-đảo Hoàng-Sa vào năm 1816. (C'est seulement en 1816 que l'Empereur actuel a pris possession de cet archipel.)

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí đời Tự-Đức lại có chép cả về công-cuộc khai-thác quần-đảo Hoàng-Sa và cho biết rằng hồi đầu niên-hiệu Gia Long cũng thấy đặt ra đội Hoàng-Sa phỏng theo chế-độ thời các chúa Nguyễn. Sách này và sách *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* đều có chép về việc xây chùa dựng bia trên bãi Hoàng-Sa. Sự việc này lại được tường thuật đầy đủ chi tiết trong sách *Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu* (1925).

" Tháng 6 năm Ất Vị Minh Mạng thứ 16, lập đền thờ Thần Hoàng-Sa ở bãi biển tỉnh Quãng Ngãi. Bãi Hoàng-Sa ngoài biển có một chỗ cây cối rậm tốt, trên cồn có giếng, phía Tây Nam có một tòa cổ miếu có bia khắc bốn chữ *Vạn Lý Ba Đình*. Cồn Bạch Sa trước kêu là núi Phật-Tự, phía Đông, Tây và Nam đều có đá san-hô nổi thành cồn chung quanh rộng 340 trượng, cao1 trượng 3 thước, ngang với cồn cát tên là Bàn Than Thạch. Vua Minh-Mạng sai lập miếu dựng bia, đằng trước xây một bức bình phong". Cũng sách này lại ghi " Tháng giêng Bính-Thân, Minh-Mạng thứ 17(1836) nhà vua khiến Thủy quân suất đội Phan Hữu Nhật đem binh thuyền qua Quãng Ngãi, thẳng tới bãi Hoàng Sa, không nệ hòn cù lao nào, bề dài, ngang rộng, bề cao, chu vi và bốn phía gần đó có đá ngầm hay không, hình thể mấy chỗ ấy có hiểm trở hay không? Từ cửa biển ra đó đường thủy đi mấy dặm, gần bờ biển huyện nào, đến đâu khám xét rõ ràng rồi cho cắm tiêu làm dấu vẽ bản đồ đem về dâng lên Ngài ngự lãm".

Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu lại có chép cả về vụ tàu buôn Anh-Cát-Lợi qua bãi Hoàng-Sa bị cạn như sau: " Tháng 12 năm Bính Thân, Minh Mạng thứ 17(1836) tàu buôn Anh-Cát-Lợi qua bãi Hoàng-Sa bị cạn phải ghé vào bãi biển Bình-Định với hơn 90 người. Việc này tấu trình lên nhà Vua, Ngài bèn sai lựa nơi cho các người lâm nạn tạm trú và hậu-cấp tiền-gạo cho họ, khiến chủ tàu cùng toàn thể thủy thủ rất cảm kích. Kế đến, Ngài lại sai ái bộ Nguyễn Tri Phương dẫn những người ấy xuống tàu theo Hạ-châu để học trở về Anh-Cát-Lợi.

Những đoạn trích dẫn trên trong sử liệu của Việt-Nam và ngoại quốc và nhất là thêm vào đó, bản *Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ* đã đề cập tới trước đây, lại chứng minh rằng dưới Triều Nguyễn từ đời Gia Long đến Tự-Đức Việt Nam ta nắm giữ chủ-quyền liên-tục trên hai quần-đảo Hoàng-Sa, Trường-Sa.

Kế đến, do những hiệp-định ta ký với Pháp vào những năm 1874, 1884 và do Tuyên-Cáo ở Vinh Hạ-Long ngày mồng 5 tháng 6, 1948, chính quyền Đông Pháp về phương diện quốc-tế công-pháp đã thay mặt Việt-Nam gìn-

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

giữ-chủ-quyền của Việt-Nam trên hai quần đảo trên đồng thời thi-hành những biện pháp tái chiếm hữu và thi-thiết hành-chính thích đáng.

Tiếp theo hiệp ước Fournier hay Hiệp ước Thiên-Tân ký kết tại Thiên-tân ngày 18.5.1884 (Covention Fournier ou de Tien Tsin du 18 mai 1884) bắt buộc Trung-quốc từ bỏ quyền tôn chủ hưữ danh vô thực từ trước đối với Việt Nam và thừa-nhận cùng tôn-trọng mọi điều-ước Pháp-Việt. Kế đến Hiệp Định Patenôtre đã được ký kết vào ngày mồng 6 tháng 6, 1884 tại Huế giữa Pháp và Triều đình Việt Nam, sau khi phá-hủy ấn-tỷ của Thanh Triều đã ban cho Vua Việt Nam trước đó. Trong tình trạng ấy, những hành động mà ông Tề-Tân đã viện dẫn ra dưới triều Thanh như việc viện Đề Đốc Lý Chuẩn đời Thanh vào năm 1904 đem quân hạm tới điều tra tình hình trên các đảo trên biển Nam Hải, việc tỉnh Quảng đông năm 1911 tự ý cho xuất-bản một cuốn địa đồ về các đảo ở Đông Hải, v.v… đều là những hành động phi pháp về phương diện quốc tế công pháp cả.

Đành rằng ông Tề Tân có trích dẫn một đoạn trong Bản Tục Hiệp-nghị Trung Pháp Việt ký kết ngày 26.6.1887 để cố chứng minh chủ quyền của Trung quốc nhưng sau khi đọc kỹ lại đoạn trích dẫn đó ta có thể nhận thấy nội-dung của bản Hiệp-nghị đó không hề giải-thích theo như chiều hướng mà ông đã ước mong.

Trước hết, bản Hiệp-nghị đó không phải là một bản Hiệp-định giữa Trung quốc, Pháp quốc và Việt Nam nhưng chỉ là một hiệp-ước (convention) Trung Pháp có liên quan tới việc *phân định biên-giới giữa Trung quốc và Bắc-Việt* mà thôi. Hiệp ước này đã được ký kết để thi hành điều 3 hiệp định ngày 9.6.1886 giữa Pháp và Trung quốc đươc qui định như sau: “Dans un délai six mois à partir de la signa-ture du présent traité, des commissaires designés par les hautes par-ties contractantes se rendront sur les lieux pour reconnaitre la fron-tière entre la Chine et le Tonkin. Ils poseront partout où besoin sera, des borens destinées à rendre apparente la ligne de démarcation. Dans le cas où ils ne pourraient se mettre d’accord sur l’emplacement de ces bornes ou sur les rectifications de détail qu’il pourrai y avoir lieu d’apporter à la frontière actuelle du Tonkin, dans l’intérêt commun des deux pays, ils refèreraint à leur gouvernement respectif”. Nghĩa là: “Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày ký kết bản hiệp định này, những ủy viên do cao cấp hai bên kết ước đương sự chỉ định sẽ tới tại chỗ để xem xét nhận-định biên-giới giữa Trung-quốc và Bắc Việt. Chỗ nào cần thời họ sẽ cho đặt những mốc hạn-định địa-giới khiến cho thấy rõ được giới-tuyến. Ở trường hợp mà hai bên không thể thỏa thuận được với nhau về nơi đặt mốc hoặc về những chi-tiết cần sửa-đổi lại cho

đúng biên-giới hiện-hữu của Bắc Việt để mưu sự ích-lợi chung cho cả hai nước, họ sẽ phải trình với chính-phủ của họ”.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Để thi-hành điều 3 của Hiệp-định Thiên Tân vừa trích dẫn, hiệp ước ký kết tại Bắc Kinh ngày 26.6.1887 đã qui định như sau: "Les points sur lesquels l'accord n'avait pu se faire entre les deux commissions et les rectifications visées par le deuxième paragraphe de l'article 3 du traité du 9 Juin 1885 sont réglés ainsi qu'il suit: au Kouang tong, il est entendu que les points contestés qui sont situés à l'Est et au Nord-Est de Monkai, au delà de la frontière telle qu'elle a été fixée par la commission de délimitation, sont attibués à là Chine. Les iles qui sont à l'Est du meridien de Paris 105' 43 de orientale de l'ile de Tchi'a-Kou ou Ouan-chau (Trà cổ) et formant la frontière sont également attribuées à la Chine. Les iles Go-tho et les autrer iles qui sont à l'Ouest de ce méridien appartienment à l'Annam". Nghĩa là: "Những điểm mà hai ủy ban đã không thỏa thuận với nhau được và những sự sửa đúng lại như đã được đề cập tới trong đoạn 2 điều 3 của Hiệp định ngày 9-6-1885 nay được giải quyết như sau: ở Quảng-đông thời hai bên đồng ý với nhau rằng những địa điểm tranh chấp nằm ở phía Đông và Đông Bắc Mông Cái và ở bên kia biên giới như đã được ấn định bởi ủy ban khảm định biên giới được qui thuộc về Trung quốc. Những hòn đảo ở vào phía đông Tý ngọ tuyến Paris, thuộc Đông Kinh tuyến 105' 43 nghĩa là ở phía Đông phân tuyến Bắc làm biên giới chạy qua mũi phía Đông Hòn đảo Tch'a-Kou hay Ouan-Chau (Trà cổ) cũng được thuộc về Trung quốc. Những hòn đảo Go-tho (Cách-Đa) và những hòn đảo khác ở vào phía tây Tý ngọ tuyến đó thời thuộc về An Nam".

Về bản hiệp ước Trung-Phap ngày 26.6.1887 có mấy điểm sau cần được đặc biệt chú ý:

1) Bản hiệp ước này không hề đề cập tới việc phân định địa giới theo nghĩa rộng giữa Trung quốc và Việt Nam nhưng chỉ có liên quan tới việc phân định biên giới giữa tỉnh Quảng đông và Bắc Việt cùng những hòn đảo nằm trong vịnh Bắc Việt ở vào khoảng giữa đảo Hải Nam và duyên hải Bắc Việt và Quảng Đông.

2) Do đó không thể được viện dẫn để áp dụng cho trường hợp quần đảo Hoàng-Sa và quần đảo Trường-Sa vốn không thuộc lãnh-hải Bắc-Việt nhưng thuộc lãnh-hải Trung và Nam-Việt.

Vậy một là ông họ Tề đã hiểu lầm ý nghĩa và đối tượng của hiệp ước Bắc Kinh ngày 26.6.1887, hai là ông đã cố tình bóp méo sự thực cùng nội dung của bản hiệp ước đó hầu biện minh cho cái quan-điểm riêng của ông. Dù hiểu lầm hay bóp-méo sự-thực, thái-độ của ông cũng rất dễ hiểu vì luận-cứ này đâu phải là do ông đã sáng kiến ra mà chỉ là một luận điệu đã được lập lại

của ông Chu-Kiệt, tác giả bài "Nam Sa quần đảo hòa Đông Tây Trung Sa quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc đích lãnh thổ" như đã được đăng tải trong Quang Minh Nhật báo từ năm 1956.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chính với thái độ chủ-quan về lối lập-luận có dụng-tâm trước ấy mà ông đã bỏ-sót không hề đếm-xỉa tới chủ-quyền vẫn được hành-sử dưới thời các Chúa Nguyễn hồi thế-kỷ 17, 18 để chủ-trương rằng " *mãi tới đầu thế kỷ thứ 19 vua An nam (sic) mới phái Hải quân đến quần đảo Tây Sa*".

Có điểm đáng được lưu ý trong lời xác-nhận vô căn-cứ đó là ông đã xài danh-xưng *An Nam* thay vì Việt-Nam để nói về nước ta dưới triều vua Gia Long, khiến người ta không thể không liên-tưởng tới lời tuyên-bố của Mao Trạch Đông hồi năm 1939 cũng đã xài những danh từ thuộc ngôn-ngữ của thực-dân chủ-nghĩa như *Thuộc quốc An nam* để nói về nước Việt Nam.

Xem đó, ông Tề Tân đã bất chấp tất cả chủ-quyền của Việt Nam như đã được hành-sử liên tục từ thế kỷ 17 cho tới ngày nay hoặc một cách trực-tiếp như trong thời kỳ trị-vì của các vua chúa triều Nguyễn hoặc một cách gián tiếp như trong thời kỳ đến sau hiệp định Việt Pháp năm 1884. Đành rằng trong thời-kỳ 1884-1945, về thực-tế nước ta không có đầy-đủ chủ-quyền về lãnh-thổ quốc-gia như trước nữa nhưng về phương-diện quốc-tế công-pháp không sao phủ-nhận được hiệu-lực pháp-lý của hiệp-định Việt Pháp năm 1884 đối với sự toàn-vẹn lãnh-thổ của Việt-Nam và đặc-biệt đối với chủ-quyền Việt-Nam trên hai quần-đảo Hoàng Sa Trường-Sa.

Dưới đây xin dẫn ra một số hành-động chủ-yếu của Chính-phủ Đông-Dương nhằm bảo-vệ chủ-quyền trên hai quần-đảo đó với tư-cách là đại-diện cho Việt Nam:

Năm 1899, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ký sắc-lệnh thiết-lập một ngọn hải-đăng trên một hòn đảo trong quần-đảo Paracels.

Năm 1925, viện Hải-dương học đến thám-sát quần-đảo Paracels và đến năm 1927 lại phái tàu trên đến thám-sát quần-đảo Spartley (Trường Sa). Chính nhờ những cuộc thám-sát khoa-học này mà người ta đã khám phá ra sự có liên hệ về địa-chất giữa thềm lục-địa Trung-Việt và quần-đảo Hoàng-Sa.

Năm 1930, tàu La Mancieuse tới quần đảo Paracels, dựng cờ tái chiếm hữu. Kế đến, nhiều chiếc tàu khác như các tàu De Lanessan, Alerte, Astrolabe v.v… cũng đã từng tới quần-đảo nghiên-cứu về Hải-dương học.

Về phương-diện thám-sát khoa-học ở vùng quần-đảo Hoàng-Sa thiết-tưởng cũng nên kể tới những đóng-góp của vài nước Tây-phương khác ngoài nước Pháp. Theo như đã ghi chép trong Niên-giám Thủy-lộ học (Annales hydrographiques) phát hành vào năm 1893, thời nhiều cuộc trắc-lượng hải-để đã được thực-hành bởi hai chiếc tàu Egeria và Penguin (có lẽ của Hoa kỳ hay Anh quốc) vào năm 1892.

Tàu Egeria thám-sát biển Đông-Hải vào những tháng ba, năm, sáu và bảy năm 1892 đã trắc-định bề sâu cực-độ của biển Đông-Hải là 4.000 mét ở phía

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đông quần-đảo Paracels. Còn tàu Penguin trắc-lượng hải để ở biển Đông-Hải vào tháng tư và tháng ba năm 1892 đã trắc-định bề sâu cực-độ của biển Đông-Hải là 3.900 mét ở phía Nam quần-đảo Paracels về hai cuộc thám-sát của tàu Egeria và tàu Penguin, không hề thấy. Triều đình nhà Thanh lên tiếng phản đối gì cả. Đó là nói về quần-đảo Paracels, còn về quần-đảo Spratley thời trong năm 1893 (Niên-hiệu Quang-tự thứ 9) có một chiếc tàu. Đức đã tới đó trắc-lượng hải-để. Lần này, Triều-đình nhà Thanh có lên tiếng kháng-nghị thật, nhưng lời kháng-nghị này xét ra vô căn cứ về phương-diện pháp-lý. Thực thế, trước hết có sự mâu-thuẫn với thái-đọ thụ-động của Triều-đình nhà Thanh hồi năm trước đối với những cuộc thám-sát khoa-học của tàu Egeria và Penguin ở vùng quần-đảo Parecels. Thứ đến, quần-đảo Spratley về phương-diện quốc-tế công-pháp đã được đặt dưới sự bảo-hộ của Pháp do Hiệp định Pháp, Tây Ban Nha và Việt Nam ngày 5.6.1862 điều 4 và nhất là do Hiệp định Việt Pháp ngày 15.3.1874 điều 2 và 3. Có lẽ vì vậy mà Chính phủ Anh-quốc không hề lên tiếng yêu-sách gì về quần-đảo Spratley mặc dầu danh xứng Spratley đã do người Anh đặt ra năm 1867 khi họ tưởng đã phát-kiến ra được quần-đảo đó vốn vẫn là quần-đảo Trường Sa của Việt Nam.

Vẫn trong khuôn-khổ hoạt-động của Chính phủ bảo-hộ Pháp thay mặt Triều-đình Việt-Nam về phương-diện quốc-tế để bảo-vệ chủ-quyền Việt-Nam trên quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa, thiết-tưởng lại nên dẫn ra dưới đây những hành động sau:

Năm 1932, Toàn-quyền Đông-Dương ký Nghị-định ngày 15.6.1932 thiết-lập một đại-lý hành-chính tại quần-đảo Paracels và đặt quần-đảo này thuộc quản-hạt hành-chính tỉnh Thừa-Thiên. Sự cải-cách hành-chính này lại được Dụ số 10 ngày 30 tháng 3 năm 1938 của Cựu-Hoàng Bảo-Đại xác-nhận.

Năm 1933, chiến-hạm Hải-quân Chính-phủ Đông-Dương tới chính-thức chấp-hữu sáu hòn đảo chính trong quần-đảo Spratley và sự chấp-hữu này đã được đăng tải trong Công-Báo Pháp ngày 16.7.1933. Do Nghị Định ngày 21.12.1933 của Toàn Quyền Đông dương, quần đảo Spratley lại đã được đặt thuộc quản hạt hành chính tỉnh Bà Rịa. Ngày 24.7.1933 Chính phủ Đông Dương cũng thống trị cho Chính phủ Nhật bản sự chấp-hữu chủ-quyền đó nhưng Chính phủ Nhật-bản đã chính-thức kháng-nghị với Chính phủ Đông Dương và khẳng-định là từ năm 1917 một công-ty khai-thác phân chim biển (guano) đã hoạt-động trên quần-đảo Spratley và dựng bia chủ-quyền cho Nhật-bản ở đó. Lời kháng nghị của Nhật bản xét ra thiếu căn cứ pháp-lý vì

tới hồi đó, Nhật-bản chưa hề thực hiện được sự chấp hữu chính thức nào đối với quần đảo Spratley. Bởi vậy, bất chấp sự kháng-nghị của Nhật-bản, Chính-phủ Đông-Dương vẫn tiếp-tục thực-hành những hành-động bảo-vệ chủ-quyền Việt-Nam trên quần đảo liên hệ. Năm 1938, Sở Khí-Tượng Đông-Dương thiếp-lập một đài khí-tượng trên đảo Itu Aba. Năm 1939 quần đảo

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Paracels được chia ra làm hai nhóm về phương diện hành-chính: nhóm Nguyệt-Thiềm cùng phụ-thuộc (Délégation du Croissant de l'Amphitrite). Cũng vào năm 1939, quân-đội Nhật-bản đổ-bộ lên đảo Itu Aba vào ngày 19 tháng 8, Bộ Ngoại-giao Nhật-bản tuyên-bố quyết-định đặt quần-đảo Spratley, dưới tôn danh xưng Shinnan gunto, trực thuộc đảo Đài Loan. Năm trước (1938), quần-đảo Paracels cũng đã bị quân Nhật-bản chiếm đóng và đổi tên ra là Hirata gunto. Về hai vụ này Chính-phủ Đông-Dương đã nhiều lần lên tiếng chính-thức phản-kháng với Chính-phủ Nhật-bản. Năm 1946, sau khi quân-đội Nhật-bản đầu-hàng Đồng-Minh, Nhật-bản đã phải chính-thức từ-bỏ chủ-quyền trên hai quần-đảo Paracels và Spratley mà họ đã chiếm-đoạt bằng võ-lực. Sự Nhật-bản từ-bỏ chủ-quyền trên đã được ghi chép trong bản Tuyên-Ngôn Lơ-Ke (ngày 27.11.1943 Cairo Declaration) và trong bản Hòa-ước San Francisco ký-kết ngày 8.9.1951. Có điều đáng tiếc là trong Tuyên-ngôn Lơ-ke chỉ kể tới Mãn-Châu, Đài-Loan và quần đảo Bành-Hồ (Pescadores) là những lãnh-thổ do Nhật-Bản phải trả lại cho Trung-quốc mà không hề đá-động tới hai quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa. Chính sự thiếu minh-bạch của Tuyên-Ngôn Lơ-ke và cả của Hòa-ước San Francisco, đã được những quốc gia sau này tranh chấp chủ quyền với Việt Nam khai-thác để chủ-trương hai quần-đảo trên phải trả lại cho họ. Riêng Trung-Hoa Dân-Quốc thời viện lẽ rằng hai quần-đảo Paracels và Spratley đã được nước đó tiếp-thu vào tháng 12.1946. Sự thực thời đó đâu phải là một cuộc tiếp-thu chính-thức theo quốc-tế công-pháp nhưng chỉ là một hành động trong khuôn-khổ Trung-Hoa Dân-Quốc đã thừa-lệnh Đồng-Minh đến nhận sự đầu-hàng của quân Nhật mà thôi. Về điểm này, thiết tưởng cũng nên dẫn ra dưới đây kiến giải chí-lý của tác-giả bài Chũ Etsu no Pa-Ra-Se-Ru Ryôdo Funsô (cuộc Phân tranh Trung Việt về lãnh thổ Paracels) đăng tải trong kỷ yếu Taiwan Chenglian (Đài Loan Thanh Niên) số 163, ra ngày mồng 5 tháng 5-1974. Theo Hoàng hữu-Nhân tiên-sinh, người đã viết bài trên, thời sự-việc trên đã xảy ra như sau: "Viên Tư-lệnh quân-đội Nhật-bản chiếm-đóng Hải-Nam, một bộ phận của tỉnh Quảng Đông hồi đó là Tanaka Kyuichi lúc đó ở Quangả Châu đã đầu hàng Trương Phát-Khuê là viên Tư-lệnh chỉ-huy Đệ nhị (phương diện) quân đội của Trung-Hoa Dân-quốc, nhưng về sự hàng phục có liên quan tới quần đảo Paracels thời viên Tư lệnh chỉ-huy quân-đội Nhật-bản trú đóng ở Đông-Pháp là Tsuchihashi Yuitsu đầu hàng tướng Lư Hán, lúc đó là viên Tư-lệnh chỉ-huy Đệ nhất (phương-diện) quân-đội của Trung-Hoa Dân-quốc trú đóng ở Hà Nội. Về trường hợp quần đảo Spratley, thời không

thể cho là quân Nhật ở đó đầu hàng Trung-Hoa Dân-quốc. Tướng Trung-Hoa Dân-quốc được ủy-nhiệm tiếp-nhận sự đầu-hàng tổng-quát của quân đội Nhật bản là tướng Hà Ứng Khâm. Tuy đã được Thống-Chế Tưởng Giới-Thạch ủy-nhiệm cho sứ-mạng trên, tướng Hà Ứng-Khâm không thể nào coi là đã được nhiệm-mệnh bởi vị Chủ-tịch Chính-phủ Trung-Hoa Dân-quốc

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nhưng bởi vị Tổng tư-lệnh quân-đội Đồng-Minh là Đại tướng Mac Arthur qua trung-gian người đại-diện là Thống-Chế Tưởng Giới-Thạch kiêm chức Tổng-súy Chiến-khu Trung Quốc. Sự thực thời tướng Hà Ứng-Khâm đã thừa-lệnh Đại-tướng Mac Arthur để tiếp-nhận sự đầu-hàng của Okamura Yasutsugu là Tổng tư-lệnh quân-đội Nhật-bản tại chiến-trường Trung-quốc".

Đó là bản-chất thực-sự của hành-động mà Trung-Hoa Dân-quốc đã mệnh-danh là cuộc tiếp-thu hai quần-đảo Paracels và Spratley. Nói cách khác, sau khi Nhật đầu hàng, Đồng Minh trao cho Trung-Hoa Dân-quốc trách-nhiệm tước khí-giới và hồi-hương binh-sĩ Nhật từ vĩ-tuyến 16 ra Bắc còn từ vĩ-tuyến 16 vào Nam, thời trao trách-nhiệm ấy cho nước Anh. Vậy Trung-Hoa Dân-quốc không thể vịn vào đó mà cho rằng hai quần-đảo trên đã được hàng-quân Nhật-bản chuyển-giao cho mình. Vả lại, "Nhật-bản đã lấy danh nghĩa gì để chuyển giao chủ-quyền cho họ. Khi Nhật-bản giao miền Bắc Đông-dương cho Trung-Hoa chiếm đóng, có phải là họ đã nhường chủ-quyền này cho Trung-Hoa đâu? Nếu cho rằng việc đi đánh cướp đất của người khác là một hành-vi thể-hiện chủ-quyền thì Nhật-bản cũng đã từng có chủ-quyền trên đất Trung-Hoa, một điều có bao giờ Trung-Hoa thừa nhận? Vậy không thể viện lẽ rằng quần-đảo Nam Sa do Nhật chuyển-giao mà cho rằng mình có chủ-quyền trên đảo đó." (Tân phong, "Vấn đề chủ quyền trên nhóm quần-đảo Tây Sa và Trường Sa" Quê-Hương số ra ngày 27.9.1961). Mặt khác, về việc Trung-Hoa Dân-quốc đến hai quần-đảo Paracels và Spratley thi hành nhiệm-vụ tước khí-giới hàng quân Nhật-bản, thiết-tưởng cũng cần thêm mấy chi-tiết sau: Theo như hãng Thông-tấn Havas loan tin ngày 23.9.1940, thời ngày 30.8.1940, chính phủ Nhật-bản thử thời đã ký một thỏa ước theo đó Nhật-bản long trọng cam-kết sẽ tôn-trọng mọi quyền lợi của Pháp ở Viễn Đông, kể cả sự toàn vẹn lãnh-thổ Đông Dương (cf. Roger Pinte, Problèmes du Pacifique en 1940 p.p. 9.10). Kế đến, ngày 9.3.1945, sau khi lật-đổ chính quyền Pháp ở Việt-Nam, Nhật-bản tuyên bố "đánh Pháp để giựt lại chính quyền trả cho Việt Nam. Nước Việt Nam, từ nay, hoàn toàn độc-lập để hiệp-lực cùng Nhật xây-dựng khối thịnh-vượng Đại-Đông-Á". Đồng thời, Cựu-Hoàng Bảo-Đại đã tuyên bố "hủy bỏ tất-cả những hiệp-ước ký giữa Việt-Nam và Pháp bấy lâu".

Xem đó, hồi tháng 12.1946, hàng quân Nhật bản chỉ để Trung-Hoa Dân-quốc tước khí-giới họ trên hai quần-đảo Paracels và Spratley thôi, chứ đâu phải là Trung-Hoa Dân-quốc tiếp-thu hai quần-đảo đó ở Chính-phủ Nhật-bản đương-thời. Lại cũng nên ghi thêm rằng một phần quần-đảo Paracels và riêng quần-đảo Spratley ở vào dưới vĩ-tuyến 16 và cả hai đều thuộc lãnh-hải Trung-Việt và Nam-Việt chứ không thuộc lãnh-hải Bắc-Việt. Sau hết, ta cũng không nên quên rằng trước khi đến hai quần-đảo đó tước khí-giới hàng-quân Nhật-bản, Trung-Hoa Dân-quốc đã thỏa-thuận ký với Pháp hiệp-ước

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

ngày 28.2.1946 theo đó "Quân đội Pháp đổ bộ lên Bắc Việt thay thế quân-đội Trung-Hoa để tước khí-giới và hồi-hương binh-sĩ Nhật. Công-việc chuyển-giao Hoa-Pháp có thể kết liễu vào cuối tháng 3.1946". Chính vì lẽ này, khi biết Trung-Hoa Dân-quốc cho quân chiếm đóng hai quần-đảo vào ngày 7.1.1947, Chính-phủ Pháp vào ngày 13.1.1947 đã chính thức phản kháng với Trung-Hoa Dân-quốc và tái xác-nhận chủ-quyền của Việt-Nam. Đồng thời Pháp lại phái chiến-đĩnh Le Tonkinois tới thám-sát ở quần-đảo Paracels. Chiến-đĩnh này đổ bộ 10 lính Pháp và 17 lính Việt Nam lên chiếm-đóng đảo Pattle (Hoàng Sa), sau đó Pháp quyết-định thiết-lập trên đó một đài khí-tượng.

Kế đến với Hiệp-định Việt-Pháp ngày 8.3.1949, Pháp đã công nhận sự độc lập và thống nhất của quốc-gia Việt-Nam gồm cả lãnh-thổ Nam Kỳ. Từ đó Việt Nam có đầy đủ tư-cách để tự bảo-vệ trên binh-diện ngoại-giao chủ-quyền của mình trên hai quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa. Nên chi, tại Hội-nghị ký Hòa-ước San Francisco, Trưởng Phái-Đoàn Việt-Nam đã long-trọng lên tiếng xác-nhận chủ-quyền Việt-Nam như sau: " As we must frankly make use of any opportunity to stifle germs of discond, we declare our rights over the Spratley and the Paracels islands which from the time immemorial have been parts of Viet Nam" (nghĩa là: Vì chúng ta phải chân-thành lợi-dụng mọi cơ-hội hầu diệt-trừ mọi mầm-mống bất-hòa, chúng-tôi tuyên-bố xác-nhận chủ-quyền của nước chúng-tôi trên hai quần-đảo Spratley và Paracels vốn là bộ-phận của lãnh-thổ Việt Nam từ lâu đời.)

Lời xác-nhận chủ-quyền trên đã được tuyên-bố vào ngày 7.9.1951 mà không hề gây ra một phản-ứng chống-đối hoặc yêu-sách nào cả ở Hội-nghị gồm có 51 quốc-gia tham-dự. Theo ông Tề-Tân, sỡ-dĩ Trung Cộng không đưa ra lời dị-nghị nào tại Hội nghị San Francisco, là vì Trung-Cộng không tham-dự Hội nghị đó, nhưng ngày 15.8.1951, Chu Ân Lai, Ngoại-Trưởng Trung Cộng, đã có lên tiếng thanh-minh về bản thảo-án Hòa-ước của Mỹ-Anh đối với Nhật bản v.v…

Thái-độ đầy mâu-thuẫn của Trung-Cộng khiến người ta phải ngạc nhiên không ít, Trung-Cộng đã "tẩy chay" không tham-dự Hội-Nghị Hòa-ước San Fancisco cùng với Trung-Hoa quốc-gia, kế đến mới đây lại hất cẳng Trung-Hoa quốc gia tại Liên-Hiệp-quốc, cho là mình mới đáng đại diện cho nhân-dân Trung-quốc, nhưng đến khi muốn biện-minh cho việc chiếm-đoạt quần-đảo Hoàng-Sa của Việt-Nam thời lại không quên viện-dẫn hành-động của

Trung-Hoa quốc-gia mệnh-danh là cuộc tiếp-thu hai quần-đảo Hoàng-Sa, Trường-Sa hồi cuối năm 1946! Luận-cứ này cùng nhiều luận-cứ khác của Trung-cộng cũng đã được Liên-sô có mặt tại Hội-nghị San Francisco đem ra khai thác hầu cố-gắng đòi ghi vào trong Hòa-ước rằng hai quần-đảo trên được trả lại cho Trung-cộng, nhưng lời yêu-cầu của Liên-Sô không được

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Hội-nghị xét tới và đã bị bác bỏ với 46 phiếu chống 3 phiếu thuận và 1 phiếu trắng. Hơn nữa điều 2 của Hòa-ước có hiệu lực tái lập sự toàn-vẹn lãnh-thổ cho những quốc-gia trong nhất-thời đã bị quân Nhật chiếm-cứ. Do đó, hai quần-đảo Hoàng-Sa, Trường-Sa vẫn là hai bộ phận bất-khả-phân của Trung-Việt và Nam-Việt thuộc quốc gia Việt-Nam hồi đó. Vả lại ngày mồng một tháng tư năm 1939, Chính phủ Pháp đương thời cũng đã lên tiếng chính thức phản-kháng sự chiếm đóng theo thực-tế của quân đội Nhật bản trên hai quần-đảo. Sau hết, liên-quan đến chủ-quyền chân-chính của Việt-Nam đối với Hoàng-Sa và Trường-Sa, không còn gì rõ rệt hơn là điều 12 trong bản tuyên-ngôn tối-hậu của Hội nghị Genève ngày 21 tháng7 năm 1954 mà Trung Cộng cũng đã tham dự "In their relations with Cambodia, Laos and Vietnam, each member of the Geneve Conference undertakes to respect the sovereignty, independence unity and terrioria! integrity of the above-mentioned States and to refrain from any interference in their internal affairs" nghĩa là " Trong sự giao-thiệp với Cao-Miên, Lào và Việt-Nam, mỗi quốc-gia hội-viên tham-dự Hội-Nghị Genève cam-kết tôn trọng chủ-quyền, độc-lập, thống-nhất và toàn-vẹn lãnh-thổ của các quốc-gia kể trên và giữ không xen vào công-việc nội-bộ của các quốc-gia đó".

Từ 1954 cho tới nay, Việt-Nam Cộng-Hòa vẫn tiếp tục thi hành mọi biện pháp cần-thiết để bảo-vệ chủ-quyền Việt-Nam trên hai quần-đảo. Năm 1956, một đơn-vị hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa đã thay thế hẳn hải-quân Pháp trên quần-đảo Hoàng-Sa. Từ đó cho đến nay trên quần-đảo vẫn có quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa đồn trú lại vẫn có một đài khí-tượng ở đó.

Cũng vòa cuối tháng 8 năm đó, một đơn-vị hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa đã tới thượng quốc-kỳ và dựng bia ghi chủ quyền trên quần-đảo Trường-Sa để tỏ ý-chí của Việt-Nam Cộng-Hòa nhất-quyết bảo vệ Trường-Sa đối với mọi yêu-sách vô căn-cứ của Trung-Hoa Dân-quốc, Trung-Cộng và Phi-Luật-Tân. Trước đó, ngày 8.6.1956, chủ quyền lâu đời của Việt-Nam trên quần-đảo cũng đã được Ngoại-Trưởng Việt-Nam Cộng-Hòa long-trọng tái xác-nhận tại Saigon.

Năm 1959, Việt-Nam Cộng-Hòa cho bắt-giữ một thời gian 80 tên ngư-phủ Trung-Cộng đã xâm-nhập các đảo Cam-Tuyền (Hữu Nhật), Duy-Mộng và Quang-Hòa.

Năm 1960, Hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa bắt-đầu tuần-tiễu đều-đều ở vùng Trường-Sa.

Năm 1961, do Sắc-lệnh số 174-NK ngày 13 tháng 7, của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa, quần-đảo Hoàng-Sa đã được đặt thuộc quản-hạt hành-

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

chính tỉnh Quảng-Nam thay vì tỉnh Thừa-Thiên, lại đặt xã Định-Hải thuộc quận Hòa-Vang.

Năm 1969, do Sắc-lệnh số 709-BNV/HC ngày 21 tháng 10, của Thủ-tướng Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, xã Định-Hải được sáp-nhập làm một với xã Hòa-Long cũng thuộc quận Hòa-Vang, tỉnh Quảng-Nam.

Ngày 13 tháng 7 năm 1971, Ngoại-Trưởng Việt-Nam Cộng-Hòa tuyên-bố ở Manille rằng quần-đảo Trường-Sa từ lâu đời vẫn thuộc lãnh-thổ Việt-Nam và ngày 15 tháng đó Bộ Ngoại Giao VNCH đã ra một thông-cáo tái xác-nhận chủ-quyền chính-đáng của Việt-Nam trên hai quần-đảo Trường-Sa, Hoàng-Sa. Sau hết, đến năm 1973, do Sắc-lệnh của Tổng-Thống VNCH, quần-đảo Trường-Sa lại được tái xác-nhận là thuộc quản-hạt bành-chính tỉnh Phước-Tuy.

Sự thể đã rành-rành như vậy, mà ngày 20 tháng giêng năm 1974, bất chấp chủ-quyền chân chính lâu đời của Việt-Nam cùng dư-luận và công-pháp quốc-tế, Trung-Cộng đã dùng võ lực chiếm mất quần-đảo Hoàng-Sa của ta. Tự biết yếu kém về phương diệnh lịch-sử cũng như pháp lý, Trung-Cộng đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng vụ xâm lược này. Họ đã cho ấn hành nhiều bản-đồ ngụy tạo để lừa dối quốc-tế. Sau khi thực hiện được mộng bành-trướng lãnh-thổ của họ trên quần-đảo Hoàng-Sa, họ lại mở một cuộc vận động phản tuyên-truyền rộng lớn để bào chữa tội lỗi của họ trước dư luận quốc-tế. Một số bản đồ của ngoại-quốc đã được dẫn ra làm chứng cứ nhưng có điểm đáng chú-ý là hết thảy những bản đồ đó đều đã được phát hành từ 1953 trở đi nghĩa là 4 năm sau khi Trung-Cộng bắt đầu ngự trị trên lục địa Trung-quốc và dĩ nhiên những bản đồ có từ trước hoặc có sau 1953 nhưng không thuận-lợi cho chủ trương bất-chính của chúng như bản đồ của George Philip & Son L.T.D. những năm 1969, 1970 bản đồ của John Bartholomew and Son L.T.D, bản đồ World Map 1: 23000.000. Political Edition của Kummerly and Frey Geographical Publishers (Berne) v.v… thời không thấy được dẫn ra.

Bối-cảnh lịch sử của hai quần-đảo Hoàng-Sa, Trường-Sa như vừa lược tả đủ chứng tỏ chủ quyền bất khả thi dị nghị của Việt-Nam trên đó.

Trễ nhất từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 19, hai quần-đảo này vẫn trực-tiếp thuộc chủ quyền Triều đình Việt-Nam. Kế đến, do những Hiệp-định ta ký với nước Pháp những năm 1874, 1884, chính quyền Đông-Dương đã thay mặt Việt-Nam gìn giữ chủ quyền của Việt-Nam đối với hai quần-đảo trên, đồng thời thi hành mọi biện pháp tái chiếm hữu và thi thiết hành chính thích nghi.

Đành rằng hai quần-đảo đó đã bị quân-đội Nhật bản tạm thời chiếm đóng từ 1939 đến 1946 nhưng với Hòa-ước San Francisco, chính phủ Nhật bản đã long trọng tuyên bố từ bỏ mọi quyền lợi về hai quần-đảo ấy. Do đó, y kỳ sự thực Việt-Nam tức nhiên đã khôi phục lại được chủ quyền cố-hữu của mình.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chủ quyền của Việt-Nam đã lấy lại được đó có giá-trị pháp-lý vững-chắc không những đối với các quốc-gia có mặt tại Hội-nghị nói trên nhưng cả đối với những quốc-gia cùng chính-quyền khác đã không tham-dự Hội-nghị. Sở dĩ như vậy là vì đây chẳng phải là một tinh thể mới hẳn nhưng chỉ là sự tái lập một tình thế đã có từ trước. Vả lại, Hội-nghị Genève năm 1954 với sự tham gia của những quốc-gia và chính quyền không có mặt tại Hội nghị San Francisco lại tuyên bố cam-kết tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh-thổ của Việt-Nam.

Vậy mà ngày 11 tháng giêng 1974, Bộ Ngoại-giao Trung-Cộng, bỗng lên tiếng mạt sát Việt-Nam Cộng-Hòa và đồng thời tuyên bố lạm nhận chủ quyền của Trung-Cộng trên hai quần-đảo ở biển Đông-Hải mà chẳng hề viện ra được một lý lẽ gì vững-chắc về phương diện lịch sử lẫn pháp-lý. Kế đến, ngày 20.1.1974, họ đột-nhiên huy động Hải Lục Không quân ồ-ạt kéo đến đổ bộ lên quần-đảo Hoàng-Sa mà họ đã đoạt mất của ta.

Hoàng Sa đã thất thủ !

Hoàng Sa thất thủ đâu phải là do ưu-thế quân-sự của Trung-Cộng nhưng chính vì khối đại-đoàn-kết của dân-tộc ta đang bị nứt-vỡ.

Như học-giả Hoàng Xuân-Hãn đã cảm-nghĩ rất thích đáng: "*Ngày nay vụ quần-đảo Hoàng-Sa bị chiếm là triệu chứng cụ-thể của những thiệt-hại gây nên bởi sự bất-hòa giữa dân-tộc ta. Hoàng-Sa là đất Việt-Nam, đất của nước Việt-Nam thống-nhất. Khi nước Việt-Nam còn chia đôi thì khó lòng điều-định để Hoàng-Sa trả lại đất ta, tuy rằng nhiều chứng xưa nay trong ngoài bảo rằng đó là đất Việt*" (Hoàng Xuân Hãn, "Đúng Ba Trăm Năm trước", Sử địa số 27, 28 trang 215).

Kẻ viết bài này cũng hoàn-toàn đồng-ý với Hoàng tiên-sinh và thành-tâm cầu-nguyện cho đoàn-kết sớm trở lại với dân-tộc Việt-Nam, thời mới mong Hoàng-Sa trở lại đất ta, nếu không, thời không những mất đứt Hoàng-Sa, mà đến cả nước ta, rồi đây, cũng bị mất về nhà bạo Tần của thế-kỷ thứ hai mươi này!

LÃNG HỒ

Viết tại Nhật Bản, mùa thu 1974.

TÀI-LIỆU THAM KHẢO CHỦ-YẾU

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Dưới đây là một số tài-liệu chủ-yếu đã được tham-khảo để viết bài trên. Ngoài ra còn rất nhiều tài-liệu khác về Hoàng-Sa và Trường-Sa. Quý-vị độc-giả Sử-Địa muốn tham-khảo thêm, có thể sử-dụng hai bản Thư Mục khá đầy đủ ở cuối sách Pháp ngữ của Võ Long Tê và bài Việt-Ngữ của Huy-Bách.

L . H .

I) Tài-liệu Hán-tự và Hoa-ngữ:

1)

2)

3)

4)

5)

6)

7)

8)

9)

10)

11)

12)

13)

14)

15)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

16)

17)

18)

7.6.1956. (Tài-liệu này do ông Tạ Quốc-Tuấn đã có nhã-ý mách cho, vậy xin có lời chân-thành cảm-ơn Ông).

19)

5.6.1956. (Chú-thích như trên).

20)

, 1974.

21)

22)

23)

24)

II) Tài-liệu Nhật-ngữ:

1)

2)

3)

4)KAIRO

5)Chùetsu

III) Tài-liệu Pháp-Ngữ:

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1) Georges Maspero, L'Indochine. Tome Premier. Editions G. Van Oest. Paris er Bruxelles 1929.

Voir: - Figuration de la péninsule Indochinoise d'après la carte des frères Van Langrent (1595), Planche VII

- Les Indes Orientales d'après la carte de Mercator (1613) Planche VIII.

- Carte de L'Indochine publiée par Danville en 1755, page 135.

2) P.M.B: Cartes anciennes, La Mappemonde de Petrus Plancius (1604). Indochine, hebdomadaire illustré, 5e année no 188 Jeudi 6 Avril 1944, pp 24, 25, 26.

3) René Grousset, Histoire de l'Extrême Orient, Tomme deuxième avec 6 planches et 3 cactes. Paul Geuthnes, Paris 1929.

4) Annales de géographie, publiées sous la direction de P.Vidal de La Blache et Marcel Dubois. Bibliographie de l'année 1893. Paris Armand Colin et Cie, Editeurs, 1894.

5) Dragages de Cochinchine. Canal Rachgia – Hatien. Gouvernement Général de l'Indochine, Inspection Générale des Travaux Publics. Saigon 1930.

6) J. Delacour et P. Jabouille: Oiseaux des Iles Paracels. (Travaux du Service Océanographique des Pêches de l'Indochine, Publiés sous la direction de Armand Krempf. Saigon 1930.

7) Nguyễn Văn Quế, Histoire des Pays de l'Union Indochinoise (Viet Nam – Cambodge – Laos) Saigon 1932.

8) A. De Rouville, Le Déve loppement de la Signalisation Maritime dans les Territoires Francais d'Outre-mer. Paris 1933.

9) P. Chevey, Rapport sur le foncitionnement de l'Institut Oceanographique de l'Indochine pendant l'année 1934-1935. Paris 1935.

10) Huan-Lai-Cho, Les origines du conflit Franco-Chinois à propos du Tonkin jusqu'en 1883. Saigon 1938.

11) Roger Pinto, Problèmes du Pacifique en 1940, Extrait du Buletin Economique de l'Indochine Année 1941 – Fascicule 2.

12) Pierre Gourou et Jean Loubet, L'Asie moins l'Asie Russe. L'Indochine. Imprimerie Trung-Bắc Hannoi 1944.

13) Roger Lévy, L'Indochine et ses traités 1946. Centre d'Etudes de Politique Etrangère Section d'Information. Pubbication no 19 Paris, 1947.

14) André Gaudel, L'Indochine Francaise an face du Japan J. Susse 1947.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

15) Accords Franco – Vietnamiens du 8 mars 1949, Conventions d'application. La présente publication est faite d'accord parties entre le gouvernement du Vietnam et le Haut Commissariat de France en Indochine.

16) Géneral Henry Casseville, De Chang Kai Shek à Mao Tse Tung (Chine 1927-1950) Charles Lavauezlle et Cie. Paris, Limoges, Nancy 1950.

17) Serge de Labrusse, Politique du Cabotage en Indochine. Saigon 1950.

18) E. Gaspardone, "Le lexique annamite des Miny" Journal Asiatique Tome CC X IT, Année 1953, fascicule no 3. Paris 1953.

19) M. Th. Blanchet, La Naissance de l'Etat Associé du Vietnam. Editions M. Th. Génin Paris 1954.

20) Henri Fontaine et Lê Văn Hội, Contribution à la Connaissance de la flore des iles Paracels, Annales de la Faculté des Sciences Université de Saigon 1957.

21) E. Saurin, Notes sur les Paracels, Archives géologiques du Vietnam, no 3, Saigon 1955.

22) R. Serene, Pelite Histovie des Paracels, Sucl Est Asitique Bruxelles, no 19 Janiver 1951.

23) Charles Rousseau, "Chine, France, Japon, Philippines et Viet Nam. Différence concernant l'appartenance des iles Spratly. Rappel des controverses relatives à l'exerciee de la souveraineté sur cet archipel survenues de 1933 à 1939 entre la France et le Japon et depuis 1951 entre la Chine, les Philippines et le Sud-Vietnam, Evolution du difference au cours de l'année 1971. Difficultés analogues survenues de 1931 à 1950 entre la France et la Chine et depuis 1959 entre le Vietnam et la Chine relativement à l'appartenance des iles Paracels". – Revue géné ralede Droit International Public. Droit des gens – Histoire diplomatique – Droit Pénal – Droit Fiscal – Droit Administratif (Fondée en 1894 par M. M. Pillet – Fauchille – Pedone). Directeur Charles Rousseau, Professeur à la Faculté de Droit de Paris, Membre de l'Institut de Droit International, 76è année, tome 76e, no 3 Juilet – Septembre 1972.

24) Nguyễn Thanh Nha, Tableau Economique du Vietnam aux XVIIe et VVIIIe siècles. Préface de Gaston Leduc, membre de l'Institut, Professeur à la Fachlté de Droit et des Sciences Economiques de Paris. Ouvrage édité avec le concours du C.N.R.S. Paris, Edition Cujas, 1970.

25) Võ Long Tê, Les Archipels de Hoàng Sa et de Trường Sa selon les Anciens ouvrages Vietnamiens, d'Histoire et de Géographie. Publicatión en

Langues Etrangères de la Commission de Traduction Saigon. Ministère de La Culture, de l'Education et de la Jeunesse, 1974.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

26) Nguyễn Thế Anh, Bibliographie critique sur les relations entre le Vietnam et l'Occident. Paris 1967.

IV) Tài-liệu Anh-ngữ:

1) Meribeth E. Cameron, Thomas H.D. Mahomey, George E.McReynolds, China, Japan and the Powers. The Ronal Press Company New yorl, 1952.

2) "Vietnam's Sovereignty over the Paracels and Spratley Island". Horizons, Periodic Review. Saigon 1956.

3) A. Wylie, Notes on Chinese Literature originally published in Shanghai, China, 1867, Reprinted in Taipei, Taiwan, China 1964. by Literature House L.T.D.

4) Henry G. Schwarz, "China and Southeast Asia", China Report, A Bi-monthly Journal of Critical Study, vol 1 no 4 June 1965.

5) Arthur W. Hummel, Eminent Chinese of the Ch'ing Period (1644-1912) Ch'eng-Wen Publishing Company, Taipei 1967.

6) Chau Ju-Kua, His Work on the Chinese and Arab Trade in the twelftl and thirteenth Centuries, entitled Chu fan chĩ, Translated from the Chinese and Annotated by Friedrict Hirth and W. W. Rockhill, Ch'eng – wen Publishing Company, Taipei 1967.

7) Alastair Lamb, The Mandarin Road to old Huế. Narratives of Anglo. Vietnamese Diplomacy from the 17th century to the Eve of the French Conquest. Chatto and Windus. London, 1970.

8) Ma Huan, ying – yai Sheng – Lan The overall Survey of The Ocean's Shores (1433), Translated from the Chinese text edited by Feng Ch'eng. Chũn with introduction notes and appendices by J.V.G.Mills. Cambridge. Published for the Halkuyt Society, At the university Press, 1970.

9) Geography of China, Foreign Languages Press, Peking 1972.

10) Statement by Spokesman of Chinese ministry of Foreign Affairs. Peking Review no 3 january 18, 1974.

11) Saigon Authorities Invade China's Hsisha Islands and Provoke armed Conflicts. Peking Review no 4 january 25. 1974.

12) In Paracel Archipelago. South Viet Nam warships shadow China boats (Kyodo Reuter) The Japan wimes, Friday, January 18. 1974.

13) Nguyễn Nam Phong, "Letter from Saigon. From Pekinh with Love". Viet Nam Report Vol. III, no 2, january 15, 1974.

14) Nguyễn Ngọc Phách, "Letter from Saigon Proud to Be Vietnamese". Viet Nam Report vol. III, no 3, Febuary 1, 1974.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

15) Nguyễn Ngọc Bích, "Hoàng Sa và Trường Sa. Facts and Figures on the Paracels and Spratley"… Vietnam Report. Vol. III no 5 march 1, 1974.

16) Selected Titles of Foreign Maps, Atlases and Guide books, Maruzen, Tokyo 1974.

V) Tài-liệu Việt-Ngữ:

I) Trúc-Khê, Chơi cửa Bạn (Du-Ký), Tiểu-Thuyết Thứ Bảy Nguyệt-San số 5. Octobre 1944. Nhà xuất-bản Tân-Dân, Mục-xá. Hà Đông.

2) Ngọc-Dương, cuộc Nam-Tiến của Dân-Tộc Việt-Nam. Nhà xuất-bản Ngày Nay Saigon 1950.

3) Nguyễn-Đăng-Thục, Hùng-Vương với ý-thức Quốc-Gia Dân-Tộc Việt-Nam. Văn Hóa Tùng Biên, Cơ quan của Việt-Nam Văn-Hóa Hiệp-Hội. Chủ-bút: Nông-Sơn Nguyễn-can-Mộng, Chủ-nhiệm: Đậu Chi. Nguyễn-Quế. Số 2, tháng 9 1951, Hanoi 1951.

4) Trần-văn-Quế, "Đảo Côn-lôn", Văn-Hóa tùng-biên, số 12, tháng mười một 1952, Hanoi 1952.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

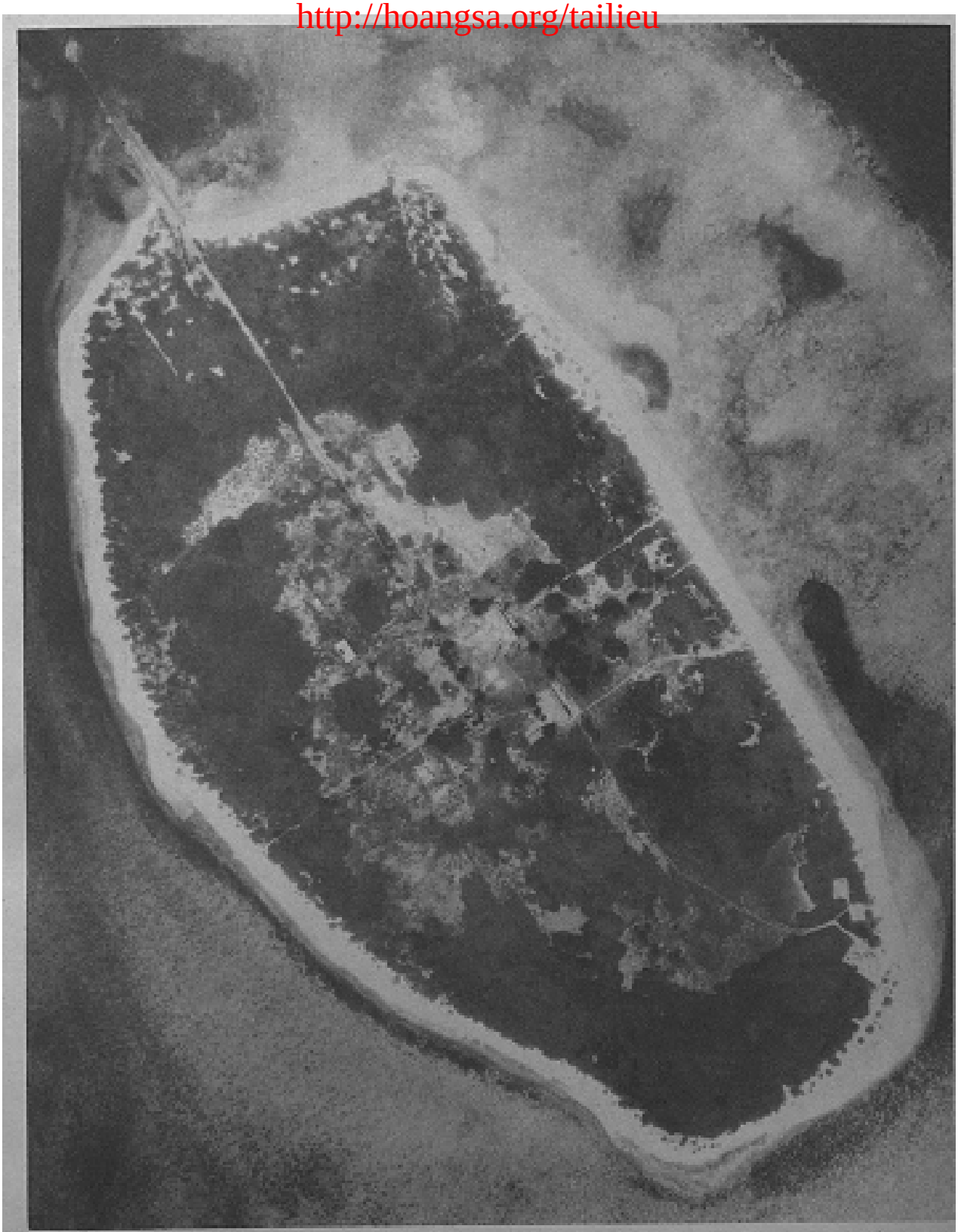

Phụ Bản I : Không ảnh đảo Hoàng Sa (Pattle) với những cơ sở quân sự, khí tượng của Việt Nam (1968)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

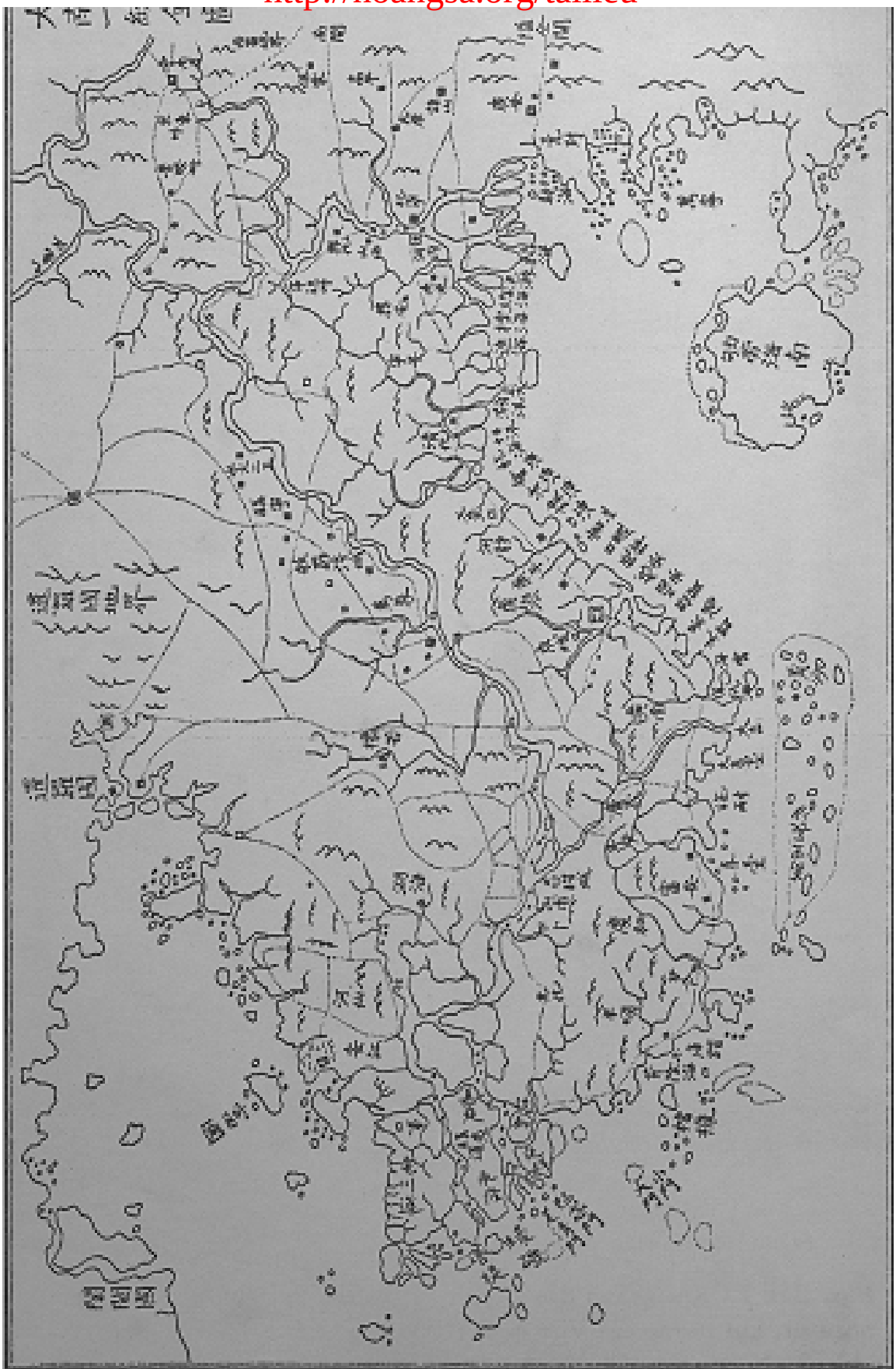

Phụ Bản II : Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ do Quốc Sử Quán triều Nguyễn ấn hành, thế kỷ 19 ghi rõ "Hoàng Sa và vạn lý Trường Sa"

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Hình 1 : Sân trước của trại lính Việt Nam tại đảo Hoàng Sa (Pattle), 1959.

Hình 2 : Kỹ sư Trần Hữu Châu (bên trái, cao) và kỹ sư Nhật Bản Muira (bên phải, thấp) trong phái đoàn hỗn hợp Việt-Nhật khảo sát tại đảo Duy Mộng (Drummond), năm 1973

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

5) Tân Việt-Điều, "Địa-lý Học Việt-Nam qua các thời-đại". Văn-Hóa Nguyệt-san. Loại mới số 36 tháng 11 năm 1958.

6) Tân-Phong, "Vấn-đề chủ-quyền trên nhóm quần-đảo Tây-Sa và Trường-Sa", Quê-Hương, số 27 ngày 27.9.1961

7) Hồng Đức Bản-Đồ, Tủ-sách Viện Khảo-Cổ Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Saigon 1962

8) Thích Đại Sán, Hải Ngoại Kỷ-Sử, Sử-Liệu nước Đại-Việt Thế Kỷ XVII Toàn bộ 7 quyển, Viện Đại Học Huế. Ủy Ban Phiên-Dịch Sử-Liệu Việt-Nam. Huế 1963.

9) Đại Nam Nhất Thống Chí, Quyển 6, Tỉnh Quảng Ngãi. Dịch-giả Nguyễn-Tạo. Nhà Văn-Hóa, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Việt-Nam Cộng-Hòa 1964.

10) "Tài-Liệu Địa Lý: Hải-Đảo Miền Nam", Nghiên cứu. Nghiên cứu Văn-hóa Giáo-dục số 1. Hội Ái-Hữu Cựu Sinh-Viên Đại-Học Sư-Phạm Saigon 1965.

11) Ức Trai Tướng công Di Tập. Dư-Địa Chí Dịch-giả: Á-Nam, Trần-Tuấn-Khải, Văn-Hóa Tùng Thư số 30, Nhà Văn-Hóa, Saigon 1966.

12) Hoàng-ngọc-Thành. Những Quan-Hệ giữa Pháp và Trung-Hoa về vấn-đề Việt-Nam (1880-1885). Trình bày, Tủ sách Nghiên-cứu Sử-Địa. Saigon 1969.

13) Phan-Khoang, Việt-Sử: Xứ Đàng Trong (1588-1777). Cuộc Nam Tiến của Dân-Tộc Việt-Nam. Nhà sách Khai-Trí, Saigon 1969.

14) Lê Quý Đôn, Phủ-Biên Tạp Lục Tập 1 (Quyển 1, 2 và 3), Bản dịch của Lê-xuân-Giáo. Tủ sách Cổ văn, Ủy Ban Dịch Thuật-Phủ Quốc vụ Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, Saigon 1972.

15) Lê Quý Đôn, Phủ-Biên Tạp Lục Tập 2 (Quyển 4, 5 và 6), Bản dịch của Lê-xuân-Giáo. Tủ sách Cổ văn, Ủy Ban Dịch Thuật-Phủ Quốc vụ Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, Saigon 1973.

16) Vấn-đề Hoàng-Sa. Tài Liệu Đặc-Biệt do Phong Trào Sinh-Viên Quốc-Gia Ấn-Hành, Tokyo, tháng hai 1974.

17) Hoàng-Sa, Lãnh Thổ Việt-Nam Cộng-Hòa Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi, Việt-Nam Cộng-Hòa, Saigon tháng ba 1974.

18) Huy-Bách, "Cuộc tranh chấp về chủ-quyền trên hai quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa của Việt-Nam Cộng-Hòa". Tập San Quốc-Phòng. (Nguyệt-San Nghiên-cứu Quân-sự Chính-trị Kinh tế Xã hội) số 46 tháng 4, 1974.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

19) Lê-Thành-Khê, chủ-quyền của Việt-Nam Cộng-Hòa trên hai quần-đảo Trường-Sa và Hoàng-Sa, (Chính-trị và Công Dân số 3 ngay 1.1.1972 Saigon).

20) Lê-Đình-Trương, Thư Mục về cuộc bành trướng quốc-thổ Việt-Nam (Canh Tân Đất Việt, New York 1972).

21) Từ Minh, Cuộc tranh chấp chủ quyền trên các quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa, Bách Khoa, Saigon tháng 2, 1974.

22) Tuyên Cáo của Bộ Ngoại-Giao Việt-Nam Cộng-Hòa về hành động gây hấn của Trung-Cộng, Bộ Ngoại-Giao Việt-Nam Cộng-Hòa Saigon 19.1.1974.

23) Tuyên cáo của Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 14.2.1974 về chủ quyền của Việt-Nam Cộng-Hòa trên những đảo ở ngoài khơi bờ biển Việt-Nam.

24) Hoàng-xuân-Hãn, "Đúng Ba Trăm Năm Trước" Sử-Địa số 27-28, Saigon 1974.

CÁO LỖI

Học giả Lãng Hồ vừa mới gửi từ Nhật về phần bổ túc thư dịch và một số phóng ảnh của bản đồ cổ, trong khi bài này đã được sắp chữ và in (trừ vài trang cuối), nên chúng tôi xin đăng phần thư dịch bổ túc này vào Thư Tịch Chú Giải ở sau:

Xin đính chính sơ khởi lỗi ấn công:

Trang 93 (dòng 16, 37) Hải Ngoại Kỷ sử thay vì Hải Kinh Kỷ sử.

Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và tác giả

CẦN MUA LẠI

Các số Sử Địa cũ: 1, 7 và 8, 9 và 10.

Xin liên lạc với Tòa soạn Sử Địa

hay địa chỉ 450 Phạm-hồng-Thái, Gia-định

ĐT: 45464

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

NHỮNG SỬ LIỆU CHỮ HÁN MINH CHỨNG CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRÊN QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA QUA NHIỀU THẾ KỶ

☆HÃN-NGUYÊN

L.T.S.: Sử Địa xin trích dịch những đoạn văn trong các bộ sách cổ bằng chữ Hán nói về Hoàng Sa và Trường Sa. Đây là một công trình dịch thuật tập thể do nhiều chuyên viên dịch thuật của hai miền Nam Bắc, do Hãn Nguyên sưu tập và chú thích.

Xưa nhất là "Toản tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ" (Bửu Cầm dịch), tiếp tới sách "Phủ Biên Tạp Lục" (Nguyễn Văn Bồng dịch), Dư Địa Chí trong bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí (Văn Vỹ dịch), Hoàng Việt Địa Dư Chí (lê Xuân Giáo dịch), Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ I và đệ II kỷ (Trần Quang Huy dịch), Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ (Nguyễn Văn Bồng dịch), Đại Nam Nhất Thống Chí (Văn Vỹ dịch), Quốc Triều Chính biên Toát Yếu (Lê Xuân Giáo dịch) và Việt Sử Cương Giám Khảo Lược, Hải Quốc Kiến Văn Lục (Đào Duy Anh dịch).

I. HOÀNG SA QUA TOẢN TẬP THIÊN NAM TỨ CHÍ LỘ ĐỒ, QUYỂN 1 CỦA ĐỖ BÁ (THẾ KỶ 17)

Toản tập Thiên Nam Tứ Chí Đồ Thư[1] là một cuốn sách gồm 4 quyển [2], trong mỗi quyển có một số bản đồ với những hàng chữ chú giải, do nho sinh họ Đỗ Bá, tên tự là Đạo Phủ soạn vào khoảng năm

[1] Có bản không có 2 chữ tứ chí (nghĩa là đi bốn phương), bản dịch này theo nguyên bản nằm trong cuốn Hồng Đức Bản Đồ hiện được tàng trữ tại Đông Phương Thư Viện (To-yo Bunko) tại Tokyo (Nhật), vi ảnh số 100-891, do Viện Khảo Cổ Sàigòn tổ chức ấn hành năm 1962.

[2] 4 quyển gồm quyển I có những bản đồ vẽ lộ trình đi từ Thăng Long đến Chiêm Thành; quyển II gồm những bản đồ vẽ lộ trình đi từ Thăng Long đến hai châu: Khâm và Niệm thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Hoa), quyển III gồm những bản đồ vẽ lộ trình đi từ phủ Phụng Thiên, đến Quảng Tây, Vân Nam (Trung Hoa), quyển IV gồm những bản đồ vẽ lộ trình đi từ Thăng Long đến cửa Bắc Quang (Lạng Sơn). Chính quyển I có đoạn văn đã đề cập đến Hoàng Sa hay Bãi Cát Vàng.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1630 đến 1653[1]. Theo H. Dumoutier, Thiên nam Tứ Chí Lộ Đồ đã vẽ theo những chi tiết thâu lượm vào cuối thế kỷ 15, khi vua Lê Thánh tông (1460 – 1497) thân chinh đi đánh Chiêm Thành[2].

Sử liệu này cho ta thấy danh xưng chữ nôm "Bãi Cát Vàng" đã xuất hiện trong tài liệu xưa nhất còn lưu truyền đến ngày nay. Danh xưng Hoàng Sa về sau mới được thông dụng.

Sau đây là phần phiên dịch đoạn văn đề cập tới Hoàng Sa trong "Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ"[3].

... Giữa biển có một dải cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng[4], dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm đứng dựng giữa biển. Từ cửa biển Đại Chiêm[5], đến cửa Sa-Vinh mỗi lần có gió Tây-nam thì thương thuyền các nước đi ở

---

[1] Theo sự nghiên cứu của ông Trương Bửu Lâm cho rằng vào năm 1653 theo Đại Nam Nhất Thống Chí, biên giới nước ta và Chiêm-Thành đã tới sông Phan Lang (Khánh Hòa), mà những bản đồ trong Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư lại xác định biên giới trên vẫn ở núi Thạch Bi tức ở tỉnh Phú Yên. Như thế, Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư khó soạn sau 1653. Đồng thời nhiều chứng cớ khác như Toản Tập này đã đề cập tới Hội An và Trà Nhiêu, là nơi "có thể chứa các thuyền buôn đi biển của các nước đậu lại đó", mà chúng ta biết rằng Hội An chỉ trở thành hải cảng cho các thương thuyền ngoại quốc vào đầu thế kỷ 17. Đồng thời trên bản đồ của Toản Tập này có nói tới Động Hải hay Đồng Hới và có vẽ nhiều lũy trong cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn mà việc đắp lũy đã không thực hiện trước năm 1630. Do đấy ông Trương Bửu Lâm đã xác quyết Toản Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư do Đạo Phủ (không biết rõ tên thật), họ Đỗ Bá đã soạn thảo vào khoảng 1630 đến 1653.

Theo Hoàng Xuân Hãn, Toản Tập Thiên Nam lộ đồ vẽ năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741). Xem Hoàng Xuân Hãn, "Quần Đảo Hoàng Sa", đăng vào Sử Địa số này.

[2] H. Dumoutier, "Etude sur un portulan Annamite du Xve Siècle*", Bulletin de Géographie Historique et Desxriptive* (1896). Cf. *Hồng Đức Bản Đồ*, Saigon, Bộ Q.G.G.D., 1962, tr. XII

[3] Bửu Cầm và nhiều tác giả, *Hồng Dức Bản Đồ,* Saigon Viện Khảo Cổ 1962, tr. 95. Trích bản dịch của Viện Khảo Cổ theo bản vi phim (microfilms) của nguyên bản số 100.891 tàng trữ ở To-yo Bunku (Đông phương Thư Viện) ở Tokyo (Nhật), Phần Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư từ tr. 61 đến 137.

[4] Bãi Cát Vàng: Trong phóng ảnh nguyên bản chữ Hán, ta thấy bản đồ có đề 3 chữ nôm Bãi Cát Vàng. Cf. *Hồng Dức Bản Đồ,* sđd, tr. 94.

[5] Đại Chiêm: Tên cửa biển thuộc tỉnh Quảng Nam, cách huyện Diên Phước 25 dặm về phía đông, bờ tả thuộc xã Phúc Trạch huyện Hòa Vang, bờ hữu thuộc xã An Lương, huyện Lê Dương, là chỗ sông Chợ Củi ra biển. Cf. *Đại Nam Nhất Thống Chí,* quyển 7, tỉnh Quảng Nam, mục quan tấn

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Phía trong trôi giạt ở đấy; gió đông bắc thì thương thuêỳn chạy ở ngoài cũng trôi giạt ở đấy, đều cùng chết đói hết cả. Hàng hóa thì đều để nơi đó[1]. *Họ Nguyễn mỗi năm vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến đấy lấy hàng hóa, được phần nhiều là vàng bạc tiền tệ súng đạn*[2]. *Từ cửa Đại Chiêm vượt biển đến đấy thì phải một ngày rưỡi. Từ cửa Sa-kỳ đến đấy thì phải nửa ngày*[3].

Chỗ bãi cát dài ấy cũng có đồi mồi. Ngoài cửa biển Sa-Kỳ[4] *có một hòn núi, trên núi sản-xuất phần nhiều là cây dâu, gọi là trường dâu, có đặt quan tuần sát…"*

Nguyên văn phiên âm

Toản Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ đồ thư,

quyển chi nhất: Tự Thăng Long chí Chiêm Thành quốc

(Thanh Giang Bích Triều nho sinh trúng thức, Đồ-Bá-thị Công-Đạo-phủ soạn)

---

[1] Đây là 1 tài liệu Việt xưa duy nhất cho biết các thương thuyền ngoại quốc bị trôi giạt vào Hoàng Sa, đều cùng chết đói hết cả, hàng hóa đều để nơi đó. Sự kiện này chỉ có thể xảy ra khi thương thuyền bị đụng vào đá san hô làm hư tàu và tàu bị mắc cạn thì các hàng hóa mới chuyển được lên bờ, tàu có bị hư thì các thủy thủ mới chịu chết đói, vì nếu qua cơn bão táp, những tàu buôn có lột trình xa xôi, bao giờ chẳng dự trữ nhiều thực phẩm, lo gì bị chết đói. Các sử liệu các giáo sĩ Tây phương qua các thư từ của các giáo sĩ, cho biết rõ chi tiết về các vụ đắm tàu tại quần đảo Hoàng Sa, Sử Địa có đăng tải trong số này (xem bài Hoàng Sa qua tài liệu Văn Khố của Hội Truyền Giáo Paris của Nguyễn Nhã).

[2] Tháng cuối mùa đông âm lịch tức vào khoảng tháng 1,2 dương lịch, khí hậu ở vùng hoàng Sa đang ở mùa khô, không còn có bão nữa. Đây là thời gian thuận tiện nhất để các chúa Nguyễn sai quan quân đến lấy các hàng hóa, phần lớn là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn, do những người bị đắm tàu để lại. Chi tiết lịch sử này đã chứng tỏ một cách hùng hồn việc hành sử chủ quyền của Việt Nam (chúa Nguyễn) trên quần đảo Hoàng Sa. Vì nếu đảo Hoàng Sa thuộc về nước khác, thì không thể có sự kiện hàng năm, theo một định kỳ nhứt định, một đoàn tàu 18 chiếc cứ đều đặn lên đảo Hoàng Sa (bãi Cát Vàng) chở hàng hóa một cách ngang nhiên, không gặp một phản ứng nào. Các tài liệu về sau cứ tiếp tục ghi nhận sự kiện này qua hoạt động đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải, qua nhiều thế kỷ cho đến khi Việt-Nam bị người Pháp xâm lược.

[3] Có thể thời gian 1 ngày rưỡi, nửa ngày bị chép sai. Bởi các sử liệu chữ Hán khác thường biên chép 3 ngày 3 đêm. Từ Quảng Nam đi ra biển 1 ngày rưỡi không có đảo nào rộng tới khoảng 400 dặm dài 20 dặm đi ngang, ngoài quần đảo Hoàng Sa có khoảng cách dài, có thể ước lượng như trên, dù không được chính xác hẳn.

[4] Sa kỳ: cửa biển ở phía đông nam huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Cf. *Đại Nam Nhất Thống Chí,* quyển 6, mục quan tấn

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

"… Hải trung hữu nhất Trường Sa, danh Bãi Cát vàng ước trường tứ bách lý, khoát nhị thập lý, trác lập hải trung. Tự Đại Chiêm hải môn, chí Sa-Vinh, mỗi tây nam phong, tắc chư quốc thương bạc nội hành phiêu bạc tại thủ; đông bắc phong, ngoại hành diệc phiêu bạc tại thử, tịnh giai cơ tử. Hóa vật các trí kỳ xứ. Nguyễn thị mỗi niên quí đông nguyệt trì thuyền thập bát chích, lai thử thủ hóa, đa đắc kim ngân tiền tệ súng đạn đẳng vật. Tự Đại Chiêm môn Việt hải chí thử nhất nhật bán. Từ Sà-kỳ môn chi thử bán nhật.

Kỳ trường sa xứ diệc hữu đại mội. Sa kỳ hải môn ngoại hữu nhất sơn, sơn thượng đa sản mộc, danh du trường, hữu tuần…"

Bửu Cầm phiên dịch

(Xem phụ đính phóng ảnh nguyên văn chữ Hán số I, vi phim số 100891, Viện Khảo Cổ Sàigòn)

2. HOÀNG-SA VÀ TRƯỜNG-SA QUA SÁCH PHỦ-BIÊN TẠP LỤC CỦA LÊ-QUÍ-ĐÔN (1776)

Phủ-biên tạp lục là tên một bộ sách do Lê-Quí-Đôn[1] viết tại Phú-xuân (Huế), khi ông được vua Lê chúa Trịnh phái đi trấn nhậm Thuận-Hóa, Quảng-Nam vào năm Lê-cảnh-Hưng thứ 7 (1776).

Phủ biên tạp lục là sách ghi chép các việc phức tạp về các việc phủ dụ trấn an vùng biên thùy nhà Lê (Đàng Ngoài). Trong thời gian làm quan ở Thuận, Quảng, mỗi khi nhàn rỗi công việc quan, Lê-Quí-Đôn đã đi kiểm tra núi sông trong trấn hạt và tìm hỏi các di-tích, duyệt xét lại các thể lệ cũ.

Lê-quí-Đôn cho biết đã sưu tầm hỏi han các vị thân sĩ bô lão ở các địa phương rồi ông mới ghi chép vào sách Phủ Biên Tạp Lục[2]

---

[1] Lê-Quí-Đôn (1726-1784) hiệu là Quế-Đường, tự Doãn Hậu, người làng Duyên-Hà, tỉnh Thái-Bình, đỗ Giải-nguyên năm 18 tuổi, đỗ Bảng-nhãn đời vua Lê-hiến-Tông Cảnh-Hưng năm 13 (1752), ông từng đi sứ qua Tàu (1760), từng cầm quân dẹp loạn Lê-Huy-Mật (1769-1770) cũng từng làm Tổng-Tài Quốc sử quán coi việc tục biên quốc sử vào năm cảnh-hưng thứ 7. Năm 1774, quân Trịnh chiếm Phú-xuân, lê-quí-Đôn được cử vào Thuận-hóa vào năm 1775 để lo sắp đặt kế hoạch bình định 2 trấn Thuận-Hóa và Quảng-nam.

[2] Đến 1776, Lê-quý-Đôn lãnh chức hiệp trấn và ông đã viết ra sách Phủ-biên tạp lục này (xem bài tựa của Lê-quí-Đôn: Phủ biên tạp lục quyển 1 do Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa phiên dịch và ấn hành tại Sài gòn năm 1972, trang 20-21).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Phủ Biên Tạp Lục gồm 6 quyển[1], trong đó quyển hai có 2 đoạn văn đề cập tới Hoàng Sa.

Đây là một tài liệu tương đối thật chi tiết về quần đảo Hoàng-sa mà trước chưa hề thấy có tài liệu nào còn được lưu truyền.

Hai đoạn văn sau đây liên quan mật thiết với Hoàng Sa được trích dịch và in lại cả nguyên tác (hiện tàng trữ tại Viện Khảo Cổ Sài-gòn với số hiệu V.Đ-9).

Đoạn thứ nhất (quyển 2, tờ 78b-79a)

"... Ở ngoài cửa biển lớn thuộc địa phận xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng nghĩa[2] có 1 hòn núi mang tên là Cù lao Ré[3]. Chiều rộng núi này có thể hơn 30 dặm. Ngày trước có dân cư phường Tứ Chính[3] trồng các thứ cây đậu tại ruộng nương nơi đó. Người ta ra biển rồi chèo thuyền đi bốn trống canh nữa có thể đến Cù Lao Ré.

Ở ngoài núi Cù Lao Ré có đảo Đại Trường Sa ngày trước, nơi đây thường sản xuất nhiều hải vật chở đi bán các nơi, nên nhà nước có thiết lập một đội Hoàng Sa[4] để thu nhận các hải vật. Người ta phải đi 3 ngày đêm mới đến được đảo Đại Trường Sa ấy, như thế là đảo Đại Trường Sa đã gần đến xứ Bắc Hải" (tờ 78b-79a).

---

[1] 6 quyển gồm: Quyển 1, nói về sự tích khai thiết, khôi phục 2 xứ Thuận-hóa, Quảng-Nam cũng nói về tên, số phủ, huyện, tổng, xã, thôn, trang, trại thuộc 2 xứ Thuận-Hóa và Quảng-Nam. Quyển 2 nói về hình thể núi sông, thành lũy, trụ sở, đường xá trạm dịch thuộc 2 xứ Thuận-Quảng. Quyển 3 nói về số công tư điền trang, bãi làm hoa màu, tổng số lệ cũ về trưng thâu lúa gạo ở 2 xứ Thuận – Quảng cùng các ty, các lệ cũ về binh sĩ hai xứ Thuận-Quảng. Quyển 4 nói về thuế lệ, cùng lệ chuyên chở vàng, bạc, đồng, sắt. Quyển 5 nói về nhân tài, thi văn. Quyển 6 nói về sản vật và phong tục.

[2] Phủ Quảng Nghĩa. Từ đời Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Quảng, đổi phủ Tư Nghĩa thành phủ Quảng Nghĩa. Đến đời Gia Long 7 (1808) đổi thành trấn Quảng Nghĩa và đến Minh Mạng 13 (1832) đổi thành tỉnh Quảng Nghĩa cho đến ngày nay còn gọi là tỉnh. Phủ Quảng Nghĩa trước thời Lê Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành (1471) thuộc về Chiêm Thành và trước đó là địa bàn tranh chấp Việt Chiêm, khi thuộc Chiêm, khi thuộc Việt- Cf. *Đại Nam Nhất Thống Chí,* quyển 6; tỉnh Quang Ngãi, phần Kiến Trí Duyên Cách.

[3] Cù lao Ré: Ré chứ không phải Trẻ, là tục danh của đảo Lý Sơn, ở giữa biển, phía đông huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Trên đảo có dàn 2 phường An Vĩnh và An Hải cư ngụ.

[4] Đại Trường Sa tức quần đảo Hoàng Sa. Khi Lê Quí Đôn biên soạn cuốn sách này 91776), đội Hoàng Sa vẫn còn tồn tại, một chứng cớ về sự liên tục hành sử chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa, trong nhiều thế kỷ.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Nguyên văn phiên âm

[78b] "… Quảng Nghĩa Bình Sơn huyện An Vĩnh xã Đại hải môn [79a] ngoại hữu sơn danh Cù lao Ré, quảng khả tam thập dư lý, cựu hữu Tứ Chính phương đậu cư dân, đậu điền, xuất hải tứ canh khả đáo, kỳ ngoại đại Trường Sa đảo cựu đa hai vật bác hoà, lập Hoàng Sa đội dĩ Thái chi, Hành tam nhật dạ thủy đáo, vị nãi cận ư Bắc Hải chi xứ."

Nguyễn Văn Bồng dịch và phiên âm

(Chuyên viên Hán Học Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa)

("Xem Phụ Đính phóng ảnh Nguyên văn chữ Hán II")

*Đoạn văn thứ hai (*quyển 2, từ tờ 82b-85a*)*

"Xã An-Vĩnh[1], thuộc huyện Bình-Sơn, phủ Quảng-Nghĩa ở gần biển, về hướng Đông Bắc ngoài biển có nhiều đảo và có nhiều núi linh tinh hơn 130 ngọn. Giữa các núi là biển, cách nhau có chỗ hoạc một ngày đường, hoặc mấy trống canh. Trên các ngọn núi (đảo) thỉnh thoảng có suối nước ngọt. Ở trong các hòn đảo, có bãi cát vàng, dài chừng hơn ba mươi dặm, bằng phẳng và rộng lớn, nước trong nhìn suốt đáy. Ở bên các hòn đảo, có vô số tổ yến (yến sào)[2], còn các thứ chim thì kể có hàng ngàn, hàng vạn con, hễ thấy người, chúng vẫn cứ đậu chung quanh người, chứ không hề tránh né. Bên bãi, có rất nhiều hải vật lạ như ốc hoa, có thứ mang tên là "ốc tai voi", lớn như chiếc chiếu, dưới bụng có từng hạt như ngón tay trỏ lớn, sắc đục không bằng sắc con trai châu, vỏ ốc ấy, có thể tách ra thành phiến, cũng có thể dùng vỏ ốc làm thành vôi (để quét, nề nhà cửa). Lại có thứ ốc được gọi là ốc xa-cừ, người ta có thể dùng vỏ thứ ốc này để trang sức các đồ dùng. Lại còn có thứ ốc khác được gọi là ốc hương. Thịt các thứ ốc đều có thể ướp muối dùng làm đồ ăn được.

---

[1] An Vĩnh: là một trong 2 phường (An Vĩnh, An Hải), ở Cù Lao Ré hay đảo Lý Sơn, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi.

[2] Yến sào: Tổ chim Yến, có những rãi chim yến có thể ăn được. Cũng thời đại lê Quí Đôn, một giáo sĩ tây Phương đã nói về yến sào trong 1 đoạn văn quốc ngữ mà giáo sĩ ấy viết khá thành thạo. Nguyên văn quốc ngữ như sau: "Tổ yến sào. Trước hết khi muốn ăn thì phải nướng yến sào trên than một ít cho khô, đoạn nước lã nấu cho sôi mà bỏ yến sao ấy vào mà rửa đi cho sạch, lấy ra mà xé ra cho nhỏ, đoạn nấu mỡ thịt cùng các giỗ (?) thơm bỏ vào nơi thịt ấy, mà nấu cho kĩ, đoạn gạn lấy nước ấy mà nấu (?) yến sào đến khi sôi, đoạn lấy mà ăn". Cf. Thư ngày 18-2-1770, của Đức giám mục (?) gửi cho P. Davoust, Journal de La Mission du Tonquin. *Archives des Missions Etrangères de Paris,* vol 690, Tonkin, p 586 (tài liệu chép tay của Đặng Phương Nghi).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Có thứ đại mạo (hay đại mội) là con đồi-mồi rất lớn.

Có con hải ba (ba ba biển), mà tục gọi là con trắng bông, cũng giống như con đồi-mồi, nhưng nhỏ hơn. Mai mỏng, người ta có thể dùng trang sức các đồ dùng, trứng giống như đầu ngón tay cái, có thể ướp muối dùng đồ ăn được.

Lại có con hải sâm, tục gọi là con đột đột. Người ta bơi lặn xuống bãi, bắt được hải sâm, rồi lấy vôi xát bỏ ruột đi, đem phơi khô. Đến khi ăn, dùng nước cua ngâm rồi nạo cho sạch sẽ, ăn như thịt heo, cá mà ăn ngon hơn.

Những thuyền lớn đi biển của người Phiên thường khi gặp gió, đều nương đậu ở đảo này.

Ngày trước, họ Nguyễn có thiết lập đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người ở xã An-Vĩnh bổ sung. Mỗi năm họ luân phiên nhau đi biển, lấy tháng giêng ra đi nhận lãnh chỉ-thị làm sai dịch. Đội Hoàng Sa này được cấp phát mỗi người sáu tháng lương. Họ chèo năm chiếc thuyền câu nhỏ ra ngoài biển cả ba ngày ba đêm mới đến đảo (tức đảo Hoàng Sa). Họ tha hồ lượm lặt, tự ý bắt chim, bắt cá làm đồ ăn. Họ được những đồ hải vật như gươm và ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khối, chì đen, khẩu súng, ngà voi, sáp ong vàng, đồ chiên giạ, đồ sứ,… Họ còn lượm nhặt những vỏ đồi mồi, những con hải sâm, những hạt con ốc hoa thật là nhiều:

Đến kỳ tháng tám, thì đội Hoàng Sa ấy mới trở về cửa Eo[1]*, rồi họ tới thành Phú-Xuân trình nạp các vật hạng đã lượm nhặt được ngoài biển có khi nhiều, khi ít không nhứt định, cũng có lần họ ra đi rồi cũng trở về không.*

Tôi (Lê-Quí-Đôn) từng tra khảo sổ biên của cai đội Thuyên-Đức-Hầu ngày trước như sau:

Năm Nhâm Ngọ (tức năm 1702 sau Công nguyên), đội Hoàng Sa lượm được bạc 30 thoi.

Năm Giáp Thân (tức năm 1704), lượm được thiếc 5.100 cân.

Năm Ất Dậu (tức năm 1705), lượm được bạc 126 thoi.

Còn từ năm Kỷ Sửu (1709) đến năm Quí Tị (1713), tức là trong khoảng 5 năm, thỉnh thoảng họ cũng lượm được mấy cân đồi mồi và hải

[1] Cửa Eo hay Yêu Môn tức cửa Thuận An. Từ năm Gia Long 13 (1814) mới bắt đầu gọi là Thuận An.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

sâm. Cũng có lần họ chỉ lượm được mấy khối thiếc, mấy cái bát đá và hai khẩu súng đồng.

Họ Nguyễn còn thiết lập thêm một đội Bắc-hải. Đội này không định trước bao nhiêu suất. Hoặc chọn lấy người thôn tứ-Chính (ở gần bờ biển) thuộc phủ Bình-Thuận, hoặc chọn lấy người làng Cảnh Dương (sát cửa biển Ròn ?) lấy những người tình nguyện bổ sung vào đội Bắc-hải[1]. Quan địa phương cấp phát phó từ (tức văn bằng) và chỉ-thị sai phái đội ấy đi làm công tác.

Những người được bổ sung vào đội Bắc-hải đều được miễn nạp tiền sưu cùng các thứ tiền lặt vặt như tiền đi qua đồn tuần, qua đò.

Quan trên khiến những người trong đội chèo thuyền tư và thuyền nhỏ câu cá ra cù-lao Côn-Lôn ở giữa Bắc-hải, hoặc đi đến xứ Cồn-Tự thuộc vùng Hà-Tiên để tìm kiếm, lượm nhặt những hạng đại-mội, hải-ba, đồn-ngư (cá heo lớn như con heo), lực-qui-ngư, hải sâm (con đỉa biển).

Nhà nước sai chức cai-đội Hoàng Sa kiêm lãnh quản đốc đội Bắc-hải này, vì chẳng qua họ chỉ lấy được những hải-vật kể trên mà thôi, còn như vàng bạc và các của cải quí báu khác thì ít khi học tìm kiếm được.

Bãi biển Hoàng Sa ở gần địa phận phủ Liêm-châu thuộc tỉnh Hải-nam. Những người nước ta đi thuyền đôi khi có gặp những thuyền đánh cá của người Bắc Quốc (tức Trung Quốc) ở ngoài biển. Giữa biển cả, người hai nước hỏi han nhau, người ta thường thấy công văn của chính viên đường quan huyện Văn-xương thuộc Quỳnh châu gửi cho xứ Thuận-hóa, và trong công-văn viên quan ấy đề: "Năm thứ 8 (1753) niên hiệu Càn-Long, 10 tên quân nhân ở xã An-Bình, thuộc đội kiếm vàng thuộc huyện Chương-nghĩa, phủ Quảng-nghĩa, nước An-nam, ngày tháng 7 đi ra "Vạn Lý Trường Sa" lượm nhặt các hải vật. 8 tên trong bọn ấy lên bờ biển tìm lượm các hải vật, còn 2 tên ở lại coi giữ thuyền. Vì một trận cuồng phong thổi mạnh làm đứt neo thuyền, nên 2 tên ấy bị trôi giạt vào cảng Thanh-lan (bên Tàu). Viên quan địa phương tra xét đích thực, nên cho áp

[1] Đội Bắc Hải: Vì nhu cầu nhất là địa bàn hoạt động của đội Hoàng Sa quá rộng, nên chúa Nguyễn đã đặt thêm một đội khác, cũng trực thuộc vào đội Hoàng Sa, nhưng hoạt động về phía Nam, như vùng Côn Lôn, Hà Tiên, vào bao gồm vùng Trường Sa ngày nay. Chính vì vùng này không hay xảy ra những vụ tàu mắc cạn hay đắm, nên đội Bắc Hải chỉ lượm kiếm các hải sản, không như đội Hoàng Sa, hàng năm kiếm được vàng bạc, và cả súng ống cùng của cải quí báu khác.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

chở 2 tên này trở về nguyên quán"[1].

Chúa Nguyễn-Phúc-Chu[2] truyền lệnh cho chức quan Cai-bạ ở Thuận-hóa là Thực-Lượng-Hầu viết văn-thư phúc đáp viên đường quan huyện Văn-xương.

Nguyên văn phiên âm

[82b] "… Quang Nghĩa Bình Sơn huyện An Vĩnh xã cư cận hải. Hải ngoại chi đông bắc hữu đảo dự yên, quần sơn linh tinh nhất bách thập dư đỉnh. Sơn gian xuất hải tương cách hoặc nhất nhật hoặc số canh. Sơn thượng [83a] gian hữu cam tuyền. Đảo chi trung hữu Hoàng-Sa chủ, trường ước tam thập dư lý, bình thản, quảng đại, thủy thanh triệt để. Đảo bàng yến oa vô số, chúng điểu dĩ vạn thiên kế, kiến nhân hoàn tập bất tị. Chử biên kỳ vật tham đa, kỳ văn loa hữu danh "ốc tai voi" đại như tịch, phúc hữu lạp như chỉ đại, sắc trọc đát cập bang châu, kỳ xác khả tước thành bi, hựu khả tác hòi nê đồ, hữu danh "ốc xà cừ" khả sức khí dụng, hữu danh "ốc hương" chư loa nhục gai khả yêm *chử*. Đại mội thâm đại, hữu danh "hải ba", tục viết "trắng bông", diệc tự đại mội nhi tiểu giáp bạc khả sức khí mãnh, noãn tự cự chỉ đầu, khả yêm thực, hữu danh "hải sâm" tục viết "đột đột". Du vịnh chủ bàng, [83b] thái thủ dĩ thạch hôi sát quá khử trường sái càn, thực thời điền giải thủy tẩm chi, quát tịnh đồng hà trư nhục diệc hảo. Chư phồn bạc đá tạo phong y ư thử đảo.

Tiền Nguyễn thị tri Hoàng Sa đội thất thập suất, dĩ An-Vĩnh nhân sung chi, luân phiên mỗi tuế dĩ *chính* nguyệt thu thị hành sai, tê lục nguyệt lương, giá tư tiểu điếu thuyền ngũ chích xuất dương tam nhật tam dạ thỉ chí thử đảo cư trú, tứ tình

---

[1] Đây là một bằng chứng khá hùng hồn chứng tỏ trước đây, chính quyền Trung Hoa vẫn luôn tôn trọng quyền hành sử chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa. Bởi nếu người Trung hoa phản đối, thì nhân vụ hai người trong đội Hoàng Sa bị bão trôi giạt vào đất Trung Hoa, khi đã tra xét đích thực, chính quyền Trung Hoa phải phản ứng mạnh mẽ. Năm 1753 và những năm kế tiếp, không hề thấy sự phản ứng nào, trái lại khi biết rõ việc làm những người trong đội Hoàng Sa lại được trả về một cách thản nhiên và đối đãi trọng hậu.

[2] Nhiều bản dịch cũng như nguyên văn ghi Nguyễn Phúc Chu. Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) đã chết từ năm 1725, năm Càn Long thứ 18 91753) xảy ra sự việc trên chỉ có thể ở đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 – 1765) – Chắc hẳn khắc in này đã chép lầm.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

thái thủ, bổ ngư điểu vi thực. Sở đắc tào vật mã kiếm, ngân hoa, ngân tiền, ngân hoàn, đồng khí, tích khối, ô duyên, súng khẩu, tượng nha, hoàng lạp, chiên cụ, từ khí dũ thái đại mội giáp, hải sâm, văn loa tạp phả đa. Dĩ bát nguyệt kỳ hồi nhập yêu môn, tựu Phú Xuân [84a] thành đầu nạp. Bình nghiệm định hạng ngật thỉ hứa tư mại văn loa, hải ba, hải sâm chư vật lãnh bằng phản hồi. Kỳ sở đắc đa thiểu bất định, diệc hữu không hành giả. Tằng tra cựu cai đội Thuyên đức hầu biên bộ: Nhâm ngọ niên thái đắc ngân tam thập hốt; Giáp thân niên đắc tích ngữ thiên nhất bách cân; Ất dậu niên đắc ngân nhất bách nhị thập lục hốt. Tự Kỷ Sửu chí Quý Tị ngũ niên gian tuế chỉ đắc đại mội, hải sâm kỷ cân, gian hữu tích khối thạch uyển dũ đồng súng nhị khẩu nhi dĩ.

Nguyễn thị hữu tri Bắc hải đội vô định số, hoặc Bình thuận phủ Tứ Chính thôn nhân, hoặc Cảnh dương xã nhân hữu tình nguyện giả phó thị sai hành, miễn kỳ sưu tiền dữ các tuần độ tiền [84b] sử giá tư tiểu điếu thuyền vãng Bắc Hải, Côn lôn, Cù lao, Hà Tiên, Cồn tự đẳng xứ thái thủ đại mội, hải ba cập đồn ngự lực qui ngư, hải sâm đẳng hạng, diệc lịnh cai Hoàng Sa đội tinh quản, bất quá thái chư hải vật, kim ngân trong hóa hãn hữu sở đắc.

Hoàng Sa chử chính cận Hải Nam Liêm Châu phủ, Thuyền nhân thời ngộ bắc quốc ngư châu, dương trung tương vấn thường kiến Quỳnh Châu Văn Xương huyện Chính đường quan, tra Thuận Hóa công văn nội xưng Càn Long thập bát niên, An Nam Quảng nghĩa phủ Chương nghĩa huyện, Cát liêm đội An Bình xã quân nhân thập danh, ư thất nguyệt vãng Vạn lý Trường Sa thái thập các vật Bát đanh đăng ngạn, tầm mích các vật [85a] chỉ tồn nhị danh thư thuyền. Cương phong đoán xúc phiêu nhập Thanh Lan cảng, y quan tra thực áp tống hồi tịch. Nguyễn Phúc Chu lịnh Thuận Hóa cai bạ Thực lượng hầu ví thư dĩ phục.

Nguyễn văn Bồng (Đông Tùng) dịch

Xem Phụ Đính phóng ảnh nguyên văn chữ Hán III,IV,V,VI

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

3. HOÀNG SA QUA DƯ ĐỊA CHÍ TRONG BỘ LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG LOẠI CHÍ CỦA PHAN HUY CHÚ (1821) VÀ SÁCH HOÀNG VIỆT ĐỊA DƯ CHÍ (1833)

Hoàng Việt Địa Dư Chí và Dư Địa Chí trong bộ lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú có mối tương quan mật thiết với nhau hay nói rõ hơn Dư Địa Chí trong bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí là tiền thân của Hoàng Việt Địa Dư Chí. Hoàng Việt Địa Dư Chí là sách đã chép lại gần y hệt Dư Địa Chí trong bộ lịch Triều Hiến Chương Loại Chí. Riêng đoạn dịch về hoàng Sa, chỉ khác một vài chi tiết nhỏ: từ ngữ này thay thế từ ngữ khác như:

Dư Địa Chí dùng chữ:		Hoàng Việt Địa Dư chí dùng chữ:
tài mộc	thay vì	tài *vật*
châu bối	_____	châu *cụ*
tú lệ	_____	*u* lệ
quần sơn linh tinh	_____	quần sơn *trùng điệp*
sơn thượng	_____	sơn *hạ*
noãn tợ	_____	noãn *như*
tào vật	_____	*câu* vật
thậm chúng	_____	thậm *đa*

Hoặc Hoàng Việt Địa Dư Chí bỏ một vài chữ (không phải bỏ một vài đoạn), trái lại Hoàng Việt Địa Dư Chí lại thêm một vài chi tiết đề cập nhất hóa về hành chánh như thêm chi tiết Quảng nghĩa trấn này thay tên Tư nghĩa, phủ Bình *sơn huyện* thay thế Bình *Dương huyện*. Do đấy cũng không hăn là Hoàng Việt Địa Dư Chí là tóm lược của Dư Địa Chí, mà chỉ là sao chép lại nội dung y hệt, nhưng hơi khác về hình thức.

A. Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí quyển 5: Dư Địa Chí của Phan Huy Chú

Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí là một công trình biên khảo lớn gồm 49 quyển, ghi chép đủ mọi phép tắc của các triều đại Việt Nam từ xưa đến gần thời đại của tác giả.

Phan Huy Chú tự lâm Khanh, hiệu mai Phong, quán xã Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An (nay là Can-lộc, hà tĩnh), đến đời ông viễn tổ tên là Cẩn, dời đến làng thụy Khê, tổng Lật Sài huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Ông sinh năm 1782 đời lê mạt, thuộc giòng dõi danh gia (con ông Phan Huy Ích, đậu tiến sĩ

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1775). Tuy thông minh từ thuở nhỏ, lại lận đận đường khoa cử, đi thi nhiều lần, nhưng chỉ đậu Tú Tài 2 lần (1807,1819), nhưng học vấn rất uyên thâm. Vua Minh Mạng biết rõ tài học của ông, nên ông được đặc cách làm biên tu ở Sử quán, rồi từng được sung chức ất phó sứ sang Tàu 2 lần (1824,1830) rồi đi sứ sang nam Dương (1832,1833).

Dư Địa Chí là một loại chí đầu tiên trong mười loại chí của bộ sách: dư địa chí (quyển 1-5), nhân vật chí (quyển 6-12), quan chức chí (quyển 13-19), lễ nghi chí (quyển 20-25), khoa mục chí (quyển 26-28), quốc dụng chí (quyển 29-32), hình luật chí (quyển 33-38), binh chế chí (quyển 39-41), văn tịch chí (quyển 42-45), bang giao chí (quyển 46-49).

Dư Địa Chí từ quyển 1 đến quyển 5. Quyển 1 nói về mục phân biệt bờ cõi của đất nước qua các thời đại (lịch đại cương giới chi thù), quyển 2 n1i về mục phân biệt phong thổ của các đạo Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam. (Chư đao phong thổ chi biệt: Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam). Quyển 3 chép về mục phân biệt phong thổ của các đạo: Kinh Bắc, Hải Dương, Yên Quảng (Chư phong thổ thể chi biệt: Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Yên Quảng). Quyển 4 chép về mục phân biệt phong thổ của các đạo: Hưng Hóa, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn. Quyển 5 chép về mục phân biệt phong thổ các đạo: Thuận Hóa, Quảng Nam, Diên Khánh, Định Viễn, Gia Định, Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận, Hà Tiên.

Chính trong quyển 5 này, ở phần đạo Quảng Nam, có nói đến phủ Tư Nghĩa (ở giữa đạo Quảng Nam). Hầu hết phần nói về phủ Tư Nghĩa là Hoàng Sa, chứng tỏ Hoàng Sa rất quan yếu đối với phủ Tư Nghĩa (Quảng Nghĩa) hồi bấy giờ.

Sau đây là phần phiên dịch đoạn văn nói về Hoàng Sa ấy[1].

Phủ Tư-Nghĩa có 3 huyện:

Huyện Nghĩa-Giang có 93 xã;

Huyện Bình-Dương có 70 xã;

Huyện Mộ-Hoa có 53 xã;

Phủ Tư-Nghĩa ở giữa đạo Quảng-Nam, ở thượng-du núi liên tiếp đăng ngang, phía dưới đến biển lớn, chính giữa địa-thế rộng rãi, thời0đại Thái-Vương[2] chuyên chế đổi làm phủ Tư-Nghĩa gồm có 3 huyện. Ở đây vật lực phong phú, lúa gạo không xiết kể, vàng bạc, cây gỗ, châu báu, trầm-hương, tốc-hương [11b] đều rất tốt, voi ngựa chăn nuôi cũng

[1] Dịch theo thủ bản chữ Hán lưu trữ tại Chi Nhánh Văn Khố Đà Lạt đề số 5065-MC (quyển 3,4 và 5).

[2] Thái Vương: chúa Nguyễn Hoàng (1558-1613)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

rất nhiều. Lại có đảo lớn, đảo nhỏ ở ngoài biển, cảnh vật xinh tốt, báu kỳ, vật lạ phần nhiều ở nơi này vậy. (Thôn An-Vĩnh thuộc huyện Bình-Dương[1] *ở ngoài biển, gần phía đông-bắc ngoài biển có hòn đảo lớn, nhiều núi linh tinh hơn 130 ngọn, từ trong núi ra biển, ước đầy một ngày đường, hoặc vài trống canh. Trên núi có suối nước ngọt, giữa hòn đảo có bãi Hoàng-Sa, dài độ 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Bên đảo có vô số yến sào(ổ chim yến), bầy chim kể hàng ngàn hàng vạn, thấy người thì tới đậu chung quanh, không hề tránh đi. Bên bãi có rất nhiều vật lạ, về ốc vằn có thứ gọi là ốc tai-voi, lớn bằng tấm chiếu, trong bụng có hạt châu lớn bằng ngón tay, vỏ nó có thể đẽo thành bia; lại có thể hầm vôi để tô trét. Có thứ gọi là ốc xa-cừ, có thể trang sức đồ vật; lại gọi là ốc hương. Có thứ đồi mồi rất lớn, gọi là hải-ba, vỏ mỏng có thể trang sức khí-mãnh, trứng như ngón tay cái. Có thứ gọi là Hải-sâm, tục kêu là con đột-đột, bò chơi bên bãi cát, người ta bắt lấy, dùng vôi chà xát qua, bỏ ruột, phơi khô, khi ăn lấy nước cua đồng mà ngâm, nấu chung với tôm, thịt heo cũng ngon. Nhiều thuyền buôn gặp gió nương đậu ở đảo này. Tiền-Vương lịch-triều (các chúa Nguyễn) đặt Đội Hoàng-Sa 70 tên, lấy người thôn An-Vĩnh luân phiên sung vào, lội trên mặt nước để lấy (?), mỗi năm cứ đến tháng 3, nhận chỉ thị đi làm việc, đem theo lương thực 6 tháng, đi 5 chiếc thuyền nhỏ, ra khơi 3 ngày 3 đêm mới đến đảo này, ở đó mặc tình tìm lấy, bắt cá mà ăn, lấy được rất nhiều đồ vật quí báu của thuyền chở, cùng lượm lấy khá nhiều hải- vật, qua tháng 8 trở về, vào cửa Eo 9Yêu Môn), tới thành Phú-Xuân*[2].

Tư-Nghĩa phủ tam huyện:

Nghĩa-Giang huyện cửu thập tam xã;

Bình-Dương huyện thất thập xã;

Mộ-Hoa huyện ngũ thập tam xã.

Tư-Nghĩa phủ tại Quảng Nam chi trung, thượng-du liên sơn hoành tháp, hạ lâm đại hải, kỳ trung địa thế khoan khoáng, Thái-Vương chuyên-chế thời cải vi Quảng-Nghĩa tam huyện. Vật lực phong diễn, cốc túc bất tri kỳ số, kim ngân tài mộc,

---

[1] Bình Dương, có danh xưng này từ đầu đời Lê, sau được đổi thành Bình Sơn.

[2] Đây chỉ là tóm lược lại tài liệu Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quí Đôn, chỉ khác một vài chi tiết như Phan Huy Chú chép tháng 3 thay vì "tháng 1, hàng năm đội Hoàng Sa đến đảo Hoàng Sa"… Nửa thế kỷ sau thời Phủ Biên Tạp Lục ra đời, Dư Địa Chí của Phan huy Chú lại xác nhận một lần nữa việc hành sử chủ quyền của Việt Nam (chúa Nguyễn) tại Hoàng Sa qua đội Hoàng Sa, 70 tên, lấy người thôn An Vĩnh (Quảng Ngãi)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

châu bối trâm tốc (11b) giai cực mỹ hảo, tượng mã chi súc, diệc vi chi đa. Hựu hữu hải ngoại đảo dữ, cảnh vật tú lệ, kỳ trân dị vật, đa tại ư thử xứ vân. (bình-Dương huyện An-Vĩnh xã thôn cư hải, cận hải ngoại chi đông-bắc hữu đảo yên, quần sơn linh tinh, nhất bách tam thập dư lĩnh, sơn gian xuất hải, ước mãn nhất nhật, hoặc số canh. Sơn thượng gian hữu cam tuyền, đảo chi trung hữu Hoàng-Sa chử, ước trường tam thập lý, bình thản quảng đại, thủy thanh triệt để. Đảo bàng yến sào vô số, chúng điểu dĩ thiện vạn kế, kiến nhân hoàn tập bất tị. Chử biên dị vật thậm đa, kỳ văn loa hữu danh ốc tai voi, đại như tịch, phúc hữu liệp như chỉ đại, sắc trọc, bất cập bảng-châu, kỳ xác khả tước thành bi; hựu hữu khả tác khôi nê đồ. Hữu danh ốc xa-cừ, khả sức khí vật; hựu danh ốc hương. Chử bảng nhục giai khả yêm chử. Đại-mạo thậm đại, hữu danh hải-ba, giáp bạc khả sức khí-mãnh, noãn tợ cự chỉ. Hữu danh hải-sâm, tục viết đột-đột, du sa chử bàng, thái thủ dĩ thạch khôi sát quá khử trường, sái càn, thực thời điền giải tẩm thủy chi, đồng hà trư nhục diệc hảo, Bạc thương bạc đa tao phong y ư thử đảo. Trên Vương lịch triều trí Hoàng sa Đội thất thập suất, dĩ An-Vĩnh nhân luân phiên, thẩu dĩ thủ, tuế dĩ tam nguyệt thụ thị hành sai, thai lục nguyệt lương, giá tiểu thuyền ngũ chích, xuất dương tam nhật, tam đa: thủy chí thử đảo, cừ, tứ tình thái thủ, bổ ngư vi thực, sở đắc tào vật khi bửu thậm chúng, dữ thái thủ hải (vật) phả đa, dĩ bát nguyệt hồi, nhập Yêu môn tựu Phú Xuân thành.

Văn Vỹ dịch

Cử nhân Hán Học

(Xem Phụ Đính nguyên văn chữ Hán VII, VIII

Dư Địa Chí, 11a-11b-12a)

B. Hoàng Việt Địa Dư Chí (1833).

Dư Địa Chí trong bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí được khắc in thành một bộ sách riêng gọi là Hoàng Việt Địa Dư Chí, Hoàng Việt Địa Chí trở thành một bộ sách quen thuộc, được nhắc đến tên trong Đại Nam Liệt Truyện Chính Biên cũng như được tái khắc in nhiều lần[1]. Bản khắc in đầu tiên của Hoàng Việt Địa Dư Chí đến nay còn tìm thấy, không thấy đề tên tác giả, nhưng đề năm Minh Mạng

[1] Năm Minh Mạng thứ 14 (1833), có bản khắc Hội Văn Đường năm Thành Thái thứ 9 (1897), bản khắc Tụ văn Đường, năm Duy Tân nguyên niên (1907), có bản khắc Quan văn Đường Cf. Emile Gaspardonne, sđd, tr 39.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

thứ 14 (1833) ghi là: " Minh Mạng thập tứ niên Tân thuyên". Các bản khắc in về sau như bản khắc năm Nhâm thân (1872) cũng vẫn ghi "Minh Mạng Thập Tứ Niên Tuế" (nghĩa là soạn năm Minh Mạng thứ 14). Như thế vào năm Minh Mạng thứ 14 91833), có việc soạn lại và khắc in Dư Địa Chí của phan huy Chú, được gọi là Hoàng Việt Địa Dư Chí, mà nội dung không khác gì mấy, ngoài việc cập nhật hóa một vài tình trạng hành chánh mới của các đơn vị hành chánh, hay việc thêm, bớt một vài từ ngữ không quan trọng.

Sau đây là phần phiên dịch đaọn văn trong hoàng Việt Địa Dư Chí quyển 1 đề cập đến Hoàng Sa[1]:

Phủ Tư Nghĩa nay là trấn Quảng Nghĩa có 3 huyện (gồm 9 tổng, 216 xã); huyện Chương Nghĩa (vốn huyện Nghĩa Giang cũ, gồm 3 tổng, 93 xã); huyện Bình Sơn (vốn huyện Bình Dương cũ, gồm 3 tổng, 70 xã) huyện Mộ Hoa (gồm 3 huyện, 53 xã).

Phủ Tư Nghĩa ở giữa đạo Quảng Nam, ở thượng du núi liên tiếp dằng nganh, phía dưới đến biển lớn, chính giữa địa-thế rộng rãi, thời-đại Thái Vương chuyên chế đổi làm phủ Tư-Nghĩa gồm có 3 huyện. Ở đây vật lực phong phú, lúa gạo không xiết kể, vàng bạc, cây gỗ, châu báu, trầm-hương, tốc hương đều rất tốt, voi ngựa chăn nuôi cũng rất nhiều. Lại có đảo lớn, đảo nhỏ ở ngoài biển, cảnh vật xinh tốt, báu kỳ, vật lạ phần nhiều ở nơi này vậy. (thôn An-Vĩnh thuộc huyện Bình-Dương ở gần biển, về phía đông bắc ngoài biển có hòn đảo lớn, nhiều núi linh tinh hơn 130 ngọn, từ trong núi ra biển, ước đầy một ngày đường, hoặc vài trống canh. Khoảng dưới núi có suối nước ngọt, trong hòn đảo có bãi Hoàng-Sa, dài độ 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Ở ven đảo có vô-số yến-sào (ổ chim yến). Bầy chim kể hàng ngàn hàng vạn, thấy người thì tới đỗ chung quanh, không hề tránh đi. Ở ven bãi có rất nhiều vật lạ, về ốc hoa có thứ gọi là ốc tai-voi, lớn bằng chiếc chiếu, trong bụng có hạt châu lớn bằng ngón tay, vỏ nó có thể đẽo thành bia; lại có thể hầm vôi để tô trét. Có thứ gọi là ốc xa cừ, có thể trang sức đồ vật; lại có loài tên là ốc hương. Thịt các loài trai đều có thể ướp muối hay nấu chín để dùng. Có thứ đồi mồi rất lớn, gọi là hải-ba, vỏ mỏng có thể dùng để trang sức các đồ vật như chén bát. Trứng lớn như đầu ngón tay cái. Có thứ gọi là Hải-sâm, tục kêu là con đột-đột, bơi lặn ở ven bãi cát, người ta bắt lấy, dùng vôi chà xát qua, bỏ ruột, phơi khô. Đến lúc ăn, lấy nước cua đồng rưới vào, cùng chung với tôm và thịt heo ăn cũng ngon.

[1] Dịch theo bản khắc in năm Nhâm Thân (1872) tại Đề Ngạn (Sàisòn), hiện tàng trữ tại Viện Khảo Cổ sàigòn, mang số hiệu V.Đ.7, Hoàng Việt Địa Dư Chí, quyển 1.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Nhiều thuyền buôn gặp gió nương đậu ở đảo nầy. Tiền-Vương lịch-triều (các chúa Nguyễn) đặt đội Hoàng Sa 70 tên, lấy người thôn An-Vĩnh luân phiên sung vào, lội trên mặt nước để lấy hải vật, mỗi năm cứ đến tháng 3, nhận chỉ-thị đi làm việc, đem theo lương thực 6 tháng, đi 5 chiếc thuyền nhỏ, ra khơi 3 ngày 3 đêm mới đến đảo này, ở đó mặc tình tìm lấy, bắt cá mà ăn, lấy được rất nhiều đồ vật quí báu của thuyền chở, cùng lượm lấy khá nhiều hải-vật, qua tháng 8 trở về, vào cửa Eo, tới thành phú-Xuân.

Nguyên văn phiên âm

[10b] … Tư Nghĩa phủ tam huyện, (kim vi Quảng Nghĩa trấn), tam thuộc cửu tổng nhị bách thập lục xã, hạ tam huyện giai thuộc yên: Chương Nghĩa huyện (cựu nghĩa Giang), tam tổng cửu thập tam xã. Bình Sơn huyện (cựu Bình Dương), tam tổng thất thập xã. Mộ Hoa huyện, tam tổng ngũ thập xã…

Tư-Nghĩa phủ tại Quảng-Nam chi trung, thượng-du liên sơn hoành tháp, hạ lâm đại hải, (kỳ địa thế) khoan khoáng, [11a] Thái-Vương chuyên-chế thời cải vi Quảng-Nghĩa tam huyện. Vật lực phong diễn, cốc túc bất tri kỳ số, kim ngân tài vật, châu cư trầm tốc giai cực mỹ hảo, tượng mã chi súc, diệc vi chí đa. Hựu hữu hải ngoại đảo dữ, cảnh vật u lệ. Bình-Dương huyện An-Vĩnh xã thôn cư cận hải, (cận)[)] hải ngoại đông-bắc hữu đảo dự yên, quần sơn (trùng điệp), nhất bách tam thập dư (đỉnh lĩnh) sơn gian xuất hải, ước (cách) nhất nhật, hoặc số canh. Sơn hạ gian hữu cam tuyền. Đảo chi trung hữu Hoàng-Sa chử, ước trường tam thập lý, bình thản quảng đại, thủy thanh triệt để. Đảo bàng yến sào vô số, chúng điểu dĩ thiên vạn kế, kiến nhân hoàn tập bất tị. Chử biên dị vật thậm đa. Kỳ văn loa hữu danh ốc tai-voi, đại như tịch, phúc hữu (lạp) như chỉ đại, sắc trọc, bất cập lạng châu, kỳ xác khả tước thành bi: hựu khả tác hôi nê đồ. Hữu danh ốc xa cừ, sức (chư, khí) vật: thậm vi hảo lệ Hữu danh ốc hương.

Chử bàng nhục giai khả yêm chử. Đai-mội thậm đại, hữu danh [11b] hải-ba, giáp bạc khả súc khí-mãnh, noãn như cự chỉ (đầu). Hữu danh hải-sâm, tục viết "đột-đột" du (vịnh chư) chử bàng thái thủ, dĩ thạch hôi sát quá khử trường, sái (can) Thực thời điền giải thủy tẩm, (tẩm) đồng hà trư như nhục diệc hảo. (Chư) thương bạc đa tao phong y ư thử đảo. Tiền Vương lịch triều trí Hoàng Sa đội thất thập suất, dĩ An Vĩnh nhân luân phiên, (thái) thủ, Tuế dĩ tam nguyệt thụ thi hành sai, (tệ) lục

[)] Chú thích: Trong dấu ( ) là những chữ khác biệt với Dư Địa Chí

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nguyệt lương, giá tiểu thuyền ngũ chích, xuất dương tam nhật tam dạ thỉ chí. Đảo cư tứ tình thải thủ, bổ ngư vi thực, đắc (câu) vật khi bửu thậm (đa), dữ thải thủ hải vật phả (chúng). Dĩ bát nguyệt hồi nhập yêu môn đệ tựu Phú Xuân Thành.

Hồng Liên Lê Xuân Giáo dịch

chuyên viên Hán Học Viện Khảo Cổ

Phụ Đính nguyên văn chữ Hán IX, X,

(Hoàng Việt Địa Dư Chí, tờ 10b-11a-11b).

4. HOÀNG SA QUA ĐẠI NAM THỰC LỤC TIỀN BIÊN (1844) VÀ ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN (1848)

Đại Nam Thực lục là một bộ sử biên niên, chép từng đời Vua[1] do các sử thần Quốc Sử Quán của Triều Nguyễn khởi sự viết từ năm Minh Mạng thứ 2 (1821). Đại Nam Thực Lục có 2 phần: Phần thứ nhất gọi là Đại Nam Thực Lục Tiền Biên chép sử thời các chúa Nguyễn, được chép xong và khắc in vào năm Thiệu Trị thứ 4 (1844); phần thứ 2 gọi là Đại Nam Thực Lục Chính Biên, chép từ đời Vua Gia Long lập quốc (1778) đến Vua Đồng Khánh (1885-1889) được soạn xong và khắc in vào năm Tự Đức nguyên niên (1848); phần thứ 2 này mới chép hết đời Thiệu Trị (1841-1847). Như thế năm 1844, Đại Nam Thực Lục Chính Biên (chép đến đời Thiệu Trị) được soạn xong và khắc in. Từ đó, mỗi đời vua, các sử quan đều lo chép việc đương thời.

Đai Nam thực Lục do các sử thần viết nên đây là bộ sử chính thức gọi là chính sử. Những việc được chép trong bộ sử này đương nhiên được triều đình chính thức xác nhận, đó là tiếng nói của triều đình hay của Chính quyền Trung Ương.

Những sự việc liên quan đến Hoàng Sa được chép vào thời các chúa Nguyễn tức phần Đại Nam Thực lục Tiền Biên và vào thời vua Gia Long, Minh Mạng, tức phần Đại Nam Thực Lục Chính Biên. Tất cả gồm 6 đoạn cả thảy.

---

[1] Mỗi đời Vua triều Nguyễn đều có thực lục, mỗi vua 1 kỷ,
Thực lục đệ I kỷ chép sử triều Gia Long (1778-1819)
Thực lục đệ II kỷ chép sử triều Minh Mạng (1820-1840)
Thực lục đệ III kỷ chép sử triều Thiệu Trị (1841-1847)
Thực lục đệ IV kỷ chép sử triều Tự Đức (1848-1883)
Thực lục đệ V kỷ chép sử triều Kiến Phúc (1884)
Thực lục đệ VI kỷ chép sử triều Đồng Khánh (1885-1889)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

•ĐẠI NAM THỰC LỤC TIỀN BIÊN

Quyển 10

… "Tháng 7, mùa Thu, năm giáp tuất (1754)[1], dân đội Hoàng Sa, gặp gió to, giạt vào hải phận Quỳnh Châu, thuộc nhà Thanh[2]. Quan Tổng Đốc nhà Thanh chu cấp cho đầy đủ rồi sai đưa về. Chúa sai viết thư gửi qua (Ngoài biển xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi có hơn 130 cồn cát, cách xa hoặc một ngày đường hoặc vài trống canh, chiều dài kéo dài không biết tới mấy ngàn dặm, tực gọi là Vạn Lý Hoàng Sa Châu, trên có giếng nước ngọt, sản vật có hải sâm, đồi mồi, hoa giải, ba ba. Hồi quốc sơ [đầu triều Nguyễn] đặt đội hoàng Sa gồm 70 người lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hàng năm cứ tháng 3 cưỡi thuyền ra đảo, 3 ngày đêm thì tới nơi, thu lượm hoá vật, đến tah1ng 8 trở về nộp. Lại có đội Bắc Hải mộ dân thôn tư Chính, Bình Cố hoặc xã Cảnh Dương sung vào, được lệnh cưỡi thuyền nhỏ ra các đảo Côn Lôn ở Bắc Hải thu lượm hóa vật, cũng do đội Hoàng Sa cai quản luôn.

Nguyên văn phiên âm

Thu thất nguyệt, Quảng Ngãi Hoàng Sa đội dân thừa quyền vãng Hoàng Sa đảo, tào phong bạc nhập thang Quỳnh Châu dương phận, thang tổng đốc hậu cấp tổng hồi. Thượng lịnh vi thư di chi. Quảng Ngãi, Bình Sơn huyện An Vĩnh xã hải ngoại hữu sa châu nhất bách tam thập dư sở, tương khứ hoặc nhất nhật trình hoặc số canh hử, diên mậu bất tri kỳ kỷ thiên, tục xưng Vạn Lý Hoàng Sa, thượng hữu tỉnh, cam tuyền xuất yêu. Sở sản hữu hải sâm, đại mội, văn loa, ngoạn miết đẳng vật. Quốc sơ tri Hoàng Sa đội thất thập nhân dĩ An Vĩnh xã dân sung chi, tuế dĩ tam nguyệt thừa thuyền vãng, tam nhật dạ để kỳ xứ, thái thủ hóa vật, dĩ bát nguyệt hồi nạp, hựu hữu Bác hải đội, mộ Bình Cố (?) Tư Chính thôn hoặc Cảnh Dương xã nhân sung chi. Lệng giá tiểu thuyền vãng bác hải Côn Lôn đẳng xứ thái thủ hóa vật, diệc do Hoàng Sa đội tinh quản.

Tiến sĩ Trần Quang huy phiên dịch

(Xem Phụ Đính phóng ảnh nguyên

Văn chữ Hán XI)

[1] Khác với năm chép ở Phủ Biên Tạp Lục, năm 1753 (Càn Long thứ 18)

[2] Quỳnh Châu là một phủ ở đảo hải Nam thuộc Trung Hoa.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

• ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ NHẤT KỲ

Quyển 50

[tờ6a] *"Tháng giêng, năm Ất hợi (1815)*

Sai bọn Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra đảo Hoàng Sa xem xét đồ đạc thủy trình…"

Nguyên văn phiên âm

[tờ 6a] Ất hợi chính nguyệt.

Khiến Hoàng Sa đội Phạm Quang Ảnh đẳng vãng Hoàng Sa thám độ thủy trình.

Tiến sĩ Trần Quang Huy dịch

(Xem Phụ Đính Phóng ảnh nguyên văn Chữ Hán XII)

• ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ NHẤT KÝ

Quyển 52

[15a] *"năm Bính Tý, niên hiệu Gia Long thứ 15 91816)…*

… Vua ra lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để xem xét và đo đạc thủy trình…"

(tờ 15a)

Nguyên văn phiên âm

"Bính tý Gia Long thập ngũ niên.

Mệnh thủy quân cập Hoàng Sa đội thừa thuyền vãng Hoàng Sa khâm đạc thủy trình"

(tờ 15a)

Tiến sĩ Trần Quang huy phiên dịch

(Xem Phụ Đính Phóng ảnh nguyên văn Chữ Hán XIII)

•ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ NHỊ KỲ

Quyển 104

"Tháng 8, mùa thu, năm quí tị, Minh Mạng thứ 14 (1833)

… Vua bảo Bộ Công rằng: Dải Hoàng Sa trong hải phận Quảng Ngãi, xa trông trời nước một màu không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây thuyền buôn thường bị hại. Nay nên dự bị thuyền bè đến sang năm sẽ phái người tới dựng miếu, lập bia, lại trồng nhiều cây cối. Ngày sau, cây cối to lớn xanh tốt, người dễ nhận biết, có thể tránh được nhiều nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời vậy.

(tờ 16b-17a)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Nguyên văn phiên âm

"… Quý tỵ Minh Mạng thập tứ niên (1833)

… Đế vị Công bộ viết: Quảng Nghĩa dương phận nhất đài Hoàng Sa chi xứ, viễn vong chi tắc thủy thiên nhất sắc bất biện thiển thâm, nhĩ lai thương thuyền thường bị kỳ hại, kim nghi dự bị thuyền tạo, chi lai niên phái vãng kiến miếu lập bi vu thử, hựu đa thực thụ mộc, tha nhật trưởng đại uất mậu tắc nhân dị thức nhận, thứ miễn trước thiển chi ngộ. Thử diệc vạn thế chi lợi dã (tờ 16b-17a)

Tiến sĩ Trần Quang Huy phiên dịch

(Xem Phụ Đính Phóng ảnh Nguyên văn Chữ Hán XIV và XV)

•ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ NHỊ KỲ

Quyển 154

"Tháng 6 mùa hạ năm Ất mùi, Minh Mạng thứ 16 (1835)

… Dựng "thần từ" ở Hoàng Sa thuộc Quảng Ngãi. Hoàng Sa ở hải phận Quảng Ngãi, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh tốt, giữa cồn cát có giếng, phía tây nam có miếu cổ, có tấm bảng khắc 4 chữ "Vạn Lý Ba Bình". (Cồn cát trắng chu vi 1070 trượng, tên cũ là núi Phật tự, bờ đông, tây, nam đều có đá san hô dốc thoai thoải vây quanh mặt nước. Phía bắc, giáp với một cồn toàn đá san hô nổi cao, chu vi 340 trượng, cao 1 trượng 3 thước, ngang với cồn cát gọi là Bàn Than Thạch[1]. Năm ngoái, vua định dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, vì gặp lúc sóng gió không làm được. Đến nay mới sai cai đội thủy quân là Phạm Văn Nguyên đem lính và giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, chuyên chở vật liệu đến dựng miếu (cách tòa miếu cổ 7 trượng). Bên trái miếu dựng bia đá, phía trước miếu, xây bình phong. Mười ngày làm xong, rồi về.

(tờ 4a-4b)

Nguyên văn phiên âm

… "Ất mùi Minh Mạng thập lục niên…

…" Kiến Quảng Nghĩa Hoàng Sa thần từ

Hoàng Sa tại Quảng Nghĩa hải phận, hữu nhất xứ Bạch Sa đội, thụ mộc sâm mậu, đòi chi trung hữu tĩnh; tây nam hữu cổ miếu, bài khắc "Vạn Lý ba bình" tứ lự.

[1] Câu này cũng có thể có nghĩa là: "cùng với cồn cát, đều được gọi chúng là Bàn Than Thạch"

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

(Bạch Sa đôi chu vi nhất thiền thất thập trượng, cựu danh Phật Tự Sơn, đông tay nam ngạn giai san hô thạch tà nhiễu thủy diện; bắc tiếp san hô thạch đột lập nhất đôi chu vi tam bách tứ thập trượng, cao nhất trương tam xích dữ sa đôi tề danh Bàn Than Thạch).

Khứ niên Đế tương ư thử xứ kiến miếu lập bi, thích nhân phong đào phất quả, chi thi nãi khiển thủy quân cai đội Phạm văn Nguyên suất giám thành Binh tượng dữ Quảng Nghĩa, Bình Định nhị tỉnh phu thuyền vận vãng tài liệu kiến lập miếu vũ (cách cổ miếu thất trượng). Miếu chi tả thụ thạch bi, tiền thiết bình chướng, tuần nhật công thuận nhì hoàn (tờ 4a-4b).

Tiến sĩ Trần Quang Huy phiên dịch
(Xem Phụ Đính phong ảnh nguyên văn
chữ Hán XVI, XVII)

•ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ NHỊ KỲ
Quyển 165

"Năm Bính thân, niên hiệu Minh Mạng thứ 17 (1836) (năm Đạo Quang thứ 16 đời nhà Thanh).

Bộ Công tâu: "Xứ Hoàng sa thuộc cương vực mặt biển nước ta, rất là hiểm yếu, từng sai vẽ bản đồ nhưng vì hình thế xa rộng, nên mới chỉ vẽ được 1 nơi, lại cũng chưa biết rõ nên làm thế nào. Hàng năm, thường phái người đi xem xét cho khắp để thông thuộc đường biển. Xem từ năm nay về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, chọn phái thuy quân biền binh và giám thành đáp 1 chiếc thuyền ô nhằm thượng tuần tháng hai thì đến Quảng Ngãi, giao cho 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, thuê 4 chiếc thuyềncủa dân hướng dẫn ra xứ Hoàng Sa. Không cứ là đảo nào, bãi cát nào, phàm khi thuyền đến nơi, tức thì cứ chiếu chỗ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chi vi, và nước biển bốn bên xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở bình dị thế nào, phải xem xét đo đạc rõ ràng, vẽ thành bản đồ. Lại chiếu ngày khởi hành, từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến nơi ấy, căn cứ vào thủy trình đã qua, tính ước được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ biển, đối thẳng là vào tỉnh hạt nào, đối chênh chếch là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, ước lượng cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm, đều nhất nhất phải nói rõ, lần lượt đem về, dâng trình".

Vua y lời tâu. Sai suất đội Thủy quân Phạm hữu Nhật đưa binh thuyền đi. Chuẩn bị mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi dựng lên làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc, mặt bài khắc những

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

chữ: Năm Minh Mạng thứ 17, năm Bính thân (1836), thủy quân chính đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh ra Hoàng Sa xem xét đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ."

(tờ 24b-25b)

Nguyên văn phiên âm

"Bính thân, Minh Mạng thập nhất niên…

[tờ 24b]… Công bộ tấu ngôn: Bản quốc hải cương Hoàng Sa xứ tố`I thị hiểm yếu; tiền giả tăng phái miêu hội đồ bản nhi hình thế quảng mạo, cận đắc nhất xứ diệc vi minh tích, sở ưng niên thường phái vãng biển thám, dĩ thục hải trình. Thỉnh tự bản niên (25a) dĩ hậu, mỗi giới chính nguyệt hạ tuần lẫn phái thủy quân biền binh cập Giám thành thừa ô thuyền nhất tao, dĩ nhi nguyệt thượng tuần để Quảng Nghĩa, cứ Quảng Nghĩa Bình Định nhị tỉnh cô bát dân thuyền tứ tao hướng dẫn sử vãng Hoàng Sa đích xứ; bắt câu hà đảo dữ Sa Châu, phàm sử đạo giả tức chiếu thử xứ trường hoành cao quảng chu vi cập tứ cận hải thủy thiển thâm, hữu vô ám sa thạch tích hiểm dị, hình thế như hà, tường gia tướng độ, miêu thủ đồ bản, tái chiếu khởi hanh nhật do hà hải khẩu xuất dương, vọng hà phương hướng sử đáo, thử xứ cứ sở lịch thủy trình kế toán ước đắc kỷ lý, hựu ư kỳ xứ vọng nhập hải (25b) ngạn chính đối thị hà tỉnh hạt, hà phương hướng, ước lược cách ngạn kỷ lý, nhất nhất niêm thuyết minh bạch đệ hồi trình tiến.

Đế doãn kỳ tấu, khiển thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật suất binh thuyền vãng, chuẩn đái tùy mộc bài thập, đáo xử thụ lập vi chí.

(Bài trường ngũ xích, khoát ngũ thốn, hậu nhất thốn, diện khắc "Minh Mạng thập nhất niên Bính Thân Thủy Quân Chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tướng độ chí thử lưu chí đẳng tư) (tờ 24b-25b)

Tiến sĩ Trần Quang Huy phiên dịch
(Xem Phụ Đính phong ảnh nguyên văn chữ Hán XVIII, XIX, XX)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

5. HOÀNG SA QUA KHÂM ĐỊNH ĐẠI NAM HỘI ĐIỂN SỰ LỆ, 1851.

Khâm Định Đại Nam Hội D(iển Sự Lệ là một bộ sách do triều thần nhà Nguyễn vâng mệnh vua ghi chép những việc làm của triều đình thuộc lục bộ về điển chương, pháp luật, các công tác linh tinh khác. Các bộ thần theo cương vị công tác của mình mà ghi chép rồi tập trung lại viết thành sách.

Nội dung bộ sách này tương tự như là hai sách thành tích công tác của Chính phủ hay công báo của nhà nước hiện nay. Những điển lệ được trình bày dưới hình thức các đạo dụ, đạo chỉ do Hoàng Đế ban xuống, các bản tâu chuẩn và nghị chuẩn[1].

Đại Nam Hội Điển Sự Lệ viết từ năm 1843 đời vua Thiệu Trị đến năm 1851 đời vua Tự Đức thì hoàn tất, gồm 97 quyển chép từ thời Gia Long (1802) đến Tự Đức năm thứ 4 (1851). Sau đó bộ sách này được tiếp tục với tên Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ Tục Biên (1852-1889) và (1889-1949).

Trong bộ sách trên, có đoạn văn đề cập tới Hoàng Sa trong quyển 207, tờ 25b như sau:

"*Năm Minh Mạng thứ 16 (1835) tâu xin cho xây cất một gian miếu, (Hoàng Sa theo thể chế nhà đá) ở phía tây nam cồn Bạch Sa, bên trái dựng bia đá. (Chiều cao 1 thước 5 tấc, mặt rộng 1 thước 2 tấc). Mặt trước xếp đá che, 2 bên tả hữu đàng sau miếu có trồng các loại cây. (tờ 25b – 26a)*

Nguyên văn phiên âm

[25b] "Minh Mạng thập-lục niên, tấu chuẩn Quảng Nghĩa kiến [26a] Hoàng sa miếu nhất gian (thạch vu thể chế) vu Bạch-sa đối chi tây nam, tả hữu thạch bi (Cao nhất xích ngũ thốn, diện nhất xích nhị thốn, tiền thế bình, tả hữu hậu bả thực các hạng mộc…" (tờ 25b – 26a)

Nguyễn văn Bổng phiên dịch
(Xem Phụ Đính Phóng Ảnh nguyên văn chữ Hán XXI, XXII)

[1] Các bản tâu chuẩn và nghị chuẩn do các quan hoặc hội Đồng Đình thần nghị quyết, rồi dâng lên ngự lãm, đều được Hoàng đế chuẩn y cho thi hành. Về hình thức trình bày, bộ Hội Điển chia thành nhiều điều, mỗi điều lấy tên các cơ quan ở kinh đô, như Điều Lại bộ, Điều Lễ bộ…

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

6. HOÀNG SA QUA SÁCH VIỆT SỬ CƯƠNG GIÁM KHẢO LƯỢC QUYỂN 4 CỦA NGUYỄN THÔNG, 1876

Việt Sử Cương Giám khảo lược do Nguyễn Thông (1827 – 1894) [1] biên soạn nhận khi được vua Tự Đức cử cùng với ông Bùi Ước, Hoàng Dụng Tân, khảo duyệt bộ Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục vào năm 1876 [1].

Bộ Việt Sử Cương Giám khảo lược gồm 7 quyển: 2 quyển đầu viết về lịch sử, 5 quyển sau viết về địa lý lịch sử. Nguyễn Thông đã tham khảo nhiều tài liệu cũ và mới từ Gia Định Thông Chí, Minh Thiên Văn cho đến một số sách Trung Quốc, có căn cứ vào khoa học, địa lý Tây Phương như Địa lý bị khảo, Vạn lý Quốc địa lý toàn đồ tập, Ngoại Quốc sử lược, Thiên Hạ Quận quốc lợi binh thư… [2]

Việt Sử Cương Giám khảo lược quyển 4 có đoạn nói về Hoàng Sa như sau[3]:

"*Vạn Lý Trường Sa: Từ đảo Ly Sơn (tục gọi là Ngoại Lao, người Trung Quốc gọi là Ngoại La) [tức Cù Lao Ré] đi thuyền về phía Đông, ba ngày đêm thì đến. Nước Việt Nam ta ở buổi quốc sơ thường kén những người đinh tráng hai hộ An Hải và An Vĩnh mà lập đội Hoàng Sa để đi kiếm được những vật ngoài biển hàng năm cứ tháng 2 đi, tháng 8 vừa. Bãi cát dăng từ phía đông mà sang phía Nam, chỗ nổi lên chỗ chìm xuống, không biết mấy nghìn dặm. Ở trong có vũng sâu, thuyền có thể đậu được. Trên bãi có nước ngọt. Chim biển có nhiều giống không biết tên. Có một cái miếu cổ, lợp ngói, biển ngạch khắc mấy chữ "Vạn Lý Ba Bình" [muôn dặm sông êm], không biết dựng từ đời nào. Các quân nhân đến đây*

---

[1] Nguyễn Thông tự là Hy Phần, hiệu là Kỳ Xuyên, biệt hiệu là Độn Am, người tỉnh Tân An (Chợ kỳ Sơn) đậu cử nhân năm 1849, từng làm quan đốc học Vĩnh Long (1862). Sau khi Vĩnh Long thất thủ, Phan Thanh Giản tử tiết. Ông chạy ra Bình Thuận và rồi làm quan ở nhiều nơi, như án sát Khánh Hòa (1867), biện lý Bộ Hinh (1870), bố chánh Quảng Ngãi, tư nghiệp Quốc Tử Giám (1876), dinh điền sứ Bình Thuận, phó sứ điền nông kiêm đốc học Bình Thuận (1880). Khi về già, dựng một ngôi nhà nhỏ ở cạnh sông phan Thiết đặt tên là Ngọa Du Sao. Mất năm 1894 thọ 68 tuổi.

[2] Lê Thước, Phạm Khắc Khoan, Ca văn Thỉnh, Bảo Định Giang, *Thơ văn Nguyễn Thông,* Hà-nội : Nhà xuất bản Văn Hóa, 1962, tr. 52

[3] Bản dịch của Đào Duy Anh, *Đại Nam Nhất Thống Chí,* tập (Phần phụ lục, Quần đảo Hoàng Sa), Hà-nội, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 1970, tr. 394-395, Cf. Lê Thước, Phạm Khắc Khoan, Ca văn Thỉnh, Bảo Định Giang, Sđd, tr. 222-223

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

thường đem những hạt quả phương Nam mà vãi ở trong và ngoài miếu, mong cho mọc cây để làm dấu mà nhận. Từ khi đội Hoàng Sa bãi, gần đây không ai hỏi đến miếu ấy nữa. Truyện Ký của người xưa nói nhiều về cảnh đẹp của "Thập Châu Tam Đảo". Ngày nay suy ra không thể nói là không có những đất ấy, nhưng nói là chỗ ở của thần tiên thì sai"

7. HOÀNG SA QUA SÁCH ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ, QUYỂN 6: TỈNH QUẢNG NGÃI CỦA QUỐC SỬ QUÁN, 1910

Nguyên bộ Đại Nam Nhất Thống Chí đã được vua Tự Đức chỉ thị soạn năm 1865, và được soạn xong vào năm 1882[1], nhưng chưa được khắc in. Đến đời vua Thành Thái, các triều thần ở quốc sử quán lại được lệnh khởi thảo soạn lại, vẫn lấy tên là Đại Nam Nhất Thống Chí. Nhưng mà đến năm Duy Tân thứ 3 (1910) mới soạn xong được 17 quyển (17 tỉnh Trung Việt); các sử thần cao cấp như Cao Xuân Dục làm tổng tài, Lưu Đức Xưng, Trần Xán làm toản tu, đã dâng lên vua Duy Tân, do đấy bộ sách này được người Pháp gọi là "Géographie de Duy Tân". Tuy năm 1910 mới hoàn tất 17 quyển trên, nhưng tất cả tài liệu biên chép đều căn cứ vào những đổi thay tứ 1906 trở về trước, nhưng việc từ năm Thành Thái thứ 19 (1907) trở về sau chưa được đăng tải. Bộ sách này viết ra đã căn cứ vào các bộ sách có trước như Hoàng Việt Nhất Thống Địa Dư Chí của Lê Quang Định (1806) và bộ Đại Nam Nhất Thống Chí thời Tự Đức (1815 – 1882) cũng như bộ Đồng Khánh Địa Dư Chí Lược (1886).

Đây là một bộ sách của triều đình Việt Nam trong thời Pháp thuộc, một lần nữa đã xác nhận việc hành sử liên tục chủ quyền Việt Nam trước khi xảy ra sự tranh chấp về Hoàng Sa, vốn khởi diễn từ thời Pháp thuộc, nhưng sau thời gian soạn thảo bộ sách Đại Nam Nhất Thống Chí này.

Trong bộ sách Đại Nam Nhất Thống Chí thời vua Duy Tân, quyển thứ 6: Tỉnh Quảng Ngãi, có chép 2 đoạn văn nói về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa:

---

[1] Tháng 6 năm Nhâm Ngọ (1882), bản thảo bộ "Đại Nam Nhất Thống Chí" làm ra. Vua nghĩ bản ấy làm từ năm Tự Đức 18 (1865) về trước, còn từ đó về sau, các địa phương xếp đặt thay đổi mới và trung thần nghĩa sĩ cũng còn nhiều chưa kịp biên nối vào, rồi khiến chép thêm từ năm Tự Đức 34 (1881) trở về trước. Cf. *Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu,* Sài-gòn, nhóm NC SĐ VN, 1972, tr.399

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đoạn thứ 1:

Phần Hình Thể (Quảng Ngãi)

"*… Phía đông có đảo cát nằm ngang (Hoàng Sa đảo), liền với biển xanh làm trì (hào bao che), phía tây khống chế vùng sơn nam, có lũy đá dài chồng chất giữ cho vững vàng; phía nam kề bên tỉnh Bình Định, có sườn núi Bến Đá làm mũi chặn ngang, phía Bắc tiếp giáp tỉnh Quảng Nam, có ghềnh sa thổ làm giới hạn*"

Nguyên văn phiên âm

"Đông hoành sa đảo (Hoàng Sa Đảo) liên thượng hải dĩ vi trì, tây khống sơn man thế trường lũy dĩ vi cố, nam lân Bình Định thạch luật cương đương kỳ xung, bắc tiếp Quảng Nam sa thổ than vi chi hạn."

Văn Vỹ dịch
Cử nhân Hán Học
(Xem Phụ Đính Phóng ảnh nguyên văn
Chữ Hán XXIII)

Đoạn thứ 2:

(ĐNNTC, quyển 6 tỉnh Quảng Ngãi, phần Sơn Xuyên)

"*ở phía đông Lý-đảo[1] huyện Bình Sơn, từ bờ biển Sa-kỳ[2] chạy ra khơi, thuận gió, 3,4 ngày đêm có thể đến. Treên đảo nhiều núi la liệt, tất cả hơn 130 ngọn, cách nhau hoặc một ngày đường, hoặc vài trống canh. Giữa đảo có bãi Hoàng-Sa (Cát Vàng), bề dài kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục gọi là bãi "Vạn Lý Trường Sa" (bãi cát dài muôn dặm), trên bãi có giếng nước ngọt, hải-điểu tụ tập nhiều, không biết bao nhiêu mà kể. Sản xuất nhiều hải-sâm, đồi mồi, ốc hoa, giải, ba-ba, hàng hóa đồ vật của các thuêỳn bị phong-nạn cũng tụ tập ở đó.*

Lúc mới lập quốc đặt ra đội Hoàng-Sa gồm 70 người lấy dân xã An-Vĩnh [3] sung vào, mỗi năm cứ tháng 3 ra khơi lấy hải-vật, tháng 8 do

---

[1] Lý đảo tức đảo Lý Sơn, ở giữa biển phía đông huyện Bình Sơn, tục gọi là Cù Lao Ré, 4 mặt cao, giữa trũng độ vài mươi mẫu dàn 2 phường An Vĩnh và An Hải ở đó. Lúc xưa Nam triều có đặt đồn Bang tả Lý Sơn ở đây.

[2] Sa-Kỳ: biển Sa-Kỳ ở đông nam huyện Bình Sơn, cửa biển rộng 45 trượng, nước lên sâu 6 thước, nước ròng sâu 3 thước, có gành đá nổi lên mặt nước, trông như hình người đứng, cảng phía nam gành thì rộng, mà cảng phía Bắc thì hẹp, phía nam có vũng An-Hải, mé biển cát đá bày ra từng hàng, họa đồ như cái mâm, Quảng Nghĩa có 10 cảnh đẹp, một là "An-Hải sa bàn" (mâm cát An-Hải) tức là đây.

[3] An-Vĩnh: An-Vĩnh và An-Hải là tên 2 phường thuộc Cù Lao Ré, xem chú-thích trên đây

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

cửa biển Tư Hiền trở về dâng nạp. Lại đặt đội Bắc–Hải, khiến Đội Hoàng-Sa kiêm quản, ra các đảo Côn Lôn ở Bắc hải, tìm lấy hải-vật.

Phía đông hòn đảo gần phủ Quỳnh-Châu, Hải-Nam nước Thanh (Trung-Hoa). Đầu đời Gia Long, phỏng theo phép cũ, đặt Đội Hoàng-Sa, rồi lại bỏ. Đầu đời Minh Mệnh, thường sai quan thuyền đến đó dò thám đường biển. Có một chỗ cồn cát trắng châu-vi 1070 trượng, cây cối xum xuê tươi tốt, giữa cồn cát có giếng nước, phía tây-nam có ngôi cổ-miếu, không biết kiến thiết vào thời-đại nào, bia khắc 4 chữ "vạn lý ba bình" tên cũ gọi là "Phật Tự Sơn", hai bên bờ đều là đá san hô dốc thoai thoải vây quanh mặt nước. Phía tây-bắc đột nhiên nổi lên một cồn, châu-vi 340 trượng, cao 1 trượng 2 thước, bằng với đống cát, gọi là Bàn Than Thạch[1]*. Năm thứ 16, sai quan thuyề nchở gạch, đá đến cất chùa, ở phía tả chùa dựng bia đá làm dấu. Thời đó các binh lính, dân phu tham gia công việc, đào được đồng lá, đồng sắt hơn 2000 cân"*

Nguyên văn phiên âm

****

HOÀNG-SA ĐẢO

"Tại Lý Đảo chi đông, tự Sa-Kỳ hải ngan phóng dương thuận phong tam tứ nhật da khả chi. Đảo thượng quần sơn la liệt, phàm nhất bách tam thập dư phong, tương cách hoặc nhất nhật trùng, hoặc số canh. Đảo chi trung hữu Hoàng-Sa châu, diên mậu số Thiên lý, tục danh vạn-Lý-Trường-Sa, châu thượng hữu tỉnh, Cam tuyền xuất yên hải điều quần tập, bất tri kỷ cực, sở sản đa, hải-sâm, đại mội, văn loa, ngoan, niết đẳng vật chư phong nạn thuyền hóa vật hối tập ư thử.

Quốc sơ tri Hoàng-Sa-Đội thất thập nhân, dĩ An-Vĩnh dân sung chi, tuế dĩ tam nguyệt xuất dương thái hải vật, bát nguyệt do Tư – Hiền hải khẩn hồi nạp. Hựu trí Bắc-Hải-Đội, lịnh Hoàng-Sa đội kiêm quản, vãng Bắc Hải Côn Lôn chư đảo mịch tyhái hải vật.

Đảo chi đông, cân Thanh-Quốc Hải-Nam Quỳnh-Châu phủ, Gia Long sơ, phỏng cựu chế, trí Hoàng Sa Đội, tầm bãi chi. Minh-Mạng sơ, thường khiển quan-thuyền chi kỳ xứ, thám phỏng hải trình. Hữu nhất xứ bạch sa đôi châu nhất thiên thất thập trượng, thụ mộc sâm mậu, đôi chi trung hữu tỉnh, tây-nam hữu

[1] Xem chú thích Bàn Than Thạch ở phần dịch Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ Nhị Kỷ, quyển 154 trên đây

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

cổ miếu, bất tri hà lại sở kiến, miếu bia khắc "Vạn lý ba bình" tứ tự, cựu danh Phật-Tự-Sơn, kỳ luo7ng ngạn giai san-hồ thạch tà nhiễu thủy điện, tây bắc đột khởi nhất đôi châu tam bách tứ thập trượng, cao nhất trượng nhị xích, dữ sa đôi tề, danh Bàn Than Thạch. Minh Mệnh Thập lục niên, mệnh quan-thuyền vận chuyên thạch tiền vãng kiến tự, tả thụ thạch bi vi chí. Thời binh phu ửng dịch, quật đắc đồng diệp, đồng thiết nhị thiên dư cân" (trang 36-37)

Văn Vỹ dịch
(Xem Phụ Đính Phóng ảnh nguyên văn chữ Hán XXIV, XXV)

8. HOÀNG SA QUA QUỐC TRIỀU CHÍNH BIÊN TOÁT YẾU CỦA QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, 1909

Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu là một bộ sử trích các phần quan yếu của bộ Quốc Triều Chánh Biên hay Đại Nam Thực Lục Chính Biên của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sử chép bằng bằng chữ Hán theo lối biên niên từ đời Gia Long trở về sau. Quốc triều Chính Biên Toát Yếu trên được Bộ Học vâng chỉ dụ vua Khải Định vào năm thứ 9 (1924) thực hiện và dịch ra chữ quốc ngữ, để ấn hành ban cấp cho các trường học với nahn đề chữ quốc ngữ: "Sử Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu". Bộ sách này gồm có 6 quyển:

Quyển I : Nguyễn Vương thống nhất Sơn Hà (1761-1802)
Quyển II: Thế Tổ Cao Hoàng Đế (1802-1820)
Quyển III: Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế (1820-1841)
Quyển IV: Hiến Tổ Chương Hoàng Đế (1841-1849)
Quyển V: Dực Tông Anh Hoàng Đế (1848-1884)
Quyển VI: Phế Đế Hiệp Hòa (1884)
Giản Tông Nghi Hoàng Đế: Kiến Phúc (1884-1885)
Cảnh Tông Thâùn Hoàng Đế: Đồng Khánh (1885-1888)

Trong quyển III, đời vua Minh Mạng, có 3 đoạn văn liên quan đến Hoàng Sa.

Đoạn thứ nhất
(Q T C B T Y, quyển 3, tờ 97b-98a)

"Dựng Hoàng-sa thần từ ở tỉnh Quảng-ngãi. Hoàng Sa hải phận Quảng ngãi có một chỗ có cồn cát trắng cây-cối xum xuê tươi tốt. Ở trong cồn cát có một cái giếng. Phía tây-nam có một ngôi miếu xưa, bia đá khắc bốn chữ "Vạn lý ba bình" (nghĩa là muôn dặm sóng yên). Cồn cát trắng

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

trước kia có tên là Phật-tự sơn. Các bờ đông, tây và nam đều có san-hô. Có một đồi đá nổi lên, chu-vi 340 trượng, cao 1 trượng 3 thước, ngang với đồi cát, gọi là Bàn Thanh Thạch[1]*. Ra lệnh xây miếu và dựng bia ở chốn này. Trước miếu có xây bình-phong." (tờ 97b – 98a)*

Nguyên văn Phiên âm

"Kiến Quảng-nghĩa Hoàng-Sa thần từ. Sa tại hải ngoại hữu nhứt xứ thụ mộc sâm-mậu. Đôi chi trung hữu tỉnh. Tây-Nam hữu Cổ-miếu bi khắc "Vạn lý ba bình" tứ tự. (Bạch-Sa đôi tiền danh Phật-tự-sơn). Đông Tây Nam ngạn dai san-hô. Thạch đột lập nhứt đôi chu-vi tam bách tứ thập trượng, cao nhứt trượng tam xích, dữ sa đôi tề danh Bàn than thạch. Mệnh ư thử xứ kiến miếu lập bi, tiền thiết bình chướng". (tờ 97b-98a)

Lê Xuân Giáo dịch

Chuyên viên Hán Học Viện Khảo Cổ Sài-gòn

(Xem Phụ Đính Phóng ảnh Nguyên văn chữ Hán XXVI và XXVII)

Đoạn 2:

(Q T C B T Y, quyển III, tờ 104a)

Tháng giêng, năm Bính thân thứ 17 (1836)…

"… Khiến thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đến Quảng Ngãi, thẳng tới miền Hoàng Sa, không nệ cù lao nào, cồn cát nào, phàm chiều dài, chiều ngang, chiều rộng, chiều cao, châu vi và bốn phía gần đó có cát ngầm đá mọc hay không ; hình thể hiểm dị thế vào từ cửa biển ra đó đường thủy ước bao nhiêu dặm; bờ biển thuộc địa phương nào nhất nhất ghi chép rõ ràng. Lại chuẩn bị mang theo thẻ gỗ đến nơi dựng lên làm dấu, vẽ đồ bản đem về dâng lên ngài ngự lãm. [tờ 104a]

Nguyên văn Phiên âm

"…Khiển thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật sáut binh thuyền vãng Quảng Ngãi, sử vãng Hoàng Sa đích xứ bất câu hà đảo dự, hà sa châu, phàm trường, hoành, cao, quãng, chu vi cập tử cận hữu võ ám sa, thạch thích, hiểm dị hình thế như hà, hải khẩu sở lịch thủy trình toán ước kỷ lý, hải ngạn thị hà xứ địa phương nhất nhất minh bạch, chuẩn đái tùy mộc bài đáo xứ thu lập vi chỉ miêu hội đồ bản đệ hồi trình…" (tờ 104a)

(Xem Phụ Đính Phóng ảnh nguyên văn chữ Hán XXVIII)

[1] Xem chú thích về Bàn Than Thạch, trong phần dịch Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ nhị kỷ, quyển 154 trên đây.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đoạn 3:

(Q T C B T Y, quyển III, tờ 110a)

"*Năm Bính thân thứ 17 (1836)*

Tháng 12, tàu buôn nước Anh Cát Lợi qua bãi Hoàng Sa, bị cạn ghé vào bãi biển Bình Định hơn 90 người. (Vua) sai tìm nơi cho ở và hậu cấp tiền gạo. Thuyền trưởng, đầu mục tỏ ra rất cảm kích. (Vua) sắc cho phái viên đi Tây. Nguyễn Tri Phương đếm mấy người ấy xuống bến ở Hạ Châu đưa về nước."

Nguyên văn Phiên âm

"… Thập nhị nguyệt Anh Cát Lợi thương thuyền quá Hoàng Sa trước tiễu, đầu vu Bình Định hải ngạn cửu thập dư nhân. Mệnh trạch địa an trú ưu cập tiểu mễ. Thuyền trưởng, đầu mục cảm kích kiến ư ngôn mạo. Sắc như tây phái viên Nguyễn Tri Phương đái vãng Hạ châu phu đầu, tống hoàn quốc (tờ 110a).

(Xem Phụ Đính phóng ảnh nguyên văn chữ Hán XXIX)

Trong khi các tài liệu cổ bằng chữ Hán của Việt Nam đã tường thuật rõ và liên tục về sự hành sử chủ quyền Việt Nam tại Hoàng Sa Trường Sa qua các thời đại, thì các tài liệu cổ của Trung Hoa chỉ nói một cách mập mờ. Như Hải Quốc Kiến Văn Lục được người Trung Hoa coi là tài liệu ghi chép một cách tỷ mỷ hơn cả, như trong bài "Mục Địa Đồ Chu San" đăng trong báo Trung Ương ngày 1-2-1974[1] đã cho rằng: "*Những điều ghi chép về Tây Sa đời nhà Thanh còn nhiều hơn nữa: Hải Quốc Kiến Văn Lục và Độc Sử phương dư kỷ yếu đều có ghi chép một cách tỉ mỷ hơn".* Thế nhưng nếu ta phân tích các tài liệu trên, ta sẽ thấy thất vọng vì không một chứng tích nào xác nhận việc hành sử chủ quyền Trung Quốc tại Hoàng Sa. Trái lại, sách Hải Quốc Kiến Văn Lục của trần Luân Quýnh, một người Trung Hoa đã soạn vào năm 1744 (đời Thanh) đã xác nhận rằng "phía nam ngấn cát nối tiếp đến Việt Hải là Vạn Lý Trường Sa", có nghĩa người Trung Hoa đã dùng danh xưng Việt Hải hay Việt Dương (ở đoạn sau cũng trong tài liệu này) để chỉ biển Nam Hải hay Biển Đông của Việt Nam mà trong biển đó có Vạn Lý Trường Sa hay Hoàng Sa, thì đương nhiên đã xác nhận Vạn Lý Trường Sa là của Việt Nam. Sau đây là bản dịch đoạn văn của sách Hải Quốc Kiến Văn Lục đề cập đến Hoàng Sa[2]:

[1] Nhật báo Trung Ương (Quốc dân Đảng) ngày 1-2-1974, Mục Địa Đồ Chu San có viết bài: "Các đảo của Trung Quốc tại Nam Hải"

[2] Bản dịch của Đào Duy Anh, phần phụ lục Quần Đảo Hoàng Sa trong Đại Nam Nhất Thống Chí, tập II, Hanoi. Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 1970, tr.295-396

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

"Nam Áo khí ở phía đông nam Châu Nam Áo, đảo ấy nhỏ mà bằng, bốn mặt treo chân đều là đá rạng, dưới đáy mọc cỏ rong dài đến hơn trượng, vụng cỏ bãi cát, thu hút dòng nước ở bốn mặt, thuyền không thể đến được, vào đậu thì bị hút vào không thể quay ra được. Cách Nam Áo 7 canh đường, xưa gọi là Lạc tế băc, chỗ nổi chỗ chìm đều là ngấn cát cả, dài ước 200 dặm, tính đường biển phải hơn 3 canh. Hết xứ bắc thì có 2 quả núi tên là Đông sư Đông tượng đối lập với Sa Mĩ Kỳ ở Đài Loan cách ngoài biển 4 canh gọi là sa Mã Kì đầu-môn-khí mọc giữa biển. Phía nam ngấn cát nối tiếp đến Việt Hải là Vạn Lý Trương Sa. Phía nam bãi cát ấy lại mọc đá rạng đến biển Thất Châu, gọi là Thiên Lý Thạch Đường. Trường Sa môn ấy với Nam Áo ở phía Tây Bắc và với đảo Đại tinh ở Bình Hải đứng đối nhau như ba chân vạc. Trường sa môn từ nam đến bắc rộng ước 5 canh đường. Những thuyền Phiên, tàu Tây qua lại với các nước Nam-Dương, Lữ tông, Văn Lai, Tô Lộc, đều do Trường Sa Môn mà ra. Gió bấc thì lấy Nam Áo làm chuẩn, gió nồm thì lấy Đại tinh làm chuẩn. Duy từ các tỉnh Giang Tô,Chiết Giang, Phúc Kiến đi sang đông Nam Dương thì đi qua Sa mã kì đầu môn ở Đài Loan mà đến các nước lữ Tống. Thuyền Tây Dương đi phía đông biển Côn Lôn Thất Châu ở phía ngoài Vạn Lý Trường Sa, mênh mông không lấy gì làm chuẩn được, đều từ Việt Dương trong khoảng các đảo ấy mà đến Thất Châu"

Chúng tôi chỉ xin đan cử trên một tài liệu chữ Hán của Trung Quốc, quí độc giả có thể theo dõi bài "Hoàng Sa, Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam" của Lãng hồ tiên sinh, viết từ Nhật Bản gửi về cũng đăng vào Sử Địa số này và sẽ thấy tính cách mơ hồ và luận cứ gán ghép gượng gạo của người Trung Quốc khi nói đến chủ quyền Hoàng Sa.

Tóm lại, hoàn cảnh oan nghiệt của lịch sử, Việt Nam bị người tàu đô hộ hơn 1000 năm (III trước Công nguyên đến 939), và gần ba chục năm thời Minh thuộc (1407-1428) cũng như nhiều lần bị xâm lăng như đời Tiền Lê (981), đời nhà Lý (1076), đời nhà Tr6àn (1257,1284,1287) đời nhà Lê Trung Hưng (1788), nhứt là thời Minh thuộc, người Tàu đã áp dụng chính sách đồng hóa quá gắt gao. Tướng nhà Minh là trương Phụ thu lấy cả sách vở cổ kim đưa về Kim Lăng,

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

khiến sách vở đã bị một lần mất mát, như Phan Huy Chú phàn nàn trong Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, phần văn tịch Chí, quyển 42. Đồng thời Việt nam lại bị nhiều phen binh lửa nội chiến như cuối niên hiệu Hồng Thuận, triều lê Tương Dực, Trần Cảo làm loạn, kinh thành thất thủ, sĩ dân tranh nhau vào các nội cung cấm, dinh thự, lấy tiền của, đem văn thư, sách vở ném ra đầy đường[1]. Thế cho nên, nhiều cổ thư của Việt Nam nay đã thất truyền. Sách sử xưa nhất còn được lưu truyền đến nay là cuốn An Nam Chí Lược của Lê Tắc soạn năm 1335, cũng bị khuyết mất phần "Địa lý đồ" ở quyển I. Sách được Lê Tắc tham khảo như "Giao chỉ đồ kinh", "Phương Kim hồn nhất điển cố", cũng như sách được nhắc đến tên như Việt Chí của Trần Tấn soạn đời Trần, Lê văn Hưu tu sửa, tất cả cũng bị thất truyền. Do đấy ta không lấy làm lạ, hiện nay Việt Nam chỉ còn tài liệu xưa nhất soạn vào thế kỷ XVII đề cập đến Hoàng Sa. Tuy vậy, hầu hết các sách sử địa quan trọng triều Nguyễn như Đại Nam thực lục Tiền Biên, Chinh Biên, Quốc Triều Chinh Biên Toát Yếu, Khâm Định Đại Nam,Hội Điển Sử Lệ, Hoàng Việt Địa Dư Chí, Đại Nam Nhất Thống Chí, cũng như những nhà sử địa cự phách nhất của Việt Nam như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, cũng đã viết về Hoàng Sa. Quả thật quần đảo Hoàng Sa đã được tiền nhân chúng ta quan tâm đến.

Qua các tài liệu đề cập đến Hoàng Sa trên, ta có những điểm nhận xét như sau:

1. Tài liệu xưa nhất nói về Hoàng Sa còn truyền lại đến ngày nay, không bị thất lạc như nhiều tài liệu xưa hơn nữa là "Toản Tập Thiên Nam tứ Chi Lộ Đồ" được soạn vào thế kỷ XVII tài liệu tả về Hoàng Sa đầy đủ chi tiết nhất và xưa nhất phải kể là "phủ Biên Tạp Lục" của Lê Quí Đôn, được soạn vào giữa thế kỷ XVIII.

2. So với các tài liệu cổ trung Hoa, các tài liệu cổ Việt Nam có tính cách xác quyết hơn về việc hành sử chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Mỗi tài liệu là một bằng chứng về sự hành sử chủ quyền ấy, chứ không nói mập mờ như các tài liệu cổ trung Hoa, nhất là chỉ đề cập đến Hoàng Sa rồi phải suy đoán, gán ghép vào lãnh thổ của mình, như người Trugn Hoa hiện đang làm. Điều quan trọng nhất là phần lớn các tài liệu cổ Việt Nam đều là các tài liệu chính thức của triều đình Việt Nam hoặc do quốc sử quán, cơ quan viết sử của Nhà nước theo lệnh của vua viết ra, hoặc do các đình thần của

[1] Phan huy Chú, Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, tập IX, Văn Tịch Chí, quyển 42, Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực dịch, Sài gòn. Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, 1974, trang 8

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

bộ Công soạn chép những công tác của Bộ này. Các chi tiết liên quan đến việc hành sử chủ quyền Hoàng Sa chứa đựng trong các tài liệu chính thức ấy như việc dựng miếu, dựng bia, vẽ địa đồ, đo đạc thủy trình… ở Hoàng Sa và Trường Sa, đều nói rõ do lệnh của nhà vua ban ra để triều đình thực hiện. Do đấy việc hành sử chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa nằm trên bình diện quốc gia chứ không phải là những công việc lẻ tẻ có tính cách địa phương, hay có tính cách tư nhân.

3. Chứng cớ hiển nhiên trước hết về sự hành sử chủ quyền liên tục của Việt Nam qua nhiều thế kỷ đối với Hoàng Sa và trường Sa là việc thiết lập các đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải có nhiệm vụ thường xuyên kiểm soát thâu lượm tài nguyên ở Hoàng Sa và Trường Sa. Đội Hoàng Sa được thành lập trước nhất, từ thời các chúa Nguyễn, tức từ cuối thế kỷ XVI hay đầu thề kỷ XVII. Đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người xã An Vĩnh, tỉnh Quảng Ngãi, luân phiên nhiệm kỳ 6 tháng đảm trách nhiệm vụ (từ tháng 2 đến tháng 8). Đội Bắc Hải được thành lập sau, số người không hạn định, lấy người ở thôn Tư Chính tỉnh Bình Thuận và làng Cảnh Dương (thuộc Quảng Bình?), Đội Bắc Hải trực thuộc vào sự cai quản của đội Hoàng Sa, phụ giúp đội Hoàng Sa kiểm soát các hải đảo phía Nam trong đó có Trường Sa, Côn lôn cũng như vùng hà Tiên (các hải đảo vịnh Thái Lan). Hoạt động của đội Hoàng Sa được lần lượt các tài liệu thời nhà Nguyễn (thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX) xác nhận một cách liên tục, trải qua nhiều thế kỷ, chỉ gián đạon một thời gian ngắn, thời Tây Sơn kiểm saót chính quyền. Rồi đến khi gia Long thống nhất sơn hà, đã lại tái lập đội Hoàng Sa. Thời Tây Sơn, tuy đội Hoàng Sa không còn haọt động nhưng hải quân Tây Sơn rất mạnh, cũng đã tiếp tục công việc của đội Hoàng Sa. Mãi đến cuối đời tự Đức, theo tài liệu của Nguyễn Thông viết trong Việt Sử Thông Giám Khảo Lược (1876), đội Hoàng Sa mới bị bãi bỏ, vì tình hình khẩn trương, Việt nam bị Pháp xâm lược, hải quân Pháp uy hiếp mặt biển Việt Nam, khiến các hoạt động hải quân Việt Nam bị đình trệ. Như thế đội Hoàng Sa do chúa Nguyễn cũng như các vua triều Nguyễn ra lệnh thành lập, hoạt động tới ba thế kỷ. Đặc biệt các tài liệu tr6en cũng chỉ rõ, chính quyền Trung Hoa hồi ấy rất tôn trọng các hoạt động của đội Hoàng Sa, bằng chứng vào năm 1753 (niên hiệu Càn Long thứ 18), vì bị bão trôi giạt, 1 chiến thuêỳn trong đội Hoàng Sa bị giạt vào Quỳnh Châu thuộc Trung Hoa; Chính quyền trung Hoa sau khi tra xét đúng sự thực là nhân viên viên đội Hoàng Sa, đã đối đãi tử tế, và đã chu cấp cho về mà không phản đối việc hành sử chủ quyền này.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Cũng nên biết rằng vào thời ấy, nghĩa là trước khi Pháp đô hộ Việt Nam, nước Trung Hoa rất có thế lực đối với các vua chúa Việt Nam, dù những lần quân Trung Hoa sang xâm lược, bị đánh bại, các vua chúa Việt Nam bề ngoài phải tỏ ra thần phục và tất cả đều xin thần phục Trung Hoa, nên khó có thể xảy ra việc vua chúa Việt Nam tự nhiên tranh chiếm đất đai Trung Hoa mà không gặp sự phản ứng mạnh mẽ. Việc hoạt động Đội Hoàng Sa lại công khai hàng nhiều thế kỷ, lại thường xuyên lúc nào cũng hoạt động, hàng năm thay phiên một lần thì không thể không gặp phản ứng của chính quyền Trung Hoa. Đặc biệt thấy cả hoạt động hoạt động của đội Hoàng Sa có tính cách quân sự như việc thâu lượm các súng đạn thu ở các thuyền Tây Phương bị mắc cạn ở Hoàng Sa như các tài liệu cổ Việt Nam trên đã xác nhận, cũng như các tài liệu Tây phương (xem bài Quần đảo Hoàng sa của Hoàng xuân hãn, cũng trong số này), cho biết rõ rằng triều đình Việt Nam đặt các trại lính, đặt cơ quan quan thuế, thu thuế và kiểm soát các thương thuyền qua lại Hoàng Sa. Qua các hoạt động của đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải liên tục trong 3 thề kỷ trên, ta có thể xác quyết rằng không hề có sự tranh chấp chủ quyền giữa Trung Hoa và Việt Nam về Hoàng Sa từ cuối thế kỷ XIX trở về trước mà chí có Việt nam đã hành sử liên tục chủ quyền ở quần đảo Hoàng sa qua nhiều thế kỷ. Việc tranh chấp chỉ xảy ra vào thời Pháp thuộc khi người Trung Hoa cũng như người Nhật thừa dịp Việt Nam bị ngoại nhâ nthống trị, đã tranh chấp chủ quyền Việt nam ở hoàng Sa, nhưng họ đã gặp sự phản ứng khá quyết liệt của chính quyền Pháp cũng như triều đình Huế dù chỉ còn hư vị.

4. Chứng cớ hiển nhiên thứ hai về việc hành sử chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa là việc triều đình việt Nam sai lập miếu thờ và bia chủ quy62n trồng cây cối tại Hoàng Sa vào năm Ất Mùi, niên hiệu minh Mạng thứ 16 (1835), do Gián thành binh tượng Phạm văn Nguyên điều động xây theo lệnh của vua Minh Mạng chỉ thị cho Bộ Công điều động xây theo lệnh của vua Minh Mạng chỉ thị cho Bộ Công điều động từ năm Quý tị (1833), đáng lẽ được thi hành vào năm Giáp Thìn (1834), nhưng vì gió bão không thuận lợi, nên được dời lại đến 1835. Đây không phải là lần đầu tiên dựng miếu và bia, mà trước đó các vua chúa Việt Nam đã xây miếu cổ có đề chữ "Vạn Lý Ba Bình". Công việc dựng miếu, bia này đã được Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ II kỷ (quyển 104, 122, 154) cũng như Khâm Định Đại Nam Hội Diển Sự Lệ (quyển 207), Đại Nam Nhất Thống Nhất Chí (quyển 6), Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu (quyển 3), đồng xác nhận. Tất cả các tài liệu trên đều là những tài liệu chính thức của Triều đình Việt Nam.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

5. Chứng cớ hiển nhiên thứ 3 về việc hành sử chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa là chính quyền Việt Nam luôn luôn cho đi điều tra, đo đạc thủy trình từ các cửa bể đến Hoàng Sa, vẽ bản đồ quần đảo Hoàng Sa. Năm Ất Hợi (1815), vua Gia Long sai bọn Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra đảo Hoàng Sa đo đạc thủy trình, năm Bính tý (1816), vua gia Long lại sai thủy quân cũng như đội hoàng Sa cùng đi xem xét, đo đạc thủy trình. (Theo Đại Nam Thực lục Chính Biên đệ I kỷ, quyển 50, 52). Năm Bính Thân (1836), vua Minh Mạng sai suất đội Phạm Hữu Nhật đi vẽ bản đồ Hoàng Sa (Theo Đại Nam Thực lục Chính Biên đệ II kỷ, quyển 165 và Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, quyển 3).

6. Tài liệu Trung Hoa là hải Quốc Kiến Văn Lục của Trần Luân Quýnh, soạn thời nhà Thanh (1744) đã dùng danh từ Việt Hải, Việt Dương để chỉ biển Đông Hải có quần đảo Hoàng Sa, mà sách này gọi là Vạn Lý Trường Sa, Thiên Lý Thạch Đương.

7. Danh xưng chữ Nôm Bãi Cát Vàng được xuất hiện trước danh xưng Hoàng Sa, rồi đến Vạn Lý Trường Sa, Đại Trường Sa. Suốt thời gian trước thời Pháp thuộc, tiền nhân chúng ta gọi chung tất cả các hải đảo ở Đông Hải và vịnh Thái Lan đều là Hoàng Sa hay Vạn Lý Trường Sa hay Đại Trường Sa. Chính vì vậy mà đội Hoàng Sa kiêm quản luôn cả đội bác hải phụ trách kiểm soát các hải đảo phía Nam tới tận Côn Lôn, Hà Tiên. Về sau, trong thời pháp thuộc, Hoàng Sa mới được gọi để chỉ các nhóm hải đảo phía Bắc, Trường Sa chỉ quần đảo phía Nam.

8. Trong khoảng gần 3 thế kỷ haọt động của đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải, triều đình Việt Nam được cung cấp các hải sản đặc biệt của Hoàng sa như "ốc hoa", "ốc tai voi" lớn như chiếc chiếu, loại ốc này có thể dùng làm vôi quét nhà cửa, ốc xà cừ dùng làm đồ trang sức, ốc hương ăn thịt rất ngon, và các loại ba ba biển tục gọi là con trắng bông, đồi mồi lớn, nhỏ, các loại hải sâm (tục gọi đột đột), vô số yến sào, vô số chim biển. Ngoài ra nhiều vật dụng như gươm, súng đạn, tiền bạc, ngà voi, sáp ong, đồ đồng, đồ sứ… Đó là những vật dụng của những tàu bị mắc cạn còn để lại trên đảo.

9. Dân Quảng Ngãi, Bình Định là ngư dân rất quen thuộc thủy trình đi Hoàng Sa, luôn đóng vai trò hướng dẫn viên cho các đoàn tàu, ngay cả các chiến thuyền của triều đình cũng phải nhờ tới họ.

Ngoài những tài liệu chữ Hán trên còn rất nhiều tài liệu tây phương từ thế kỷ 16 nhất là thế kỷ 19 đã xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa mà phạm vi bài này không cho phép

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

đề cập. Những bài khảo cứu khác trong số báo này sẽ cho ta biết điều trên.

Biến cố "Cộng Hoà Nhân dân Trugn Quốc" cưỡng chiếm Hoàng Sa, đến nay vừa đúng một năm tròn. Từ xưa đến nay, người sĩ phu Việt Nam vốn có tiếng là bất khuất trong việc chống xâm lược bất kỳ từ đâu tới. Nhưng chua chát thay, trong biến cố Hoàng Sa này, các sĩ phu hai miền Nam Bắc chưa thấy phản ứng một cách tích cực nào. Có thể có nhiều bí ẩn bao trùm việc cưỡng chiếm Hoàng Sa trên. Nhưng người ta rất e ngại rằng, người Việt Nam không biết khôn ngoan hơn, cứ nghi kị nghịch chống nhau quyết liệt thì quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, vốn đích thực trong lịch sử thuộc về lãnh thổ Việt Nam sẽ cũng vĩnh viễn mất hẳn vào người Trung Hoa. Nếu quả thật như vậy thì điều thiệt thòi nhất của thế kỷ 20 cho dân tộc Việt Nam, mất đi vị trí chiến lược quan trọng phòng vệ mặt biển cho Việt Nam khi thống nhất trở lại.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

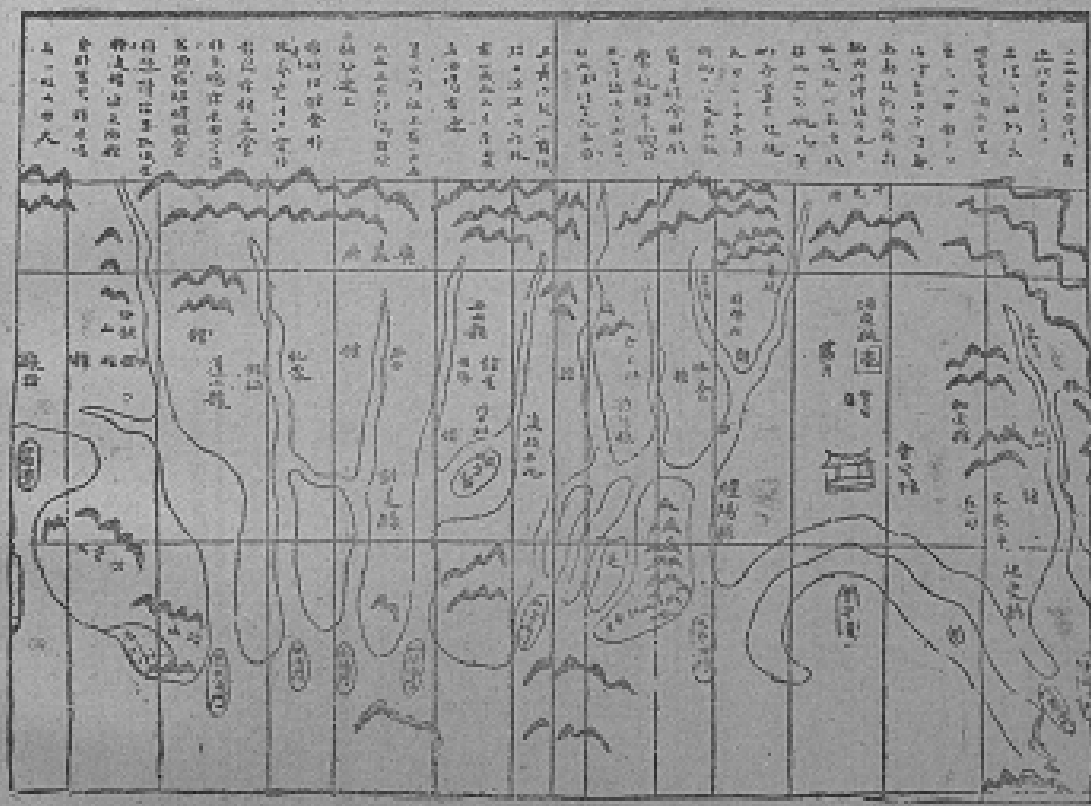

PHỤ ĐÍNH I

Nguyên văn chữ Hán trích trong Toàn tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ, quyển I, nằm trong Hồng Đức Bản Đồ, hiện tàng trữ tại Tō-yo Bunko, và được Viện Khảo Cổ Sàigòn dịch theo vi ảnh số 100-892 năm 1962.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

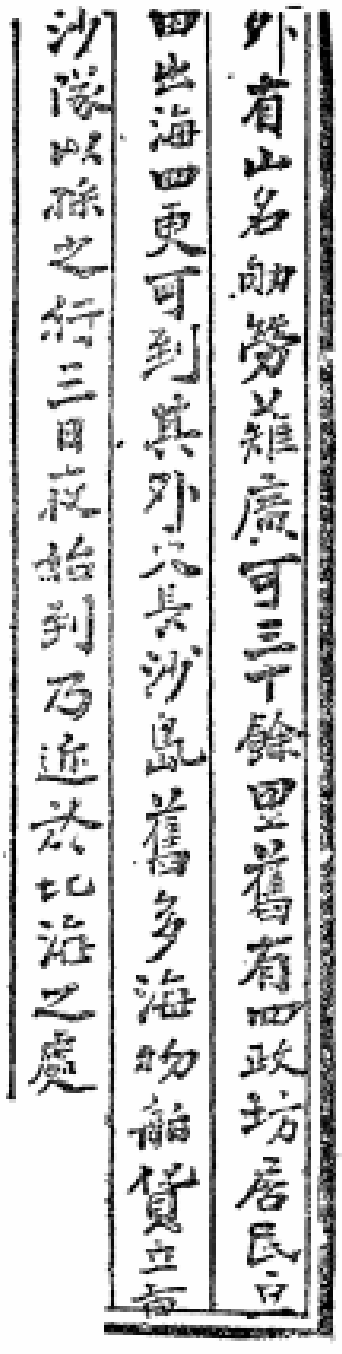

外有山名舠勞羅廣可三十餘里舊有四政坊居民立
四出海四更可到其外大長沙島舊多海物舶貨立市
沙隊以孫之行三日夜始到乃近於北海之處

廣義府平山縣安永社大海門

tờ 79a *(tờ 78b)*

PHỤ ĐÍNH II

Nguyên văn chữ Hán Phủ Biên Tạp Lục, quyển 2, tờ 78b - 79a, hiện tàng trữ tại Viện Khảo Cổ Sàigòn số VĐ 9.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

廣義平山縣安永社居近海海外之東北有島嶼羣
山零星一百三十餘嶺山間出海相隔或一日或數更山上

間有甘泉島之中有黃沙渚長約三千餘里平坦廣大
水清徹底島傍燕窩無數衆鳥以萬千計見人環集不
避渚邊奇物甚多其文螺有名沃聰螭大如席腹有粒
如指大色濁不及蚌珠其殼可削成碑又可作灰泥屋
有名硨磲可飾器用有名沃香諸螺肉可醃煮玳瑁
甚大有名海巴俗曰壯荒盖似玳瑁而小甲薄可飾器
皿卵似巨指頭可醃食有名海參俗曰突突游泳渚旁

撫邊雜錄　卷二　第八十三張

83a　　82b

PHỤ ĐÍNH III

Nguyên văn chữ Hán, Phủ Biên Tạp Lục, quyển 2,
tờ 82b - 83a.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

捡取以石灰擦過去膓洒乾食長田醬水浸之同鰕鯆
亦好諸番舶多遭風壞於此島前阮氏置黃沙隊
七十率以安永人充之輪番每歲以正月受示行差齋
六月糧駕私小鈎船五隻出洋三日三夜始至此島居
住恣情捡取捕魚鳥為食所得艚物為劍銀花銀錢
銀環銅器錫塊烏鉛銃口象牙黃蠟氈具磁器與捡
玳瑁甲海參文螺粒頗多以八月期回入腰門就富春

tờ 83b

PHỤ ĐÍNH IV

Nguyên văn chữ Hán Phủ Biên Tạp Lục quyển 2, tờ 83b

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

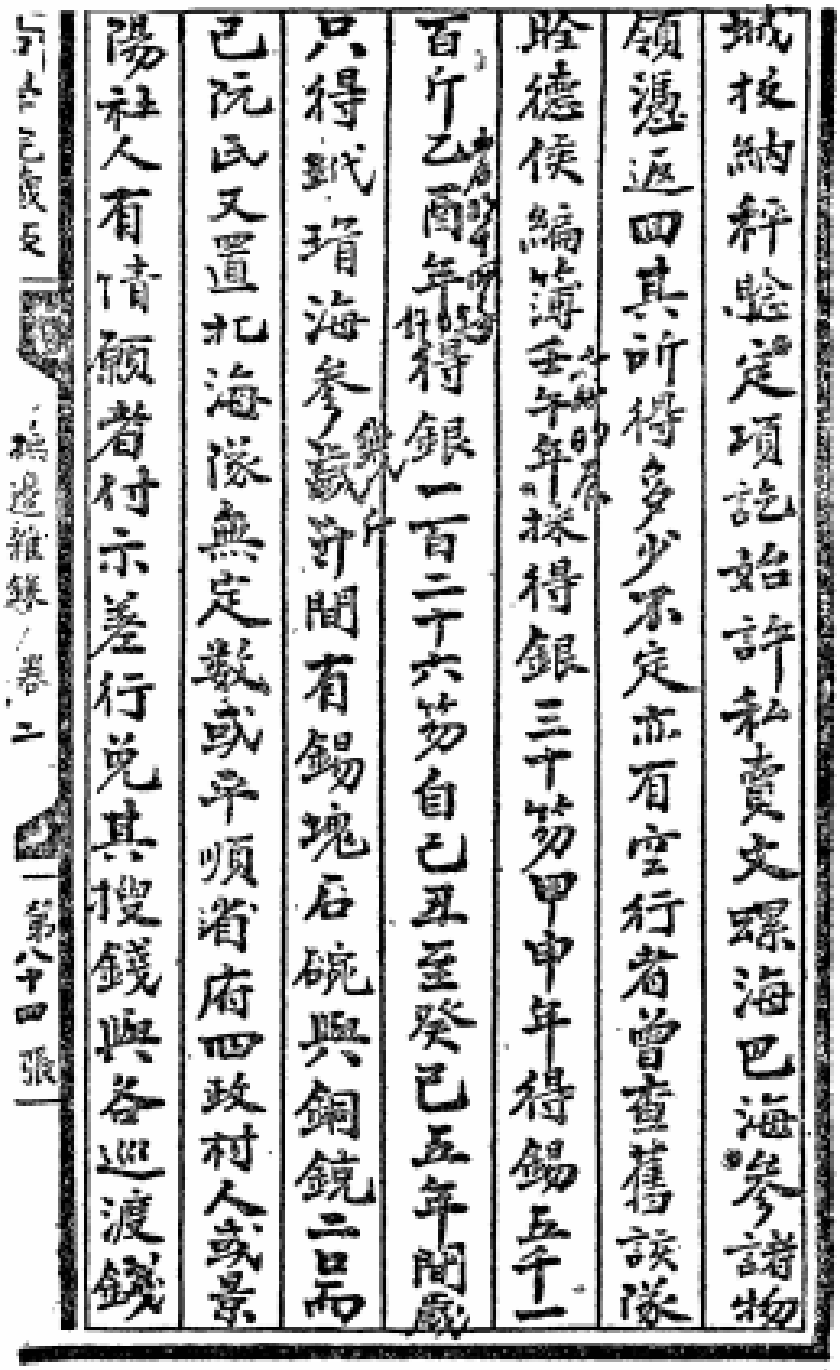

PHỤ ĐÍNH V

Nguyên văn chữ Hán Phủ Biên Tạp Lục quyển 2, tờ 84a

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

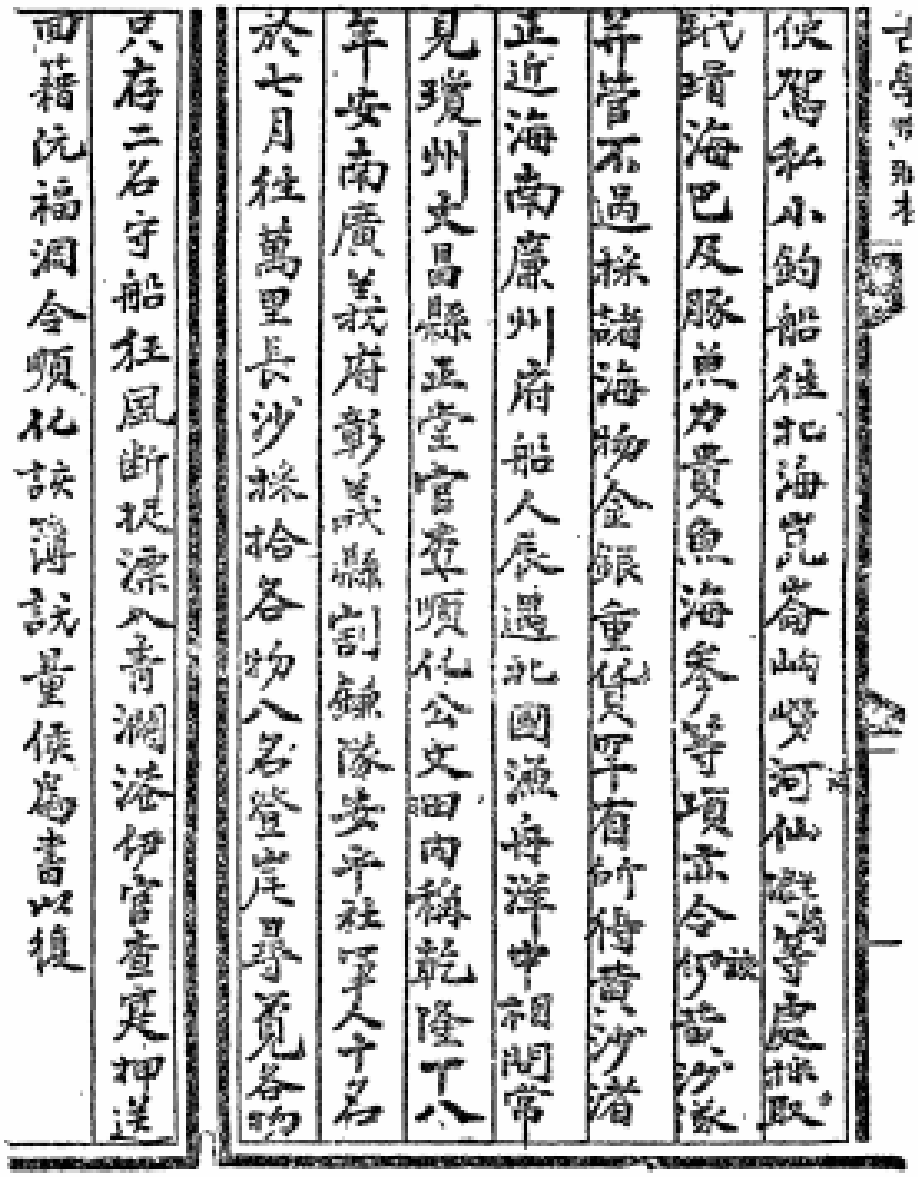

PHỤ ĐÍNH VI

Nguyên văn chữ Hán Phủ Biên Tạp Lục, quyển 2, tờ 8a5

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

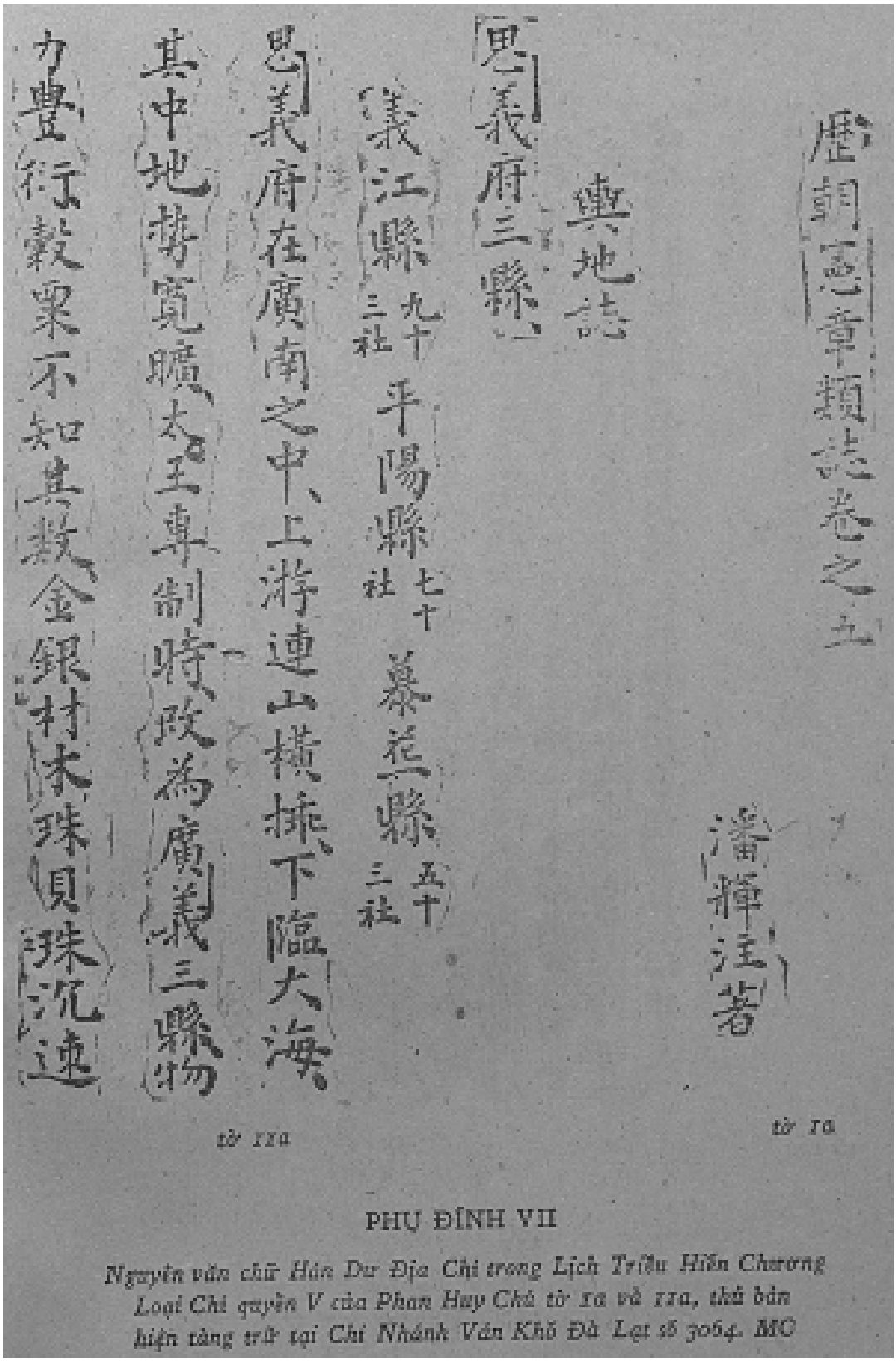

歷朝憲章類誌卷之五

潘輝注著

輿地誌

思義府三縣

義江縣九十三社　平陽縣七十社　慕花縣五十三社

思義府在廣南之中上游連山橫捭下臨大海其中地勢寬曠太王專制時改為廣義三縣物力豐衍穀粟不知其數金銀材木珠貝珠沉速

tờ 1a　　tờ 11a

PHỤ ĐÍNH VII

Nguyên văn chữ Hán Dư Địa Chí trong Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí quyển V của Phan Huy Chú tờ 1a và 11a, thủ bản hiện tàng trữ tại Chi Nhánh Văn Khố Đà Lạt số 3064. MC

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

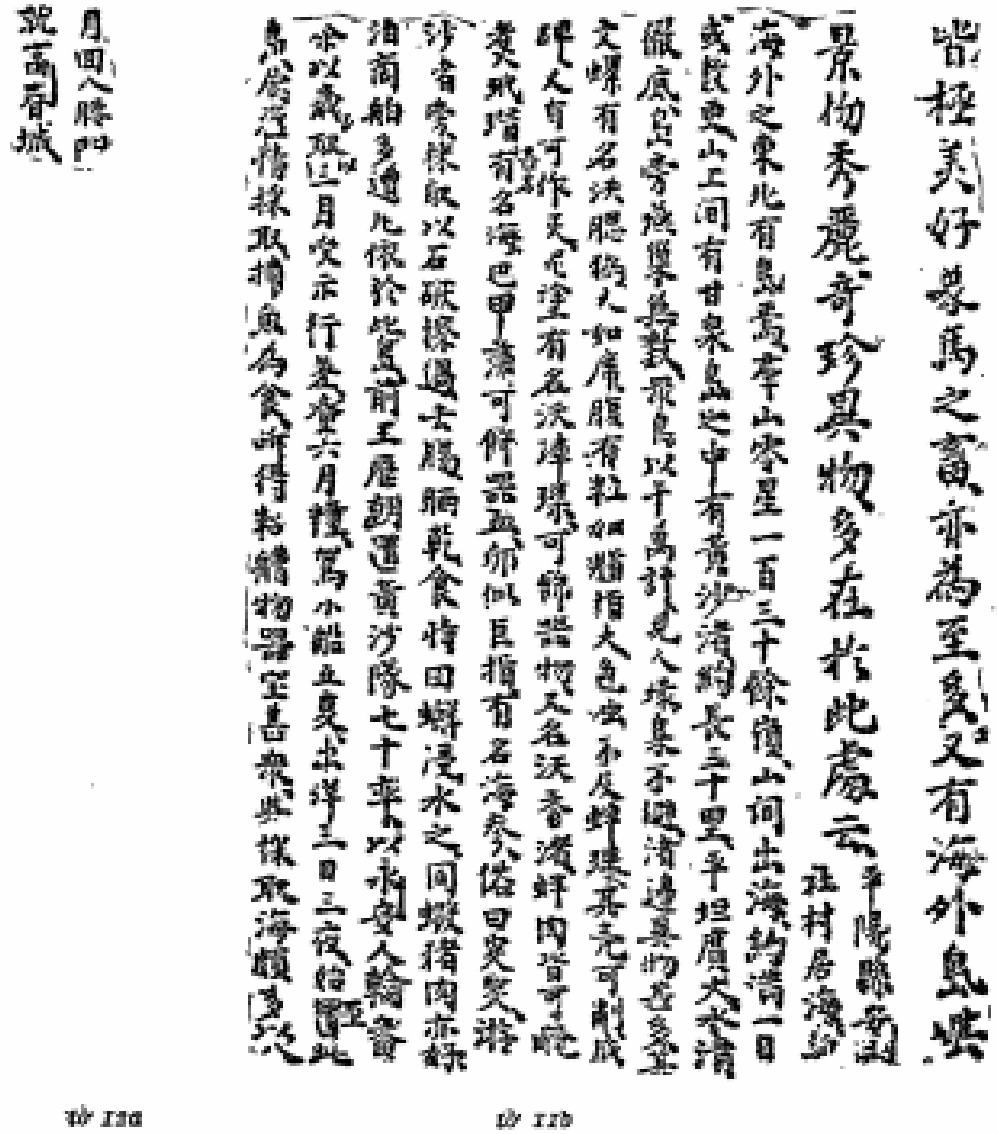

tờ 12a　　tờ 12b

PHỤ ĐÍNH VIII

Nguyên văn chữ Hán Dư Địa Chí trong Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí quyển V, tờ 12b, 12a

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

思義府三縣　今爲廣義鎮三屬九總二百十六社下三縣皆屬焉

彰義縣舊義江三總九十三社　平山縣舊平陽三總七十社　慕華縣三總五十三社

府在廣南之中上游連山橫揷下臨大海其地勢寬曠

太王專制時改爲廣義三縣物力豐衍穀粟不知其數

金銀財物珠具沈連皆極美好象馬之畜亦爲至多又

有海外島嶼景物幽麗

平山縣安永社村居近海海外東北有島嶼焉羣山重

疊一百三十餘嶺山間出海約隔一日或數更山下間

有甘泉島之中有黃沙渚長約三十里平坦廣大水滴

徹底島傍有燕無數衆鳥以千萬計見人旋集不避渚

邊異物甚多其文螺有名惡聰獨大如席腹有粒如指

大色濁不及蚌蝝其殼可削成碑又可作灰泥塗有名

tờ 11a　　tờ 10b

PHỤ ĐÍNH IX

Nguyên văn chữ Hán Hoàng Việt Địa Dự Chí, quyển 1
tờ 10b-11a
bản khắc in năm Nhâm Thân (1872), hiện tàng trữ
Viện khảo cổ Saigon số VĐ7

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

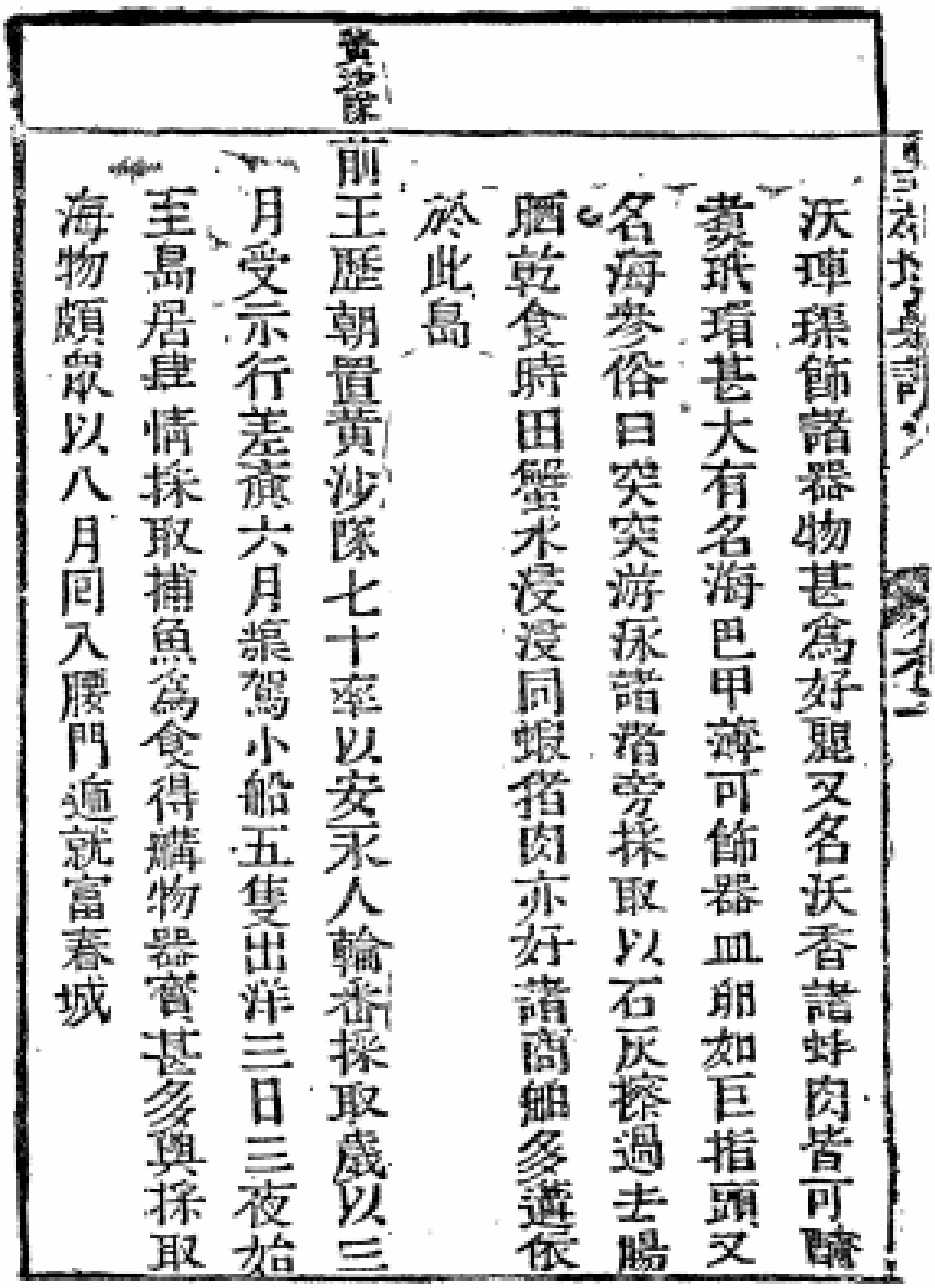

沃琿琛飾諸器物甚爲好麗又名沃香諸蚌肉皆可醃
煑珉瑁甚大有名海巴甲薄可飾器皿卵如巨指頭又
名海參俗曰突突游泳諸渚旁採取以石灰擦過去腸
晒乾食時田蟹水浸浸同蝦猪肉亦好諸商舶多遘依
於此島

黃沙隊

前王歷朝置黃沙隊七十率以安永人輪番採取歲以三
月受示行差齎六月漿駕小船五隻出洋三日三夜始
至島居肆情採取捕魚爲食得購物器實甚多與採取
海物頗衆以八月回入腰門遞就富春城

tờ 11b

PHỤ ĐÍNH X

Nguyên văn chữ Hán Hoàng Việt Địa Dư Chí, quyển 1, tờ 11b

http://hoangsa.org

貞所至賊皆披靡歷泰犁北地名尚大江與
善政兵會於爐淹屯雷巔羣奔來南南榮
四府督降匿原走尋楓歇地名居貞遂分遣
屬將招撫崑崙以為犄勢會雨潦乃駐兵
先是
上聞匿原乞援于乂安處鄭氏因此動兵遂報武
昌瞻盼地名諸佐長甘露土酋凡山路通貢臘者
各令壘丁偵探消息以聞

大南寔錄前編　卷十

秋七月廣義黃沙隊民乘船往黃沙島遭風
泊入清瓊州洋分清總督厚給送回
上令為書遣之廣義平山縣安永社海外有沙洲一百三十餘所相去或一日程或數更延亘不知其幾千里俗稱萬里黃沙洲上有甘泉所產有海參玳瑁文螺黿鱉等物
國初置黃沙隊七十人以安永社民充之歲以三月乘船往三日夜抵其處採取貨物以八月回納又有北海隊募平順四政村或景陽社人充之令駕小船往北海崑崙等處採取貨物亦由黃沙隊兼管
九月右營奇掌奇尊室澶又名聯

http://hoangsa.org/tailieu

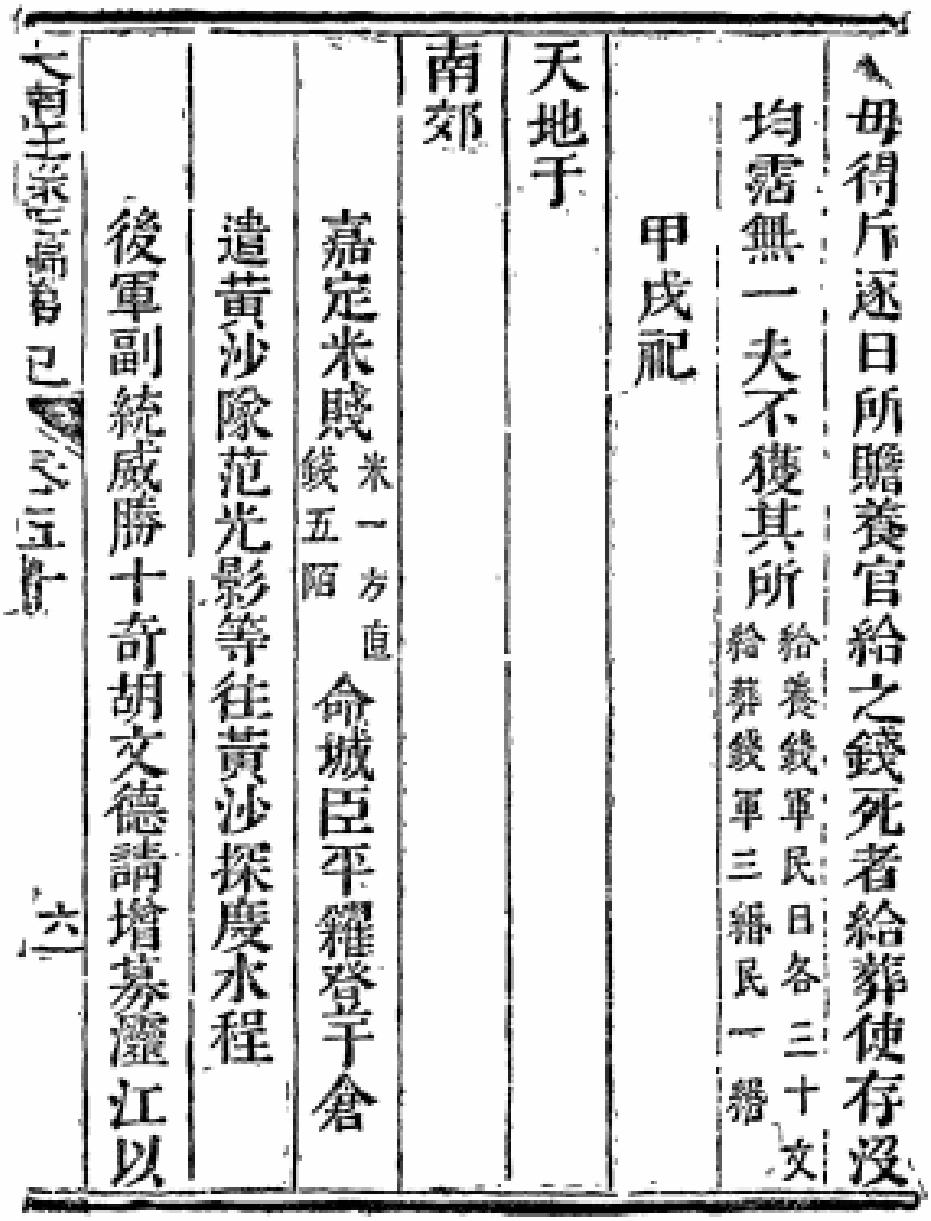

毋得斥逐日所贍養官給之錢死者給葬使存沒
均霑無一夫不獲其所 給養錢軍民日各三十文
給葬錢軍三番民一番

甲戌紀

天地于

南郊

嘉定米賤 米一方直錢五陌 命城臣平羅登于倉

遣黃沙隊范光影等往黃沙探慶水程

後軍副統威勝十奇胡文德請增募灑江以

PHỤ ĐÍNH XII

Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ I kỷ, quyển 5, tờ 6a.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

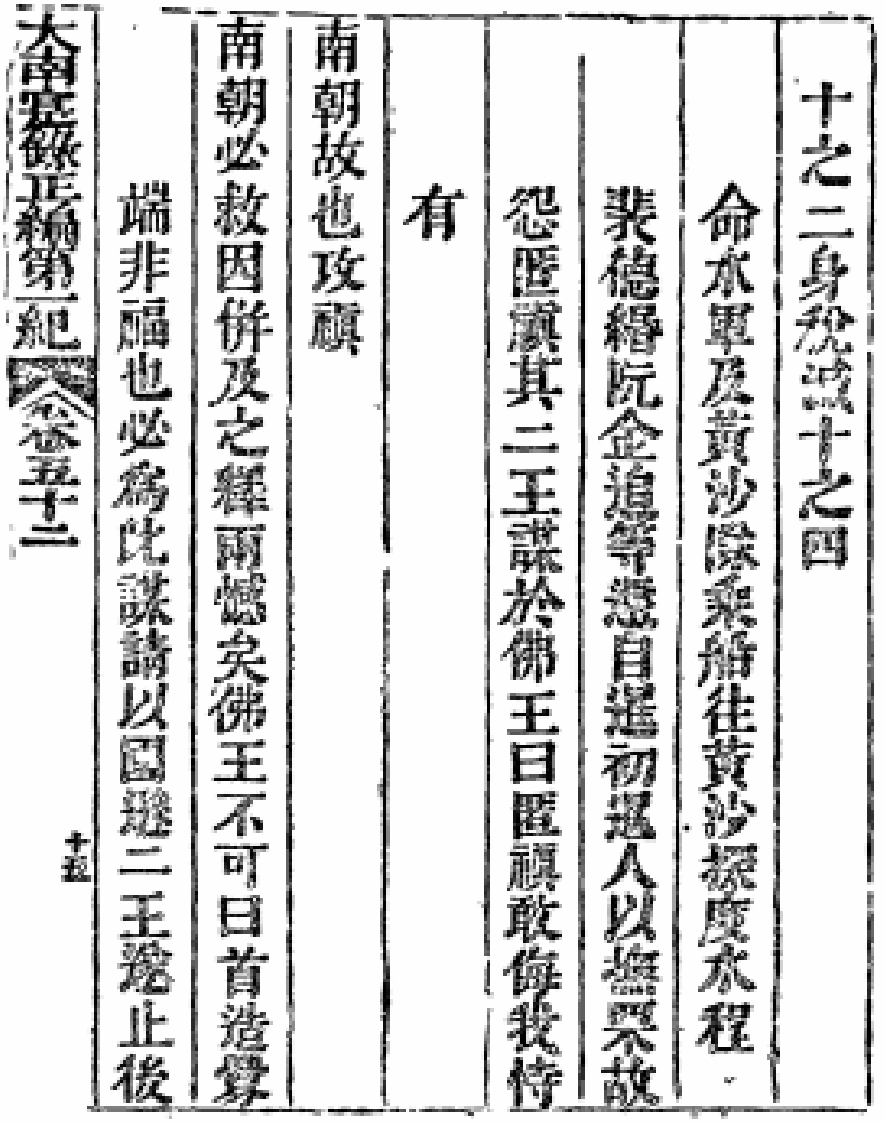

十之二身殺滅十之四

命水軍及黃沙隊乘船往黃沙探度水程

裴德緡阮金追等遣自暹初暹人以撫眾故

怨匿禛其二王謀於佛王曰匿禛敢侮我恃

有

南朝故也攻禛

南朝必救因併及之釋兩憾矣佛王不可曰首造釁

端非福也必為此謀請以國遜二王遂止後

大南實錄正編第一紀 卷五十二 十五

(tờ 15a)

PHỤ ĐÍNH XIII

Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ Nhất Kỷ, quyển 52

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

定價豈不是徒飽官吏私囊民何所利之有至如
所請十征其一則又屬言利之臣尤爲可鄙夫國
家經制有常錙銖之利豈屑計較況私買鐵木之
禁具有嚴條乃敢以此瀆陳何也其傳旨飭令迴
奏寶惶恐上疏請罪遂降二級
帝謂工部曰廣義洋分一帶黃沙之處遠望之則水
天一色不辨淺深通來商船常被其害今宜預備
船艘至來年派往建廟立碑于此又多植樹木砌

tờ 16

Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ Ii kỷ, quyển 104

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

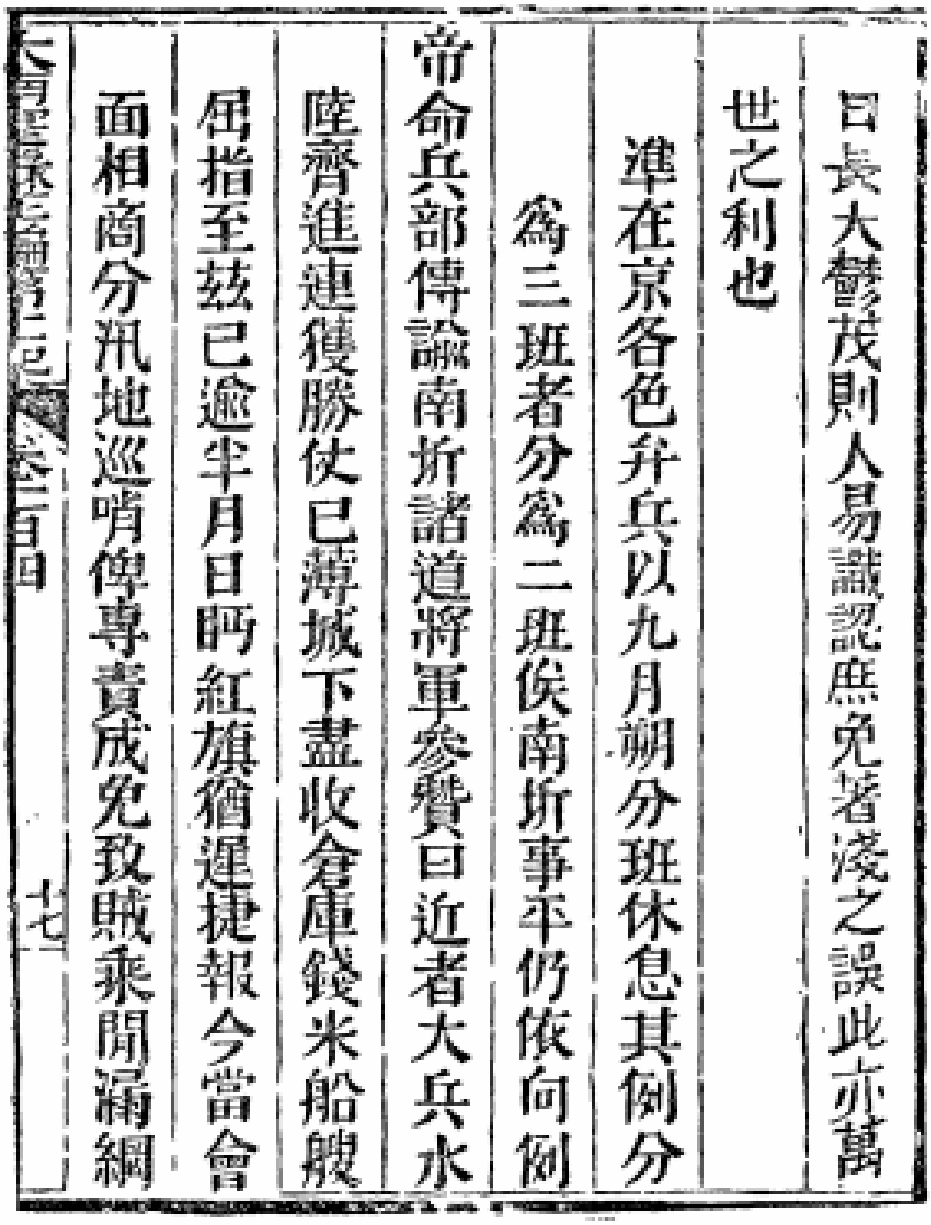

曰長大鬱茂則人易識認庶免著淩之誤此亦萬
世之利也
準在京各色弁兵以九月朔分班休息其例分
爲三班者分爲二班俟南圻事平仍依向例
帝命兵部傳諭南圻諸道將軍參贊曰近者大兵水
陸齊進連獲勝仗已薄城下盡收倉庫錢米船艘
屈指至茲已逾半月日昚紅旗猶遲捷報今當會
面相商分汛地巡哨俾專責成免致賊乘間竊綱

PHỤ ĐÍNH XV

Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ II kỷ, quyển 104

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

成法永絕弊根

以定安總督鄧文添爲河寧總督河內巡撫鄭

光鄉陞署定安總督

建廣義黃沙神祠黃沙在廣義海分有一處白

沙堆樹木森茂堆之中有井西南有古廟牌

刻萬里波平四字白沙堆周圍一千七十丈舊名佛寺山東西南岸皆珊瑚石斜遶水面北拔珊瑚石突立一堆周圍三百四十丈高一丈三尺與沙堆齊名磐

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

灘石去年
弁將於此處建廟立碑適因風濤弗果至是乃遣水
軍該隊范文原率監城兵匠與廣義平定二
省夫船運往材料建立廟宇隔古廟七丈廟之左
豎石碑前設屏障旬日工竣而還
廣平省臣奏言省轄夏禾歉收試粟輕浮多不
成粒諭準本年租粟一半聽民折納一半緩
徵又安亦以歲歉米貴報準本年正供並上

Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ II kỷ, quyển 154 tờ 4b

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

屯堡土目土兵等名色不一請凡土司土豪給以省憑試差從九品百戶手下土民改爲堡兵仍舊管率駐守何堡寧帖及緝犯有功其百戶量與獎賞再請轄有屯札者亦照此例行許之

工部奏言本國海疆黃沙處最是險要前者曾派描繪圖本而形勢廣邈僅得一處亦未明晰所應年常派往遍探以熟海程請自本年

PHỤ ĐÍNH VXIII

Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ II kỷ, quyển 165

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

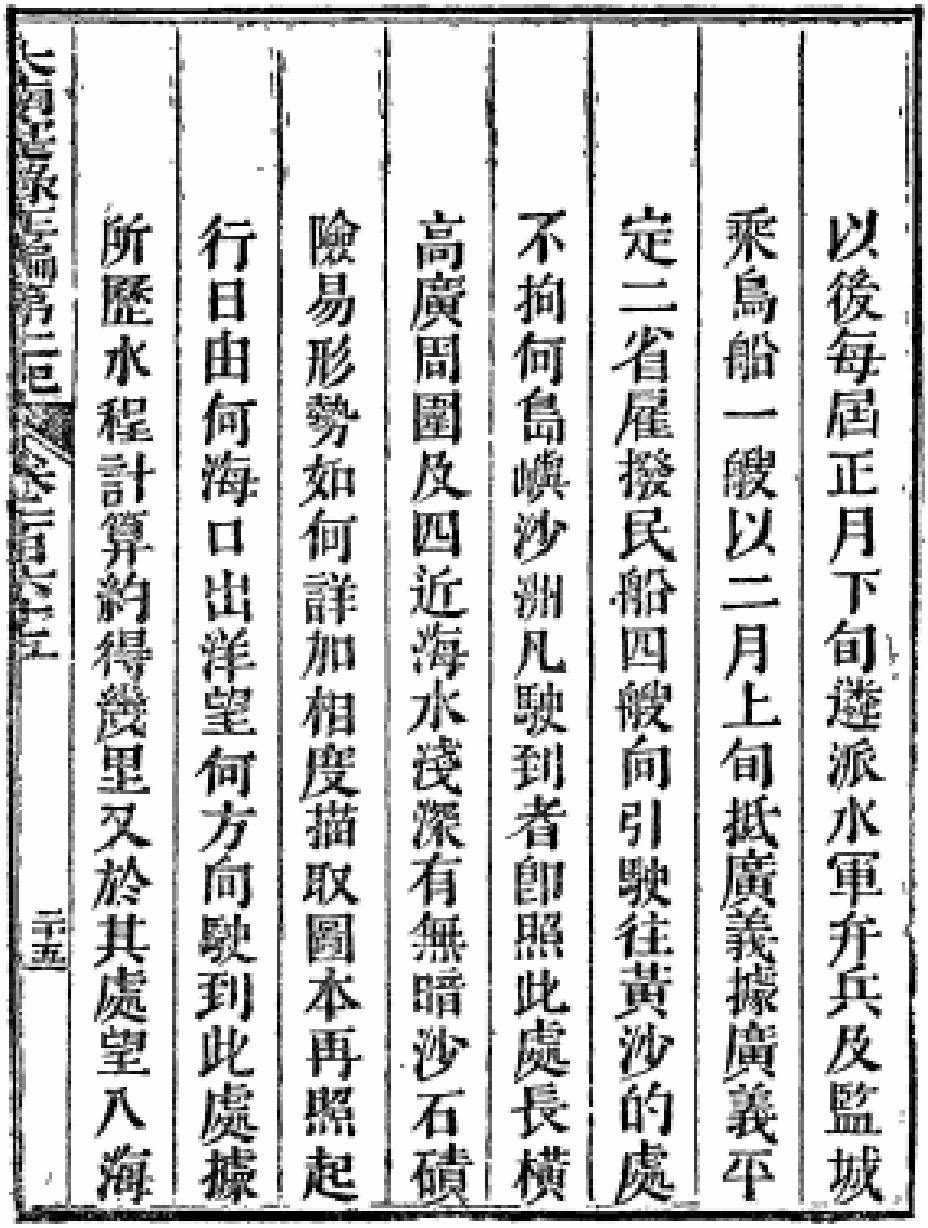

以後每屆正月下旬遴派水軍弁兵及監城
乘鳥船一艘以二月上旬抵廣義據廣義平
定二省雇撥民船四艘向引駛往黃沙的處
不拘何島嶼沙洲凡駛到者卽照此處長橫
高廣周圍及四近海水淺深有無暗沙石磧
險易形勢如何詳加相度描取圖本再照起
行日由何海口出洋望何方向駛到此處據
所歷水程計算約得幾里又於其處望入海

tờ 25a

PHỤ ĐÍNH XIX

Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ II kỷ, quyển 215

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

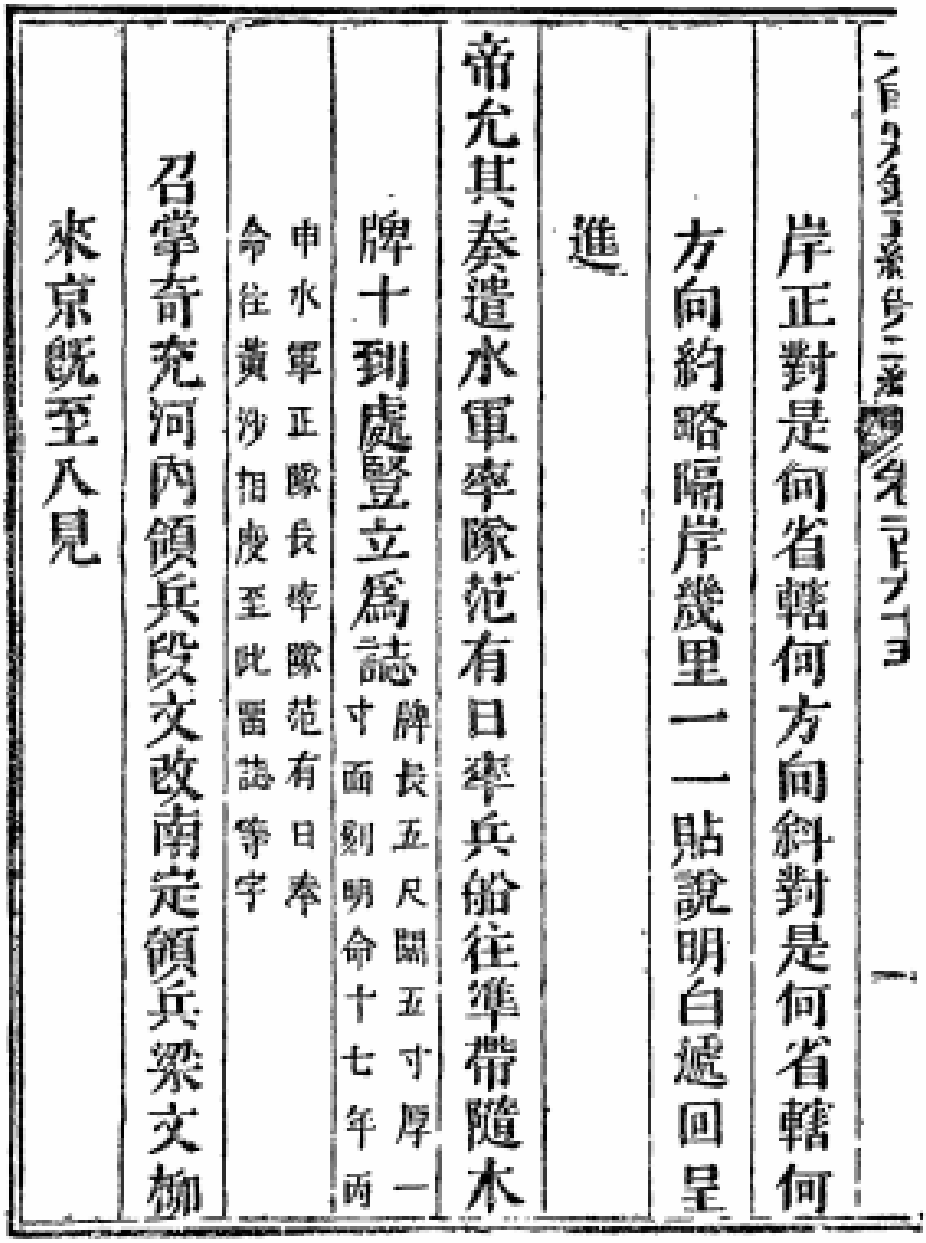

岸正對是何省轄何方向斜對是何省轄何
方向約略隔岸幾里一一貼說明白遞回呈
進
帝允其奏遣水軍率隊范有日率兵船往準帶隨木
牌十到處豎立爲誌牌長五尺闊五寸厚一寸面刻明命十七年丙
申水軍正隊長率隊范有日奉
命往黃沙相度至此留誌等字
召掌奇充河內領兵段文改南定領兵梁文柳
來京既至入見

tờ 25b

PHỤ ĐÍNH XX
Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ II kỷ, quyển 16

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

會同廟一座正堂三間二廈前堂五間方家廚家各一間二廈○十四年

諭討逆右將軍參贊大臣如大兵進勦收復邊和之日即飭武有炯黃文亶等於曠地設壇一所當中設故黎文義潘文雙鄧文絹等牌位下列陣亡并兵致祭再準擇地建廟以爲此次陣亡將弁祀所俾得永承恩典○又

諭義者高平署布政裴增輝按察范廷擢領兵范文劉從容就義著于該省擇一淨地建立祠宇一所用爲盡節者勸○十六年奏準廣義建

PHỤ ĐÍNH XXI

Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ, quyển 207

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

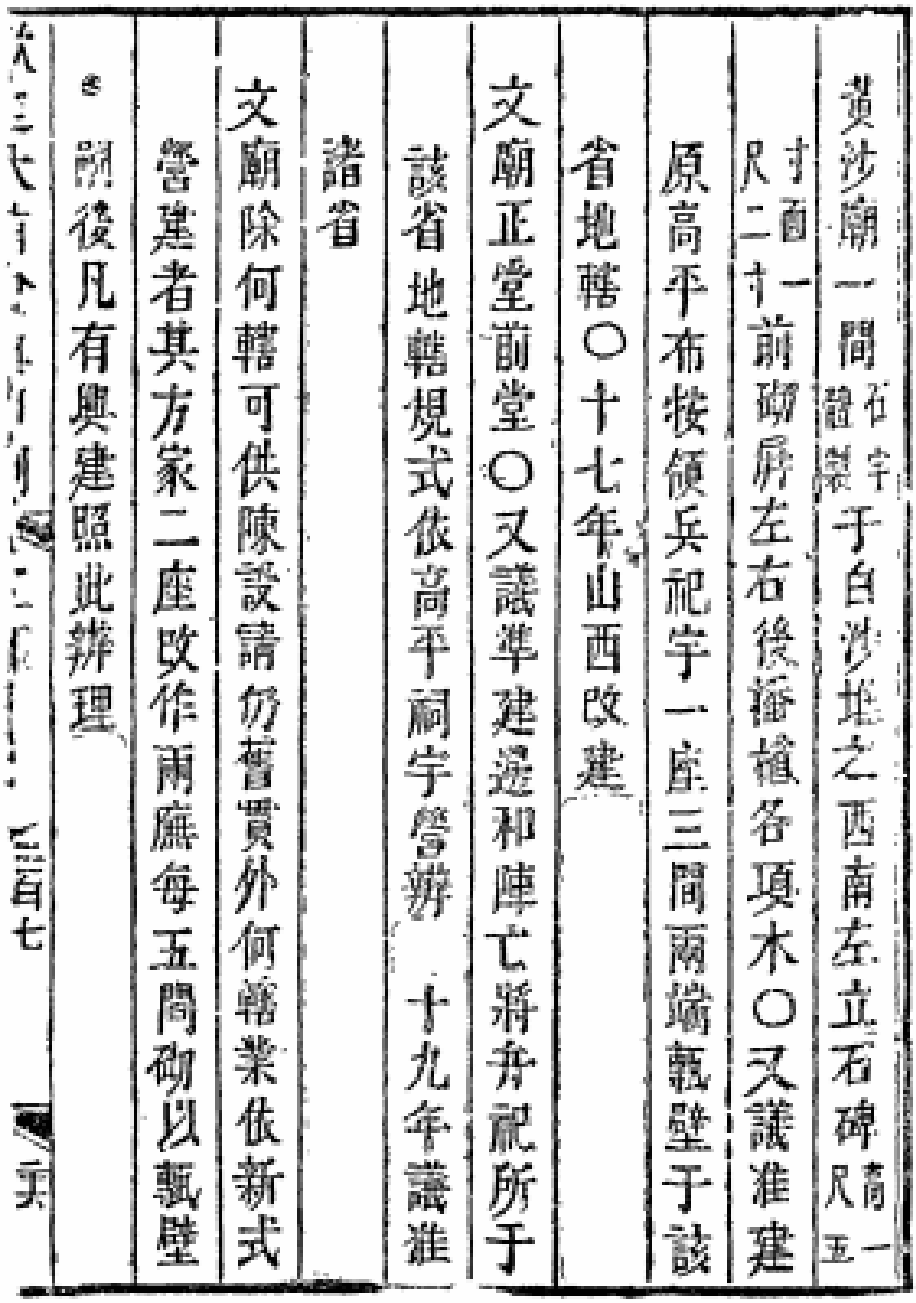

黃沙廟一間石字體製于白沙堆之西南左立石碑高一尺五寸面一尺二寸前砌屏左右後播植各項木○又議准建原高平布按領兵祀宇一座三間兩端甎壁于該省地轄○十七年山西改建

文廟正堂前堂○又議準建邊和陣亡將弁祀所于該省地轄規式依高平祠宇營辦　十九年議准諸省

文廟除何轄可供陳設請仍舊貫外何轄業依新式營建者其方家二座改作兩廡每五間砌以甎壁

嗣後凡有興建照此辦理

PHỤ ĐÍNH XXII

Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ, quyển 207

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

形勢

東橫沙島（黃沙島）連滄海以爲池西接山蠻砌長壘以爲固南隣平定石津關當其衝北接廣南沙主灘爲之限名山則天印龍頭天筆左右藩屏大川則茶曲系紫衡江前後襟帶五奇（靖蠻五奇）分駐峻邊防也六汛列守（詳關汛目）壯海疆也至若富登庫市百貨藏居古墨汛門

PHỤ ĐỊNH XXIII

Nguyên văn trang 10

Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển 6 : Tỉnh Quảng Ngãi

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

有兩頭蠻行則相依又有脫骨蠻此蠻所居之處有一大虫形如馬諸蠻過此能跨此虫則已否則此蠻羣衆食之

理山島 在平山縣東海中俗名峋嶁哩島四面高中四可數十畝永安安海二坊民居焉東有洞洞中有寺數間石床石几天然如畫洞口左右各有井水甚清淡周圍樹木鬱茂有海匪至二坊民就此避之其地多產落花生及玉蜀黍

黃沙島 在哩島之東自舊有屯守以禦海匪今罷沙圻海岸放洋順風三四日夜可至島上羣山羅列凡一百三十餘峰相隔或一日程或數更許島之中有黃沙沙延袤不知幾千里俗名萬里長沙洲上有井甘泉出焉海鳥羣

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

集不知紀極多產海參玳瑁文螺龜鼈等物諸風難船貨物滙聚於此　國初設黃沙隊七十人以永安社民充之歲以三月出洋採海物八月由思賢海口回納又嘗北海除今黃沙喙衆管往北海崑崙諸島覓採海物島之東近清國海南瓊州府嘉隆初倣舊制置黃沙隊尋罷之明命初常遣官船至其處探訪海程有一處白沙堆周一千七十丈樹木森茂堆之中有井西南有古廟不知何代所建碑刻萬里波平四字舊名佛寺山其兩旁皆珊瑚石斜繞水面西北突起一堆周三百四十丈二尺與沙堆齊名盤灘石明命十六年命官船運碑石前往建寺左竪石碑爲誌辰兵夫應役獨得銅葉銅錢二千餘斤茶

http://hoangsa.org

又安鎮寧救縣但思屯所有南掌兵三百人來置蠻書一紙
而去書是暹字部譯其書以進帝諭曰據譯敍不過暹將
大言以圖嚇恍邊氓耳可擬撰鎮寧肥造覆文予暹串將
弁送省飭阮仲酪譯出蠻字到夾境處交暹串人認取回
還報告俾他永攝兵威再遂暹通言阮文莊從省演譯俟
省人學習有能曉得暹字者復撤回京

濬普利祠自香江津次從小江祗順安海以殘涸水不通船
往來不便故濬之

建廣義黃沙神祠黃沙在海外有一處樹木森茂堆之中有井

西南有古廟碑刻萬里波平四字自沙堆首名傳骨山東西南岸營屬珊石安立一堆周圍三百四十丈高一丈三尺共步莊齊名譽羅石命於此處建廟立碑前設屏障

平順提督裴公誼奏遞來派兵分頭防截蠻匪四散或向慶和投降或于平順出首請來京復命賞誼單功加一級

削除黎後鄭族各額

閏六月給諸地方較彈銅尺較度鎗心要得詳確臨陣命中俾火器咸歸寔用

平順土蠻匪復嘯聚于伯奔潛下和順龍蟠地轄按察黎德〃斬骨哥尊室誠大敗之誠斬各陞賞各道員弁兵民賞錢

tờ 98a
PHỤ ĐÍNH XXVII
Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, quyển 3

http://hoangsa.org/tailieu
http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

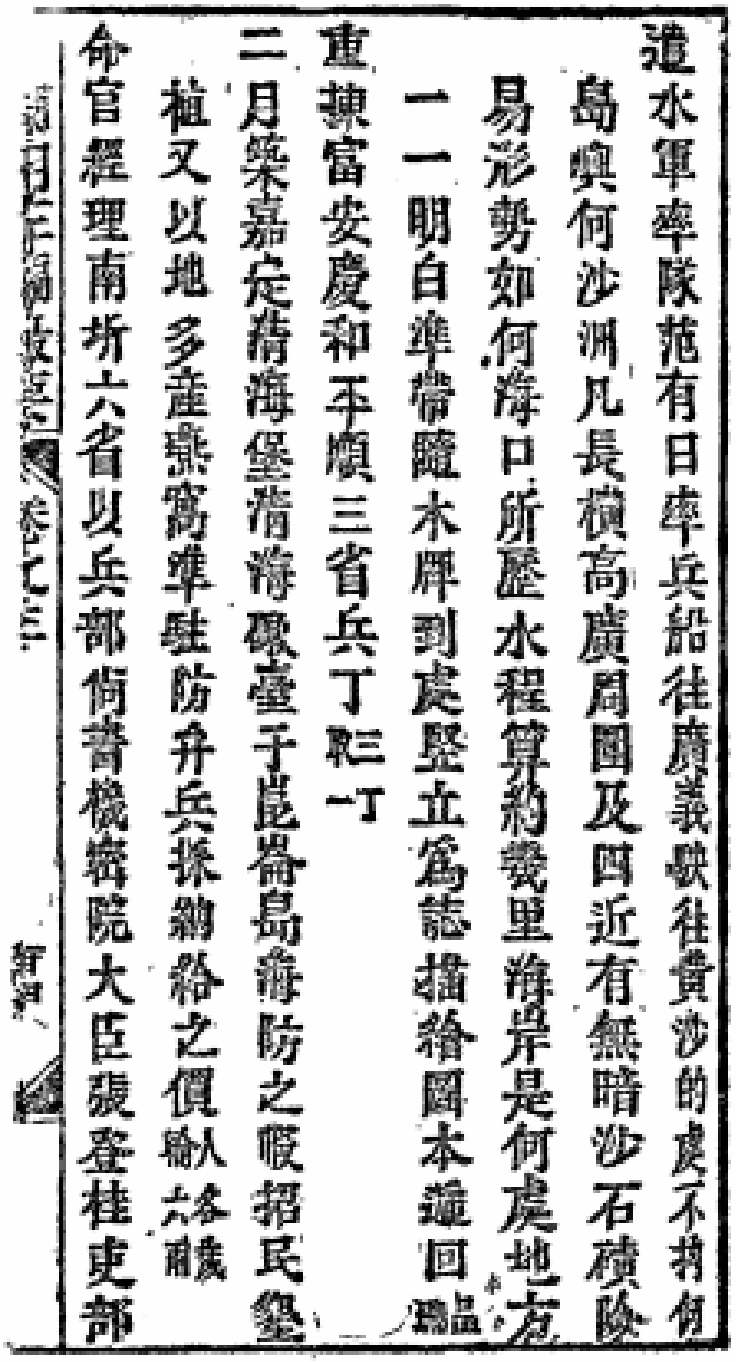

遣水軍率隊范有日率兵船往廣義駛往黃沙的處不拘何
島嶼何沙洲凡長橫高廣周圍及四近有無暗沙石磧險
易形勢如何海口所歷水程算約幾里海岸是何處地方
一一明白準帶隨木牌到處豎立爲誌描繪圖本遞回 品瑞
重揀富安慶和平順三省兵丁 三丁取一
二月築嘉定清海堡清海礮臺于崑崙島海防之暇招民墾
植又以地多產燕窩準駐防弁兵採納給之價 人各幾輸六兩
命官經理南圻六省以兵部尚書機密院大臣張登桂吏部

PHỤ ĐÍNH XXVIII

Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, quyển 3

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

擒化順兵阮文珩進攻愛諸匪孤范功需等擊黨圖之我兵
亦多病傷興署督黃文騰退回羅碧臨遂分設屯札
十二月英吉利商船過黃沙著淺擱于平定海岸九十餘人
命擇地安頓優給錢米船長頭目感激見於言貌勅如西
派員阮知方帶往下洲埠頭送還國
乘慶和寧蘇優叢慶和藩分廣邊又多島嶼有芽莊演山峰
之一處前是探譯人船隻集省臣請於山嶺設臺置礮派兵
駐守可兼顧東南地三面命工部逐式為之

PHỤ ĐÍNH XXIX

Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, quyển 3

Đính chính trang 142 : năm 1925 thay vì 1909, ấn công sắp sai, năm khắc in bản đầu tiên sau khi trích, dịch xong năm 1924.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

SÁCH SỬ-ĐỊA

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Đại Lộ Lê-Lợi, SAIGON

Việt-sử toàn thư	Phạm-văn-Sơn
Việt-sử tân biên	-
- I.Thượng và Trung cổ thời đại	-
- II. Trần-Lê thời đại	-
- III. Nam Bắc phân tranh	-
- IV. Tây-Sơn và Nguyễn Sơ	-
- V. Việt-Nam kháng Pháp sử	-
- VI. Việt-Nam cách mạng cận sử	-
- VII. Chế độ Pháp thuộc ở V.N	-
Việt-Nam sử lược	Trần-trọng-Kim
Quốc sử tạp lục	Nguyễn-thiện-Lâu
Việt-nam Quốc dân đảng	Hoàng-văn-Đào
Việt-sử tiêu án	Ngô-thời-Sỹ
Việt-Nam thời bành trướng: Tây Sơn	Nguyễn-Phương
Việt-Nam Pháp thuộc sử	Phan-Khoang
Việt sử: xứ đàng trong	-
Trung Quốc sử lược	-
Hải ngoại kí sự	Thích-đại-Sán
Việt nam sử ký toàn thư	Ngô Sỹ Liên
Việt sử kinh nghiệm	Nguyễn-văn-Hầu
Hoa cành nam: Hồi kí cách mạng	Nhượng Tống
Lịch sử nội chiến ở V.N	Tạ chí Đại Trường
Thực trạng nông dân thời Pháp thuộc	Phạm-cao-Dương
Việt sử yếu	Hoàng cao Khải
Đại Việt thông sử	Lê quí Đôn
Quốc sử di biên	Phan thúc Trực
Minh mệnh chính yếu	Quốc sử Quán
Sử ký Tư mã Thiên	Nhượng-Tống
Việt Nam giáo sử	Phan phát Huồn
Sử Cao Miên	Lê Hương
Chân Lạp phong thổ kí	-
Sử liệu Phù Nam	-
Nhật Bản sử lược	Châm Vũ
Chính trị Nhật Bản từ 1854 đến 1954	Quang Chính
Đề Thám, con hùm Yên Thế	Nguyễn Duy Hinh
Cuộc đời cách mạng Cường-Để	Tráng-Liệt
Chí sĩ Nguyễn Quang Diệu	Nguyễn văn Hầu
Đức Cố Quản	-
Nhà cách mạng Tạ Thu Thâu	Phương Lan
Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh	-

http://hoangsa.org

Anh thư nước Việt	-
Cụ Trần Cao Vân	Hành Sơn
Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính
Phong tục Việt Nam	Toan Ánh
Xã hội nhà Lý	Nguyễn nữu Châu Phan
Nghiên cứu Việt Nam	-
Sài Gòn năm xưa	Vương hồng Sển
Non nước xứ Quảng	Phạm trung Việt
Cao Nguyên miền Thượng	Toan Ánh
Khí hậu Việt Nam	Đỗ đình Cương

http://hoangsa.org/tailieu

THỬ KHẢO SÁT VỀ QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

♦ SƠN HỒNG ĐỨC
Giảng Sư Địa Lý Học
Văn - Khoa Sài Gòn

Năm 1974 bắt đầu với trận hải chiến Hoàng Sa (19 và 20 tháng 1) như nhắc nhở chúng ta đừng quên một quần đảo, chơi vơi giữa bão táp, xa xôi nghìn dặm, nhưng bao giờ cũng là đất cuả MẸ VIỆT NAM. Hải đảo xa này ít người biết đến, mặc dù vai trò chiến lược vô cùng quan yếu trong chủ thuyết "tự do hải hành" của các cường quốc ngày nay. Do đó, mặc dù đây là đất, là nước của Việt-Nam, nhưng lại thường bị các cường quốc dòm ngó, và một vài cường quốc tranh giành. Hết Pháp rồi đến Nhật, Hoa và Mĩ đều có những phái đoàn đến tận nơi nghiên cứu.

Và bài này là bảng đúc công việc điều nghiên mà tác giả dã thực hiện trong Chương Trình Điều Nghiên Bình Địa Hỗn Hợp Việt Mĩ, cách đây vài năm. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn đề cập đến sự kiện địa lý hình thể, cũng như khả năng mưu sinh định cư…Còn các vấn đề lịch sử, các khía cạnh pháp lý, nhiêù tác giả khác đã trình bày.

Nếu thế kỉ XIX là kỉ nguyên của việc chiếm cứ và khai thác các thuộc địa, thì hậu bán thế kỉ XX là lúc mà tài nguyên thiên nhiên trên các đất nỗi đã cạn nguồn . Các nhà địa lý kinh tế thế giới bắt đầu chú ý đến vùng " đất ngầm ", nghĩa là thềm lục địa hay đáy đại dương. Nhất là sau hội nghị CARACAS về " Luật bể "(1974) thì khuynh hướng chung cho rằng quan niệm lãnh hải của thế kỉ XIX nay đà lỗi thời. Cha Ông chúng ta, với lòng can đảm vô biên, chí mạo hiểm vô cùng đã để lại cho con cháu ngày nay một dãy giang sơn gấm vóc gồm lãnh thổ lục địa và những quần đảo trong Đông Hải và vịnh Thái Lan. Quan niệm sai lầm thường cho rằng đây chỉ là những bãi cát bão táp không giá trị sản xuất nên chúng ta đã " thiếu tích cực " trong vấn đề định cư hoặc chiếm đóng.

Trong bài nghiên cứu này, chúng ta lần lượt xem qua các mục:

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

I – Môi trường thiên nhiên
II – Kiến trúc và thổ nhưỡng
III – Khí hậu
IV – Các nguồn lợi thiên nhiên và khả năng
V – Nhân sinh hóa môi trường và hoang đảo

•

Quần đảo HOÀNG SA cũng như TRƯỜNG SA là một dãy đảo san hô nằm ngoài khơi Đông Hải. Hoàng sa ở về phía bắc, Trường Sa ở về phía nam. Với phương tiện kĩ thuật hiện giờ, từ Hoàng Sa người ta có thể kiểm soát tất cả vùng bể từ duyên hải Trung Việt sang đến đảo Lữ Tống của Phi Luật Tân

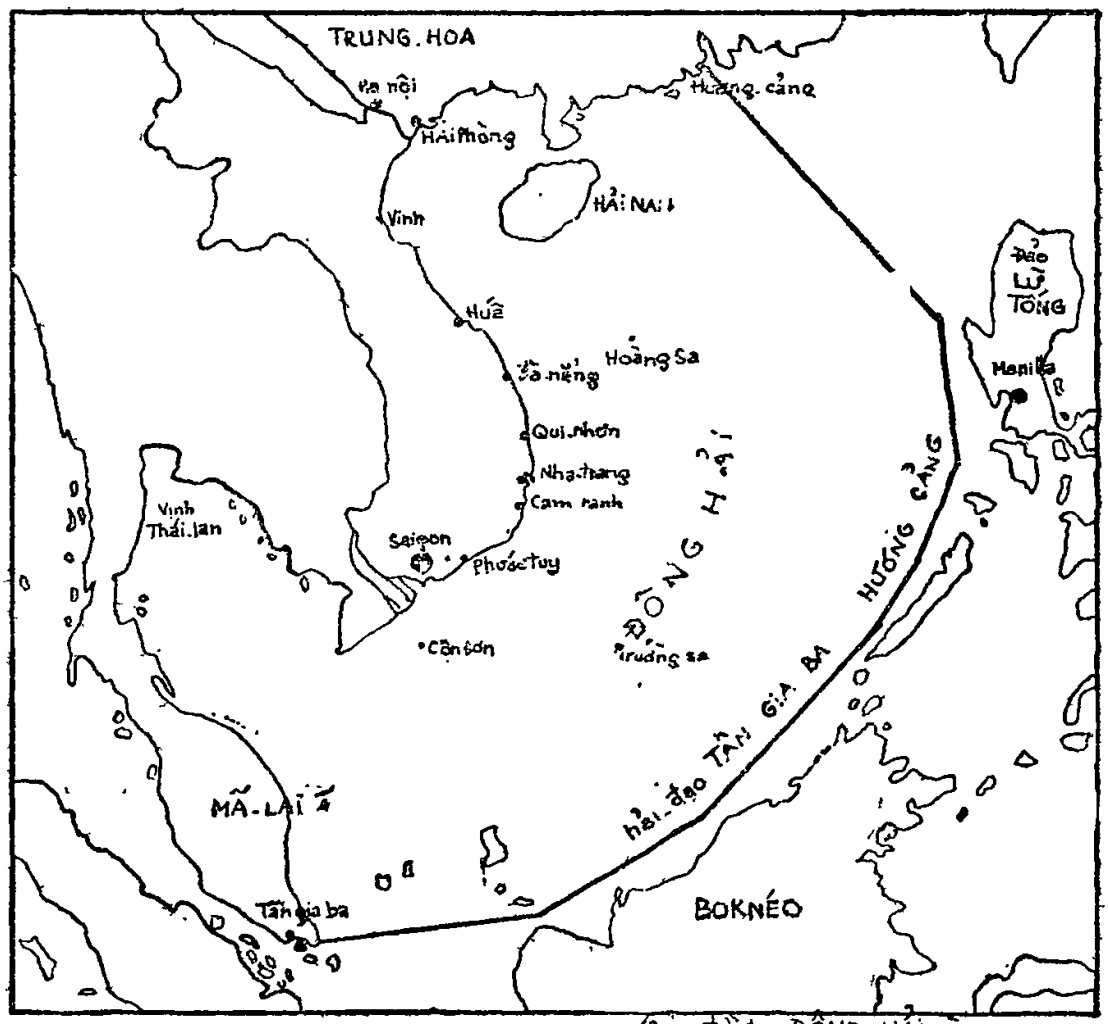

Bản đồ 1: Đông Hải và Hòang Sa

Tỉ lệ: 1/13.000.000

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đầu tiên hết, chúng tôi mời quí vị đi viếng quần đảo Hoàng Sa. Từ Đà Nẵng chiến hạm nhắm hướng 083 trực chỉ. Thường thì khởi hành vào buổi chiều, sáng hôm sau là đến Hoàng Sa. Đảo đầu tiên chúng ta gặp phải trong chuyến hải hành này là Tri Tôn, đây chỉ là một cồn san hô, bên trên các bao phủ cao độ ba mét trên mực nước bể .Tri tôn là một đảo san hô nhỏ, lên bờ thật khó khăn, do đó chúng ta chỉ đi ngang qua. Ngược lên hướng bắc, nếu được cơn gió nồm thổi thì dễ dàng, nhưng nếu gặp gió mùa đông bắc từ Hoa Lục thổi về thì thật là vất vả, sóng nhồi dữ dội.

Từ tri tôn lên phía bắc lối 20 hải lý nữa chúng ta vượt qua vĩ tuyến 16^0 và sau đó khoảng 20 hải lý, chúng ta gặp bãi ngầm khám phá " de la Découverte ", với một xác tàu LSM của Pháp nằm ở bãi nam của ám tiêu san hô viền. Bãi ngầm này là một thế giới kì lạ đối với người chưa đi bể, vậy chúng ta cho tàu dừng lại để nhìn xem.

Đứng trên đài chỉ huy của tàu nhìn xuống mặt đầm bên trong ám tiêu san hô là một thế giới yên lặng mặc dù bên ngoài sóng vỗ từng cơn lên ám tiêu viền. Nước bạc đua nhau, theo một lạch nhỏ để vào bên trong. Tàu nhỏ có thể theo lạch này vào viếng thế giới thần tiên, vì bể lặng bên trong là thế giới của các loài hải sản nhiệt đới. Với một diện tích độ 15 hải lý bề rộng và 5 hải lý bề ngang, với nước màu xanh lá cây nhạt, khác hẳn với màu xanh cobalt bên ngoài. Tất cả những thủy tộc đã chọn nơi đây làm nơi sinh sống. Trong những ngày bể yên, gió hiu hiu thổi, với ánh nắng ban mai chênh chếch, chúng ta có thể trông suốt đến tận lòng chảo cát vàng ở đáy. Cá ở đây, phần lớn sống lâu năm nên to lớn dị thường. Có những con cá đuối bằng hai chiếc chiếu, lấp lơ dưới nước. Có những ốc tai tượng to bằng cái bàn nặng cả 700 ký, nằm dưới đáy san hô, hai mảnh vỏ màu vàng san hô bám víu. Ốc mở miệng ra chờ mồi, và vô phúc cho người nhái nào đặt chân vào giữa là nó khép lại, giữ chặt lấy mồi, không phương thoát được.

Gần bãi ngầm này có bãi ngầm Bách Qui (PASSU KEAH) cũng hình bầu dục nhưng nhỏ hơn. Trở lên tàu, nhổ neo chạy về hướng bắc, sẽ gặp nhóm NGUYỆT THIỀM.

Nếu từ phi cơ nhìn xuống chúng ta sẽ thấy quần đảo này như hai chiếc bánh (Crescent hay Croissant) đâu đầu vào nhau. Những đảo DUY MỘNG (Drummond), HỮU NHẬT (Robert hay Cam Tuyền), HOÀNG SA (Pattle), QUANG ẢNH (Money,Vĩnh Lạc) với bộ phận ám tiêu san hô, vẽ thành một vòng bầu dục tương tự như miệng hỏa sơn bao quanh một lòng chảo mà bên trong chiều sâu nhất không quá

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

40m. Phần lớn những đảo này thấp nên đến gần mới nom thấy được. Đến gần đảo Vĩnh Lạc chúng ta chỉ thấy như một mô đất cao lối 6m mà thôi. Đến Duncan chúng ta chỉ thấy 2 cây dừa lơ lửng giữa trời. Ở đây khi nước xuống, ám tiêu san hô chỉ còn sâu lối đầu gối, nước bên trong bể lặng rót bớt ra ngoài, người ta có thể dùng chĩa để săn cá. Nhiêù nhất là cá hồng, rôi cá mú, và lươn bể. Những con lươn này đường kính to chừng 7cm, dài qua 2 mét, màu xám đốm trắng rất khỏe. Nếu bị một chĩa xuyên qua mình chúng vẫn còn đủ sức để ưỡn đầu lại cái mũi chĩa với hai hàm răng thực bén.

Trên đảo Duy Mộng có thật nhiều vít. Ban đêm chúng lên đảo đẻ trứng. Người đi săn vít chỉ cần lắng tai nghe nơi nào có tiếng thở phào phào là đến đó, lật ngữa con vít lên rồi đi tìm con khác. Vì vít bị lật lên, chỉ còn chới với 4 chân chứ không đi đâu được nữa.

Đi lên hướng Tây Bắc chúng ta đến đảo Hoàng Sa, đảo chính của nhóm Nguyệt Thiềm. Cùng một kiến trúc với những đảo kia, một vòng đai ám tiêu, bên trong là bể lặng. Thủy triều xuống thì nước trong đầm theo lạch tuôn ra bể với 1 tốc độ khá nhanh, xác của những chiếc xà lan chở phosphate bị tống lên, san hô còn nằm ngổn ngang. Quân nhân trú đóng ở Hoàng Sa sẽ mời quí vị 2 thổ sản, đó là thịt vít và khô ốc tai tượng. Thịt vít ăn như thịt gà, còn khô ốc là những gân ở 2 đầu con ốc, chính những gân này giúp cho ốc có thể khép kín 2 mảnh với nhau. Gân cắt ra đem phơi ăn rất ngon. Ngoài ra còn loại ốc nhảy, ruột rút ra trông tựa như lò xo, ăn cũng được.

Rời nhóm Nguyệt Thiềm, đi lên nhóm Tuyên-Đức, nằm gần vĩ tuyến 17. Hình ảnh đầu tiên xuất hiện trước mắt chúng ta là một vết trắng mấp mé với mặt nước xanh nhạt, trên bầu trời chim bay kín như đám mây. Đến gần chúng ta thấy chim xuôi đôi cánh dài lượn trong gió mát, đáy bể lờ mờ phản chiếu những rừng san hô. Nước trong mát, đậm đà và ánh nắng vàng xuyên qua nước chiếu dọi xuống từng hốc san hô óng ánh với những rừng rong rêu phất phơ chuyển động dưới áp lực của sóng. Giữa những diện tích san hô, vài vùng cát trắng hiện ra trắng nõn, đáy có vân như ghi lại hình ảnh của từng đợt sóng nhỏ êm đềm. Vài con hải sa trải dài những khúc màu lục xen với màu trắng, vài con hải mã như muốn tung cương…

Lên đảo, chúng ta thấy những cụm san hô già, cứng, màu đen như đá. Trong các hốc đá, phất phơ những bụi cỏ, từng đốt gắn với

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nhau úa vàng trong nắng gắt. Các loài chim bể thường lấy cỏ này xây tổ ấm. Đảo là thế giới của loài chim. Chim như muốn vây chặt con người, chim kêu điếc tai, chim che kín đất, chim bay kín trời. Bay lên từng đàn, đảo lượn trên không, bổ xuống mặt nước mổ cá, rồi từng đàn đáp xuống chia mồi.

Có lên đảo Phú Lâm chúng ta mới thấy được sự cô đơn của loài người trước sự ngự trị gần như áp đảo của loài chim.

Và với đảo Phú Lâm, chúng ta tạm dừng cuộc hải hành viếng Hoàng Sa, để nghiên cứu kĩ càng hơn môi trường thiên nhiên hoang đảo.

•

I—MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN:

Nằm trọn vẹn giữa 2 kinh tuyến 111-113 độ Đông trong vùng vĩ tuyến 15° 45’ và 17° 05’ Bắc. Từ Đà Nẵng đi thẳng ra hướng Đông, độ 170 hải lý là gặp nhóm đảo đầu tiên. Quần đảo này rộng tổng cộng không trên $10km^2$ đất nỗi, nên không thể xây phi trường và căn cứ lớn được, nhưng nhờ vị trí nằm ngay trên đường hải hành Bắc Thái - Bình Dương xuống Ấn Độ Dương.

Quần đảo Hoàng Sa gồm 120 đảo nhỏ quần tụ trong 4 nhóm và vô số bãi ngầm. Đại cương, chúng ta phân chia như sau : (bản đồ 2)

1.1 *Nhóm TUYÊN ĐỨC*, ở về phía Bắc, gồm 16 đảo đáng kể. Trong đó quan trọng nhất về phương diện diện tích là PHÚ LÂM (Woody Island), rồi kế đến là đảo Cây, đảo Nam, đảo Trung, và đảo Bắc. Hải đồ Quốc Tế gọi nhóm này là “AMPHITRITE GROUP ”. Như đã nói, Phú Lâm là lớn nhất, bề dài 3.700m và ngang 2.800m. Trên đảo cây cối um tùm lại có vài cây dừa. Ở đây chim hải âu sinh nở từ thế kỉ này qua thế kỉ nọ và để lại 1 lớp “ guano ” (phân chim) dầy lối 5 tấc. Đây là đảo duy nhất từ xa có thể nhìn thấy được. Thời Pháp thuộc, một công ty NHẬT BẢN đã khai thác phân ở đây, còn để lại nhiều vếch tích.

Những đảo nhỏ khác thì có Hòn Đá, Bàn Thạch Đảo, v.v… không cây cối, chỉ là những diện tích bé nhỏ

1.2 Nhóm NGUYỆT THIỀM, ở về phía Tây Nam cách nhóm trước lối 20 hải lý. Nhóm này gồm các đảo:*Hoàng Sa* (Pattle), *Hữu Nhật*

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

(Robert), (1) *Quang Ảnh* (Money), (2) *Quang Hòa* (Duncan), *Duy Mộng* (Drummond). Nếu từ Đà Nẵng đi ra theo hướng chính Đông chúng ta gặp nhóm này trước, và các hải đồ quốc tế gọi đây là " CRESCENT GROUP ", vì các ám tiêu san hô đã kết hợp với nhau như 1 hình bán nguyệt (bản đồ 3). Trong nhóm này đảo Hoàng Sa rộng nhất, dài hơn 900m và rộng gần 700m. Nằm trên tọa độ 111° 36, 16° 33. Đảo hình bầu dục, phía bắc có hải đăng và nơi trước kia là căn cứ quân sự. Gần đó trước có đài khí tượng. Diện tích chung toàn đảo bao gồm cả san hô bao bọc chung quanh là 3,5km^2 . Diện tích nhô lên khỏi mặt nước là 1,5km^2 . Trên đảo có bia chủ quyền ghi như sau: "République Francaise-Empire d'Annam-Archipel des Paracels ". Về phía Đông Bắc, có vài ngôi mộ binh sĩ thời nhà Nguyễn đã hy sinh.

Phía đông có một am thờ gọi là Đền Bà, có một pho tượng Quan-Âm đặt trên bộ đá chạm trổ tinh vi, có lẽ do các ngư phủ Việt Nam dựng lên. Khoảng năm 1938, đài khí tượng chính thức hoạt động, quan trắc thời tiết và phổ biến tin tức cho sở khí tượng khắp Đông Nam Á và được biết đến dưới danh xưng " Station d'obsevartion 838 " (3). Trong đệ nhị thế chiến, người Pháp rồi Nhật xây dựng những cơ sở phòng thủ ở đây, nên đến năm 1945 hải đảo bị phi cơ đồng minh oanh tạc. Ngày 9-3-45, Nhật cũng đảo chánh ở đây, tước khí giới trung đội lê dương, các công chức khí tượng gỡ trần nhà lấy gỗ làm bè thả trôi về tận bờ bể Qui Nhơn.(3)

1

---

(1) Đảo Hữu Nhật: Danh xưng hòn đảo có tên quốc tế là Robert, một số tài liệu có tên quốc tế là Cam Tuyền. Theo lời một số dân địa phương vùng Quãng Ngãi thì họ vẫn gọi là Hữu Nhật. Tra cứu sử sách, ta thấy có lẽ do tên phạm Hữu Nhật mà người Việt Nam đã đặt tên đảo để kỉ niệm viên suất đội thủy quân vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836) đã được triều đình Việt Nam sai đem binh thuyền đi ra Hoàng Sa trông nom việc đo đạc vẽ thành bản đồ vùng đảo này. Cf. *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, đệ II kỷ, quyển 165.

(2) Đảo Quang Ảnh: Danh xưng hòn đảo có tên quốc tế là Money trên các bản đồ Âu Mỹ. Người Tàu gọi là Vĩnh Lạc. Có lẽ cũng do tên Phạm Quang Ảnh mà người Việt Nam đã đặt tên đảo để kỉ niệm người chỉ huy đội Hoàng Sa được vua Gia Long cử đi thăm dò đường biển tới Hoàng Sa vào năm 1815. Cf. *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, đệ I kỷ, quyển 60.

(3) Theo ông Trần Văn Mạnh, trưởng ty khí tượng Tuy Hòa trong bức thư ông gửi cho tổng thống VNCH, để cung cấp tài liệu về chủ quyền của 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa

.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

QUẦN ĐẢO HOÀNG SA
(vị trí những hòn đảo chính)

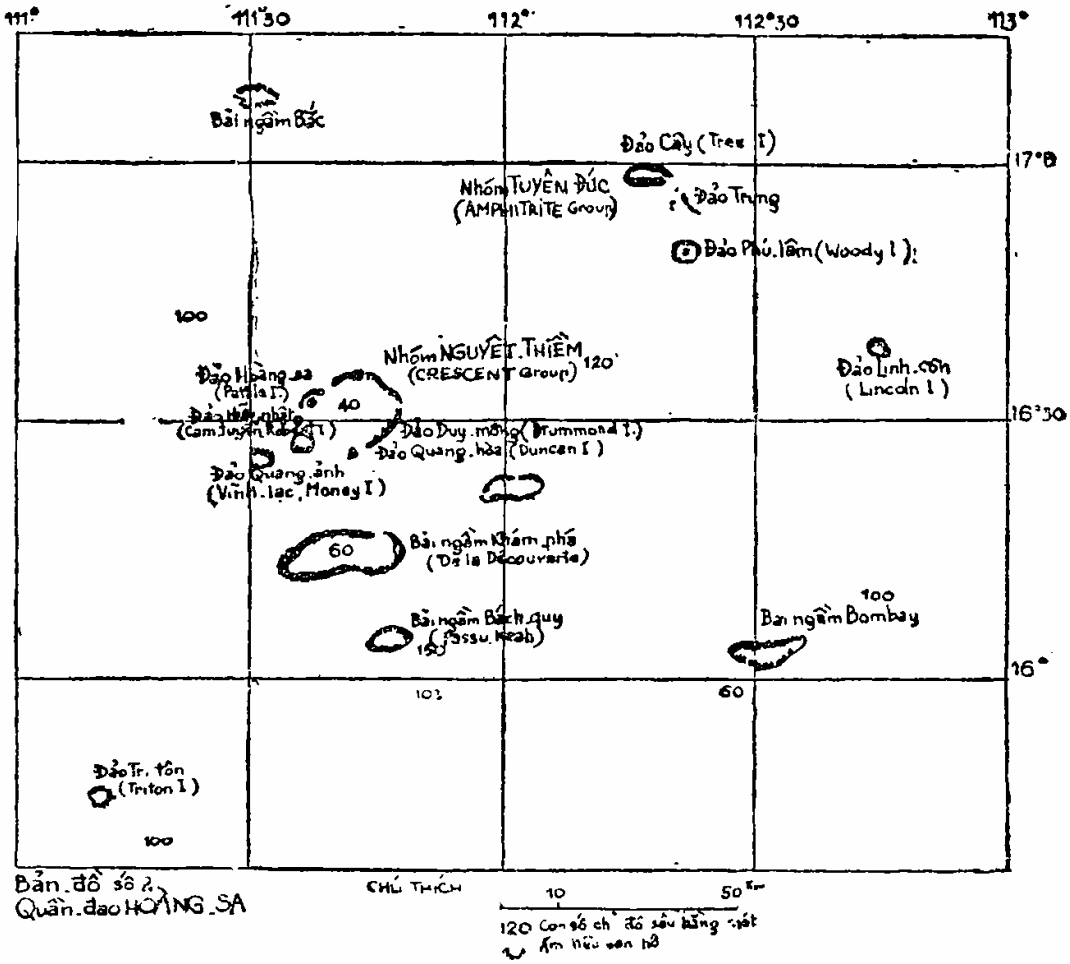

Ghi chú
I: Island
Trong ngoặc ( ) :
Danh xưng quen thuộc
trong các bản đồ quốc tế
hiện được cả người Trung Hoa và
Việt Nam dùng

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Trên đảo, ngoài các căn cứ quân sự, chứng tích một thời ngoại thuộc, chúng ta còn thấy một vài giếng, một sân động nhỏ và 10 cây phi lao.

Đảo HỮU NHẬT (Robert) : Phía nam Hoàng Sa độ 3 hải lý, hình bầu tròn, kính đo được lối 800 mét, có vòng đai san hô bao bên xa, giữa là vùng bể lặng. Nằm ở tọa độ 111° 35, 16° 33'40. Diện tích độ 1,5 km^2 , chung quanh đảo cây cối um tùm, chính giữa là một lòng chảo không sâu lắm. Lớp thảo mộc bên dưới là tranh. Trên đảo ít cây cối, nhưng biển quanh đảo có rất nhiều rong biển, phủ kín cả mặt biển. Nơi đảo này, vì không người ở nên con vít thường lên nằm bờ và đẻ trứng từ tháng 3 đến tháng 8 Â.L. (1)

Đảo QUANG ẢNH (Money): nằm trên tọa độ 111° ,30' 16° 27' đảo Quang Ảnh do san hô tạo thành, nhô lên mặt nước độ 6m. Chung quanh đảo bờ biển có rất nhiều đá ngầm sắc nhọn rất nguy hiểm, tàu lớn không thể cặp neo được, trên đảo có nhiều bụi rậm. Các tàu lớn phải neo ở ngoài khơi muốn vào đảo phải sử dụng thuyền nhỏ. Đảo này cao nhất trong nhóm Creacent.Vì địa thế hiểm trở và trên đảo không có nước ngọt, nên ít vết chân người lui tới.

Đảo QUANG HÒA (Duncan): Nằm trên tọa độ 111° ,42' 16° ,26', cũng do san hô tạo thành.Trên đảo có nhiều bụi rậm, ít cây cối, chung quanh có bãi cát và san hô chừng dưới mặt nước san hô ra rất xa đảo. Đảo Quang Hòa gồm một đảo lớn và một đảo nhỏ nối liền bằng một dải cát.

Đảo DUY MỘNG (Drummond) : Nằm trên tọa độ 111° 44' 16° 28' cũng do san hô cấu tạo, bãi san hô ra xa đảo. Đảo nhô lên khỏi mặt nước khoảng 4m. Trên đảo có nhiều loại cây nhỏ, không có cây lớn. Giữa đảo là vùng đất lớn có thể định cư được. Đảo có một con lạch nhỏ ghe có thể vào sát bờ. Tàu có thể neo cách đảo 200m.

1.3 Nhóm LINH CÔN, nằm về phía cực đông của quần đảo. Đây cũng là lãnh thổ cực đông của nước Việt Nam, vì đảo này nằm ở kinh độ 112° 45. Các đảo thuộc nhóm này không mấy quan trọng, chỉ là những mỏm san hô nhấp nhô trên mặt bể xanh, thường

2

(1) Các đảo Quang Ảnh (Money), Quang Hòa, Duy Mộng đã đi vào lịch sử khi các toán biệt hải của ta đuổi quân Trung Cộng (17-01-74), nhưng trong các ngày sau Hải Lục Không Quân Trung Cộng uy hiếp nặng và chiếm cứ cả quần đảo. Trên đảo hữu Nhật chúng ta có một bia chủ quyền ghi ngày 5-12-63 của TQLC, và một miếu nhỏ có ghi ngày 24-11-63

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

THỬ KHẢO SÁT... 189

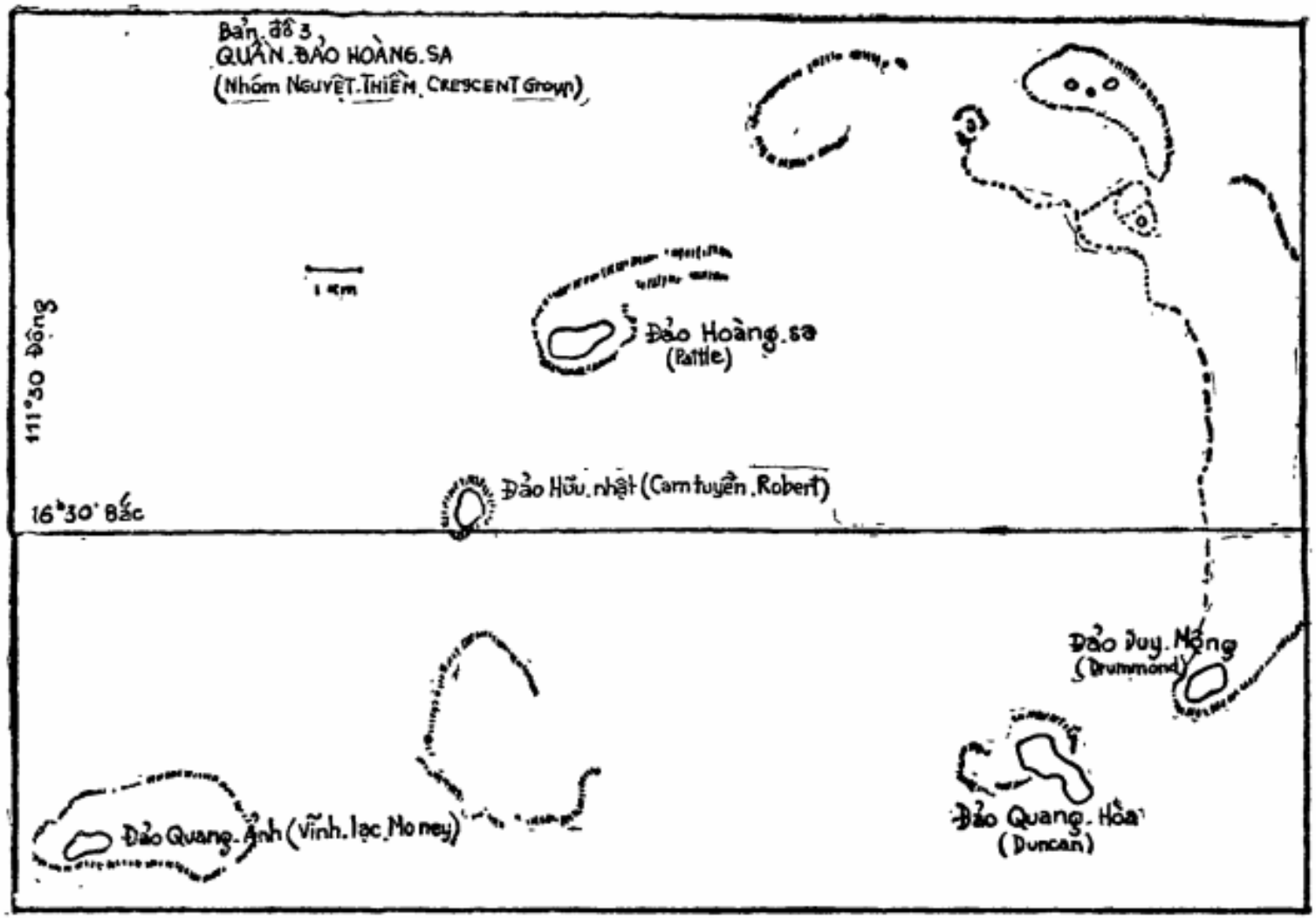

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

hay bị sóng đùa, triều đập. Hải đồ quốc tế gọi nhóm này là "LINCOLN GROUP", tên một chiếc tàu bị cạn ở đây vào đầu thế kỉ XX. Lớn nhất là đảo Linh Côn, diện tích 1,5km^2

1.4 *Đảo TRI TỒN* : Đây là một hòn đảo đơn độc ở về phía cực nam của quần đảo. Đảo này ít người đến nhưng có rất nhiều hải sâm, san hô đủ màu, thứ già thì cứng rắn, cắt tay chân, nhưng thứ non thì mềm mại.

Tất cả những đảo trên đều quá nhỏ, không nơi nào đủ rộng để xây phi đạo được. Trước kia người Pháp có một căn cứ thủy phi cơ nhưng chỉ đáp và ẩn bên trong ám tiêu, trên những diện tích " bể lặng " (lagoon).

Ngoài những đảo trên còn vô số những mỏm san hô nhấp nhô trên mặt nước, nhiều mỏm, khi nước xuống, chỉ có một diện tích đủ cho hai người đứng mà thôi ! Và lại chìm dưới nước khi triều lên.

II.—*ĐỊA CHẤT VÀ THỔ NHƯỠNG* :

Kết quả của những công cuộc điều tra khá sâu rộng, thực hiện bởi những ám tiêu san hô, tiêu biểu cho kiến trúc ám tiêu loại Thái Bình Dương.

2.1. *Thành phần chính:* gồm có :

- Một mỏm san hô, cao hay thấp, đó là thân của đảo
- Vòng đai san hô, liên tục hoặc không, bao vây đảo. Nhiều đảo có vòng đai dính xác vào đảo, nhiều nơi vòng đai bao vây ngoài xa, ngăn cách bởi một đầm nước lặng (Lagoon).
- Đầm nước lặng, môi trường của bể màu xanh lục, đáy vô số san hô ngũ sắc, với cá lượn qua rừng rong xanh. Trái với bể bên ngoài luôn luôn có sóng, trong đầm là thế giới của yên lặng, của sóng gợn lăn tăn. Đây là mặt gương phản chiếu những dừa, dương, bàn nghiêng mình trên mé nước. Đầm nước liên lạc với bên ngoài nhờ một hệ thống đường gãy đổ trong kiến trúc san hô ám tiêu. Sau đây là một vài loại đảo san hô trong quần đảo hoàng sa.

Một đảo san hô với ám tiêu hàng rào. Bản vẽ này cho chúng ta thấy rõ 3 thành phần chính :

Bản đồ 4:

Đảo nỗi lên ở giữa
Ám tiêu hàng rào bao bên ngoài
Đầm nước lặng bên trong

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

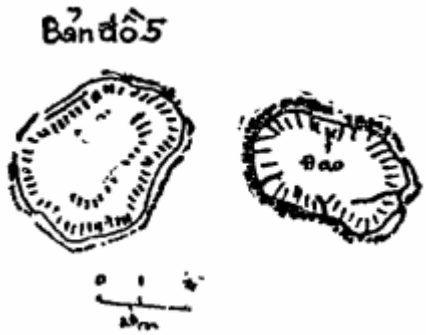

Một đảo san hô với ám tiêu ven bờ. Ở đây, ám tiêu bám sát vào đảo và không có đầm nước lặn.

2.2 Điều kiện thành lập các ám tiêu san hô

Chúng ta đều biết san hô là một sinh vật nhỏ, thuộc dòng COE-LENTÉRÉS, (1) sống tập đoàn trong các vùng bể nhiệt đới. San hô có một cốt bộ chứa nhiều chất vôi và chính cốt bộ này dính cứng với nhau, trở thành những đảo san hô, những ám tiêu, những hàng rào san hô… Sau đây chúng ta nghiên cứu sự phát triển của các ám tiêu.

Một cúc biển (anémone) đẻ ra một cái trứng thực nhỏ, và trứng này từ từ rơi xuống đáy. Khi đến đáy trứng sẽ dính cứng và phát sinh ra một cúc biển con rồi con này phát triển ra nhanh chóng bằng cách tế phân, cuối cùng cho ra đời một tập đoàn dính liền với nhau. Một ám tiêu lớn dần và nổi lên. Nhưng không phải trứng nào cũng nở được vì muốn phát triển phải có một số điều kiện.

a) San hô cần ánh sáng. Trong lớp bọc có những rong xanh và rong xanh chỉ sống được khi hấp thụ ánh sáng mặt trời. Mà san hô chỉ sống khi lớp rong xanh đó sống. Do đó ở ngoài khơi nơi mà nước bể thật trong, san hô có thể phát triển ở những vùng sâu độ tối đa 120m. Những nơi nước bể kém trong, san hô chỉ phát triển ở nững nơi nào mà ánh sáng mặt trời xuống được.

b) Nhu cầu thứ hai là độ ấm của nước. San hô chỉ phát triển trong những vùng bể có nhiệt độ từ 20° trở lên mà thôi. Bể Việt Nam từ 25° đến 28° là tối hảo.

c) San hô chỉ phát triển trên lớp đáy bằng vật liệu cứng. Nơi có bùn như các cửa sông thì không sống được.

d) Nước biển phải có độ mặn trung bình, không quá 350%, đồng thời phải có đầy đủ oxy cho san hô.

Trong trường hợp hội tụ đủ bốn điều kiện trên thì tộc đoàn san hô phát triển nhanh chóng theo 3 chiều của không

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

gian: bề ngang, bề rộng và bề cao. Có thể trở thành một bãi san hô gần bờ, đứt quãng ở vùng cửa sông. Có thể trở thành một ám tiêu hàng rào, nằm thành băng dài hay vòng tròn bao lấy một vùng bể nước lặn bên trong. Băng này có thể liên tục, nhung thường thì hay đứt khoảng mà nhờ đó thuyền có thể vào bên trong đầm. Tập đoàn san hô còn có thể phát triển trở thành một đảo hình vành khăn, không cao cho mấy, vì sự phát triển theo chiều cao bị giới hạn.

Bản đồ 6

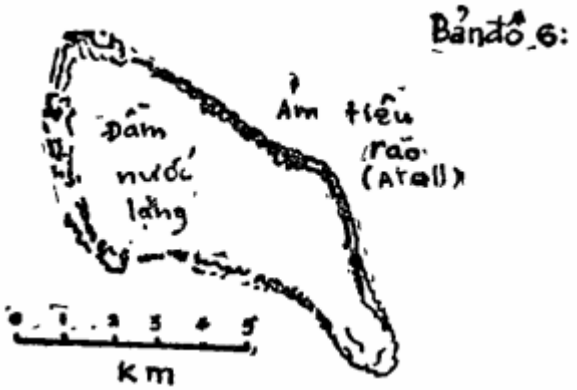

Băng ám tiêu rào bao lấy một vùng nước. Không có đảo san hô bên trong. Bề rộng của băng ám tiêu có thể đến 200m và thảo mộc hoặc cư dân có thể tìm nơi phát triển trên dãy hẹp này.

Cái giới hạn của sự phát triên theo chiều cao là mặt nước bể. Vì thế ra khỏi nước san hô chết. Trong trường hợp nước triều thấp, san hô bị lộ thiên một thời gian ngắn trong ngày thì thể nào cao hơn mực nước cao nhất của bể thời trước

Trên đây chỉ là những nhận xét, còn giải thích về sự thành lập các đảo san hô là một vấn đề khác.

2.4 Gỉa thuyết về sự hình thành đảo san hô:

Cho đến nay mặc dù khoa địa lý học và động vật học tiến bộ khả quan, nhưng để giải thích hiện tượng hình thành đảo san hô, các lý thuyết gia vẫn chưa đồng ý với nhau. Do đó trong phần trình bày này chúng tôi lần lượt nêu lên các giả thuyết.

2.4.1 Thuyết của QUOY và GAIMARD:

Theo máy này thì ám tiêu san hô chỉ thành lập trên miệng của một hỏa sơn ngầm. Như vậy,bên dưới của mỗi ám tiêu là có một hỏa sơn. Chúng ta cũng thấy sự vô lý của thuyết này ,vì như vậy sẽ có quá nhiều hỏa sơn ngầm và nhất là các hỏa sơn ấy phải ở sâu độ vừa phải để san hô có thể phát triển được. Hơn nữa, các cuộc quan trắc mới đây của Hải Quân Hoa Kì cho thấy rằng không phải nơi nào có san hô ám tiêu đều phải có hỏa sơn.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

2.4.2 Thuyết "lún đáy" của DARWIN

Theo thuyết này thì chung quanh một hòn đảo vùng này có phát triển một hệ thống san hô viền. Sức nặng của san hô và sự lún quá đáy sẽ làm cho đảo từ từ chìm xuống,còn san hô thì vẫn tiếp tục phát triển thêm. Cuối cùng chúng ta có một ám tiêu viền ngoài, một đảo bên trong và một đầm nước bao quanh đảo. Trên thực tế chúng ta đã thấy ở nhiều ám tiêu có một hiện tượng nâng cao còn để những dấu vết lại. Do đó thuyết thuyết này không giải thích hết được. Hình số 7 cho thấy sự hình thành của ám tiêu theo Darwin:

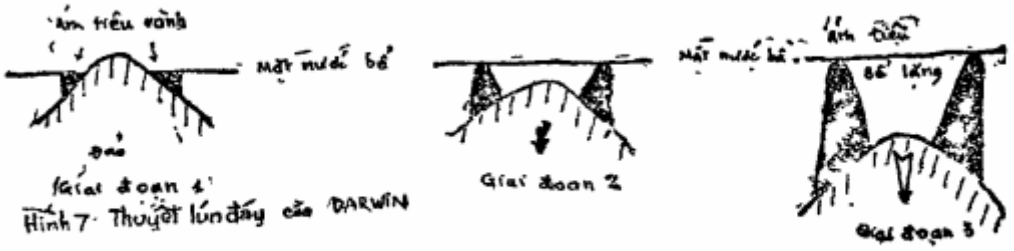

Hình 7: Thuyết lún đáy của DARWIN

2.4.3 Thuyết của MURRAY hay thuyết tác động hóa học:

Trong nước bể có nhiều phần tử treo trong nước. Các thành phần này khó mà rơi xuống tới tận đáy, vì đến một độ sâu nào đó sẽ bị khí CO_2 phá hủy.như vậy những đỉnh "nuí ngầm" không sâu sẽ tiếp nhận nhiều vật liệu vôi tích tụ nơi ấy khiến cho cao dần lên.khi vượt đến tầng nước có ánh sáng mặt trời sẽ trở thành môi trường sinh sản cho san hô.

Còn về sự tạo lập của các đầm thì Murray chính giữa diện tích san hô luôn luôn chất CO_2 tích tụ nhiều ,và xâm thực hóa học làm cho vùng đó bị lõm xuống.

Trên thực tế, chúng ta thấy những "bề lặng"có khuynh hướng được lấp lại, thay vì đào sâu như Murray đã nói, vì nước trong đó nhiều OXY nhờ tác dụng của rong ẩn trong san hô.

Hình sau đây sẽ trình bày rõ ràng thuyết của Murray.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

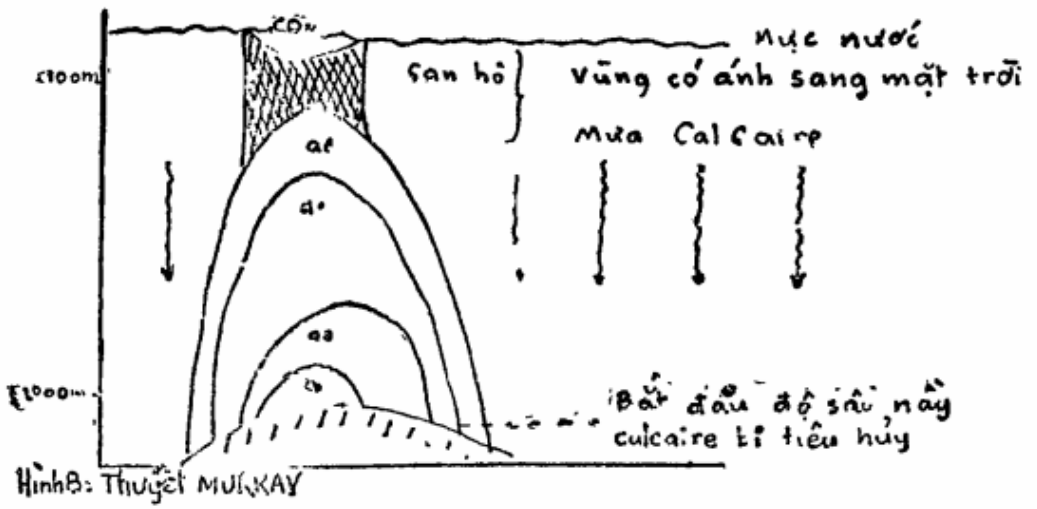

Hình8: Thuyết MURRAY

2.4.4 Thuyết của KREMPF:

Yếu tố quan trọng trong thuyết này là gió mùa, Krempf giải thích rằng: Lớp da của san hô dễ dính và khuynh hướng kết tụ những vật liệu lững lờ ở trong nước. Những vật liệu này rơi trên mặt trên của san hô, tập trung ở đó và giết chết lõm san hô bên dưới, khiến cho vùng chết này không phát triển thêm đươc.nhưng các vùng chung quanh vẫn phát triển đều và tiếp tục phát triển theo chiều đứng,một ám tiêu được hình thành do sự phát triển dị biệt theo chiều cao.

Ông còn nói thêm rằng, khi san hô nổi lên thì bị sóng và gió xâm thực, những vật liệu bị cuốn rơi và bên trong để lớp san hô bên trong và giết chết đi. Tới mùa gió nghịch lại thì vùng bên kia lại bị xâm thực và vật liệu cũng rơi vào trong, theo hình sau đây:

Hình 9: Thuyết gió mùa của KREMPF

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Tất cả trên đây đều là những thuyết học, và mới giải thích chỉ ứng dụng một phần nào. Như vậy sự hình thành ám tiêu san hô chưa tìm thấy một giải thích trọn vẹn và vẫn là một bí mật mà khoa học đang tìm hiểu rõ hơn

Nhưng cái quan trọng thực tiễn là những gì xảy ra sau khi đảo san hô hình thành? Sự biến thể của đất đai ra sao? Đó là những gì mà chúng ta đều nghiên cứu trong mục thổ-nhưỡng học.

2.5 Thổ Nhưỡng:

Sự biến thể của của đá vôi san hô là điều quan trọng mà chúng ta cần để ý đến.San hô sau khi chết trở thành chất carbonate canxi($CaCO_3$).trước tác dụng của các yếu tố xâm thực từ bên ngoài, Carbonate canxi biến dạng. Nhất là từ sự tác dụng đặc biệt của phân chim.những loài chim bể (Hải âu,v..v..)có thức ăn hằng ngày gồm hải sản nên phân có nhiều chất acide phosphorique.

Chất này tác dụng lên vôi biến thành phosphate song hành với sự bay ra của CO_2 .Trên môi trườn phosphate giàu này .thảo mộc có cơ hội phát triển. Theo những bản phúc trình về tài nguyên này thì có khối dự trữ phosphate ở Hoàng Sa lên hơn 4 triệu tấn, nghĩa là nhu cầu của VNCH trong vòng 25 năm.

Tóm lại chất phosphate phủ trùm phần lớn diện tích của quần đảo Hoàng Sa,nhưng không phải vì vậy mà vắng bóng các loại thổ nhưỡng khác, ví dụ như cát.Cát được gió mùa mang lên từ khoảng lộ triều và tụ thành những đụn nho nhỏ ở vài nơi ngay hướng gió.Cát ở đây không thuần tính như những diện tích bạch sa ở Thừa Thiên,trái lại đây là một loài "Resgosol phosphate" cho nên cây rừng vẫn có thể mọc ra đến mé nước nếu con người không đốn. (Các gốc còn lại cho ta thấy rõ điều này). Rồi nhờ chất mùn do sự mục nát của rễ cây, lá cây thì cát vàng trở màu hơi sậm. Nhờ vùng Régesol thuần hóa này mà giai tầng thảo mộc thấp ngày càng sum suê hơn.

III.-KHÍ HẬU VÙNG HOÀNG SA:

3.1 Yếu tố: Từ năm 1938, một đài khí tượng vô tuyến điện báo hoạt động ở đây, cung cấp tin tức về gió, bão cho các quốc gia vùng Đông Nam Á. Đài này được biết dưới chỉ danh "Station d'Obervation 836". Nhờ đó mà chúng ta có vài tài liệu liên quan đến khí hậu ở đây.

Đầu tiên là nhiệt độ, rồi đến vũ lượng và hướng gió chính. Lẽ dĩ nhiên chúng ta cũng không được quên vấn đề bão ở đây.

Về nhiệt độ, vì ở giữa đại dương nên mùa đông không lạnh bằng Đà Nẵng. Tháng giêng ở Đà Nẵng trung bình 21° ,thì ở đây là 23°.Tháng nóng nhất (tháng 7) ở Đà nẵng độ 29° thì ở đây nhờ gió nên mát hơn đôi chút. Chúng ta thấy quần đảo Hoàng Sa không có mùa lạnh, khí hậu dịu mát nhờ ảnh hưởng của đại dương.

Về vũ lượng thì tổng số mưa trong năm lối 1170mm. Đây là con số trung bình vũ lượng của những năm quan trắc 1939-1943, 1948-1962. Mưa ở đây ít hơn ở Huế (3000mm) rải đều từ tháng 6 cho đến tháng 2. Trung bình trong năm có 112 ngày mưa. Ẩm độ cao nhất vào những tháng 6-7-8-9-10-11. Sau đây là những sự kiện khí hậu ở Hoàng Sa:

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Tháng	Giêng	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	M.Một	M.Hai
TB nhiệt	23.5	24	26.2	27.7	29.2	29.1	28.9	28.7	28.1	27.1	25.8	21.4
TB ẩm độ	82.1	83.7	83.8	83.5	83.9	84.8	84.2	83.7	84.4	83.8	83.7	81.5
TB vũ lượng	21	17	21	60	73	128	93	141	197	228	143	47
Số ngày mưa	8	5	3	5	8	8	7	9	15	17	14	13

(Trích khí hậu VN-nhà Giám đốc Khí Tượng 1964).Sau đây là lược đồ khí hậu Hoàng Sa:

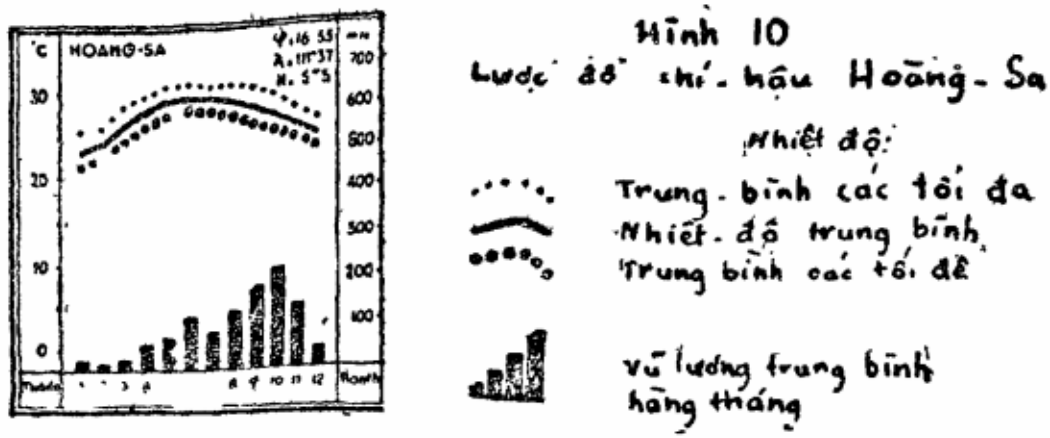

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Hàng năm vào mùa hè, chúng ta thường hay nghe đài phát thanh báo động bão tập trung ở Hoàng Sa hay ngoài khơi Phi-Luật-Tân gần Hoàng Sa. Chúng ta cũng nên biết về hiện tượng này.

Bão nhiệt đới thường tập trung trong vùng biển cả, giữa 2 chí tuyến Bắc và Nam. Tuy nhiên không bao giờ tập trung ở ngay xích đạo, nhưng xa xích đạo ít ra 4 đến 5°. Như vậy Trường Sa và Hoàng Sa của VN là nơi tập trung lý tưởng. Bão là một vùng gió cuốn,tốc độ tăng dần từ ngoài vào trung tâm,và khí áp lại giảm từ trung tâm này di chuyển trên một quĩ đạo hình parabole, thường thì đi từ vùng bể Hoàng Sa, hay Phi Luật Tâm vào bờ bể Trung Việt, theo hướng Tây hoặc Tây Bắc. Trong những bão lớn, vùng gió cuốn thường lên cao từ mặt đất đến 6000m. Trong khối không khí hình trụ đó đối lưu rất mạnh, do đó có mưa to. Tuy nhiên ở ngay trung tâm bão (mắt của bão) thì chỉ lặng gió và quang đãng. Trong vùng này (thường có đường kính lối 10 km) thì có luồng không khí từ cao xuống thấp nên nhiệt độ tăng.

Một tác dụng của bão trên Đông Hải là gây nên một làn sóng cao và dài di chuyển nhanh và xuất hiện trước trung tâm bão. Các ngư phủ bờ bể Trung Việt có thể nhờ thấy làn sóng này mà biết trước bão sẽ đến. Làn sóng này có thể gây ra một " hải trào bạo phong ", dâng mực nước lên cao đánh ập vào bờ. Nguyên nhân làm phát sinh làn sóng này là vì khí áp thấp , gió hội tụ mạnh nên mực nước vàng " mắt của bão " lên cao, rồi ba động tiến trước mắt của bão.

Khi bão phát xuất từ đảo Lữ Tống đi ngang Hoàng Sa thì binh sĩ lúc trước đóng lên đảo thấy các triệu chứng sau đây: trời oi, khí áp xuống nhanh.Trên bầu trời xuất hiện mây cao bay nhanh như bó lông (cirrus punaches). Vài giờ sau bầu trời bị che phủ bởi một lớp mây rất mỏng (cirro stratus), mặt trời chung quanh có quầng,rồi dần dần bầu trời trắng nhạt. Sau đó đến lượt những mây thấp có hình vẩy cá (cirro cumulus). Rồi đến một lớp mây đen, dày cao khoảng 3000m (altostratus), tất cả trở nên đen, u ám, mưa bắt đầu rơi, gió thổi, khí áp xuống nhanh.Trần mây thấp dần xuống (100m hay 50m),mây bay nhanh, gió thổi mạnh từng cơn, bão đã tới…

Khi sấm sét đã xuất hiện thì coi như cơn bão đã qua.Mùa gió bão ở Hoàng Sa thường xảy ra từ tháng 6 đến tháng 8.Cường độ có thể lối 50 phút đến 90 phút.Nhưng các tháng từ 9 đến tháng 1 năm sau vẫn có thể xảy ra bão như thường.Còn mùa khô tương đối kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

3.2 Thảo Mộc

Sau khi nói qua về mối trường khí hậu, chúng ta cũng nên biết đến sinh cảnh thực vật ở đây.

Điều chúng ta cần nói trước, là sinh cảnh bây giờ không phải là hình thái lúc đầu của lớp áo cây rừng nguyên thủy. Vì trong khi quan sát nơi đây chúng tôi đã từng thấy những vùng rừng lâm mật rất sít nhung đã bị loài người phá hủy chỉ còn lại những gốc cây. Con người đã sử dụng một cách bừa bãi cây rừng như nhiên liệu hàng ngày nên dần dần cây cối không còn mấy. Những cây còn lại cũng có thể cho chúng ta kết luận rằng các họ cây giống như những vùng duyên hải lân cận. nghĩa là hoàn toàn thuộc sinh môi Đông Hải. Một số ít dã được người xưa trồng, một số lớn là những hạt trôi theo dòng nước và cuối cùng bắt rễ ở đây.

Thường thấy nhất là cây dừa và phi lao. Dừa hợp với môi trường lộng gió này nên thân cây phát triển tối đa, ngả mình ra mé nước như nô đùa với sóng bạc.

Kế đó là Bàng bể (Sea Almond), tên la tinh là terminalia catappa, cây to thường cỡ 5-7m, có vài cây cao 10m. Nhánh mọc ngang thành tầng, thân cây u nần, lá to trở đỏ khi khô. Qủa nhân cứng, chín màu vàng, nạt chua, hột có dầu, nướng chín đập ra ăn rất béo. Mỗi gốc cây bàng là cả một bài thơ, gốc u nần tựa như những mấu chốt của lịch sử. Buổi chiều khi gió thổi , lá to và đỏ tách rời khỏi cành rơi rải trên cát, từ thế hệ này sang thế hệ nọ phủ lấp hết chân cây. Buổi sáng mùi lá mục bên dưới bay lên ngây ngất. To như cây bàng thì có mù u, tên la tinh là Calophyllum Inophyllum L. Đại mộc to lối 5-7m, lá xanh đậm, dài lối 2 tấc có nhiều gân phụ sít nhau màu nhạt hơn màu lá. Hoa trắng có 4 cánh có nhiều tiểu nhụy vàng rất quyến rủ các loài bướm đốm. Ở môi trường hoang đảo, hoa mù u nở nhắc ta nhớ đến hoa mai vùng đất liền. Trái mù u cứng, tròn, thịt bên ngoài màu vàng, khi khô nhăn lại màu xám xịt. Người ta có thể lấy hạt ép dầu thắp đèn. Vỏ cây tiết ra mủ vàng, nghe nói có thể trị bệnh ghẻ. Thường thấy nữa là cây còng, cao lối 4-5m, tàn lá rất đặt biệt, lá nhỏ không mấy rậm rạp. Thân cây nứt nẻ như những đường gân. Ngoài ra còn có c6y nhào và sồi sim, tên la tinh là Quercus Myrsinifolia Blum. Cây này chỉ xuất hiện ở vài đảo. Đây là một đại mộc to, cao 13-15m, nhánh non không lồng, lá thon màu mốc ở bên dưới và xám lại lúc khô.

Dưới thấp có nhũng hội đoàn thảo mộc thích ứng với môi trường cát hay cát pha phosphate như:

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

▪ Họ bìm bìm (convolulaceae): gồm ipomea bilola (l.) và ipomea littoralis (l).

▪ Họ hòa bản: như cỏ chông (spinifex littereus), cỏ còng còng (zoysia matrella), cỏ xạ tử (sporobolus virginicus).

▪ Và nhiều nhất là cỏ cú mà dân đánh cá ghé đây thường đào củ nhỏ về làm thuốc bắc.

Trên những nơi có cát nhiều hay thấy một vài cây phi lao, nhung không mấy phát triển bằng phi lao duyên hải trung việt. Từng dưới lại có dứa gai (họ pandanaceac).

Trên đây là vài nét diễn tả một cách trung thực các hội đoàn thảo mộc hiện giờ còn thấy ở quần đảo hoàng sa. Điều cần nhấn mạnh là các hội đoàn thảo mộc không phải là cánh rừng nguyên thủy ở đây. Những gốc cây to đang mục rữa cho ta một phần nào ý niệm về sự tàn phá của con người. Ví dụ như trên đảo cam tuyền, chính công nhân làm việc chpo công ty khai thác phốt-phát của nhật đã phải trách nhiệm trong việc biến đảo xanh tươi mát mẻ này trở thành vùng khô cháy vì thiếu bóng cây như hiện nay.

Loài thảo mộc được ngư dân ưa thich nhất là nam-sâm (1) rất quí vì có dược liêu. Ngoài ra đất đai ở đây con2 thich hợp với một ài loại cây ăn trái như mãng cầu hay nhãn. Một vài loại hoa màu phụ hay rau cải có thể thành công được nếu được trồng vaò đầu mùa mưa và lấy phân xanh của các đâm2 đắp lên gốc. Nếu định cư có tổ chưc nên gầy rừng dương liễu cản gió và cung cấp củi khô 9Casuarina equise tyfolia).

3.3 Sinh Vật:

Chung quanh các đảo có vô số cá. Nhưng vấn đề khó khăn là đáy biển đầy san hô nên lưới giả cào đều rách. Vấn đề thật nan giải. Động vật nhiều nhất ở đây là chim bể, nhất là hàng trăm ngàn chim hải âu. Chim về đây đẻ trứng to như trứng vít, vỏ mỏng, màu ngà có điểm đen, tuy nhiên có mùi tanh.

Động vật thường thấy nữa là con vít, giống như con rùa, ban đêm bò lên đụn cát đẻ trứng. Những sinh vật này là nguồn cung cấp thực phẩm tươi cho cư dân, nếu có. Hồi thời pháp thuộc, hàng năm người hải nam đến đây xin bắt vít rồi đem về xứ bán vít còn sống.

\

(1) nam sâm tên la tinh "BOERHAAVIA REPEUS" là một loài cỏ phần dưới trườn trên đất, ngọn cất đầu lên. Lá có mấy miến xoan tròn dài. Chùm mang tụ tán 3 hoa.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

IV-TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ KHẢ NĂNG NHÂN SINH HÓA MÔT TRƯỜNG QUANH ĐẢO

Như đã trình bày ở trên nguồn lợi to nhất ở đây là phân chim. Theo tài liệu của nha khoáng chất (bộ kinh tế) thì số dự trữ phosphate như sau:

- Trên đảo hoàng sa, có từ 560.000-1.000.000 tấn.
- Trên đảo hữu nhật có lối 1.400.000 tấn
- Trên đảo quang ảnh, có từ 700 đến 1.200.000 tấn
- Trên đảo duy mộng có từ 600.000 đến 1.000.000 tấn

Nghĩa là dư dùng cho nhu cầu VNCH trong vòng 25 năm. Trước thế chiến có nhiều công ty nhật khai thác tài nguyên này

Nam sâm, lá phủ mặt đất, củ ở bên dưới, tuy không tốt cho bằng âm cao ly, nhưng vẫn có thể sử dụng được. Rất tiếc là hcu7a có ai đầu tư cung cấp dược liệu này

Chung quanh đảo còn có nhiều loại rong bể. Một vài loại có thể sử dụng như phân xanh bón cây, một số khác có thể khai thác như rau câu, một dược liệu mà cũng là món ăn dân tộc hàng ngày của một số dân tộc đông nam á. Nguồn lợi này có thể đưa đến hình thức xuất cảng được. Có hải tảo mệnh danh là "EUCHEHA" dùng làm nguyên liệu cho kĩ nghệ sản xuất mỹ phẩm (kem thoa mặt).

Vấn đề quan trọng được nêu ra là nhóm quần đảo này có khả năng tiếp nhận dân cư hay không ? Đó là vấn đề mà chúng tôi đã từng nghiên cứu.

Trong tập điều nghiên cho CICV chúng tôi đã khẳng định rằng, yếu tố giới hạn sự định cư ở đây là sự thiếu nước và mễ cốc. Thực ra tuy 2 vần đề nhưng chỉ là một, vì thiếu nước cho canh tác, thiếu nước cho dân dùng trong mùa khô. Giai3 quyết vân đề nước là giải quyết vấ đề định cư giới hạn.

Thực ra nếu canh tác thành công trong màu mưa thì lại thiếu nướ tưới trong mùa khô. Nhưng ngày trong mùa mưa, các yếu tố bất thường cũng giới hạn thu hoạch, ví dụ như: bão, sóng thần, v.v…Hệ thống giếng ở đây còn thô sơ không đủ nước cho nhu cầu vào tháng thứ 3 của mùa khô. Thêm vào đó nước không ngọt hoàn toàn vào mùa khô, mà lờ lợ. Do đó trong bảng điều nghiên chúng tôi đã đề nghị xây một hệ thống trữ nước ngầm, tránh bốc hơi, đủ cho một nhu cầu tương đối đầy đủ.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Hệ thống bồn ngầm trữ nước mưa mà chúng tôi xin trình bày sau đây rết phức tạp ở vùng u minh, nơi mà nước mặn thâm nhập thường xuyên. Cư dân ở đây sử dụng các gò nỗi hay sân chim làm hồ trữ nước.

Đầu tiên chúng ta đào một số bồn trữ nước nơi thấp nhất của một địa diện nghiên. Đáy bồn gồm những bậc như bậc thang để dễ dàng cho sự lắng tụ chất cặn (xin xem hình). Phần chính yếu nhất là diện tích thu nước, chúng ta phải hy sinh một diện tich quan trọng đất cao, nên đầm cho nghiêng về phía bồn trữ rồi tráng xi măng nếu có thể. Diện tích càng lớn rộng, nước thu được càng nhiều. Để tránh trầm thổ và bốc hơi, đáy bồn cũng như bên trên đều lát xi măng hay đổ dalle.

Nước chảy đùa vào bồn theo độ nghiêng của các địa thế đã dọn và theo dường R. Mưa càng rơi, mục nước càng lên cao vượt qua con lươn để đổ vào hồ 2, nơi đó nước tương đương trong. Khi lấy nước người ta chỉ cần gỡ nắp dalle ở hồ này

Nếu tính trung bình, mỗi người ngày sử dụng 401 lít nước ngọt (ăn, uống, tắm, v.v…) và nếu định cư ở mỗi đảo độ 5 gia đình hay một trung đội 30 người, thì nhu cầu hàng ngày là 1,3m nước. Nếu tính thêm nhu cầu cho rau cải thì phải thêm 1,8m khối nữa. Như vậy hàng ngày sử dụng hết 3,1m khối. Sự nghiên cứu thủy học, khí hậu và địa thủy cho thấy trong năm chỉ có 2 tháng giêng thường bị cạn nước . Trong 2 tháng cuối mùa khô này thì giếng chỉ cung cấp độ 30lít nước/ ngày mà thôi. Như vậy trong 2 tháng cuối mùa khô chúng ta chỉ cần một khối lượng nước như sau :

1m3 x 3,1 x 30 x 2 = 186m^3

Như vậy ở mỗi đảo chỉ cần độ 5 bồn trữ nước cỡ 40m khối là đủ.

Tổng kết :

Chúng ta vừa nhìn khái quát về quần đảo hoàng sa, một vùng đất vẫn luôn luôn là của dân việt. Các hải đảo này diện tích nhỏ hẹp, không có nơi trú ẩn cho thuyền bè, đất đai khai thác khó khăn, vấn đề nước ngọt trở ngại vô cùng. Nhưng các khó khăn ấy có thể khắc phục bằng sức người, phá lạch, xây đê cho tàu lui tới dễ dàng, gia tăng mối liên lạc giữa hải đảo và đất liền, tích cực hơn nữa trong việc khai thác những phosphate, nhờ đó mà củng cố chủ quyền của chúng ta. Tuy rằng vấn đề ngày nay không còn thời gian tính nữa vì trung quốc đã chiếm cứ, nhưng chúng ta cũng cần xét rõ thực chất của vấn đề như thế nào ?

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Xin thưa ngay, cuộc cưỡng chiếm hoàng sa lồng trong khung cảnh của cuộc tranh chấp nga- hoa. Sách lược cổ truyền của trung quốc là xem đông hải như của mình. Sách lược nghìn đời của nga là tìm đường ra biển cả. Ngày nay nga còn đang đi về ấn độ dương, nơi nga có vài căn cứ tàu ngầm. Hạm đội đông phương căn cứ ở hải sâm uy muốn ra ấn độ dương phải mượn đường nước đông hải, và giữa đường thì gặp…hoàng sa. Thực ra ý kiến lập căn cứ tàu ngầm ở vùng này không có gì mới lạ, vì người nhật và người pháp đều có nghĩ đến lúc đệ II thế chiến. Hoàng sa không quan trọng với một quốc gia có hải quân mạnh, đang làm b1 chủ mặt bể nhu hoa kì chẳng hạn, nhưng cứ điểm này lại quan yếu với một lực lượng hải quân trung bình, muốn đem sách lược du kích chiến áp dụng trên mặt đại dương.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

HOÀNG SA DƯỚI MẮT NHÀ ĐỊA CHẤT H.FONTAINE

Lạp chúc NGUYỄN HUY

VÀI LỜI GIỚI THIỆU

Hiện nay, Linh mục H.Fonteine phục vụ tại Nha Tài Nguyên Thiên Nhiên (thuộc Bộ Kinh Tế) và là giáo sư giảng dạy ban tiến sĩ tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, linh mục đã viết 74 bài khảo cứu địa chất, khảo cổ, thảo mộc, v.v… về Việt Nam, từ năm 1953 đến nay, hàng tuần linh mục vẫn âm thầm đi khắp đó đây trên đất Việt để tiếp tục nghiên cứu. Một đôi khi chúng tôi cũng xin đi theo để học hỏi thâm ở ngài. Đến đây, chúng tôi xin dừng bút giới thiệu để khỏi làm thương tổn đến đức tính khiêm tốn của một vị tu hành học giả đang âm thầm nghiên cứu Việt Nam.

Linh mục H.Fontaine và một nhà khảo cứu Việt Nam Lê Văn Hội đã từng thăm viếng và khảo cứu quần đảo Hoàng Sa, nên chúng tôi xin ghi lại đây buổi phỏng vấn L.M.H.Fontaine của tập san sử địa về vài sự kiện liên quan đến Hoàng Sa.

Cuộc phỏng vấn nhà địa chất H.FONTAINE về Hoàng Sa (Paracels)

- Kính thưa cha, Sở Hầm Mỏ Đông Dương và Sở Địa Chất đã quan tâm đến quần đảo Hoàng Sa từ bao giờ?

- Chất phốt phát của Hoàng Sa được biết đến ít nhất từ 50 năm nay và dĩ nhiên Sở Hầm Mỏ có lưu ý đến. Tuy nhiên các hầm mỏ khác ở Bắc kỳ cũng quan trọng và đem lại nhiều lợi tức hơn, lại dễ dàng khai thác vì không có vấn đề biển cả và ám tiêu san hô khiến việc chuyên chở bằng tàu bè gặp khó khăn. Vấn đề khai thác phốt phát để dùng vào canh nông đã được bàn cãi, sau đó Sở Canh Nông và Công Ty Phốt Phát Bắc Kỳ đã thử sử dụng phân phốt phát. Chiến tranh xảy ra và mọi việc phải đình chỉ .

- Thưa cha, cơ quan nào đã nghiên cứu nhiều nhất về quần đảo Hoàng Sa trước năm 1950 ?

- Hải Học Viện Nha Trang với chiếc tàu " De Lanessan" thực hiện công tác quan trọng nhất bằng cách khuyến khích và phổ biến các nghiên cứu dưới nhiều khía cạnh liên quan đến hải dương, điều loại và cả địa chất. Ông R.Bourret, giáo sư trường Đại Học Khoa Học

http://hoangsa.org

Hà Nội, đã định loại các con rắn mối ở Hoàng Sa. Năm 1838, nha Khí Tượng cho đặt một đài quan sát ở đảo Pattle (hoàng Sa).

- Sau năm 1950, xin cha cho biết cơ quan nào đã lưu tâm nhiều nhất đến quần đảo Hoàng Sa ?

- Vào thời kì này, một ủy Ban Hải Dương Học và nghiên cứu Duyên Hải Đông Hải được thành lập gồm các sĩ quan hải quân và các vị đại diện thuộc Hải Học Viện và Sở Địa Chất. Năm 1953, hải quân có công tác khảo sát thủy tính vùng quần đảo Hoàng Sa. Đây là một công tác quan trọng, đòi hỏi 3 tuần lễ, từ ngày 6 đến ngày 22-7. Có 6 chiếc tàu tham dự vào công tác này và hải quân cũng có mời Hải Học Viện Và Sở Địa Chất tham dự. Tất cả có bốn người đi, hai người của sở địa chất (ông Saurin và tôi, linh mục Fontaine) và hai người của Hải Học Viện.

- Thưa cha, còn về các công trình đã thực hiện được ?

- Hồi đó tôi còn trẻ và tôi đi cùng ông Saurin để giúp đỡ ông theo khả năng của tôi. Chúng tôi đến viếng nhóm đảo Croissant (Nguyệt Thiềm) và Amphitrite (Tuyên Đức), lấy mẫu đá, một số mẫu cây hiếm và rất nhiều vỏ sò ố của biển và đất. Sau đó các mẫu trên được ông Saurin khảo sát và đăng tải trên " Việt Nam Địa Chất Khảo Lục " (Archives Geologiques du Viet Nam) và Niên San Đại Học Khoa Học Sài Gòn.

- Nhưng thưa cha, sau công tác quan trọng này còn công tác nào khác nũa không ?

- Năm 1956, Sở Hầm Mỏ Kĩ Nghệ và Tiểu Công Nghệ tổ chức một cuộc viếng thăm quần đảo Hoàng Sa trong 3 ngày, với sự hỗ trợ cuả hải quân với chiếc tàu LST. Người ta đến các đảo Pattle (Hoàng Sa), Money (Quang Ảnh hay Vĩnh Lac), Roberts (Hữu Nhật hay Cam Tuyền), và Drummont (Duy Mộng) nhưng không khám phá được điều gì mới mẻ về địa chất. Nhân dịp này tôi thu nhặt được nhiều mẫu cây; các mẫu cây này được ông Schmidt và Lê Văn Hối định loại và tôi đã phổ biến kết quả công cuộc nghiên cứu thảo mộc của quần đao Hoàng Sa trong Niên san Đại học khoa học Sài Gòn. Có chiếc tàu đâm phải ám tiêu phía bắc kêu cứu và vì vậy, chúng tôi phải viếng ám tiêu san hô này, rất gần mặt nước ngay khi thủy triều hạ.

- Đến đây chúng tôi xin thay mặt cho ban biên tập Tập San Sử Địa, chân thành cảm tạ cha.

http://hoangsa.org/tailieu

GIỚI THIỆU MỘT BÀI KHẢO CỨU HOÀNG SA CỦA LINH MỤC H.FONTAINE VÀ ÔNG LÊ VĂN HỘI

ĐÓNG GÓP THÊM VÀO SỰ TÌM HIỂU TỘC ĐOÀN THẢO MỘC TRÊN QUẦN ĐẢO HOÀNG SA (1)

"Quần đảo Hoàng Sa nằm trong Đông hải, cách phía đông Đà Nẵng 30 cây số, gồm 36 đảo lớn nhỏ.

Trong chuyến đi mới đây trên tàu loại LST "Golo" và với sự giúp đỡ tích cực của hạm trưởng Mescam, một người trong chúng tôi đã có thể thăm viếng 4 hòn đảo quan trọng nhất của quần đảo Pattle (Hoàng Sa), Money (Quang Ảnh hay Vĩnh Lạc), Roberts (Hữu Nhật hay Cam Tuyền), và Drummond (Duy mộng) thuộc một phần của nhóm đảo Croissant (Nguyệt Thiềm). Các đảo này được cấu tạo bởi đá vôi san hô trẻ và có phosphorite phủ lên trên. Phần bìa các đảo nằm chìm dưới lớp các vôi của các đụn cát (Saurin 1955). Vũ lượng trung bình hàng năm trên đảo là 1.150mm và các ngày mưa được kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11.

Về tập đoàn thảo mộc, cho đến nay người ta mới biết có 4 loại: Scaevola Koenigii VAHL (Goodeniacée), Wedelia biflora DC (Composés), Guettarda peciosa LINNE (Rubiacée) và Tournefortia và argentea (Boraginacée) (Saurin, 1955, trang 14-15).

Một số mẫu đã được lượm về để bổ túc thêm các loại thảo mộc trên. Rất tiếc là vài mẫu bị nước biển làm hư nên không định loại được. Dù thế nào đi nữa thì thảo mộc trên 4 đảo thăm viếng cũng ngèo nàn, luôn luôn thảo mộc mọc theo hình dạng chung sau: một vòng cây nhỏ mọc quanh một đống cỏ. Với một chiều rộng thay đổi, vòng cây nhỏ này gồm các loại Scaveola koenigii, Tournefortia argentea, Guettarda speciosa, Premma sp, và hai hay ba loại cây chưa định tên (Verbenacee ở đảo Robert (Hữu Nhật), Caesalpinée có gai trên đảo Money (Quang A3nh); quan trọng nhất trên đảo là cây Scaevola koenigii mọc rậm đến nỗi tạo thành một hàng rào chắn không thể vượt qua được. Trên đảo Money (Quang Ảnh) và Drummond (Duy Mộng) cây Guettarda thay thế một phần loại Scaevola koenigii. Thảo mộc của đồng cỏ thay

---

(1) Fontaine H. et Lê Văn Hội " Contribution à la connaisance de la flore dé iles Paracels ", *Khảo Cứu Niên San Khoa Học Đại Học Đường* (Annales de la Faculté de Sciences), Sài Gòn, 1957, p 133-137.

(2) Chuyến đi khảo sát năm 1956 của Sở Hầm Mỏ, Kỹ Nghệ và Tiểu Công Nghệ thuộc Bộ Kinh Tế, Sài Gòn

http://hoangsa.org

đổi tùy theo đảo, Tridax procumbens rất nhiều ở đảo Pattle [Hoàng Sa], nhưng ít gặp ở đảo Roberts [Hữu Nhật], trong khi Stachytarphita jamaicensis hiếm hoi trên đảo Pattle [Hoàng Sa] lại rất thường trên đảo Roberts [Hữu Nhật]; đảo Money [Quang Ảnh] được bao phủ bởi đồng cỏ Achyrantes aspera và Phaseolus (calcaratus?) mọc rất nhiều. Tất cả các loại cỏ nêu trên không còn gặp ở đảo Drummond [Duy Mộng] nữa. Một đồn binh và một trạm khí tượng được thiết lập trên đảo Pattle; tại đây, vài loại cây mới được du nhập như dương liễu, cây kiểng và cây thực phẩm (bí).

Trên tất cả các đảo đều gặp nấm mọc trên gỗ mục chết.

Dưới đây là các định danh, một phần đã được ông Schmidt làm mà chúng tôi chân thành cảm tạ.

GRAMMINÉES

* Eleusine indica GAERTIN: đảo Pattle [Hoàng Sa] (ít gặp): cây gặp khắp nơi tại Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao, Thái Lan.Vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới của cựu lục địa.
* Eragrotis amabilis WIGTH ET ARN: đảo Pattle [Hoàng Sa] (ít gặp); khắp nơi ở Việt Nam, Ấn độ, Mã lai.
* Eriochloa racemosa HACK: đảo Roberts [Hữu Nhật] (ít) gặp khá thường ở Việt Nam, Á Châu, Phi Châu, Mã Lai, Úc Đại Lợi.
* Brachiaria distachya A CAMUS: đảo Pattle [Hoàng Sa] (ít); khắp nơi ở Việt Nam, Ấn Độ, Trung Hoa, Úc Đại Lợi, Mã Lai.
* Lepturus repens R.Br: (ít); được thấy ở Bắc Việt, Thái Lan, Tích Lan, Châu Đại Dương.

AMARANTACEES

Achyrantes aspera LIN: đảo Money [QuangẢnh] (thường): cây mọc trên hoang địa, rất thường ở Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao, Trung Hoa, Ấn Độ.

NYCTAGINACEES

Boerhaavia repens LIN: đảo Money [Quang Ảnh], đảo Drummond [Duy Mộng]; khắp nơi ở Việt Nam, Cao Miên, Hoa Nam, Ấn Độ, Phi Luật Tân, Java, Phi Châu, Mĩ Châu.

PORTULACACEES

Portulaca p'losa LIN:Đảo Pattle [Hoàng Sa] (trên những lối đi); Trung Việt, Ai Lao, Thái Lan (xuất xứ tại Châu Mĩ nhiệt đới).

LAURACEES

Cassytha filiformis LIN:đảo Pattle [Hoàng Sa], đảo Roberts [Hữu Nhật] thường gặp ở Việt Nam,vùng nhiệt đới.

MALVACEES

Sida corylifolia WALL: đảo Drummond [Duy Mộng]: cây mọc ở Bắc Việt, Ai Lao, Thái Lan, Hải Nam, Java, Madura, Phi Luật Tân.

Sida rhombifolia LIN.var.parvifolia GAGNEP:đảo Pattle [Hoàng Sa] ít, Trung Việt.

TILIACEES

Triumfetta pseudocana SPER: đảo Drummond [Duy Mộng]; thường gặp ở Việt Nam, Thái Lan, Trung Hoa, Phi Luật Tân, Ấn Độ.Corchorus sp.: đảo Roberts [Hữu Nhật]

ZYGOPHULLACEES

Tribulus terrestris LIN.: đảo Pattle (hiếm), cây mọc lại trên duyên hải cát Trung và Nam Việt Nam, vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới.

EUPHOREIACEES

Euphorbia (thymofilia BRUM?), đảo Roberts [Hữu Nhật] (hiếm).

Euphorbia Atorao: đảo Pattle, cây trên duyên hải, thường gặp ở Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia, Phi Luật Tân, Trung Hoa, Úc Đại Lợi.

Phyllanthus Niuri LIN: đảo Pattle (ít gặp): cây mọc trên hoang địa, ruộng vườn, khắp nơi ở Việt Nam; dưới chí tuyến.

LEGUMINEUSES PAPILIONEES

Phaseolus (calcaralus ROXB?): đảo Money [Quang Ảnh] (thường gặp).

CONVOLVULACEES

Ipomea turpethum R.Br: đảo Pattle [Hoàng Sa]. Đảo Roberts [Hữu Nhật], đảo Drummond [Duy Mộng]; Việt Nam, Trung Hoa, Phi Luật Tân, Timor, Java

BORAGINACEES

Tournefortia argentea lin. F. :đảo Pattle [Hoàng Sa], đảo Robert [Hữu Nhật]; cây mọc trên giồng Trung Phần Việt Nam, Ấn Độ, Mã Lai, Tích Lan, Phi Luật Tân, Đài Loan.

VERBENACEES

Premna sp. :đảo Money [Quang Ảnh]

Lippia nodiflora lin.: đảo Pattle [Hoàng Sa]; cây bò trên đất, rất thường gặp ở Việt Nam, nhất là trên vùng đất cát; Châu Mỹ nhiệt đới và bán nhiệt đới và khắp Viễn Đông.

Stachytarphita jamaicensis LIN. :đảo Pattle [Hoàng Sa] hiếm, đảo Roberts [Hữu Nhật] (thường gặp); khắp nơi ở Việt Nam. Cây xuất phát từ châu Mỹ nhiệt đới.

.

GOODENIACEES

Scaevola Koenigii VAHL.: các đảo Pattle [Hoàng Sa], Money [Quang Ảnh], Roberts [Hữu nhật], Drummond [Duy Mộng], thường gặp ở vùng ven biển Việt nam, vùng Đông Á nhiệt đới, Đại Dương Châu

RUBIACEES

Morinda citrifolia LIN. Var bracteata HOOK: đảo Pattle, Roberts, Drummond; cây hoang và có khi được trồng ở Trung và Nam Việt Nam, ấn Độ, Tích Lan, Mã Lai. Cây này ít gặp trên trên quần đảo hoàng Sa (một hai cây trên mỗi đảo) và dường như được ngư dân mang đến trồng vì dược tính.

Guettarda speciosa LIN. : đảo Money [Quang ảnh]. Đảo Drummond [Duy Mộng]; Nam Việt Nam, Cao Miên, Thái Lan, vùng nhiệt đới.

COMPOSEES

Tridax procumbens LIN. : đảo Pattle [Hoàng Sa], đảo Roberts [Hữu Nhật]; khắp nơi ở .

Wedelia biflora DC.: đảo Money (Quang ảnh), rất thường gặp ở Eupatorium sp. : đảo Pattle [Hoàng Sa] (hiếm)

Tất cả các mẫu trên được gìn giữ cẩn thận, định danh và đều thuộc các loại có trên thuộc địa. Không có giống nào là đặc thù của quần đảo Hoàng Sa. Điều này được giải thích dễ dàng dưới khía cạnh địa chất:

Quần đảo Hoàng Sa mới nỗi lên gần đây. Các mảnh đất mới này tạo nên một chỗ trống cho cây cỏ đến và tiếp tục đến chiếm lập. Từ các vùng đất lân bang đến bảng nhiều cách, các hạt giống cả nảy nở và thảo mộc từ đó phủ trùm gần hết các đảo Pattle, Roberts, Money Và Drummond; nhưng tập đoàn thảo mộc đó chưa đủ thời gian để trải qua một tiến trình nhằm mang lại một đặc tính riêng biệt. Không có loại thảo mộc nào là tại chỗ cả.

Về thú vật hình như cũng vậy; một ít bài khảo cứu đã thực hiện cho đến nay chứng minh rằng thực vật sống trên đất tại Hoàng Sa đều thuộc các loài vật ở nơi khác. J.Delacous và P.Jabouille (1930) đã phát hiện có một giống chim: Zosteropo simplex swinh, giống này thường gặp ở Trung Hoa cũng như ở Bắc và Trung phần Việt Nam. R.Bournet (1937) đã tìm thấy loại rắn mối Emoia atrocosta-tum trên quần đảo Hoàng Sa; Emoia atrocostatum còn gặp ở bán đảo Mã Lai, ở Phi Luật Tân và khắp Đại Dương Châu.

http://hoangsa.org/tailieu

THƯ TỊCH

BOURNET R. (1937)-Les Leards de la collection de la Faculté des Sciences de Hanoi.(Notes herpétologiques sur 1' Indochine francaise, XII, Hanoi)

DELACOUR J.et JAB OUILLE P.(1930)-Oiseaux des iles Paracels (Travaux du Service Océanographique.3è Mém.Saigon).

SAURIN E. (1955- Notes sur les iles paracels. (Archives géologiques du vietnam, N° 3, p, i-39, sài gòn).

Theo công trình nghiên cứu hoàn toàn khách quan trên của linh mục H.Fontaine, một người Pháp đã đi đến kết luận rõ ràng rằng " không có loại thảo mộc nào là tại chỗ cả, tất cả từ vùng đất liền du nhập đến bằng nhiều cách ". Cũng theo sự phân tích một cách khoa học của linh mục Fontaine thì mọi thảo mộc hiện có ở Hoàng Sa đều tìm thấy ở Việt Nam, nhất là miền Trung Việt Nam. Mặt khác trong lịch sử Việt Nam có ghi nhận sự kiện: triều đình đã từng sai binh lính đem hạt giống, trồng cây trên quần đảo Hoàng Sa để mưu lợi cho muôn đời về sau, nhất là cho cây cối mọc khiến các tàu thuyền có thể nhận ra đảo ở xa để tránh bị mắc cạn hay bị đụng chìm. Tỷ như năm Minh Mạng thứ 14(1833), vua Minh Mạng đã bảo hộ công: " dải Hoàng Sa trong hải phận Quảng Ngãi, xa trông trời nươc một màu không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường bị hại. Nay nên dự bị thuyền bè. Đến sang năm sẽ phái người tới dựng miếu, lập bia, lại trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người sẽ nhận biết, có thể tránh được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời vậy ". (Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đệ II kỷ, quyển 104, tờ 16b-17a, bản dịch chép tay của Trần Quang Huy). Việc trồng cây này đã được thực hiện và được Đại Nam Hội Điển Sử Lệ(1851), quyển 207, tờ 25b cũng như Việt Sử Cương Giám Khảo Lược (1876), quyển 4 của Nguyễn Thông nhắc đến. (1)

Như thế, ta có thể đi đến một kết luận rằng " chính binh lính người Việt thời vua Minh Mạng cũng như các thời đại khác đã du nhập các tộc loại thảo mộc hiện có tại Hoàng Sa nhằm giúp ích cho tàu bè qua lại có thể dễ nhận ra đảo để tránh mắc cạn, khỏi đụng vào đảo và đá ngầm. Do đấy, chính thảo mộc hiện có ở Hoàng Sa là di tích quá khứ các người Việt cũng như việc hành xử chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa, một điều không ai có thể chối cãi.

(1) Xem Hãn Nguyên "Những Sử Liệu Chữ Hán Minh Chứng chủ quyền của việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa", cũng đăng tải trên sử địa số báo này

http://hoangsa.org

Tất cả đều dựa vào những dữ kiện lịch sử có từ hàng trăm năm nay, cũng như công trình nghiên cứu khoa học của người Tây phương từ gần 20 năm nay. Hiện nay, Hoàng Sa bị người Trung Hoa cưỡng chiếm, liệu người Trung Hoa có thể làm thay đổi xuất xứ của thảo mộc tại Hoàng Sa hay không? Nếu họ muốn chắc cũng không khó khăn lắm, bởi triều đình Việt Nam trước đây hàng trăm năm với phương tiện thô sơ, còn có thể thực hiện được dễ dàng cơ mà !

CÔNG TY GIẤY VÀ HÓA PHẨM ĐỒNG NAI
(Sociéte de papeterie et de produits chimiques du DONNAI)
COGIDO
CÔNG TY NẶC DANH VỐN **976.080.000 $00**
Văn Phòng Hành Chánh: 2, Nguyễn Huy Tự- ĐA KAO
Điện thoại 92466- 66.292
Nhà Máy An Hảo-Biên Hòa
Văn Phòng Thương Mại: 63-65 Đại Lộ Hàm Nghi, Sài Gòn
Điện thoại: 25.659-20.481-24849
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI

Giấy viết	Bìa mềm
Giấy in	Bìa xám
Giấy ronéo	Bìa rơm
Giấy gói	Bìa duplex
Giấy BRISTOL	Bìa TRIIPLEX

Và các loại tập học sinh
NGANG HÀNG VỚI SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

http://hoangsa.org/tailieu

PHƯƠNG DIỆN ĐỊA DANH HỌC CỦA HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

♦VÕ LONG TÊ

Theo các quyết định hành chính hiện hành, quần đảo Hoàng Sa, được chỉ định bằng danh xưng ngoại quốc " Paracel " là danh xưng một trong số những đảo hợp thành vùng đảo này, thống thuộc tỉnh Quảng-nam (1); còn quần đảo quen gọi là Trường Sa, mang tên chính thức là Hoàng Sa với phụ chú danh xưng ngoại quốc " Spartly " là danh xưng một thành phần của hòn đảo này, thống thuộc tỉnh Phước Tuy (2).

Đối với người ngoại quốc không am tường sử địa Việt Nam, đôi khi danh xưng ngoại quốc được thay vì danh xưng Việt Nam, chẳng hạn như tại tòa hội San Francisco năm 1951, trưởng phái đoàn Việt Nam đã dùng " Paracel " và " Spartly " khi xác định chủ quyền Việt Nam trên 2 quần đảo này mà không gặp sự chống đối nào của các phái đoàn phó hội (3).

Tuy nhiên việc sử dụng hay phụ chú danh xưng ngoại quốc nói trên cũng có thể gây ngộ nhận, như chẳng hạn mới đây, trong bài báo "Incidents en Mer De Chine méridionale ", ký giả Jean Pirre Gomane dường như chủ trương rằng hai hòn đảo này không thuộc nước nào nhất định, nại rằng các đảo và nhóm đảo liên hệ mang tên gốc nhiều ngôn ngữ khác nhau (4).

[1].

---

(1) Sắc lệnh số 174-NV ngày 13-7-1961 và nghị định số 709 BNV (HCĐP) ngày 21-10-1969.

(2) Sắc lệnh số 143 NV ngày 22-10-1956

(3) Xem tạp chí France-Asie số 66-77 trang 505: "…Et comme il faut franchement profiter de toutes occasions pour e1touffer les germes de discerde, nous affirmons nos droits sur les iles Spratly et Paracels qui de tout temps ont fait partie du Viet Nam ".

(4) Xem tạp chí L'Afrique et l'asie, năm 1974, đệ nhị tam cá nguyệt, trang 48_58 : "…La plupart des iles ou groupes d'iles portent simultane1-ment un nom occidental, en général d'origine britanique, en raison de la nationalité des navigateurs qui les découvrirent, mais élagement un nom chinois, un nom vietnamien, parfois japonais, philippin ou indonésien, ce qui ne facilite pas lem repérage sur des cartes que, de plus, sont sou-yent approximatives, sauf s'il s'agit de cartes marines peu accessibles au grand public " (trang 50-51).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chúng tôi đã có dịp chứng minh chủ quyền Việt-Nam trên hai quần đảo này khởi từ thế kỉ XV (1). Trong bài này, chúng tôi xin nhấn mạnh đến phương diện địa danh học để chứng minh tại sao danh xưng " Hoàng Sa " được chính thức thừa nhận như đặc danh tổng quát cho cả hai quần đảo ở ngoài biển khơi nước ta.

Tác phẩm đầu tiên đề cập đến chủ quyền Việt Nam trên các đảo ở ngoài khơi bờ biển Việt Nam là " Toàn tập Thiên Nam tứ chi lộ đồ thư " của một nho sĩ quán làng Bích Triều, huyện Thanh Giang, họ là Đỗ Bá, tự là Đạo phủ. Tác phẩm này được biên soạn trong thời gian phỏng định từ năm 1630 đến năm 1653 với những sự kiện có từ thế kỉ XV, nếu không từ năm 1403 đến 1407 là thời gian các miền Cổ Lũy và Chiêm Động (tức Quảng Nam và Quãng nghĩa) thông thuộc nước ta, thì ít ra cũng từ năm 1471 là năm biên giới nước ta đến tận Thạch Bi Sơn (Phú Yên). Trong tác phẩm này danh xưng tổng quát của các đảo nêu tên là Trường Sa và đặc danh của đảo Hoàng Sa ngày nay vốn là *Bãi Cát Vàng* bằng chữ nôm:

" Kim hộ xã địa phận, giang lưỡng biên hữu nhị sơn , sơn các hữu kim trường hữu tuần, Hải Trung hữu nhất trường sa […] danh " Bãi Cát Vàng ", ước trường tứ bách lý, khoát nhị thập lý, trai lập hải trung, tự Đại chim hải môn chí Sa vinh môn…

Đặc danh *Bãi Các Vàng* chứng tỏ rằng đảo này và các đảo phụ thuộc đã được giới bình dân khám phá, đặt tên bằng ngôn ngữ thuần Việt trước khi mang danh xưng Hoàng Sa của giới nho sĩ đặt ra về sau.

Trong *" Phủ biên tạp lục "* (quyển II) viết vào khoảng 1776-1777, với những tài liệu của chúa Nguyễn, Lê Quí Đôn dùng đặc danh *Hoàng Sa Chữ* và các danh xưng tổng quát *Đại Trường sa đảo*, *Vạn lý trường sa.*

Trong " Địa dư chí " thuộc " Hoàng Việt địa dư chí " in năm 1833, Phan Huy Chú cũng dùng đặc danh Hoàng Sa Chử.

Theo hai tác giả này, chúa Nguyễn đã thành lập *Hoàng sa đội* để thu thập hải sản ở quần đảo Hoàng Sa và *Bắc hải đội* phụ thuộc Hoàng Sa đội với nhiệm vụ tương tự đối với các đảo xa hơn quần đảo Hoàng Sa , tức là quần đảo Trường Sa [2].

(1) Xem Võ Long Tê, Les archipels de hoang sa el de Hòang sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire el de géographie, Saigon, ministère de la Cuture, de l'Educationet de la jeunesse, 1974 (Publications en langues étrangèrges de la Commission de Traduction).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Trong các tác phẩm sử địa chính thức của triều Nguyễn, chúng ta nhận thấy các phát giác của tư nhân nêu trên được xác nhận. Theo " Đại nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ " (quyển 52) và " Đại nam nhất thống chí " (quyển 6 về tỉnh Quãng nghĩa), Hoàng sa đội được tái lập trong những năm đầu tiên của triều Gia Long. Còn công cuộc khảo sát, vẽ bản đồ, trồng mốc giới, dựng thần từ, đặt tên riêng cho từng hòn đảo, chúng ta biết đã khởi diễn từ năm 1816, và theo " Đại nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ " (quyển 104, 122, 154, 1650 cùng " Khâm định Đại nam hội điển sự lệ " (quyển 207), đã tiến hành theo kế hoạch qui mô từ năm 1833 trở đi.

Trong các tác phẩm vừa kể, chúng ta gặp đặc danh *Hoàng sa chử* riêng cuốn " Đại Nam nhất thống chí " (quyển 6 về tỉnh Quãng nghĩa) nêu tầm quan trọng của tỉnh này bằng đại danh *Hoàng sa châu.* Ngoài ra chúng ta còn gặp những đặc danh chỉ định các hòn đảo nhỏ khác thuộc hệ thống hai quần đảo này như *Bạch sa đôi, Phật tự sơn, Ban na thạch*.

Chúng ta được biết bộ Công an hợp tác với lực lượng hải quân để khảo sát ngoài khơi Việt Nam và các phiến tấu liên hệ, sau khi châu phê đều được Quốc sử quán khai dụng để soạn thảo các tác phẩm sử địa chính thức nêu trên. Chúng ta mong mỏi có dịp trực tiếp với các châu bản liên hệ để tham khảo nguồn tài liệu quí báu mà Quốc sử quán đã khai dụng, chắc là sẽ phát giác thêm về công trình thám sát hải đảo của triều Nguyễn, nhất là về các danh xưng đã đặt cho từng hải đảo mà mà vua Minh Mệnh đã chỉ thị năm 1836 phải vẽ kĩ càng họa đồ và đặt các mốc giới.

•

Hiện nay chúng ta có một họa đồ mệnh danh là " Đại nam nhất thống toàn đồ ", trong đó ghi rõ hai quần đảo riêng với danh xưng *Hoàng Sa* và *Vạn lý Trường sa*. Thật ra đây là một bản sao do ông Châu Ngọc Thôi, nguyên Đổng Lý Văn Phòng Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa, hiện là phụ tá tại Phủ Phó Thủ Tướng đặc trách thanh tra các chương trình Phát triển Quốc Gia kiêm liên lạc với quốc hội, sưu tập từ lâu và có nhã ý cho chúng tôi khai dụng (xin xem bản đồ).

Ông P. A. Lapicque đã công bố bản đồ này trong tập " A propos des Iles Paracels " in năm 1929 và ghi chú rằng đó là bản đồ trích từ sách *Hoàng Việt Địa Dư Chí* in năm Minh Mệnh thứ 14 (tức năm 1834) .(1) Nhiều tác phẩm sử địa khác có lẽ cũng lặp lại nhận định của La-.

(6) Saigon, 1929, les Editions d'Extrême-Asie, trang 5

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Picque, chẳng hạn như sách *Việt Nam Văn Học Toàn Thư II*; *cổ tích* của Hoàng Trọng Miên (1), hay một tác phẩm Anh ngữ mà chúng tôi chưa tìm ra nhan đề, có chú giải: " The Hoàng Việt Địa Dư-Geography of the Annamitte-Empire - shows that The Paracels and Spratley Islands have for a long been Vietnamese possession " (2).

Theo chúng tôi, " Đại Nam nhất thống toàn đồ " không thuộc " *Hoàng Việt Địa dư chí "* vốn in lần đầu tiên năm 1833 (chứ không phải năm 1834) vì lẽ giản dị, quốc hiệu Đại Nam được vua Minh Mệnh ban hành năm 1838. Sách " *Minh mệnh chính yếu* " (quyển I, tờ 44a-44b) có trích đăng đạo dụ ban hành quốc hiệu Đại nam vào năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) (3). Nghiên cứu nội dung bản đồ này, chúng ta nhận thấy có những địa danh chứng tỏ bản đồ này thiết lập từ năm cải quốc hiệu đến năm chúng ta mất Nam kỳ lục tỉnh, tức là trong khoảng thời gian mà địa giới phía tây nước ta đặt ở phía tây Cửu long với lý do đất Ai-lao và Cao-miên còn thống thuộc triều đình Huế. Bản đồ này có lẽ là công trình cá nhân hay tập thể của sư thần Quốc sử quán là cơ quan chuyên trách về việc soạn thảo các tài liệu sử địa chính thức của triều Nguyễn trước thời Pháp thuộc.

Với bản đồ này chúng ta cũng nhận ra tổng danh *Trường sa* trong " *Toàn tập Thiên nam tứ chi lộ đồ thư "* đã trở nên biệt danh *Vạn lý Trường sa* chỉ thị quần đảo Trường-sa ngày nay, còn đặc danh *Hoàng-sa*, hậu thân của đặc danh *Bãi Cát Vàng* chỉ thị cách chuyên biệt quần đảo *Hoàng-sa* ngày nay.

•

Đến đây còn một thắc mắc địa danh học cần giải quyết. Tại sao các văn kiện địa lý ban hành từ thời Đệ nhất Cộng hòa (sắc lệnh số 174 NV ngày 13-7-1961 và sắc lệnh số 143-NV ngày 22-10-1956) đều gọi cả hai quần đảo dưới một danh xưng là Hoàng Sa và biệt phân bằng các danh xưng ngoại quốc phụ chú là Paracel và Spartly? Lại có một câu hỏi khác cũng đáng được đặt ra: Tại sao dân chúng đã tự động dùng đặc danh Trường Sa để chỉ thị quần đảo mang tên chính thức là *" Hoàng Sa (Spratley) "* ?

Trong thời Pháp thuộc, trước khi Chính quyền Pháp chính thức

---

(1) Saigon, 1959, Văn Hữu Á Châu

(2) Theo *Hoàng-sa, lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa*, Saigon Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi, 1974, trang 44.

(3) Xem *Minh mệnh chính yếu*, tập 1, quyển 1. Nguyên tác và bản dịch của Hoàng Du Đồng và Hà Ngọc Xuyên, Saigon 1972, Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa.

.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

cho hải quân đổ bộ lên quần đảo Spratly và các đảo phụ thuộc năm 1933, một số bản đồ của Sở Địa dư Đông dương cũ mệnh danh quần đảo này là Hoàng- sa (1), như vậy nó cùng trong một hệ thống với quần đảo Hoàng-sa chính danh.

Trong *" Đại nam nhất thông chí "* (quyển 6 về tỉnh Quãng-nghĩa) biên soạn trong thời kì nước ta đã hoàn tất cuộc thám sát cả hai quần đảo, chúng ta nhận thấy khuynh hướng dùng đặc danh Hoàng-sa chung cho hai quần đảo khi nhắc nhở đến thẩm quyền của Hoàng-sa đội và Bắc-hải đội và đặt cả hai quần đảo này trong một hệ thống với tên mới là *Hoàng-sa châu* với phụ chú tên cũ là *Vạn lý Trường sa châu.*

Khuynh hướng này được biểu lộ rõ rệt trong công thức hàm súc sau đây:

" Đông hoành sa đảo (Hoàng sa đảo) liên thương hải dĩ vi trì " (2).

Thương hải có hai nghĩa là biển cả và hải đảo thần tiên theo " Trung văn Đại từ điển " (ấn bản 1968, tập 20, trang 44, tập 28 trang 420). Cuốn *" Từ Hải "* (Tái bản năm 1969, tập I trang 1770) nhấn mạnh về ý nghĩa hải đảo thần tiên của danh từ này. Cả hai cuốn từ điển này qui chiếu vào sách *Thập châu kí*, đề cập đến Bắc-hải mà chúng ta mới giải thích được danh xưng Bắc hải đội mà nhiệm vụ là khai thác các hải đảo huyền viễn. Còn danh từ *trì* thì ở trong danh từ kép thành trì nói chung về các hào và thành tạo nên để phòng ngự các yếu điểm. Do đó chúng ta có thể tìm thấy ở công thức trên hai nghĩa như sau:

- Về phía đông, sa đảo (thuộc Hoàng Sa đảo) nằm ngang, liên tiếp giữa biển để làm nên thành trì

- Về phiá đông, sa đảo (thuộc Hoàng Sa đảo), nằm ngang, liên tiếp với các đảo khác để làm nên thành trì.

Do các công thức hàm súc trên đây nhấn mạnh đến giá trị chiến lược của hệ thống hải đảo phía đông bờ biển Việt Nam, tuy không minh danh mà vẫn bao gồm quần đảo mà ngày nay mà quần chúng riêng gọi là Trường Sa.

Chúng ta có thể kết luận rằng quần chúng Việt Nam biệt phân hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, còn các nhà hữu trách tham dự quyết định hai danh xưng " Hòang Sa (Paracel) và Hoàng Sa

(1) Xem Phạm Quang Đường, *vấn đề chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa* trong tập san Địa dư Dalat, số 4, 1970.

(2*) Đại nam nhất thống chí* (quyển 6 về tỉnh Quãng nghĩa), tờ 11a.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

(Spratly) " thì dường như muốn trung thành với khuynh hướng của các tác giả *" Đại nam nhất thống chí "* và dựa vào truyền thống của Sở Địa dư Đông Dương cũ mà vẫn thích nghi với nghị định số 4762-CP ngày 21-12-1933 của Thống đốc Nam Kỳ chính thức gọi quần đảo Trường Sa là Spratly.

Hiện nay quần đảo Hoàng Sa chính danh là xã Định hải sát nhập vào xã Hòa-long quận Hòa-vang do nghị định số 709-BNV/HCĐP/26 ngày 21-10-1969. Đối với quần đảo Trường-sa, chúng ta ước mong một qui chế hành chính tương tự sẽ được ban hành, và đối tất cả các hải đảo thuộc hai quần đảo này, chúng ta cũng mong sớm ban hành danh sách các đặc danh thuần Việt

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG TẬP SAN SỬ ĐỊA LÀ GÓP PHẦN KHUYẾN KHÍCH XÂY DỰNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Cấp tài liệu quí về quí giá về quốc sử và địa chế Việt Nam.

Với nhiều sự góp mặt của dịch giả danh tiếng trong và ngoài nước.

Với một chủ trương rõ rệt xây dựng quốc học. Một nỗ lực đóng góp vào sinh hoạt văn hóa dân tộc: tham gia hoạt động vào NHÓM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM.

Đã thực hiện nhiều số đặc khao có giá trị: Trương-công-Định (SĐ. 3). Phong Tục Tết Việt Nam (SĐ. 5), Phan Thanh Giản (SĐ. 7 và 8), Quang Trung (SĐ. 12), chiến thắng xuân Kỷ Dậu (SĐ. 16), Nam tiến dân tộc Việt Nam (SĐ. 19 và 20), 200 năm phong trào Tây Sơn (SĐ. 21), Đà Lạt (SĐ. 23 và 24).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

NHẬN XÉT VỀ CÁC LUẬN CỨ CỦA TRUNG HOA LIÊN QUAN TỚI VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA.

✶QUỐC TUẤN

Cuộc tranh chấp về chủ quyền trên hai hòn đảo Hoàng Sa và Trường Sa giữa Việt Nam và Trung Hoa kéo dài từ nhiều năm qua dưới hình thức tranh nghị đã tiến tới một hình thức cực đoan khi giữa hai nước đã có một trận đụng độ hải quân lớn tại quần đảo Hoàng Sa vào trung tuần tháng 1 năm 1974. Trung Cộng với một lực lượng hùng hậu hơn đã đánh chiếm quần đảo này của Việt Nam Cộng Hòa.

Để biện minh hành vi xâm lăng của mình trái với tinh thần hiến chương Liên hiệp quốc mà Trung Cộng từ khi gia nhập vào tháng 10 năm 1971 đã cam kết tôn trọng vào bảo vệ, Trung Cộng đã nại cớ quần đảo Hoàng Sa (Trung Hoa gọi là Tây Sa) cũng như quần đảo Trường Sa (Nam Sa trong danh từ Trung Hoa) vốn từ đầu là một phần lãnh thổ Trung Hoa nhưng đã bị Nhật Bản xâm chiếm trong trận Thế chiến thứ 2 và đã được Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc thu hồi lại khi trận chiến tranh chấm dứt. Sự biện minh này của Trung Cộng đã được Trung Hoa Dân Quốc gián tiếp phụ họa.

Trong bài này chúng ta thử tìm hiểu xem cả hai phe Quốc Cộng Trung Hoa đã lý luận ra sao để chứng minh chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Trung Hoa. Chúng ta sẽ xét cả luận cứ của chính phủ lẫn của các giới ngoài Chính phủ.

Bài này giới hạn thời gian từ sau Thế chiến thứ 2 trở lại gần đây thôi, chứ không đề cập đến thời gian trước đó, vì chỉ khi vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa được qui định trong một hiệp ước quốc tế, hòa ước Cựu Kim Sơn 8/9/1951, thì sự tranh chấp chủ quyền mới trở nên mãnh liệt, nhất là từ sau khi Cộng sản Trung Hoa nắm chính quyền tại Hoa Lục ngày 1/10/1949.

Các tài liệu sử dụng trong bài này đều phát xuất từ Bắc Kinh hay Đài Loan. Nếu như có nguyên bản Hoa văn thì chúng tôi dùng, nếu không thì chúng tôi dùng bản dịch Anh Ngữ cũng của các cơ quan Quốc

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Cộng Trung Hoa. Trong trường hợp không có, chúng tôi sẽ căn cứ vào bản dịch Anh Ngữ của Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Hương Cảng (như các người nghiên cứu về vấn đề Hoa Lục vẫn làm), vì đó là nguồn tài liệu tương đối chính xác và phong phú nhất.

LUẬN CỨ CỦA CÁC CHÍNH PHỦ TRUNG HOA

I. PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI LỜI TUYÊN BỐ CỦA TỔNG THỐNG PHI LUẬT TÂN QUIRINO (1951)

Năm năm sau khi thế chiến thứ chấm dứt với sự đại bại của Nhật Bản tại Thái Bình Dương, đưa tới sự việc nước này phải từ bỏ đất đai ở ngoại quốc, trong đó có cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, chiếm được trong thời kì toàn thịnh của chế độ quân phiệt, và 2 năm sau khi Trung Quốc Cộng Sản Đảng làm chủ nhân ông Hoa Lục còn Trung Hoa Dân Quốc phải chạy ra Đài Loan, vấn đề tranh chấp trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bắt đầu bước vào giai đoạn mới mở đầu cho cược đụng độ hải quân Việt Hoa 1974.

Lần đầu tiên Trung Cộng chính thức lên tiếng về vấn đề này là khi Tổng Thống Phi Luật Tân Quirino trong một cuộc họp báo tại Manila ngày 17/5/1951 đã đưa ra luận cứ là vì quần đảo Trường Sa đứng về phương diện địa cư ở kế cận quần đảo Phi Luật Tân nên nó phải thộc về Phi Luật Tân. Hai ngày sau, ngày 19/5/1951, Bắc Kinh đã phản ứng và tuyên bố:

"Lời tuyên truyền vô lý của Chính phủ Phi Luật Tân đối với lãnh thổ của Trung Hoa rõ ràng là sản phẩm của chỉ thị của Chính phủ Hoa Kỳ. Bọn khiêu khích Phi Luật Tân và những kẻ Hoa Kỳ ủng hộ chúng phải bỏ ngay mưu đồ mạo hiểm đó đi nếu không thì hành động này có thể đưa tới những hậu quả nghiêm trọng. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không bao giờ để cho bất cứ một ngoại bang nào xâm lược quần đảo Nam Sa hay bất cứ đất đai nào khác thuộc về Trung Hoa."[1]

Tuy nhiên Trung Cộng không đưa ra được một bằng chứng nào chứng tỏ Trường Sa thuộc quyền Trung Hoa làm chủ. Thái độ này sẽ kéo dài cho tới hiện nay.

[1] Đề cập tới trong bài "Notes on the nanwei anh Sisha Islands" đăng trong báo nguyệt san people's China (Nhân dân Trung Quốc), Bắc Kinh, tập IV, số 5, phụ trương, ngày 1/9/1951, trang 7.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

II. DỊP CÓ HÒA HỘI CỰU KIM SƠN (1951)

Đầu tháng 9 năm 1951, năm mươi mốt quốc gia đã từng đóng góp trong cuộc chiến đấu chống Nhật Bản 1939-1945 tới tham dự Hòa hội Cựu kim sơn (Hoa Kỳ), để thảo luận vấn đề chấm dứt tình trạng chiến tranh và mở bang giao với Nhật Bản. Trong hòa hội, vấn đề chính là thảo luận bản dự thảo hòa ước do Anh-Mỹ đề nghị ngày 12-7-1951. Ngày 8-9-1951, các quốc gia tham dự hội nghị, ngoại trừ Nga-Sô và một số nước đàn em, đã ký một hòa ước với Nhật Bản[1]. Điểm đáng chú ý là cả hai phe Quốc Cộng Trung Hoa đều không được mời tham dự hòa hội.

Vì thấy mình bị Hoa Kỳ gạt ra ngoài hòa hội, các nhà lãnh đạo Bắc Kinh đã phản ứng ngay bằng cách một mặt ra một số bản tuyên bố chính thức và mặt khác cho đăng các bài báo để lên án việc không mời Trung-Cộng tham gia hòa hội và để trình bày quan điểm của Trung Cộng về một số vấn đề cần phải được thảo luận. Một trong những vấn đề này là vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong đoạn này chúng ta chỉ xét tới luận cứ chính thức của chính phủ Trung Cộng qua các lời tuyên bố của chính phủ, còn các luận cứ của các giới khác sẽ được cứu xét trong một đoạn sau.

Lời tuyên bố đầu tiên của chính phủ Trung Cộng đã được Châu Ân Lai, lúc đó là Bộ trưởng Ngoại giao, trình bày ngày 4-12-1950[2], trong đó Trung Cộng đã nêu ra căn bản chính để ký một hòa ước với Nhật Bản:

> " Bản Tuyên cáo Cairo, thỏa ước Yalta, bản tuyên ngôn Potsdam và các chính sách căn bản đối với Nhật Bản sau khi nước này đầu hàng đã được các quốc gia trong Ủy Hội Viễn Đông thỏa thuận và thông qua ngày 19.6.1947- *Các văn kiện quốc tế mà chính phủ Hoa Kỳ đã ký kết là căn bản chính cho một hòa ước liên hợp với Nhật Bản."*[3]

---

[1] Toàn văn bản Hòa ước Cựu Kim Sơn đăng trong bộ Hiệp ước Liên hiệp quốc (U.N.Treaty Series), tập 136, trang 46 và tiếp theo, và trong cuốn "AERICAN FOREIGNPOLICY, 1950-1955: BASIC DOCUMENT" do Bộ ngoại giao Hoa Kỳ xuất bản năm 1957, ấn bản số 5446, trang 425-439.

[2] Toàn văn bản tuyên bố ngày 4-12-1950 bằng Anh ngữ đăng trong bản nguyệt san People's China, Bắc kinh, tập II, số 12, phụ trương ngày 16-12-1950, trang 17-19, dưới nhan đề "Chou En lai's Statement on the Peace Treatly with Japan."

[3] Id, trang 17. Những đoạn nhấn mạnh được thêm vào.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Châu Ân Lai còn nói thêm:

"Nhân dân Trung Quốc rất ước muốn có một hòa ước liên hợp với Nhật Bản cùng với các quốc gia đồng minh khác trong thời kỳ thế chiến thứ hai. Nhưng căn bản của hòa ước phải hoàn toàn thích hợp với bản tuyên cáo Cairo, Thỏa ước Yalta, bản tuyên ngôn Postdam và các chính sách căn bản đối với Nhật Bản sau khi nước này đầu hàng được quy định trong các văn kiện này."[1]

Tuy bản tuyên bố này không đề cập tí gì đến vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo mà chỉ đề cập đến nhiều vấn đề khác, nhưng vì nó đã nêu ra quan điểm chính yếu của Trung Cộng nên chúng ta sẽ xét trong một đoạn sau quan điểm này trong việc tìm hiểu giá trị các luận cứ của Trung Cộng cũng như của Trung Hoa Dân Quốc.

1.Vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo được chính thức đề cập tới trong một bản tuyên bố sau của chính quyền Bắc Kinh. Khi nghiên cứu dự thảo hòa ước Cựu Kim Sơn Anh-Mỹ do Hoa Kỳ gửi cho các quốc gia được mời tham dự hòa hội, chính phủ Trung Cộng thấy điều 2 Dự thảo hòa ước không quy định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Nhật Bản sẽ từ bỏ phải được trao cho quốc gia nào, nên trong bản tuyên bố khác ngày 15.8.1951, sau khi đề cập tới quan điểm của Trung Cộng về từng vấn đề một[2], Châu Ân Lai tuyên bố:

"... Dự thảo Hiệp ước quy định là Nhật Bản sẽ từ bỏ mọi quyền đối vứi đảo Nam Uy (đảo Spratly) và quần đảo Tây Sa (quần đảo Paracel), nhưng lại cố ý không đề cập tới vấn đề tái lập chủ quyền trên hai quần đảo này. Thực ra, cũng như các quần đảo Nam Sa, quần đảo Trung Sa, và quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa (quần đảo Paracel) và đảo Nam Uy (đảo Spratly) lúc nào cũng là lãnh thổ của Trung Quốc. Mặc dù những đảo này đã có lúc bị Nhật chiếm đóng một thời gian trong trận chiến tranh xâm lăng do đế quốc Nhật Bản gây ra, sau khi Nhật Bản đầu hàng chính phủ Trung Hoa đã thâu hồi những đảo này.

"Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa do đó tuyên bố: Dù dự thảo Hiệp ước Anh-Mỹ có chứa

---

[1] Id, trang 19. Những đoạn nhấn mạnh được thêm vào.

[2] Toàn văn bản tuyên bố ngày 15-8-1951 đăng trong People's China, tập IV, số 5, ngày 1-9-1951, phụ trương ngày 1-9-1951, trang 3-6 dưới nhan đề Foreign Minister Chou En-lai's Statement on the U.S. British Draft Peace Treaty with Japan, hay trong bản tin Tân Hoa Xã số 777, Bắc Kinh ngày 16-8-1951, trang 75-78: bản Hoa ngữ đăng trong "Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc Đối Ngoại Quan Hệ Văn Kiện", tập II, trang 30-36.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

đựng các điều khoản về vấn đề này hay không và dù các điều khoản này có được soạn thảo như thế nào, chủ quyền bất khả xâm phạm của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa trên đảo Nam Uy (đảo Spratly) và quần đảo Tây Sa (quần đảo Paracel) sẽ không vì thế mà bị ảnh hưởng."[1]

Họ Châu kết luận về vấn đề này bằng cách phủ nhận giá trị bất cứ một hòa ước nào ký với Nhật Bản không có sự tham dự của Trung-Cộng:

"Chính phủ nhân dân Trung ương nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa một lần nữa tuyên bố: Nếu không có sự tham dự của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa trong việc chuẩn bị, soạn thảo và ký một hòa ước với Nhật Bản thì nội dung và kết quả của một Hiệp ước như vậy có như thế nào, chính phủ Nhân Dân Trung ương cũng coi hòa ước ấy hoàn toàn bất hợp pháp, và vì vậy vô hiệu."[2]

Tuy rằng lời kết luận này nhằm chung toàn thể hòa ước, nó cũng bao trùm luôn cả vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

2. Trong bản tuyên bố này chúng ta nhận thấy có những đặc điểm đáng lưu ý sau:

Thứ nhất: Tuy tuyên bố là đảo Nam Uy và quần đảo Hoàng Sa lúc nào cũng là lãnh thổ của Trung Quốc, nhưng Châu Ân Lai không nêu ra một chi tiết nào để chứng minh chủ quyền của Trung Hoa đối với các đảo này. Đành rằng trong một bản tuyên bố chính thức của chính phủ không thể nào kể hết mọi chi tiết hay dẫn chứng, nhưng ít nhất nó cũng phải nêu ra một vài ví dụ cụ thể để chứng minh lời tuyên bố của mình và giúp cho người ngoài cuộc có thể hiểu rõ một cách khách quan hơn những điểm trình bày trong bản tuyên bố. Làm thế nào mà một người ngoại cuộc có thể thông cảm và ủng hộ lời tuyên bố nếu nó không mang lại một chi tiết nào dù là nhỏ nhặt nhất, để giúp cho người ngoài cuộc có thể kiểm chứng tính cách xác thực và chân thật của lời tuyên bố? Nếu nói như lời tuyên bố ngày 15.8.1951 của Châu Ân Lai thì bất cứ nước nào cũng có thể nhận mình có chủ quyền trên hai quần đảo đương tranh được. Nếu tuyên bố chỉ để mà tuyên bố thì lời tuyên bố sẽ bị suy yếu nhiều. Cang đáng ngạc nhiên hơn nữa nếu chúng ta biết được rằng trong bản tuyên bố này khi đề cập đến những vấn đề khác, họ Châu đã nêu nhiều chi tiết để chứng minh hay biện hộ.

[1] Id, trang 4. Nhấn mạnh thêm.
[2] Id, trang 6.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Thứ hai: trong bản tuyên bố này cũng như trong các bản tuyên bố sau và cả trong các bản tuyên bố của Trung Hoa Dân Quốc có đề cập tới việc chính phủ Trung Hoa thu hồi hai quần đảo này sau khi Nhật Bản đầu hàng.

Một vấn đề được đặt ra: Việc chính phủ Trung Hoa (lúc đó là chính phủ Trung Hoa Dân Quốc) thu hồi hai quần đảo này có phải là một hành vi hợp pháp không?

Chúng ta biết rằng một năm trước khi xảy ra trận Thế chiến II Nhật Bản đã chiếm Lâm đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa, mượn danh là để khai thác thương mại, nhưng thật ra là để mưu lập căn cứ chiến lược làm bàn đạp tấn công vùng Đông Nam Á. Theo lời R.Serene thì:

"Năm 1938, Nhật Bản mượn cớ khai thác thương mại đã chiếm Lâm đảo để bành trướng sự kiểm soát tới các đảo Cam Tuyền và Linh Côn..."[1]

Rồi đến ngày 31-3-1939, trong một bản thông cáo, Bộ ngoại giao Nhật Bản loan báo là ngày hôm trước, 30-3-1939, Nhật Bản đã quyết định đặt quần đảo Trường Sa dưới sự kiểm soát của Nhật Bản vì lý do tại đây đã thiếu một chính quyền hành chính địa phương nên đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Nhật Bản.[2]

Trong suốt thời gian của trận Thế Chiến II, Nhật Bản đã đóng trên hai quần đảo này cho tới khi đầu hàng quân đội đồng minh.

Vào cuối năm 1943, trong lúc trận Thế Chiến II đang ở mức độ ác liệt nhất thì các nhà lãnh đạo tối cao của ba đại cường là Hoa Kỳ, Anh, Trung Hoa Dân Quốc đã bí mật gặp nhau tại Cairo, thủ đô Ai Cập, từ 23 đến 27-11-1943[3] để thảo luận các chiến lược tiêu diệt phe Trục (Đức-Ý-Nhật).

Ngày 26-11-1943, Tổng thống Hoa Kỳ

---

[1] R.Serene, "Petite Histoire des Paracel", SUD-EST ASIATIQUE, Bruxelles, số 19, tháng 1/1951, trang 38.

[2] B.B. " Les Hes Spratlys", DASIE FRANCAISE, Paris, tập 39, số 369, tháng 4/1939, trang 123; Charles Rousseau, "China, France, Japan, Philipines et Vietnam – Differend Concernant I'Appartenance des Iles Spratlys et Paracel", REVUE GENERALE DE DROIT INTERNATIONAL PUBLIC, Pais, năm thứ 76, tập 76, số 3, tháng 7-9-1972, trang 828

[3] Chi tiết về hội nghị này và hội nghị Teheran được in trong tập tài liệu "THE FOREIGN RELATIONS OF THE UNITED STATES – DIPLOMATIC PAPERS: THE CONFERENCES AT CAIRO AND TEHRAN,1943", Washington D.C., 1961 (từ đây về sau viết tắt là FRUS Cairo-Tehran.)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Franklin Delano Roosevelt, thủ tướng Anh Winston Leonard Spencer Churchill và Đại nguyên soái Tưởng Giới Thạch của Trung Hoa Dân Quốc đã ký một bản thông cáo chung (về sau thường được gọi là bản Tuyên cáo Cairo) trong đó có một đoạn như sau:

"Đối tượng của các nước này [tức là của ba đồng minh] là phải tước bỏ quyền của Nhật Bản trên tất cả các đảo ở Thái Bình Dương mà nước này đã cưỡng đoạt hay chiếm đóng từ khi khởi sự có trận Thế chiến I năm 1914 và tất cả các lãnh thổ mà Nhật Bản đã cướp của người Trung Hoa, như là Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ phải được hoàn lại cho Trung Hoa Dân Quốc. Nhật Bản cũng sẽ bị trục xuất khỏi các lãnh thổ đã chiếm được bằng võ lực và lòng tham."[1]

Quyết định này đã được Thống chế Nga-Sô Joseph Stalin tán thành khi, trong một bữa ăn trưa công tác giữa ông và Roosevelt cung Churchill tại tòa đại sứ Nga-sô ở Tehran ngày 30-11-1943[2]. Thủ tướng Anh hỏi ông đã đọc bản thông cáo Cairo chưa thì ông trả lời là ông đã đọc rồi và mặc dù không hề cam kết điều gì nhưng ông hoàn toàn tán thành bản thong cáo và tất cả nội dung của thông cáo. Ông cho hay việc hoàn lại Mãn Châu, Đài Loan, và Bành Hồ cho Trung Hoa là phải[3].

Quyết định của Tam Cường tại Hội nghị Cairo một năm rưỡi sau được tái xác nhận trong một hội nghị thượng đỉnh tam cường khác để ấn định các điều kiện cho Nhật Bản đầu hang nhóm tại Potsdam từ 17-7 đến 2-8-1945. Tổng thống Hoa Kỳ, Thủ tướng Anh (mới đầu là Churchill, sau là Clement Attlee khi Đảng bảo thủ Anh thất cử) và Đại nguyên soái Trung Hoa Dân Quốc đã ra một tuyên ngôn ngày 26.7.1945[4] trong đó có ghi là "Các điều khoản của bản tuyên cáo Cairo sẽ được thi hành".[5]

Trong Hội nghị Potsdam các nhà lãnh đạo tam cường cũng đã quyết định chia Đông Dương làm hai khu vực để cho tiện việc giải

---

[1] Id, trang 448-449

[2] Xem chú giải số 3, trang 222

[3] Xem bài "Roosevelt – Churchill – Stalin Luncheen meeting" trong FRUS Cairo-tehran, nt., trang 566.

[4] Về sau thường gọi là Bản Tuyên Ngôn Potsdam. Toàn văn trong DOCUMENTS ON AMERICAN FOREIGN RELATIONS", do Raymond Dennett và Robert K. Turner biên soạn và do Princeton University Press xuất bản năm 1948, tập VIII, 1-7-1945 – 31-12-1946.

[5] Id, trang 106

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

giới quân đội Nhật Bản trú đóng tại đây. Vĩ tuyến 16 được chọn làm ranh giới : khu vực bắc vĩ tuyến ủy thác cho Quốc Dân Trung Hoa giải giới và khu vực phía Nam cho liên quân Anh-Ấn[1].

Khi Nhật Bản đầu hàng, Nhật Bản đã chịu điều kiện quy định trong bản tuyên cáo Cairo và ghi nhận trong văn kiện đầu hàng ngày 2.9.1945[2]. Đồng thời khi ra lệnh cho quân đội Nhật Bản ở ngoại quốc đầu hàng và nộp võ khí cho quân đội Đồng minh, Nhật hoàng Hirohito đã ban hành tổng mệnh lệnh số 1, trong đó điều 1 khoản (a) quy định là:

"Các tư lệnh Nhật Bản và tất cả lục quân, hải quân và các lực lượng phụ thuộc ở trên đất Trung Hoa (ngoại trừ Mãn Châu) Đài Loan và Đông Pháp ở 16 độ bắc vĩ tuyến đầu hàng Đại nguyên soái Tưởng Giới Thạch."[3]

Vì quần đảo Hoàng Sa nằm ở giữa vĩ tuyến 15045' và 1705' nên theo nguyên tắc vấn đề giải giới quân đội Nhật Bản trú đóng ở quần đảo này thuộc thẩm quyền Quốc quân Trung Hoa; còn quần đảo Trường Sa nằm giữa vĩ tuyến 80 và 120 nên thuộc thẩm quyền liên minh Anh-Ấn.

Việc giải giới quân đội Nhật Bản của Quốc quân Trung Hoa ở Bắc vĩ tuyến được coi là bắt đầu từ ngày 9.9.1945, khi quân đội của tướng Lư Hán tiến vào thành phố Hà Nội, và chấm dứt vào cuối tháng 8/1946 khi quân đội chiếm đóng Trung Hoa cuối cùng rời khỏi Việt Nam[4] sau khi Trung Hoa Dân Quốc đã ký với Pháp một thỏa ước ngày 28.2.1946 nhường lại quyền

[1] Xem HISTOIRE D'UNE PAIX MANQUEE, INDOCHINE 1945-1947 của Jean R. Sainteny, do nhà Amiot Dumont xuất bản tại Pais năm 1953, trang 50

[2] Xem "UNITED STATES STETUTES-AT-LARGE" trong Fxecutive Agreement Series, số 493, tập 59, phần II, xuất bản tại Washington D.C., năm 1945, trang 1734-1735.

[3] Do Herbert Feis thuật lại trong sách "JAPAN SUBDUED THE ATOMIC BOMB AND THE END OR THE WAR IN THE PACIFIC" do Priceton University Press xuất bản tại Princeton, năm 1961, trang 139

[4] Xem them chi tiết trong cuốn "VIETNAM AND CHINA: 1938-1954" của King C. Chen do Princeton University Press xuất bản tại New Jersey năm 1969.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

giải giới cho quân đội Pháp[1]. Tuy nhiên theo Bành Phẩm Quang viết trong bài "Quần đảo Nam Sa tiền đồn để phòng thủ lãnh hải" thì

"Ngày 26.10.1946, hạm đội đặc biệt của Trung Hoa Dân Quốc gồm 4 chiến hạm, mỗi chiếc chở một số đại diện của các bộ và 59 binh sĩ thuộc trung đội độc lập về cảnh vệ của hải quân (tiền thân của thủy quân lục chiến) từ cảng Ngô Tùng xuất phát ngày 29.10 và 29.11 thì các tàu Vĩnh Hưng và đổ bộ lên đây. Ngày 4.12 chiến hạm Vĩnh Hưng còn đi qua đảo La Bột, đảo Ba Bột,… rồi trở lại. Còn hai chiến hạm Thái Bình và Trung Nghiệp đến ngày 9.12 mới tới quần đảo Nam Sa. Tháng 12 hoàn tất công tác chiếm đóng đảo Thái Bình tới các đảo thái, Đế Đô, Song Tử, Nam Cực,… rồi trở về. Đến đây công tác chiếm đóng và tiếp thu quần đảo Tây Sa và Nam Sa đã hoàn tất và lần lượt trở về cảng Du Lâm."[2]

Như vậy việc Quốc Dân Trung Hoa đổ bộ lên hai quần đảo này mà chính phủ Trung Hoa Dân Quốc và Trung Cộng coi là "tiếp thu" là một hành vi bất hợp pháp vì nhiều lẽ:

a) Theo quyết định của Hội nghị Potsdam, Quốc quân Trung Hoa chỉ có quyền giải giới quân đội Nhật Bản ở trên quần đảo Hoàng Sa chứ không có quyền ở trên quần đảo Trường Sa vốn thuộc thẩm quyền liên quân Anh-Ấn.

b) Nếu muốn giải giới thì phải thực hiện trước cuối tháng 8/1946. Đằng này Quốc quân Trung Hoa lại để đổ bộ quân lính lên hai quần đảo này vào tháng 11 và 12 năm 1946 và tháng 1 năm 1947, như thế là đã làm

một hành vi xâm lược chứ không phải là hành vi thu ủy hợp pháp, vì từ tháng 8/1946 hành vi giải giới của Quốc quân Trung Hoa không còn căn bản pháp lý nữa.

---

[1] 28-2-1946 Đại sứ Pháp tại Nam Kinh Jacques Meyrier đã ký với ngoại trưởng Trung Hoa Dân Quốc Wang Shih-chieh một hiệp ước 13 điều mệnh danh là " Hiệp ước giữa Trung Hoa Dân Quốc và Pháp Quốc về việc Pháp quốc khước từ trị ngoại pháp quyền và các quyền liên hệ khác ở Trung Hoa", một thỏa ước 11 điều mang tên là "Thỏa ước giữa chính phủ Trung Hoa và chính phủ Pháp quốc liên quan tới quan hệ Trung Hoa và Đông Dương", và một văn thư trao đổi. Các tài liệu này in trong tập "TREATIES AND AGREEMENTS BETWEEN THE REPUBLIC OF CHINA AND OTHER POWERS" của Chen Yin-ching, do Sin-American Publishing Service xuất bản tại Washington, D.C., năm 1957, trang 258-270.

[2] Trung Hoa báo (bằng Hoa ngữ), Đài Bắc, ngày 14.7.1971

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

c) Bản Tuyên cáo Cairo và tuyên ngôn Potsdam hoàn toàn không đề cập tới vấn đề trao hoàn cho Trung Hoa hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Nhật Bản đã cưỡng chiếm vào đầu trận thế chiến II, như vậy gián tiếp chứng tỏ các nhà lãnh đạo tham dự hai hội nghị đã quan niệm hai quần đảo này không phải là phần lãnh thổ của Trung Quốc.

Do đó lời tuyên bố ngày 15.8.1951 của Châu Ân Lai đã mâu thuẫn với lời tuyên bố ngày 4.12.1950 cũng của họ Châu đã nói bên trên, vì một đằng Trung-Cộng đòi các quốc gia phải tuân theo hai văn kiện quốc tế này và các chính sách căn bản đối với Nhật Bản sau khi nước này đầu hàng (việc chia đôi Đông Dương để giải giới cũng là một chính sách căn bản).

Thứ ba: Trung Cộng coi bất cứ một hòa ước nào ký với Nhật Bản mà không có sự tham dự của Trung Cộng vào việc chuẩn bị, soạn thảo và ký là bất hợp pháp và vô hiệu.

Hòa ước Cựu Kim Sơn ký ngày 8.9.1951 có phải là hòa ước bất hợp pháp không?

a) Theo định nghĩa của luật quốc tế, một hiệp ước quốc tế chỉ bị coi là bất hợp pháp khi nào nó nhằm theo đuổi một đối tượng vô luân (immoral), khi nào nó tạo ra những nghĩa vụ bất hợp pháp trái với các nguyên tắc đã được mọi quốc gia công nhận trong luật quốc tế[1], trái với nhân quyền, trái với các nguyên tắc căn bản của Hiến chương liên hiệp quốc, hay một hiệp ước mà sự thi hành sẽ tạo nên một sự bất công pháp lý (a legal wrong) cho một quốc gia đệ tam[2], hay một khi nó được ký kết bất xứng hay mâu thuẫn với các nghĩa vụ của hiệp ước có trước mà tất cả hay một trong các phe kết ước đã ký kết[3].

Hòa ước Cựu Kim Sơn với Nhật Bản nhằm chấm dứt tình trạng chiến tranh giữa các quốc gia kết ước và Nhật Bản kéo dài từ khi xảy ra trận thế chiến II, khôi phục địa vị của Nhật Bản trên trường quốc tế, làm giảm tình trạng căng thẳng trên thế giới ngõ hầu xúc

[1] Xem trong " INTERNATIONAL LAW: A TREATISE" của L. Oppenheim, tập 1, ấn bản thứ 8, 1958 của nhà xuất bản Oxford University Press, trang 897.

[2] Id

[3] Id, trang 894

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

tiến việc tạo dựng và duy trì hòa bình thế giới, như vậy là đã tuân thủ các nguyên tắc căn bản của Hiến chương Liên hiệp quốc và theo đuổi một đối tượng cao quý, chứ không phải là vô luân.

Riêng đối với Trung Cộng, nếu muốn, nước này có thể viện cớ không được mời tham dự hòa hội Cựu Kim Sơn để coi hào ước vô giá trị đối với mình thôi, chứ không thể coi nó là bất hợp pháp được. Ngược lại, chính Trung Cộng đã có hành vi bất hợp pháp khi đã cổ vũ và biện minh cho hành vi của nhà cầm quyền Trung Hoa khi đem quân đến chiếm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dưới danh nghĩa tiếp thu.

Hơn nữa, đứng riêng về phương diện Hoàng Sa và Trường Sa, Trung Cộng có thể coi hòa ước này là vô hiệu được không? Điều 2 của hòa ước Cựu Kim Sơn sau khi nói về việc Nhật Bản từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi đối với tất cả các lãnh thổ nào không phải là lãnh thổ chính của Nhật Bản mà Nhật Bản đã chiếm được từ khi có trận thế chiến I cho đến khi chấm dứt thế chiến II trong đoạn cuối cùng đã quy định là:

"Nhật Bản khước từ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa".

Các quy định trong điều a như vậy đã đúng với quyết định của Hội nghị Cairo năm 1943 được diễn tả trong bản tuyên cáo Cairo mà Trung Cộng đòi hỏi phải được coi là căn bản chính cho một hòa ước ký với Nhật Bản đã nói ở bên trên, hay nói cách khác Trung Cộng đã coi quyết định của các đại cường là hợp lý, hợp tình và hợp pháp.

b) Về giá trị của bản tuyên cáo Cairo thì cả hai phe Quốc Cộng Trung Hoa đều nhìn nhận là có hiệu lực. Ta có thể đơn cử vài thí dụ. Ngày 8.2.1955, khi duyệt xét tình hình thế giới, tổng thống Trung Hoa Dân Quốc Tưởng Giới Thạch đã từng nói:

"Tôi còn nhớ rằng năm 1945, cố tổng thống Hoa kỳ Roosevelt và đương kim thủ tướng Anh Churchill đã cùng tôi họp hội nghị ở Cairo về thảo luận các vấn đề có liên quan tới việc tiến hành chiến tranh chống Nhật Bản và hậu quả của nó. Trong thông báo công bố vào lúc bế mạc của hội nghị, chúng tôi đã thông báo là tất cả các lãnh thổ do Nhật Bản cướp của Trung Hoa kể cả Đông Bắc tỉnh[1]*, Đài Loan và Bành Hồ phải được trao hoàn cho Trung Hoa Dân Quốc, lời tuyên bố này đã được bản tuyên ngôn Potsdam công nhận và Nhật Bản chấp nhận khi nước này đầu hàng.*Như vậy giá trị của

[1] tức là Mãn Châu

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nó tức là của bản tuyên cáo Cairo dựa trên một số sự thỏa thuận và không ai có thể hoài nghi được.

"Có người phủ nhận giá trị của bản tuyên cáo Cairo. Nếu người ta có thể phủ nhận giá trị của bản tuyên cáo Cairo thì bản tuyên ngôn Potsdam và tất cả các hiệp ước, thỏa ước quốc tế được ký kết từ khi chấm dứt Thế chiến II sẽ ra sao? Có thể phủ nhận giá trị của những văn kiện này được không? Nếu các nước dân chủ không thừa nhaank bản nguyên cáo Cairo mà chính họ đã ký kết thì làm thế nào bây giờ hay trong tương lai họ có thể chỉ trích khối Cộng sản xâm lăng xóa bỏ các hiệp ước, thỏa ước được? ..."[1]

Về quan điểm Bắc kinh đối với vấn đề giá trị của bản tuyên cáo Cairo, ta đã thấy tại cuộc tranh luận liên hiệp quốc về địa vị của đảo Đài Loan đang tiến hành, ngày 24.8.1950 nhà cầm quyền Cấm thành đã gửi một bức công điện cho tổ chức quốc tế này trong đó đã đề cập tới hai bản tuyên cáo và tuyên ngôn này coi là " những thỏa ước có ước thú lực" mà các quốc gia ký kết phải tôn trọng và tuân hành[2]. Hay như qua lời tuyên bố ngày 4.12.1950 của Châu Ân Lai nói trên, cũng như trong lời tuyên bố ngày 15.8.1951 của Châu Ân Lai đã nói:

"Dù xét về thủ tục mà hòa ước được chuẩn bị hay về nội dung, ta thấy Dự thảo hòa ước Anh-Mỹ trắng trợn vi phạm các hòa ước quốc tế quan trọng mà Anh-Mỹ đều là phe kết ước, như là bản tuyên caó Cairo, bản tuyên ngôn Potsdam."

"Vi phạm sự thỏa thuận theo bản tuyên cáo Cairo và bản tuyên ngôn Potsdam, dự thảo hòa ước chỉ quy định là Nhật Bản sẽ khước từ các quyền đối với Đài Loan và Bành Hồ..."[3]

Một học giả Trung Cộng, Trần Thể Cường, đã viết một bài nhan đề "Đài Loan đích chủ quyền thuộc Trung Quốc", trong đó ông có nói:

---

[1] Xem bài " Review of International Situation" đăng trong " PRESIDENT CHIANG KAI-SHEK'S SELECTED SPEECHES AND MESSAGES IN 1955" do China Publising Co., ấn hành tại Đài Bắc năm 1956, trang 22-3. nhấn mạnh thêm.

[2] "TRUNG HOA NHÂN DÂN CỘNG HÒA QUỐC ĐỐI NGOẠI QUAN HỆ VĂN KIÊN TẬP", in tại Bắc Kinh, tập 1 , trang 134

[3] Id, tập II, trang 30-36.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

"Bản tuyên cáo Cairo… là một văn kiện quốc tế ràng buộc về pháp lý các quốc gia đương sự. Hơn nữa bản tuyên ngôn Potsdam do Trung Hoa, Hoa kỳ và Anh-cát-lợi ký ngày 26-7-1945, để thúc Nhật Bản đầu hàng và tái xác định các nghĩa vụ trong bản tuyên cáo Cairo, bản tuyên ngôn Potsdam quy định là các điều khoản của bản tuyên cáo Cairo là một văn kiện tạo nên nghĩa vụ quốc tế chứ không phải chỉ là lời tuyên bố về các ý định của các người ký…

"Đứng về phương diện học lý của luật quốc tế, không thể nào nghi ngờ hiệu lực ước thú của bản tuyên cáo Cairo, một hiệp ước quốc tế."[1]

Như vậy là cả hai phe Quốc Cộng Trung Hoa đều đồng ý là bản tuyên cáo Cairo có hiệu lực đối với các quốc gia kết ước. Trung Hoa, một trong các quốc gia đó, có bổn phận phải tuân thủ những điều cam kết. Do đó, tuy không tham dự việc chuẩn bị, soạn thảo và ký hòa ước Cựu Kim Sơn, Trung Cộng không thể coi hòa ước này vô hiệu lực được vì lẽ nó quy định đúng những quyết định của bản tuyên cáo Cairo mà Trung Cộng vẫn đòi mọi phe kết ước phải tuân theo. Nói cách khác vì hòa ước Cựu Kim Sơn chỉ là một văn kiện quốc tế nhằm thi hành những quyết định của Hội nghị Cairo 1943, kể cả đối với Trung Cộng vốn tự nhận là đại diện duy nhất chân chính của nhân dân Trung Hoa.

3. Sau khi lên tiếng ngày 15.8.1951 về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Trung Cộng giữ thái độ hoàn toàn im lặng về vấn đề này cho mãi tới năm 1956.

Thực vậy, ngày 18.9.1951, khi bình luận về vấn đề ký hòa ước Cựu Kim Sơn, trong một thông báo của Bộ ngoại giao, Châu Ân Lai không hề nói gì về vấn đề hai quần đảo này mà chỉ lập lại lập trường cũ, phủ nhận giá trị và hiệu lực của hòa ước vì đã được ký kết không có sư tham dự của Trung Cộng[2].

[1] NHÂN DÂN NHẬT BÁO, Bắc Kinh, ngày 8.2.1955, trang 4. Nhấn mạnh thêm

[2] Toàn văn bản nhan đề "Foreign Minister chou.En-lai's Statement on San Francisco Peace Treaty", đăng trong People's China, tập IV, số 7, ngày 1.10.1951, trang 39. Vì bài này không đề cập đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nên không được trích dịch nơi đây.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Sự im lặng này càng khó hiểu hơn nữa khi chắc chắn là Trung-Cộng phải biết rằng hòa hội Cựu kim sơn đã bác bỏ đề nghị của phái đoàn Ng. Sô đòi trao trả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung-Cộng và về phản ứng của phái đoàn quốc gia Việt Nam.

Chúng ta biết rằng ngày 5.9.1951, trong phiên khoáng đại hội nghị thứ hai của hòa hội Cựu Kim Sơn, Đại biểu Nga-Sa Andrei A. Gromyko sau khi chỉ trích tính cách bất hợp pháp và sự vô nghĩa của bản dự thảo hòa ước của Anh-Mỹ để ký với Nhật BẢn đã đưa ra một đề nghị 7 điểm gọi là để hướng dẫn việc ký kết hòa ước thật sự với Nhật Bản, trong đó điểm 6 đề nghị trao trả hai quần đảo này cho Trung-Cộng. Hai ngày sau, 7.9.1951, trưởng phái đoàn quốc gia Việt Nam, thủ tướng kiêm ngoại trưởng Trần Văn Hữu, đã lên tiếng tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Về đề nghị của Gromyko, chính phủ Trung Cộng không chính thức lên tiếng, chỉ có bán nguyệt san Anh ngữ của Trung Cộng People's China (Nhân Dân Trung Quốc) tường thuật lại trong một bài nhan đề "At the San Francisco "Conference" (tại Hội nghị Cựu Kim Sơn) trong đó có ghi điểm 6 của đề nghị của Nga-Sô như sau:

"Quy hoàn Đài Loan, quần đảo Bành Hồ, quần đảo Tây Sa và các lãnh thổ Trung Hoa khác cho Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa."[1]

Ngoài điểm này ra, bài tường thuật cũng không đã động gì đến việc hòa hội bác bỏ đề nghị của Nga-Sô và đến phản ứng của Việt Nam. Sự im lặng này đáng lạ vì bài tường thuật được viết trong khoảng thời gian giữa ngày 5.9.1951 (ngày Gromyko nêu đề nghị 7 điểm), ngày 7.9.1951 (ngày trưởng phái đoàn quốc gia Việt Nam tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam và ngày 16.9.1951 (ngày báo phát hành). Như vậy không thể nào Trung Cộng không biết gì đến phản ứng của Việt Nam đối với đề nghị của Nga-Sô, nhất là thời gian cách quãng quá ngắn (11 ngày) nên không có lý nào Trung Cộng lại quên được

Sự im lặng lại càng trở nên khó hiểu hơn nữa khi trong bản tuyên bố ngày 5.5.1952[2] về hòa ước mà Trung Hoa Dân Quốc và

[1] People's China. Tập 4, số 6, ngày 16.9.1951, trang 4. Nhấn mạnh thêm
[2] Toàn bản văn trong People's China, tập V, số 10, ngày 16.5.1952, trang 4.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Nhật Bản đã ký với nhau ngày 28.4.1952, Châu Ân Lai không nói gì đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mặc dù hai quần đảo này đã được đề cập một cách mập mờ trong điều 2 của hòa ước như sau:

"Điều 2- Hai bên nhìn nhận là theo điều 2 hòa ước với Nhật Bản ký ngày 8.9.1951 tại Cựu kim sơn ở Hoa Kỳ, Nhật Bản đã khước từ mọi quyền, danh nghĩa hay đòi hỏi liên quan tới Đài Loan và Bành Hồ, cũng như quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa"[1]

Nghĩa là Nhật Bản chỉ nhắc lại việc khước từ thoi chứ không nói rõ là Nhật Bản trao hoàn toàn hai quần đảo này cho Trung Hoa Dân Quốc.

Vì mục đích của bài này chỉ là tìm hiểu các luận cứ của Trung Hoa về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo thôi nên chúng tôi không đi tìm hiểu nguyên nhân của sự im lặng này.

III PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI VIỆC PHI LUẬT TÂN LẠI ĐÒI CHỦ QUYỀN TRÊN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA (1956)

Sự im lặng của Trung Cộng, và cả Trung Hoa Dân Quốc, kéo dài tới năm 1956 mới lại có dịp lên tiếng về vấn đề này

1. Trong hai năm 1949 và 1950, Tomas Cloma, chủ một đội ngư thuyền và thương thuyền và giám đốc một trường hàng hải (không phải là học viện Phi Luật Tân như nhiều tài liệu cho tới nay vẫn đề cập tới một cách sai lầm đã khám phá thấy một nhóm đảo lớn nhỏ ở cách đảo Palawan của Phi Luật Tân (một hòn đảo khoảng 4550 dặm vuông ở tây nam thủ đô Manila và bắc Borneo) khoảng 400 dặm về phía tây. Ông hy vọng lập một nhà máy nước đá và một nhà máy đóng đồ hộp ở trên một hòn đảo lớn nhất ở đây, củng như là khai thác phân chim trong những hòn đảo kế cận.

Tuy nhiên mãi tới đầu năm 1956 Cloma mới lại tiếp tục khám phá những hòn đảo này trong một chuyến du hành 38 ngày. Ngày 15.3.1956, chiếc tàu PIM IV – vẫn được dung để huấn luyện các sinh viên trường hàng hải của Cloma – do thuyền trưởng Filemon Cloma, em trai Tomas Cloma điều khiển đã lên đường ra các hòn đảo này

[1] Toàn văn bản hòa ước Trung Hoa Dân Quốc – Nhật Bản đăng trong cuốn "TREATIES AND AGREEMENT" của Chen Yin-Ching, nt., trang 454-456. Vì không có bản Hoa Ngữ nên chúng tôi dịch hai danh từ Spratly Islands và Paracel Islands bảng danh từ thông dụng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

chiếm đóng[1] . 40 thủy thủ trên tàu, tất cả đều có quốc tịch Phi Luật Tân, đã dựng quốc kỳ Phi Luật Tân trên một hòn đảo và chính thức tuyên bố chiếm hữu đảo này theo tục lệ quốc tế. Tại mỗi hòn đảo họ tới chiếm đóng họ đều niêm yết cáo thị chiếm hữu. Họ đặt tên các hòn đảo ở đây, tất cả có 53 đảo và cù lao với diện tích tổng cộng là 64.976 dặm vuông, là "Freedomland" (đất tự do)[2]

Ngày 15.5.1956 Cloma chính thức thông báo cho phó tổng thống kiêm ngoại trưởng Phi Luật Tân Calos P.Garcia hay là những công dân Phi Luật Tân đã quan sát, trắc lượng và chiếm hữu "một lãnh thổ ở Nam Hải bên ngoài hải phận Phi Luật Tân và không thuộc quyền quản hạt của nước nào"[3]. Cloma cũng nói thêm là lãnh thổ này đã được Cloma và những đồng sự tuyên bố chiếm hữu.

Mặt khác Cloma đã gửi những tờ cáo thị về viêc chiếm hữu này tới các báo chí trong và ngoài nước, yêu cầu đăng tải theo thủ tục luật quốc tế. Cáo thị này nhấn mạnh là sự tuyên bố này căn cứ vào các quyền khám phá và hay chiếm hữu công khai:

6 ngày sau, ngày 21.5.1956, Cloma gửi một bức thư thứ nhì cho Bộ ngoại giao Phi Luật Tân để thông báo cho chính phủ Phi Luật Tân hay là lãnh thổ mà ông tuyên bố chiếm hữu được đặt tên là "Freedomland". Kèm theo thư là danh sách các đảo và cù lao.

Trong thư Cloma còn nói rõ thêm là:

"Kính xin lưu ý là sự tuyên bố này do "các công dân Phi Luật Tân" làm chứ không phải là "nhân danh chính phủ Phi Luật Tân" bởi vì chúng tôi không được phép làm như vậy. Tuy nhiên việc này sẽ có hậu quả là lãnh thổ sẽ trở thành một phần của Phi Luật Tân. Vì lý do đó chúng tôi hy vọng và thỉnh cầu chính phủ Phi Luật Tân ủng hộ và bảo vệ sự tuyên bố của chúng tôi và xin cũng đừng đưa ra một tuyên bố nào khác ra Liên Hiệp Quốc để tránh khỏi khuyến khích, xúi giục sự phản đối của các nước khác."[4]

---

[1] Nhiều tài liệu hiện hữu đã không để ý tới chi tiết này, mà đều cho là chính Tomas Cloma đem thủy thủ tới chiếm đóng.

[2] Đây là một chi tiết mà các tài lieu hiên hữu đã sai lầm khi cho rằng chỉ có hòn đảo lớn mà Tomas Cloma đặt chân tới lần đầu mới được mang tên là Freedom Island.

[3] Trích đăng trong bài "Freedomland: Gov't states position on imbroglio over isles", đăng trong báo nguyệt san NEW PHILIPINES in tại Manila, số tháng 2/1974, trang 7.

[4] Id.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Sau đó Cloma chính thức tuyên cáo thành lập một chính quyền cho quần đảo "Freedomland" và gửi một bản tuyên cáo về việc thành lập chính quyền này cho ngoại trưởng Phi Luật Tân ngày 6.7.1956. Bản tuyên cáo này cũng yêu cầu Phi Luật Tân cho quần đảo hưởng quy chế "bảo vệ".

2. Vấn đề rắc rối thêm khi ngoại trưởng Phi Luật Tân trong thư trả lời Cloma đã viết:

"Về phần bộ ngoại giao, thềm Bộ coi các đảo, cù lao, ám-sa san hô, thiền-than và các bãi cát bao gồm ở trong vùng mà ông mệnh danh là "Freedomland", ngoại trừ nhóm 7 hòn đảo mà quốc tế thường gọi là quần đảo Spratly, là đất vô chủ, có cái mới nổi lên, có cái đã được ghi chú trên bản đồ quốc tế là chưa thám sát và sự hiện hữu đáng nghi ngờ, và tất cả còn chưa có ai tới chiếm hữu, chưa có ai cư ngụ; nói một cách khác điều đó có nghĩa là mọi công dân Phi Luật Tân có quyền tư do khai thác kinh tế và lập nghiệp như công dân bất cứ quốc gia nào khác, ngày nào mà chính quyền chuyên hữu của bất cứ quốc gia nào trên những đảo này không được thiết lập theo các nguyên tắc vẫn được luật quốc tế chấp nhận hay được cộng đồng các quốc gia thừa nhận.

"Còn về nhóm 7 hòn đảo mà quốc tế thường gọi là quần đảo Spratly, chính phủ Phi Luật Tân coi những hòn đảo này như là ở trong chế độ giám hộ trên thực tế của các quốc gia đồng minh thắng trận thế chiến thứ II do kết quả của hòa ước Nhật Bản ký tại Cựu kim sơn ngày 8.9.1951 do đó Nhật Bản khước từ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi trên quần đảo Spratly và quần đảo Paracel và cho tới nay các quốc gia đồng minh chưa có một vụ dàn xếp đất đai nào về hai quần đảo này. Do đó ngày nào mà nhóm các quần đảo này còn ở trong tình trạng này, mọi công dân hay nhân viên các quốc gia đồng minh có quyền khai thác kinh tế và lập nghiệp trên căn bản bình đẳng cơ hội và đối đãi về các vấn đề xã hội, kinh tế và thương mại liên quan tới hai quần đảo này.

" Phi Luật Tân là một trong những quốc gia đồng minh đã đánh bại Nhật Bản trong trận thế chiến thứ II và cũng là quốc gia ký hòa ước Nhật Bản đã nói bên trên.

"Về phương diện vị trí địa dư của những hòn đảo và cù lao bao gồm trong "Freedomland", vì chúng kế cận biên giới lãnh thổ Phi Luật Tân về phía Tây, vì những quan hệ lịch sử và địa chất của chúng đối với quần đảo Phi Luật Tân, vì giá trị chiến lược lớn lao của chúng tôi với nền quốc phòng an ninh của chúng ta, ngoài tiềm

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

năng kinh tế đáng kể về ngư nghiệp, sản phẩm san hô, hải sản và photphat, chắc chắn là chính phủ Phi Luật Tân không coi thường sự khai thác kinh tế và lập nghiệp của các công dân Phi Luật Tân tại những nhóm đảo và cù lao này ngày nào họ còn theo đuổi những mục đích hợp pháp"[1]

Ngoài ra, trong một buổi họp báo tại Manila ngày 19.5.1956, ngoại trưởng Phi Luật Tân cũng tuyên bố là một nhóm đảo ở Đông Hải kể cả đảo Thái Bình (Itu Aba) và đảo Trường Sa (Spratly) đúng lý ra phải thuộc về Phi Luật Tân vì chúng kế cận nước này.

Các sự kiện và lời tuyên bố này đã đưa đến những phản ứng mãnh liệt trên thế giới. Vì đề tài của bài này nên chúng tôi chỉ đề cập đến phản ứng của Trung Hoa thôi chứ không đề cập tới phản ứng của VNCH và của các quốc gia khác.

3. Ngày 29.5.1956 Bộ ngoại giao Trung Cộng đã đưa ra một tuyên bố mang quan điểm của Trung Cộng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo nội dung như sau:

"Theo tin gần đây của một vài hãng thông tấn ngoại quốc thì bộ trưởng ngoại giao Phi Luật Tân Carlos Garcia đã tuyên bố trong một cuộc họp báo là nhóm các đảo ở Nam Trung Quốc hải kể cả đảo Thái bình và đảo Nam Uy đúng lý ra phải thuộc về Phi Luật Tân vì chúng ở kế cận. Các báo cáo của các hãng thông tấn ngoại quốc còn tiết lộ là chính phủ Phi Luật Tân hiện đang tiếp xúc với bè lũ Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan mưu toan dàn xếp cái gọi là vấn đề chủ quyền trên quần đảo Nam-sa. Về vấn đề này, chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thấy cần phải tuyên bố như sau:

" Đảo Thái Bình và đảo Nam Uy trong Nam Trung Quốc hải nói trên, cùng với những đảo nhỏ ở lân cận đều được gọi chung là quần đảo Nam-sa. Quần đảo này lúc nào cũng là một phần lãnh thổ của Trung Quốc. Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa có chủ quyền bất khả tranh nghị và hợp pháp đối với quần đảo này. Ngay từ ngày 15.8.1951, Bộ trưởng ngoại giao Cộng Hòa Nhân Dân Châu Ân Lai trong bản tuyên bố về dự thảo hòa ước ký với Nhật Bản của Anh-Mỹ và hội nghị Cựu Kim Sơn đã long trọng vạch rõ rằng: Cũng như toàn thể quần đảo Nam Sa, quần đảo Trung Sa, và quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa (quần đảo Paracel) và đảo Nam Uy (đảo Spratly) lúc nào cũng là lãnh thổ Trung Quốc. Mặc dù có thời kỳ những đảo này bị Nhật chiếm đóng trong trận chiến

[1] Xem (3), trang 232

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

tranh xâm lăng do đế quốc Nhật Bản gây ra, sau khi Nhật Bản đầu hàng, chính phủ Trung Hoa lúc bấy giờ đã thu hồi lại. Cớ do chính phủ Phi Luật Tân đưa ra để che đậy ý đồ xâm chiếm lãnh thổ Trung Quốc, quần đảo Nam Sa hoàn toàn không thể biện minh được.

"Chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa long trọng tuyên bố: sự xâm phạm chủ quyền hợp pháp của Trung Hoa đối với quần đảo Nam-sa của bất cứ nước nào và bằng bất cứ phương tiện nào cũng tuyệt đối không thể dung thứ được".[1]

Cũng như bản tuyên bố ngày 15.8.1951 mà ban tuyên bố này nhắc tới, lần này bản tuyên bố ngày 29.5.1951 không nêu ra một chi tiết cụ thể nào để chứng minh chủ quyền của Trung Hoa đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, là chính đáng. Vẫn chỉ là sự tái khẳng định về chủ quyền đó thôi.

Về phía Đài Loan, chính phủ Trung Hoa Dân Quốc qua đại sứ ở Manila, đã phản kháng mạnh mẽ cùng chính phủ Phi Luật Tân, viện cớ rằng quần đảo này thuộc về Trung Quốc từ thế kỷ 15. Chúng tôi rất tiếc không được rõ nội dung sự phản kháng này nên không biết luận cứ của Đài Loan ra sao.

Cần nói thêm là song song với việc phản kháng tại Manila, phát ngôn viên Đài Loan loan báo viêc phái một lực lượng đặc nhiệm (task force) tới quần đảo Trường Sa "có thể và chắc chắn sẽ xảy ra" và quả thực một hạm đội Đài Loan đã được phái tới nơi trong một thời gian ngắn để ngăn chặn mọi việc không hay xảy ra.

Nhận được tin này, ngoại trưởng Phi Luật Tân vội vàng chỉ thị cho Đại sứ Phi Luật Tân tại Đài Bắc là Narciso Ramos báo cho chính phủ Đài Loan "không nên quá e ngại về diễn biến của tình hình."

Ngoài ra ông cũng loan báo là chính phủ Phi Luật Tân chưa có một thía độ chính thức nào về những lời tuyên bố của Cloma và tuy Phi Luật Tân chưa thám dò ý kiến với chính phủ Hoa Kỳ về vấn đề này, ông nghĩ rằng nếu sau này cần có một trung gian hòa giải thì Hoa Kỳ sẽ là "một trọng tài công minh chính trực" vì Hoa Kỳ có quan hệ thân hữu với cả hai nước.

Trong khi đó, ngày 8.6.1956 Cloma lại phái một đoàn thứ hai mang thực phẩm ra tiếp tế cho 29 thủy thủ đã ở lại tại quần đảo trong chuyến đi thứ nhất.

---

[1] Tân Hoa Xã, ấn bản Anh ngữ ngày 29.5.1956, nhan đề "Foreign Ministry Statement on Nansha Islands" đang trong SURVEY OF CHINA MAINLAND PRESS của tòa tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại Hương Cảng, số 1301 ngày 4.6.1956, trang 20. Nhấn mạnh thêm.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Ở đảo Thái Bình, các thủy thủ Cloma thấy hải quân Đài Loan đã bốc dỡ những mẫu bia đánh dấu mà họ dựng lên trên đảo trong chuyến đi thứ nhất và đã dựng một dấu hiệu của Trung Hoa trên mốc bia cũ của Nhật Bản và cùng vẽ dấu hiệu Trung Hoa trên tường một căn hộ đổ nát trước kia thuộc trại lính Nhật Bản.

Cuộc chạm trán đầu tiên giữa đội của Cloma và hải quân Đài Loan xảy ra ngày 1.10.1956. Lúc đó thuyền trưởng Filemon Cloma đang ở trên tàu PMI IV bỏ neo ở ngoài khơi đảo Cicriaco thì có hai chiếc tàu của Đài Loan từ phía Nam tiến lại gần. Thuyền trưởng Cloma được mời lên tàu của Đài Loan để thương nghị với thuyền trưởng họ Hồ. Cuộc thảo luận kéo dài 4h. Sau đó một đoàn thủy quân Đài Loan lên tàu của Cloma kiểm soát trong 2h. Họ tịch thu tất cả sung ống, vũ khí, bản đồ và các tài liệu trên tàu. Mặc dù cố phản kháng, thuyền trưởng Cloma bị giữ trên tàu mãi tới 9 giờ đêm hôm đó. Ngày hôm sau thuyền trưởng Cloma lại được mời lên tàu Đài Loan. Tuy từ chối không chịu nhận Freedomland là lãnh thổ của Trung Hoa và không chịu ký vào tờ tuyên bố là ông và các thủy thủ sẽ rời Freedomland không bao giờ trở lại, nhưng ông cũng bị bắt buộc phải nộp vũ khí cho các viên chức Đài Loan.

Tới 30.10.1956 thì tàu Đài Loan rời khu vực này.

Nói tóm lại, cả hai phe Quốc-Cộng Trung Hoa đều nhận Trường Sa và Hoàng Sa là lãnh thổ của Trung Hoa, và đi đến cả viêc dùng vũ lực ép người khác phải nhìn nhận như vậy nhưng cả hai đều không đưa ra được một dẫn chứng cụ thể nào để bênh vực quan điểm của mình.

IV. DỊP VIỆT NAM CỘNG HÒA BẮT GIỮ NGƯ DÂN CỦA TRUNG-CỘNG (1959)

Ngót 3 năm sau, năm 1959, lại có một biến cố khác xảy ra khiến cho Trung-Cộng có dịp lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đêm ngày 20 rạng 21.2.1959, một đơn vị hải quân VNCH đóng tại quần đảo Hoàng Sa phát thấy Trung-Cộng đã lén đưa ngư dân đổ bộ lên các đảo Cam Tuyền (Robert), Duy Mộng (Drummond) và Quang Hòa (Duncan) trong nhóm nguyệt –thiềm (Crescent) thuộc quần đảo Hoàng Sa trong mục đích chiếm lấy quần đảo này. Đây không phải là lần đầu họ làm như vậy. Năm 1956 các ngư dân Trung Cộng cũng đã lén lút đổ bộ lên Lâm đảo (Wooded island) và đảo Linh Côn (Lincoln Island), cũng thuộc nhóm nguyệt-thiềm, và sau được

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

thay thế bằng quân chính quy Trung-Cộng. Tuy nhiên lần đổ bộ này họ đã không thành công, vì hải quân VNCH đã ngăn chặn các ngư thuyền chở họ và ra lệnh cho họ rút lui. Khi họ từ chối và kháng cự lại, các lực lượng hải quân VNCH đã bắt giữ 82 ngư dân và 5 ngư thuyền. Vài bữa sau họ được thả.

Ngót 1 tuần sau Trung Cộng mới phản ứng. Trong một bản tuyên bố ngày 27.2.1959. Bộ ngoại giao Trung-Cộng đã vu cáo là hải quân VNCH đã xâm nhập bất hợp pháp quần đảo Hoàng Sa và bắt cóc 82 ngư dân cùng chiếm giữ 5 ngư thuyền và các tài sản khác của ngư dân Trung Cộng. Bản tuyên bố còn nói thêm là:

"Quần đảo Tây Sa là một phần của lãnh thổ Trung Hoa. Chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã long trọng tuyên bố về sự kiện ngày 15.8.1951[1] và ngày 29.5.1956[2], Bây giờ hải quân Viêt Nam đã vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Trung Hoa và bắt giữ các ngư dân, ngư thuyền Trung Hoa. Điều này làm cho nhân dân Trung Hoa hết sức tức giận.

"Bộ ngoại giao Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa long trong cảnh cáo các nhà cầm quyền Nam Việt phải phóng thích ngay những ngư dân Trung Hoa bị bắt, trao trả các ngư thuyền và tài sản khác đã bị chiếm mang đi, bồi thường các thiệt hại cho những người này và đảm bảo không để cho những viêc bất hợp pháp tương tự tái diễn trong tương lai. Nếu không, nhà cầm quyền Nam Việt sẽ phải chịu trách nhiệm về tất cả các hậu quả."[3]

Chỉ có thế thôi, ngoài ra vẫn không có chi tiết để chứng minh Hoàng Sa, và cả Trường Sa là một phần lãnh thổ của Trung Hoa.

IV. PHẢN ỨNG VỀ LỜI TUYÊN BỐ CỦA TỔNG THỐNG PHI LuẬT TÂN VỀ CHỦ QUYỀN TRÊN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA (1971)

12 năm lại trôi qua đi không có dịp nào để các nhà cầm quyền Bắc Kinh và Đài Bắc lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho tới năm 1971.

[1] Xem số 2 trang 220

[2] Xem số 1 trang 235

[3] Tân Hoa Xã, ấn bản Anh ngữ ngày 27.2.1959, nhan đề "Statement on Kidnapping of Chinese Fishermen by South Vietnam Navy" đăng tải trong SURVEY OF CHINA MAINLAND PRESS số 1966, ngày 5.3.1959, trang 47

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Ngày 10.7.1971, trước ngày khai mạc hội nghị kỳ thứ 6 của Hiệp Hội các quốc gia Á châu và Thái Bình Dương (gọi tắt là ASPAC) trên cấp bậc tổng trưởng tại Manila, trong một buổi họp báo tại điện Malacanang (phủ tổng thống Phi Luật Tân), tổng thống Phi Luật Tân Ferdinand Marcos tố cáo quân đội Trung Hoa Dân Quốc dang chiếm đóng tại đảo Thái-bình đã tăng cường sự phòng thủ đảo này bằng những ổ trong pháo và trong một vài trường hợp họ đã bắn cảnh cáo vào những phi cơ và tàu của Phi Luật Tân đi trinh sát trong vùng. Ông cũng loan báo là Hội Đồng An Ninh quốc gia Phi Luật Tân trong phiên họp ngày 10.7.1971 đã đồng thanh cho rằng vì những diễn biến nhanh chóng xảy ra trong vùng và vì đảo này ở kế cận Phi Luật Tân nên việc một nước ngoài chiếm đóng ở đây là một mối đe dọa nghiêm trọng nền an ninh của Phi Luật Tân[1]. Ngoài ra, ông còn nhắc lại quan điểm của Phi Luật Tân đã nói ở đoạn trên coi quần đảo Trường Sa đang ở trong chế độ giám hộ theo thực tế của các quốc gia đồng minh do hòa ước Nhật Bản ký tại Cựu kim sơn ngày 8.9.1951, theo đó Nhật Bản khước từ mọi quyền danh nghĩa và đòi hỏi tại quần đảo này. Do chế độ giám hộ này không nước nào có quyền mang đội vào bất cứ hòn đảo nào trong nhóm quần đảo này nếu không có phép và sự thỏa thuận của các quốc gia đồng minh . Sau hết ông loan báo thêm là vì Đài Loan thiết lập một đồn binh tại đảo Thái-bình không có phép và sự thỏa thuân của các quốc gia đồng minh nên Phi Luật Tân yêu cầu chính phủ Đài Loan rút quân đội khỏi nước này.

Lời tuyên bố này đã gây ra phản ứng tại nhiều quốc gia. Vài ngày sau khi có lời tuyên bố này, chính phủ Anh và Hòa Lan loan báo họ khước từ quyền giám hộ trên những đảo này[2] Chính phủ VNCH qua lời tuyên bố của ngoại trưởng Trần Văn Lắm ngày 13.7.1971 tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Trường Sa mà các dữ kiện lịch sử và pháp lý chứng minh là thuộc về Việt Nam ít nhất là từ thế kỷ 19. Ông cũng nhắc lại lời tuyên bố của cựu thủ tướng kiêm ngoại trưởng Trần Văn Hữu tại hòa hội Cựu Kim Sơn ngày 7.9.1951.

Về phần Đài Loan, ngoại trưởng Châu Thư Giai đã tuyên bố rằng quần đảo Nam Sa từ thời xa xưa vẫn thuộc về Trung Hoa và quân đội Đài Loan đã chiếm đóng quần đảo này hơn 20 năm qua. Sau đó,

[1] bài Freedomland… nói trên, trang 232
[2] Id. Trang 232

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

ông đã hội đàm với ngoại trưởng Phi Luật Tân Carlos Romulo, nhưng nội dung không được tiết lộ.

Còn như Trung Cộng thì Tân Hoa Xã trong bài nhan đề Philipine Authorities Openly Violate China's Territorial Sovereignty by Occupying Islands of China 's Nanasha Island (nhà cầm quyền phi luật tân công khai vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung Hoa bằng cách chiếm đóng các đảo thuộc quần đảo Nam sa, ngày 16.7.1971[1] đã lên án việc Phi Luật Tân phái quân tới đóng chiếm vài hòn đảo trong đó có quần đảo Nam sa coi đólà một biến cố trầm trọng của một sự vi hạm trắng trợn chủ quyền lãnh thổ của Trung Hoa do các nhà cầm quyền Phi Luật Tân phạm phải trong lúc theo đuổi chính sách xâm lược và mưu đồ chiến tranh ở Á châu của đế quốc Mỹ. Bài này đã nhắc lại là:

"Quần đảo Nam Sa gồm đảo Thái bình, đảo Nam uy, đảo Trung nghiệp, đảo Mã hoan và nhiều cù lao khác ở Nam Trung Quốc hải. Những đảo này lúc nào cũng là phần lãnh thổ của Trung Hoa. Cộng đồng nhân dân Trung Hoa có quyền bất khả tranh nghị và hợp pháp trên những đảo này. Mặc dù quần đảo Nam sa đã có lần rơi vào tay đế quốc Nhật sau khi nướcnày tung ra trận chiến tranh xâm lăng, khi Nhật Bản đầu hang chính phủ Trung Hoa lúc bấy giờ đã thu lại quần đảo này".(Nhấn mạnh thêm)

Sau đó bài này nhắc lại lời tuyên bố của Châu Ân Lai ngày 15.8.1951 và tuyên bố phát ngôn viên bộ ngoại giao Trung Cộng ngày 29.5.1956 là tuyệt đối nước nào không được phép vi phạm chủ quyền hợp pháp của Trung Hoa tên quần đảo Nam Sa vì bất cứ lý do nào và dưới bất kỳ hình thức nào. Sau đó bài này còn cảnh cáo:

"Việc chính phủ Phi Luật Tân công khai vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung Hoa tuyệt đối không thể nào được chính phủ và nhân dân Trung Hoa tha thứ. Chính phủ Phi Luật Tân phải ngừng tay sự vi phạm chủ yếu lãnh thổ của Trung Hoa và rút nhân viên của mình ra khỏi quần đảo Nam Sa."

Lẽ dĩ nhiên Trung Cộng làm ngơ không đả động gì đến Đài Loan chiếm đảo Thái bình và tuyên bố chủ quyền trên quần đảo Trường Sa.

Một lần nữa, cả Trung Cộng và Đài Loan đều không đưa ra được bằng chứng về chủ quyền của TRung Hoa trên Quần đảo Trường

[1] Đăng tải trong SURVEY OF CHINA MAINLAND PRESS, số 4944, ngày 27.7.1971, trang 140

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Sa cũng như là Hoàng Sa mà chỉ nói vu vơ là hai quần đảo này thuộc Trung Hoa.

III. LUẬN CỨ ĐƯA RA TRONG VỤ ĐỤNG ĐỘ HẢI QUÂN VỚI VNCH (1974)

Vấn đề về chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa một lần nữa lại nổi lên trong tháng giêng năm 1974, lần này đã đưa viêc giải quyết bằng vũ lựcqua việc đụng đọ hải quân công kha và trực tiếp giữa VN cộng Hoà và Trung Cộng tại quần đảo Hoàng Sa. Vì là một nước nhỏ yếu nên Việt Nam Cộng Hoà chỉ chống cự được hai ngày và chịu để mất Hoàng Sa trong tay Trung Cộng.

1. Biến cố này xảy ra trong khi chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã quyết định sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào đảo Phước Hải, quận đất đỏ, tỉnh Phước Tuy ngày 6.9.1973. Tuy nhiên không hiểu vì lý do gì ma Trung Cộng để mãi tới 4 tháng sau mứi có phản ứng bằng một bản tuyên bố của Bộ ngoại giao Trung Cộng ngày 11.1.1974[1]:

"Cách đây không lâu,nhà cầm quyền Sài Gòn ở miền Nam Viêt Nam đã trắng trợn loan báo đặt hơn 10 đảo thuộc quần đảo Nam sa của TRung Hoa dưới quyền quản trị của tỉnh phước tuy ở miền Nam Việt Nam. Đó là một sự xâm phạmcuồng sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quỳen của Trung Hoa"

Sau khi nhắc lại lời tuyên bố đã từng lập đi lập lại nhiều lần là "cũng giống như các quần đảo Tây Sa, Trung Sa, và Đông Sa, đảo Nam Sa luôn luôn là lãnh thổ của Trung Hoa. Bản tuyên bố tố cáo đây không phải là lần đầu Việt Nam Cộng Hoà có hành động như vậy:

"Trong những năm gần đây nhà cầm quyền Sài Gòn đã gia tăng xâm chiếm vài hòn đảo trong quàn đảo Nam sa và Tây sa, trong nhiều trường hợp đã ồn ào đòi chủ quyền trên hai hòn đảo này, ngay cả dựng các bia chủ quyền trên đó. Giờ đây nhà cầm quyền Sài Gòn lại đi them bước nữa, công khai sáp nhập hơn 10 đảo, kể cả đảo Nam uy và Thái bình vào ranh giới của mình. Hành động này tạo thêm một bước mới nhằm nắm vĩnh viễn quần đảo Nam Sa của Trung Hoa".

[1] Toàn văn đăng trong *PEKING REVIEW*, Ba91c Kinh, tập 17, số 3, ngày 18-1-74, trang 3, dưới nhan đề "Statement by Spokesman of Chinese Ministry of Foreign Affairs"

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Sau đó bản tuyên bố nhắc lại lập trường cũ của Trung Cộng"

"Chính phủ Cộng hoà Nhân Dân Trung Hoa nhắc lại ở đây rằng các quần đảo Nam sa, Tây sa, Trung sa và đông sa tất cả đều là phần cả lãnh thổ Trung Hoa. Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa có quyền bất khả tranh nghị trưên những quần đảo này"

Ngoài ra trong bản tuyên bố còn có thêm một yếu tố mới khi nói:

"Các tài nguyên thiên nhiên trong vùng biển quanh các quần đảo này cũng thuộc về Trung Hoa"

Bản tuyên bố11.1.1974 đã kết luận bằng cách phủ nhận giá trị hành động của Viêt Nam Cộng Hoà.

"Quyết định của nhà quyền Sài Gòn đem sáp nhập đảo Nam Uy, Thái bình và các đảo khác của quần đảo Nam Sa vào Việt Nam là bất hợp pháp và vô hiệu lực. Chính phủ Trung Hoa sẽ không bao giờ dung thứ sự xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền nào do nhà cầm quyền Sài Gòn gây ra."

Luận cứ của bản tuyên bố này cũng giống như luận cứ của bản tuyên bố trước, nghĩa là vẫn thiếu sót sự viện dẫn bằng chứng để chứng minh hai quần đảo này thuộc về Trung Hoa.

Tuy nhiên trong bản tuyên bố này ta thấy có vài dữ liệu mới.

Thứ nhất, không giống các lần tuyên bố trước, lần tuyên bố này có giọng điệu gay gắt hơn như báo hiệu trước những biên pháp mạnh của Trung Cộng.

Thứ hai, trong khi tại những bản tuyên bố trước Trung Cộng chỉ nói đến sự vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung Hoa thôi do các nước gây ra, lần này Trung Cộng lại vu cáo Việt Nam Cộng Hoà gia tăng lấn chiếm Hoàng Sa và Trường Sa trong mưu đồ nắm vĩnh viễn hai quần đảo này. Sự vu cáo như vậy dường như để đánh lạc hướng dư luận quốc tế trước, quy tội xâm lăng cho Viêt Nam Cộng Hoà trước để cho viêc đánh chiếm hai quần đảo này của Trung Cọng trở nên hợp pháp,nghĩa là muốn chứng minh Trung Cộng dung vũ lực để bảo vệ lãnh thổ, chủ quyền cảu mình thôi.

Thứ ba, lần đầu tiên Trung Cộng công khai bộc lộ rõ nguyên nhân thầm kín thúc đẩy viêc tranh chấp chủ quyền trên hai quần dảo Hoàng Sa và Trường Sa, đó là nguồn tài nguyên thiên nhiên ở vùng này. Điều đáng chú ý ở đây là sự sử dụng chữ của Trung-Cộng trong bản tuyên bố này. Bản tuyên bố này không nói là những tài nguyên

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

thiên nhiên trên các quần đảo này mà lại nói tới những tài nguyên thiên nhiên trong các vùng biển quanh các đảo này thuộc về Trung Hoa. Như vậy, Trung Cộng cố đòi cho kỳ được chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa không phải vì chỗ phân chim, photphat hay các tài nguyên khác tìm thấy trên hai quần đảo này mà chính là nhằm những túi dầu có ở quanh hai quần đảo. Đây mới là nguyên động lực chính thúc đẩy Trung Cộng ra tay hành động và hành động mạnh.

Tưởng cũng cần nhắc lại là Trung Cộng chỉ lên tiếng với các lời lẽ gay gắt hơn và sau này đi tới hình thức tranh chấp cực đoan hơn, tức là dùng đến vũ lực để chiếm Hoàng Sa, sau khi mấy công ty dầu hỏa ngoại quốc đã ký giao kèo khai thác dầu ở ngoài khơi của Việt Nam Cộng Hòa với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Giả thử quanh hai quần đảo này không có dầu hỏa thì chưa chắc Trung Cộng đã làm gì, có lẽ vẫn giữ nguyên thái độ cũ là chỉ tuyên bố, đe dọa suông như mọi lần, chứ không đi đến việc dùng vũ lực chiếm quần đảo.

Đây cũng có thể là một trong những lý do Trung Cộng phải chờ hơn 4 tháng sau khi Việt Nam Cộng Hòa sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Phước Tuy mới có phản ứng. Cũng cần nhắc lại là trong các lần trước Việt Nam Cộng Hòa đã nhiều lần sáp nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa (ngày 13.7.1961 đặt quần đảo Hoàng Sa thuộc quyền tỉnh Quảng Nam; ngày 29.1.1959 sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Phước Tuy, v.v…) mà Trung Cộng không hề lên tiếng phản đối chứ đừng nói tới việc sử dụng vũ lực. Thế mà lần này chỉ có sự sáp nhập vào một xã cũng thuộc tỉnh Phước Tuy thôi mà Trung Cộng lại dùng đến vũ lực, vậy ta có thể đề quyết không sợ bị sai lầm là chính vì dầu hỏa của Việt Nam Cộng Hòa mà Trung Cộng đã ra tay.

2. Tuy nhiên bản tuyên bố ngày 11.1.1974 mới chỉ là màn giáo đầu. Sau khi xảy ra cuộc hải chiến tại vùng quần đảo Hoàng Sa giữa Việt Nam Cộng Hòa và Trung Cộng ngày 19-20/1/1974, bộ ngoại giao Trung Cộng lại tung ra một bản tuyên bố khác ngày 20.1.1974[1] để vu cáo hải và không quân Việt Nam Cộng Hòa tấn công các ngư thuyền của Trung Cộng trước, chiếm hai đảo trong quần đảo Hoàng Sa ngày 15.1.1974, tấn công các đảo khác ngày 19.1.1974 và bắn vào các chiến hạm Trung Cộng đang đi tuần nên vì "bị đẩy tới quá

[1] Toàn văn đăng trong PEKING REVIEW, tập 17, số 4, ngày 25.1.1974, trang 3-4 dưới nhan đề "Statement of the Chinese Ministry of Foreign Affairs."

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

mức chịu đựng" nên các đơn vị hải quân, ngư dân và dân binh Trung Cộng mới chiến đấu "để tự vệ".

Sau khi vu cáo Việt Nam Cộng Hòa "đã từ lâu xâm chiếm hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa của Trung Hoa" và nhắc lại việc Việt Nam Cộng Hòa sáp nhập hơn 10 đảo thuộc quần đảo Trường Sa như đã nói tới trong bản tuyên bố ngày 11.1.1974, Bộ Ngoại giao Trung Cộng còn vu cáo thêm là Việt Nam Cộng Hòa bây giờ "lại trăng trợn khiêu khích Trung Hoa về quân sự và chiếm lãnh thổ của Trung Hoa bằng vũ lực. Đó là điều táo gan đến cùng cực."

Bản tuyên bố tiếp thêm là đồng thời với việc xâm nhập vũ trang vào lãnh thổ Trung Hoa, Việt Nam Cộng Hòa lại còn dùng đến chiến thuật "kẻ có tội đâm đơn kiện trước", bịa đặt chuyện Trung Cộng "đột nhiên thách thức" chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên quần đảo Hoàng Sa "nhằm cố gắng làm rối loạn dư luận quần chúng" và lại còn khẳng định là Sài Gòn hoàn toàn có chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và không một quốc gia nào tham dự Hội nghị Cựu Kim Sơn năm 1951 lại phản đối việc Việt Nam đòi chủ quyền.

Tới đây Bộ Ngoại giao Trung Cộng nhắc lại lời tuyên bố cố hữu là:

"Như mọi người đều biết, quần đảo Tây Sa cũng như các quần đảo Nam Sa, Trung Sa và Đông Sa luôn luôn là lãnh thổ của Trung Hoa."

và thêm:

"Đó là một sự thực bất khả tranh nghị và mọi người Trung Hoa đều chủ trương như vậy."

Điểm đáng chú ý ở đây là trong đoạn này Trung Cộng đã thêm câu "mọi người Trung Hoa đều chủ trương như vậy" sau khi nói đến tính cách bất khả tranh nghị chủ quyền của Trung Hoa trên quần đảo như mọi lần trước. Câu này nhằm chặn họng trước Đài Loan để đề phòng trường hợp Đài Loan, vì nhu cầu muốn duy trì sự giao hảo với Việt Nam Cộng Hòa vào lúc các quốc gia khác dần dần bỏ rơi Đài Loan và vốn có cừu thù với Trung Cộng, coi việc gì Trung Cộng làm cũng là trái với quyền lợi của Trung Hoa, quay ra chống đối hành động chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa của Trung Cộng, khiến cho Đài Loan không thể làm gì khác được. Hơn nữa, câu này còn có ý thách thức Đài Loan có dám đi ngược lại với quyền lợi của Trung Hoa không.

Về điểm này Trung Cộng đã thành công, vì như chúng ta được

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

biết, Đài Loan không những đã phụ họa với Trung Cộng trong việc đòi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa mà còn phái thêm quân đến chiếm đóng vài hòn đảo thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam Cộng Hòa để sẵn sàng chống lại khi cần.

Mặt khác, trái với mọi lần trước chỉ đề cập tới việc quần đảo Hoàng Sa (và cả Trường Sa) bị Nhật Bản chiếm đóng trong thời Thế chiến II và sau đó chính phủ Trung Hoa đã thu hồi lại, lần này bản tuyên bố ngày 20.1.1974 đưa thêm ra một chi tiết, tuy không mới lạ đối với Việt Nam, nhưng mới đối với những người ngoài cuộc: đó là bản tuyên bố nói tới việc Pháp chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa.

"Mặc dầu vài hòn đảo thuộc quần đảo Tây Sa có một thời kỳ trước Thế chiến II đã bị Pháp chiếm đóng và sau đó đến lượt Nhật Bản, nhưng sau Thế chiến, quần đảo Tây Sa cũng như các đảo khác trong Nam Trung Quốc hải đã được chính phủ Trung Hoa lúc bấy giờ chính thức thu hồi."

Chúng ta tự hỏi tại sao Trung Cộng lần này lại đề cập tới việc Pháp chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa? Câu này thật kho trả lời.

Nếu bảo rằng đó chỉ là để đáp lại lời tuyên bố của Việt Nam Cộng Hòa ngày 12.1.1974 và 16.1.1974 trong đó đã nêu việc trong thời kỳ Pháp thuộc "nhân danh vương quốc Việt Nam Chính Phủ Pháp đã thực hiện việc chiếm cứ chính thức đảo Hoàng Sa"[1] và đặt quần đảo Hoàng Sa thành đơn vị hành chánh sáp nhập vào tỉnh Thừa Thiên" cùng thiết lập hai đơn vị hành chánh tại quần đảo Hoàng Sa là đơn vị Croissant và đơn vị Amphytrite[2] để chứng minh chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên quần đảo thì lập luận như vậy không đúng. Tại sao? Vì không phải đây mới là lần đầu tiên Việt Nam Cộng Hòa đưa ra bằng chứng này. Thực vậy, suốt từ khi có hòa ước Cựu Kim Sơn 1951, nhất là từ năm 1956 trở đi, Việt Nam Cộng Hòa đã nhiều lần nhắc tới việc chiếm hữu quần đảo Hoàng Sa, và cả Trường Sa, của Pháp nhân danh Việt Nam, để chứng minh chủ quyền của mình. Lại nữa, trong vụ Phi Luật Tân đòi chủ quyền trên quần đảo Trường Sa năm 1956, Xử lý thường vụ Pháp tại Manila ngày 9.6.1956 đã thông báo cho Bộ Ngoại giao Phi Luật Tân về việc

[1] Tuyên bố ngày 12.1.1974 của phát ngôn viên Bộ Ngoại giao VNCH (bản quay roneo), nhan đề "Việt Nam Cộng Hòa bác bỏ lời tố cáo phi lý của Trung Cộng về quần đảo Hoàng Sa", trang 1)

[2] "Tuyên bố của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa về việc Trung Cộng vi phạm chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa" ngày 16.1.1974 (quay roneo, trang 1-2)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Pháp chiếm hữu hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa[1].

Như vậy không phải là Trung Cộng không biết đến yếu tố Pháp chiếm hai quần đảo. nhưng tại sao trong mọi lần trước Trung Cộng không đả đọng gì đến sự kiện này mà nay lại nhắc tới? Phải chăng đó là vì Trung Cộng muốn leo thang việc chứng minh chủ quyền của Trung Hoa trên quần đảo đương tranh có từ trước Thế chiến II nhưng đã bị Pháp chiếm mất? Không chắc như vậy vì một luận cứ kiểu này không thể nào đánh đổ được luận cứ của Việt Nam Cộng Hòa trên quần đảo này cũng như trên quần đảo Trường Sa và không thể nào chứng minh được chủ quyền của Trung Cộng. Vả lại nếu đúng vì mục đích này thì tại sao trong các lần tuyên bố trước Trung Cộng không hề nêu yếu tố này ra, mà chỉ nêu yếu tố Nhật Bản chiếm đóng?

Hay là vì những lần trước Trung Cộng đã quên yếu tố Pháp này? Càng không đúng nữa vì các lời tuyên bố phản ứng của Trung Cộng đều được phát biểu sau khi có tuyên bố của Việt Nam Cộng Hòa như chúng ta đã biết luôn luôn có đề cập đến yếu tố Pháp, vậy càng không có lý do để Trung Cộng quên được vì chắc Trung Cộng cũng phải nghiên cứu kỹ lưỡng các luận cứ của Việt Nam Cộng Hòa trước khi phản ứng.

Cũng không thể cho rằng Trung Cộng đã coi thường yếu tố này vì không một nhà hoạch định chính sách của một quốc gia nào có thể và có quyền coi thường bất cứ một chi tiết nào, dù là cỏn con, để có ảnh hưởng tai ahij cho quốc gia. Điều này càng đúng hơn nữa đối vứi Cộng sản nói chung và Trung Cộng nói riêng vốn có thói quen "cái tóc chẻ tư" để nghiên cứu mọi vấn đề.

Một điểm đáng chú ý khác là trong bản tuyên bố 20.1.1974 Trung Cộng đã chú trọng đến bản chất sự thu hồi quần đảo của chính phủ Trung Hoa sau khi Thế chiến II chấm dứt. Trong các bản tuyên bố trước chỉ nói là chính phủ Trung Hoa lúc đó (tức là chính phủ Trùng khánh của Tưởng Giới Thạch) đã thu hồi quần đảo thôi. Lần này để nhấn mạnh đến bản chất sự thu hồi, bản tuyên bố thêm trạng từ "chính thức" để làm nổi bật giá trị hành vi của nhà cầm quyền Trùng khánh và đồng thời biện minh sự đòi hỏi chủ quyền của mình.

Sau khi lập lại lời tuyên bố ngày 15.8.1951 của Châu Ân Lai như mọi tuyên bố của Bộ Ngoại giao Trung Cộng ngày 20.1.1974, để biện hộ cho việc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của mình,

[1] "Freedomland…",op.edit.,trang 9.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

đã viện dẫn tới chiêu bài "quốc gia xã hội chủ nghĩa" không bao giờ chiếm đóng quần ảo của nước khác, và nếu có xảy ra vụ đụng độ đó thì chẳng qua là vì phải tự vệ thôi.

"Trung Hoa là một quốc gia xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi không bao giờ chiếm đóng lãnh thổ của các nước khác, nhưng chúng tôi cũng sẽ không chịu để các nước khác chiếm đóng lãnh thổ của chúng tôi. Để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung Hoa, chính phủ và nhân dân Trung Hoa có quyền làm mọi hành vi cần thiết để tự vệ."

và kết luận bằng một sự đe dọa quen thuộc:

"Nhà cầm quyền Sài Gòn phải ngưng ngay lập tức mọi sự khiêu khích quân sự chống Trung Hoa và mọi hoạt động xâm chiếm bất hợpj pháp lãnh thổ của Trung Hoa. Nếu không, họ sẽ phải chịu hậu quả do các hoạt đọng này gây nên."

3. Đồng thời với bản tuyên bố ngày 20.1.1974 trên, guồng máy tuyên truyền của Trung Cộng đã cho phổ biến một bài tường thuật nội vụ cuộc hải chiến[1], lẽ dĩ nhiên với mọi chi tiết xuyên tạc, bóp méo hay thổi phồng cốt để cho người ta thấy lỗi thuộc về Việt Nam Cộng Hòa, còn hành động của Trung Cộng chỉ là "một cuộc đấu tranh chính đáng", dùng lời lẽ khuyến cáo trước không được mới phải dùng đến hình thức.

Bài này còn lập lại lời vu cáo Việt Nam Công Hòa đã nuôi ý định thôn tính các đảo của Trung Hoa ở Nam Hải từ lâu để đi tới lời đe dọa là nếu Việt Nam Cộng Hòa không chịu ngưng ngay việc xâm lược lãnh thổ thì "sẽ phải ăn trái cây đắng của họ."

4. Với lối lập luận tương tự, ngày 4.2.1974, Bộ Ngoại giao Trung Cộng lại một lần nữa ra bản tuyên bố[2] sau khi Việt Nam Cộng Hòa, để đề phòng mọi bất trắc, đã phái tàu hải quân tới tăng viện phòng thủ ở vài đảo trong quần đảo Trường Sa và cắm bia chủ quyền, một hành động mà bản tuyên bố coi là "một sự xâm phạm điên cuồng đến sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung Hoa và một sự khiêu khích quân sự mới chống lại nhân dân Trung Hoa". Bản tuyên bố cũng nói thêm:

[1] Bài "Saigon Authorities Invade China's Hsisha Island and Provoke Armed Conflicts", đăng trong Pecking Review, tập 17, số 4, ngày 25.1.1974, trang 4.
[2] Toàn văn đăng trong Pecking Review, tập 17, số 6, ngày 8.12.1974, trang 3 dưới nhan đề "Statement by Spokesman of Foreign Ministry."

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

" Chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa nhất quyết không để cho nhà cầm quyền Sàigòn xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung Hoa. Lập trường này của Chính phủ Trung Hoa cương quyết, không thể tay chuyển được".

5.- Ngoài ra, tại Hội nghị Liên hiệp quốc về luật Biển kỳ nhóm tại Caracas, thủ đô Venezuela, từ 20-6-74 đến 29-8-1974, trong một bài tham luận đọc trước hội nghị ngày 2-7-74, Trưởng phái đoàn Trung Cộng tham dự hội nghị là Sài Thụ Phiên (Thứ trưởng Ngoại thương) đã bác bỏ những lời tố cáo của phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và khẳng định:

"Quần đảo Tây Sa và Nam Sa ở biển Nam xưa nay vẫn là một phần lãnh thổ không thể chia cắt của Trung quốc, quyết không cho phép nhà cầm quyền Sài gòn bằng bất cứ có nào xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung quốc"[1].

Tuy nhiên cũng như bao lần tuyên bố khác, Sài- Thụ- Phiên đã không hề nêu ra một bằng chứng nào để làm cho hội nghị thấy rằng chủ quyền đối với hai quần đảo này thuộc về Trung Hoa.

6.- Về phần Đài Loan, Chính phủ Tưởng Giới Thạch đã nhiều lần lên tiếng về vấn đề chủ quyền này trong thời gian có trận đụng độ ngày 19-20/1/1974. Trong số những lời tuyên bố này, có hai lần đáng chú ý:

a) Lời tuyên bố thứ nhất là của Bộ Ngoại giao Đài Loan ngày 7-2-1974 nguyên văn như sau.

"Gần đây Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tuyên bố chủ quyền trên quần đảo Nam Sa (Spratly). Đối với lời tuyên bố này, Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đã cực lực phản kháng với Chính phủ Việt Nam và tái khẳng định lập trường là quần đảo này là phần lãnh thổ cố hữu của Trung Hoa Dân Quốc và không ai có thể nghi ngờ chủ quyền của Trung Hoa Dân Quốc đối với quần đảo này.

" Quần đảo này đã bị Nhật Bản chiếm đóng trong trận Thế chiến thứ II và được qui hồi Trung Hoa Dân Quốc khi, sau chiến tranh vào tháng 12 năm 1946, Chính phủ Trung Hoa đã phái một hải đội, tới thu hồi khỏi tay Nhật Bản. Từ đó trú quân thường trực Trung Hoa đã tới đóng ở đó. Hơn nữa ngày 1.12.1974, Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đã loan báo cùng thế giới tên tiêu chuẩn các đảo, cù lao, ám tiêu, thiển than trong quần đảo.

[1] Đài Bắc-kinh, chương trình Việt-ngữ, ngày 3-7-1974, hồi 21 giờ 39

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

" Những đảo này tạo thành phần hoàn chỉnh lãnh thổ Trung Hoa là một sự thực bất khả tranh nghị. Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc vì vậy cương quyết tài khẳng định chủ quyền của Trung Hoa trên quần đảo Nam Sa. Lập trường không thể bị thay đổi bởi bất cứ nước nào bằng bất cứ biện pháp nào."[1]

Trong lời tuyên bố này có vài điểm đáng chú ý:

Thứ nhất, bản tuyên bố đã đề cập tới việc hải quân Trung Hoa tới quần đảo Trường Sa để thu hồi quần đảo này khỏi tay người Nhật vào tháng 12 năm 1946 và từ đó có quân trú đóng ở đây.

Về điểm này, trong đoạn đầu chúng tôi đã trình bầy tính cách bất hợp pháp của sự tiếp thu của hải quân Trung Hoa Dân Quốc thực hiện, nên không cần nhắc lại đây nữa. Vì hành vi tiếp thu đã bất hợp pháp nên luận cứ này không có giá trị nữa.

Thứ hai, ngày 1.12.1947 Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đã thống trị cho thế giới hay việc đặt tên tiêu chuẩn cho các đảo, cù lao, v.v… trong quần đảo Trường Sa.

Vấn đề đặt ra là việc đặt tên cho các đảo, cù lao, v.v… có phải là yếu tố cần thiết để chứng minh quần đảo Trường Sa thuộc Trung Hoa hay không. Đứng về phương diện thực tế, việc đặt tên cho một vật gì chẳng qua chỉ là để cho người khác hiểu được người nói muốn ám chỉ, đề cập đến vật đó thôi. Nó không có tính cách bắt buộc. Đứng về phương diện pháp lý cũng vậy, việc đặt tên cho một vật gì không phải đương- nhiên vật đó thuộc quyền chủ- hữu, thuộc chủ quyền của người hay quốc gia đặt tên cho nó, vì nếu không thì bất cứ một người hay quốc gia nào cũng có thể đặt tên cho một vật rồi chiếm ngay vật đó làm vật sở hữu của mình. Giả thử nếu nay Việt Nam Cộng Hòa đặt một tên tiêu chuẩn cho đảo Đài Loan rồi tuyên bố cùng thế giới rằng Đài Loan thuộc quyền sở hữu của Việt Nam Cộng Hòa thì Đài Loan nghĩ sao? Nếu Hoa Kỳ, Nga Sô, Anh, Pháp,v.v… mỗi nước đặt cho nó một tên rồi bảo nó thuộc quyền sở hữu của mình, như vậy có được không?

Như thế luận cứ thứ hai của Đài Loan không đứng vững và không có giá trị.

Theo chiều hướng lập luận của bản tuyên bố này thì do hai sự kiện nêu trên (tiếp thu và đặt tên), Đài Loan mới tuyên bố rằng quần đảo Trường Sa và một phần lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc là điều bất khả tranh nghị.

[1] Toàn văn trong Free China Weekly phát hành tại Đài Bắc ngày 10.2.1974, trang 1, dưới nhan đề "ROC Reaffirms Spratly Title."

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Điều tuyên bố này cũng chỉ là một sự lập lại những lời tuyên bố của Trung Cộng từ trước đến nay. Cũng giống trường hợp các lời tuyên bố của Trung Cộng, nó thiếu sót các chứng liệu để tỏ ra rằng chủ quyền của Trung Hoa đối với quần đảo Trường Sa, cũng như Hoàng Sa , là bất khả tranh nghị. Sự thiếu sót này làm cho luận cứ cuả Đài Loan, cũng như của Trung Cộng, không có giá trị về phương diện thực tế cũng như về phương diện pháp lý.

Chúng tôi cũng không muốn bàn ở đây vấn đề là giả thử quần đảo Trường Sa, và cả Hoàng Sa, thuộc chủ quyền của Trung Hoa, nó sẽ thuộc phe nào, Quốc hay Cộng, như các bản tuyên bố của cả hai bên vẫn vạch rõ vì vấn đề này đi ra ngoài phạm vi của bài này.

b) 17 ngày sau khi Bộ Ngoại giao Đài Bắc ra bản tuyên bố nói trên, thủ tướng Đài Loan Tưởng Kinh Quốc trong một cuộc phỏng vấn dành cho ký giả Roy Rowan của Tạp chí Time ngày 24.2.1974 tại Đài Bắc cũng đã đề cập tới vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa[1] như sau:

"Hỏi: *Xin thủ tướng cho rõ quan điểm của Ngài về vụ tranh chấp đối với hai nhóm quần đảo Paracel và Spratly? Liệu quí quốc có phòng vệ đội trú quân đóng ở quần đảo Spratly của quí quốc khi bị tấn công không?*

Đáp: *Chúng ta cần pahir duyệt lại lịch sử các quần đảo này, cách đây nhiều năm, chính phủ chúng tôi đã duy trì lực lượng tại quần đảo Paracel. Lực lượng này chỉ là một phần của hệ thong phòng thủ đảo Hải Nam. Việc chúng tôi rút các lực lượng đó đi không có nghĩa là chúng tôi từ bỏ chủ quyền của chúng tôi trên quần đảo Paracel, việc này chẳng qua cũng giống như việc chúng tôi từ bỏ chủ quyền của chúng tôi trên đảo Hải Nam.*

Quần đảo Sparatly được qui hoàn cho Trung Hoa Dân Quốc đông thời với viêc quang phục Đài Loan khỏi tay Nhật Bản. Từ nhiều năm rồi binh sĩ của chúng tôi đã trú đóng ở trên hòn đảo chính của nhóm Spratly, chúng tôi cương quyết làm những gì có thể được để phòng vệ quần đảo này. Tôi thấy cần phải nói rõ là quân đội của chúng tôi có bổn phận phòng vệ lãnh thổ ủy thác cho họ.

Hỏi: *Liệu có thể có việc Trung Cộng tấn công nhóm Spratly không?*

Đáp: *Vì Cộng Sản có thể tính toán lầm nên chúng tôi không thể gạt bỏ việc đó được."*

[1] *Time,* New York, 11-3-1974

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Có bốn điểm đáng chú ý trong các câu trả lời của Tưởng Kinh Quốc:

Thứ nhất, Tưởng Kinh Quốc làm như hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đương nhiên thuộc về Trung Hoa rồi nên không nêu ra các bằng chứng để chứng minh chủ quyền thuộc về Trung Hoa.

Thứ hai, Ông ta nói là duyệt xét lại lịch sử hai quần đảo này nhưng nói xong bỏ đấy, không đề cập đến lịch sử đó mà chỉ nói về sự từ borchur quyền trên Hoàng Sa và việc thu hồi cùng bảo vệ Trường Sa.

Thứ ba, Ông xác nhận việc Đài Loan từ bỏ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa cho Trung Cộng, cũng giống việc từ bỏ chủ quyền đối với Hải Nam. Nói cách khác Tưởng Kinh Quốc ngụ ý là dù quần đảo Hoàng Sa có rơi vào tay Trung Cộng thì nó vẫn còn thuộc chủ quyền của Trung Hoa chứ không phải của nước khác, không đi đâu mà thiệt.

Thứ tư, Ông cũng đề cập tới việc Đài Loan thu hồi và phòng thủ Trường Sa, không có thêm chi tiết gì mới lạ.

Để kết luận phần này, chúng ta có thể nói được rằng các luận cứ chính thức của hai phe Quốc Cộng Trung Hoa đưa ra đều có tính cách mơ hồ và võ đoán, chỉ lập đi lập lại rằng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ của Trung Hoa, rằng chủ quyền của Trung Hoa đối với hai quần đảo này là điều bất khả tranh nghị, nhưng không hề đưa ra một bằng cớ nào để chứng minh chủ quyền đó là của Trung Hoa. Thật trái ngược với luận cứ của Việt Nam Cộng Hòa. Hơn nữa các lời tuyên bố đều giống nhau, ít có gì thay đổi, dù là về chi tiết, khiến người ngoài có cảm tưởng là những lời tuyên bố đó đều do một người soạn thảo.

LUẬN CỨ CỦA CÁC GIỚI NGOÀI CHÍNH QUYỀN

Như ta đã thấy, cả hai chính phủ Trung Hoa đã không đưa ra được một dẫn chứng cụ thể nào để biện minh chủ quyền của Trung Hoa trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Để hiểu rõ hơn vấn đề chủ quyền này cần phải cứu xét các luận cứ từ các nguồn bán chính thức và không chính thức khác. Đó là những bài báo đăng trên báo chí, sách vở của nhà nước hay thuộc những người không ở trong chính quyền như học giả, giáo sư,v.v…. Tuy họ không giữ một chức vụ nào trong guồng máy chính quyền,

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nhưng vứi tổ chức chính trị hiện tại ở cả Hoa Lục lẫn Đài Loan, nếu không có sự thỏa thuận của nhà nước thì không ai có thể công khai lên tiếng về một vấn đề gì. Như vậy những tài liệu chúng ta sẽ nghiên cứu sau đây có thể coi được là những tài liệu đã được sự chấp thuận của chính quyền hay ít ra là của văn giứi Trung Hoa.

I. BÀI "NOTES ON THE NANWEI AND SISHA ISLAND":

Tài liệu đầu tiên của Trung Cộng đã đề cập trực tiếp đến vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là bài báo nhan đề "Notes on the Nanwei and sisha islands" (không ký tên) đăng trong bán nguyệt san Anh ngữ People's China (Nhân dân Trung Quốc) do nhà xuất bản ngoại văn (Foreign Language Press) xuất bản tại Bắc Kinh ngày 1.9.1951 mà chúng tôi đã đề cập tới ở phần I[1]

Để cho các độc giả tiện nghiên cứu, chúng tôi xin dịch toàn bài báo trên sang Việt ngữ:

CHÚ GIẢI VỀ ĐẢO NAM UY VÀ QUẦN ĐẢO TÂY SA

Đảo Nam Uy (Spratly) và quần đảo Tây Sa (Paracel) xưa nay vẫn là một phần lãnh thổ của Trung Quốc. những hòn đảo trọng yếu này ở Nam Trung Quốc hải là tiền đồn biên giới quốc gia của Trung Quốc.

Quần đảo Tây Sa nằm ở cách hải cảng Du Lâm thuộc đảo Hải Nam 150 hải lý về phía Đông Nam. Vị trí của quần đảo này rất quan trọng vì nó nối liền Trung Quốc với Nam Hải cũng như là với các hải lộ chính giữa Âu và Á Châu.

Đảo Nam Uy là hòn đảo chính thuộc quần đảo Nam Sa (Spratly), một nhóm các hòn đảo ở cực Nam trong Nam Trung Quốc hải. Nó ở cách quần đảo Tây Sa 350 hải lý và cách Hải Nam 530 hải lý. Nó quan trọng về phương diện giao thông cũng như về phương diện quân sự vì nó nằm ở một vị trí giữa Phi luật Tân, Borneo, Mã Lai và Đông Dương.

Cả đảo Nam Uy lẫn toàn thể quần đảo Nam Sa và quần đảo Tây Sa vốn từ lâu là lãnh thổ của Trung Quốc. Các tài liệu lịch sử Trung Quốc liên quan tới các đảo này có từ đời nhà Tống. ngay trước khi xảy ra cuộc chiến tranh chống Nhật Bản xâm lăng người ta đã tìm thấy những đồng tiền thuộc đời hoàng đế Vĩnh Lạc nhà Minh trong một rặng san hô ở đây. Các hòn đảo này đã là các trung tâm đánh

[1] Xem số chú thích (1) trang 218 trên.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

cá của ngư dân Hải Nam hàng mấy trăm năm nay và nhiều ngư dân đã lập nghiệp ở đây. Năm 1883, chính phủ Đức quốc phái các nhân viên tới trắc lượng tại quần đảo Nam Sa, nhưng sau phải rút lui khi chính phủ Trung Hoa phản đối. Năm 1907, chính phủ Trung Hoa phái nhân viên quân sự cao cấp tới trắc lượng những hòn đảo này và cho phép các tổ chức tư khẩn hoang. Đó là những sự kiện lịch sử chứng minh chủ quyền của Trung Hoa trên những hòn đảo này.

Đế quốc Pháp từ lâu đã thèm muốn hai quần đảo này. Năm 1933, chính phủ Pháp thông báo cho tòa đại sứ Trung Hoa tại Pháp luận cứ bịa đặt là quần đảo Tây Sa thuộc về Việt Nam. Luận cứ này đã bị lý lẽ biện bác của chính phủ Trung Hoa làm im lặng. Sau đó bọn đế quốc Pháp đã dùng vũ lực chiếm đóng quần đảo Nam Sa. Năm 1930, Pháp đã bị một phái hải thuyền tới chiếm đảo Nam Uy, tiếp theo là vào tháng 4 năm 1933, hải thuyền Pháp đã chiếm cù lao An-ba (Amboyna), đảo Thái Bình (Itu Aba), đảo Song Tử (hai đảo), đảo Nam Trực (Loại-ta) và đảo Trung Nghiệp (NamYit)và các đảo khác. Đồng thời chính phủ Pháp công bố việc chiếm hữu những đảo này làm cho nhân dân Trung hoa hết sức tức giận. Do áp lực của dân chúng, chính phủ Trung Hoa lúc bấy giờ đã phản đối chính phủ Pháp.

Trong trận chiến tranh kháng Nhật, quân đội Nhật Bản đã tạm chiếm đóng quần đảo Tây Sa và Nam Sa. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, chính phủ Quốc dân Đảng đã thu hồi tất cả đảo này.

Đế quốc Mỹ tự ý định chiếm quần đảo Nam Sa. Ngày 17 tháng 5 năm ngoái[1]*, bù nhìn của Mỹ Quirino đã tuyên bố trong một cuộc họp báo là những đảo này phải thuộc về Phi Luật Tân. Lời nói vô lý này đã bị ngay nhân dân Trung Hoa lên án. Ngày 19 tháng 5 giới thẩm quyền ở Bắc Kinh đã vạch rõ ràng:"Lời tuyên truyền vô lý của chính phủ Phi Luật Tân đối với lãnh thổ của Trung Hoa rõ ràng là sản phẩm của chỉ thị của chính phủ Hoa Kỳ. Bọn khiêu khích Phi luật Tân và kẻ Hoa Kỳ ủng hộ chúng phải bỏ ngay mưu đồ mạo hiểm đó đi nếu không thì hành động này có thể đưa tới những hậu quả nghiêm trọng. Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa không bao giờ để cho bất cứ một ngoại bang nào xâm lược quần đảo Nam Sa hay bất cứ đất đai nào khác thuộc về Trung Hoa."*

[1] Tức là năm 1950

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Gạt bỏ những lời lẽ tuyên truyền trong bài này sang một bên, chúng ta thấy có một số luận cứ quan trọng đáng được lưu tâm vì sẽ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong tương lai sau đó.

Luận cứ 1: Những tài liệu lịch sử Trung Hoa liên quan tới hai quần đảo này có từ đời nhà Tống.

Luận cứ này rất mơ hồ vì không cho rõ những tài liệu này là những tài liệu gì? Do ai sang tác hay thu thập? Ấn hành năm nào? Lời nói mơ hồ này khiến người muốn nghiên cứu một cách vô tư, khách quan, không biết tìm tài liệu ở đâu để hiểu rõ hơn hay để kiểm chứng.

Ngay nói là đời nhà Tống nhưng không định rõ là bao giờ, và cũng không nói rõ là những tài liệu này được soạn thảo đời nhà Tống hay soạn thảo trước đó và ấn hành vào đời nhà Tống.

Vả lại còn có một câu hỏi khác: Nhà Tống mà bài trên đề cập tới nhà nhà Tống nào? Trong lịch sử Trung Hoa có hai triều đại mang tên là Tống. Triều Tống thứ nhất là nhà lưu, trị vì Trung Hoa 59 năm, từ năm 420 đến năm 478; triều Tống thứ hai là nàh Triệu, trị vì từ năm 960 đến năm 1280, chia làm Bắc Tống (960-1126) và Nam Tống (1127-1280)

Trong hai triều đại Tống này, Việt Nam chỉ chịu sự đô hộ của triều Tống thứ nhất thôi, còn tới triều Tống thứ hai thì Việt Nam đã được độc lập rồi.

Theo kinh thư của Trung Hoa, trong suốt thời đại hoang đường ngũ đế (2852-2206 trước Tây lịch kỷ nguyên) cũng như trong các triều Hạ (2205-1767 tr. T.L.), Thương hay Ân (1766-1123 tr. T.L.) và Châu (1122-249 tr. T.L.), người Hán chỉ sống ở lưu vực Hoàng Hà, trong các tỉnh Hồ Nam, Thiểm Tây, Trực Lệ và một phần Sơn Đông ngày nay. Về phía Nam Hoàng Hà có một giống dân khác, thường gọi là giống Bách Việt, có một nền văn minh hoàn toàn khác với nền văn minh của giống Hán. Những người thuộc giống Bách Việt sống rải rác trong suốt vùng từ sông Dương Tử (hay Trường Giang) tới miền Bắc Trung Việt ngày nay.

Trong giống Bách Việt có một nhóm gọi là Lạc Việt sống ở trong một khu vực ở phía Nam tỉnh Quảng Tây, ở dãy núi Ngũ Linh, xuống tới miền Bẫ Trung Việt. Năm 1879 tr. T.L., một số người trong nhóm Lạc Việt lập thành một quốc gia độc lập gọi là Văn Lang, dưới quyền cai trị của các vua Hùng nhà Hồng Bàng. Lãnh thổ Văn Lang lúc bấy giờ bao trùm tòa miền Bắc Việt và Bắc Trung Việt ngày nay.

Vào năm 207 T.L., Triệu Đà chiếm nước Âu Lac và sát nhập nước

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

này vào nước Nam Hải của ông lập thành một quốc gia mới mang tên là Nam Việt, độc lập với nhà Hán (206 tr. T.L.-264 sau T.L.) bên Tàu. Bờ cõi Nam Việt chạy dài từ tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây bên Trung Hoa tới Bắc Trung Việt.

Năm III tr. T.L., Hán Vũ Đế (140-87 tr. T.L.) sai hai tướng Tàu là Lộ Bác Đức và Dương Bộc sang đánh chiếm và đô hộ Nam Việt và cải tên nước này thành bộ Giao chỉ. Bộ Giao chỉ được chia làm 9 quận là Nam Hải (Bắc Quảng Đông), Thương Ngô (Bắc Quảng Tây), Uất Lâm (Nam Quảng Tây), Hợp Phố (Nam Quảng Đông), Giao Chỉ (Bắc Việt), Cửu Chân (khoảng Thanh Hóa-Trung Việt), Nhật Nam (khoảng Nghệ An-Trung Việt) , Châu Nhai (đảo Hải Nam) và Đam Nhĩ (đảo Hải Nam).

Trong suốt hơn 1000 năm đô hộ Việt Nam, quyền cai trị của Trung Hoa không bao giờ chạy quá tỉnh Nghệ An ngày nay, tức là chỉ tới vĩ tuyến 18 là cũng như tới đảo Hải Nam thôi. Như vậy không thể có vấn đề chiếm hữu hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được.

Sự đô hộ Việt Nam của Trung Hoa chấm dứt năm 939 khi Ngô Quyền nổi lên đánh chiếm người Trung Hoa về Tàu, giành lại độc lập cho quốc gia. Từ đấy trở về sau, mãi đến hậu bán thế kỷ thứ 19, Việt Nam là một quốc gia độc lập, tự chủ tuy có thời kỳ (từ 1407-1427) Việt Nam bị Trung Hoa đô hộ một lần nữa.

Triều Tống thứ hai, như đã nói ở bên trên, cai trị Trung Hoa từ năm 960 đến 1280, tương đương với các triều độc lập của Việt Nam là Ngô (939-968), Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009), Hậu lý (1009-1225), và Trần (1225-1400). Tuy trong khoảng thời gian này, nhất là đời Hậu Lý, Tống triều hai lần phái quân sang đánh Việt Nam (năm 981 đời Tiền Lê và năm 1073-1077 đời Hậu lý) nhưng lần nào cũng bị Việt Nam đánh bại nhục nhã, đó là chưa kể từ năm 1075-1077 hai châu Khâm và Liêm (cả hai thuộc tỉnh Quảng Đông ngày nay) của Trung Hoa đã bị tướng Việt Lý Thường Kiệt tấn công.

Như vậy trong triều Tống thứ hai này càng không thể có việc nhà Tống chiếm hữu hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được. Vả lại Triệu Nhữ Quát đời Tống đã viết trong cuốn Chư Phiên Chí quyển hạ, đoạn nói về Hải Nam như sau:

Phía Đông (Hải Nam) là Thiên lý Trường Sa và Vạn lý Thạch Sàng, mênh mông vô bờ, trời nước một màu. Ghe thuyền qua lại chỉ nhờ cậy vào kim chỉ nam, ngày đêm phải theo dõi cẩn thận, chỉ hơi sai một tí là có liên quan đến vấn đề sống chết ngay.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

(Đống tắc Thiên lý Trường Sa, Vạn lý Thạch Sàng, miễn mang vô tế, thiên thủy nhất sắc. Chu bạc lai vãng, duy chỉ nam châm vi tắc, họa dạ thủ thị duy cần, hào ly chỉ sai, sinh tử hệ yên.

東則千里長沙，萬里石牀，渺茫無際，天水一色。舟舶來往，惟以指南針爲則，晝夜守視唯謹，毫釐之差，生死繫焉.

Ý Triệu Nhữ Quát muốn nói là vì vùng quần đảo Hoàng Sa (Thiên lý Trường Sa theo họ Triệu) là nơi nguy hiểm, thuyền bè Trung Hoa không nên đi gần vì phải hoàn toàn lệ thuộc vào kim chỉ nam và chỉ hơi sai một tí là có thể chìm đắm được. Do đó ta có thể suy luận là đời Tống không có người Trung Hoa nào đến gần các đảo thuộc nhóm Hoàng Sa nên chưa chắc đã có người Trung Hoa nào đã tới chiếm đóng quần đảo này. Vả lại ngay nhan đề sách "Chư Phiên Chí" có nghĩa sách nói về các phiên tức về các người ngoại quốc, chung quanh Trung Quốc tức các chư hầu của Trung Quốc, cũng đã chứng tỏ Thiên lý Trường Sa, Vạn lý Trường Sa không thuộc về Trung Quốc mà thuộc về phiên quốc phía Nam tức Việt Nam vậy.

Vậy luận cứ một không được vững. Chúng ta thử xét tới một luận cứ khác của bài báo xem sao

Luận cứ a: Trước trận Thế chiến thứ II (mà trong lịch sử cận đại Trung Hoa gọi là kháng Nhật thời kỳ và trong bài báo gọi là cuộc chiến tranh chống Nhật Bản xâm lăng) người ta đã tìm thấy những đồng tiền đời hoàng đế Vĩnh Lạc nhà Minh trong một rặng san hô ở đây.

Về luận cứ này, có mấy nhận xét sau:

Thứ nhất, tài liệu này, và cả các tài liệu kế tiếp của Trung Cộng, không cho thấy rõ những đồng tiền Vĩnh Lạc này được tìm thấy ngày nào, ở đâu, rặng san hô thuộc đảo nào trong quần đảo Hoàng sa và việc tìm thấy tiền này có được loan báo cho mọi người biết hay không. Theo Trung Quốc thời báo của Đài Loan số ra ngày 20.1.1974 trong bài "Hoàn cảnh địa dư và lịch sử của quần đảo Tây Sa" (sẽ được dịch đăng trong một đoạn sau), tiền này do các ngư phủ Nhật Bản tìm thấy năm 1920.

Thứ hai, việc tìm thấy một số đồng tiền ngoại quốc tại một địa phương nào không phải là lý do cho là địa phương này thuộc chủ quyền của nước có đồng tiền đó. Tỉ dụ dưới thời Pháp thuộc người ta đã tìm thấy một số đồng tiền La Mã ở Óc Eo (tỉnh An Giang Nam phần) nhưng không bao giờ Việt Nam là thuộc địa của đế quốc La Mã hay thuộc chủ quyền của đất nước này cả. Những đồng tiền Vĩnh Lạc

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nếu có chẳng qua là có người lai vãng tới, trong đó có thể chính người Việt vì nên nhớ rằng trước thời Pháp thuộc, tiền cổ lưu hành rất lộn xộn gồm nhiều đời và có cả tiền Trung Hoa nữa tại xã hội cổ Việt Nam[1]. Điều tra không đủ chứng minh là vùng này thuộc Trung Hoa.

Vả lại, về sự hiện diện của các đồng tiền Vĩnh Lạc tại vùng này, đó có thể có hai giả thiết: hoặc là đã có người tới sinh sống ở quần đảo Hoàng Sa rồi khi dời đi nơi khác hoặc khi chết đã để rớt lại một số tiền này, hoặc là tiền của những người đi thuyền tới đây, thuyền gặp nạn bị đắm nên tiền mới vương vãi tại rặng san hô.

Giả thiết thứ hai có thể đúng hơn vì chính ông Saurin, một nhà địa chất nổi tiếng người Pháp đã thuật là "kho tàng" này đánh dấu một cuộc đắm tàu[2]. Hơn nữa,đúng quần đảo Hoàng Sa và cả Trường Sa, là trung tâm bão biển, nhiều tàu bè qua lại đã bị đắm ở đây. Ví dụ năm 1891, đã có tàu Mariana của Đức đã bị bão đắm tại rặng Bombay trong quần đảo Hoàng Sa; năm 1895 tàu Đức Bellona cũng bị đắm; năm sau, 1896, đến lượt tàu Nhật Bản Imezi Maru bị mất tích; năm 1910 tàu Colombo bị mác cạn; năm 1915 tàu Quinta bị mất tích.

Luận cứ 3: Năm 1883, chính phủ Đức đã phái nhân viên tới trắc lượng quần đảo Trường Sa, nhưng họ đã phải rút lui trước sự phản đối của Trung Cộng.

Yếu tố này được nhắc lại nhiều lần trong các tài liệu khác, nhưng vì thiếu bằng chứng nên chúng tôi không thể đưa ra nhận xét gì. Cũng nên nhứ rằng thời gian này, triều dình Việt Nam đang bị người Pháp cưỡng ép đô hộ.

Luận cứ 4: Năm 1907 chính phủ Trung HOa đã phái sĩ quan cao cấp tới quần đảo này trắc lượng và cho phép các tổ chức tư khẩn hoang quần đảo

Luận cứ này đã được Trung Cộng và Đài Loan đề cập đến nhiều lần. Trong tài liệu này không nói rõ sĩ quan cao cấp đó là ai, nhưng một tài liệu khác, cũng của Trung Cộng mà chúng ta sẽ xét tới sau phần này (số II) đã cho biết vị này là Thủy sư đề đốc Lý Chuẩn.

Đây là một luận cứ quan trọng vì nó chứng tỏ ít nhất là về phương diện pháp lý Trung Hoa đã có hành động cụ thể có thể dùng để biện

[1] Xem công trinh phát quật về tiền cổ trong tác phẩm "Tiền cổ Nam Hà" của Tạ Chí Đại Trường (bản chép tay)

[2] Saurin, Ed. "Notes sur lé Iles Paracel", Archives Geologiques do VN, no3, Sài Gòn, 1955

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

minh chủ quyền của mình trên quần đảo đương tranh: đó là hành động trác lượng và cho phép khẩn hoang quần đảo. Nếu điều này có thật sự xảy ra, thì tiếc thay người Trung Hoa đã thực hiện quá trễ, vì từ nhiều thế kỷ trước, sử sách Việt Nam cho biết rõ và mọt cách chắc chắn rằng triều đình Việt Nam đã sai hải quân cùng đội Hoàng Sa làm những công việc đo đạc thủy trình địa thế, vẽ bản đồ, trồng cây…[1]

Vì thế, việc làm trên nếu có, chỉ là những hành động phi pháp xâm phạm chủ quyền Việt Nam, nhất là Trung Hoa đã lợi dụng thời kỳ Việt Nam bị Pháp đô hộ.

Chính những hành động phi pháp đó cứ tiếp tục để gây ra cuộc tranh chấp chủ quyền rồi đi đến mức độ dùng bạo lực cưỡng chiếm Hoàng Sa.

Vả lại, theo tiêu chuẩn của luật quốc tế, muốn đòi chủ quyền trên một dải đất nào thì quốc gia phải chứng minh được rằng mình là quốc gia đầu tiên khám phá và khai thác giải đất này, thiết lập một hình thức cai trị dải đất đó và hành xử chủ quyền của mình một cách hiện hữu và liên tục.

Tài liệu của Trung Cộng mà chúng ta đang nghiên cứu đã nêu ra một bằng chứng để biên minh Trung Hoa đã hành xử chủ quyền của mình là phái sĩ quan cao cấp tới trắc lượng và cho khẩn hoang.

Vấn đề được đặt ra là hành vi hành xử chủ quyền của Trung Hoa nói ở đây có phải là yếu tố cấu tạo chủ quyền không? Hay nói cách khác có thể dùng nó để chứng minh chủ quyền của Trung Hoa trên quần đảo đương tranh được không? Đó là điểm pháp lý mà tòa án nào thụ lý việc tranh chấp chủ quyền này phải quyết định.

Ở đây chúng tôi cần nhấn mạnh ở điểm sau: tài liệu của Trung Cộng không thể chứng minh được Trung Hoa là quốc gia đầu tiên khám phá và khai thác quần đảo đương tranh nước Việt Nam vì hai luận cứ Trung Cộng đưa ra trong tài liệu mà chúng ta vừa cứu xét bên trên không có giá trị chứng minh chủ quyền của Trung Cộng. Vì không chứng minh được sự khám phá có trước, hành vi hành xử chủ quyền nói trong luận cứ 4 này không thể cấu thành bằng chứng của chủ quyền được.

Bốn luận cứ của Trung Cộng đã được lập lại trong những tài liệu kế tiếp cho tới hiên tại.

(còn tiếp)

---

[1] Xem Hãn Nguyên "những sử liệu chữ Hán minh chứng chủ quyền Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa", đăng trong bài báo này.

Chú thích của Tòa soạn: Bài khảo cứu này còn rất dài, thời gian phát hành vào dịp triển lãm tài liệu về Hoàng Sa, gần kề (20.1.1975), Sử Địa xin đăng tiếp vào số báo tới.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

HOÀNG SA QUA VÀI TÀI LIỆU VĂN KHỐ CỦA HỘI TRUYỀN GIÁO BA LÊ

☆ NGUYỄN NHÃ

Hoàng sa đã từng được ghi vào các bản đồ hàng hải Tây Phương với danh xưng Pracel do Van Langren, người Hòa Lan ấn hành năm 1595[1] hoặc Plancius năm 1604, Mercator năm 1613, Blaew năm 1663…và rồi vơi danh xưng Pracel, thường thấy trong các thư tư của các giáo sĩ thuộc Hội Truyền Giáo Ba Lê, hay trong các bản đồ,sách báo do người Pháp thực hiện ,dặc biệt một số người như Đức giám mục Taberd đã chú thich rõ trong bản đồ ấn hành năm 1838 với Paracel=Cát vàng hay Hoàng sa[2].Tới thế kỷ thứ 18,địa danh Paracel hay Cát vàng hoặc Hoàng sa đã trở nên rất quen thuộc đối với các nhà hàng hải Tây Phương .Bởi paracel hay Cát vàng năm trên đường hàng hải đi từ Batavia(Nam Dương quần đảo) qua các nước Viễn Đông như Trung Hoa, Nhật Bản, Phi Luật Tân.Hải trình trên đã được các tài liệu[3] thuật lại như sau:" đi từ Batavia hay Java qua Hà Tiên (Can Cao), Côn Sơn (Poulo Condor) rồi tới Hội An (Faifo)[4], rồi

---

[1] Bản đồ này đã được in lại trong Iconographie Historique de l'Indochine Francaise của Paul Bondaile và André Masson hay l'Indochine, Tome I, Planche VII của George Maspéro, Bản đồ Mercator và Blaew cũng ở trong l'Indochine cũng ở trong tome I của Goerge Maspéro.

[2] Trong sách Univers, Histoire et description de tous les peupleds de leurs religión, moeurs et coutumes.Tabrd viết danh cưng Cồn vàng trong bản đồ đính trong từ điển la-tinh Việt nam của Taberd xuất bản năm 1838 ghi Paracel seu Cát vang; seu là tiếng la tinh.Xem Bà Trần Đăng Đai. "Các văn kiện chánh thức xác nhận chủ quyền VN trên quân đảo Hoàng sa va Trường sa…" đăng trong số báo này.

[3] Archies Nationales (Paris), fonds:"Archives coloniales , série Extrême Prient volume Cochinchine l' (Cl'): Mémoire sulr le commerce de cochinchine, fol 74/2 và volume CI.. Mémoire sủ les Royaumes de Cochinchine et de Camboge (sic) (1785-1791), fol.89.

[4] Hội An là một bải cảng quan trọng nhất của Đàng Trong(chúa Nguyễn) trong thời kỳ Trinh Nguyễn phân tranh của Việt Nam. Theo Mémorie sur les Royaumes de Cochinchine et de Xambỏg.(sic) trên, thì Hội An, tức người Hòa Lan gọi là Faifo, có thể tiếp nhận nhưng tàu trọng tải 250-300 tấn , vào thế ky 18.Hiện nay Hội An là 1 thị trấn nhỏ,gần thị trấn Đà Nẵng.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

từ Hội An qua Canton,Ma Cao, từ đây hoặc đi đến Nhật hoặc qua Mindanao (Phi Luật Tân)".Nhứt la Hoàng sa (Paracel) là nơi thường xảy ra những vụ đắm tàu hay vụ tàu mắc cạn.

Năm 1749,.trong những khuyến cáo của Hội Đồng Tối Cao Pondichéri ở Ấn Độ (Conseil Supéieur de Pondichéri), đã gửi cho ong Poivre,người được giao phó viễn du tới xứ Nam Hà (Đàng trong cuả Việt Nam) đã viết rằng : " Chúng tôi nghĩ rằng tàu tới côn Sơn (Poulo Condor) trước ngày 15 tháng 8 (1749), và nếu thời tiết khi ấy tốt thì có thể tới kiếm duyên hải xứ Đồng Nai và đi mạn trong Hoàng Sa, nếu thời tiết ngược lại, có vẻ có bão thì tốt hơn hết là qua về phía đông của Hoàng Sa…"[1] Ở đây ta thấy, các người Tây Phương ở thế kỉ 18 đã có kinh nghiệm về việc tránh bão tố khu vực Hoàng Sa. Hoàng Sa vốn là nơi xuất phát các trung tâm bão hoặc là nơi nằm trên quĩ đạo của các trung tâm bão xuất phát từ Phi Luật Tân. Nếu thấy dấu hiệu có bão mà vòng qua phía đông Hoàng-Sa, thì quả đúng có thể tránh được bão.

Vào năm 1786, dự án khuyến cáo liên quan đến sự hiểu biết về miền duyên hải Nam Hà, đặc biệt về Đà Nẵng của " le Chevalier de la Mothe de Solminihac" , đã cho biết rằng từ trên hải trình từ eo Malac (Malaca) vùng Mã Lai lên đảo Côn Sơn (Poulo-Condor), tới vùng bờ biển Nam Hà, nên tránh nhiều loại đá ngầm, tức vùng Hoàng Sa[2]. Kể từ khi các nhà hàng hải Tây Phương sang Viễn Đông, thiết lập đường hàng hải qua Mã Lai tới nam Hà, Ma Cao, Nhật Bản… thì đã xảy ra nhiều vụ đắm tàu ở Hoàng Sa. Như vụ đắm tàu Groote-brock của người Hòa Lan vào năm 1634[3].

Riêng vụ đắm tàu của người Hòa Lan năm 1714 đã được nhiều người đề cập qua các thư trao đổi giữa các giáo sĩ, hiện đang tàng trữ trong văn khố của Hội Truyền Giáo Ba Lê (Archives des Missions Etrangères de Paris) do giáo sư Đặng phương Nghi chép tay.

---

[1] Instruction du Conseil Supe'rieur de Pondichéry au Sr Polvre chargé de l'expédition pour la Cochinhine 5 Juillet 1749. Archives Nationale (Paris), fds Archives Coloniales, vol. Cochinchine 12 (C12), fol 13/2.

[2] "1788, Projet d'instruction relatif à la connaissance à la côte de Cochinchine et plus particulièrement de Touron par le Chevalier de la rothe de Solominihac", Archives Nationales (Paris), vol C12, fol. 37-38

[3] Buch, W.J.M. "La Compagnie des Indes Néeriandalses et l'Indochine", Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême Orient, t XXXVI, 1936, p 134.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chúng tôi xin đăng tải một số bức thư dưới đây:

1.Lá thư gửi ngày 31-5-1715 của giám mục Marin (1[1]), gửi cho những giám đốc chủng viện (Ar, M.E Cochinchine vol. 729 pp. 235-238).

Vào tháng mười 1714 có ba chiếc tàu buồm của người Hòa-Lan khác nhau, khởi hành từ Nhật, chứa chất nhiều hàng hóa quý giá.Lúc tiến ngang Hoàng-Sa (Paracels) những chiếc tàu buồm bị cơn bão lớn đánh lâm nạn.Trận bão này xuất hiện đột ngột đến nỗi các thủy thủ không kịp cuốn buồmm [cột buồm của I trong] (2[2]) 3 tàu bị gẩy bởi cơn gió dư dội.Họ đã không điều khiển nổi, sóng và gió đã cuốn chiếc tàu này xô dạt vào bãi cát,húc vào tảng đá và vỡ tan tại đó.Mười bẩy người đã tử nạn,tám mươi bẩy người đã thóat nạn bơi vào bờ,phần thì bám vào những tấm ván áp vô Hoàng-Sa leo lên những cồn cao cũng chỉ bao phủ bằng cát khô.

Bọn họ đã sống nơi đó trong một tháng trời bằng thịt của một loài chim cư ngụ trên đảo Hoàng-Sa này.Vì loại chim đó chưa bao giơ mục kich người nên chúng bị thủy thủ bắt bằng tay không và những người Hoa-Lan đã bắt khá nhiều để nuôi sống họ trong một tháng,họ cư ngụ trên cồn cát này.Trong thời gian đó họ đã bắt được vài tấm ván đóng bè nho, nhò phương tiện này họ đaz đáp vô Nam –Ha và tiến tới cửa biển Nha-Trang (tr.237).Nha Trang xa Nha Ru độ một ngày đường bộ và ở nơi đây, ông Heuste (3[3]) đã xây một nhà thờ khá lớn cũng khá đẹp ở xứ này.Vì lẽ những người Trung Hoa cư ngụ tại đây không hiểu tiếng Hòa-Lan nên Heuste được thỉnh tới đúng vào ngày lễ cứu chúa Hiển hiện (4[4]) của năm 1715 để làm thông ngôn .May thay

[1] (1) Giám mục Charles Marin Labbé (1648-1723) năm 1678 sang Viễn Đông :Thai-Lan rồi Nam Hà để truyền giáo .Tại Nam Hà ông ở vùng Thừa-Thiên,Quảng Bình.Năm 1697 trở về Pháp rồi La-Mã, sau đó lại trở lại Ma Cao và Nam Hà.

[2] (2) Phần để trong dấu móc [ ] dịch giã thêm vào cho phù hợp,vì trong nguyên văn đoạn này rất mâu thuẫn,sau đoạn "les trois vaisseaux furent *rompus* par la violence du vent.Lesmariniers ne pouvant plus gouverner ce vaisseau. Nếu dùng vaisseau thì không thể là ba chiếc tàu. Chắc đoạn thư này tác giả viết vội hoặc sao lại thiếu?

[3] (3) Heuste.Qua các bức thư về vụ đắm tàu 1714,khi thấy viết Heuste khi viết Heusse khi viết Heulte chính ra là Pierre Heutte (9-1719). Năm 1704 sang Thai Lan,tới năm 1707 sang Nam Hà.

[4] (4) Ngày lễ cứu chúa Hiển hiện: nguyên văn đề "le jours des Rois" tức la fote des Rois hay Epiphanie.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Có một số người Hoà-Lan nói khá tiếng Pháp và cả tiếng la-tinh.Ông ta bị bắt buộc từ lúc đó làm thông ngôn và hiện giờ vẫn tiếp tục làm với bao nhiêu cơ nan vì sự chuyên cần mà các quan đòi hỏi nơi ông.

Khi những người Hòa-Lan tới đây thì tôi đã đi về vụ ông Ausiès (1[1]) mệnh chung nhưng khi tôi quay về Nha-Ru các quan cũng gọi tôi và dù thuận ý hay miễn cưỡng,tôi cũng đã tuân theo.Nhưng năm sáu ngày đức chúa Trời đã độ tôi khiến tôi bị đau nhức hai cẳng chân nên bó buộc các quan phải trả tôi về Nha-Ru. Còn ông Heuste thì luôn luôn bận rộn ở kế cận các quan này và tôi không rõ ông Heuste đã có thể chịu đựng những công việc này tới mức nào.

Hiện nay vua(2[2]) muốn gặp những người Hòa-Lan, ngài đã phán phải dắt bọn họ tới triều đình. Họ tới Nha-Ru đã hơn tám ngày rồi và cư ngụ với tôi nên chúng tôi đã gánh chịu nhiều bất tiện. Ngày mai 1-6-1715 họ phai khởi hành vào triêu đình va ông Heuste cũng không đi với chúng . Tư đây về triều xa độ 30 dặm với một con lộ ghê rợn và nóng bức quá độ (tr.238) . Tôi tin sẽ có rất nhiều người Hòa-Lan chết dọc đường và đã có 6 hay 7 người đã chết vì khổ cực . Những người Hoà-Lan khốn khổ đã chịu những tai ương thế gian: đói khát mình trần thân trụi vì người ta đã bắt họ cởi sơ mi,quần cụt,những quần áo,luôn ngủ trên đất trên cát và không một ai dám cho họ ăn hay giúp họ. Và cũng vì đã cho họ vài lưng cơm mà các quan đã làm sạt nghiệp các làng lân cận nơi họ cập bến, đến nỗi dân làng phải đóng góp tiền gạo để lo lót. Nhưng sự việc đó vua và các đại thần trong triều không hay biết gì.

2.*Thư ngày 4-7-1715 của ông Godefroy (3[3]) gửi cho ông Tessier (Ar.M.E,Cochinchine vol. 739, p. 213).*

[*213] Tái bút1: có ba chiếc tàu buồm Hòa-Lan đi từ Nhật-Bản tới đã bị một trận bão lớn gần Hoàng-Sa. Hai chiếc thoát nạn, chiếc thứ ba đã đâm vô bờ bị vỡ tan tại đây, nhưng đoàn thủy thủ đã leo được lên cồn cát và sau đó đã gom góp được vài tấm ván,bọn họ cập tới bờ biển Nam-Ha,"thập tử nhất sinh" vì lương thực đã thiếu từ lâu.Ông Heutte có mặt nơi đó, đã làm thông ngôn cho bọn họ.Ông ta đã vô triều đình với bọn họ để bệ kiến nhà vua. Nhà vua muốn gửi bọn

[1] (1) Ausieøs de Fonbonne (Jean Baptisle) (1655-1709).Năm 1680 ông sang Nam Hà.

[2] (2) Chuùa Nguyeãn Phuùc Chu (1691-1725)

[3] (3) Godefroy (Francois). Năm 1701 sang Xiêm, đến 1712 sang Nam Hà.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

họ qua một chiếc tàu Trung Hoa đi Batavia.Đây sẽ là một cơ hội tốt để lưu giữ ông Heutte ở lại triều.

3.*Thư từ Huế ngày – của ông Heusse gửi giám mục Hilopolis (1[1]) (Cochinchine, volume 800. pp 13-15).*

[tr 13] Hôm trước ngày lễ thánh Pierre, người ta cho bệ kiến nhà vua các đầy tớ của những người Hòa-Lan . Chúng tôi đã được dẫn vào cung điện qua một cửa sau . Đầu tiên chính cậu Miên là người chúng tôi cần phải tiếp xúc . Vị quan này có vẻ có nhiều tài trí và rất trang nhã . Ông quan này nói rằng mặc dù bọn người này là dân da đen, không vì thế mà là những người nô lệ.Ông nói tiếp với tôi thật rất ân cần và nói với tôi rằng tôi đã phải chịu nhiều cực nhọc từ khi nhập cuộc được sáu tháng rồi. Trong lúc đó,ông ta gọi một trong những người nô lệ của ông , vốn là một trong những người của chiếc tàu ông P.Antoine,theo vị quan này nói,người nô lệ này đã muốn ở lại với ông ta ; Tức thì người này tới và bởi người này là người công giáo, nên tỏ ra rất lễ phép với tôi. Tiếp đó, người ta dẫn những người này tới điện vua, sau khi quan sát người ta đã dành cho nhà vua 5 người nô lệ, Còn bao nhiêu thì người thả.

Hôm qua, sáng ngày 5-7, người ta đã trình kiến lên nhà vua bọn người Hòa-Lan, khi vua đang ngự triều tại một dãy nhà dài của cung điện.Chính một vị vợ quan đã hướng dẫn những người Hòa-Lan tới đối diện ngai vàng, nhưng còn cách khá xa, nên chúng tôi không thể nghe điều vua ban lệnh. (tr 14) Viên võ quan nói với tôi rằng nói với những người Hòa-Lan lạy 3 lạy và bảo tôi cùng làm như vậy cùng một lúc với bọn họ, và khẩn cầu nhà vua ban cho bọn họ lương thực và phương tiện để trở về xứ. Vì vậy,tôi đã đọc lời chúc tụng nhưng vô ích vì chúng tôi đứng xa ngài quá để ngài nghe được.

Vả chăng, lời khánh chúc này chỉ gọi là cho có hình thức bởi nhà vua đã ra lệnh ban cho bọn họ gạo và tiền. Điều đó làm xong chúng tôi còn phải lạy ba lạy nữa , sau đó người ta ra lệnh chúng tôi cáo lui. Ông(oũ) Hèn Tàu (?) chiều qua cho gọi tôi và cho yết kiến 4 hay 5 người Hoa-Lan trong hơn một giơ rưỡi. Trong khi ấy, ông ta đã hỏi bọn họ về việc buôn bán, về tài sản và tỏ vẻ nài nỉ bọn họ về cách làm bom, súng, mìn, để phá những pháo đài v.v… Nhưng bọn

[1](1) Giaùm muïc Hilopolis chính laø oâng Paliu (Fran**C**ois), ngöôøi saùng laäp quan troïng cuûa Missons EÙtrangeøres de Paris. Naêm 1679 ñaõ sang Baéc Kyø truyeàn giaùo.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

họ trả lời rằng (rạch một chỗ) bọn họ là thương nhân và thủy thủ, không biết những loại đó. Viên quan đã không bằng lòng sự trả lời này, nói rằng những người Hòa-Lan muốn giấu ông điều mà bọn họ biết quá rõ và yêu cầu bọn họ chớ làm mếch lòng về điều đó. Ông bảo mang rượu và muốn cho bọn họ say rượu.Ông luôn nói với tôi một cách trang nhã và bảo tôi ngồi bên cạnh ông. Tôi đã lợi dụng cơ hội để khẩn khoản xin ông trợ giúp tài chánh cho người Hòa-Lan, nhưng ông Sennemand nói với tôi rằng ông ta không có nhiều tiền bởi ông ta không làm áp phe và chính cậu Miên đã nắm trong tay hầu hết các áp phe về tàu bè . Tôi chưa biết những gì người ta sẽ cho người Hòa-Lan. Hiển nhiên sẽ rất ít. Trong vài ngày nữa ,tôi sẽ biết , Hôm nay, người ta đã nói với tôi rằng nhà vua đã ra lệnh cho người ta đưa những người Hòa-Lan về Hội-An để đợi ở đó mùa gió và Ông (oũ) Nghè bô của xứ đó (tr 15) cho bọn họ gạo và tiền và tiền để sống ở đó. Tôi sợ rằng người ta trả lời về cùng với những người Hòa-Lan và mất cơ hội rất thuận tiện là chúng tôi phải lập cơ sở ở nơi đây.

4. *Thư từ Huế ngày 19-7-1715 của ông Heusse gửi giám mục Hiloplis (1[1]) (Ar,M.E.Cochinchine, volume 800, p17).*

[tr 17] Nhà vua đã ban cho những người Hòa-Lan 50 quan tiền, 10 bao gạo , 20 chĩnh nước mắm . Người ta phải đưa người Hòa-Lan trở lại Hội-An để kiếm ở đây một chiếc tàu. [Một vị thuyền trưởng người Trung Hoa đã đề nghị chở họ đi tới Batava, nhưng phải đợi tới gió mùa tháng giêng].

5. *Thư ngày 16-10-1718 của Giám mục Labbé (2[2]) gửi cho giám đốc chủng viện (Ar, M.E. Cochinchine 726, pp 535-549).*

[534] Một chiếc tàu Hòa-Lan tư Nhật-Bản trở về Batavia, chất nhiều hàng hóa đã bị đắm vào cuối tháng II [tr. 525] năm 1714 trên những bãi ngầm của Hoàng-Sa (Parcel), chỉ cách xa bờ biển Nam Hà khoảng 15 hay 20 dặm. Trừ 17 tù nhân dưới tàu bị chết chìm , tất cả thủy thủ đoàn đã thoát nạn vào những điểm cao nhất ở những bãi cát này và bọn họ đã làm một chiếc xuồng lớn bằng những mảnh vỡ của những chiếc tàu đắm của họ, trên chiếc xuồng này 84 người đã

[1] (1)Giaùm muïc Hilopoles töùc Pallu (Fran**C**ios), xem chuù thích treân .
[2] (2) Xem chuù thích Giaùm muïc Maûin treân.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

qua Nam Ha bằng cách theo sau từ đằng xa, những dân chài Nam Hà (1[1]) đang trở về hải cảng sau chuyến đánh cá từ ban sáng.

Những người Hòa-Lan khốn khổ này tiều tụy vì đói ,khát , đã lên bờ vào 6-1-1715 tại một hải cảng nơi mà ông Hueste ở và nơi đó chúng ta có một ngôi nhà thờ lớn. Các người Trung-Hoa lập nghiệp ở đây cũng được các quan gọi đến để làm thông ngôn cho những người ngoại quốc này, nhưng không một ai có thể hiểu được tiếng họ nói. Chính vì vậy mà người ta đã gọi ông Heuste tới, ông này đã tìm ra trong bọn người Hòa-Lan nay nhiều người trẻ có thể nói được tiếng la tinh và tiếng Pháp.Vì vậy người ta giữ ông lại làm thông ngôn và ông đã cùng ở với bọn họ tới tháng 5 thì những người Hòa-Lan bị bắt buộc phải đến triều, nơi đây nhà vua muốn gặp họ . Ông Heuste được lệnh theo bọn họ trong cuộc hành trình này, ít nhất cũng mất 15 ngày đường bộ. Nếu ông phải chịu một vài điều cực nhọc là điều dĩ nhiên, thì ông cũng tin rằng là sẽ được đền bù là được thỏa mãn thăm được tất cả những ngôi nhà thờ ở dọc đường cái quan dọc qua vương quốc, bởi vì tổng Nha Trang (Nha Trang) là nơi ông ở là cuối bờ biển phía nam của Nam Hà và tỉnh Huế nơi ngự triều đình là gần như cực bắc của bờ biển.

Khi vào trong cung điện những người Hòa-Lan đươc một viên thái giám tiếp đón, một người có nhiều thế lực bên cạnh nhà vua và Cha Ant. Arnedo, giáo sĩ giòng tên, một nhà toán học Tây Ban Nha đang phụ trách công việc cần giải quyết(2[2]). Viên quan thái giám này vô cùng sợ những người công giáo bởi vì ông ta rất thù ghét tôn giáo và rất nguỵ tín. (Tuy nhiên viên thái giám đã tỏ ra tốt dối với ông Heuste và đã cám ơn ông Heuste đã chịu cực nhọc đã cùng chịu tổn phí để nuôi ăn những người Hòa-Lan).

(tr. 526) Khi khen ngợi ông Heuste như thế, vị quan thái giám này đã bảo ông cùng 8 hay 10 sĩ quan Hòa-Lan vào trong một phòng lớn, ở đầu phòng có một cái phòng khách chỉ cách phòng trên bằng một chấn song được che bởi những chiếc mành mành ấy từ đó có thể thấy ông Heuste và những người Hòa-Lan mà những người này không trông thấy vua, viên thái giám ra lệnh bọn họ phủ phục xuống đất năm lần để kính cẩn chào

[1] (1) Đây là bằng chứng hùng hồn dân chài Nam Hà hoạt động vùng Hoàng-Sa đã giúp người Hòa-Lan biết lối vào hải càng Nam Hà

[2] (2) Nguyeân vaên vieát " en cour", coù leõ encours môùi ñuùng neáu chöõ cour soá ít thì phaûi noùi "aø la cour" môùi hôïp lyù.Xem phu ñính nguyeân vaên phía sau.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Đức Vua (1[1]). Bọn họ đứng như vậy ít lâu mà người ta không nói gì với bọn họ cả. Nhà vua đã quan sat tất cả bọn họ như ngài muốn, cũng là viên thái giám đó đã nói với bọn họ lạy vua lần nữa như đã làm và cáo lui. Đó là tất cả vấn đề mà vì đó người ta đã cho vời những người Hoa-Lan tới.

Ông Heuste đã ra mắt nhà vua với chiếc áo khác chiếc áo ông ta đã mặc thường ngày. Ông Heuste đi chân không và bộ mặt hết sức rám nắng bởi ánh mặt trời mà ông đã phơi nắng trong hơn 20 ngày liền […].

Ba hay bốn hôm sau khi người Hòa-Lan bệ kiến nhà vua, một viên võ quan trong cung điện đã ra lệnh cho ông Heuste dẫn bọn người Hòa-Lan đến dự buổi yết triều mà nhà vua đã ngự vào mỗi buổi sáng tại một sân lớn ở trước cung điện vua. Viên võ quan này cũng cho ông Heuste bản tấu [tr. 527] mà ông phải nhân danh người Hòa-Lan tâu lên nhà vua.Bản tấu này được giải bày trong vài lời:"Chúng tôi những người Hòa-Lan, thành khẩn nhà vua ban tự do cho chúng tôi và chấp thuận cho chúng tôi một chiếc tàu và lương thực để đưa chúng tôi về xứ sở chúng tôi" . Những người Hòa-Lan đã đến nơi yết triều và phủ phục xuống đất theo tục lệ của bản xứ.Ông Heuste trước mặt triều đình và một số người hiếu kỳ đã đọc, từ một nơi khá xa bản tấu trình mà người ta đã đưa cho ông ta.Nhà vua chắc không nghe được bản tấu, nhưng bởi ngài đã biết rõ những gì ông Heuste phải nói ,nên ngài đã đáp lại một cách thuận lợi theo điều ông Heuste đã tâu và nhà vua cùng lúc ấy đã cho một võ quan đến để nói với những người Hòa-Lan rằng ngài đã chuẩn y ban đặc ân mà bọn họ đã tâu xin và bọn họ có thể đi Hội-An cho tới lúc lên tàu.

Những người Hòa-Lan còn lưu lại vài ngày ở triều , bị giữ lại vì sự tò mò của các viên đại thần rất muốn học bọn họ vài cách mới để làm chiến cụ, nhưng những người Hòa-Lan đã ngắt tất cả những câu hỏi người ta đặt ra bằng câu trả lời duy nhất:" Chúng tôi không biết gì về chiến tranh, chúng tôi là nhũng nhà buôn chuyên nghiệp và chúng tôi chỉ lo viêc buôn bán" .Sau đó,bon họ đã đi Hội-An và ông Heuste đã ở lại kinh như chúng tôi đã nói rõ.

[1] (1) Theo thư ông Heutte gửi cho giám mục Hilopolis ngay 6-7-1715 trên , thì người ta phải lạy Chúa Nguyễn ba lạy . Chính ông Heutte đã mục kích và đã lạy thì ba lạy theo lời ông Heutte chính xác hơn

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Qua 5 bức thư trên , ta có thể đúc kết được câu chuyện vụ đắm tàu của người Hòa-Lan năm 1714 tại Hoàng-Sa như sau:

"Vào thang 10 năm 1714 có ba chiếc tàu lớn của người Hòa-Lan tư Nhật-Bản trở về Batavia(Nam-Dương), khi tới quần đảo Hoàng-Sa (Paracel) thì bị gặp bão bất thình lình đến nỗi không kịp cuốn buồm, khiến một tàu bị đắm , làm cho 17 người tù nhân bị chết chìm, và 84 hay87 người sống sót lên bãi cát vàng (Hoàng-Sa) . Những người sống sót này đã bắt chim để sống ở Hoàng-Sa khoảng một tháng, họ lấy những mảnh tàu vỡ đóng thành một chiếc xuồng hướng về phía Nam Hà (tức Miền Nam-Việt Nam thời Trịnh Nguyễn phân tranh). Bọn họ ở ngoài khơi đã theo bóng dàng các cư dân Nam Hà đang đánh cá vùng Hoàng-Sa mà vào hải cảng Nha Trang vào ngày 6-1-1715 .Nơi đây có giám mục Charles Marin Labbé và giáo sĩ Pierre Heutte đươc mời làm thông ngôn vì có nhiều ngươi Hòa-Lan trẻ biết tiếng Pháp và tiếng latinh. Những người Hòa Lan được lệnh đến triều đình ở Phú-Xuân (Huế) để bệ kiến Chúa Nguyễn khi ấy là chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1815) sau khoảng mười lăm ngày đi đường, những người Hòa Lan tới Huế vào ngày 1-6-1715. Dọc đường có nhiều người chết (lối 6,7 người) vì chịu cực không nổi. Tới ngày 5 tháng 7 họ được trình kiến lên lên chúa. Trong số đoàn người bị nạn này có cả bọn nô lệ da đen, làm đày tớ cho người Hòa-Lan. Có vị quan Việt Nam không đồng ý quan niệm người da đen đương nhiên làm nô lệ và đã cho một người da đen ở lại với ông.

Trong thời gian ở Huế, nhiều quan đại thần đã khẩn khoản yêu cầu người Hòa Lan bảo cho cách làm chiến cụ Tây Phương như súng, mìn để phá chiến lũy quân Trịnh. Nhưng người Hòa Lan nhất mực từ chối. Khi bệ kiến Chúa, những người Hòa Lan đã theo triều nghi vương quốc Việt Nam, lạy ba lạy cúi rạp xuống đất khi bệ kiến và khi cáo từ cũng phải phủ phục và lạy ba lạy. Chúa Nguyễn khi ấy là Nguyễn Phúc Chu đã cho cấp bọn họ 50 quan tiềnm, 10 bao gạo, 20 chĩnh nước mắm, và cho họ trở lại hội An để chở ngày lên tàu về xứ. Họ được 1 chiếc tàu người Trung Hoa chở về Batavia, nhưng phải đợi đến gió mùa tháng giêng năm 1716 mới đi được".

Qua những tài liệu văn khố kể trên, chúng ta đi đến một vài kết luận như sau:

1. Hoàng Sa (paracel) là một địa danh rất quen thuộc với người Tây Phương, nhất là thế kỷ 17 và 18. Khi nói đến bờ biển Nam Hà (Miền Nam Việt Nam thời Trịnh-Nguyễn phân tranh), là người ta phải nghĩ

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

ngay đến Hoàng Sa như những bản khuyến cáo liên quan đến sự hiểu biết duyên hải Nam Hà vào năm 1786 của Le Chevalier de la Mothe de Solminihac. Như thế đương nhiên người Tây Phương trong thế kỷ 18 hay trước nữa công nhận rằng Hoàng-Sa thật liên quan đến duyên hải Nam-Việt. Những thói quen nghĩ tới, nghiên cứu tới duyên hải Nam Việt là phải nhớ tới Hoàng Sa khiến một vấn đề tâm lý đặt rằng tại sao người Tây Phương không đề cập tới Hoàng Sa khi nói đến duyên hải Nam Trung Hoa. Phải chăng chỉ vì Hoàng Sa và duyên hải Nam Việt thật liên quan mật thiết với nhau.

2. Sự việc người Hòa Lan bị đắm thuyền ở Hoàng-Sa đã theo thuyền ngư dân Nam Hà mà đi vào hải cảng Nha Trang là một bằng chứng xác nhận các ngư dân Việt Nam hoạt động tích cực vùng Hoàng Sa vào đầu thế kỷ 18. Sử liệu Việt Nam cũng đã nói rõ rằng dân Quảng Ngãi, Bình Định là những người rất quen thuộc Hoàng Sa. Chính họ là những hướng dẫn viên ngay cả đoàn tàu chiến của hải quân Việt Nam đi khảo sát Hoàng Sa như đời vua Minh Mạng đã xảy ra.

3. Các bức thư trên còn là những sử liệu quí giá cho ta biết một vài hình cảnh sinh hoạt của dân Đại-Việt vào đầu thế kỷ 18.

4. Vụ đắm tàu năm 1714 cũng như các vụ đắm tàu trước như năm 1634 của tàu Grootebrock cho ta thấy, những người bị nạn đều tìm đến đất Nam Hà của các chúa Nguyễn cầu cứu xin giúp đỡ. Sự kiện này khiến ta không ngạc nhiên tại sao các Chúa Nguyễn đã chú ý tới Hoàng Sa và lập ra hẳn một đội Hoàng-Sa, phụ trách việc kiểm các tài nguyên ở Hoàng Sa, nhứt là vàng bạc súng đạn… Chính những người Hòa Lan hay những người ngoại quốc khác đắm tàu ở Hoàng Sa là những người cung cấp tin tức quí giá về Hoàng Sa, chính bọn họ đã khiến các Chúa Nguyễn quan tâm, liên hệ đến Hoàng sa và và càng ngày càng tích cực hành sử chủ quyền Việt Nam tại Hoàng Sa. Sự kiện các tàu mắc cạn hay bị đắm chứa chất nhiều hàng hóa quí tại Hoàng Sa vào thế kỷ 17, 18 đã rất phù hợp với các sử liệu Việt Nam như Phủ Biên tạp lục của Lê Quí Đôn, đã xác định rõ công việc của đội Hoàng Sa cũng như việc Hoàng sa có nhiều hàng hóa như gươm, ngựa bằng đồng, hoa bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khối, chì đen, khẩu súng, ngà voi, sáp ong vàng, đồ sứ… Các vụ dìm tàu trên cũng khiến ta không lấy làm ngạc nhiên khi người trung Hoa công bố rằng có thấy các cổ vật Trung Hoa như đồng tiền Vĩnh-lạc thời nhà Minh ở Hoàng Sa của Việt Nam.

5. Sữ việc người Hòa Lan bị đắm tàu năm 1714 đã từ chối việc

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

dạy cách làm súng đạn, mìn để người Việt Nam chống lại nhau trong thời kì Trịnh Nguyễn phân tranh là một điều có thể khiến cho người Việt Nam hiện nay suy nghĩ nhiều và xét lại thái độ trước thảm trạng Việt Nam hiện nay nhứt là khi vụ người Trung Hoa cưỡng chiếm Hoàng Sa, một vùng đất vốn đã lâu đời thuộc về người Việt Nam.

NGUYÊN VĂN BẢN CHÉP TAY CỦA ĐẶNG PHƯƠNG NGHI ([1]), ARCHIVES DES MISSIONS ÉTRANGÈRES DE PARIS

a.COUCHINCHINE VOLUME 729

1.3r Mai 1715- Lettre de Mgr Marin aux Directeurs duSém inaire p.235-238.

|236| Au mois d`Octobre 1714 trois différents vaisseaux hollandois partirent du Japon richement chargés. Etant arrivés à la hauteur du Paracelse, ils furent battus d`une grande tempeste. Comme cette tempeste vint soudainement et qu`ils ne purent carguer à temps leur voile, les trois vaisseaux furent rompus par la violence du vent. Les mariniers ne pouvant plus gouverner ce vaisseau, les flots et les vent le portèrent contre les rochers du Para-celse òu il se brisa. 17 hommes sont péris là, 87 se sauvefrent contre à la nage, partie sur des planches sur le Paracelse qui n`est sur le haut qu`un sable aride.

Ils ont vécu là un mois de la chair de certains oiseaux qui habi-tent sur ce paracelse. Et comme les oiseaux ne point accou-tumés à voir des hommes, ils se laissent prendre à la main et ces Mrs les Hollandois en ont assés pris pour subsister pendant un mois qu`ils demeuré sur ces bancs. Pendant qu`ils estoient là, ils ramasserent quelques planches du débris de leur vaisseau dont ils firent un petit batiment sur lequel ils ont abordé en Cochinchine, et entré dans un port nommé Nha Tlang /237/ qui est distant de Nha Ru d`un jour de chemin, et òu Mr Heuste a une assés grande église et même assés belle pour le pays. Comme les Chinois qui

[1] G.S. Đặng Phương Nghi, tốt nghiệp Ecole des chartes (Paris) và đậu tiến sĩ sử tại đại học Sorbonne. và đậu tiến sĩ sử tại đại học Sorbonne.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

sont icy établis ne pouvoient entendre la langue des Hollandois, Mr Heuste fut appellé (sic) *le jour des Rois* de cette présente année 1715 pour estre leur interprette. Par bonheur il se trouva plusieurs hollandois qui parloient assés bien fan**C**ais et même latin. Il fut donc obligé de servir d`interprette dès ce temps-là et en fait encore maintenant l`office avec des peines incroyables par l`asssiduité que les manda-rins exigent de luy.

Lorsque les Hollandois arriverent icy, j`estois pour lors dans la mission de feu Mr Ausiès mais dès que je fus revenu à Nha Ru les madarins m`appellèrent aussy et il fallut bon gré mal gré obéyr. Mais après avoir passé là 5 ou 6 jours, le Bon Dieu m`envoya une grande douleur dans les jambes qui obligea les madarins à me ren-voyer icy à Nha Ru. Pour Mr Heuste il a esté occupé auprès de ces mandarins et je ne s**C**ay comment il a pu soutenir ce travail.

Maintenant le Roy voullant voir ces Hollandois, il a ordonné qu`on les mème à la Cour. Ils sont arrivés icy à Nha Ru dèz il y a plus de 8 jours et sont presque tous logés chez nous ce qui nous donne beaucoup d`incommodité. Demain ler de Juin 1715 ils doivent partir pour la Cour et Mr Heuste avec eux. D`icy à la Cour il y a environ 30 lieues et un chemin espouvantable et des chaleurs ex-cessives. Je crois /278/ qu`il en mourra beaucoup en chemin et il en est déjà mort 6 ou 7 qui ne sont morts que de misère. Ces pau-vres Hollandois ont souff13ert tous les maux du monde : la faim, la soif, la nudité car on leur a osté leurs chemises, leurs cale**C**ons, leurs habits, et couchant toujours sur le sable et sur la dure et personne n`osoit deur donner à manger ou les assister. Et parce qu`à leur arrivée on leur donna quelque écuelle de ris, les mandarins ont pres-que ruinés tous lé villages voisins du lieu òu ils abordèrent par les sommes d`argent qu`ils ont exigées des habitants. Mais tout celsa se fait à l`insau du Roy et des grands madarins de la Cour.

b. COCHINCHINE VOLUME 739

2. 4 Juillet 1715 – Lettre de Mr Godefroy à Mr Tessier Cochichine vol 739 (pp 211-214).

|P.213| PS : Trois vaisseaux Hollandois étant partis du Japon furent battus d`une grosse tempeste sur le Paracel. Deux échapèrent,

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

le troisième s`y brisa, mais l`équipage se sauva sur de hauteurs de sable et après avoir réuni quelques planches, ils abordèrent à la coste de Cochinchine plus morts que vifs car les lieux fut leur in-terprète. Il est allé à la Cour avec eux pour paroistre devant le Roy. Le Roy les veut renvoyer à Batavia sur un bateau Chinois. Ce sera une belle occasion pour faire rester Mr Heutte à la Cour.

c.COCHINCHINE- Volume 800

1704-1785

3. Hué, 6 Juillet 1715- Lettre de M. Heusse à Mgr de Hilopoli p.13-16.

/13/ La veille de saint Pierre, on présenta au Roi les dometisques de Hollandois : nous fumes introduits dans le palais par une porte de derrière et ce fut à Cau Mien que nous etu affaire d`abord. Ce madarin me parut avoir beaucoup d`esprit et de ceivilité. Il dit que quoique ces gens-là fussent noirs ils n`étoient pas esclaves pour cela. Il me parla ensuitte fort obligeamment et me dit que j`avois beau-coup souffert dans cette affaire depuis 6 mois que j`y étois engagé. Pendant ce tems-là, il fit appler unde ses esclaves qui est unde gens du navire du P. Antoine qui a, dit-il, voullu rester avec lui; cet esclave vint aussitot et comme il étoit chrétien, il ne manqua pas de me faire civilité. Ensuitte on moena ces noirs dans l`apartement du Roi lequel après les avoir considéres, en a réservé 5 pour lui, le reste il les a relachés.

Hier au matin 5 Juillet, on présenta les Hollandois au Roi lorsqu`il estoit à tenir sa Cour soubs une galerie de son palais. Ce fut un captaine qui les mena vis à vis de son trone mais fort éloignés, en sorte que nous ne pumes pas entendre ce qu`il ordonna. /14/ Le capi-taine me dit de leur dire de faire 3 lạy et de les faire aussi en même tems qu`eux; énuitte de prier le Roi de leur donner se quoi vivre et les moiens de s`en retourner. Je fis donc mon compliment mais autant en emporta le vencar nous n`étoins pas à port pour être en-tendus; aussi bien ce compliment n`étoit que pour la forme car le Roi avoit déjà ordonne de leur donner du ris et des caches. Cela fait, nous fimes encore 3 lay, après quoi on nous dit de nous retiree. Oũ hèn tàu me fit appeller hier au soir et donna une audience à 4 ou 5 des Hollandois de plus d`une heure et demi. Ce tém, il les inter-ogea sur leur commerce et leur richesses et leur fit beaucoup d`ins-

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

tance pour apprendre d`eux la manière de faire de bombes, des car-easses, des mines pour faire sautter les fortifications etc. mais ils lui répondirent que |déchirure| ils sont des marchands et des matelots; il ne savent pas ces sortes de choses là; il ne fut pas content de cette réponse disant qu`ils veullent lui cacher ce qu`ils savent fort bien et qu`il les prioit de ne le pas désobliger en cela. Il leur fit apporter du vin et voullut les ennivrer. Il me parla toujours fort civilement et me fit asseoir aupres de lui. Je servis de l`occasion pour le prier de les aider de son crédit mais M. Sennemand m`a dit qu`il n`en a pas beaucoup parce qu`il ne s`applique pas aux affaires et que c`est Cau Mien qui a presque toutes les affaires des navires entre les mains.

Je ne s**C**ai (sic) pas encore ce qu`on donnera aux Hollandois. Ce serait apparamment très peu de chose. Dans quelques jours je s**C**aurai le reste. On m`a dit aujourd`hui que le Roi a ordonné qu`on les renvoie à Fayfo pour y attendre la saison et que Õu Nghe bo de ce pays là /15/ leur donne du ris et des caches pour vivre. J`appréhendre qu`on me ramène avec eux et de perdre par là l`occasion très favorable que nous avons de nous établir ici.

4. Huế, 19 Juillet 1715 – Lettre de M. Heusse à Mgr de Hilopolis p.17-20.

/17/ Le Roi a donné aux Hollandois 50 quan, 10 sacs de gạo, 20 petites jarres de mám. On doit les renvoier à Faifo pour y chercher un navire. [Un capitaine Choinois a offert de le prendre jusqu` à Bata-via mais il faut àttendre la mousson de Janvier].

5. 16 Octobre 1718 – Lettre de Mgr Labbé à Mrs les Directeurs du Séminaire – p. 519-533.

/524/ Un vaisseau Hollandois retournant du Japon à Batavia ri-chêmnt chargé, fist naufrage sur la fin de novembre /525/ 1714 sur les bancs du Paracel qui n`est éloignẽ des costes de Cochinchine que de 15 ou 20 lieues. Tout l`équipage sauf 17 prisonniers qui furent noyées se sauva à la nage sur les endroits les plus eslevés de ces bancs de sable et fist en ce lieu là du débris de leurs vaisseaux une grande chalouppe sur laquelle 84 hommes passèrent en Cochinchine en suivant de loin des pescheurs Cochinchinois qui rentroient après leur pesche dans le port d`où ils estoient sortis le matin.

Ces pauvres Hollandois tout languissants de faim et de soif abor-

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

dèrent le 6 Janvier 1715 dans un port òu étoit Mr Heuste et òu nous avons une grande église. Les Chinois qui sont établis en ce lieu là fu-rent aussy tost appellés par les mandarins du pays pour estre inter-prettes de ces étrangers mais il ne s`en trouva aucun qui put entendre leur langue. C`est pourquoi on fit venir Mr Heuste qui trouva entre ces Hollandois plusieurs jeunes gens qui pouvoient parler latin et fran-**C**ois. On L`arresta donc pour estre interprette et il demeura avec eux depuis ce jour là jusqu`au mois de May suivant qu`ils furent obliges d`aller à la Cour où le Roy vouloit les voir. Mr Heuste eut ordre de les accompagner dans ce voyage qui est au moins de 15 jours de che-min. S`il souffrit quelques, peines comme il n`en faut pas douter, il s`en crut bien récompensé par la satisfaction qu`il eut de voir toutes les églises qui sont sur la routte et de traverser tout le royaume, parce que le canton de Nha Tlang où il demeuroit est l`extrémité de Co-chinchine du costé du Midy et la province de Hué où est la Cour est presque l`extrémité du costé du Nord.

En entrant dans le palais, ils furent recus par un Eunuque qui est fort en crédit auprès du Roy et don't le père Ant. Arnedo Jésuite espagnol Mathématicien se servoit dans les affaires qu`il avoit en Cour (sic). Cet Eunuque est extrêmement craint de tous les chrétiens parce qu`il est fort ennemy de la religion et grand devot des Idoles. [Il s`est cependant montré bon envers Mr Heuste qu`il a remercié pour s`être donné de la peine et d`avoir nourri les Hollandois à ses frais.] /526/ Cet eunuque, en complimentant Mr Heuste de la sorte il le fist entrer avec 8 ou 10 officiers Hollandois dans une grande sale au bout de laquelle il y a un salon qui n`est séparé de la sale par une balustrade couverte de jalousies. Comme le Roy étoit derrière ces jalousies d`où il pouvoit voir Mr Heuste et les Hollandois sans estre veu (sic), l`Eunuque leur dist de se prosterner 5 fois par terre pour faire la révérence à Sa Majesté. Ce qu`ayant fait ils demeurerent en pié quelque temps sans qu`on leur dist aucune chose. Le Roy les ay-ant tous considéré autant qu`il-voulut, le même Eunuque leur dist de faire encore la réverence comme ils avoient desja fait et de se retirer. Voilà tout le sujet pour le quel on les avoir fait venir.

Mr Heuste ne parut point dcvant le Roy sous un autre habit que celuy qu`il porte tous les jours. Il étoit nuds piés et avoit le visage fort bruslé par l`ardeur du soleil où il avoit esté exposé pendant plus de 20 jours de suitte. […]

Trois ou quatre jours après que les Hollandois eurent fait le ré-vérence au Roy, un officier du palais donna ordre à Mr Heuste de les mener à l`audience publique que le Roy tiet tous les matins dans-une grande place qui est devant son palais. Cet officier donna aussy à Mr Heuste la harangue /527/ qu`il devoit faire au Roy au nom des Hollandois. Elle étoit con**C**ue en ce peu de paroles : "Nous Hollan-dois, supplions très humblement le Roy de nous

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

mettre en liberté et de nous accorder un vaisseau et des vivres pour nous en retourner dans notre pais ". Les Hollandois estant arrivés au lieu de l`audience et s`estant prosternés en terre selon la coutume du pays, Mr Heuste à la veue (sic) de toute la Cour et d`un peuple infini récita d`un lieu fort éloigné le discours qu`on luy avoit mis en bouche. Le Roy sans doute ne l`entendit pas mais comme Sa Majesté s**C**avoit bien ce qu`il avoit à dire, elle répondit favorablement et suivant ce qu`il avoit de-mandé et envoya e même temps un officier pour dire aux Hollandois qu`elle leur accordoit la grace qu`ils luy avoient demandée et qu`ils pouvoient s`en aller à Faifo jusqu`au temps de leur embarquement.

Les Hollandois demeurèrent encore quelque jours à la Cour arres-tés par la curiosité des plus grands mandarins qui avoient bien voullus apprendre d`eux quelques nouvelles manières de faire des machines de guerre, mais ils couppèrent court à toutes les questions qu`on leur faisit par cette unique réponse : " Nous ne s**C**avons rien de ce qui regarde la gurere, nous nommes marchands de professoin et nous ne nous occupons que du commerec ." Après cela, ils s`en allèrent à Faifo et Mr Heuste demeura à la Cour comme nous en estions convenus.

http://hoangsa.org

CÁC VĂN KIỆN CHÍNH THỨC XÁC NHẬN CHỦ QUYỀN VIỆT NAM TRÊN HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA TỪ THỜI PHÁP THUỘC TỚI NAY

★Bà và Ông TRẦN-ĐĂNG-ĐẠI

LTS: Sử sách cổ Việt Nam đã cho biết rõ Việt Nam đã liên tục hành sử chủ quyền của mình trên quần đảo Hoàng sa và Trường sa qua nhiều thế kỷ. Từ khi bị người Pháp đô hộ đến nay, lần lượt chính quyền thống trị Pháp hoặc chính quyền bản xứ do họ dựng lên, gạt bỏ chính danh về phương diện chính trị đối với nhân dân Việt Nam, các nhà cầm quyền ấy về phương diện pháp lý, đã tiếp tục nói lên việc hành sử chủ quyền Việt Nam tại Hoàng sa và Trường sa qua các văn kiện chính thức của các nhà cầm quyền cai trị xứ sở này. Sự liên tục ban hành các văn kiện từ gần nửa thế kỷ nay về Hoàng sa và Trường sa đã là một bằng chứng hùng hồn rằng dù bị ngoại nhân thống trị hai chiến tranh, việc hành sử chủ quyền của Việt Nam(qua nước bảo hộ, đại diện VN hoặc do chính phủ bản xứ) trên quần đảo Hoàng sa và Trường sa vẫn được liên tục. Chính người Trung Hoa lợi dụng tình trạng Việt Nam bị ngoại nhân thống trị và bị chiến tranh tương tàn, để mưu đồ chiếm hữu Hoàng sa, Trường sa một cách phi pháp và bất chính và chắc chắn như vậy sẽ bị dư luận thế giới lên án gay gắt. Sau đây chúng tôi đăng tải bài sưu tầm các văn kiện chính thức hiện nay tàng trữ đầy đủ tại các thư viện Sài Gòn cũng như nhiều nơi khác.

Giữa không khí rộn rịp để chào đón chúa Xuân năm Giáp Dần, tin thất thủ Hoàng Sa liên tiếp đưa đến, làm bàng hoàng không biết bao nhiêu con tim Việt.

Các học giả, các tài liệu gia đổ xô đi tìm bằng chứng để tỏ rằng, thực sự Hoàng Sa (Paracels) và cả Trường Sa (Spratly hay Spratley) đều là của Việt Nam từ lâu đời lắm rồi.

Qua báo chí đã đăng tải cũng như cuốn " Les Archipels de Hoàng sa et de Trường sa selon les Anciens ouvrages Vietnamiens d'Histoire et de Géographie" của ông Võ Long Tề, thì Việt Nam có rất nhiều tài liệu cổ đã thực sự xác nhận chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng sa và Trường sa một cách hiển nhiên không còn nghi ngờ gì nữa như "Toản Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư" của Đỗ Bá

http://hoangsa.org/tailieu

(1630-1653), Phủ Biên Tạp Lục (1776), Dư Địa Chí (1821), Hoàng Việt Địa Dư Chí (1833), Đại Nam Thục Lục Chính Biên, Khâm Định Đại Nam Hội Diễn Sự Lệ, Đại Nam Nhất Thống Chi…

Riêng chúng tôi cũng đã đi lục lọi kiếm trong các tài liệu cổ, đặc biệt đã kiếm được một tấm bản đồ cổ ấn hành năm 1838, nhan đề "An Nam Đại Quốc Họa Đồ" của giám mục Taberd.

Đây là một bản đồ đính sau cuốn Tự Điển Việt la tinh nhan đề "Latino – Anamiticum của giám mục Taberd" [(1)] xuất bản năm 1838.

Bản đồ này có chiều dài 80cm5; ngang 44cm in trên loại giấy thường để in họa đồ. Người ta thấy nhan đề của bản đồ được in bằng ba thứ tiếng chữ Hán, chữ quốc ngữ, chữ la tinh, được in trên phần giấy có biển Đông Hải(riêng chữ Hán viết theo lối chữ thảo) với các hàng thứ tự như sau:

AN NAM ĐẠI QUỐC HỌA ĐỒ
Seu
Tabula Géogaphica Imperil Anamitica
Ab Auctore Dictionaril Latino-Anamitica
Disposita
1838

Tại khoảng vĩ tuyến 17 độ và kinh tuyến hơn 110 độ, tức vùng Đông Hải người ta thấy ghi chú một số đảo và đề chữ:

Paracel
Seu
Cát Vàng

Người ta thấy miền duyên hải An Nam đối diện với Paracel(Cát Vàng) ta thấy các địa danh trên bản đồ như:

" Hue " tức Huế

" Cửa Hàn Seu Touron Portus " tức Cửa Hàn hay hải cảng Tourane (Đà Nẵng)

" Hòn Sơn Cha " tức bán đảo Sơn Trà ở Đà Nẵng

" Cửa Đai Nai Chăm " tức cửa Đại Chiêm, phía nam Đà Nẵng

" Cù Lao Chăm " tức Cù lao Chàm

[(1)] Hiện cuốn sách và bản đồ trên đang tàng trữ tại Thư Viện Quốc Gia, 69 Gia Long Sài gòn tại phòng Sách Báo và Đồ Bản dành riêng cho loại cổ hiếm. Xem phụ bản An Nam Đại Quốc Họa Đồ đăng ở Sử Địa số này. Về xuất bản, cuốn sách thấy ghi bằng chữ "Ex Typis J.C Marth man, Fređericnagori vaigo serampore 1938".

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Dưới phía nam ta còn thấy các địa danh:

“ Sa Kỳ ” và “ Cù lao Ré Seu Pulo Canton ”

“ cửa Đại Quảng Ngãi ”, “Dinh Quảng Ngãi ”

Và phía vịnh Thái Lan có đề Poulo Panjang seu Thổ Chau.

Với các chi tiết của bản đồ trên ta có thể kết luận rằng: Vào năm 1838, khi in tấm họa đồ nhan đề “ An Nam Đại Quốc Họa Đồ ”, kẹp vào cuốn từ điển cùng tác giả nhan đề “ Latino-Anamiticum”, giám mục Taberd đã xác định rõ Paracel là Cát Vàng hay Hoàng Sa nằm trong lãnh hải của An Nam Đại Quốc. Tấm bản đồ “ An Nam Đại Quốc Họa Đồ ” năm 1838 của Taberd là một bằng chứng quá hùng hồn xác định rằng đã từ lâu chính người ngoại quốc, điển hình là giám mục Taberd, đã biết rõ Chủ quyền của Việt Nam trên đảo Hoàng-Sa là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Đến đây, chúng tôi xin tường thuật lại những biện pháp và văn kiện hành chánh theo thứ tự thời gian (biên niên) đã được ban hành từ thời Pháp thuộc, hoặc do chính phủ bảo hộ Pháp hoặc do chính nam triều lúc triều đình Việt Nam hoặc chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thực hiện.

1) Nghị định số 156 – SC do toàn quyền Đông dương ký ngày 15/6/1932.

Thiết lập tổ chức hành chánh tại quần đảo Hoàng-Sa (không tìm ra nguyên văn chỉ biết được do theo nghị định số 3282 ký ngày 5/5/1939).

2) *Thông tri ngày 19/7/1933 của Bộ Ngoại Giao [Pháp Quốc]*: liên quan đến việc hải quân Pháp chiếm hữu một số đảo thuộc quần đảo TRƯỜNG SA và phụ cận [1]

Sau đây là nguyên văn và bản dịch thông tri trên:

Thông tri ngày 19-7-1933 liên quan đến việc những đơn vị hải quân Pháp chiếm cứ một số hải đảo.

Chánh phủ Pháp đã sai những đơn vị hải quân chiếm cứ những đảo là tiểu đảo định rõ dưới đây:

1. Hải đảo Trường sa (Spratly), nằm tại 8°39’ Bắc vĩ tuyến và 111°55’ Kinh tuyến Tây Greenwich, cũng như các tiểu đảo phụ thuộc. (Sự chiếm hữu thực hiện ngày 13-4-1933).
2. Tiểu đảo Caye-d’Amboine, nằm tại 7°25’, Bắc vĩ tuyến và 112°55’ Kinh tuyến Tây Greenwich, cũng như các tiểu đảo phụ thuộc. (Sự chiếm hữu

[1] Xem Journal Officiel de La République Francaise, 25 juiliet 1933 phần Avis Communication: Ministère des Affaires Etrangères, p 7794.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

thực hiện ngày 7-4-1933).

3. Tiểu đảo Itu-Aba, nằm tại 10°22' Bắc vĩ tuyến và 114°21' Kinh tuyến Tây Greenwich, cũng như các tiểu đảo phụ thuộc.(Sự chiếm hữu thực hiện ngày 10-4-1933).
4. Nhóm Hải Đảo, nằm tại 11°29' Bắc vĩ tuyến và 114°21' Kinh tuyến Tây Greenwich, cũng như các tiểu đảo phụ thuộc. (Sự chiếm hữu thực hiện ngày 10-4-1933).
5. Tiểu đảo Loaito, nằm tại 10°42' Bắc vĩ tuyến và 114°25' Kinh tuyến Tây, cũng như các tiểu-đảo phụ-thuộc. (Sự chiếm hữu thực hiện ngày 11-4-1933).
6. Hải đảo Thi-Tu, nằm tại 11°7' Bắc vĩ tuyến và 114°16' Tây kinh tuyến Greenwich, cũng như những tiểu đảo phụ thuộc. (Sự chiếm hữu thực hiện ngày 12-4-1933).

Những hải đảo và tiểu đảo ghi trên từ nay sẽ thuộc chủ quyền Pháp quốc.

Nguyên văn

MINISTÈRE DES AFFAIRES ÉTRANGÈRES

Avis relatif à l'occupation, le 19 juillet 1933, de certaines iles par des unités navales francaises.

Le Gouvernement francais a fait procéder par des unités navales à l'occupation des iles et ilòts définis ci-dessous:

1, L'ile Spratly, située par 8°39' latitude Nord et 111°55' longitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 13 avril 1933).

2, Ilot Caye-d' Amboine, sitúe par 7°52', latitude Nord et 112°55, longitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 7 avril 1933).

3, Ilot Itu-Aba, situé par 10°22', latitude Nord et 114°21', longitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 10 avril 1933).

4, Groupe de Deux-Iles, sitúe par 11°29' latitude Nord et 114°21', longitude Est Greenwich, ainis que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 10 avril 1933).

5, Ilot Loaito , sitúe par 10°42' latitude Nord et 114°25', longitude Est Greenwich, ainis que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 11 avril 1933).

6, Ile Thí-Tu, sitúe par 11°7' latitude Nord et 114°16', longitude Est Greenwich, ainis que les ilots qui en dépendent.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

(La prise de possession a eu lieu le 12 avril 1933).

Les iles et ilots sus-indiqués relèvent désormais de la souverameté francaise

(Journal officiel de la République Francais 25 Juillet 1933, p.7394)

3) Thông tri của Bộ Ngoại Giao (Pháp quốc), liên quan đến việc các đơn vị hải quân Pháp chiếm một số hải đảo.[1]

Nội dung bản thông tri này gần y hệt như nội dung bản thông tri của Bộ Ngoại Giao ở trên đăng ở Journal officiel de la République Francais 25 Juillet 1933, p.7394, duy khác một vài điều theo thứ tự sau:

1. Đề mục thông tri bỏ " le 19 Juillet 1933 " (19-7-1933).
2. Chữa lại năm chiếm đảo Spratl, thay vì 13-4-1933 thì sửa là 13-4-1930.
3. Cuối thông tri ghi thêm: " Thông tri này đề thay thế thông tri trước, đăng trong công báo ngày 25-7-1933 nơi trang 7794 ".

Như vậy chính vì thông tri đăng công báo ngày 25-7-1933 nhầm lẫn 1933 với 1930, nên đã có thông tri mới này cải chánh vì nội dung hoàn toàn giống nhau, nên chúng tôi chỉ xin đăng nguyên văn, xin độc giả xem các phần phiên dịch ở trên.

Nguyên văn

MINISTÈRE DES AFFAIRES ÉTRANGÈRES

Avis relatif à l'occupation de certaines iles iles par des unités navales francaises

Le Gouvernement francais a fait procéder par des navales à l'occupation des iles et ilots définis ci-dessous:

1. L'iles Spratly, sitúee par 8°39' latitude Nord et 111°55' longitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.(La prise de possession a eu lieu le 13 avril 1930).
2. Ilot Caye- d'Amboine, situé par 7°52', latitude Nord et 112°55' longitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.
(La prise de possession a eu lieu le 7 avril 1933).

3. Ilot Itu-Aba, situé par 10°22' latitude Nord et 114°21' longtitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 10 avril 1933).

[1] Journal officiel de la République Francaise, 26 Juillet 1933, p 7837

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

4. Groupe de Deux-Iles, situé par 114°21’ longitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 10 avril 1933).

5. Ilot Lóaito, situé par 10°42’ latitude Nord et 114°25’ longtitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 11 avril 1933)

6. Ile Thi-Tu, située par 11°7’ latitude Nord et 114°16’ longtitude Est Greenwich, ainsi que les ilots qui en dépendent.

(La prise de possession a eu lieu le 12 avril 1933).

Les iles et ilots sus indiqués relèvent désormais de la souveraine- té francaise.

(Cet avis annule le précédent, inséré au Journal officel en date du 25 juillet 1933, page 7794).

4) Nghị định số 4762. CP ngày 21-12-1933 do Thống đốc M.J.Krautheimer ký nhập quần đảo spratly (Trường Sa) và các tiểu đảo Caye-d’ Amboine, Itu-Aba, nhóm Hai Đảo, Loaito và Thi Tu vào địa phận tỉnh Bà Rịa [(1)]

Tài liệu cũng thấy đăng trong Bulletin administratif de la Cochinchine 4-1-1934, nơi trang 28, nhưng không kê rõ số nghị định và do ai ký, xin phiên dịch bản văn ngắn sau đây:

“ Do các nghị định Thống đốc Nam-Kỳ ký ngày 21-12-1933.

Hải đảo Spartly (Trường Sa) và những tiểu đảo Caye-d’ Amboine, Itu- Aba, nhóm Hai Đảo, Loaito và Thi Tu thuộc hải đảo Spratly, nằm trên biển Đông- hải nay được sáp nhập vào địa phận tỉnh Bà Rịa.

Nguyên văn

PAR ARRÊTÉS DU GOUVERNEUR DE LA COCHINCHINE EN DATE DES 21 DÉCEMBRE 1933

L’ile dénommée Spratly et les ilots Caye-d’ Amboine, Itu-Aba, groupe de Deux-iles, Loaito et Thi-Tu qui en dépendent, situés dans la Mer de Chine sont rattachés à la province de Baria.

Sau đây là toàn văn nghị định 4762 trên, thấy còn lưu trữ tại Văn Khố Quốc Gia, Sài gòn, chưa đề số hiệu:

(1) Nguyên văn nghị đĩnh hiện tàng trữ tại Văn Khố Quốc Gia (69 Gia Long, Sài Gòn) số hiệu có ghi rõ do Thống đốc M.J.Krantheimer ký.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

THỐNG ĐỐC NAM KỲ

Đệ tam đẳng Bắc đẩu bội tinh

“ Chiếu sắc lệnh ngày 20-10-1911;

Chiếu sắc lệnh ngày 9-6-1922 ấn định việc cải tổ Hội đồng thuộc địa Nam-Kỳ và những bản văn kế tiếp;

Chiếu thông tri đăng trong công báo Cộng-hòa Pháp quốc ngày 26-7-1933 của Bộ Ngoại giao, liên quan đến việc chiếm hữu một số hải đảo do những đơn vị hải quân Pháp thực hiện.

Chiếu các thư số 634 và 2243-AP ngày 24-8 và 14-9-1933 của Toàn quyền Đông dương, liên quan đến việc sáp nhập ngững hải đảo và tiểu đảo thuộc Trường Sa(Spratly) hay đảo Bão Tố (Tempete);

Chiếu các cuộc thảo luận của Hội đồng thuộc địa ngày 23-10-1933;

Hội đồng tư vấn đã tham khảo ý kiến;

NGHỊ ĐỊNH

Điều khoản thứ 1 – Đảo Trường Sa (Spratly) và các tiể u đảo Caye-d’Amboine, Itu-Aba, nhóm Hai Đảo, Loaito và Thi Tu thuộc Trường Sa, nằm trên biển Đông Hải được sáp nhập vào tỉnh Baria.

Điều khoản thứ 2 – Tỉnh trưởng Bà Rịa và Giám đốc sở địa chánh và họa đồ chiếu nhiệm vụ, thi hành nghị định này.

Nguyên văn

LE GOUVERNEUR DE LA COCHINCHINE OFFICER DE LA LÉGION D’HONNEUR

Vu le décret du 29 Octobre 1911;

Vu le décret du 9 Juin 1922 portant réorganisation du Conseil Colonial de la Cochinechine et les textes subséquents;

Vu l’avis publíe dans le Journal officietl de la République Francaise du 26 Juillet 1933 par le Ministere des Affaires Etrangéres, relatif à l’occupation de certaines iles par des unité navales Etrangeres, relatif à l’occupation de certaines iles par des unité navales francaises.

Vu les lettres Nos 634 et 2243- AP des 24 Aout et 14 septembre 1933 du Gouverneur général, relatives a l’annexion des iles et ilots du groupe Spratly ou Tempête;

Vu les delibération du Conseil colonial en date du 23 Octobre 1933;

Le consefl privé entendu,

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Article ier. – L'ile dénommée Spartly et les ilots Caye-d' Amboine, Itu-Aba, Groupe de Deux- iles, Loaito et Thi-Tu qui en dépendent, situés dans la mer de Chine sont rattachés à la province de Baria.

Article 2. – L'administrateur, Chef de la province de Baria et la Chef du Servics du Cadastré et de la Topographic sont chargés, chacun en ce qui le concerne de l'execution du présent arrêté.

Saigon, le 21 décembre 1933

Signé : J.KRAUTHEIMER

5) Dụ số 10 ngày 29 tháng 2 năm Bảo Đại thứ 13 (30 Mars 1938) Trích "Nam Triều Quốc Ngữ Công báo" số 8, năm 1938, trang 233)

Nguyên văn

NĂM 1938 – Số 8

CUNG LỤC DỤ SỐ 10 NGÀY 29 THÁNG 2 NĂM BẢO ĐẠI THỨ 13 (30 MARS 1938)

Chiếu chỉ các Cù lao Hoàng sa (Archipel des iles Paracels) thuộc về chủ quyền nước Nam đã lâu đời và dưới các tiền triều, các Cù lao ấy thuộc về địa hạt tỉnh Nam- Ngãi ; đến đời Đức Thế- Tổ Cao- Hoàng Đế vẫn để y như cũ là vì nguyên trước sự giao thông với các Cù lao ấy đều do các cửa bể tỉnh Nam - Ngãi.

Chiếu chỉ nhờ sự tiến bộ trong việc hàng hải nên việc giao thông ngày nay có thay đổi, vả lại viên Đại- diện Chánh-phủ Nam-triều ủy phái ra kinh lý các cù lao ấy cùng quan Đai-diện Chánh-phủ Bảo-hộ có tâu rằng nên tháp các cù lao Hoàng sa vào địa hạt tỉnh Thừa-thiên thời được thuận tiện hơn.

DỤ

Độc khoản – Trước chuẩn tháp nhập các cù lao Hoàng sa (Archipel des Iles Paracels) vào địa hạt tỉnh Thừa thiên; về phương diện hành chánh, các cù lao ấy thuộc dưới quyền quan Tỉnh hiến tỉnh ấy,

Khâm thử

6) Nghị định số 3282 ngày 5-5-1939 của Toàn- Quyền Đông –Dương.

Nghị định này sửa đổi lại nghị định số 156 – SC ký ngày 15-6-1932 [1]

Nội dung xin được phiên dịch sau đây:

[1] Xem Bulletin Administratif de l'Annam năm 1930, số9, trang 872.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG ĐỆ NHỊ

ĐẲNG BẮC ĐẨU BỘI TINH

Số 3282

Chiếu sắc lệnh ngày 20-10-1911, ấn định quyền hạn của quan toàn quyền và tổ chức tài chánh và hành chánh Đông dương; Chiếu sắc lệnh ngày 5-8-1936;

Chiếu nghị định ngày 28-12-1934 ấn định điều khoản về phụ cấp và trợ cấp. Chiếu nghị định số 156- SC ngày 15-6-1932 ấn định việc thiết lập một đơn vị hành chánh tại quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên (Trung Kỳ) mang danh là Quận Hoàng Sa;

Do đề nghị của khâm sứ Trung Kỳ;

NGHỊ ĐỊNH

" Điều thứ nhất – Nghị định số 156- SC ngày 15-6-1932 nay được sửa đổi như sau:

"Điều thứ nhất – Hai đơn vị hành chánh được thành lập tại quần đảo Hoàng – sa thuộc tỉnh Thừa Thiên (Trung Kỳ) dưới danh xưng là Sở đại lý " Croissant và phụ cận" và Sở đại lý " Amphyrite và phụ cận". Ranh giới giữa hai sở này được phân bởi kinh tuyến số 112, trừ rặng đá ngầm Vuladdore hoàn toàn phụ thuộc vào sở đại lý Croissant.

" Điều thứ hai: Những phái viên hành chánh đứng đầu hai sở đại lý này với tư cách là ủy viên của công sứ Pháp tại Thừa Thiên Huế sẽ ở tại đảo Pattle và đảo Boisée.

" Điều thứ ba – Hằng năm trong chức vụ ấy mỗi phái viên sẽ được hưởng phụ cấp đại diện và kinh lý là bốn trăm đồng (400,00) đã dự liệuu ở nghị định ngày 28-12-1934. Phụ cấp này sẽ được ngân sách địa phương Trung Kỳ đài thọ, theo chương 12, điều 6, đoạn 3"

Điều thứ hai – Phó Toàn Quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ, chiếu nhiệm vụ, lãnh ti hành nghị định này.

Hanoi, ngày 5-5-1939

Ký tên: J.Brévié

Nguyên văn

LE GOUVERNEUR GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE

N.3282 Grand Officier de la Légion d' Honneur

Vu les décrets du 20 Octobre 1911, portant fixation des pouvoirs du Gouverneur Général et organisation financière et administrative de l' Indochine;

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Vu l'arrêté du 28 Décembre 1934 portant règlement sur les indemnités et prestatious en nature et en deniers;

Vu l'arrêté N156SC du 15 Juin 1933 portant création d'une délégations administrative aux iles Paracles dépendant de la province de ThuaThien (Annam) dénommée Délégation des Paracles;

Sur la propostion du Résident Supérieur en Annam;

ARRETE:

" Article premier, - L'arrêté N 156 SC du 15 juin 1932 et modifie ainsi qu'il suit:

" Article premier, - Deux délégations administratives sont cree1es aux Iles Paracels dépendant de la province de Thua-thien (Annam) sous les noms de Délégation du " Croissant et Dépendances" et de " l'Amphytrite et Dépendances". La limite entre ces 2 circonscriptions est fixée par le trajet du 112e méridien, sauf en sa traversée du récif Vuladdore qui est totalement englobé par la délégation du Croissant.

" Art. 2. – Les Fonctionnaires placés à la tête de ces Délégations en quatifé de Délégúes du Résident de France à Thua-thien résideront respectivement à l'Ile Pattle et à l'Ile Boisée.

" Art.3. – Ils auront droit chaeun, en cette quatité, pour frais de représentation et de tournées, à l'arrêté du 28 Décembre 1934. Cette indemnité est imputable au budget local de l' Annam, chapitre 12, article 6, paragraphe 3".

Art .2. – Le Secrétaire Général du Gouverment Général de l' Indochine et le Résident Supérieur en Annam sout chargés, chacun en ce qui le concerne, de l' exécution du présent arrêté.

Hanoi, le 4 Mai 1939
Signé: J.BRÉVÍE

7)Bản tuyên bố tại Hội nghị SAN FRANCISCO của Thủ tướng Trần văn Hữu, chính phủ Quốc gia Việt Nam trong thời kỳ người Pháp dùng lá bài Bảo Đại

[Trích trong " FRANCE ASIE, số 66-67 (Novembre Décembre 1951), tr.502-505.]

Hội nghị San Francisco có 51 quốc gia tham dự, trong đó có 3 lời tuyên bố của 3 đại diện Việt, Miên, Lào. Ở đây, chúng ta chỉ chú trọng đến lời tuyên bố chánh thức của đại diện Việt Nam.

Đính kèm sau đây hình ảnh cùng nguyên văn bản tuyên bố của Thủ tướng Trần văn Hữu tại hội nghị San Francisco ngày 6 và 7-1951.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Sau đây là phần phiên dịch

"Những quốc gia liên hiệp (Pháp) tại hội nghị San Francisco ngày 6 và 7-9-1951.

Việt-Nam

Bản tuyên ngôn của Thủ Tướng Trần văn Hữu.

Kính thưa Ông Chủ Tịch,

Kính thưa quí vị đại biểu,

Kính thưa quí vị.

Thật là ngiêm trọng và cảm kích cho Việt-Nam được đến San Francisco tham dự công việc của hội nghị Hòa-bình với Nhật-Bản.

Sở dĩ chúng tôi được hiện diện tại đây là nhờ các tử sĩ của chúng tôi và lòng hy sinh vô bờ bến của dân tộc chúng tôi, dân tộc đã chịu đựng biết bao là đau khổ để được sống còn và giành sự trường tồn cho nòi giống đã có hơn 4.000 năm lịch sử.

Nếu mỗi dân tộc đã thống khổ do sự chiếm đóng của Nhật Bản, có quyền tham gia hội nghị này, như tất cả diễn giả liên tiếp hai ngày nay đã đồng thanh nhìn nhận, mặc dù thuộc ý thức hệ nào đi nữa cũng vậy thì cái quyền của Việt Nam lên tiếng về hòa ước hòa bình với Nhật Bản lại càng dĩ nhiên hơn lúc nào hết, vì không ai không biết rằng, trong tất ảc các quốc gia Á châu, Việt Nam là một nước chịu nhiều đau khổ nhất về tài sản cũng như về tính mạng của người dân. Và tôi thiếu sót phận sự tối thiểu đối với đồng bào quá vãng nếu giờ phút này tôi không hướng một ý nghĩ thành kính đến một triệu dân Việt mà hoàn cảnh bi thảm của sự chiếm đóng đã đưa đến cái chết đau thương. Những hư hại vật chất mà đất nước chúng tôi gánh chịu không phải là ít và tất cả nền kinh tế của chúng tôi bị ảnh hưởng một cách trầm trọng. Cầu cống và đường xá bị cắt đứt, làng xã bị triệt hạ hoàn toàn, nhà thương và trường học bị thiệt hại, bến tàu và đường sắt bị dội bom, tất cả đều phải làm lại, đều cần thiết phải làm lại, nhưng than ôi, cần có các nguồn tài nguyên quá cao so với khả năng hiện hữu của chúng tôi.

Cho nên, trong lúc khen ngợi sự rộng lượng của các tác giả dự án thỏa hiệp này, chúng tôi cũng sẽ trình bày ngay đây những quan điểm mà chúng tôi yêu cầu hội nghị ghi nhận (chứng nhận).

Là những người Á châu, chúng tôi thành thật hân hoan trước những viễn tưởng mới mẻ mở rộng ra cho một quốc gia Á đông sau khi kết thúc thỏa hiệp hòa bình này. Chúng tôi cũng sẽ cố gắng hết sức góp phần vào sự phục hưng của một dân tộc Á đông bình dị và cần mẫn

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

như nước Nhật Bản đây, chúng tôi tin chắc rằng tất cả những người dân Châu á phải là những người phát khởi thịnh vượng chung của mình, họ cũng trông cậy nơi chính mình để xa lánh mọi chế độ đế quốc và trong việc thiết lập một trạng thái quốc tế mới, một sự liên đới Á châu cũng cần thiết như một sự liên đới Âu châu vậy.

Điều này không có ý muốn nói là sẽ có một ngày nào đó hai sự đoàn kết này sẽ chống đối lẫn nhau. Điều này chỉ muốn nói một cách giản dị là các dân tộc Á châu một khi đã được các quốc gia Tây phương hoàn thành việc giúp đỡ họ xây dựng hòa bình, tôi nói rằng một khi mà hòa bình đã vãn hồi, các dân tộc Á châu không thể sẽ là gánh nặng cho kẻ khác, mà trái lại họ phải nhớ nằm lòng là họ phải tự bảo vệ mạng sống họ bằng những phương tiện riêng của họ. Điều đó ít nhất cũng là tham vọng của Việt Nam mà dù cho có phải chịu nhiều thăng trầm cực nhọc họ vẫn tự hào là đã không lúc nào để nhụt chí. Nhưng một dân tộc độc lập phải là một dân tộc tự hào và cũng bởi sự tự hào, theo chúng tôi, có cái giá, giá đó tuy không thể nào bằng sự tự hào của Nhật Bản nhưng chúng tôi tới đây để yêu cầu được chữ ký của 51 quốc gia hội viên của hội nghị này mà tái lập lại một đời sống quốc gia xứng đáng và tự hào.

Tuy nhiên nếu dự thảo hiệp ước này đòi hỏi thẳng thắn cái quyền đền bồi lại tất cả những hư hại mà chính Nhật Bản hoặc là tác giả, hoặc là ngẫu nhiên đã xảy ra, những đền bồi được dự liệu bằng các cung cấp dịch vụ, trong trường hợp của Việt Nam mà không được đền bồi bằng những nguyên liệu, thì chắc chắn sẽ chẳng có hiệu quả gì cả. Tất cả mọi thứ Việt Nam cũng cần như Nhật Bản, một số trợ giúp quan trọng để tái tạo nền kinh tế của mình. Từ đó nếu nhận những đền bồi chánh yếu bằng những cung cấp dịch vụ thì chẳng khác nào như là đi tín nhiệm một thứ tiền không thể lưu hành (dùng ở xứ của mình).

Chúng tôi vì vậy sẽ phải đòi hỏi nghiên cứu lại các phương thức bồi hoàn khác hữu hiệu hơn và nhất là chúng tôi phải tính, ngoại trừ những phương tiện tạm thời, tới một sự đền bồi thường thức vào cái ngày mà chúng tôi ước mong là sẽ rất gần, cái ngày mà nền kinh tế của Nhật Bản được phục hưng để họ có thể đương đầu với tất cả mọi bắt buộc.

Việt Nam sẽ thất vọng biết bao nếu mọi người gán ép cho các đòi hỏi của chúng tôi khác hơn các ý tưởng là nền kinh tế Việt Nam cũng cần phải trỗi dậy cũng như Việt Nam cần phải có một số cải thiện xã hội quan trọng. Đối tượng cuối cùng chỉ có thể đạt được nếu chúng ta để các tài nguyên quan trọng dự vào; các tài nguyên mà hiện tại trong giờ phút này phải nhường

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

chỗ một phần lớn cho sự bảo tồn sự tự do và nền hòa bình của chúng tôi.

Cũng thế chúng tôi mong muốn, trong lĩnh vực của chúng tôi, một phương cách an ninh tập thể để hoàn tất những nỗ lực của chúng tôi.

Tôi rất sung sướng vì về việc này, đại diện nổi bật của Pháp ngày hôm qua cũng tại chính diễn đàn này, đã trình bày cùng các mối bận tâm như của chúng tôi.

Một hòa ước tương trợ lẫn nhau, để bảo vệ tất cả mọi xứ sở bị cùng các hiểm nguy như nhau, sẽ bảo đảm được một nền hòa bình bền vững trên một phần thế giới.

Việt Nam rất là hứng khởi ký nhận trước nhất cho công cuộc tạo dựng hòa bình này.

Và cũng vì cần phải thành thật lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm móng các tranh chấp sau này, chúng tôi xác nhận chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa [(1)]

Dưới mối lợi lộc mà chúng tôi vừa trình bày, chúng tôi nhìn nhận là dự án thỏa hiệp này, được soạn ra rập y khuôn tinh thần của Hiến Chương Liên Hợp Quốc đã xóa bỏ tất cả tính chất trừng phạt hoặc hạn chế, thiết lập một sự cố gắng sống động để hòa giải tiến bộ nhất trong lịch sử từ trước đến nay. Chúng tôi mong mỏi chân thành là Nhật Bản sẽ lợi dụng triệt để dữ kiện này để nền hòa bình thế giới được củng cố.

8) Sắc lệnh số 143- NV 22-10-1956 thay đổi địa giới và tên đô thành Saigon- ChoLon. [Trích: Quy pháp vựng tập, tập 1, tr 465-466].

Chúng ta nhận thấy có một điều đặc biệt là nghị định này chú thích Hoàng Sa bằng Spratley trong ngoặc đơn. Chữ Spratley hay Spratly trên nguyên tắc phải để dịch chữ Trường Sa vì chính Trường Sa (Spratly) do theo nghị định số 4762- CP ngày 21-12-1933 do Toàn quyền M.J.Krautheimer ký được sáp nhập vào tỉnh Bà Rịa, nên nếu Bà Rịa đổi tên là Phước Tuy thì Trường Sa cũng phải đổi tên theo. Có lẽ nhà cầm quyền khi ấy đã xét tới truyền thống xưa kia các tài liệu cổ đã

(1) nguyên văn chữ Pháp đoạn văn quan trọng liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa như sau: " Et comme il fant franchement profiler de toutes occasions pour élouffer les germes de discorde, nous affirmons nos droits sur les iles Spratly et Paracels qui de toul temps ont fait parlie du Viet Nam" .Cf " Conférance de San Francisco", France- Asie,p 66-67 (Novembre – Decembre 1951), p505

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

chỉ dùng danh xưng Hoàng sa để chỉ tất cả các hải đảo từ Bắc xuống Nam., nên đã dùng danh xưng Hoàng sa (Spratly) trên

Sau đây là nguyên văn sắc lệnh :

SẮC LỆNH số 143- NV ngày 22 tháng 10 năm 1956 thay đổi địa giới và tên đô thành Sài gòn – Chợ lớn cùng các tỉnh và tỉnh lị tại Nam Việt

TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Chiếu hiện ước tạm thời số 1 ngày 26-10-1955

Chiếu sắc lệnh số 4- TTP ngày 29 tháng 10 1955và các văn kiện kế tiếp ấn định thành phần chính phủ .

Chiếu đề nghị của Bộ trưởng Nội vụ.

SẮC LỆNH :

Điều thứ nhất – Địa phận Nam Việt nay gồm thêm một phần tỉnh Bình Thuận, được chia ra như sau:

a) Đô thành Sài Gòn ,

b) Hai mươi hai tỉnh.

Điều thứ 2 – Đô thành Sài Gòn – Chợ Lớn và các tỉnh, tỉnh lỵ hiện thời được thay đổi địa giới, thay tên theo danh sách và bản đồ đính hậu.

Điều thứ 3 – Để thi hành sắc lệnh này, bộ trưởng nội vụ:

- sẽ quy định trước ngày mùng 1 tháng giêng năm 1957 chương trình sáp nhập.
- ra lệnh cho các tỉnh trưởng sở quan sửa đổi và lập bảng danh sách thôn xã, tổng và quận cho từng tỉnh chiếu theo ranh giới mới.

Điều thứ 4 – Các điều khoản trái với sắc lênh này đều bãi bỏ.

Điều thứ 5 – các bộ trưởng, chiếu nhiệm vụ lĩnh thi hành sắc lệnh này.

Sài gòn, ngày 22 tháng 10 năm 1956

NGÔ ĐÌNH DIỆM

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
NAM VIỆT

Số thứ tự	Tên cũ	Tên mới	Tên tỉnh lỵ
	I) Thủ đô:		
	Sài Gòn – Chợ Lớn	Sài Gòn	
	II) Các tỉnh:		
1	Bà Rịa – Vũng Tàu **Hoàng Sa (Spratley)**	**Phước Tuy**	**Phước lễ**
2	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa
3	Biên Hòa (chia làm 4) Long khánh	Xuân lộc	Xuân lộc
4	Phước long	Phước bình	Phước bình
5	Bình long	An lộc	An lộc
6	Tây ninh	Tây ninh	Tây ninh
7	Chợ Lớn – Tân An	Long an	Tân an
8	Mộc Hóa	Kiến trường	Mộc hóa
9	Phong Thạnh	Kiến phong	Cao lãnh
10	Mỹ Tho – Gò Công	Định trường	Mỹ tho
11	Bến Tre	Kiến hòa	Trúc giang
12	Vĩnh Long – Sa Đéc	Vĩnh long	Vĩnh long
13	Trà Vinh	Vĩnh bình	Phú vinh
14	Long Xuyên – Châu Đốc	An giang	Long xuyên
15	Cần Thơ	Phong dinh	Cần thơ
16	Bạc Liêu – Sóc Trăng	Ba xuyên	Khánh hưng
17	Rạch Giá – Hà Tiên	Kiến giang	Rạch giá
18	Gia Định	Gia định	Gia định
19	Cà Mau	An xuyên	Quản long
20	Thủ Dầu Một	Bình dương	Phú cường
21	1 phần Đồng-nai-thượng 1 phần Bình Thuận (hàm Tân – Tánh Linh)	Bình tuy	Hàm tân
22	Côn Đảo	côn sơn	Côn sơn

Kiến thị để đính theo sắc lệnh số 143 – NV
Ngày 22 tháng 10 năm 1956
Sài gòn,ngày 22 tháng 10 năm 1956
T.L. TỔNG THỐNG
Đổng lý văn phòng
QUÁCH TÔNG ĐỨC

9) Sắc lệnh số 174.N.V. ngày 13 tháng 7 năm 1961 đặt Hoàng sa thuộc tỉnh Quảng Nam và thành lập tại quần đảo này một xã lấy danh hiệu là xã Định hải trực thuộc quận Hòa vang [Trích : Quy pháp vựng tập, tr, 365].

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Sau đây là nguyên văn sắc lệnh:

SẮC LỆNH số 174-NV ngày 13 tháng bảy năm 1961 đặt quần đảo Hoàng sa thuộc tỉnh Quảng Nam và thành lập tại quần đảo này một xã lấy danh hiệu là xã Định hảo trực thuộc quận Hòa vang.

TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Chiếu sắc lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng 5 năm 1961 ấn định thành phần chính phủ;

Chiếu dụ số 57-a ngày 24 tháng 10 năm 1956 cải tổ nền hành chánh Việt Nam;

Chiếu nghị định ngày 32 tháng 2 năm 1939 sửa đổi và bổ túc nghị định số 156-SG (sis) (I[1]) ngày 15-6-1932, ấn định tổ chức hành chánh tại quần đảo Hoàng sa;

Chiếu dụ số 10 ngày 30 tháng 3 năm 1938 sát nhập quần đảo Hoàng sa và địa phận tỉnh Thừa Thiên;

Chiếu nghị định số 335-Nc/P6 ngày 24 tháng 6 năm 1958 và các văn kiện kế tiếp ấn định các đơn vị hành chánh tỉnh Quảng Nam;

Chiếu đề nghị của bộ trưởng nội vụ.

SẮC LỆNH

Điều thứ I.—Quần đảo Hoàng sa trước kia thuộc tỉnh Thừa Thiên, nay đặt thuộc tỉnh Quảng Nam.

Điều thư 2.—Một đơn vị hành chánh trọn đảo này bao gồm trọn quần đảo này được thành lập và lấy danh hiệu là xã Định hải, trực thuộc quận Hòa vang.

Xã Định hải đặt dưới quyền một phái viên hành chánh.

Điều thư 3.—Bộ trưởng nội vụ, tỉnh trưởng Thừa Thiên và tỉnh trưởng Quảng nam, chiếu nhiệm vụ, lãnh thi hành sắc lệnh này.

Sài gòn, ngày 13 thang 7 năm 1961

NGÔ ĐÌNH DIỆM

10) Nghị định số 709-BNV/HCĐP 26 ngày 21 tháng 10 năm 1969 sáp nhập xã Định hải thuộc quận Hòa vang tỉnh Quảng Nam vào xã Hòa long cùng quận (Trích : Quy pháp vựng tập, uyên XII, tập 2,tr 1558).

Nguyên văn nghị định:

[1] (I) In lầm,SC thay vì SG.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

NGHỊ ĐỊNH số 709-BNV/HCĐP/26 ngày 21 thang 10 năm 1969 sáp nhập xã dịnh hải thuộc quận Hòa vang tỉnh Quảng nam vào xã Hòa long cùng quận.

Tổng trưởng nội vụ,

Chiếu hiến pháp ngày mồng 1 tháng 4 năm 1967;

Chiếu sắc lệnh số 394-TT/SL ngày mồng 1 tháng 9 năm 1969 ấn định thành phần chính phủ;

Chiếu sắc lệnh số 19-SL/Nv ngày 22 tháng 11 năm 1967 ấn định chức trưởng của Tổng trưởng Nội vụ;

Chiếu dụ sô 57- a ngày 24 tháng 10 năm 1956 tổ chức nền hành chánh quốc gia:

Chiếu nghị định số 335-NC/P6 ngay 24 tháng 6 năm 1958 ấn định đơn vị hành chánh tỉnh Quảng Nam;

Chiếu sắc lệnh số 174-NV ngày 13 thang 7 năm 1961 đặt quần đảo Hoàng sa thuộc tỉnh Quảng Nam và cải biến thành xã Định hải do một phái viên hành chánh quản trị;

Chiếu biên bản ngày mồng 6 tháng 2 năm 1968 của hội đồng tỉnh Quảng Nam và biên bản ngày mồng 9 tháng 8 năm 1969 của hội đồng xã Hòa long, quận Hòa vang, tỉnh Quảng nam thuận sáp nhập Xã Định hải quận Hòa vang cùng tỉnh vào xã Hòa long;

Chiếu đề nghị của tỉnh trưởng Quảng nam.

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ I. – Nay sáp nhập xã Định hải thuộc quận Hòa vang tỉnh Quảng nam vào xã Hòa long cùng quận.

Điều thứ 2. – Địa phận và ranh giới xã Hòa long được ấn định lại y theo bản đồ đính kèm bản chính nghị định này.

Điều thứ 3. – Thứ trưởng Nội vụ, đổng lý văn phòng, tổng thơ ký bộ nội vụ và tỉnh trưởng Quảng nam, chiếu nhiệm vụ, lãnh thị hành nghị định nầy.

Sài gòn, ngày 21 tháng 10 năm 1969

TRẦN THIỆN KHIÊM

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

11) Nghị định số 420-BNV/HCĐP/26, x ngày mồng 6 tháng 9 năm 1973 sáp nhập một số đảo vào xã Phước hải, quận Đất đỏ, tỉnh Phước tuy.

(Trích CBNV Cộng Hòa năm thứ 19, số 51, thứ bảy 29-9-1973).

Tổng trưởng nội vụ.

Chiếu hiến pháp Việt nam Cộng hòa ngày mồng 1 tháng 4 năm 1967;

Chiếu sắc lệnh số 394-TT/SL ngày mồng 1 tháng 9 năm 1969 và các văn kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh phủ;

Chiếu dụ số 57-a ngày 22 tháng 11 năm 1967 ấn định chức trưởng của Tổng trưởng nội vụ;

Chiếu sắc lệnh số 198-SL/ĐUHC ngày 24 tháng 12 năm 1966 và các văn kiện kế tiếp cải tổ nền hành chánh xã, ấp,nhất là sắc lệnh số 045-SL./NV ngày mồng 1 tháng 4 năm 1969 và sắc lệnh số 120-SL/NV ngày 22 tháng 8 năm 1972;

Chiếu nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1933 sáp nhập quần đảo Trường sa (Spratly), Caye d' Amboine, Itu- Aba, gronpe de Dẽu-Iles,Loaite, Thị tứ và các đảo phụ cận vào tỉnh Bà Rịa;

Chiếu sắc lệnh số 143-NV ngày 22 tháng 10 năm 1956 sáp nhập quần đảo Trường sa (Spratly) vào tỉnh Phước tuy;

Chiếu nghị định số 6-BNV/HC/NĐ ngày mồng 3 tháng 1 năm 1957 và các văn kiện kế tiếp ấn định các đơn vị hành chánh tỉnh Phước tuy;

Chiếu quyết định của Hội đồng nội các trong phiên họp ngày 9-1-1973;

Chiếu phúc trình của tỉnh Phước tuy;

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ I. – Nay sáp nhập các đảo Trường sa(Spratly), An bang(Amboyna Cay), Thái Bình (Itu-Aba), Song tử đông(Northcaest Cay), Song tử Tây(Southwest Cay), Loại ta (Loaita), Thị tứ (Thi tu), Nam ai(Namyit), Sinh tồn (Sinh cowe) và các đảo phụ cận vào xã Phước hải quận Đất đỏ, tỉnh Phước tuy.

Điều thứ 2. – Phụ tá đặc biệt, đổng lý văn phòng, tổng thư ký Bộ Nội vụ và tỉnh trương Phước tuy, chiếu nhiệm vụ, thi hành nghị định này.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Nghị định này sẽ được đăng vào Công báo Việt Nam Cộng Hòa.

Sài gòn, ngày mồng 6 tháng 9 năm 1973

LÊ CÔNG CHẤT

Nghị định số 6-BNV/HC/NĐ ấn định các đơn vị hành chánh Tỉnh Phước tuy CBNV 1957, tr. 2157.

TUYÊN CÁO CỦA BỘ NGOẠI GIAO VIỆT NAM CỘNG HÒA VỀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG GÂY HẤN CỦA TRUNG CỘNG TRONG KHU VỰC QUẦN ĐẢO HOÀNG SA (Ngày 19.1.1974)

Nguyên văn

Sau khi mạo nhận ngày 11.1.1974 chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa của Việt Nam Cộng Hòa, Trung Cộng đã đưa hải quân tới khu vực hoàng sa, và đổ bộ quân lính lên các đảo Cam Tuyền, Quang hòa và Duy Mộng.

Lực lượng Hải quân Trung Cộng gồm 2 chiến đỉnh thuộc nhiều loại và trọng lượng khác nhau, kể cả một tàu loại Komar có trang bị hỏa tiễn.

Để bảo toàn sự toàn vẹn lãnh thổ và nền an ninh quốc gia trước cuộc xâm lăng quân sự này,các lực lượng Hải quân Việt Nam Cộng Hòa trấn đóng trong khu vực này đã ra lệnh cho bọn xâm nhập rời khỏi khu vực.

Thay vì tuân lệnh, các tàu Trung Cộng, kể tư 18-1-1974, lại có những hành động khiêu khích như đâm thẳng vào các chiến đỉnh Việt Nam.

Sáng ngày nay 19-1-1974 hồi 10 giờ 20, một hộ tống hạm Trung Cộng thuộc loại Kronstadt đã khai hỏa bắn vào khu trục hạm " Trần Khánh Dư" mang số HQ-04 của Việt Nam Cộng Hòa. Để tự vệ, các chiến hạm Việt Nam đã phản pháo và gây hư hại cho hộ tống hạm Trung Cộng .Cuộc giao tranh còn tiếp diễn và đang gây thiệt hại về nhân mạng và vật chất cho cả đôi bên.

Các hành động quân sự của Trung Cộng là hành vi xâm phạm trắng trợn vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, và một lần nữa vạch trần chánh sách bành trướng đế quốc mà Trung Cộng liên tục theo đuổi, đã được biểu lộ qua cuộc thôn tính Tây tạng, cuộc xâm lăng Đại Hàn và Ấn Độ trước kia.

Việc Trung Cộng ngày nay xâm phạm lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa không những chỉ đe dọa chủ quyền và an ninh của Việt Nam Cộng Hoà,

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

mà còn là một hiểm họa đối với nền hòa bình và ổn cố của Đông Nam Á và toàn thế giới.

với tư cách một nước nhỏ bị một cường quốc vô cớ tấn công, Việt Nam Cộng Hòa kêu gọi toàn thể các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình trên thế giới hãy cương quyết lên án các hành vi chiến tranh thô bạo của Trung Cộng nhằm vào một quốc gia độc lập và có chủ quyền để buộc Trung Cộng phải tức khắc chấm dứt các hành vi nguy hiểm đó.

Làm ngơ để cho Trung Cộng tự do tiến hành cuộc xâm lấn trắng trợn này là khuyến khích kẻ gây hấn này theo đuổi chánh sách bành trướng của chúng và sự kiện này đe dọa sự sống còn của những nước nhỏ đặc biệt là những nước ở Á Châu.

Trong suốt lịch sử, dân tộc Việt Nam đã đánh bại nhiều cuộc ngoại xâm . Ngày nay, chánh phủ và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa cũng nhất định bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh thổ quốc gia.

(Tài liệu ronéo của Bộ Ngoại Giao, Sài gòn, số 015/BNG/TTBC/TT)

TUYÊN CÁO CỦA CHÁNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HÒA VỀ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA TRÊN NHỮNG ĐẢO Ở NGOÀI KHƠI BỜ BIỂN VIỆT NAM CỘNG HÒA

Nguyên văn

Nghĩa vụ cao cả và cấp thiết nhất của một chánh phủ là bảo vệ chủ quyền, độc lập và sự vẹn toàn lãnh thổ của quốc gia. Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa cương quyết làm tròn nghĩa vụ này, bất luận những khó khăn có thể gặp phải và bất chấp những sự phản đối không căn cứ dầu xuất phát từ đâu.

Trước việc Trung Cộng trắng trợn xâm chiếm bằng vũ lực quần đảo Hoàng sa của Việt Nam Cộng Hòa, Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa thấy cần phải tuyên cáo long trọng trước công luận thế giới cho bạn cũng như thù biết rõ rằng.

Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là những phần bất khả phân của lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa.Chánh phủ và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa không bao giờ chịu khuất phục trước bạo lực mà từ bỏ tất cả hay một phần chủ quyền của mình trên những quần đảo ấy.

Chừng nào còn một hòn đảo thuộc lãnh thổ ấy của Việt Nam Cộng Hòa bị nước ngoài chiếm giữ bằng bạo lực thì chừng ấy Chánh Phủ và

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nhân dân Việt Nam Cộng Hòa còn đấu tranh để khôi phục những quyền lợi chính đáng của mình.

Kẻ xâm chiếm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi tình trạng căng thẳng có thể do đó mà có.

Trong dịp này, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa cũng long trọng tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những hải đảo nằm ở ngoài khơi bờ biển Trung-Phần và bờ biển Nam-Phần Việt Nam, từ trước tới nay vẫn được coi là một phần lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa căn cứ trên những dữ kiện địa lý, lịch sử, pháp lý và thực tại không chối cãi được.

Chánh phu Việt Nam Cộng Hòa cương quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia trên những đảo ấy bằng mọi cách.

Trung thành với chánh sách hòa bình cố hữu của mình, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa sẵn sàng giải quyết bằng đường lối thương lượng những vụ tranh chấp quốc tế có thể xảy ra về những hải đảo ấy,nhưng nhất định không vì thế mà từ bỏ chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những phần đất này.

Làm tại Saigon, ngày 14 tháng 2 năm 1974
(Tài liệu ronéo của Bộ Ngoại Giao, Sàigòn)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

HOÀNG SA QUA NHỮNG NHÂN-CHỨNG

★TRẦN-THẾ-ĐỨC

Biến cố Hoàng-sa xảy ra đầu năm 1974 ở cách xa đất liền nên chỉ có những người có mặt trong cuộc mới biết rõ sự việc xảy ra. Về phía Việt-Nam, những quân nhân trên chiến hạm là những người mục kích được một vài sự kiện; những quân nhân đồn trú từ lâu trên đảo, cũng như các nhân viên khí tượng cũng thấy được phần nào biến cố tại quần đảo này.

Với tai nghe mắt thấy, da thịt xương chịu đựng, và con tim rung động, những nhân vật kể trên ghi nhận được không nhiều thì ít những sự việc xảy ra. Tuy vậy, không ai giống ai. Có người có giác quan nhạy bén. Có người có giác quan lờ đờ. Trí thức của mỗi người được đào luyện khác nhau. Vì thế sự ghi nhận sự việc do mỗi người cũng không hoàn toàn giống nhau.

Ngoài ra, những lời thuật sự của các nhân chứng cũng cần được cân nhắc kỹ lưỡng, vì có người muốn trình bày sự thật, có người muốn giấu kỹ tất cả hay một vài chi tiết.

Chúng tôi muốn ghi lại một vài sự kiện của biến cố Hoàng-sa qua lời tường thuật của một số người trong cuộc.

Làm chứng trước quan tòa là một điều phiền toái cho người chứng. Làm chứng trước lịch sử, trước dân tộc lại càng phiền toái hơn, nhất là trong khung cảnh đặc biệt của đất nước, trong hoàn cảnh hiện tại còn nhiều liên hệ.

Tuy vậy, gạn lọc hết những dè dặt nêu trên, chúng ta vẫn ghi nhận được giá trị của lời thuật lại: khung cảnh địa lý, tình trạng của quần đảo, cũng như một số sự kiện xảy ra.

MỘT CHUYẾN TÀU

Cách đây trên một năm, lúc 7 giờ tối ngày 30-11-1973, chiến hạm Lý Thường Kiệt HQ 16 rời hải cảng Đà-nẵng, ra khơi trực chỉ hướng đông để tới mục tiêu là đảo Hoàng-sa (Pattle), một đảo trong quần đảo Hoàng-sa cách Đà-nẵng 20 hải lý.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chiến hạm có tốc độ khá mau (chừng 20 hải lý mỗi giờ) nên khởi hành vào lúc tối. Trước kia trong những sứ mạng tương tự, các chiến hạm khác phải khởi hành sớm hơn (lúc 4-5 giờ chiều), để cùng tới mục tiêu lúc 9 giờ sáng hôm sau. Bây giờ đi mất 14 tiếng đồng hồ, trước kia mất 16-17 tiếng. Những người ra Hoàng-sa nhiều lần nói rằng tàu bây giờ nhanh hơn tàu Pháp nhiều lắm. Xưa kia, chiếc La Modepiquer khởi hành kúc 4 giờ chiều, mà tới 12 giờ trưa hôm sau mới ra đảo.

Chiến hạm HQ 16 mang sứ mạng vận chuyển một số quân nhân (một trung đội) và 4 nhân viên quân chính thuộc nhà khí tượng ra thay thế các quân nhân và công chức đã trấn giữ đảo tại này từ ba tháng trước. Đây là công tác bình thường của hải quân Việt- Nam Cộng-Hòa. Trước đây hải quân Pháp đồn trú ở Đông-Dương cũng có những sứ mạng tương tự như tuần dương hạm này. Cùng với các nhân viên khí tượng người Việt, các quân nhân Pháp và Việt xưa kia được liên lạc với đất liền mỗi tháng một lần, có khi ba tháng, không nhất định.

Thời Pháp, tàu từ Đà-nẵng ra, thường đi tuần canh tất cả các đảo trong quần đảo ngay cả các đảo xa xôi nhu Phú-lâm (IleBoisée), đảo Tây…(Ile Quét, hay đảo Cây, Trê Island). Từ xa nhìn vào, đảo Phú-lâm trông thật thơ mộng như Ha-uy-di : bãi cát vàng, hàng cây dừa xanh,cao.

Trong những người đi trên chuyến tàu này có người ra đảo vài lần, có người đã đến được lần thứ 16 nhưng cũng có người ra đi lần đầu. Có người đã từng quen với sóng biển, nhưng cũng có người lần đầu tiên bước xuống tàu.

Trong tâm can của mọi người đều mang những xúc động lớn lao. Người ra đi lần đầu mang đầy lo lắng; đằng sau họ là vợ, con, gia đình, những khuôn mặt và khung cảnh quen thuộc; trước mặt họ là biên ải ở đầu sóng ngọn gió. Không biết rồi đây những khó khăn gì sẽ đến với họ? Bão táp? Gian khổ? Quạnh hiu? Người trở lại với biên cương hẻo lánh này cũng không khỏi xúc động khi phải rời bỏ những người thân, tuy đã biết chắc cuộc đời họ sẽ được an bài sao đây trong những ngày sắp tới.

Nhóm người trên tàu ấy gồm một trung-đội-địa-phương quân thuộc tiểu khu Quảng-nam, dưới quyền chỉ-huy của một trung-úy trung đội trưởng. Họ phần lớn là những người bị trừng phạt, gom góp lại trong tiểu khu, không phải là một đơn vị thuần nhất. Cuộc sống quạnh hiu giữa trời, mây, nước sẽ làm họ nghĩ về nội tâm mà ăn

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

năn, sửa đổi? Sự cô đơn là hình phạt nặng nề. Với trời, mây, nước, dù sao cũng chẳng phải là điều tuyệt vọng đối với họ. Tới vùng hải đảo xa xôi đó, đâu có bao giờ nghe tiếng súng. Trong đất nước chiến tranh hàng mấy chục năm nay, vùng hải đảo chưa hề hứng lấy một vết đạn, chưa hề hứng chịu pháo kích, mưa bom. Họ phải tạm thời xa lánh vùng đất chết chóc, đau thương trong một thời gian. Ôi! Thật là lạ lùng! Một vùng đất thanh bình! Những gắp đạn M16 trên thắt lưng thật là nặng nề. Thôi! Gửi lại vùng đất chiến tranh, chỉ đem tượng trưng vài gắp mà thôi. Còn khẩu súng nữa. Có lẽ còn lâu lắm, khi trở về đất liền nó mới được dùng tới. Trên biển cả mênh mông này chỉ quí nhất là chất nổ: nào lựu đạn, béta, plastic. Họ đem theo càng nhiều càng tốt. Đó là nguồn cung cấp thực phẩm trong những ngày sống lênh đênh trên hải đảo.

Một nhóm khác gồm bốn người trong ngành khí tượng, đó là:

1) Ông Nguyễn Kim Nhường : Trưởng ty
2) Ông Đặng Hiền Võ : Chiêm sát viên
3) Ông Võ Vĩnh Hiệp : (nt)
4) Ông Nguyễn Văn Tấn : lao công

Sự phân biệt chức vụ chỉ có giá trị trên giấy tờ mà thôi. Ở ngoài đảo, trưởng ty cũng phải làm việc như các nhân viên khác, sống cùng với các đồng nghiệp không có gì cách biệt.

Các ông Nhường, Võ, Hiệp làm ở Nha khí-tượng Saigon. Ông Tấn làm ở trung tâm khí tượng Đà-nẵng. Ông Hiệp ra Hoàng-sa lần này là lần thứ 16. Ông Nhường ra lần thứ 10. Ông Tấn ra lần thứ 3. Còn ông Võ ra lần đầu.

Ngoài những hành khách nêu trên, chiến hạm HQ 16 còn có thêm một nhóm hành khách khác gồm bốn quân nhân thuộc tiểu-khu Quảng-nam có nhiệm vụ lo việc chuyên chở. Khi tới đảo, bốn người này sẽ phụ trách việc đưa các quân nhân từ tàu vào đảo, và từ đảo ra tàu. Bốn người này không ở lại đảo, theo tàu về Đà-nẵng. Hành trang của họ chỉ có hai chiếc tàu cao su, tới đảo, họ sẽ bơm lên, thả xuống biển để di chuyển.

Còn các binh sĩ khác, cũng như nhân viên khí tượng, ngoài quần áo đem theo, phải đem theo đồ ăn đủ trong ba tháng. Từ đây tới ba tháng sau không hề có chuyến tàu nào từ đất liền chạy ra, trừ phi có chuyện khẩn cấp. Gạo chiếm phần chính trong số thực phẩm họ đem theo, nặng nề nhất. Ngoài gạo, họ phải đem theo thức ăn có thể để lâu được (đồ hộp…), hột cải, và rau để trồng, nhất là không thể thiếu gia vị (tiêu, ớt). Gia vị làm giảm mùi tanh của cá biển.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Mấy năm về trước (1964-1968), đồ hộp rẻ, những hộp thịt, cá, bia, nước ngọt,…chiếm một trọng lượng đáng kể trong hành trang. Xa hơn về trước nữa, họ còn đem theo cả gà, vịt, heo,….thật cồng kềnh.Bây giờ họ cũng đem theo một ít gia súc để thỉnh thoảng có được bữa ăn với thực phẩm tươi, nhưng đơn giản, ít cồng kềnh hơn. Khi xưa người Pháp trấn đồ trên đảo, khối lượng thực phẩm mà hồi đó tàu phải chở còn nặng nề hơn nhiều. Thay vì gạo như người Việt Nam, toán lính Pháp mang theo nhiều bao bột mì.

HẢI ĐẢO XA-XÔI

Tàu đi vào lúc gần cuối năm, sóng biển tương đối thấp. Tuy nhiên, với những người quen sống ở núi rừng, với đôi chân làm phương tiện di chuyển chính yếu, thì biển cả thực là độc ác.

Sau một đêm dài vật lộn với sóng gió, con tàu vẫn trực chỉ hướng mặt trời mọc. Khi mặt trời đã sáng rõ, mặt trời lên chênh chếch, một vùng trắng xóa hiện ra rõ dần trên vùng biển xanh. Đó mới là đảo Quang-ảnh (Vĩnh-lạc, Monney) mà thôi. Còn chừng một giờ nữa mới tới đảo Hoàng Sa (Pattle). Đảo Quang-ảnh hiện rõ dần, rồi lại mờ dần đằng sau tàu.

Một đảo khác lại hiện ra ở mé bên phải của tàu. Đó là đảo Hữu-Nhật (Cam-tuyền, Robert). Đây là một đĩa xôi hiện ra trên mặt biển. Viền quanh đảo là một bãi cát vàng, ở giữa đảo cao trội hẳn lên.

Xa hơn Hữu-Nhật một chút là đảo Hoàng-Sa (Pattle). Đảo này cũng được bao quanh bằng một bãi cát vàng. Trên đảo, cây cối xanh tươi. Ngay góc đảo, một căn nhà trắng nằm mé bên bờ biển. "Đó là miễu bà. Bà linh thiêng lắm". Người thành thạo giải thích.

Nhưng sao lạ! Tàu không ghé vào đảo! Đảo Hữu-Nhật (Cam tuyền, Robert) đang bị bỏ xa dần. Còn ở mé trái của tàu, Hoàng-sa (Pattle) cũng đang lùi dần. Tàu còn đi tới tận đâu? Tàu phải đi về phía đông để tránh đá ngầm ven đảo, rồi mới kiếm chỗ đậu gần cầu tàu.

Trên bờ, người hiện ra nhỏ li ti trên bãi cát trắng. Tàu chạy chậm dần, rồi ngừng hẳn lại, còn cách xa bờ nên không thấy rõ người trên đảo, chỉ thấy chiếc cầu tàu chạy dài ra biển một quãng. Theo những người có kinh nghiệm. Cầu tàu đó được làm từ lâu lắm rồi, từ thời Pháp thuộc lận. Thời ông Ngô Đình Diệm, hãng phân bón[1] cho sửa chữa lại để chở phân. Gió to, bão dữ, nên cầu bị hư hại nhiều, chưa

[1] Đây là công ty phân bón Hữu-Phước (Hyew-Haul) được ông Lê Văn Cang trao quyền khai thác.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

được sửa chữa lại. Ở ngoài này chẳng có gì tồn tại được với bão táp, gió biển. Đồ sắt chỉ một vài năm là muối biển ăn sét hết. Ở cuối đảo, trước kia có ngọn hải đăng cao lớn. Nay chỉ còn là đống sắt vụn. Người tò mò thì hỏi cho biết vậy thôi, chứ lên đảo rồi thì ai mà ngó đến mấy thứ đó. Giữa đảo, đằng sau nhà của khí tượng, bên trong mấy cây dương và cỏ dại, người tò mò còn ngó thấy một đống gạch và xi măng vụn nát, cùng với một khối vuông vuông cũng đang " tàn phai nhan sắc". Nghe nói đó là bia chủ quyền gì đó. Người trên đảo chẳng ai chú ý tới nó làm gì. Nghe đâu có mấy chị " Empereur d' Annam…" [1]

Hai chiếc xuồng cao su được bơm lên từ khúc do các anh lính lo việc chuyển vận. Hai chiếc thay phiên nhau chở người và đồ đạc từ tàu vào cầu tàu, rồi lại chở người từ đảo ra tàu.

Người tới thì cồng kềnh, khó nhọc, đăm chiêu. Người đi thì sao nhẹ nhàng, hớn hở. Ngoài những túi quần áo, người đi chỉ cầm theo một vài vật nhẹ, kỷ niệm của đảo: bông đá, những con ốc sò thật to, lóng lánh, hình dạng kỳ dị. Cách đây vài năm, những người về đâu có nhẹ nhàng thế này, người nào cũng cực nhọc vì những bao rau câu. Một người có thể mang vài ba bao. Những bao gạo 50kg sau khi ăn hết gạo, được dùng vào việc chứa rau câu. Ngoài này đầy dẫy rau câu, còn trong đất liền thì hiếm lắm. Nhưng từ sau năm 1970 trở lại đây, rau câu không còn nhiều như trước kia nữa. Vớt hoài thì cũng phải hết chứ. Đâu có phải riêng mình vớt đâu. Biển thì ai tới vớt chẳng được. Thứ quí, nên các tàu tới vớt luôn luôn, riết thì phải hết.

Cứ năm bao rau câu tươi mới vô được một bao khô. Một đám vài chục người phải vớt hàng trăm bao tươi. Người ta vớt hằng bao nhiêu năm trời ròng rã, thì biển nào mà sanh ra cho kịp.

LÊN ĐẢO

Đảo trông tựa như hạt đậu, nằm ngang theo hướng đông-tây. Phần nở ra của "hạt đậu" quay về hướng bắc. Như thế, đảo có thể chia làm hai phần: nửa phía đông và nửa phía tây. Cầu tàu ở đầu phía đông. Đi bộ vòng quanh đảo mất 20 phút.

Đi qua cầu tàu dài 180m là tới đất. Chân cầu tàu có nhiều tảng bê tông bể nằm ngổn ngang. Đây là nơi cá rút vào lúc mưa to, biển động, và anh em ra đó kiếm cá. Trên cầu tàu trước kia có đường rầy để những toa gòong chở phân từ trong đảo ra. Giờ thì đường rầy bị phá hư hết, chỉ còn vài ba khúc đường lỏng chỏng bên cạnh cầu tàu,

[1] Hiện nay chỉ còn như vậy.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

còn di tích của một cái bệ đặt cần câu xúc phân trên xe rùa đổ xuống xà lan. Xe rùa giờ đây cũng tan nát cả rồi.

Đám gạo thực hành hạ thật quá quắt. Mọi người đã say sóng, nhọc mệt, đi không vững còn hơi, sức đâu mà khuân mấy thứ nặng nề đó nữa. Thôi đành để chúng ở bờ biển. Mai mốt khỏe người rồi rinh vào. Đường đi còn xa chứ nào phải dăm ba bước thì cũng rán được. Từ bờ vào tới giữa đảo cũng cả gần nửa cây số. Ở đây nào phải như đất liền. Còn ai tới mà ăn cắp nữa. Thế nhưng khốn thay, ông trời nào có thương cho. Một trận mưa bất ngờ xảy tới, thế là gạo hư hết trọi.

Trước khi ra đi, nghe nói đảo có phân chim, tưởng chừng nhiều chim. Ra tới nơi thì mới ngỡ ngàng: chẳng thấy một con chim nào cả, chỉ có vết tích của phân phốt phát mà thôi: trên con đường nối dài theo cầu tàu, hai bên có hàng đống phân cao lút đầu người đã được gom lại. Gọi là phân, chứ chất dơ dáy đó đâu có mùi hôi thối nữa, cũng chẳng còn hình thù như nguyên thủy nữa, lâu ngày biến thành đất rồi. Đất này tốt dễ sợ. Trước kia có người đem hột củ cải ra trồng, ra củ lớn gấp đôi, gấp ba trồng đất liền. Nhân công xắn đất thành từng tảng cạnh chừng 30cm, trông tựa như hòn đá. Nhìn kỹ thì thấy màu vàng nâu (phốt phát) lẫn với cát và vỏ sò nhỏ lấm tấm.

Ông Nguyễn Văn Nghề, một nhân viên khí tượng từng ra đảo 9 lần kể rằng lúc công ty khai thác phân chim hoạt động (vào khoảng 1961-1962), xem các lao công đào xới phân, ông đã thấy nhiều vật lạ dưới lớp đất trên mặt đảo:

1) Nhiều *đồng điếu* bằng thau, gõ kêu keng keng, giữa có một lỗ vuông, có chữ nho. Ông không đọc được. Một nhân công người Việt gốc Hoa[1] nói rằng mấy chữ trên đó nói tiền làm từ thời vua Gia-Long, (Gia-Long Thông Bảo).
2) Nhiều *ché* và *chén* cổ rất đẹp. Ché cao chừng 60-70cm.
3) Một bộ *xương người* tầm vóc như người thường bị xiềng hai chân ở chỗ gần mắt cá và hai tay ở gần cổ tay. Hai chân duỗi thẳng. Hai tay úp vào nhau, trói ở phía trước mặt. Xiềng có khoen thật to, bề ngang cỡ 3-4cm. Hai đầu xiềng được khóa chặt với nhau bằng một cái khóa kỳ lạ gồm có hai phần:

[1] Nhân công của hãng phân Hữu-Phước toàn là người Việt gốc Hoa, trừ một ông tài xế lái tàu người Việt. Sau ông nghỉ việc, thì hoàn toàn người Việt gốc Hoa.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

_ Một *thanh sắt dài* chừng 6cm, một đầu là ổ khóa, một đầu có gờ để giữ thanh sắt cong.

_ Một *thanh sắt cong*, bán kính đường cong chừng 3-4cm, một đâu do cái gờ giữ lại, một đầu do ổ khóa.

Anh em khí tượng bèn cải táng cho người chết, đúc một tấm bia đề " vô danh, cải táng ngày…"

Gần bên bộ xương người là rất nhiều đồng điếu và một con dao ngắn. Lưỡi dao sáng loáng, con dao tuyệt đẹp: lưỡi dài chừng 30cm đầu nhọn, hơi cong về phía sống dao; cán bằng ngà; trạm một con rồng. Dao nay do thiếu úy Trực (địa-phương quân Quảng-nam) cất giữ.

Các nhân viên khí tượng năm đó còn gặp một tấm bia bằng đá cẩm thạch (?) cao chừng gần 1m, bề ngang chừng 0,5m. Phía trên của bia *hình vòng cung*, có trang trí *một mặt trăng*. Dưới mặt trăng (hay mặt trời gì đó) là một *con dơi* ngậm hai cái *sợi vải*. Giữa bia là nhiều hàng chữ nho. Dưới hàng chữ nho là một hộp ấn. Dưới hộp ấn là hai thanh gươm bắt tréo nhau. Dưới cùng là một cái bàn.

Ông Nghề đem tấm bia này vào Viện Khảo-Cổ Sài gòn khi ông trở về đất liền [1]

Đoàn người tiếp tục di chuyển vào đảo trên con đường độc nhất từ cầu tàu dẫn vào giữa đảo. Đây là xương sống của đảo.

Con đường này rộng chừng hai mét, đá cục lăn lóc trên mặt đường. Người ra đảo từ thời Pháp, lúc Nhật vào Việt Nam, nói rằng hồi đó đường lót đá xanh, trải nhựa tốt lắm. Gió bão đã phá hư hết, ở bên phải con đường có hai ngôi nhà nằm dọc theo đường, cách đường hai mươi thước. Người đã từng sống ở đây cho biết ngôi nhà gần nhà mình nhất là nhà chứa phân, bây giờ bỏ hoang. Còn ngôi nhà kia là nhà nguyện (nhà thờ), kiêm nhà xác. Gọi là nhà xác vì lúc đầu người ta xây để làm nơi chứa xác một viên đội (sergent) người Pháp. Sau này người có đạo vẫn thường vào làm lễ, biến thành một nhà nguyện (nhà thờ). Cái chết của người Pháp này ly kỳ lắm. Có dịp sẽ nhắc tới.

Khắp đảo, chỗ nào cũng thấy những cây lá lớn bằng bàn tay, màu xanh lá chuối non, mọc thành rừng thưa. Thân cây cứng, cao bằng đầu người hay hơn. Ngoài loại cây này, phía giữa đảo còn có vài cây dương liễu (phi lao) có lẽ đem từ đất liền ra.

Đi mút con đường là một giếng nước, đây là giữa đảo. Giếng nước không ngọt như trong đất liền, mà vị lợ. Về bên trái, cách giếng và

[1] Hiện bia này còn để ở Viện Khảo-cổ

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

chục thước là hai ngôi nhà lớn, thật đồ sộ và kiên cố: một là đồn binh, một là ty khí-tượng. Thật là khác thường: mái nhà bằng phẳng làm bằng xi măng-giống như nhà thờ và nhà chứa phân-để gió bão không hủy hoại. Đây là nơi đầu sóng, ngọn gió nên chịu đựng những trận bão khủng khiếp. Mái ngói hay tôn sẽ bay như chiếc lá trong cơn mưa gió tàn khốc. Nhà cửa lơ mơ chỉ còn là đống gạch vụn. Cửa cứ phải làm lại hoài, mà cũng không chịu đựng nổi sức mạnh của gió bão. Gió mạnh đến nỗi có thể đập nát các cánh cửa ra thành miếng nhỏ. Trận bão lớn thổi qua đảo vào tháng 11 năm trước (1972) là một trong những trận bão lớn nhất.

Hai ngôi nhà lớn nhất trên đảo (đồn binh và nhà của khí tượng) cũng ngó về hướng bắc, nằm gần giữa đảo hơn là mé bờ biển phía nam. Trước mặt đồn binh là một sân bóng chuyền và cột cờ. Tại cột cờ này có một bia bằng xi măng của Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam Cộng-Hòa. Trên cùng của bia là dấu hiệu của binh chủng. Phía dưới có ghi "Tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến….". Bia có ghi ngày lập nữa, nhưng người trên đảo, ai để ý tới chi tiết nhỏ nhặt đó.

Kế đến sân bóng chuyền nằm bên phải đồn binh là dãy nhà của binh sĩ. Trên nóc đồn binh, góc trông ra biển (phía nam) là một tháp canh, một góc khác có đèn pha thế cho đèn pha đã gãy đổ.

Nhà của khí tượng ở mé trái (phía tây) của đồn binh, cách đồn binh chừng 30m. Chếch về bên trái của nhà, là một dãy nhà phụ của khí tượng, gồm bốn gian: một nhà kho, kế bên là lò bánh mì, kế đó là nhà chứa hơi hydro, gian còn lại là nhà bếp. Tòa nhà rộng mênh mông dài 24m, rộng 4m, chỉ chứa có 4m, chỉ chứa có 4 người.

Một ngôi nhà nữa trên đảo là nhà của đồn binh, nằm ở hướng tây bắc của giếng, cách giếng chừng vài chục mét, cách đồn binh chừng 150m.

Ngoài con đường chính từ dưới cầu tàu đi lên, theo hướng đông-tây, trên đảo còn hai đường chính nữa:

- Đường thứ nhất song song với đường trên, chạy từ đằng sau nhà của khí tượng tới cuối đảo.

Bên phải con đường là ruộng muối cũ [1]

Gần cuối đảo, ở bên trái con đường là đèn pha cũ, nay đổ nát. Gần tới cuối đảo, đường mòn quẹo trái dẫn tới miễu Bà nằm trên bờ biển.

- Đường thứ hai đi từ giữa giếng về bờ biển phía bắc. Đường

[1] Sẽ được trình bày.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

này hơi hẹp hơn con đường từ cầu tàu vào. Đây là con đường có nhiều người đi lại nên cây cối không thể mọc lên được. Bên trái con đường có hai cây dừa, nhiều cây thông. Bờ biển phía bắc là vùng nhiều cá. Còn nửa phía tây của đảo là vùng ít người lui tới vì góc tây bắc của đảo là vùng ít người lui tới vì góc tây bắc của đảo là vùng sóng lớn, biển động, ít cá và góc tây nam là *"Vùng của Bà"* .

Từ nhà của khí tượng và đồn binh có những đường mòn đi về phía giếng, đi ra bờ biển phía nam và đi ra giếng nước. Đây là những đường được tạo thành do bàn chân người dẫm nát cây cỏ, do sự tiện lợi, chứ không theo một kế hoạch sắp xếp. Đó đây là những đường gần nhất đi ra biển của những người sống trên đảo. Người ngoại quốc từ các tàu đánh cá đậu ngoài khơi, phía nam của đảo lên bờ, vào đảo đổi nước ngọt lấy đồ ăn tươi, rau, trái cây do những con đường mòn hướng nam-bắc này.

Như vậy, hệ thống đường xá trên đảo thuận lợi cho di chuyển từ nơi cư trú (gần như đảo) về bốn phía trên đảo.

Để bảo vệ đảo, người Nhật (thời thế chiến thứ hai) đã đem đá từ Quảng-nam ra xây năm lô cốt trên bờ biển:

-Một ở phía nam: ở cuối các con đường mòn từ ty khí tượng và đồn binh đi ra bờ biển phía nam.

-Một ở phía đông nam
-Một ở phía đông bắc
} bảo vệ cầu tàu và mạn phía đông của đảo.

-Một ở phía bắc: Ở cuối con đường mòn từ giếng ra bờ biển phía bắc.

-Một góc đông bắc.

Các lô cốt này bảo vệ đảo chống lại các cuộc tấn công nếu có từ vùng biển xung quanh.

Tại sao người Nhật không xây lô cốt gần miễu bà? Có lẽ họ cũng xây, nhưng nay đã đổ nát cũng như các lô cốt kia (nay chỉ còn vết tích là các đống bê tông cốt sắt).

MIỄU BÀ

Trong cảnh cô đơn, sóng, gió, miễu bà là nguồn an ủi lớn lao cho những người trên đảo cũng như những người thường lui tới nơi này. Nhang, đèn được người trú đóng trên đảo đem từ đất liền ra. Dân Việt, Tàu, Nhật, Tân-gia-ba đánh cá quanh vùng khi ghé ngang đảo cũng đem nhang vào khấn vái. Miễu đặt ở góc tây nam của đảo, nơi mà từ đất liền ra là gặp ngay. Bà quay mặt ra hướng này để che chở cho ghe, tàu từ đất liền ra.

Miễu mới được xây sau khi người Nhật thất trận, nhưng trước

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

năm 1948. Cũng giống như lối kiến trúc khác trên đảo, miễu cũng chỉ là một "cái hộp" nóc dài bằng 6m, rộng 4m, cao 3m, có một cửa duy nhất trông ra biển.

Trước mặt miễu là một bức bình phong. Dưới chân bức bình phong là đám san hô được sắp xếp như một mâm xôi. Bên ngoài đám san hô này là những đường trang trí bằng các lon đồ hộp cắm xuống cát, do anh em binh sĩ bỏ công ra làm. "Cây nhà, lá vườn" ngoài đảo này không có hoa, có gì làm nấy, miễn là lòng thành. Gần có một bia do người Pháp lập, có người còn nhớ có chữ "Le Président…"

Qua cửa, bước vào trong là gặp một hàng binh khí cổ truyền chắn ngang. Gió, bão phá hư nên đến năm 1973, chỉ còn một thanh đao, treo ở bên trái của bà.

Tượng Bà đứng trên một bệ xi măng. Đầu và mình được choàng bằng chiếc khăn và mảnh vải màu hồng, do một nhân viên khí tượng trước kia làm việc ở đây gửi ra thay cái cũ. Người từng sống ở đây về, vẫn thường gửi nhang ra cúng Bà.

Vào miếu lạy và khấn, ít ai dám ngó bà lâu. Một vài kẻ bạo dạn kể rằng tượng bà cao chừng 1,50m tương tự các tượng Phật vùng Non-nước gần Đà-nẵng. Có kẻ thành thạo hơn nói rằng Bà giống Bà ở Phú-quốc.

Mặt bà phúc hậu, đôi mắt hiền từ, tai dài. Người tạc tượng để Bà mặc chiếc áo the dài quá đầu gối.

Hai tay bà cầm một cái chén hình 6 cạnh, bề ngang chừng 4-5cm. Người ta bảo rằng đó là bát nhang.

Đằng trước Bà, là tượng Phật Thích-ca. Trong miễu còn có đèn dầu, bát nhang, hai chân đèn, chuông, mõ, để trên kệ. Ngoài ra, trong miễu còn có thẻ và ba đồng điếu để xin xâm. Xâm linh lắm. Nghe kể chuyện một người lính xin Bà cho ở lại đảo. Bà không cho (qua xâm). Anh ta không tin. Thường thường, ai xin ở lại đảo cũng đều được chấp thuận, vì đỡ phải chọn lựa người khác thay thế, tốn kém lắm. Gần đến ngày mãn hạn, anh ta xin cấp chỉ huy từ đất liền ở lại nữa. Vị chỉ huy chấp thuận. Sau vài ngày, chị vợ nhớ chồng quá, giả bộ đau, van lạy cấp chỉ huy ở đất liền cho chồng về. Thế là anh chồng phải rời đảo, như ý muốn của Bà.

Vùng biển trước mặt miễu gọi là vùng riêng của Bà, không được ai lai vãng tới. Tới đó kiếm cá là Bà quở phạt ngay. Cái chết của một viên đội (sergent) Pháp đưa đến việc thành lập nhà xác được truyền kể như sau:

Anh chàng "sergent" này thuộc về công binh, nên chất nổ rành rẽ lắm. Một hôm anh tới "Vùng biển của Bà" châm ngòi cho cháy một bánh thuốc nổ để bắt cá. Anh ta ngó hoài không thấy lửa cháy ngòi. Không ngờ lửa không cháy cả cái ngòi, mà chỉ cháy phần giữa của ngòi, ăn lan vào trong và chất nổ làm anh ta chết.

Một chuyện khác kể rằng có hai người lính đem chất nổ ra trước miễu Bà, không tin chuyện dị đoan. Cả hai người thấy một cặp cá thật to đang lờn vờn gần bên các tảng đá. Một người châm ngòi bánh thuốc nổ, nhưng tay cầm chặt, đứng trân trân ra ngó lửa cháy, mà không chịu ném. Anh kia thấy

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

thế, sợ quá, co giò chạy. Một tiếng nổ lớn làm người cầm thuốc nổ chết ngay, còn người bỏ chạy bị thương.

Bà linh thiêng như vậy, nên là nguồn an ủi, là niềm tin cho những người cô đơn trên hải đảo.

Thời Nhật chiếm đảo, Bà chưa có miễu che mưa nắng. Bà đứng giữa các cọc bằng tre do dân chài dựng lên. Ở bờ biển gỗ, tre, táp vào luôn luôn, đủ để dân trên đảo dùng làm củi chụm, ít khi phải đốn cây rừng. Gỗ, tre từ các ghe, tàu đắm trôi giạt vào, nhiều nhất ở góc đảo bên đối diện với miễu Bà, cùng ở phần phía tây của đảo. Tại đây, bờ biển hơi cao hơn các phần khác của đảo vì sóng biển đầy cát, san hô vào bờ thành từng đám cao. Ở vùng này, sóng gió mạnh hơn cả, nhất là lúc biển động. Ngoài những thanh gỗ, tre, đôi khi người ta còn gặp cả sọ người, xương người.

Người lạ tới đảo vào cúng Bà, thường đem theo nhang đèn, chân nhỏ như sợi tăm, hương rất thơm.

Mé bên trái của Bà là nghĩa địa, nơi chôn người chết chứ không phải nơi có nhiều vỏ sò, ốc như " nghĩa địa ốc " ở góc đông nam của đảo. Nơi đây có hai hàng gò mả song song với nhau, đầu quay ra biển, hướng về phía tây-nam, nghĩa là hướng về phía đất liền. Mả có từ lâu lắm rồi. Những người ra đây từ thời lính khố xanh đã thấy. Mả có nhiều bia, bằng đá có, cây có. Mả cũ có, mới có. Mả có bia bằng gỗ, đá, hay xi măng. Mả mới nhất là của Thủy Quân Lục Chiến VN CH. Cuối năm, gần tết, anh em sống trên đảo cũng dọn dẹp, sửa sang lại các gò mả không bà con chăm sóc.

Rằm, mồng một, tết, hay lúc có người đau yếu, anh em thắp nhang cầu khẩn.

CÔNG-TÁC

Những người được đưa ra đây đều lãnh nhiệm vụ riêng: người thì bảo vệ lãnh thổ, kẻ thì ghi nhận tình trạng thời tiết.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Sứ mạng của các anh lính nghe thì to lắm, nhưng đối với họ chỉ là chuyện bình thường. Họ đã từng làm công chuyện đó từ bao lâu nay ở đất liền. Bây giờ họ chỉ tiếp tục công việc thường xuyên đó.

Ngoài này từ hồi nào tới giờ có đánh nhau đâu, nên có chia phiên gác, nhưng cũng thảnh thơi lắm. Gác thì tới phiên mới gác. Còn thì chẳng có chuyện gì làm, buồn lắm. Ngoài chuyện đánh bóng chuyền, bắt cá, bắt ốc, còn gì nữa đâu. Súng trở thành vô nghĩa, phải cất kỹ vào kho.

Các nhân viên khí tượng thì cũng rảnh rỗi như vậy. Mỗi ngày chỉ phải làm tám lần quan trắc gọi về Saigon qua hệ thống vô tuyến điện thoại siêu tần số (motorolar): lúc 8 giờ sáng, 11 giờ trưa, 2 giờ chiều, 5 giờ chiều, 11 giờ khuya, 2 giờ khuya, 5 giờ sáng. Khi có bão, quan trắc phải làm và báo cáo hàng giờ. Nhờ đó, sức mạnh và hướng đi của trận bão được biết rõ và thông báo cho dân chúng, tàu bè, máy bay. Từ Saigon qua hệ thống viễn thông, vùng Đông Nam Á và Đông Á biết đến Hoàng-sa qua ám số 48860. 48 là vùng Đông Nam Á. 860 là ty khí-tượng Hoàng-sa.

Ty khí-tượng Hoàng-sa còn kiêm luôn cả ty bưu điện, đóng dấu trên thư từ gửi về đảo. Thư từ thì trước kia chỉ có nhân công hãng phân mà thôi.

CUỘC SỐNG TRÊN HẢI ĐẢO

Sống ở ngoài này hoàn toàn lệ thuộc vào sự tiếp tế từ đất liền. Lúc đi, phải chuẩn bị thức ăn đầy đủ trong ba tháng. Trước khi Nhật đảo chính, các nhân viên khí tượng cũng như toán lính khố xanh là người Việt, trừ viên đồn trưởng người Pháp, tàu ra đảo cứ ba tháng một lần. Đôi khi mỗi tháng một lần. Sau khi người Pháp trở lại Đông-dương, toán lính canh phòng hoàn toàn là người Pháp, nếu tàu ra tiếp tế mỗi tháng một lần. Có thể có những viên chức chánh quyền ra nữa. Người thành thạo kể hình như có lần ông Phan Văn Giáo đã ra đây. Khi trao trả cho Việt-Nam, tàu cứ ba tháng ra một lần, như trước đảo chính Nhật. Khi Thủy Quân Lục Chiến Việt-Nam Cộng-Hòa trấn giữ quần đảo (trước năm 1959), có lần máy bay từ đất liền ra thả dù tiếp tế, nhưng phi công lại thả xuống đảo Phú-lâm (Ile Boisée), nơi Trung Cộng chiếm đóng. Hồi đó Trung Cộng chỉ mới chiếm các đảo trong nhóm đảo Tuyên-đức (Groupe de I` Amphitrite) mà thôi. Như đã kể, thời Pháp anh em ra đảo đã từng được tàu Pháp chở đi kiểm soát các đảo, kể cả đảo nhỏ và nhóm Tuyên-đức xa xôi.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Ở đây chất tươi (rau, thịt) hoàn toàn thiếu thốn. Xưa kia đời sống dễ dàng, gà, vịt, heo có thể mua đem theo dễ dàng.

Biển cả đầy dẫy cá, tôm, ốc nhưng cũng phải bỏ công lao khó nhọc ra chứ, đâu có dễ dàng, đâu phải lúc nào muốn ăn cá là xuống biển vớt, có ngay. Việc bắt cá dễ dàng chỉ có 7 ngày trong tháng theo tuần trăng: từ mồng một tới mồng bốn và từ rằm tới mười tám. Lúc đó, nước *ròng thật sát* [1], để trơ phần san hô ra, cá, tôm, vào các hang, hốc đá, hõm kiếm mồi, ra không kịp, anh em mặc sức mà bắt cá, tôm, ốc. Đó là những ngày vui nhất trên đảo. Buổi sáng, anh em dậy thật sớm (4-5 giờ), cơm nước xong xuôi là kéo nhau đi *bắt cá cạn*. Từ 5 giờ sáng, nước bắt đầu rút xuống, tới 7,8 giờ thì nước ròng thật sát. Ở bờ phía nam, nước biển rút ra cách chân bờ biển cát vàng tới gần 200m. Ở phía bắc đảo, vùng san hô bao quanh còn xa hơn nhiều, lại chạy vòng về phía đông bắc nữa.

Khi nước ròng thật sát, vòng đai san hô bao quanh đảo Hoàng-Sa (pattle) nối với các mỏm san hô mới nhô lên (Mỏm quan sát: Banc des observations, Récif Antilope) ở phái đông bắc đảo. Người ta có thể dùng chân để ra mỏm Quan-sát, nhưng phải chạy cho lẹ thì mới tránh được nước thủy triều dâng.

Người bạo dạn dám ra tới bìa san hô nói rằng hết san hô là *vùng biển thẳm*, còn gọi là mé sóng. Mé sóng ở đông bắc của đảo là nơi có nhiều người đã lượm được các mảnh chén sứ rất đẹp.

Ít người dám ra tới mé sóng, vì khi nước thủy triều dâng lên, đường xa, chạy vô không kịp.

Đi bắt cá cạn, không ai dám đi một mình, phần vì nguy hiểm, phần vì ở nhà không có chuyện gì làm, buồn.

Phải đi đông vì lỡ nước vào hõm [2], hụt chân thì có người kéo lên.

Biển lúc đó thật là nhộn nhịp. Từng toán dăm ba người đi giày nhà binh, tay xách giỏ, dở từng khối đá (san hô và vỏ sò ốc dính cứng lại với nhau) ra bắt cá. Phải đi giày nhà binh vì đi chân đất thì san hô cứa chảy máu chân. Cá biển có ngạnh bén. Người không rành phải đem cả vớ nhà binh theo lót tay cho khỏi đau. Người kinh nghiệm, trước khi ra đảo đã sắm những cái nĩa (đinh ba) có cán dài chừng 1,50m đầu có đinh nhọn dài vài phân. Đây là thứ kiếm cá rất tốt. Cá ở đây

[1] Lúc thủy triều xuống thấp nhất trong tháng.

[2] Là chỗ sâu bất thường trên vùng san hô.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

bạo lắm, thấy mình cứ nằm yên, mà có chạy cũng hết nổi vì xung quanh hang hốc, nước đâu còn nữa. Cái nĩa phóng vào mình cá là ăn chắc.

Không có nĩa, nhiều anh em ra cầu tàu đập bê tông bẻ lấy sắt 8-10 ly đập nhọn đầu để làm dụng cụ đâm cá. Cá có đủ loại: cá mú, cá bò, cá mó, cá hồng, mực…,nghĩa là đủ loại giống như trong đất liền. Nhưng cũng có nhiều con kỳ dị như cá "khăn bàn" lớn bằng khăn bàn. Người nào bạo gan ra xa câu được nhiều loại cá ngon như cá thu. Nghe nói đảo nay có chân nên các rúc vào chân đảo kiếm mồi.

Ngoài cá ra, anh em còn bắt những con tôm hùm thật to, càng to bằng ngón tay út, trong toàn thịt.

Ngoài cá ra, bắt ốc cũng là việc làm vui nhộn. Ốc có nhiều loại kỳ lạ, vỏ ốc đủ màu, lóng lánh rất đẹp. Không biết tên của chúng là gì, nghe nói ốc "Porcelaine". Có người bắt phơi khô, bỏ vào hàng bao bố đem về. Bởi vậy, tới cuối năm 1973, ốc bắt đầu ít đi.

Có nhưng con sò khổng lồ. Lỡ tay để vào miệng, nó kẹp lại là hết rút ra. Gân của nó ăn rất ngon.

Tới 9-10 giờ, tới 4-5 giờ chiều thì lên cao nhất, rồi lại xuống từ từ.

Trong những ngày đầu và giữa tháng, mỗi ngày nước ròng chậm chừng nửa giờ. Thí dụ ngày 15 ròng lúc 7giờ, ngày 16 ròng lúc 7 giờ 30, ngày 18 ròng lúc 8 giờ. Tới ngày 19, nước lại ròng lúc 6 giờ. Nước ròng trễ thì lên cũng trễ, mỗi ngày một giờ.[1]

Có người nhận thấy lúc nước ở Hoàng-Sa ròng sát thì ngược lại, nước ở sông Sài-Gòn dâng lên cao nhất, tràn ngập vùng đất hai bên bờ.

Những ngày nước ròng sát nhớ như in vào tâm trí mọi người sống trên đảo, vì là những ngày vui nhất trên hòn đảo hiu quạnh.

Những ngày khác, nước chỉ rút xuống một khoảng ở chân bờ biển, chưa tới vùng san hô rồi lại dâng lên.

Trong những ngày đi bắt cá cạn, anh em ăn uống đầy đủ nhất. Còn những ngày khác, cá, tôm đâu có dễ dàng để mình bắt. Muốn có cá phải câu. Đâu phải bất cứ ai câu cũng có cá cả đâu, phải tùy tay. Phần lớn, anh em không quen nghề biển, nên câu thật khó khăn. Người bạo dạn lội ra xa, đứng dưới nước câu thì có cá, cá lại to mà ngon

[1] Các nhân chứng chỉ ghi nhận theo kinh nghiệm. Về thủy triều, các hải học viện Nha Trang và Hoa Kỳ đã có nhiều cuộc nghiên cứu.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nữa, nhưng việc đi vào bờ thật khó khăn. Trên bãi san hô, có những chỗ thình lình sâu hẳn xuống (hõm) khi nước dâng cao đi qua chỗ đó có thể bị ngập đầu. Qua khỏi, đáy biển lại cạn như những chỗ khác. Khi đi qua đó phải cẩn thận

Cầu tàu có nhiều tảng xi măng lớn, rong, rêu, bám đầy, cũng là nơi lắm cá, nhưng để *dịch* được chúng lên cũng là cả một vấn đề. Chúng cắn mồi, nhưng rúc vào kẹt đá thì lôi hết ra, lại mất cả lưỡi câu nữa. Những tay lão luyện dùng *nhợ* cỡ lớn vẫn kiếm được cá ở đây.

Không ai dùng lưới vì san hô cứa rách lưới. Có ca nô ra ngoài xa, mé sóng thì cá nhiều lắm. Đến mùa cá, tàu ngoại quốc tới đánh đầy mặt biển, nhiều như "những chiếc lá tre"[1] nổi trên biển. Lúc đó, cá đi hàng đàn, tràn ngập cả biển. Đuôi chúng chổng lên trời như tàu đang chìm. Thế mà trong bờ kiếm cá đâu có dễ dàng.

Người sống trên đảo phải biết nghĩ đến ngày mai. Lúc có nhiều cá thì phải phơi khô, để dành cho lúc không kiếm được. Những ngày mưa, bão, biển động, thường chỉ ăn cơm với nước mắm.

Lính địa phương chia quân thành 3 tổ. Mỗi tổ 10 người thay phiên nhau kiếm cá nên tương đối dễ chịu. Còn 4 nhân viên khí tượng thật là vất vả.

Biển còn có rau câu. Trước năm 1970, ít ai chịu vớt rau câu đem về. Sau đó hình như có người đặt trước, anh em binh sĩ vớt thật nhiều. Tới năm 1973, không còn để cho vô bao nữa.

Một nguồn thực phâm khác là *con vít.* Cũng như cá, bắt nó phải có công phu và có mùa. Tháng 5, 6, 7, vào những đêm sáng trăng, những con rùa biển đó từ biển bò lên bãi cát đào lỗ để đẻ trứng rồi lấp đi đánh giấu chỗ chôn trứng. Trứng vít lớn bằng cái hộp quẹt Zippo. Nấu chín thì lòng đỏ đặc lại như trứng gà nhưng lòng trắng thì lầy nhầy.

Vít lên bờ thì thân mình to lớn và những đôi chân thô kệch để lại quá rõ ràng trên mặt cát. Anh em phải canh đến khuya, đi kiếm những dấu vết đó, đuổi theo là bắt gặp. Vít to bằng một cái bàn nhỏ (1x 1,5m), nặng nề, chậm chạp trên đất liền. Anh em chỉ việc lấy hai tay lật ngược lại, là bốn chân nó chới với trên không khí. Móng vít có thể chữa cho trẻ con khỏi sài, đẹn.

Thịt vít tương tự thịt bò: sớ to.

Đồi mồi thì họa hoằn lắm mới gặp.

[1] Đây chỉ là lời nói quá.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Trước khi xảy ra vụ Trung Cộng chiếm đao, anh em bắt được hai con đồi mồi. Trước ngày bị Trung Cộng bắt, anh em thả đi một con, còn một con vẫn nuôi trong bể nước.

Một nguồn lợi khác trên đảo là muối.

Nước biển thì mênh mông xung quanh đảo, nhưng trên đảo thì thiếu muối ăn, phải chở từ đất liền ra. Vì vậy, thời Pháp, một viên đồn trương đã ra lệnh cho đám lính khố xanh dưới quyền làm một ruộng muối nhỏ ở phía tây của đảo. Cây rừng bị đốn, đào gốc và rễ. Cỏ được nhổ cho hết. Vì đất trên đảo thường là cát lẫn lộn với vỏ sò, ốc, nước dễ bị hút hết nên mặt *bể muối* được đổ trên nền tráng xi măng, xung quanh có bờ cao để nước khỏi chảy ra ngoài. Bể muối gần như tròn, bên trong chia thành từng ô vuông, mỗi cạnh chừng 1,5. Tổng cộng kể có 6 ô vuông.

Sau đó, hàng ngày, anh em khố xanh phải gánh nước đổ vào ruộng. Bao nhiêu sức lực, mồ hôi đổ ra, nhưng cuối cùng cũng chẳng có hột muối. Mặt ruộng muối cứ nứt nẻ hoài. Nước rút thật đi mau. Có người giải thích: đất trên đảo toàn cát và đá vôi, không giữ nước như đất sét, lại không làm nền chắc, nên không thể làm ruộng muối được.

Những ngày cuối cùng khi đảo còn thuộc về người Việt, vết tích của một công trình vẫn còn trên đảo, tuy mưa bão và cây cối cũng đang xóa nhòa dần.

PHÂN PHỐT PHÁT

Phân phốt phát trên mặt các đảo trong quần đảo Hoàng-sa (Para-cels) là một nguồn lợi đáng chú ý. Nhiều cuộc khảo sát của các nhà địa chất học cho biết lượng phân đủ khai thác có lợi[1].

Năm 1956, ông Lê Văn Cang được chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa cho phép khai thác phân tại quần đảo Hoàng-sa, nhưng đến năm 1961 mới khởi công. Công ty Hữu-Phước (Hyew-Huat)[2] được ông Cang giao cho các công tác lấy phân và chuyên chở về Saigon.

Số lượng phân do công ty này đã khai thác trong những năm đầu tiên (1957-1958-1959) là 8.000 tấn.

Từ năm 1960, một công ty khác (Công ty phân bón Việt-Nam) của ông Bùi Tiến Thành giữ vai trò khai thác phân tại quần đảo Hoàng-sa (Paracels) còn Hyew-huat chỉ chuyển vận. Số lượng phân

[1] Xem phần Thư tịch chú giải các tài liệu về Hoàng-sa, tập san Sử-Địa số này.
[2] Trụ sở của công ty đặt ở Tân-gia-ba.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

khai thác được của hai công ty nói trên trong năm 1960 là 1.570 tấn, năm 1961 là 2.654 tấn, 1963 là 3.000 tấn. Số lượng phân đã được lấy lên, chuẩn bị đem về trong năm 1962 là 12.000 tấn.

Sau đó, gặp nhiều trở ngại về mọi phương diện: phương pháp và kỹ thuật khai thác, biến chế, chuyên chở, tổ chức, thị trường, chính trị[1], các công ty trên đã ngưng hoạt động (1962).

Sau năm 1970, thị trường phân bón ở Việt-Nam-Cộng-Hòa ngày càng rộng lớn, giá phân lên cao, nên nhiều tư nhân cũng như công ty [2] lại chú ý khai thác phân ở quần đảo Hoàng-sa.

Công-ty Kỹ-nghệ phân bón Đại-Nam (KYPHADACO)[3] do ông Đào Nhật Tiến thành lập, cho biết thành phần phốt phát trong phân sản-xuất từ lớp san hô lấy ở trong các đảo trong quần đảo Hoàng-sa có phẩm chất tốt. Ông Tiến mua lại san hô có chứa phốt phát còn lại trong các kho, nghiền cho thật mịn rồi nung lên, đem bón thử cho cây thì kết quả thật mỹ mãn: cây phát triển mạnh sau nửa tháng được bón phân này. Phòng thí nghiệm của Viện khảo-cứu (Bộ cải cách điền địa và phát triển Nông Ngư Nghiệp)[4] cho biết kết quả phân tích 5 mẫu của phân Hoàng-sa của ông Tiến như sau:

N : 0%

P_2O_5 :20.51%

K_2O :15.25%

[1] Tỉ lệ phốt phát có trong phân không đều, các công ty lại không khai thác phân theo như các chuyên viên đã hoạch định, không lựa chỗ có nhiều phốt phát nên thành phần phốt-phát yếu kém. Do đó giới tiêu thụ mất tín nhiệm, không mua phân. Kỹ thuật chế biến cẩu thả: khi lấy đất về xay ra hột lớn, nên cây không hấp thụ được. Tác dụng của phân còn bị giới hạn vì chất vôi trong phân không được nung lên, để vôi hòa tan trong nước cho cây hấp thụ. Việc khai thác giới hạn vì thời tiết (bão thì ngưng hoạt động). Việc chuyên chở lại tốn kém và khó khăn vì bờ biển quanh đảo quá cạn. Vốn đầu tư lại quá khiêm tốn. Sự cộng tác các đương sự đổ vỡ. Giá phân trên thị trường lúc đó (1962) lại quá thấp. Thị trường phân Hoàng-sa lại rất giới hạn vì chỉ thu hẹp trong các nhà trồng mía ở Lái-thiêu. Nguyên do chính là cuộc đảo chánh 1963 khiến việc khai thác phải ngừng hẳn.

[2] Trong các công ty dự định khai thác, có Công –ty Kỹ-nghệ Phân bón Việt-Nam, do sự điều hành của các chuyên viên Việt-Nam, có sự hỗ trợ của các chuyên viên Nhật-bản trong công ty MARUBENI. Các chuyên viên Nhật-bản đã khảo sát quần đảo này trong năm 1973.

[3] Công ty được cấp phép hoạt động do nghị định 380 BKT/ CKN/ TNTN/ KQ/ NĐ, ký ngày 30-5-1972 , do tổng trưởng kinh tế Phạm Kim Ngọc.

[4] Bảng kết quả phân chất ngày 29-4-1971, số 030 KQ/ĐHI, do ông chủ sự phòng lý hóa đất-đai Châu Văn Hạnh, kỹ sư canh-nông, ký tên.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Thành phần phốt phát chứa 16% trọng lượng phân thì phân mới có lợi cho giới tiêu thụ. Trong các mẫu phân đưa thí nghiệm, thành phần trên ở mức độ tốt (20,51%), lại có thêm một lượng pô-tát tốt nữa.

Theo ông Tiến, giá phân Hoàng-sa rất rẻ, chỉ bằng một phần tư giá phân nhập cảng:

Giá thành phân Hoàng-sa (vốn sản xuất, chuyên chở, lời…) là 25$/kg. Trong lúc đó (1972) giá phân nhập cảng là 100$/kg.

Ông Tiến còn khám phá ra một loại tài nguyên khác ở Hoàng-sa: "Cát"[1] và vỏ sò, ốc ở đây rất tốt (chứa 40% chất vôi theo sự phân tích của Viện Khảo-cứu, BCCĐĐ và PTNNN). Cát, vỏ sò và ốc ở đây xay thành bột, rồi đem nung lên được ông đặt tên là "Cát trắng Hoàng-sa" Có thể bị phèn trong ruộng và trộn với đồ ăn cho gia súc, cần thiết cho ruộng phèn và kỹ nghệ thực phẩm gia súc.

Giá sản xuất tại Hoàng-sa cho loại này là 3$/kg.

Công ty KYPHADACO dự định thành lập một nhà máy sản xuất phân và "Cát trắng Hoàng-sa" ngay trên đảo Hoàng-sa (Pattle), trước khi Hoàng-sa bị mất vào tay Trung Cộng.

Theo ông Tiến, "Cát trắng Hoàng-sa" mới đáng giá hơn phân,vì phân mau hết, còn cát trắng thì dồi dào hơn. Đảo Hoàng-sa (Pattle), diện tích 3,6ha, chỉ đào sâu được 1m, vì đất ở sâu hơn thì nước biển thấm vào, không dùng được. Như thế, đảo này có 36000m^3 đất dùng được. Mỗi chuyến tàu chở 1000m^3 thì chở 36 chuyến, hay hơn 1 tháng là hết sạch[2].

Theo 1 số doanh nhân Việt Nam, quần đảo Hoàng-sa có thể thuận lợi cho du lịch.

NHỮNG NGƯỜI KHÁCH LẠ

Vùng biển quanh hải đảo này là nơi lui tới của nhiều tàu lạ. Từ đảo nhìn ra bằng mắt thường thấy các tàu đó bằng điếu thuốc lá, hay bằng chiếc lá tre. Chúng thường là tùa cá, chạy tới chạy lui, hoặc bỏ neo đánh cá, đánh tôm, bắt ốc, từ bờ nhìn ra, không biết chúng là ghe tàu của quốc gia nào. Khi nào chúng lại gần, nhìn cờ thì mới biết. Ngoài ghe tàu Việt-Nam, còn thì Nhật-Bản, Trung-Hoa Quốc gia, Phi-Luật-Tân, Tân-Gia-Ba không phải là hiếm, nhưng thường tới nhất là Nhật-Bản. Có khi chăng biết chúng là tàu quốc gia nào nữa.

[1] Thực ra, đây không phải là cát mà chỉ là san hô bị sóng biển, gió, mưa, nước, làm vỡ ra thành hạt nhỏ.
[2] Sự ước lượng này cần phải xét lại

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Người Việt vốn quí khách. Khách tới, đi ca nô hay xuồng nhỏ vào đảo là được tiếp đón niềm nở. Nhất là những lúc khách gặp cơn hoạn nạn (cần nước ngọt, gặp bão) lại cần phải sốt sắng cứu giúp. Chủ và khách đều vui vẻ. Khách chân thật không có gì đáng e ngại, vì khách thường từ các tàu cả tới (1), lại không có khí giới gì cả. Chủ lại được tự do xuống tàu xem nữa. Nhưng ôi thôi! mấy chiếc tàu cá đó thối lắm! xuống làm chi!

Quen với những kẻ lạ thường xuyên tới, anh em chẳng bận tâm đến họ. Họ có thể lên đảo nghỉ ngơi hoặc chạy nhảy cho khỏi chồn chân tắm nước ngọt ở giếng. Họ có thể đem lưới và cá lên đảo phơi nữa, nhát là trên đảo Hữu- nhật (Cam- tuyền, Robert). Nghỉ ngơi xong, họ lại xuống tàu, nhổ neo đi.

Sống quạnh hiu trên đảo, bỗng dưng có người tới thì cũng vui. Chủ và khách không cùng ngôn ngữ, nhưng rồi cũng hiểu nhau. Khách lạ tới là những lúc vui vẻ. mà chủ cũng mong khách tới nữa. Khách thường rất rộng rãi: đổi vài thùng nước lấy thuốc lá, đồ ăn tươi, rau, trái cây lạ, quả là hời giá.

Khách không tỏ ra vẻ nguy hiểm, nhưng đôi khi anh em cũng thấy *những triệu chứng khác thường:*

- Năm 1960, một nhóm người Phi-luật-tân lên bờ, đem theo dụng cụ đo đạc, ngắm nghía. Anh em trên đảo ra xem xét. Họ có vẻ vội vàng, lăng xăng trên đảo, rồi lại xuống ca nô ra tàu.
- một lần trước năm 1970, một bọn người không rõ quốc tịch lên bờ, xin nghỉ ngơi. họ nói tàu đánh cá của họ bị bão. Khách lạ thì ta có từ chối bao giờ đâu. Các anh lính bỗng chú ý tới bọn này, vì họ đem theo một tấm giấy lớn, mở ra thì biết là một tấm bản đồ của đảo. Một anh lính thấy tên cầm bản đồ ngược, liền kêu lên: "cầm bản đồ ngược". Anh ở trên đảo lâu ngày, hang hốc nào chẳng biết, nên thoáng nhìn thấy dáng quần đảo Hoàng- sa (Paracels) trên bản đồ là anh nhận ra ngay từng vị trí các đảo. Tên nọ giật mình, quay bản đồ lại. Thế là anh biết ngay tên kia biết tiếng Việt. Nếu không hiểu tiếng Việt, tên kia phải vụng về lắm chứ, đâu có quay ngay bản đồ lại, ngay sau khi nghe anh nói.

Thế rồi cũng chẳng có gì xảy ra cho tới giưa tháng 1- 1974.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

VIỆC BẢO VỆ QUẦN ĐẢO

Những người ra đây nhiều lần chẳng cần suy tư về những người lạ dưới tàu lên, vì mọi chuyện đều êm đềm, đâu có gì đáng lo. Tuy vậy, vài người lớn tuổi đã bắt đầu suy nghĩ. Năm 1944, khi Nhật đóng ở Đông- Dương các vị đó đã từng ngắm nhìn hòn đảo Phú- lâm (Ile boisee) thơ mộng, nhìn bãi cát vàng trên đảo tây (Ile Onest) hoặc đảo cây (Tree Island) khi tàu đi vòng quanh các đảo đó, trước khi ngừng ở Hoàng- sa (Pattle). Tàu Pháp có thói quen đi tuần qua tất cả các đảo trong quần đảo Hoàng- sa (Paracels), trước khi cho các nhân viên khí tượng và lính khố xanh xuống đảo thay thế đám củ trên đảo Hoàng- sa (Pattle).

Người Pháp chỉ lập căn cứ ở đảo Hoàng- sa (Pattle), một đảo gần đất liền để tàu ra cho gần. Đảo Hoàng- sa (Pattle) lớn, tuy không bằng Phú- lâm

(Ile boisee), nhưng ở gần trung tâm quần đảo, gần nhiều đảo, việc kiểm soát dễ dàng hơn Phú- lâm (Ile boisee). Các toán lính khố xanh và lính Pháp đôn trú trên đảo có xà- lúp thường xuyên đi kiểm soát các đảo.

Thời Pháp thuộc, số lính khố xanh trấn đóng chừng vài chục người, dưới quyền chỉ huy của một viên sĩ quan Pháp.

Khi Nhật đảo chính pháp, anh em trên đảo bị bỏ rơi, bèn kiếm gỗ làm bè thả trôi về đất liien. Sau mấy ngày nhịn đói, khát, họ táp vào bờ biển Qui-Nhơn.

Người Nhật chiếm đảo, rồi xây các lô cốt xung quanh đảo để phòng thủ.

Sau khi Nhật đầu hàng, Pháp trở lại Đông- Dương họ lại ra trấn giữ đảo. Toán khí tượng đầu tiên (sau khi Pháp trở lại Đông- Dương) ra làm việc vào tháng 9/1947. Toán quân nhân pháp gồm 1 trung đội toàn người pháp. Lúc này tình thế đã biến chuyển. Tàu không đi vòng qua nhóm Tuyên- Dức (Groupe de I'Amphitrite) nữa. Nghe nói nơi đó người tàu đã chiếm rồi. (1) Ôi! Một hòn đảo thơ mộng đã lọt vào tay

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

kẻ tham lam! Mỗi buổi sáng trời tốt, anh em nhìn về phía đông bắc, thấy hòn đảo Phú-lâm (Ile Boisée) qua kính "thiên văn"[1] (théoldoite) mà thấy xót xa.

Người Pháp canh phòng đảo rất kỹ. Họ dùng xà-lúp đi tuần quanh các đảo luôn luôn. Chân cầu tàu bây giờ còn vết tích căn nhà để xà lúp. Họ xua đuổi các tàu bè lại gần đảo. Đuổi mà không đi là họ bắn ngay.

Về sau, một tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến Việt-Nam Cộng Hòa có nhiệm vụ bảo vệ các đảo còn lại. Sau đó số quân đóng trên đảo Hoàng-sa (Pattle), Hữu-nhật (Cam tuyền, Robert), Quang-ảnh (Vĩnh-lạc, Money) Quang-hòa (Duncan), Duy mộng (Drummond) và các đảo khác rút xuống còn một đại đội thuộc tiểu đoàn 42/162. Ngày 8-5-1957, hải vận hạm Hàn-giang chở một đại đội Thủy Quân Lục Chiến khác từ Nha-trang ra thay thế. Thủy Quân Lục Chiến có đầy đủ phương tiện (ca-nô, xăng nhớt…) nên họ cũng đi tuần, canh phòng thường xuyên.

Ngày 5-10-1959, tỉnh đoàn Bảo-an thuộc tỉnh Quảng-nam có nhiệm vụ bảo vệ an ninh quần đảo. Tỉnh đoàn cử 43 Bảo-an viên ra thay đại đội Thủy Quân Lục Chiến giữ các đảo trên. Tuy vậy, trên đảo Hoàng-sa (Pattle) vẫn còn một trung đội Thủy Quân Lục Chiến gồm 30 người.

Binh sĩ Bảo-an sau này đổi tên thành địa phương quân, thuộc tiểu khu Quảng-nam. Địa phương quân phương tiện eo hẹp, không có ca-nô đi kiểm soát các đảo, nên coi như chỉ trấn đóng trên đảo Hoàng-sa (Pattle) mà thôi.

Về sau, số quân giảm xuống, chỉ còn một trung đội, do một trung úy hoặc thiếu úy chỉ huy.

Người mới ra đảo Hoàng-sa (Pattle) nhìn vào tình trạng quân sự đó thật là lo ngại. Không có phương tiện kiểm soát các đảo khác nên không biết kẻ lạ làm những chuyện gì đó trên đảo. Đảo lại không có phương tiện truyền tin với các tàu (cờ, đèn hiệu…) nên muốn ra lệnh cho các tàu cũng không được. Thời buổi này khó khăn, anh em binh sĩ đâu dám bắn bậy, bắn hạ như người Pháp, phải có lệnh mới được nổ súng. Viên sĩ quan địa phương quân không rành về mặt biển, không biết các loại tàu.

Lo gì thì lo, chứ có sao đâu. Từ trước tới giờ (đầu năm 1974) có chuyện gì xảy ra đâu.

NHỮNG DẤU HIỆU KHÁC THƯỜNG

Ra đảo được hai tháng, nghĩa là còn một tháng nữa thì hết kỳ hạn đóng trên đảo, một vài anh em nhận thấy ở mõm san hô phía đông

[1] Theo tiếng gọi của anh em trên đảo.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

bắc của đảo Hoàng-sa (Pattle), cũng trong nhóm đảo Nguyệt-thiềm (Grope de Croissant), có nhiều tàu xuất hiện, và neo tại đây. Anh em tưởng chỉ là các tàu đánh cá như mọi khi. Có người chỉ cảm thấy không phải là chuyện bình thường.

Đồng thời, có một tàu Trung-Hoa Quốc-gia ghé đảo, đổi thuốc hút hay lấy nước ngọt.

Giữa tháng 1/1974, còn nửa tháng nửa lad có tàu ra rước anh em về, để cho người khác ra thay thế, lúc 4-5 giờ chiều bỗng dưng anh em thấy hai tàu đánh cá[1] chạy khá nhanh, gần bờ. Nó xuất hiện từ hướng tây nam vòng lên phía bắc rồi vòng ra phía đông, lại gần cầu tàu, hình như muốn ghé vào. Lúc đó anh em mới nhận ra nó sơn màu ô liu, màu của quân đội! Trong số những người trên đảo có người đã từng đi biển, nên nhận thấy tàu này không phải là tàu thường, vì tàu đánh cá đâu có sơn màu ô-liu. Tàu lại mang cờ đỏ, góc có mấy ngôi sao vàng nữa. Trung úy trưởng đồn chưa biết triệu chứng bất thường. Anh em nọ, bèn bảo trung úy lấy cờ quốc gia treo lên cho nó thấy để nó biết đảo này của mình. Muốn đuổi nó đi thì đâu có cách nào khác. Có lá cờ đẹp, phải cất kỹ, vì gió biển ào ào, chỉ ba bữa là rách tan. Nhìn thấy lá cờ vàng ba sọc đỏ bay trên đảo, hai tàu nọ bèn bỏ đi về về phía nam đảo Hữu-nhật (Cam tuyền, Robert), nấp đằng sau đảo đó. Có người biết được lá cờ đỏ đó là cờ Trung Cộng. Nhiều người không biết là đó cờ nước nào.

Trung úy trưởng đồn báo cáo vụ trên về đất liền.

Vài anh em mở ra-đi-ô nghe nói Trung Cộng đang tính chuyện khiêu khích ở Hoàng-sa. Ai cũng tưởng chuyện chỉ xảy ra thường thường thôi, đâu ngờ sau này trở nên lớn lao quá vậy.

KHÓI LỬA TRÊN BIỂN KHƠI

Sau đó, tuần dương hạm Lý Thường Kiệt HQ 16 ra Hoàng-sa, (Pattle), thả xuống đảo Hoàng-sa (Pattle), 7 người gồm: thiếu tá Hồng, 1 đại úy hải quân, 1 trung úy công binh kiến tạo, 1 trung úy công binh chiến đấu, hai binh sĩ và một người Mỹ. [2] Sau đó chiến

[1] Gọi như vậy, vì trông nó giống giống hệt các tàu đánh cá vẫn thường tới, trọng tải chừng 300-400 tấn. Trên tàu có treo nhiều phao, lưới cá, nhiều cần trục cao để kéo lưới.

[2] Theo tin các nhật báo (CHÍNH LUẬN, số 2982, ngày 31-1-1974, Trang 7 cột 3), người Mỹ này tên là GERALD KOSH, một nhân viên dân sự biệt phái thuộc văn phòng tùy viên quốc phòng của tòa đại sứ Mỹ tại Saigon, được biệt phái làm liên lạc viên cạnh bộ chỉ huy hải quân quân khu 1. Sau bị bắt trên đảo Hoàng-sa (Pattle) cùng với các quân nhân và nhân viên dân sự Việt-Nam, Kosh được trao trả lúc 12 giờ trưa ngày 31-1-1974

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

hạm này đi thám sát các đảo và mỏm đá ở phía đông của nhóm Nguyệt-Thiềm (Grouppe de Croissant).

Lúc ấy, "tàu cá" của Trung-Cộng còn ẩn phía sau đảo Hữu-Nhật (Cam-tuyền, Robert). Đuôi tàu nhô ra nên từ đảo Hoàng-sa (Pattle) còn nhận ra được. Vì đảo cao như đĩa xôi, nên không rõ Trung-Cộng làm gì ở phần đảo gần chỗ hai tàu của họ đang đậu. Sau này, các nhân chứng đổ bộ lên đảo Trung-Cộng mới đem vật liệu và hài cốt từ nơi khác lại xây bốn ngôi mộ. Anh em liền đào vứt xuống biển vì họ vi phạm chủ quyền Việt-Nam.

Tuần dương hạm Lý Thường Kiệt tiến về phía hai "tàu cá" đuổi chúng ra khỏi đảo. Hai " tàu cá " lì ra không chịu đi. Tàu ta và tàu địch tiến gần nhau đến nỗi trông thấy cả bàn ghế trên tàu địch. Bọn lính Trung-Cộng trên tàu cá chửi sang ta bằng tiếng Tàu. Sau cùng, các tàu Trung Cộng đành rút đi, lui về phía các đảo nhỏ mà Trung-Cộng mới chiếm.

Sau đó, hình như nhiều tàu Trung-Cộng tiến xuống phía nam của các đảo nhỏ, tụ tập xung quanh các đảo Quang-hoà (Duncan) và Duy-mộng (Drummond).

Phía ta, chiếc khu trục hạm Trần Khánh Dư HQ 4 tăng cường, thả một số lính xuống đảo Hữu-Nhật (Cam-tuyền, Robert).

Tuần dương hạm Lý Thường Kiệt HQ 16 bốc toán 7 người ở Hoàng-sa (Pattle) lên, hình như định quay về để sửa tàu, vì đã thấy thời hạn nằm ụ.

Lúc đó, tuần dương hạm Trần Bình Trọng HQ5 ra để tăng cường thêm, hình như thả một số lính xuống đảo Quang-ảnh (Vĩnh-lạc, Money). Toán 7 người được chuyển sang tuần dương hạm Trần-Khánh-Dư HQ5. Sau đó HQ5 lại trả toán này về đảo Hoàng-sa (Pattle). Tàu Trung-Cộng gồm có tàu lớn đậu đàng xa, các "tàu cá" và nhiều loại tàu đổ bộ, chạy tới chạy lui ở hai đảo Duy-mộng (Drummond) và Quang-hòa (Duncan). Các tàu Việt nam đều tiến về hai đảo này.

Không rõ súng bắt đầu nổ tư lúc nào [1], nhưng chiều ngày 18-1-1974 tiếng nổ lớn dữ dội. Anh em trên đảo đứng xem như trên màn ảnh. Những tàu nhỏ của Trung-Cộng chạy rất nhanh tiến về các tàu Việt-Nam. "Tàu cá" lộ nguyên hình tàu chiến ở đài chỉ huy có hai cây đại liên. Sườn tàu để hở các ô vuông chỉa súng ra. Tàu

[1] về các chi tiết của trận hải chiến giữa hải quân VNCH và Trung-Cộng, các nhân chứng chỉ thấy được một vài khía cạnh mà thôi.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Trung-Cộng bắn. Tàu Việt-Nam bắn trả, có những đốm lửa nổ trên tàu địch và khói bay lên.

Tuy nhiên, về phía Việt-Nam, chiếc HQ 16 cũng bị một phát đạn vào chỗ bánh lái và một phát vào lườn tàu. HQ 16 nghiêng một bên rút về qua eo biển giữa Hoàng-sa (Pattle) và Hữu-Nhật (Cam-tuyền Robert). HQ 16 được chiến hạm HQ II dìu về Đà Nẵng. Đồng thời, hộ tống hạm Nhật-tảo HQ10 mới ra, nhảy ngay vào vòng chiến. Sau một hồi khai hoả, HQ10 bị bắn vào giữa tàu và lửa bốc lên.

Hôm sau, 27 tết, tức ngày 19-1-1974, chuyện dữ đến với anh em trên đảo Hoàng-sa (Pattle). Hai tàu lớn của Trung-Cộng và hai "tàu cá" tiến lại đảo Hữu-Nhật (Cam-tuyền Robert). Các tàu đổ bộ chạy quanh đảo này để kiếm chỗ vô. Trên đảo bắn ra, nhưng chỉ có súng nhỏ. Các tàu lớn bắn vào đảo này. Sau đó, anh em ở đảo Hoàng-sa (Pattle) mất liên lạc với đảo Hữu-Nhật. Rồi tàu Trung-Cộng bắn vào Hoàng-sa (Pattle). Anh em ra rừng và các đống quân nằm bố trí. Có cả tiếng máy bay phản lực rít lên nữa. Họ đổ bộ từ các tàu nhỏ lên đảo đông như kiến, nhưng không dám tiến vào đảo, mà chỉ nắm ở các bãi cát và 30 phút sau, họ tiến vào trong đảo. Anh em địa phương quân tới bắn hết đạn, thì họ chiếm được đảo. Khi tiến vào mỗi phòng trong nhà, họ ném chất nổ, nên mọi thứ bên trong đều bị huỷ diệt.

TÙ BINH

Mọi người trên đảo bị tập trung lại ngồi thành hàng, kể từ bây giờ anh em trên đảo trở thành tù binh của Trung-Cộng. Lính Trung-Cộng lấy cung và chụp hình mọi người từ lúc họ chiếm đảo cho tới tối. Bọn họ nói tiếng Việt thật rành rẽ đến nỗi anh em không biết họ là người Việt hay người tàu nữa. Hầu hết, chúng nói giọng Bắc. Chỉ có một tên nói giọng Nam. Họ ăn nói văn hoa, dùng nhiều chữ mà ngay người Việt ít học cũng ít dùng tới. Mấy anh Tàu chợ-lớn nói tiếng Việt không rành. Chứ mấy tên tàu Trung-Cộng này thả về Việt-Nam thì mình không thể nhận ra được.

Như vậy, cuộc xâm lăng này được họ chuẩn bị kỹ quá rồi còn gì.

Trong lúc họ bắt anh em ngồi chờ trên đảo thì có những tên trông dữ dằn đi lảng vảng xung quanh. Đến tối, chúng nhốt tất cả 42 người gom được trên đảo (gồm toán 7 người do chiến hạm HQ 16 thả lên đảo, 4 nhân viên khí tượng và trung đội địa phương quân) vào trong nhà chứa phân và canh phòng nghiêm ngặt. Quá nửa đêm, họ đánh thức cả đám dậy, bắt xếp hàng đi ra biển, xuống ghe

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

nhỏ, chèo ra tàu lớn. Họ bảo anh em rằng sẽ "được đưa đến an toàn hơn ". Anh em đoán rằng chúng đưa mình vào đất Trung-Cộng.

Tàu chạy được một quãng, chúng lại đưa tất cả sang một tàu lớn hơn. Chúng đưa các sĩ quan Việt-Nam và người Mỹ đi nơi khác. Lúc nào trên tàu cũng có những tên rành tiếng Việt nhòm ngó, ra lệnh.

tới Hairnam (chúng gọi là Hải-nam), họ chuẩn bị một đoàn phóng viên bu lấy anh em khi anh em bước lên bờ.

Rồi họ lại di chuyển anh em tới một nơi khác cũng bằng tàu. Hỏi thăm họ thì bảo đây là Quảng-châu. Anh em từ sông Châu Giang lên bờ vào lúc 8 giờ mồng một tết Giáp Dần.

ĐẤT KHÁCH QUÊ NGƯỜI

mọi người bị bắt trên đảo Hoàng-sa (Pattle) và các đảo khác bị giam chung ở một nơi gọi là "Trại thu dung tù binh", Bộ đội Quảng-đông, tỉnh Quảng-Châu", cách Quảng-Châu 20 km.

suốt trong một tuần, họ chỉ biện hộ cho hành động xâm lăng mảnh đất bé nhỏ, nhưng từ lâu, tiếp nối từ người này sang người khác vẫn trấn giữ.

Dường như họ mang một mặc cảm tội lỗi, nên thường xuyên nói rằng "chúng tôi không xâm lăng". Họ thường nói rằng: "Ai có thắc mắc thì cứ việc phát biểu ý kiến". Tưởng bở, có anh đã dám đứng lên hỏi: "Đất của chúng tôi, chúng tôi đang trấn giữ, các ông đánh chiếm mà lại bảo rằng không xâm lăng? ". Họ trả lời rằng:

"Hoàng-sa là đất của chúng tôi. Từ lâu chúng tôi biết phía nam đảo Hải-nam có một quần đảo. Người chúng tôi đã tới đó vào khoảng năm 1200".

Rồi chúng đưa nào sách, nào vở, nào bản đồ ra. Nhưng anh em mù tịt không biết thứ chữ ngoằn ngoèo đó.

Anh em, nhất là nhữnh anh hải quân, những người có học một chút cãi lại hăng hái:

"Nếu anh bảo rằng các anh biết Hoàng-sa từ lâu, người của các anh tới đó từ lâu, thì cả đất Chợ-lớn, cả miền Đông Nam Á hiện nay là của các anh cả hay sao ?".

Có người vặn lại bọn Trung-Cộng:

"Các anh bảo các anh không phải đế quốc xâm lăng, thế thì ở Tây-tạng, Ấn-độ, các anh đã làm gì ?".

Khi bị hỏi ngược lại, bọn Trung-Cộng thương nổi quạu, la lên: " Các anh khiêu khích chúng tôi

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Thảo luận hai bên đều phải được trao đổi ý kiến. Đằng này, vị thế của hai bên hoàn toàn chênh lệch: một đằng bắt đằng kia nghe và chấp nhận tư tưởng của mình, thì đâu còn thảo luận được nữa. Biết họ bắt mình nghe, chứ không muốn mình phát biểu ý kiến trung thực cả mình, anh em đành ậm ừ cho qua chuyện. Hơn nữa,người nào trình bày ý kiến trái ngược đều bị gán cho là " khiêu khích", cần phải đả thông tư tưởng, bị gọi vào gặp cấp cao là thủ trưởng, hay là tư lệnh quân-đội Quảng-đông gì đó.

Dần dần, anh em chẳng muốn cãi nhiều nữa, vì cứ cãi là bị ngồi nghe lâu hơn, ngủ gục hết trọi.

NGƯỜI VIỆT TINH KHÔN

Họ chia anh em thành từng tổ xo người, dưới sự kiểm soát của hai cán bộ thông thạo tiếng Việt, thường xuyên túc trực bên cạnh.

Hàng ngày cứ bị tuyên truyền bằng miệng và bằng xi-nê chán ngắt. Có bấy nhiêu đề tài mà cứ bị xào đi xào lại hoài. Truyện phim quanh đi quẩn lại cũng bấy nhiêu khuôn mẫu. Phim nào cũng có tình tiết, nhưng bao giờ cũng lồng vào khung cảnh tuyên truyền.

Quá chán ngấy với ba thứ đó,anh em bèn nói khích, để chúng cho ra ngoài trại, cho bớt tù túng. Chúng vẫn thường đề cao tiến bộ kinh tế. Anh em bèn đưa chúng vào tròng:

" Các anh nói nhiều, chúng tôi đâu có thấy gì đâu. Chúng tôi đâu có thấy các anh tiến bộ gì đâu".

Phần vì bị mắc lừa, phần vì muốn tuyên truyền cho những khu trang trí, xếp đặt sẵn, họ cho anh em ra khỏi trại, đi thăm viếng mọi nơi. Anh em chỉ cần ra khỏi trại cho khỏi tù túng mà thôi.

Những màn gài bẫy khác vẫn diễn ra, mà họ vẫn tự dẫn vào tròng.

Lo lắng không biết họ giam đến bao giờ. Hỏi thẳng thì họ đau có dại gì trả lời. Anh em đã làm cho họ bật mí mà họ không hề biết. Có người hỏi :

" Các anh đào luyện một người như chúng tôi thành cán bộ cộng sản phải mất bao lâu ?"

"Mất chừng 10 năm", họ trả lời.

Anh em lắc đầu, tỏ vẻ ngao ngán. Họ bèn bảo:

" Chúng tôi không có ý định đào tạo các anh thành cán bộ, mà chỉ giác ngộ các anh trong ít lâu thôi."

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Thế là đủ rồi, họ không có ý định giam mình lâu dài, thế nào cũng có ngày về.

Ngày xưa, nghe kể lại có những ông quan đi sứ sang Tàu, làm cho người Tàu nể sợ vì trí thông minh , tinh khôn của dân Việt…

Cuối cùng, họ cũng phải trả anh em về Việt-Nam qua ngả Hương-Cảng.

*

Cùng một sự kiện xảy ra, những người chứng có thể tường thuật khác nhau. Tuy nhiên, sự khác nhau chỉ ở những chi tiết nhỏ, những nét lớn vẫn không có gì thay đổi.

Vụ xâm lăng quần đảo Hoàng-sa (Paracels) đầu năm 1974 nhắc nhở mọi con dân Việt-Nam ở nơi này hay bất cứ nơi nào khác rằng hiểm hoạ từ phương Bắc đối với dân tộc Việt-Nam vẫn còn tiếp tục đe doạ sự tồn vong của dòng giống Việt.

TRẦN THẾ ĐỨC

PHẦN ƯU

Nhận được hung tin :

Nhạc Phụ Giáo Sư Phạm Đình Tiếu

Phụ Tá Khoa Trưởng Đại Học Sư Phạm Sàigòn

đặc trách Sinh Viên Vụ

Từ trần lúc 9 giờ ngày 7 tháng 10 năm Giáp Dần

tức ngày 20-11-1974 tại Đàlạt

Thành thật chia buồn cùng Ông bà Phạm Đình Tiếu và toàn thể tang quyến. Cầu chúc hương hồn người quá cố sớm tiêu diêu miền cực lạc.

NHÓM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM VÀ NHÓM CHỦ TRƯƠNG TẬP SAN SỬ ĐỊA

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

THƯ MỤC CHÚ GIẢI VỀ HOÀNG SA

TRẦN-THẾ-ĐỨC, NGUYỄN-VĂN-HƯỜNG, LÂM-VĨNH-THẾ,
NGUYỄN-NHẬT-TẤN, HOÀNG-VIỆT-TÚ
(Trong nhóm Thư Tịch Sử Địa)

Địa danh Hoàng sa dù được gọi ra sao đi nữa, cũng đã cống hiến một đề tài tương đối phong phú, vượt cả hai lãnh vực sử địa và địa lý. Đó là điều mà " nhóm Thư Tịch Sử Địa" chúng tôi nỗ lực sưu tầm và chú giải thư mục liên quan đến đề tài trên, vì thời gian eo hẹp, hiện nay chỉ kịp chú giải một số tài liệu, một số khác cũng xin được liệt kê hầu giúp cho các nhà học giả tiện kê cứu. Ngoài những thư mục do chúng tôi sưu tập, còn một số thư mục chưa được chú giải do học giả Lãng Hồ và Quốc Tuấn cung cấp. Một số thư mục mà học giả Lãng Hồ từ Nhật gửi về bổ túc bài khảo cứu của học giả đăng ở số báo này, nhưng trễ không kịp, nên được đưa vào đây.

Về cách trình bày thư tịch, chúng tôi theo cách trình bày được thông dụng hiện hành Tây phương, nhứt là tại Hoa Kỳ, tuy vậy cũng có đôi chút sửa đổi để thích ứng với Việt Nam. Mỗi loại tài liệu theo lối viết khác nhau, đại khái chia ra các loại: sách, tạp chí, nhật báo, phúc trình, tài liệu chưa xuất bản. Tuy mỗi loại có cách viết khác nhau, nhưng khi sắp xếp không xếp theo các loại tài liệu trên, mà xếp theo:

1. Các tài liệu chữ Hán.
2. Các tài liệu chữ Anh, Pháp.
3. Các tài liệu Việt ngữ.
4. Các văn kiện và các bản đồ.

Nội dung của phần chú giải đặt trọng tâm vào tính chất đặc biệt tài liệu mà niên biểu ngày soạn hay ngày ấn loát, chúng tôi cho là quan trọng được xếp ở hàng đầu, và được sắp xếp theo thứ tự từ năm xưa nhất đến nay.

Hầu hết là những bài báo hay những đoạn văn trong một cuốn sách đề cập đến Hoàng sa.

Một số tài liệu nhất là tài liệu chữ Hán không có đủ chi tiết nơi, nhà xuất bản, năm xuất bản (được thay thế bằng văn soạn)…nên việc trình bày cũng thiếu sót.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

I. CÁC TÀI LIỆU CHỮ HÁN MINH CHỨNG CHỦ QUYỀN VIỆT NAM TẠI HOÀNG SA

Gồm 11 tài liệu chữ Hán của Việt-Nam, rất có giá trị minh chứng chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa. Tài liệu xưa nhất là "Toản Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư", giữa thế kỷ 17, và tài liệu gần đây là Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu (1925). Ngoài ra còn thêm 1 tài liệu Trung Hoa: Hải Quốc Văn Kiến Lục.

Phần tài liệu này thiếu sót nhiều chi tiết về nơi, năm, nhà xuất bản, đặc điểm chung của các tài liệu cổ, nên cách trình bày có tính cách biệt lệ.

1630 Đỗ Bá _____. Toản Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư, quyển chi nhất. _____

Trên 1 bản đồ cổ vẽ vùng phủ Quảng Nghĩa, phủ Thăng Hoa ghi chú những chi tiết quan trọng: danh xưng chữ nôm Bãi Cát Vàng, thương thuyền ngoại quốc trôi dạt, chết đói, hàng hóa để ở đảo, hàng năm họ Nguyễn vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến lấy hàng hóa, phần nhiều là vàng bạc, và tiền tệ.

1744 Trần-Luân-Quýnh, _____ (Trung-Hoa). Hải Quốc Văn Kiến Lục _____

Đã dùng danh xưng Việt Hải, Việt Dương chỉ biển Đông trong có Vạn lý Trường Sa, Thiên lý Thạch Đường chỉ Hoàng-Sa.
Tài liệu cổ điển hình của Trung-Hoa hiện người Trung Hoa cho là tỉ mỉ nhất nói về Hoàng-Sa, nhưng suốt trong nội dung không hề nói việc hành sử chủ quyền của Trung-Hoa ở Vạn lý Trường-Sa, Thiên lý Thạch Đường (hay Hoàng-Sa), trái với tài liệu cổ Việt-Nam) xác nhận rõ ràng việc hành sử chủ quyền của vua chúa, triều đình Việt-Nam tại Hoàng-Sa qua nhiều thế kỷ.

1776 Lê Quý Đôn _____ Phủ Biên Tạp Lục, quyển chi nhị ___ (tờ 78b-79a, tờ 82b-85a).

Lê Xuân Giáo dịch, Sài-gòn: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1972, tr 202-203, tr 208-213.
Gồm 2 đoạn văn khá tỉ mỉ về Hoàng-Sa:
- Các danh xưng Đại Trường Sa, Đại Hoàng Sa, Vạn lý Trường-Sa.
- Tả các sản vật ở Hoàng Sa.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

- Việc thiết lập đội Hoàng Sa của họ Nguyễn gồm 70 suất, lấy người xã An Vĩnh (Quãng Ngãi) và đội Bắc Hải, không hạn định suất người, lấy người thôn Tứ Chính, làng Cảnh Dương. Hoạt động thường xuyên, luân phiên đi, tháng giêng đi, tháng 8 về, thu lượm nhiều sản vật, trong đó có súng, đạn, bạc.

Có bảng liệt kê vật, thu lượm được năm 1702, 1704, 1705, 1709.

- Nhà cầm quyền Trung Hoa đã đối xử tử tế với nhân viên đội Hoàng Sa bị bão trôi dạt.

Đây là tài liệu xưa mà tỉ mỉ nhất về Hoàng Sa.

1821 Phan Huy Chú __ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, quyển chi ngũ* : Dư Địa Chí _____ (tờ 11a-12a).

Tương tự như tài liệu *Phủ Biên Tạp Lục* nhưng giản lược hơn. Hàng năm, thời gian đội Hoàng-Sa khởi hành từ tháng 3 thay vì tháng 1 và cũng tháng 8 trở về.

Đội Hoàng-Sa đem theo lương thực 6 tháng, sống ở Hoàng-Sa thời gian đều tự túc về ăn uống, thường bắt cá lấy mà ăn, lấy nhiều đồ vật quí của thuyền chờ (thuyền bị mắc cạn hay đắm).

1833 Quốc Sử Quán ____ . *Hoàng Việt Địa Dư Chí*, quyển chi nhất ____ (tờ 10b-11b).

Nội dung y hệt *Dư Địa Chí* của Phan Huy Chú, chỉ thêm phần cập nhật hóa một vài tình trạng hành chánh mới của các đơn vị hành chánh, hay thêm bớt vài từ ngữ không quan trọng.

1844 Quốc Sử Quán ____ . *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, quyển chi thập* ___ .

Kể vụ năm giáp tuất (1754) người trong đội Hoàng-Sa gặp gió to, gạt vào Hải Nam, được Tổng đốc nhà Thanh đối đãi tử tế. Tài liệu xác định danh xưng "Vạn Lý Hoàng Sa Châu", các sản vật và việc lập đội Hoàng Sa, và đội Bắc Hải cũng trực thuộc đội Hoàng Sa sang kiểm soát các hải đảo phía Nam tức vùng Côn Lôn, Trường Sa ngày nay.

Tài liệu tóm lược các tài liệu có trước, vụ đội Hoàng-Sa gặp bão, thời gian kê khác tài liệu trước năm giáp tuất (1754) thay vì Càn Long thứ 18 (1753).

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1848 Quốc Sử Quán, *Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đệ Nhất Kỷ quyển chi* 50, 52 ___.

Gồm 2 quyển: quyển 50, quyển 52, có đoạn liên quan đến Hoàng-Sa. Quyển 50 thuật chuyện tháng 1 năm ất hợi (1815), vua Gia Long sai bọn Phạm Quang Ảnh, trong đội Hoàng-Sa, xem xét, đo đạc thủy trình của Hoàng-Sa. Quyển 52 thuật năm bính-tý (1816), vua Gia-Long sai thủy quân và đội Hoàng-Sa ra Hoàng-Sa xem xét, đo đạc thủy trình.

1848 Quốc Sử Quán. *Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ Nhị Kỷ*, quyển chi 104, 154, 165, _____.

Trong ba quyển 104, 154, 165, mỗi quyển đều có 1 đoạn liên quan đến Hoàng-Sa.

Quyển 104 thuật chuyện tháng 8 quí tị (1833), vua Minh Mạng nhận thấy thuyền buôn hay bị hại ở Hoàng Sa, hạ lệnh Bộ Công chuẩn bị phái người dựng miếu, lập bia và trồng cây để cây cối to lớn xanh tốt, người dễ nhận, có thể tránh mắc cạn. Quyển 154, thuật chuyện tháng 6 ất mùi (1835), triều đình V.N. sai cai đội thủy quân Phạm Văn Nguyên cùng phu thuyền thuộc tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, dựng miếu, trước đó đã dựng miếu cổ và tấm bia Vạn Lý Ba Bình. Quyển 165 thuật chuyện năm bính thân (1836) Bộ Công tâu lên vua Minh Mạng về tầm quan trọng của Hoàng-Sa, nơi hiểm yếu, là công việc mặt biển của nước ta, thời trước từng vẽ bản đồ, hàng năm từng sai người đi xem xét, nay đề nghị hàng năm phái quan quân đi trong 1 chiếc thuyền và thuê 4 thuyền dân Quảng Ngãi, Bình Định ra Hoàng-Sa xem xét, đo đạc thật kỹ càng. Vua Minh Mạng y lời tâu, sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật mang bài gỗ mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc dựng bia.

1851 Bộ Công _____. *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*, quyển chi 207 ___ (tờ 25).

Tài liệu thuật chuyện:

Năm Minh Mạng 16 (1835), nhà vua cho xây cất 1 gian miếu ở Hoàng-Sa theo thể chế nhà đá ở phía tây nam còn Bạch-Sa, dùng bia đá (cao 1 thước 5 tấc, rộng 1 thước 5 tấc) và trồng các loại cây.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1876 Nguyễn Thông __. *Việt Sử Cương Giám Khảo Lược, quyển chi tứ* ___.

Thấy danh xưng Vạn lý Trường-Sa. Thuật chuyện nước "Đại Việt từ buổi quốc sơ" lập đội Hoàng-Sa, hàng năm tháng 2 đi, tháng 8 về, kiếm lượm hải vật. Tả sơ lược về Hoàng-Sa. Có miếu cổ lợp ngói, bảng khắc mấy chữ *"Vạn Lý Ba Bình",* quân nhân thường đem những hạt quả phương nam mà vãi để mọc cây làm dấu. Cho biết đội Hoàng-Sa bị bãi.

1910 Quốc Sử Quán. *Đại Nam Nhất Thống Chí,* quyển chi lục : Quảng Ngãi Tỉnh __

Có 2 đoạn liên quan đến Hoàng Sa. Đoạn 1, phần hình thể tỉnh Quảng Ngãi xác định phía đông tỉnh này là Hoàng-Sa đảo. Đoạn 2 phần sơn xuyên nói rõ về Hoàng-Sa với danh xưng Vạn Lý Trường Sa, tả các sản vật, đặt đội Hoàng-Sa, tháng 3 đi lấy hải vật, tháng 8 về và đặt đội Bắc Hải do đội Hoàng-Sa kiêm quản. Xác định đầu đời Gia Long tái lập 2 đội này phỏng theo phép cũ, đến đời Minh Mạng thường sai đi dọ thám đường biển. Năm Minh Mạng 16 ( ) xây chùa, dựng bia, binh lính dân phu đào được đồng lá, đồng sắt ở Hoàng-Sa.

1925 Quốc Sử Quán. *Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu*, ____, quyển chi tam.
Có 3 đoạn viết về Hoàng-Sa.
Đoạn 1 (tờ 97b-98a) viết về việc dựng miếu. Trước đã có ngôi cổ miếu, bia đã khắc Vạn Lý Ba Bình. Vua Minh Mạng ra lệnh dựng miếu và bia ở 1 đồi cát, gọi chung là Bàn Than Thạch.
Đoạn 2 (tờ 104a) thuật chuyện tháng giêng bính thân (1846), vua Minh Mạng sai thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật ra Hoàng-Sa đo đạc, vẽ bản đồ và đan thẻ gỗ dựng mốc làm dấu.
Đoạn 3 (tờ 110a) thuật chuyện hơn 90 thủy thủ Anh Cát Lợi qua Hoàng-Sa bị nạn, cập vào Bình Định, được vua Minh Mạng chu cấp và sai Nguyễn Tri Phương đưa họ đến Hạ Châu để về xứ.

II. TÀI LIỆU ANH PHÁP VỀ HOÀNG-SA

1837 Taberd, Jean Louis. "Note on the Geography of Cochinchina, *" Journal of the Royal Asiatic Society of Bengal*, Calcutta, bộ VI, (tháng 9/1837), tr. 737-745.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1838 Taberd, Jean Louis. "Additional Notice on the Geography of Cochinchina," *Journal of the Royal Asiatic Society of Bengal*, Calcutta, bộ VII, (tháng 4/1838), tr. 317-324.

1900 Madrolle, Claudius. *Hainan et la Côte Continentale Voisine*. Paris: Challamel. Tr. 21-23.
Chuyến du hành của tàu Amphitrite thuộc công-ty Pháp độc-quyền thương mại với Trung-Hoa năm 1698. Trên tàu, một họa-sĩ Ý tên *Ghirardini* đã ghi lại mối xúc động khi đi ngang qua vùng biển Đông của Việt-Nam, gặp một vùng đá ngầm mà họ gọi là *Paracel*. Tàu *Amphitrite* cũng viễn-du sang Á-châu lần thứ nhì năm 1701 với nhiều nhà truyền giáo mang tặng phẩm đến Bắc-Kinh dâng cho hoàng-đế Trung-Hoa. Chuyến đi thứ hai này cũng có đi ngang qua vùng Hoàng-Sa bây giờ. Tài liệu rất hữu ích cho môn lịch-sử Đông-phương thế kỷ XVII.

1901 Madrolle, Claudius. *Les Premiers Voyages Francais à la Chine: la Compagnie de la Chine, 1698-1719*. Paris: Challamel. Tr. 16, 68.
Nhật ký hải-trình của tàu *Amphitrite*, trọng tải 500 tấn, 30 đại bác, chuyên-chở 150 người. Khởi hành ngày 6-3-1698 tại La Rochelle dưới quyền điều-khiển của hiệp-sĩ *De la Rocque*. Sau khi rời Poulo Condor, ngày 15-9 tàu chạy ngang qua *Pracel*, dài độ 10 dặm từ Bắc xuống Nam, vĩ-độ đo được là $12^{o}4'$; phía trên là *Lunettes* $15^{o}25'$. Chuyến đi thứ nhì của Amphitrite dưới quyền điều khiển của hiệp sĩ De la Rigaudière đến vùng Pracel ngày 24-7-1701. Chú-thích của tác giả liên quan đến tên các đảo, nhóm đảo Amphitrite, Croissant, tên các ám-tiêu san-hô. Sách gồm 5 bản đồ, trong đó có một bản đồ của John Thornton.1699 ghi chú vùng *Pracel.*
Tài liệu hữu ích cho môn lịch-sử Đông-phương thế-kỷ XVII.

1923 Salles, A. "Le mémoire sur la Cochinchine de Jean Baptiste Chaigneau", *Bulletin des Amis du Vieux Huế, bộ X, số 2, tháng 4-6-1623, tr. 253-283.*
Trong toàn bộ tập hồi ký này, chỉ có 1 đoạn văn ngắn nói về Hoàng Sa ở phần mở đầu *"La Cochinchine…comprena…et l'archipel de Paracel, composé d'écueils et de rochers inhabités. C'est seulement en 1816 que l'Empereur actuel – Vua Gia Long – a pris possesion de cet archipel.*

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Tuy không đề cập gì nhiều về Hoàng Sa, nhưng với đoạn văn nêu trên Chaigneau quả đã xác định với x niên đại rõ ràng chủ-quyền của Triều Đình Huế trên quần đảo nầy. Theo Salles, tập hồi ký nầy có thể được viết ra vào khoảng cuối thời gian đầu tiên mà Chaigneau phục vụ tại Triều Đình Huế, hoặc vào khoảng đầu thời gian ông v6e2 thăm nước Pháp, sau khi trở về bằng tàu Le Henri. Thời gian này, như vậy, là khoảng 1819 và 1820.

Tập hồi ký này hiện nay được lưu trữ tại Văn Khố của Bộ Ngoại Giao Pháp, dưới đề mục " Asie, Mémories et Documents, Indes Orientales, Chine, t.21, f.228-283".

1927 Krempf, A. " La Forme des Récefs Coralliens et le Régime des Vents Alternants," *Rapport du Conseil du gouvernement sur le Fonctionnement du Service Océ anographique des Pêches de l'Indochine pendant l'Année 1926-1927. Mémoire no 2.* Saigon: Service Océ-anographique de l'Indochine, tr.26-28.

Trong phần trình bày những ám tiêu san hô ở biển Đông- hải tác giả đề cập đến loại ám tiêu của bãi ngầm Découverle thuộc quần đảo Hoàng-sa. Ám tiêu Découverte có hình bán nguyệt khá đối xứng nhau. Giữa là một đầm nước có độ sâu trung bình 25m với hàng tản san hô đang tăng trưởng cách đến 4 hay 5 mét dưới mực nước biển thấp. Tác giả mong muốn giải thích được sự thành lập san hô thành một hàng rào rộng lớn thuộc ám tiêu của vũng Đông-bắc Úc-châu cùng với ảnh hưởng của gió mùa. Tập tài liệu gồm 1 bản đồ bãi ngầm san hô Déconverte và 1 thư mục xếp thứ tự theo năm.

1929 Lapicque, P.A. " A Propos des Iles Paracels," *Extrême-Asie,* Revue Indochinoise Illustrée, số 38, Saigon, tr. 605-616.

Tác-giả là thuyền trưởng viễn-duyên, đề-cập đến chủ quyền của Annam trên đảo Hoàng sa căn-cứ vào các sách cổ như *Géogra-phie de la Cochinchine của Chaigneau, Bulletin des Amis du Vieux Hué, Đại Nam nhất thống chí, Hoàng-Việt địa dư.* Đồng-thời tác-giả cũng đề-cập đến sự từ-chối chủ-quyền bởi nhà cầm quyền địa phương Trung-Hoa nhân vụ những người Tàu cướp đồng trên tàu bị đắm Le Bellona năm 1895 và tàu Imezi Maru 1896.

Ngoài ra, tác giả còn dịch lại một bài báo đăng trên *Quảng châu* báo ngày 20-7-1909, cũng như giới thiệu những công-cuộc nghiên-cứu khoa học của Krempf, sự khai thác hải-sản bởi người Tàu, Việt và phốt phát bởi Nhật-bản.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Phần kết luận cho rằng quần đảo Hoàng-sa có tầm mức quan trọng đối với Đông-dương. Bài-báo gồm 4 bản đồ và 7 hình. Đáng chú ý nhất là bản đồ đảo *Boisée* được vẽ bởi các sĩ-quan Đức trên tàu *Freya* và *l'Iltis* 1881-1883.

1929 Cucherousset, Henri. " La Question des Iles Paracels," *Éveil Économique de l'Indochine*, Hànội, năm thứ 13, số 606 (27/01/1929), tr.1-4; số 622 (19/05/1929), tr.10-11; số 623 (26/05/1929) tr 10-11.

Liên tiếp trong 3 kỳ báo Cucherousset đã nhắc lại lược sử về chủ quyền của Việt Nam trên đảo Hoàng-sa qua những dẫn chứng hết sức cụ thể với các tài-liệu của:

(1) Jean-Baptiste Chaihneau viết *năm 1820* dưới nhan đề " Notice sur la Cochinchine" nói rằng: " Xứ Nam kỳ gồm đất Nam kỳ, đất Bắc kỳ, một, phần của vương quốc Cam Bốt, nhiều đảo ở ngoài khơi, và quần đảo Hoàng-sa… Năm 1916, vua Gia Long thực sự chiếm hữu quần đảo đó".

(2) Đức Giam Mục Jean Louis Taberd viết trong *Journal of the Asiatic Society of Bengal,* tập VI, năm 1837 tr.737 và những trang kế tiếp cùng với 1 phụ bản hình ảnh; tập VII, năm 1838, tr.317 và những trang kế tiếp, đề cập đến quần đảo Hoàng-sa trong phần nói về Địa Dư xứ Nam kỳ (Géographie de la Cochinchine).

(3) Dubois de Jaucigny viết trong *l'Univers-Histoire et description de tous les peuples de leurs religions, moeurs,coutumes. Japon, Indochine, Ceylan xuất bản năm 1850* tại Paris do nhà Firmin Didot, trong đó có đoạn " chúng tôi không kể ra tất cả những đảo thuộc xứ Nam kỳ, chúng ta chỉ ghi nhận ra đây từ 34 năm về trước quần đảo Hoàng-sa (mà người An-nam gọi là Cát Vàng) đã được chiếm cứ bởi các người xứ Nam kỳ".

Cucherousset còn đề cập đến các chi tiết liên quan đến quần đảo Hoàng-sa ghi trong quyển *Nam Việt Địa Dư* tập II, tr.II vào năm 14 triều Minh Mạng và trong *Đại Nam Nhất Thống Chí* triều Duy Tân, tập VI, tr.18b-19a. Việc tàu thí nghiệm De Lanessan tới thảm sát Hoàng-sa vào năm 1925 cũng được nhắc đến.

Quần đảo Hoàng-sa nằm giữa con đường hàng hải Cam Ranh- Hongkong có nhiều đá ngầm thực nguy hiểm, nên gây ra nhiều vụ đắm tàu như vụ tàu Marianna (Đức) đắm năm 1891, tàu Bellona (Đức) đắm năm 1895, tàu Irnegi Maru (Nhật) đắm năm 1896, tất cả

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

đều do công ty Anh bảo hiểm nên họ đã yêu cầu lập hải đăng tại đây. Năm 1899, toàn quyền Doumer cũng phúc trình lên bộ thuộc địa xin phép lập đài hải đăng tại Hoàng Sa. Thep tác giả, quần đảo Hoàng Sa quan trọng vì năm đặc tính sau đây: (I) trạm cho thủy phi cơ lộ trình Saigon- Hongkong-Tourane- Manille, (2) điểm tựa chiến lược cho tàu ngầm khi có chiến tranh, (3) trạm thông báo khí tượng, (4) nơi tránh gió cho tàu đánh cá, và (5) rất giàu phốt phát.

Lý do để tác giả viết loạt bài này là vì có một đại úy, người Anh muốn nhân danh Anh Hoàng đặt chủ quyền Anh lên đảo Sein, đồng thời tác giả cực lực phản đối việc hải quân trung tá Rémy trả lời cho ông Gravereaud nói rằng quần đảo Hoàng-sa thuộc Trung-hoa.

Trên toàn loạt bài, Cucherousset luôn luôn trách cứ chánh quyền Pháp đã quá lơ là trong việc xác nhận và bảo vệ chủ quyền tại Hoàng-sa.

Số báo 622 có 5 hình chụp về sinh hoạt khai thác phố phát của công ty Nhật Bản trước đó. Số báo 623 có 4 hình chụp các tàu đánh cá Hải Nam đang phơi lưới và bắt rùa biển.

1929 Cucherousset, Henri. “Les Droits de l’Annam sur les Iles Paracels et les Devoirs du Gouvernement Protecteur,” *Eveil Economique de l’Indochine*, Hà nội, năm thứ 13, số 627 (23-06-1929),tr.1-2.

Tác giả nhắc lại lới trách cứ về sự lơ là của chánh quyền Pháp và toàn quyền Pasquier, nói về tầm quan trọng của Hoàng-sa, và trích dịch mấy đoạn trong bài của đức Giám Mục Taberd đăng trong *Journal of the Asiatic Society of Bengal.*

Theo tác giả, chánh quyền bảo hộ của Pháp, phải chấp hữu chủ quyền trên đảo Hoàng-sa bằng các hành động:

(1) Vẽ bản đồ tổng quát Hoàng-sa tỉ lệ 1/200.000, vẽ bản đồ chi tiết 1/25.000, vẽ bản đồ hải quân và bản đồ địa chất.

(2) Đặt đài hải đăng.

(3) Đặt trạm quan sát và thông báo khí tượng.

(4) Lập đội biên phòng trú đóng tại Hoàng-sa.

1930 De Lacour, J.et Jabouillé. “Oiseaux des Iles Paracels”, *Mémoire No 3 du Service Océanographique de l’Indochine,* (Saigon: Gouvernement Général de l’Indochine, 1930), 24 trang.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Cả hai tác giả là hội viên của Viện Bảo-tàng Lịch sử Thiên- nhiên theo lời mời của M.A.KREMPF tháp tùng trên tàu Lanessan thuộc Sở Hải-Học Đông-Dương cùng thăm viếng và nghiên cứu qầun đảo Hoàng-sa. Tàu rời Tourane ngày 28 tháng 6-1926 đến 2-7 do bộ đảo *Lincoln* và ngày 3 lên đảo Boissé quan sát cơ sở khai thác phân chim của công ty Nhật từ 1925 nay đã bỏ dở. Tàu có trở lại một lần nữa để lấy mẫu đất phân chim và phần cuối cùng của tài liệu là bản dự án của M.Krempf về các hoạt động của cơ-quan trên vào năm sau.

Các loại chim được nghiên cứu tại quần đảo Hoàng-Sa được chia thành 3 họ: Lairdé, Stéganopodés và đáng chú-ý hơn hết là loại chim đất liền Zosterops hiếm thấy trên đảo Boisée mà người Nam-Việt gọi là *"chim sâu nghệ"*.

Sách gồm 13 loại hình ảnh về thảo mộc, đất, đá của các đảo, trong đó có 3 ảnh màu về các loại chim.

1931 Cucherousset, Henri."Les iles Paracels et la sécurité de l`Indo-chine" *Éveil Économic de l` Indochine*, số 685 (10-05-1931).

Qua bài báo, tác giả chỉ trích một lá thơ của toàn quyền Pasquier khi ông này viết: "Chủ quyền của xứ Annam trên đảo Hoàng-Sa là điều không thể chối cãi được nhưng lúc này chưa phải cơ hội để xác nhận chủ quyền ấy".

Tác giả gay gắt chất vấn toàn quyền Pasequier: "Tại sao nay không phải là cơ hội? Trở lực nào đã ngăn cản xứ Annam nhìn lại chủ quyền trên đảo Hoàng-Sa mà họ đã chấp hữu từ năm năm trước? Có phải chăng đợi đến lúc người Nhật khai thác đến tấn phốt phát cuối cùng? Có phải người Nhật đã trả thù lao một phần nào đó cho ai chăng?

1931 Cucherousset, Henri "L`Indochine axu Paracels," *Ẽveil Économicque de L`Indochine,* số 688 (31-05-1931), tr. 3-4.

Tác giả xác định rõ kinh đô và vĩ độ của Hoàng-Sa và phân quần đảo ra ba nhóm: nhóm Amphittrite, nhóm Croissant, và nhóm Lincoln ở gần bờ nhất chỉ cách Cù Lao Ré 300 cây số và cách Đà nẵng 350 cây số.

Theo tác giả, danh từ chung Paracels và danh từ riêng Paracels đều có định nghĩa trong từ điển Larousse.

Cuucherrousset lại một lần nữa yêu cầu chánh phủ lập trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện, và lập đài hải đăng để hướng dẫn cho tàu biển.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1931 Salé, Gustave. "Les Iles Paracels/ Les Iles Paraels et la Sécurité en Ẽtrême-Orient*," Éveil Économicque de l` Indochine,* số 705 (27-09-1391), tr.7.

Gustave Salé lược thuật lại một bài báo đăng trong tờ *Capital* của ông Bergeon, Thượng Nghị Sĩ và đồng thời là Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hải Quân. Bài của Bergeon viết rằng trước khi Gia-Long cho cắm cờ trên Hoàng-Sa năm 1986 thì đảo không được ai nói tới và hành động của Nam triều có ghi rõ trong văn khố. Mặc dù sao đó xứ Annam không có liên lạc gì với Hoàng-sa và dù năm 1909, Trung-Hoa có lên tiếng đòi chủ quyền, nước Pháp cũng có bổn phận lên tiếng xác nhận chủ quyền bảo vệ các đảo ấy. "Người ta không thể trong hoàn cảnh hiện tại phủ nhận sự quan trọng chiến lược của Hoàng-sa. Trông trường hợp có chiến tranh, sự chiếm hữu Hoàng-sa bởi một lực lượng nước ngoài sẽ tạo mối nguy hiểm to lớn cho nền an ninh Đông Dương".

Tác giả Gustsve Salé ngỏ lời cám ơn Bergeon đã nghĩ tới nền an ninh Đông Dương và còn đề nghị xa hơn nữa là ông Blanchard de la Brosse nên tổ chức những buổi diễn thuyết tại điện Luxembourg và điện Bourbon về vấn đề Hoàng-Sa.

1931 Salé, Gustave. "Les Iles Paracels et la Sécurité en Extrême-Orient," *Avenir du Tonkin,* số 10495 (17-04-1931), tr. 2.

Theo tác giả, trước năm 1816, quần đảo Hoàng-Sa thực sự không ai biết tới.

Năm 1816, vua Gia-Long long trọng cho dựng cờ trên đảo, việc nầy còn ghi rõ trong văn khố triều đình và vì thế, cho dù năm 1909, Trung-Hoa có muốn giành chủ quyền, chánh phủ Pháp phải lên tiếng xác nhận quyền bảo vệ các đảo ấy.

Trong hoàn cảnh hiện tại, không ai có thể phủ nhận sự quan trọng có tính cách chiến lược của Hoàng-Sa.

1932 Lacombe, Alexis Elie. "L'histoire Moderne des Iles Paracels," *Éveil Économique de l'Indochine,* số 738 (22-05-1932), tr. 5-6.

Mở đầu bài báo, tác giả đã khen vị Toàn Quyền Đông Dương một cách mỉa mai rằng đã khéo ru ngủ được Bộ Thuộc Địa hầu dẹp qua 1 bên vụ Hoàng-Sa. Tuy nhiên, về phần tác giả, tác giả thấy cần phải đánh thức mọi người về vụ nầy.

Tác giả nhắc lại vụ tổng đốc tại Quảng Châu đã lên tiếng

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

dành chủ quyền Hoàng-Sa vào năm 1907 khi Nhật Bản công bố tham vọng của họ trên vùng đảo. Năm 1999, tàu Trung-Hoa hai lần đến Hoàng-Sa tháng Avril và tháng Juin, lần thứ nhì nầy họ đổ bộ lên đảo, cắm cờ Trung Hoa, bắn 21 phát đại bác và nhân danh Chánh phủ Trung Hoa họ tuyên bố xâm chiếm toàn bộ các đảo trong vùng. Vị lãnh sự Pháp tại Quảng Châu có thư về Pháp, nêu sự kiện, và hỏi ý kiến chánh phủ phải có thái độ nào hoặc làm ngơ hoặc phản đối nhưng thơ Beauvasi không được ai trả lời cả.

Ở phần kế, Lacombe có nói qua việc công ty hàng hải Nhật bản Mitsui Bussan Kaisha gởi cho Hải Quân Hạm Trương Rémy về chủ quyền của Pháp tại Hoàng-Sa lại được phúc đáp của Rémy vào 24-9-1920 nói rằng ông không tìm thấy văn kiện nào về vấn đề nầy.

Ngày 8-4-1921, Beauvais khẩn điện về Pháp báo tin vụ tổng đốc tỉnh Quảng Đông ký văn thư số 831 ngày 30-4-21 đặt quần đảo Hoàng-Sa trực thuộc hành chánh vào chánh quyền Yaihien, Hải Nam. Kết quả: chánh quyền Pháp không có phản ứng nào cả, làm nhiều người hết sức ngạc nhiên.

1932 Cucherousset, Henri. "Une Perquisition Judiciaire à l'Eveil de l'Indochine ," *Éveil Économique de l'Indochine*; số 743 (26-06-1932) tr. 1-3.

Vì những bài báo lập luận vững chắc và những lỗi chỉ trích toàn quyền Pasquier nặng lời, tòa soạn báo E. E. I đã bị ông Dự Thẩm Bartet ra lệnh khám xét ban đêm để buộc nhà báo nộp cho tòa các hồ sơ liên quan đến vụ Hoàng-Sa.

Cucherousset phản đối cực lực hành động đó và viết rõ trên báo rằng quả thiệt nếu nhà cầm quyền Pháp muốn nghiên cứu thì ông có thể cho tham khảo hồ sơ tại chỗ chớ ông nhất thiết không giao cho phủ toàn quyền.

1932 Cucherousset, Henri. "Histoire Moderne des Iles Paracels," *Éveil Économique de l'Indochine,* 744(03-07-1932) 1-2; 746(17-07-1932), 2-4.

Trong số báo 744, Cucherousset phê bình chua cay chế độ kiểm duyệt báo chí của chánh quyền Pháp nhân vụ tòa soạn bị khám xét và hâm dọa.

Trong số 746, Cucherousset một lần nữa cho thấy nếu không có loạt bài của E. E. I thì có lẽ chánh phủ Pháp sẽ làm ngơ vụ Trung-Hoa chiếm hữu Hoàng-Sa.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Theo tác giả, chánh quyền Pháp phải bảo vệ và duy trì chủ quyền trên Hoàng-Sa, vì những đặc điểm quan trọng của nó (đã đề cập trong nhiều số báo trước).

1933 Pasquier, Pierre. "L'histoire Moderne des Iles Paracels," *Éveil Économique de l'Indochine,* số 741 (12-06-1932), tr. 4-5.

Tạp chí EEI đăng bức thư của Toàn Quyền Đông Dương gởi cho Tổng Trưởng Bộ Thuộc Địa Pháp Quốc. Đại ý bức thơ nói rằng sự quyết định của chánh quyền tỉnh Quảng Đông chỉ là một tiến trình tự nhiên, tiếp theo một chuỗi hành động dọn đường mà Trung-Hoa đã dự liệu. Năm quan trọng nhất trong vụ là 1999 khi tàu của Trung-Hoa đổ bộ lên Hoàng-Sa, dựng cờ, bắn đại bác, và chính thức công bố sự chiếm hữu. Khi ấy chánh phủ Pháp đã lặng thinh, không bày tỏ sự phản kháng nào, điều đó ngụ ý công nhận, cho tới lúc ấy, Hoàng-Sa chưa thuộc về ai cả.

Pasquier có nhắc đến sự kiện lãnh sự Anh ở Bắc-Kinh trách chánh quyền Quảng-Châu đã dung túng cho người Trung-Hoa đến cướp đồ hồi năm 1898 trên hai chiếc tàu bị đắm Bellona và Huneji Maru. Khi ấy, vị tổng đốc Quảng-Châu đã phúc đáp không nhận trách nhiệm vì Hoàng-Sa không thuộc thẩm quyền của Trung-Hoa hay của xứ Annam. Lời phúc đáp mơ hồ nầy đặt ra nghi vấn là chính quyền không hề biết đến chủ quyền của Việt-Nam trên Hoàng-Sa.

Theo Pasquier, chánh quyền Pháp không phải từ chối xác nhận chủ quyền của xứ Annam (mà họ đang bảo hộ) trên Hoàng-Sa nhưng lúc đó không là cơ hội thuận tiện để phản kháng. Vả lại theo hòa ước Bắc-Kinh ngày 10-4-1898, Trung-Hoa đã cam kết với Pháp tôn trọng tình trạng các đảo ở Thái Bình Dương để đổi lấy việc Pháp công nhận chính phủ Trung-Hoa.

Mặt khác, 1 thỏa hiệp giữa Pháp và Bắc-Kinh về vụ Hoàng-Sa cũng không thể thực hiện được vì Hoa Nam đang chịu ảnh hưởng của Trung-Hoa Quốc Dân Đảng. Pasquier nêu ý kiến là nên chờ đợi một lúc khác thuận tiện hơn để nêu vấn đề, và hơn nữa, Hoàng-Sa có thể được dung làm món hang trao đổi trong các vụ thương lượng về nhượng địa với Trung-Hoa.

Bài báo còn kèm nhiều tài liệu hình ảnh mà Pasquier đệ trình cho Bộ Trưởng Bộ Thuộc Địa Pháp.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1933 Clerget, Paul Maurice. " Les phosphates des Paracels". *L`Ẽveil de l` Indochine,* số 785 (23-04-1933), tr. 7-12.

Đây là bài khảo cứu của nhà kỹ sư hầm mỏ Paul Mảuice Clerget, đã được ấn hành trước đây trong tập san nghiên cứu, *Contribution n^{o}* 20, của Institut Océanographique de l` Indochine, dưới nhan đề "Contribution à l`Étude des Iles Paracels: les Phosphates."

Bài gồm những bảng phân chất phốt phát, số lượng có thể sản xuất hàng năm, thành phần hoá học,… với 3 giản đồ vẻ đường biểu diễn, 5 hình chụp, và 5 bản đồ. Bài nầy rất có ích lợi cho việc tìm hiểu về phân phốt phát ở quần đảo Hoàng-Sa.

1933 Cucherousset, Henri. "A la Conquête des Iles Phosphate à Spratley", *L`Ẽveil de l`Indochine*, số 790 (28-05-1933), tr.1-3.

Tác giả Cucherousset tường thuật lại công tác đổ bộ và tìm tài nguyên trên quần đảo Trường-Sa, nhất là việc nghiên cứu phốt phát trên đảo, thực hiện bởi đoàn tàu của Pháp gồm 3 chiếc mang tên l`Alerte, l`Astrolabe và De Lanessan.

1933 Cucherousset, Henri. "La Question des Paracels." *L` Ẽveil de l`Indochine,* số 777 (26-02-1993), tr.1-3.

Tác giả minh xác rõ về những lý do tại sao ông phản đối việc nhún nhường của Toàn Quyền Pasquier trước hành động của Tổng đốc Quảng Đông.

(1) Chánh quyền Quảng Đông không bao giờ được nước Pháp thừa nhận là 1 chánh quyền tự trị.

(2) Chánh phủ nước Trung Hoa ở Bắc Kinh lúc trước, ở Nam Kinh bây giờ, không bao giờ lên tiếng tranh giành quần đảo nầy.

(3) Ngược lại, từ hơn 100 năm rồi, nước Nam đã chấp hữu chủ quyền trên Hoàng-Sa và sự việc nầy có ghi trong văn khố của triều đình Huế.

Hơn nữa, chính quyền Quảng châu không thể đưa vào lý do ngư phủ Trung Hoa thường xuyên ghé đảo để bắt rùa, phơi lưới đã bảo là Hoàng-Sa thuộc Trung Hoa bởi vì ngư phủ Pháp cũng thường làm như vậy tại bờ biển Terre Neuve nhưng Terre Neuve vẫn là của nước Anh.

Cucherousset lại chất vấn vì lẽ gì từ 5 năm qua, quan Toàn Quyền ngăn cản các công ty của người Pháp khai thác phốt phát trên đảo?

Trong 1 phiên họp của Hội Đồng Tư Vấn, để trả lời vị đại

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

biểu của xứ Annam là ông Rigaux, Toàn quyền Pasquier cho biết vụ Hoàng-Sa đã có tiếng vang tại Pháp và vị Tổng Trưởng Bộ Thuộc Địa đã quyết đinhk đưa nội vụ ra tòa án quốc tế La Haye. Cucherousset thắc mắc:

(1) Nếu chỉ vì Trung Hoa đòi chủ quyền trên đảo Hoàng Sa mà Tổng Trưởng thuộc địa phải nhờ La Haye giải quyết, vậy nếu Trung Hoa đòi chủ quyền trên cả Đông Dương thì ông Tổng Trưởng sẽ làm gì?

(2) Từ bao giờ và chứng cớ nào đẻ nói rằng nội vụ đã được đưa sang tòa La Haye?

(3) Ai sẽ đại diện cho Annam trước tòa La Haye?

Cuối cùng, tác giả cho rằng Toàn Quyền Pasquier không là một luật gia và với địa vị cao cả hiện nay, Toàn quyền cũng không có được những khái niệm sơ đẳng về những nguyên tắc cơ bản của chủ quyền.

1933 Savaire-Jourdan, Commandant. “Les Paracels Ifininiment Petits đe Notre Domaine Colonial”, *La Nature,* Paris, năm thứ 61, đệ nhị lục cá nguyệt, số 2916, (001-11-1933), tr. 385-387.

Ngày 19-7-1933, tờ Công Báo đăng một thông tư về việc hải quân Pháp chiếm cứ một vài đảo trong vùng biển Đông Hải, nằm giữa Phi-luật –tân, Bornéo và Đông-Dương.

Tác giả đề cập dến vị trí quan trọng của quần đảo Hoàng-Sa trong vùng Đông Hải và mô tả đại cương các đảo. Tác giả nhấn mạnh đến quyền và bổn phận của Pháp phải bảo vệ các đảo mới chiếm đóng đó, xem như một phần lãnh thổ của xứ “Annam” mà Pháp đang bảo hộ.

Tác giả nhắc lại lịch sử của nhóm quần đảo nầy, từ việc vua Gia-Long cho hải đội đổ bộ và dựng cờ trên đảo năm 1816 cho tới việc Toàn quyền Doumer ra lệnh nghiên cứu lập đài hải đăng trên đảo.

Đáng chú ý nhất là sự kiện xảy ra măn 1909 khi có 2 pháo hạm cỡ nhỏ của Trung-Hoa tình cờ ghé đảo. Ngày 20-6-1909, một bài báo ấn hành ở Quảng-Châu-mà tác giả cho là khôi hài- loan báo sự kiện trên và cho biết 15 bản địa đồ đã được vẽ ra sau cuộc thám hiểm vài giờ (!) cùng với ý định dựng lên 2 hải cảng (!).

Tác giả cũng đề cập đến cuộc nghiên cứu khoa học (san hô, phốt phát, cá…) thực hiện năm 1926, và sau cùng đưa ra 3 đề nghị:

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

(1) Không nên bỏ rơi quyền sở hữu các đảo trên mà hậu quả không đoán được.
(2) Nên thiết lập một hải đăng tốt để hướng dẫn tàu bè.
(3) Lập một trung tâm báo khí tượng.

Bài báo còn kèm 2 bản đồ và 1 hình chụp.

1933 Saix, Oliver A. "Iles Paracels," *La Géographie,* bộ LX,(tháng 11-12-1933), tr.232-243.

Trong 12 trang báo và một bản đồ thật chi tiết toàn vùng biển Đông-Hải và quần đảo Hoàng-Sa, vị thuyền trưởng viễn duyên Oliver Saix đã đưa ra những luận chứng sắc bén, theo đó chánh quyền bảo hộ của Pháp tại Việt-Nam cần bảo vệ và duy trì chủ quyền cho Việt Nam ở quần đảo Hoàng-Sa bởi vì:

(1) Hoàng-Sa là vị trí cần thiết để lập một đài hải đăng cho tàu biển.
(2) Là vị trí đặt đài quan sát khí tượng và trạm vô tuyến điện để kịp thời loan báo tin tức thời tiết và bão cho các tàu bè qua lại trong vùng.
(3) Hoàng-Sa lại chứa rất nhiều nguồn lợi kinh tế: phốt phát, phân chim, cá, rùa biển.
(4) Lợi ích kinh tế về, mặt quân sự.

Hạm đội tàu ngầm đặt căn cứ tại Hoàng-Sa có thể phong tỏa tất cả vùng biển ra vào vịnh Bắc phần và hải cảng Đà Nẵng, cũng như kiểm soát việc tàu bè qua lại giữa các xứ Đông Dương, Viễn Đông, Thái Bình Dương và con đường thủy Saigon- Hongkong.

Ngoài ra, căn cứ hải quân tại Hoàng-Sa sẽ ngăn cản được sự tiếp tế bằng đường biển của Cộng sản vào bờ biển Bắc kỳ và Trung kỳ.

(5) Vấn đề chủ quyền:

- Nhắc lại việc vua Gia-Long cho hải đội Hoàng-Sa đổ bộ lên đảo, dựng cờ, lập cứ điểm.
- Trích ý kiến của cựu Bộ Trưởng Bộ Chiến Tranh (ancien Ministre de la Guerre) Thân Trọng Huề ngày 3-3-1925 nói rằng "các đảo ấy luôn luôn thuộc về Annam; không có gì phải tranh luận về chuyện ấy".
- Dù Trung Hoa có lên tiếng tranh giành vào năm 1909, chánh

quyền Pháp, theo tinh thần của hiệp ước bảo hộ, phải thay mặt Việt Nam để bảo vệ chủ quyền quần đảo Hoàng-Sa.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

-Khi trả lời cho lãnh sự Anh tại Hôi Hao (Hải Nam), các quan lại tại Hải Nam đã xác nhận "Hoàng-Sa không thuộc lãnh thổ của Trung-Hoa".
-Vị lãnh sự Nhật Bản, ông Kurosawa, xác nhận 3 nhóm đảo thuộc quần đảo Hoàng-Sa khôngng thuộc nhóm chủ quyền của Nhật-Bản.

1933 Vivielle, C.J. "Lé Ilots de la Mẻ de Chine". *Monde Colo-nial Illustré*, Paris,t.X. Sept. 1933, tr. 142.4 phụ bản.

1934 Chevey, P. "Iles et Récif de Coraux de la Mer de Chine", *Bullein de la Société dé Etudes Indochinoises,* bộ Ĩ, số 4 (tháng 10-12-1934), Saigon, tr.48-56.

Đây là bài thuyết-trình được tổ chức ngày thứ năm, tháng 5, 1934 do hội Nghiên-cứu Đông-Dương tổ chức. Tác giả là một nhà khoa-học thuộc Viện Hải-học Đông-Dương trình-bày các lý-thuyết thành-lập đảo san-hô của Quoy và Gaimard, Darwin, Krempf, Murray và Agassir. Ngoài ra, buổi thuyết-trình còn giới-thiệu những hình-ảnh do tàu De Lanessan thực hiện khảo cứu 1926-1931. Tác-giả cũng giới-thiệu một quần-đảo xa hơn và cho rằng quan-trọng hơn mà chính quyền Pháp đã chiếm đóng vào tháng 4 rồi do tàu *Alerte và Astrobale*. Tóm lại, đây là công trình nghiên cứu khoa học của Pháp về san-hô có thể so sánh với người Hoa-kỳ ở Bermudes, người Anh ở Laquedives và Maldive (biển Ấn-độ) và người Úc ở Grande Barrière. Đây là một tài liệu gồm nhiều hình vẽ, hữu ích cho bất cứ ai muốn hiểu biết về san hô.

1935 Lacroix, A, *Les Gisements Phosphatés đe grottes et de Filons Remphis Per-Descencum. Les Gisements Superficiels des Iles Mers Équatoriales et Tropicals*. Les réources minérals de la France d` Outre-Mer, Ivè/ Le Phosphate. Paris: Bureau d`Ẽtudes Géo-logiques et Minières Coloniales.

1939 B.B. "Les Iles Spratly" *L`Asie Francaise*. Paris, bộ XXXIX, số 369, (Avril/1939),tr.123-124.

Tác giả đề cập đến cập vị trí quan trọng của quần đảo mô tả thảo mộc, danh xưng các đảo theo bản đồ Pháp-quốc cũng như tên các chuyến tàu đã ghé đến. Tuy nhiên, chính văn của bài báo có nguyên nhân do từ sự chiếm cứ quần đảo trên bởi hải quân Nhật

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

và chứng minh rằng sự khám phá của họ là sai lầm. Tác giả xác nhận chủ quyền chính thức của Pháp trên quần đảo sau nhiều cuộc chinh phục và được đăng vào Công báo Cộng Hòa Pháp quốc ngày 26-7-1933. Sau đó là tình trạng bang giao không tốt đẹp giữa Pháp và Nhật, đồng thời tố cáo bành trướng đế quốc của chính quyền Mikado về phía Nam. Phần kết luận liên quan đến vai trò quan trọng của *Spatly* và *Tempê te* nhằm thiết lập một căn cứ cho thủy-phi-cơ.

1941 Claeyes, Jean Yves "Journal de Voyage aux Paracels". *Indochine,* Hà nội, số 44, (03-07-1941), tr. 7-13; số 45, (10-07-1941), tr.47.

Ký sự của tác giả, nhân dịp theo chuyến tàu *L`Holo thurie* nghiên-cứu khoa học và ngư-nghiệp tại quần đảo Hoàng Sa. Tàu rời bến từ Tourane 3 tháng sau 1941. Bài báo cũng ghi lại tên các đảo, mô-tả thảo- mộc, chim chóc, rùa biển, phân chim và chuyến du hành của chiếc tàu Amphitrite của Pháp sang buôn-bán ở Trung Hoa vào cuối XVII. Tác giả cũng đề cập đến các quyển sách để tham-khảo như *Instrutions Nautiques* và *Lettres Edifiantes et Curieuses des Missionaires de Chine,* và gồm 5 trang hình.

1938-1947 Hải Học Viện Đông Dương. "Température et Salinité de l`Eau de Mer de Sùace Ils Paracels du Mois d`Aoùt 1938 au Mois de Septembre 1939", *Rapport sủ le fonctionnement de l`Institut Océamographique de l`Indochine, năm 1938-1947,* tập thứ 43, Nhatrang.

1951 Serene, Ravul. "Petite Histoire des Paracels", *Sud-Est Asiati-que, Bruxelles,* số 19, (Janvier, 1951), tr.37-42.

Tác-giả, , mặc dù là một nhà hải-sinh-vật học, đã trình bày vị trí, lịch sử chủ quyền của quần đảo theo sử-liệu triều-đình Huế, chủ quyền của chánh-phủ Pháp, công tác thiết lập hải đăng, khai thác phân bón, đài khí tượng. Ngoài ra, một phần quan trọng của bài báo cũng được đề cập đến kỷ-niệm của tác giả, lần đầu tiên đặt chân lên đảo hoang-vu cùng việc thu-nhặt một vài bảng gỗ khắc chữ của các ngư phủ Trung Hoa xin được quyền đánh cá ở một phần đảo và họ cũng được xin được bảo vệ các thuyền bè còn lại, bởi vì vài ngư phủ có thói quen để thuyền ở lại trong 2 mùa cá. Các tấm gỗ này làm vào năm thứ

26 Cộng Hòa Trung-Hoa tức 1937. Bài gồm 1 bản đồ và 8 hình. Đây là một tài liệu khá đặc biệt về chủ quyền đánh cá.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1953 *Rapport du Cabinet de L`empereur Báo Đại Cancernant les Iles Paracels.*

1955 Saurin,. E. "Notes sur les Iles Paracels". *Archives Géologiques du VietNam, no, 3* (Saigon: Centre Nation de Scienti-fique et Techniques), tr. 3-39.

Tác giả tham dự chuyến tàu " Ingénieur an chef Girod" từ 6 đến 22 tháng 7 nhiệm vụ là nghiên cứu thủy học của Hải-quân Quốc gia. Tác giả nghiên cứu về hải-dương, về địa-lý, về chất phosphorite, về sinh môi, về đá thủy tra ở nhiều đảo thuộc cả hai nhóm Croissant và Amphitrite. Sau cùng Saurin đưa đến một kết luận về nguồn gốc của đảo Paracels. Đây là một tài-liệu rất quan trọng cho ngành địa chất. Tập tài liệu gồm 1 bản đồ, 6 hình và thư-mục.

1955 Serene, Raoul." L` Institut Océanographique de Nha Trang at la Zoologie Marine au Vietnam*", Contribution, no.15.* Sài gòn, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 15 trang và 5 trang hình ảnh.

Tài liệu tham khảo quan trọng cho môn hải-sinh-vật học, đặc biệt ở vùng biển Việt Nam.

1956 " La Souveraineté du Vietnam sur les Iles Paracels et Spratley." *Vietnam et ses Relations Internationales,* Saigon, bộ 1, số 1 và 2, (tháng 6-1956), tr.17-25 và 38-39.

1956 "Vietnam`s Sovereignty over the Paracels and Spratley Islands" *Horizon,* Saigon: 1956.

1957 Fontaine, Henri et Lê Văn Hội."Contribution à la Connaisance de la Flore dé Iles Paracels". *Annales de la Faculté des Sciences.* Université de Saigon, tt 133-137.

1957 Saurin, E. " A.Propos des Galets Exotiques des Iles Paracles". *Archives Géologiques du Vietnam no 4.* (Saigon:I.N.D.E.O).

Đề cập đến những loại đá lạ (không có nguồn-gốc san-hô) được tìm thấy ở phía Đông đảo Duncan, 1 viên đá sỏi độc nhất thuộc loại andésite nhặt được ở đảo Rocheuse và 2 viên đá sỏi thuộc loại basalte được tìm thấy năm 1926 bởi A. Krempf trên bờ Đông Bắc đảo Lincoln. Saurin đưa ra kết luận rằng các viên sỏi trên có chung một nguồn gốc là chứng

tích của các ngư thuyền ghé ngang qua và họ sử dụng những viên đá trên vì những lí do phức tạp.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1958 Saurin, E. "Faune Malacologique. Terrestre des Iles Paracels", *Contribution, no 39 de l`Institut Océanographique de Nha-trang Journal de Conchyliologie,* bộ XCVIII, (Paris), tr.69-76.
Tác giả cho rằng cấc động vật nhuyễn-thể có mặt tại quần đảo Hoàng-sa tương đối nghèo nàn vì quần đảo có nguồn gốc mới đây (cuối nguyên đại IV). Tập tài liệu có 1 trang hình các loại ốc và rất quí giá cho môn hải-sinh-vật học.

1959 " The Paracels and Spratley Isles", *Far Eastern Economic Review,* số ra ngày (14-5-1959), tr. 675-676.

1960 Saurin, Edmond, " Gastéropodes marins des Ils Paracels I", *Khảo-cứu niên san Khoa học Đại học Đường* (Annales de Faculté des Sciences), Saigon, 1960 , tt 195-216; năm 1961, tr. 177-198.
Đây là bảng danh sách đầu tiên về loại phúc-túc biển (Gastéropodes marins nhuyễn thể sống ở biển) thu lượm đuocj trên các bãi biển, ở một số đảo và hố sâu thuộc quần đảo san-hô Paracels (Pattel, Robert, Money, Duncan, Drummond, Observation, Antilope, Rocheuse và Boisée) nhân một chuyến đi khảo cứu của tàu thủy học "Ingénieur en chef Girod" thực hiện năm 1953. Cùng chuyến đi này có các ông H.Fontaine, A.Bernard, Scheidec-ker..

1962 Saurin, E. "Lamellibranches des Iles Paracels", *Annales de la Faculté des Sciences.* (Université de Saigon), tr. 435-446.
Nghiên cứu các loại trai sò mà Saurin đã tìm gặp trên những bãi biển thuộc quần đảo Paracels. Điểm đặc biệt của loại trai sò ở Hoàng-Sa là không có hay hiếm thấy tại các bờ biển thuộc đất liền Việt-Nam. Các giống ấy thuộc loại Nhật-Bản và Đại-Dương châu.

1967 Lê Thị Ngọc Thanh, "Consumtion of fertilizers in the past ten years and mineral raw material resources for the fertilizers industry in South Vietnam" (Bài thuyết trình tại Seminar on Sources of Mieral Raw Materrials for the Fertilizer Industry in Asian and the Far East tổ chức tại Bankok, Thái lan từ ngày 4 tháng 11 tháng 12 năm 1967), 8 tr.(ronéo).
Số lượng phân bón đã tiêu thụ tại V.N.C.H trong 12 năm từ 1954 tới 1966 (tính theo số lượng tương đương của chất đạm, phốt-phát và pô-tát). Đề cập tới 1 số khoáng chất, cho biết địa điểm và số dự trữ sẵn có trong xứ có thể sử dụng để chế tạo phân bón nhhuw pyrite, than đá, phốt phát và gypsium.

1972 Roussea, Charles. "Chine, France, Japon, Philippines et Viet-nam: Differérent Concernant l`Appartenance des Iles Spratly-Rappel des Controverses I`Exercise de la Souveraineté sur cet Archipel Survenue de 1933 à 1939 entre la France et let Japon et depuis 1951 entre la

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Chine, les Philippines et le Sud Vietnam- Evolution du Différence au Cours de l` Année 1971-Difficultés Analogues Survenues de 1931 à 1950 1entre le Vietnam et la Chine et depuis 1959 entre le Vietnam et la Chine Relati-vement à l`Appartenance des Iles Paracels."*Revue Générale de Doirt International Public,* LXXVI, 3, (Fuillet-Septembre, 1972).

1972 Workman, D.R. *Mineral resources of lower Mekong basin and adjacent areas of Khmer Repulic, Laos, Thailand and Republic of Vietnam,* Bankok: United Nations Economic Commission for Asia and the Far Eats, 148 tr.

1974 Gozalofacio (ngoại trưởng Costa Rica, kiêm chủ tịch Hội-đồng Bảo-An-Liên-Hiệp Quốc trong tháng 1-1974). *"Tuyên bố HĐBA không thể quyết định vấn đề chủ quyền quần đảo Hoàng-Sa".* Chính luận, số 2978, chủ nhựt 27-1-1974, trang 1 cột 2-7, trang 8 cột 6-8.

Sau khi đại sứ V.N.C.H. Nguyễn Hữu Chỉ nộp đơn ngày 20-1-1974 yêu cầu HĐBA triệu tập phiên họp, ông Gonzalofacio tham khảo ý kiến với 14 hội viên còn lại của HĐBA . Kết quả là 5 nước Costa Rica, Mỹ, Anh, Úc, Ái-nhĩ-lan tán thành họp, 5 nước Trung-Cộng, Nga-Sô, Beylorussia, Iraq, Nam-dương chống và 5 nước không ý kiến. Như vậy không đủ 9 phiếu tán thành để triệu tán thành để triệu tập phiên họp đặc biệt.

Hội đồng Bảo-An nhờ những nước hội viên HĐBA có quan hệ ngoại giao với Bắc Việt hỏi ý kiến Bắc Việt về chủ quyền Hoàng-Sa, nhưng chưa thấy trả lời.

Tài liệu giúp cho việc phân tích vấn đề dưới khía cạnh công pháp.

1973 Võ Long Tê. *Les Archipels de Hoàng-Sa et de Trường-Sa Selon les Anciens Ouvrages Vietnamiens d` Histoire et de Géographie,* ấn-phẩm của Ủy-ban dịch-thuật ngoại-ngữ, Saigon: Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh Niên, 1974, 201 trang.

Tác giả phiên âm kèm nguyên văn và dịc ra Pháp ngữ các đoạn văn trong các sách sử-ký và địa lý cổ, Việt-nam có liên quan đến

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Hoàng-Sa và Trường Sa trước thế kỉ XX minh-chứng chủ-quyền Việt nam trên hai quần đảo đó. Ngoài ra, nước Pháp với tư-cách là quốc gia bảo hộ cũng đã tổ chức cai trị, khai thác và bảo vệ các hải đảo đó cho đến năm 1945. Từ đó đến nay, vùng hải đảo đó hoàn toàn trở nên lãnh thổ của Việt-nam độc lập. Quyển sách biên-khỏ này gồm một thư-mục dồi dào tài -liệu.

1974 "Indochine: Sea of Troubles," *Newsweek,* (28-01-1974), tr.9- Bài báo trình-bày trận hải-chiến theo đường lối cổ-điển giữa VNCH và Trung Cộng mà nguyên nhân trực tiếp là 20 ngư phủ Trung Cộng đã cắm cờ trên 1 đảo hoang vắng thuộc quần đảo Hoàng-Sa. Tuy nhiên, lý do chính yếu khiến Trung Cộng chiếm quần đảo trên không phải là nguồn lợi phân chim mà chính giấc mơ về số lượng dầu hỏa lớn lao dự trữ dưới đáy biển.

1974 "Trouble at Sea". *Newsweek,* (04-03-1974), tr.7.

Bài báo đề cập đến sự kiện Trung-Cộng chiếm giữ quần đảo Hoàng Sa có thể vì trữ lượng dầu mỏ lớn lao dưới đáy biển phía Đông Việt nam. Ngoài ra tranh chấp chủ quyền giữa Nhật và Đại Hàn trên quần đảo *Takashina* đã gây nên tình trạng bang giao quốc tế khó khăn cho các quốc gia có lãnh hải chạy từ Viễn Đông Á Châu đến Đông Nam Á.

1974 Pracels Archipelago: South Vietnam Waships Shadow China Boats (Kyodo Reuter*)" The japan Times* thứ năm 18 tháng giêng 1974.

1971 Lê-thành-Khê. "L` Affaire des Iles Paracels et Spraley devant le droit International". (Paris: Institut International d` Études et de Recherches Diplomatiques, Thèse 3ème cycle), 298 pages (đánh máy), Thư viện ÁE (2 rue Tournon), No 3940.

III. TÀI LIỆU VIỆT NGỮ VỀ HOÀNG SA

1932 "Nước Pháp muốn đòi đảo Tây-sa cho dân Việt Nam ta. Những chứng cớ và lời biện bạch", Nam-Phong, Hà Nội, số 172 (tháng 5-1932), tr. 554-557.

Trình bày chứng cớ chủ quyền của nước Nam do chánh phủ Pháp điều chỉnh với Trung-Hoa và mong muốn Pháp đem chánh sách cương quyết mà đòi Tây-sa đảo cho dân ta. Điểm đặc sắc là một bài của *Hoa-tự-*

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

báo, nhan đề là "chứng minh của Trung-Hoa trên quần đảo Tây-sa mà họ gọi là *slosan.* Cảm tưởng của tác giả đối với bài báo trên và cho rằng vấn đề cương giới sẽ được giải quyết bằng gươm súng.

1932 Vô danh. "Nhân vấn đề đảo Tây Sa nhớ đến nước cổ của ta. Đính chính lại mấy chỗ sai lầm trong các bộ sử", Đông-Thanh, Hà nội số 1 (1-7-1932) tr.4-7.

Nhân cuộc tranh chấp giữa hai chính phủ Trung-Hoa và Pháp, về quần đảo Tây Sa (Paracels), tác giả luận bàn phạm vi lãnh thổ nước tanguye6n từ nói gống Bách Việt cho đến năm Cảnh-hưng thứ 41 (1780) đời nà Lê, p*hần đất Giao-chỉ ta hãm vào Tàu quá nửa.* Tác giả đề nghị nên lấy gốc tích lãnh thổ nước ta từ dòng Bách Việt như Phạm Huy Hổ, thay vì lãnh thổ từ đời Hùng. Cuối cùng, tác giả kêu gọi ý kiến của các nhà học giả.

1934 "Việc trong nước, việc giao thiệp thu hồi quần đảo Tây Sa", *Đông Thanh,* Hà Nội số 1 (1-7-1934), tr. 56-50.

Nhân tin báo Hoa Tự ngày 24 tháng 5 về sự tranh chấp chủ quyền giữa Pháp và Trung-Hoa, tác giả phân tích luận cứ của Pháp theo 3 lẽ 1816 vua Gia Long đến đảo Tây Sa dựng cờ; 1835 vua nước Nam xây tháp chủ quyền; và 1898 nhân vụ cướp đồng ở hai chiếc tàu Anh là Beleon và Vnjomou, chính-phủ tàu đã phủ nhận chủ quyền trên quần đảo đó mà họ gọi là Thất-Châu-đảo. Điểm đặc sắc nhất của bài báo là luận cứ của bộ Hải quân Tàu trả lời bộ ngoại giao Pháp cũng dựa theo nhiều lẽ: 1) bể tại đảo Tây-sa là bể Trung quốc nên biết ngay là đất Trung-Quốc. 2) Vạch đường giao giới giữa Annam và Quảng-Đông xuống phía Nam, đảo Tây-Sa ở cách xa ngoài phía đông con đường ấy. 3) Chỉ có người Quỳnh Nhai (thuộc đảo Hải Nam) làm nghề đánh cá tại đó từ trước.

4) Trước kia, Annam là phiên thuộc Tàu, không lẽ mưu cai trị độc lập, 5) Tây sa có 8 đảo, Bia tháp được dựng có lẽ ở ngoài đảo Tây Sa. 6) Năm 1908, các nhà hàng hải quốc tế có xin chính phủ tàu đặt đèn thám-hải và tháng 4 năm

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

ngoái, tại hộ-nghị Thiên-văn Viễn-đông, nước Tàu được yêu cầu dựng đài thiên-văn.

Tác giả cũng đề cập đến chuyện Ông Savina, một nhà khảo cứu về nhân-chủng có sang chơi đảo Tây-sa ngót 3 năm và nhận thấy rằng người trên đảo ấy có phong tục tập quán, tiếng nói giống người Nam lắm. Tác giả kết-luận rằng việc giao thiệp về cương-giới một nước là một việc quan trọng.

1938 Hoàng-Đạo. "Người và việc; Quần đảo Paracels bỗng niên hóa ra quan trọng". *Ngày nay,* Hà Nội, (24-07-1938), tr. 5.

Nhân vụ tranh chấp quần đảo Hoàng Sa giữa Pháp – Nhật và Pháp – Trung Hoa, Hoàng Đạo đưa ý kiến: "Lấy lẽ mời cũ ra mà nói thì nó là của Annam. Nhưng ở trường quốc tế, người ta không ai theo luật mới cũ cả, nó chỉ là của sức mạnh."

1961 Tân Phong. "Vấn đề chủ quyền trên nhóm quần đảo Tây Sa và Trường sa", *Quê hương,* bộ III, số 27, tr. 178-190.

Tóm tắt vụ tranh chấp giữa V.N.C.H. và Trung-Hoa Quốc-Gia về 2 quần đảo này. Tiếp theo tác giả phân tích tầm quan trọng về kinh tế, quân sự, khí tượng của các quần đảo này. Từ đó ông đi vào ý chánh của bài viết là phân tích các lý lẽ mà các nước đưa ra để giành chủ quyền, xem nước nào có lý nhất. Ông điểm qua các lý lẽ của Nhật-Bản, Pháp, Phi-Luật-Tân, và đặc biệt ông nhấn mạnh đến các lý lẽ của trung-Hoa Quốc-Gia và V.N.C.H. ông bác bỏ toàn bộ các luận cứ của Trung-Hoa quốc-Gia vì các luận cứ này đều mơ hồ, không chứng minh được, hoặc không xây dựng trên những căn bản pháp lý vững chắc (ví dụ sắc lệnh ngày 1-12-47 đặt tên cho 102 đảo).

1962 Thiện-Sinh. "Quần đảo Tây-Sa (Paracels) của Việt Nam hay của Trung Hoa*", Phổ-thông,* số 63 (15-8-1961), Saigon, tr. 109-114.

Tác giả trình bày chủ quyền của Việt Nam từ thời Chúa Nguyễn Phúc Chu, chuyện Nguyễn Phúc Ánh lên thuyền chạy trốn rồi dạt vào đảo hoàng sa. Chúa tôi hái trái lọt lòng, đặt tên là "Phù quân" (Bồ-quân) cho đến khi chính-phủ Nam-triều hạ dụ sáp nhập Hoàng-Sa vào Thừa Thiên thay vì Quảng-Nam như trước kia 1938. Sau đó, tác giả lại trình bày quan điểm của trung-Hoa

bất nhất: trước bác bỏ rồi sau lại nhìn nhận. sự phân tranh chủ-quyền giữa Pháp và Nật cũng đưa đến chính sách cương quyết cho cả đôi bên vào khoảng 1938.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

1970 Phạm Quang Đường. "Vấn đề chủ-quyền trên quần đảo Hoàng-Sa", *Đặc san Địa Dư,* Dalat, số 4 (tháng 11-1970), tr. 37-40. và 72-76.

Tác giả trình bày vị trí và sơ lược tính chất quần đảo Hoàng-Sa, cùng sự tranh chấp chủ quyền với Trung Hoa, Nhật-Bản. Dựa trên lịch sử Triều Nguyễn tới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa Việt-Nam và công Pháp, tác giả xác định quần đảo này thuộc về Việt Nam.

1971 Phạm Quang Đường. "Vấn đề chủ-quyền trên quần đảo Hoàng-Sa", *Đặc san Địa Dư,* Dalat, số 6 (tháng 11-1971), tr. 3-38. và 59-62.

Tác giả trình bày quần đảo Trường-Sa về vị trí, tầm quan trọng và những sự tranh giành của các nước Anh, Nhật, Mã-Lai-Á, Phi-Luật-Tân, Trung-Cộng, Trung-Hoa Quốc-Gia, và Việt-Nam. Tác giả cho thấy người Pháp khi bảo hộ Việt nam đã có nhiều cố gắng để chính thức chiếm đóng quần đảo, trong khi các quốc gia khác không chú ý tới. Tác giả đề nghị V.N.C.H. cần có những hành động tích cực hơn nữa tại quần đảo này.

1972 Đinh-văn-Cư. *Chủ quyền quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa* [Luận văn Tố nghiệp ban Đốc sự], Học viện Quốc gia Hành chánh, Sàigòn,137 tr.

Mở đầu bằng danh sách tên các hòn đảo, đối chiếu Việt, Trung Hoa, Pháp.

Hơn ¼ nội dung nói về khung cảnh địa lý: thiên nhiên, nhân văn, kinh tế, quân sự.

Trình bày cặn kẽ về diễn tiến sự tranh chấp về Hoàng-sa và Trường-sa giữa nhiều quốc gia. Phân tích các lập trường cùng phương thức giải quyết vấn đề cho V.N.C.H.

Một số bảng kê về vũ lượng, nhiệt độ, ẩm độ tại Hoàng-sa của nha khí tượng, 3 bản đồ vẽ và 2 bản phóng ảnh bản đồ xưa của Việt Nam có Hoàng-sa.

1974 Huy Bách. " Cuộc tranh chấp về chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa của Việt Nam Cộng Hòa," *Tập San Quốc Phòng,* nguyệt san, số 46, Sàigòn: tháng 4-1974.tr.3-41.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Tác giả nhìn vấn đề dưới khía cạnh công pháp quốc tế. Sau vụ T.C. xâm lăng quần đảo Hoàng-sa, HĐBA không cứu xét nội vụ. Đồng thời T.H. Dân Quốc, Phi-luật-tân cũng tranh chấp với VNCH trên phương diện ngoại giao về quần đảo Trường-sa, và Trung-Cộng. Chống đối mọi cuộc can thiệp của các cơ quan quốc tế vào nội vụ Hoàng-sa. Tác giả cũng phân tích các dữ kiện lịch sử từ thời Lê Thánh- Tông tới nay dưới khía cạnh công pháp quốc tế và quốc nội để xác nhận các quần đảo trên thuộc về Việt Nam.

1974 Mai Huy. " 52 trên đảo Trường-sa", *Đặc San Công Binh,* số 25 (tháng 5-1974), trang 22-37.

Đây là một bài ký- sự, được thuật lại theo tâm sự của trung úy Thoại- Tài thuộc Công-binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đổ bộ lên đảo Cam –Yết (Nam yít) vào khoảng đầu tháng 7-1973 để xây cất thêm. Ngoài phần ký- sự, tác- giả còn liệt- kê các dữ kiện chứng minh chủ quyền VNCH trên các quần- đảo Hoàng-sa và Trường-sa hteo thời-gian, từ 1638 đến 1963. Bài báo gồm 6 hình chụp các công- tác của Công-binh trên đảo Nam- yết thuộc quần- đảo Trường-sa.

1974 Nguyễn Hữu Lành. " Luật quốc tế và vấn đề quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa," *Tập San Quốc Phòng,* Nguyệt san, Sàigòn, số 46, (tháng 4/1974), tr.71-85.

Tác giả xác nhận chủ quyền của V.N.C.H. trên phương diện luật quốc tế và phương thức giải quyết tranh chấp dưới khía cạnh công Pháp quốc tế. Về phương diện pháp lý quốc tế, việc xác nhận chủ quyền về vị trí kế cận bị luật quốc tế bác bỏ, việc chiếm cứ và hành sử liên tục uy quyền quốc gia được chấp nhận. tại hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa, V.N.C.H. ở vào trường hợp thứ hai. Sự tranh chấp các xung đột có thể nhờ Hội- đồng Bảo- an hoặc nhờ Pháp Viện Quốc- tế.

Sự phân tích vấn đề rất rõ ràng dưới khía cạnh công pháp quốc- tế.

1973 Nguyễn Thành Song. " Hoàng và Trường đều là Việt Nam*," Thời Nay Giai Phẩm,* Sàigòn, (04-03-1974), tr.6-17.

Bài báo được viết, nhân biến cố (19-1-1974) hải chiến giữa Trung- Cộng và Việt- Nam Cộng- Hòa. Sau khi trình bày vị trí quần đảo san hô Hoàng-sa và Trường- sa, tác giả đề cập đến chủ quyền của Việt- Nam theo các sử liệu từ thưở Gia Long đến thời

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

Pháp thuộc và chính phủ V.N.C.H. đối chiếu với luận cứ của pháp luật tân về chủ quyền của họ trên quần đảo Trường- sa, luận cứ của Trung- hoa Quốc- gia và Trugn –Cộng trên cả hai quần đảo Hoàng và Trường- sa. Phần cuối cùng của bài báo là giả thuyết của tác giả về phần mưu đồ của Trung- Cộng trong tương lai.

1974 Trần Việt Sơn " Quần- đảo Hoàng- sa". *Văn nghệ Tiền Phong,* Saigon, số 748 (19-2-1974 đến 25-2-1974), tr.13 và 42.

Tác giả trình bày vị trí Hoàng- sa, liệt kê tên các đảo, mô tả chim và phân chim và nói rõ lý do tại sao Hoàng- sa không thể là căn cứ hải quân được, trừ phi có những công trình sửa sang qui mô. Điểm đáng chú- ý trong bài báo là tác giả trình bày chứng cớ phủ nhận chủ quyền của Trung- hoa ngay từ thời thượng cổ, thời Triệu Đà đến thời Ngô- Quyền. Về phần chứng cớ chủ quyền của Việt- Nam trên quần đảo cũng không có gì lạ so với các bài báo khác.

1974 Từ Minh. " Cuộc tranh chấp chủ quyền trên các quần đảo Hoàng- sa," *Bách Khoa*, Saigon; (tháng 2-1974), tr.9-15.

Tác giả trình bày sơ lược hai quần đảo Hoàng- sa và Trường- sa, cùng xác nhận chủ quyền Việt- Nam trên các quần đảona2y với những dẫn chứng về sự chiếm đóng và khai thác của Việt Nam ở Hoàng- sa từ thời nhà Lê, nhà Nguyễn, sự khước từ của Trung- Hoa về trách nhiệm trên đảo Hoàng- sa, cũng như những văn- kiện pháp lý về Hoàng- sa dưới thời Pháp thuộc. Về Trường- sa, Hoàng Việt Địa- dư chí xác định là phần đất của Việt Nam, sau này người Pháp tiếp tục đặt guồng máy hành chánh. Tác giả cũng phân tích sự hợp pháp của VN dưới khía cạnh quốc tế công pháp.

1974 V.N.C.H. Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi, *Hoàng- sa, Lãnh Thổ Việt Nam Cộng Hòa.* Sàigòn tháng 3-1974. 96 tr.

http://hoangsa.org

BIẾN CỐ HOÀNG SA TẠO PHẤN KHÍCH SÁNG TÁC ĐẠI HÙNG CA

LTS:Biến cố " Cộng hòa nhân dân Trung Quốc " cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa đã làm phấn khích nhiều người Việt Nam yêu nước, cũng đã khiến cho nhà thơ Phạm Thiên Thư sáng tác thơ gồm mười tám ngàn (18000) câu được đặt tên là Đại Hùng Ca. Chúng tôi xin trích 1 đoạn ngắn " Cuộc xuất quân thầm lặng " trong tập 1: "Khởi Từ Sông Hải " với ước mong bản đại hùng ca này sẽ góp phần nuôi dưỡng ý chí lấy lại Hoàng Sa vốn lâu đời thuộc về Việt Nam.

CUỘC XUẤT QUÂN THẦM LẶNG

Rừng mai lãng đãng chim ca
Mây trời giải quyện núi xa viền hồng
Trời thu biêng biếc mênh mông
Cuộn trên rừng điệp trổ bông tím vàng
Trong sương lạc ngựa reo vang
Xuống non cuồn cuộn muôn ngàn ngựa phi
Dẫn đầu là một nữ nhi
Vẽ hoa thanh tú khác gì tơ sương
Nắng mai nhuộm phớt ma hường
Tóc mây buông xõa hai đường thiết tha
Đây trang kiệt nữ tài ba
Trưng-Nhị phó tướng vốn nhà hùng anh
Võ văn thao lược đều rành
Cầm quân Tuyên giáo nhập thành sáng nay
Ngựa dài vó xoãi đường mây
Chia ra khắp ngả đông tây tiến về
Thêm đoàn người ngựa phi kề
Cụ già tóc tựa hoa lê dẫn đầu
Trầm tư dưới chiếc khăn nâu
Trán cao khắc nét giãi dầu nắng sương
Bên sườn lấp lánh trường gươm
Là bà quả phụ Lạc nương anh hùng
Thù chồng mà cũng thù chung
Dạy con thư kiếm binh nhung bấy ngày

http://hoangsa.org/tailieu

Sáng nay dẫn đạo binh này
Tuyên-Tài là việc đợi ngày dấy quân
Một lòng yêu nước thương dân
Nhọc nhằn từ thuở thanh xuân đến giờ
Tuy rằng đầu bạc như tơ
Mà trong ẩn một thế cơ lấy lừng
Hai đoàn quân tách khỏi rừng
Sau lưng chói lọi một vầng thái dương.

PHẠM THIÊN THƯ
(Trích trong"Khởi từ Sông Hát",tập một
Bộ Đại-Hùng-Ca)

TÌM ĐỌC PHẠM THIÊN THƯ:

TRẠI HOA ĐỈNH ĐỒI

-Thi phẩm sáu tám trường thiên ,thứ 11 của Phạm Thiên Thư
-Hơn 100 hình ảnh rực rỡ về Trang Trại Đá Trắng nơi phát nguyên dòng thi ca của tác giả.
-Một tập thơ man mác cỏ ,hoa ,mây ,suối,đồi núi,chim muông của tuổi thơ và chim muông.
-Món quà tết thơ mộng và ý vị .Văn chương ấn hành gửi bán các nước.

CÁO LỖI

Vì thời gian eo hẹp ,cho kịp ngày triển lãm kỉ niệm Hoàng Sa,20/1/1975 cũng như vì khuôn khổ tờ báo có hạn ,chúng tôi tạm gác 1 số bài vở về Hoàng Sa,Trường Sa cũng như mục sinh hoạt văn hóa tường thuật cuộc thăm viến lão thành Năm Châu vào ngày 1/12/1974 của phaí đoàn văn hóa thủ đô do nhóm nghiên cứu và phát huy truyền thống Việt Nam tổ chức cùng một số hoạt động văn hóa khác.Chúng tôi sẽ xin đăng tải vào số tới .Xin chân thành cáo lỗi tác giả và quí bạn đọc.

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

(Tiếp theo trang 6)
thực đã chứng minh đầy đủ quyền thực sự đã thuộc về Việt-Nam từ lâu. Nay " Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa " đã dùng võ lực cưỡng chiếm Hoàng-Sa. Một số các nhà nghiên cứu Trung Hoa đang nỗ lực đưa ra những tài liệu ngụy tạo để bóp méo lịch sử, chà đạp sự thực. Chúng tôi xin lên tiếng mong mỏi nơi lương tri của các nhà nghiên cứu Trung Hoa. Sự phẫn uất của các nhà thức giả Việt-Nam cũng chẳng khác có khi còn mãnh liệt hơn sự phẫn uất của các thức giả Trung Hoa đối với việc nước Nga cưỡng chiếm vùng biên cương phía Bắc Trung Quốc. Bởi Hoàng-Sa không những thật sự là đất đã lâu đời thuộc Việt-Nam mà còn là nơi hiểm yếu, về chiến lược của Việt-Nam, lấy Hoàng-Sa của Việt-Nam chẳng khác nào bóp nghẹt Việt-Nam.

Chúng tôi cũng đặt vấn đề Trường-Sa trước lương tri của các nhà nghiên cứu trên thế giới, xin có thái độ đối với sự chà đạp sự thực lịch sử một cách trắng trợn của người Trung Hoa.

Nếu chỉ cần dùng sức mạnh để giải quyết thì chắc chắn không một quốc gia nào có thể có sức mạnh lâu dài mãi được, chưa kể hiện nay còn có kẻ mạnh hơn và như vậy hòa bình thế giới sẽ luôn bị đe dọa và số phận các nước nhược tiểu bị đe dọa nghiêm trọng.

Chúng tôi cũng đặt vấn đề Hoàng-Sa trước lương tâm của tất cả người Việt-Nam, ở bên này hay bên kia, hãy đặt quyền lợi tối thượng muôn đời lên trên mọi tranh chấp nhất thời, đừng đổ lỗi cho nhau, đừng chia cách, mà hãy nhìn thẳng vào thân phận nhược tiểu để sáng suốt tìm cách bảo vệ di sản của tiền nhân. Vấn đề Hoàng-Sa như thế biết đâu là nỗ lực để tìm hiểu nhau, tôn trọng lẫn nhau không chối bỏ nhau và đi tới việc ngưng chém giết giữa người Việt một cách phi lý và vô ích.

Chúng tôi cũng xin đề nghị bất cứ một chính quyền nào ở Việt-Nam, nhứt là những giới chức có thẩm quyền về giáo dục hay đem vấn đề của Hoàng-Sa vào chương trình học của sinh viên học sinh. Ngày 20-1 sẽ là ngày Hoàng-Sa của Việt-Nam. Thử đặt vấn đề Hoàng-Sa trên đây với cả tâm huyết và chân thành vậy.

NGUYỄN NHÃ

NHÓM CHỦ TRƯƠNG TẬP SAN SỬ ĐỊSA

Chân thành cảm tạ Ông Giám Đốc Nhà Sách Khai-Trí đã khuyến khích, trợ giúp tích cực thực hiện số đặc khảo này. Cũng cảm ơn Đại Tá Giám Đốc Nha Địa Dư Quốc Gia Đàlạt in giúp bản đồ, Ông Giám Đốc Trung Tâm Sản Xuất Học Liệu in giúp một số phụ bản

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

THUỐC BÁC SĨ TÍN VÌ SAO RA ĐỜI

một trăm năm tiếp xúc với văn minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp
g khoa học để khảo cứu dược phẩm trong nước và kiến tạo một nền dược
y học hoàn toàn Việt Nam.
ng thấy khuyết điểm ấy, Bác Sĩ Tín lại nhận định rằng một nước độc lập mà
khoa học cũng phải đứng trên một căn bản độc lập. Nhiều ngành khoa học
i khảo cứu riêng về thổ sản thổ nghi và dân sanh trong nước để áp dụng vào
ngành nông công thương thì mới mong phát triển kịp người.
vậy nên Bác Sỹ đã sang Âu châu du học, tìm hiểu y lý tây phương tận gốc.
ng những năm tòng sự tại các bệnh viện và các khảo cứu viện ở Ba-lê, bác
n đã cố công xem xét các phương pháp chế thuốc của Âu- Mỹ, lại có cơ hội
nghiệm những thảo mộc mà nước nhà gởi sang, lọc những nguyên chất dùng
việc chế thuốc thâu thập những cái hay của người đặng nâng cao giá trị
ng dược phẩm dồi dào của xứ mình.
khi về nước vào đầu năm 1911 ngay trong thời kì chiến tranh, Bác Sỹ Tín
tổ chức một sở bào chế, tìm góp những nam dược giống như dược vật Âu-
chế ra khoa thuốc Bác Sỹ Tín, thích hợp với cơ thể người mình và khí hậu
ệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc ngữ và phát hành khắp tiệm thuốc các
mục đích là để phổ thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống
n cho đồng bào môn thuốc khoa học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.
thái bình vãn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác Sỹ Tín sẽ ấn hành những sách báo dạy
vệ sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy nhược, mong đồng bào
vững sức khỏe và bồi bổ sinh lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC SỸ TÍN

còn có tham vọng:
Trồng cây thuốc Việt Nam và cây thuốc nhập cảng như Ipéca, Quinquina,
..
Xuất cảng những dược phẩm Việt Nam.
Đào tạo những kỹ thuật gia để sản xuất thuốc hóa học theo quan niệm kĩ
ệ hóa quốc gia.

(Viết tại Cholon, tháng 3 năm 1945)

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

ĐÃ ẤN HÀNH SỐ ĐẶC KHẢO VỀ

TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH
(Sử địa số 3,1966, 172 trang)
PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC LÂN BANG
(Sử địa số 5, 1967, 240 trang)
PHAN THANH GIẢN
(Sử địa số 7 và 8, 1967, 288 trang)
QUANG TRUNG
(Sử địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)
NGUYỄN TRUNG TRỰC
(Sử địa số 12, 1968, 176 trang)
KỈ NIỆM CHIẾN THẮNG XUÂN KỶ DẬU
(Sử địa số 13, 1969, 232 trang)
VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG
(Sử địa số 16, 1969, 222 trang)
NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
(Sử địa số 19 và 20, 1970, 312 trang)
200 NĂM PHONG TRÀO TÂY SƠN
(Sử địa số 21, 1971, 232 trang)
ĐÀ-LẠT
(Sử địa số 23 và 24, 1971, 332 trang, 29 phụ bản và 2 bản đồ do Nha Địa Dư Quốc Gia ấnloát)

• Chủ nhiệm : NGUYỄN NHÃ
• Quản lý: PHẠM THỊ HỒNG LIÊN
Giấy phép xuất bản số 6679 BTLC/BCI ngày 23-11-1965 và biên lai chính thức số 291 BTT/NBC/HCBC ngày 12 tháng 3 năm 1970 và văn thư số 1437/BTT/PTTT/BC ngày 15-9-1972 xác nhận tình trạng pháp lý hiện hành. In tại nhà in Văn Hữu, 43/1 Chi Lăng-Gia Định

http://hoangsa.org

http://hoangsa.org/tailieu

sử địa năm thứ X tam cá nguyệt san - Số 29, từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1975

• *Thử đặt "vấn đề Hoàng Sa"* 3
HOÀNG XUÂN HÃN

• *Quần đảo Hoàng Sa* 7
TRẦN HỮU CHÂU

• *Phúc trình về công tác nghiên cứu phốt phát lần cuối cùng tại quần đảo hoàng sa của phái đoàn chuyên viên hỗn hợp Nhật Việt vào mùa thu năm 1973* 19
TRỊNH-TUẤN-ANH

•*Phúc trình cuộc thám sát hòn Nam Yít thuộc quần đảo Trường Sa vào mùa thu năm 1973* 27
THÁI VĂN KIỂM

• *Những sử liệu tây phương minh chứng chủ quyền của Việt Nam và quần đảo Hoàng Sa Trường Sa từ thời Pháp thuộc đến nay.* 32
LAM GIANG

• *Hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa giữa Đông hải* 41
LÃNG HỒ

• *Hoàng Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam* 54
HÃN NGUYÊN

• *Những sử liệu chữ Hán minh chứng chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa qua nhiều thế kỉ* 115
SƠN HỒNG ĐỨC

• *Thử khảo sát về quần đảo Hoàng Sa* 181
Lạp chúc NGUYỄN HUY

• *Hoàng sa dưới mắt nhà địa chất H.Fontaine* 203
VÕ LONG TÊ

• *Phương diện địa danh học của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa* 211
QUỐC TUẤN

• *Nhận xét về các luận cứ của Trung Hoa liên quan tới vấn đề chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa* 217
NGUYỄN NHÃ

• *Hoàng Sa qua vài tài liệu văn khố của hội truyền giáo Ba-lê* 250
Ông và bà TRẦN ĐĂNG ĐẠI

• *Các văn kiện chính thức xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ thời Pháp thuộc tới nay* 274
TRẦN THẾ ĐỨC

• *Hoàng Sa qua những nhân chứng* 295
NHÓM THƯ TỊCH SỬ ĐỊA

• *Thư mục chú giải về Hoàng Sa* 322

Giá: 980$

Công sở: Giá gấp đôi

http://hoangsa.org